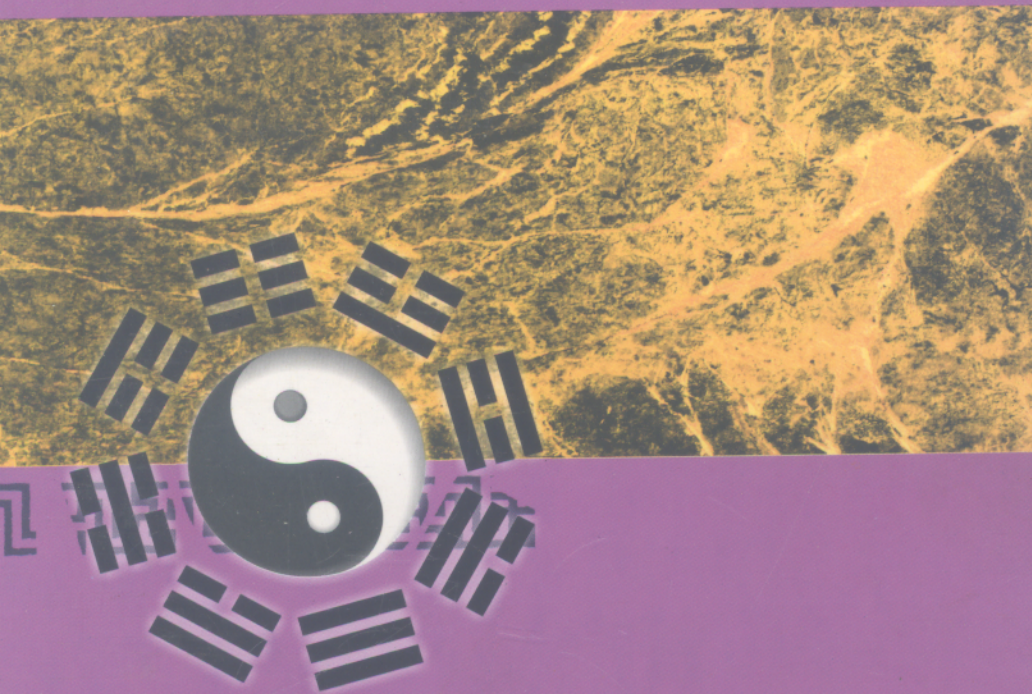


TRIỆU QUỐC HOA - LƯU KIẾN QUỐC

QUYỀN MỬU

thần bí



ĐẠI
DIỄN
TÍCH VĂN HÓA
TRUNG HOA

QUYỀN MƯU THẦN BÍ

Người dịch: NGUYỄN LẠC

HOÀNG VIỆT THẮNG

Dịch từ nguyên bản tiếng Trung Quốc

Nhân dân Quảng Tây Xuất bản xã

Bản in năm 1996

DẠI ĐIỂN TÍCH VĂN HOÁ TRUNG HOA

TRIỆU QUỐC HOA – LƯU KIẾN QUỐC

QUYỀN MƯU THẦN BÍ

(PHÂN TÍCH VÀ PHÊ BÌNH

QUYỀN MƯU HỌC TRUYỀN THỐNG)

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HOÁ THÔNG TIN

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Trong vài năm gần đây, nhất là từ khi chúng ta bước vào thời kỳ chuyển đổi từ nền kinh tế tập trung sang nền kinh tế thị trường, một số hiện tượng mê tín dị đoan, có một thời tạm lắng xuống, nay lại có dấu hiệu xuất hiện trở lại.

Đây đó, những cuốn sách in trái phép như: Tử vi, Tướng số, Lịch vạn sự, Xem tướng tay tướng mặt... được lên lút bày bán.

Kinh nghiệm cho thấy, để chống lại có hiệu quả những tàn tích của văn hoá lạc hậu, cần phải xây dựng một nền văn hoá văn minh, khoa học và tiến bộ.

Với mục đích trên Nhà Xuất Bản Văn Hóa - Thông Tin cho ra mắt bạn đọc phần Văn hóa Thần bí Trung Hoa trong bộ "ĐẠI ĐIỂN TÍCH VĂN HÓA TRUNG HOA". Với nội dung trên, các tác giả - những học giả lớn của Trung Quốc đương đại - đã trình bày một cách có hệ thống những nghiên cứu công phu về những hiện tượng văn hoá mang tính chất thần bí sâu đậm.

Bằng việc vận dụng các quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, với thái độ khách quan khoa học, các tác giả đã chỉ ra những nhân tố hợp lý cần kế thừa trong số các kinh nghiệm và tri thức của người xưa để lại trong các thuật Phong thủy, Trạch cát, Quyển mưu, Chiêm tinh, Chiêm mộng... đồng thời cũng chỉ ra các điểm vô lý mê tín dị đoan, các lý luận mâu thuẫn và phản khoa học trong các hiện tượng đó.

Đây là một bộ sách rất đồ sộ, dày tới hàng vạn trang, trong đó không khỏi có đôi điều thiếu sót, Nhà Xuất Bản Văn Hóa - Thông Tin rất mong được các bạn đọc lượng thứ và góp ý để có được những ấn phẩm tốt hơn.

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN

LỜI TỰA BỘ SÁCH

ĐẠI ĐIỂN TÍCH VĂN HOÁ TRUNG HOA

Văn hoá Trung Hoa không chỉ nổi tiếng vì lâu đời, phong phú, mà còn được người Trung Quốc và nước ngoài ngưỡng mộ vì tính chất thần bí sâu đậm của nó. Nói thần bí, có nghĩa là thần kỳ và bí ẩn. Tất cả những nền văn hoá mang màu sắc thần bí, đều có thể gọi là văn văn hoá thần bí. Tam hoàng ngũ đế, hậu phi thê thiếp, thái giám ngoại thích (họ ngoại nhà vua), thuật sĩ thầy mo, ẩn sĩ tiên nhân, thiện nam tín nữ, bang hội, tam giáo cửu lưu, tam phần ngũ điển, mật tịch cấm thư, dị đoan tà thuyết, âm dương ngũ hành, thiên nhân cảm ứng, kỳ môn độn giáp, tiên tri cấm kỵ, tập tục hủ lậu, xem tướng đoán chữ, luyện đơn dưỡng sinh, chiêm tinh phong thủy, việc lạ chuyện kỳ, vũ thuật khí công, đều là văn hoá thần bí.

Bất cứ văn hóa nào, do tính chất đặc biệt của nó, đều có chỗ đứng nhất định. Văn hoá thần bí Trung Hoa là một bộ

phận quan trọng cấu thành văn hóa Trung Hoa. So với nền văn hoá tao nhã lấy Nho học làm hạt nhân, thì có thể gọi nó là văn hoá đời thường; so với văn hóa quan trường khoa cử, thì có thể gọi nó là văn hoá đại chúng; so với dòng văn hóa chính thống do các nhà cầm quyền đề xướng qua các thời đại, thì có thể gọi nó là mạch ngầm; so với văn hóa hiện đại của nền đại công nghiệp, thì có thể gọi nó là văn hóa truyền thống; so với nền văn hóa Tây phương gió Âu mưa Mỹ, thì có thể gọi nó là văn hóa bản địa.

Trong lâu đài văn hóa, không có một nền văn hóa nào khiến người ta say mê, đắm lấy hồn vía, lôi kéo người ta đi sâu tìm hiểu, khiến người ta ngạc nhiên thán phục như văn hóa thần bí. Hán Vũ Đế trong bài "Thơ du tiên" viết: "Thủy Hoa cứu linh ảo, Dương Tinh trắc thần bí" -Thế nào là "cứu" "trắc"? Cổ kim vội bóp nghẹt bao nhiêu tao nhân mặc khách. Có người từ nhỏ đã dán thân vào đây, như "Tấn thư - Trần Huấn truyện", có ghi: "Huấn từ nhỏ thích đọc những chuyện thần bí, thiên văn lịch pháp, âm dương, xem thời tiết, môn nào cũng tới mức tinh thông". Có người trở thành nhà thông thái, tài cao học rộng như Mao Dĩnh mà Hàn Dũ chép trong "Xương Lê tập" quyển 36: "Dĩnh có trí nhớ tốt, lại kiên trì, biên soạn các truyện, từ thời kết nút dây thừng để nhớ, đến các công việc nhà Tấn, không sót chuyện nào. Âm dương, bói toán, xem tướng, y lý, sắc tộc, sơn kinh, địa chí, chữ viết, đồ họa, cửu lưu bách gia, thiên nhân thư, phù độ, Lão tử, các thuyết của nước ngoài, thấy đều cận kề".

Văn hóa thần bí là một cái kho biển ảo thần kỳ, người theo nghiệp học nhìn thấy ở đây ánh hào quang của trí tuệ: người cầm quyền qua đây mà tổng kết những quyền mưu gìn giữ chính quyền; người kinh doanh lấy từ đây vô vàn của cải; kẻ mê tín thì xin ở đây sợi dây để tự trói mình. Nhìn qua xã hội bây giờ, ở Trung Quốc cũng như ở nước ngoài, không ít người bận rộn với văn hoá thần bí, và thành quả cũng không nhỏ. Rất tiếc và đáng giận, trong cảnh huyên náo ấy, có một số tên vô lại trà trộn vào, chúng là những tên bất học vô thuật, nhưng lại biên soạn những sách nhỏ "Ngũ hoa nhập môn" in giấy nèn để tuyên truyền mê tín, đảo lộn trắng đen, đầu độc dân chúng, nhằm vét tiền đây túi. Kẻ tiểu nhân làm vậy, người quân tử nghĩ sao? Một số người thừa chữ coi văn hoá thần bí là "không phải học thuật" "văn hoá thấp kém", thậm chí cho rằng "thịt chó không thể bày trên mâm chính", sợ ảnh hưởng đến thanh danh cao quý của mình. Mặc cho kẻ tiểu nhân hò hét trên đất bụi, người quân tử nhắm mắt làm ngơ. Thế là, văn hóa thần bí càng huyên hồ, càng xám xịt, càng không thể thấu hiểu, thậm chí rơi vào vũng bùn đen.

Trước tình thế ấy, chúng tôi bắt tay vào nghiên cứu văn hoá thần bí.

Mầu sắc thần bí rất sợ bị sự thật phá vỡ, đồng rác mê tín phải được khoa học quét sạch. Mây mù tư tưởng không thể dùng búa chém chết, những hiện tượng lịch sử phải từ góc độ lịch sử mà giải thích. Những hiện tượng văn hóa thần bí đang

diễn ra trước mắt chúng tôi, là một thể cộng đồng phức tạp, quái gở li kỳ, là hình thái ý thức pha trộn giữa tinh hoa và thô thiển. Nó có truyền thống thâm căn cố đế, có thị trường mà tất cả góc ngách đều lọt vào, có khả năng tái sinh từ suy vi đến hưng thịnh. Từ sau khi nước Trung Quốc mới ra đời, văn hóa thần bí đã một thời bị phiêu bạt, nhưng nó chuyển từ trên mặt đất xuống dưới mặt đất, từ chỗ đang lan tràn rút về tạm thời co lại. Một khi mở cửa, trào lưu lịch sử bùng ra, mạch ngầm này sẽ hóa nhập với phong tục ngoại lai từ Hồng Kông, Đài Loan thừa cơ tràn vào, loang khắp hang cùng ngõ hẻm, tổ chất truyền thống hóa trộn với màu sắc hiện đại, xấu tốt khó mà phân biệt. Nếu không xem xét ngọn nguồn, không làm rõ đúng sai, không hướng dẫn đúng đắn cho quần chúng, thì những phong tục cũ kỹ lạc hậu và những tập tục phong kiến sẽ hồi phục trong dân, nó sẽ bói đen và thay thế dần phong tục xã hội chủ nghĩa đã vun đắp được trong bốn mươi năm, rồi thay thế hẳn. Đây là điều nguy hiểm. Để phối hợp với việc xây dựng nền văn minh tinh thần xã hội chủ nghĩa, phối hợp với việc trừ sáu cái hại, nên tích cực, hành động, nghiên cứu văn hóa thần bí. Nhất là những người làm công tác khoa học xã hội ở bậc cao học, học thuật, phải phục vụ bốn hiện đại hoá, phục vụ cho cải cách, mở cửa, phục vụ xã hội, nhân dân; nghiên cứu văn hóa thần bí là nghĩa vụ và trách nhiệm của chúng ta. Huống hồ, bản thân văn hoá thần bí là một hiện tượng văn hóa, các học giả ở bậc cao học không nghiên cứu thì ai nghiên cứu?

Mấy năm gần đây, chúng tôi đang nghiên cứu "Văn hóa thần bí và Văn minh phương Đông", hai đề tài lớn. Đúng lúc đồng chí Âu Vi Vi (Quảng Tây Nhân dân xuất bản xã) đặt chúng tôi viết: "Những bí ẩn của bát quái - (Chu Dịch)". Sau khi in ra, dư luận đánh giá tốt, rất nhiều học giả và quần chúng công nông viết thư khen ngợi và cổ vũ, mong muốn có nhiều loại sách mang tính khoa học, có tính chất học thuật, để đọc như thế. Để khỏi phụ lòng bạn đọc, chúng tôi quyết định ra loại sách này.

Loại sách này do Vương Ngọc Đức chủ biên, Diêu Vĩ Quân phó chủ biên, được Quảng Tây Nhân dân xuất bản xã hết sức ủng hộ, nhất là được đồng chí Âu Vi Vi, chủ nhiệm Phòng Biên tập văn, sử giúp đỡ cụ thể. Trong loại sách này, chúng tôi cố gắng vận dụng quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, với thái độ khoa học, thực sự cầu thị và phương pháp học thuật nghiêm túc, kết hợp với nhiệm vụ xây dựng văn minh tinh thần, phối hợp với hiện thực xã hội, khai thác tư liệu lịch sử, nghiên cứu một cách nghiêm chỉnh từng vấn đề trong văn hoá thần bí, cần phê phán thì phê phán, cần kế thừa thì kế thừa, để căn bã phải lắng xuống, để hủ lậu hoá thành thân kỳ, để học thuật trong đục rõ ràng, để văn hoá Trung Hoa toả sáng.

Người xưa nói: "Đường đi ngàn dặm, bắt đầu từ đôi chân". Khi loại sách này ra đời, chúng tôi cảm thấy đây mới chỉ là bước đầu của việc nghiên cứu văn hoá thần bí, vất vả

gian truân, đường xa gánh nặng. Do công việc nghiên cứu này mới chỉ khởi đầu, lại thêm trình độ có hạn, loại sách này chắc hẳn có chỗ sai sót, rất mong bạn đọc gần xa thông cảm, giúp đỡ, cùng chúng tôi ra sức nêu cao nền văn hoá Trung Hoa.

VƯƠNG NGỌC ĐỨC

*Phòng Nghiên cứu tư liệu lịch sử
Trường Đại học Hoa Trung-
Tháng 10 năm 1990.*

LỜI NÓI ĐẦU

(CUỐN QUYỀN MƯU THẦN BÍ)

Chân chân giả giả, hư hư thực thực, minh minh ám ám, khúc khúc trực trực. ...

Một bộ sử hai mươi lăm thế kỷ có thể nói là một bộ sử quyền mưu, một bộ sử quyền mưu buồn vui lẫn lộn, một bộ sử quyền mưu ân oán rắc rối, một bộ sử quyền mưu mãnh khoẻ khôn lường, một bộ sử quyền mưu khéo léo kín đáo.

Đọc lướt qua bộ sử bề bộn này, chúng tôi bất gặp biết bao điều kì thú của những người đùa bỡn với quyền lực, rút ra được hàng ngàn câu chuyện mưu kế ứng biến. Có thể nói không ngoa rằng, mỗi một câu chuyện với những giọng nói và sắc mặt độc đáo ấy đều toát lên một phần trí tuệ của người Trung Quốc, đều đáng được coi là một lớp hào quang của nền văn hoá truyền thống Trung Quốc, đều phải trở thành một di sản lịch sử quý báu.

Mỗi một di sản lịch sử quý báu này đều đòi hỏi phong vị thật đáng để mọi người trân trọng, vì vậy, trong một thời gian dài, chúng tôi luôn ấp ủ một niềm khao khát cháy bỏng, đó là biến quyền mưu - phát minh của lịch sử Trung Quốc - thành một môn học, biên soạn

thành một bộ sách phổ thông văn tất, hiến dâng cho những ai ham mê văn hoá truyền thống Trung Quốc, đặc biệt là cho thế hệ trẻ dám tìm tòi, chịu suy nghĩ.

QUYỀN MƯU LÀ GÌ

Quyền, vốn nghĩa là quả cân. Bởi muốn cân một vật nặng hay nhẹ, ắt phải buộc quả cân vào đòn cân rồi di động mới biết được trọng lượng chuẩn xác, cho nên mới có nghĩa mở rộng "Quyền biến" (tuỳ cơ ứng biến), "Quyền nghi" (tạm thời thích nghi), đều có hàm ý mưu kế. Thời xưa, người ta nói đến "Quyền" thì thường nói đến "Kinh". Mạnh Tử nói rằng chuẩn mực hành vi cơ bản giữa nam và nữ là "thụ thụ bất thân", thế nhưng vì chị dâu của mình ngã xuống nước, là em trai chồng vẫn phải đưa tay ra kéo chị lên, đó chính là phép "Quyền nghi". "Xuân thu công dương chuyện" nói: Luật lệ cao nhất trong đời sống xã hội là Kinh nghĩa do nhà Nho đề ra, phương pháp nào không phù hợp với Kinh nghĩa nhưng lại có thể đưa đến kết quả tốt đẹp, chính là quyền. Nói một cách khái quát, Kinh là qui tắc bất di bất dịch, Quyền lại là thủ đoạn thích nghi theo việc.

Mưu, "Thuyết văn" giải thích: "Suy nghĩ vượt qua khó khăn gọi là Mưu". Chữ Mưu ban đầu từ chữ Mẩu mà ra. Sở dĩ như vậy là vì người ta sống ở đời phải luôn suy nghĩ tính toán. Ban đầu, người mẹ suy tính thay cho con mình. Đứa bé mới ra đời, chưa biết nói năng, phải nhờ cậy sự suy đoán của mẹ nó. Khi nó đói rét, mẹ nó cho ăn cho mặc, khi ốm đau, mẹ nó chữa chạy, dạy dỗ nuôi nấng, lo toan chu đáo. "Thượng thư" nói "Minh tác triết, thông tác mưu"

"Kinh thi" có câu: "Phóng ngựa như bay, đến khắp mọi nơi, bàn mưu tính kế". Tất cả đều hoàn ý mưu kế, trù tính kế sách. Do đó ta thấy, Mưu chính là nhằm thắng vào vấn đề cụ thể tìm ra chủ ý hoặc kế hoạch hành động nhằm đạt được mục đích nhất định.

Nói gọn lại, Quyền mưu chính là mưu kế tùy cơ ứng biến. "Quân tử" nói "Bề trên giữ quyền mưu thì những kẻ gian trá trong đám quan lại tới tở mới nghe theo:", "Cho nên những người cai quản đất nước dùng nghĩa thì làm vương, dùng tín thì làm bá, dùng quyền mưu thì suy vong". Lưu Hưởng nói trong "Chiến quốc sách tự lực": Mạnh tử, Tôn Khanh là những kẻ sĩ Nho thuật bị đời ruồng bỏ, còn kẻ du thuyết Quyền mưu thì được đời thường quý trọng. Tất cả đều nói theo khái niệm đó. Điều đó chứng tỏ Quyền mưu không phải là Mưu lược nói chung mà là một bộ phận của Mưu lược. Nó mang đặc tính tùy cơ ứng biến. Trong số những từ ngữ người ta quen dùng, có rất nhiều từ có ý nghĩa giống hoặc gần với Quyền mưu. Một là Quyền thuật, hai là Quyền số, ba là Quyền lược. Quyền thuật và Quyền mưu thường được sử dụng nhất, có điều Quyền thuật hàm nghĩa có phần xấu, Quyền mưu không phân tốt xấu. Về Mưu lược mà người ta hay nói đến, nội dung rộng hơn nhiều so với Quyền mưu. Nó bao gồm hai lớp: Mưu là cái kế tạm thời, lược là sách dài lâu. Về cơ bản Quyền mưu chỉ hạn chế ở lớp trước. Đương nhiên trong tâm chí của nhiều người, do không phân biệt được hai lớp này, nên thường dùng lẫn lộn Quyền mưu với Mưu lược.

Dù là Quyền mưu hay là Mưu lược, về cơ bản đều không phải là một thực thể, mà là sự thể hiện một năng lực và kỹ xảo. Nó không như vũ khí nguyên tử, con tàu vũ trụ, được cấu trúc hỗn hợp của hệ thống vật cứng và vật mềm, mà là sự kết cấu đơn thuần nhờ

vật mềm, chẳng hạn như hành vi đẩy hiệu ứng như có quỹ thân run rủi, lời lẽ hài hước, thậm chí một bước chân, một ánh mắt, chỉ trong tích tắc có thể chi phối hành động của đối phương, đạt được mục tiêu mà mình mong muốn. Cho nên, Quyền mưu - kết cấu vật mềm phản ánh năng lực và kĩ xảo ứng biến theo hoàn cảnh của con người trong đời sống xã hội này có thể trở thành chiếc chìa khóa giúp người ta thoát khỏi khốn khó, mở cánh cửa của sự thành công.

VẤN ĐỀ QUYỀN MƯU VỚI CON NGƯỜI

Trong giới tự nhiên, hết thảy động vật đều sinh tồn theo bản năng của mình. Con chim ưng có thể bay lượn trên bầu trời lồng lộng, thoát cái bắt được con gà đồng trên mặt đất. Con cá nhám có thể lặn xuống đáy biển sâu thẳm, hung hãn săn bắt các loài cá bơi lội trong nước. Con chó săn có thể lùng sục khắp cả vùng đất rộng lớn, rượt đuổi theo mục tiêu của mình. Con khỉ biết lên sân khấu biểu diễn các tiết mục xiếc. Tất cả đều chỉ là phản xạ theo bản năng của chúng. Thực tế, con chim ưng, con cá nhám, con chó săn, con khỉ không hề có một chút lý tính nào. Ngược lại, con người là loài động vật cao cấp có tư duy phát triển, ngoài tất cả những bản năng sinh lý còn mở rộng vô hạn nhu cầu sinh tồn, do đó có lý tính đầy đủ. Con người vừa phải không ngừng đối mặt với thách thức của thiên nhiên, lại phải biết gắn gũi vào lúc này hay lúc khác. Cho dù là quan hệ cá thể hay là quần thể, khi thì biểu hiện ra bằng sự đi lại hoà thuận, khi thì biểu hiện ra bằng cuộc xung đột bạo lực, khi thì từ bạn bè kết nghĩa biến thành thù địch, khi thì từ xa lạ mà chuyển sang gắn gũi thân thiết. Chính trên mạng lưới quan hệ phức tạp rắc rối này đã kết từng quả từng quả Quyền mưu.

Trong thời đại xa xưa, loài người vì sức sản xuất vô cùng thấp kém, với thiên nhiên khắc nghiệt, vấn đề đầu tiên là dựa vào quan hệ huyết thống nhất định kết thành tổ chức xã hội thuần phác để mưu cầu tư liệu vật chất sinh tồn. Vì vậy trong nội bộ tổ chức thị tộc hoặc bầy đàn nguyên thủy, giữa cá thể với quần thể hoặc giữa cá thể với nhau nếu nảy sinh vấn đề quan hệ thì hầu như không phải dùng đến Quyền mưu gì, ngay cả hoạt động báo thù cho người ruột thịt giữa quần thể với quần thể, do mục đích của nó rất giản đơn, thủ đoạn mà hai bên áp dụng lại vô cùng sơ sài, cũng không mang hoặc có rất ít tính chất quyền mưu. Cho nên, trong một thời kì rất dài trước đây, người ta thường coi việc đua奔走 với mưu mô quyền lực là việc của các hoàng đế về sau. Chẳng hạn như các học trò của Khổng tử đều cho rằng: Tam hoàng ngũ đế có công tâm mà không có tư ý, có lòng thành thật chứ không có mưu mô thủ đoạn. Lại như đầu thời Đường, Lí Tĩnh và Thái Tông khi bàn việc binh đã chỉ rõ: "Từ Hoàng đế đến nay, trước thì đúng đắn mà sau thì quái lạ, trước thì nhân nghĩa mà sau thì xảo trá". Đại để bắt đầu từ thời kỳ này, xã hội Trung Quốc từng bước đi vào thời đại văn minh. Thế là xung đột giữa các quốc gia, tranh chấp giữa các dân tộc, sự đảo lộn quyền lực chính trị, sự thăng trầm trong buôn bán kinh tế và quan hệ giao tiếp muôn màu muôn vẻ của con người, tất cả đều trở thành những mảnh đất phì nhiêu cho Quyền mưu nảy sinh. Do vậy, chúng ta nói rằng Quyền mưu là sản phẩm của lịch sử xã hội phát triển đến một giai đoạn nhất định.

Người ta thường cho rằng, hoạt động của con người bao gồm hoạt động sản xuất, hoạt động xã hội, hoạt động thực nghiệm khoa học. Hoạt động sản xuất là cơ sở con người nhờ đó mà sinh tồn và

phát triển, hoạt động thực nghiệm khoa học lại là biện pháp chủ yếu để con người nâng cao nhận thức và năng lực cải tạo thiên nhiên. Về cơ bản, hai loại hoạt động này thể hiện quan hệ con người với thiên nhiên. Khác với nó, hoạt động xã hội của con người liên quan đến các mặt của cả xã hội, như chính trị, kinh tế, quân sự, tôn giáo, giáo dục, gia đình, hôn nhân v.v... Một người chỉ cần có bộ não bình thường, dù là tham dự vào loại hoạt động nào tất nhiên đều có mục đích nhất định. Để đạt được mục đích của mình, họ không thể không trù tính cho hành vi của mình: chọn con đường nào, dùng biện pháp gì. Cứ thế, bằng đặc trưng có tính ý chí, cuộc sống xã hội buộc con người trước khi tham gia một hoạt động nào đó, hoặc trong khi tiến hành hoạt động này đều cần phải có sự phân tích về nhiều mặt, từ nhiều góc độ, trên cơ sở đó có quyết định cuối cùng. Trong xã hội truyền thống Trung Quốc, hoạt động tư duy này chứa đựng thành phần Quyền mưu trên một mức độ rất cao, đặc biệt là chế độ chuyên chế, và sự lộn xộn do nó gây ra càng làm cho lĩnh vực chính trị dường như không đầu vàng bóng những linh hồn Quyền mưu đang nhảy múa và hiện diện suốt từ đầu đến cuối. Vì vậy, Quyền mưu là một hoạt động tư duy của con người tham gia vào đời sống xã hội.

Mặc dù vậy, chính lý và nghiên cứu Quyền mưu này sinh trong lịch sử Trung Quốc thì có thể từ một mặt bên hiểu được trí tuệ của người Trung Quốc trong xã hội truyền thống. Trí tuệ có "Một", Quyền mưu thì lại "Nhiều". Từ trong cái "Nhiều" của Quyền mưu tùy cơ ứng biến này có thể lộ lên tia khúc xạ "Một" của trí tuệ. Từ đó đi sâu nghiên cứu thêm sẽ nhận thấy nhiều điều bí hiểm trong văn hoá truyền thống Trung Quốc.

CẤU TẠO CỦA QUYỀN MƯU

Mối nhìn, Quyền mưu trong đời sống xã hội biểu hiện ra với thiên hình vạn trạng, trắng đen lẫn lộn đến nỗi nhà nghiên cứu cảm thấy không biết bắt đầu từ đâu. Nhưng nếu thử làm một số ca giải phẫu thì dễ dàng phát hiện ra cơ cấu của một số Quyền mưu đều bao gồm bốn nhân tố như sau:

1 - Chủ thể Quyền mưu, chỉ phía nghĩ ra và vận dụng quyền mưu. Họ cùng khách thể Quyền mưu tạo thành một cặp mâu thuẫn, trong hoàn cảnh nhất định vẫn phải dựa vào Quyền mưu để đạt được một mục đích nhất định.

2 - Khách thể Quyền mưu, chỉ phía bị Quyền mưu nhằm vào hoặc chi phối. Họ là đối tượng nhận thức và thực tiễn của chủ thể Quyền mưu, trong trường hợp nhất định, tất nhiên có phản ứng này nọ với Quyền mưu.

3 - Trường Quyền mưu, là những điều kiện khách quan làm chỗ dựa của mưu kế, bao gồm thời gian, địa điểm, tình hình cụ thể. Thời gian nào, địa điểm nào, tình hình như thế nào, cấu thành một trường hợp. Cả hai phía đều có vai trò quan trọng như nhau đối với Quyền mưu, tức quyết định tìm ra và vận dụng Quyền mưu và có phản ứng cần thiết đối với mưu kế của bên kia. Có thể nói là cơ sở vật chất để xác lập Quyền mưu.

4 - Bản thể Quyền mưu là năng lực và kỹ xảo của con người tùy cơ ứng biến trong một trường Quyền mưu. Năng lực và kỹ xảo này bắt nguồn từ hoạt động tư duy của mỗi người và do đó kéo theo tâm hồn của người đó. Tâm hồn của mỗi người là một vũ trụ tí hon không giống một ai, như một đứa bé chưa trưởng thành thoải mái

phóng túng không thành thể thức. Vì vậy, chúng ta không thể dễ dàng nắm bắt được bản thể Quyền mưu. Khi bạn lấy được nó từ giữa rất nhiều mưu kế và cầm chặt trong tay, bạn vẫn cảm thấy nó vẫn vô hình như trước. Nhưng tâm hồn của con người đầy đó đều có mối quan hệ "đồng cấu đối ứng". nó có thể thể nghiệm được sự tồn tại của bản thể Quyền mưu. Ngoài sự "chợt hiểu" bằng trực quan này, con người còn có thể nhận thức và lý giải được bản thể Quyền mưu thông qua sự phân tích và quy nạp lô gích. Nếu có sự tu dưỡng lý tính và kinh nghiệm tốt, đứng trước bản thể Quyền mưu, người ta vẫn có thể đạt tới giới hạn của "trong lòng thì muốn mà không được vượt quá". Giữa các nhân tố của Quyền mưu, bản thể Quyền mưu là hạt nhân, là nơi tồn tại của tính quy định của Quyền mưu. Coi Quyền mưu là một môn học thì phải đặt trọng tâm nghiên cứu vào bản thể Quyền mưu.

Chúng tôi biên soạn "Quỷ bí đích Quyền mưu" chính là xuất phát từ ý nghĩa đó.

Nhìn chung chủ thể và khách thể của Quyền mưu là nhân tố con người, luôn luôn ở vào vị trí thống nhất đối lập. Chúng dựa vào nhau mà tồn tại, không có chủ thể thì không có khách thể; ngược lại không có khách thể thì cũng không có chủ thể, cả hai cùng tồn tại trong một trường Quyền mưu. Chúng loại trừ nhau, sự tồn tại của chủ thể Quyền mưu là để chiến thắng khách thể, khách thể Quyền mưu tồn tại lại là để đánh bại chủ thể Quyền mưu. Chúng có lợi ích và mục đích khác nhau, làm cho chúng luôn rơi vào tình cảnh tranh giành nhau thậm chí một mất một còn. Có điều, là một cặp mâu thuẫn, chủ thể Quyền mưu đại diện cho mặt chủ yếu của mâu thuẫn, còn khách thể Quyền mưu đại biểu cho mặt thứ yếu của mâu

thuần. Chủ thể Quyền mưu chiếm địa vị chủ động, có vai trò chi phối khách thể Quyền mưu. Khách thể Quyền mưu ở vào thế bị động, có vai trò nhất định chống lại chủ thể Quyền mưu. Vai trò chi phối và vai trò chống đối này chỉ thể hiện trong thực tế vận dụng của Quyền mưu và không hoàn toàn quyết định kết quả cuối cùng của mỗi một Quyền mưu.

Kết quả cuối cùng của mỗi một Quyền mưu đều được quyết định bởi tập hợp các nhân tố Quyền mưu. Về chủ thể Quyền mưu mà nói, phải chăng đã thấu hiểu tình hình cụ thể của khách thể Quyền mưu? Liệu có thể phân tích chính xác và lợi dụng được trường Quyền mưu? Vận dụng Quyền mưu đã đúng lúc chưa? Làm thế nào đối phó và xử lý việc chống lại của khách thể Quyền mưu? Có thể nói đây là những điểm mấu chốt để chiến thắng khách thể Quyền mưu. Về khách thể Quyền mưu mà nói, phải chăng đã nắm được tình hình cụ thể của chủ thể Quyền mưu? Có thể phân tích chính xác và lợi dụng trường Quyền mưu được không? Có kịp thời nhận biết và kịp thời phá tan Quyền mưu hay không? Làm thế nào phản ứng có hiệu quả chống lại chủ thể Quyền mưu? Có thể nói đó là những điều then chốt để đánh bại chủ thể Quyền mưu. Về bản thân Quyền mưu mà nói, nó là hạt nhân của Quyền mưu, giống như sợi lông trên người Tôn Hành Giả, có thể "lấy một chọi mười", nảy sinh vô vàn mưu kế. Cho nên, hai bên Quyền mưu, ai nắm bắt được nó, ai nhận thức được đầy đủ những đặc trưng linh hoạt, biến động của nó, sau đó kịp thời có hành động hoặc phản ứng có hiệu quả, người đó sẽ trực tiếp quyết định kết quả của vận dụng Quyền mưu. Về trường Quyền mưu mà nói, với thời gian và địa điểm nhất định, cố nhiên có thể được cả hai bên cùng đồng thời lợi dụng, nhưng

chúng có ảnh hưởng khác nhau trong việc vận dụng hay không chế Quyền mưu, nhất là ưu thế tình hình cụ thể của hai bên thường không nghiêng về bên này thì nghiêng về bên kia. Nếu không nhận thức được điều này và có ngay hành động tương ứng, dù là bên nào cũng đều khó mà giành được thắng lợi.

Chính vì chủ thể Quyền mưu, khách thể Quyền mưu và trường Quyền mưu khác nhau và mối liên hệ đan xen phức tạp giữa chúng, nên mới có những Quyền mưu có hạt nhân khác nhau hoặc có cùng hạt nhân giống nhau, được biểu hiện hoàn toàn khác biệt muôn màu muôn vẻ trong đời sống xã hội.

PHƯƠNG THỨC TRUYỀN ĐẠT CỦA QUYỀN MƯU

Mọi người đều biết rằng bất kỳ một môn nghệ thuật nào cũng đều thuộc về phương thức biểu đạt của bản thân nó. Chẳng hạn âm nhạc biểu đạt tư tưởng tình cảm của con người bằng nhạc âm có tổ chức. Nhảy múa phản ánh cuộc sống xã hội hiện thực bằng động tác có tiết tấu. Điện ảnh dùng ánh sáng mạnh chiếu liên tục những hình tượng quay được lên màn ảnh. Kịch thì do diễn viên thể hiện trên sân khấu các loại mâu thuẫn của đời sống con người. Trong vườn hoa nghệ thuật, dù cho đề tài giống nhau hoặc kịch bản gốc giống nhau, do phương thức biểu đạt không giống nhau chẳng hạn như tổ chức của đạo diễn và chỉ huy, trình độ diễn xuất của diễn viên, giai điệu của âm nhạc, thiết kế điệu múa, sự bố trí khác nhau về ánh sáng, tiếng động, phục trang, mỹ thuật, sẽ đưa lại hiệu quả nghệ thuật khác nhau: có khi khiến người xem (hoặc người

nghe)ngáp ngán ngáp dài, có khi được người xem (hoặc người nghe) đập bàn khen hay.

Quyền mưu cũng vậy. Quyền mưu trở thành một môn nghệ thuật thể hiện năng lực và kỹ xảo tùy cơ ứng biến của con người, cũng như các bộ môn nghệ thuật âm nhạc, múa, điện ảnh, sân khấu cần phải có phương thức biểu đạt thích hợp với nó, Quyền mưu không thể không có phương thức biểu đạt (hay còn gọi là phương thức thực hiện) của bản thân nó. Quyền mưu có "Dự mưu" được trù tính sẵn trước khi vào việc, có "Tức mưu" nảy sinh tại chỗ trong khi tiến hành một hoạt động. Dù là Dự mưu hay Tức mưu, phương thức truyền đạt của nó đều không ngoài hai loại: hành vi và ngôn ngữ. Trong đời sống xã hội, người ta vận dụng Quyền Mưu hoặc bằng hành vi giành chiến thắng hoặc dùng ngôn ngữ để phơi bày ý đồ, hoặc bằng sự kết hợp của cả hai. Là phương thức biểu đạt Quyền mưu, hành vi là hoạt động bị bản thể Quyền mưu chi phối mà biểu hiện ra bên ngoài. Trong toàn bộ lĩnh vực đời sống xã hội. Hành vi của con người đao to búa lớn cũng có, dè dặt cũng có, có từ gần ra xa lại có từ xa đến gần, có công khai có bí mật, có thật có giả, trước mạnh sau yếu cũng có, trước yếu sau mạnh cũng có, có thực tại lại có trống rỗng, có khi tiến về phía trước có khi lùi về phía sau, có hành vi quyết liệt có hành vi mềm dẻo, có khi bằng con đường trực tiếp có khi bằng con đường gián tiếp, có hành vi theo trình tự xuôi lại có hành vi theo trình tự ngược... Hành vi muôn màu muôn vẻ, hoặc bản thân nó đã tiêu biểu cho một loại mưu kế, hoặc mang sắc thái của Quyền mưu, hoặc hoàn toàn không liên quan gì đến Quyền mưu. Phân biệt như thế nào? Phải xét xem hành vi cụ thể có bị bản thể Quyền mưu chi phối hay không, tức là phải chăng nó chứa đựng

hạt nhân của Quyền mưu? Trong một trường Quyền mưu nhất định, trước khi hành động hoặc trong quá trình hành động, người ta tự phát hoặc tự giác sử dụng năng lực và kỹ xảo sẵn có của bản thân để thoát nạn, mở cánh cửa thành công. Loại hành vi này thuộc về phương thức thực hiện Quyền mưu, đồng thời thuộc về nội dung nghiên cứu của chúng ta.

Có khi Quyền mưu phải thực hiện thông qua ngôn ngữ. Ngôn ngữ là phương tiện riêng của con người dùng để biểu đạt tình cảm, giao lưu tư tưởng. Xưa kia thường chia ngôn ngữ thành hai loại: ngôn ngữ sách vở và ngôn ngữ nói, nhưng trong đời sống thực tế ngôn ngữ nói chiếm phần lớn. Dù là loại nào, ngôn ngữ của con người có nghiêm túc lại có hài hước, có khiếm tốn lại có ngạo mạn, có khúm núm nịnh bợ lại có phê phán can ngăn, có chân thực lại có nhảm nhí, vừa có nghi vấn lại vừa có giải thích, có câu khiến lại có cảm thán; vừa có rành mạch dứt khoát lại vừa có nhập nhằng úp mở... Trong số đó, ngôn ngữ hài hước có tư cách làm phương thức thực hiện Quyền mưu nhất. Trong một trường Quyền mưu nhất định, người ta thường hay dùng ngôn ngữ hài hước tự cười mình hoặc chê cười người để thoát nạn, đạt được mục đích của mình. Ngôn ngữ hài hước rất hàm súc. Nó không thể dài dòng vãn tự, không thể tự giải thích, thế mà lại "Vô ngôn thắng hữu ngôn". Ngôn ngữ hài hước còn là sự khoa trương, nó thường thường nói thuận theo logic của cái nhảm nhí xằng bậy khiến người ta cuối cùng hiểu ra hậu quả của sự xằng bậy nhảm nhí. Nếu nhìn hai cái trong mối quan hệ thì hàm súc là chiều sâu của hài hước còn khoa trương lại là bề mặt của hài hước. Dưới ống kính hiển vi của đời sống xã hội, bản thân ngôn ngữ hài hước luôn làm hiển hiện phần tử

Quyền mưu biến động. Thật là trong vô hình có hình, trong hữu hạn có vô hạn, cũng giống như trong chớp mắt có vĩnh hằng.

Trong cuộc sống thực tế, bản thể Quyền mưu khác nhau, cố nhiên, do phương thức truyền đạt chi phối Quyền mưu nên kết quả và việc thực thi Quyền mưu cũng bị ảnh hưởng trực tiếp: Nhưng trong điều kiện cùng một loại bản thể Quyền mưu, thì bản thể Quyền mưu áp dụng phương thức truyền đạt như thế nào cũng có vai trò quan trọng đối với kết quả và việc thực thi Quyền mưu.

ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN CỦA QUYỀN MƯU

Quyền mưu không chỉ bộc lộ cá tính mạnh mẽ trong hoạt động xã hội mà nhìn trên tổng thể có không ít tính chung.

Có người thích gọi Quyền mưu là một thứ khoa học hoặc mang tính quy luật, và luôn luôn liên hệ với một số "nguyên tắc", "công thức". Chúng tôi không nghĩ như vậy. Trong khoa học có một tư tưởng cơ bản: trong điều kiện giống nhau, nguyên nhân giống nhau sẽ dẫn đến kết quả giống nhau. "Điều kiện giống nhau" này không chỉ có thể sinh thành tự nhiên mà còn có thể do con người tạo ra. Vì vậy, định lý hoặc qui tắc của khoa học có ý nghĩa phổ biến "chân lý của bốn phương" Quyền mưu thuộc về đời sống xã hội nhưng cũng không hẳn như vậy. Mỗi một Quyền mưu trở thành một hiện tượng lịch sử, cũng chỉ có thể là một lần. Đó là vì: Một mặt, trong lĩnh vực đời sống xã hội, cái "điều kiện giống nhau" này không bao giờ xuất hiện lần nữa. Mỗi trường Quyền mưu đều có nội dung nhất định, cụ thể. Mặt khác, mỗi người là chủ thể Quyền mưu hoặc khách thể Quyền mưu đều là tuyệt đối, không thể lặp lại

và có một không hai, dù rằng cùng một cá nhân, trong những trường Quyền mưu khác nhau sẽ có phản ứng tâm lí không giống nhau và do đó áp dụng hành động khác nhau. Chúng tôi nói rằng đặc trưng cơ bản nhất của Quyền mưu là ở tùy cơ ứng biến. "Cơ" ở đây là cơ hội mà chủ thể Quyền mưu bắt gặp, là điểm mấu chốt trong sự phát triển biến hoá của sự việc, là khâu đóng vai trò quan trọng đối với Quyền mưu. "Biến" ở đây là cả quá trình từ lúc chủ thể Quyền mưu có sự quyết đoán đến khi áp dụng thủ đoạn tương ứng. "Cơ" tuy thuộc về tồn tại khách quan, nhưng lại rất không ổn định, thậm chí biến mất trong nháy mắt. "Thời bất đãi nhân", cơ bất khả thất, thời bất tái lai", chính là có ý ấy. "Biến" lại thuộc về một loại phản ứng chủ quan. Phản ứng này hoặc là dựa vào việc lường tính trước, hoặc hoàn toàn không hề có mục đích định trước, dường như hoàn toàn được quyết định bởi hoạt động tư duy của chủ thể Quyền mưu trong một trường Quyền mưu nhất định. Thế cho nên "diệu kế đem dùng có ở trong lòng", "cau may một cái, mưu kế định xong". Nhà nghiên cứu lịch đại coi Quyền mưu là "Kỳ", là "Nguy đạo", nó nói rõ bản thân Quyền mưu không có tính tất nhiên, trái lại là tính ngẫu nhiên, tính ngẫu nhiên đôi dào. Trong thực tiễn, Quyền mưu cũng không thể công thức hoá. Một khi có khuynh hướng công thức hoá, Quyền mưu sẽ mất đi sức sống của mình. Đúng trên ý nghĩa này mà xét, công thức hoá chỉ có thể là kẻ tử thù của Quyền mưu. Vì vậy, với Quyền mưu, nói nó là khoa học, chỉ bằng nói là nghệ thuật.

Có người thích nói Quyền mưu là sự phản ánh của ý thức trong một giai đoạn cụ thể và luôn liên hệ với cuộc đấu tranh giai cấp trong cả xã hội. Chúng tôi không cho là như vậy. Giữa các nhân

tố của Quyền mưu, chủ thể và khách thể Quyền mưu là nhân tố con người. Trong xã hội truyền thống vốn mang tính giai cấp nhất định, đó là điều ai cũng biết. Nếu phê phán chúng, thì đó là nhiệm vụ chủ yếu của nhà sử học. Điều mà nhà nghiên cứu Quyền mưu học đặc biệt quan tâm chủ là bảnhưng thể Quyền mưu. Chủ thể và khách thể Quyền mưu chẳng qua là sự thể hiện của một mặt nào đó của bản thể Quyền mưu. Quyền mưu là thủ đoạn để đạt đến mục đích nhất định. Mục đích này vừa có thể là niềm hạnh phúc của cả dân tộc, cũng có thể là sự thoả mãn lòng ham muốn của mỗi cá nhân, thủ đoạn này vừa có thể là những cuộc tắm máu, cũng có thể là chứa chan tình cảm mặn nồng. Vì vậy, Quyền mưu vừa có thể là thiên sứ khiến mọi người ngưỡng mộ, lại có thể đóng vai quỷ sứ làm người ta run sợ. Tất cả đều do chủ thể và khách thể Quyền mưu quyết định, không liên quan gì đến bản thể Quyền mưu. Bởi vì bất kể lúc nào ở đâu, bản thể Quyền mưu đều không chịu sự phán xét của thước đo giá trị của luân lý hoặc chính trị, phải chịu sự phán xét này, chỉ có chủ thể và khách thể Quyền mưu. Trong các loại đời sống xã hội, áp dụng thủ đoạn nhất định có thể đạt được mục đích nhất định. Mục đích nhất định này còn phải có thủ đoạn nhất định phục vụ nó, thế nhưng, thủ đoạn nhất định không thích ứng một cách đơn thuần với một mục đích nào đó. Người ta vừa có thể lợi dụng thủ đoạn này đạt được mục đích của mình, cũng có thể dùng thủ đoạn kia đạt được cùng một mục đích. Những người này có thể lợi dụng thủ đoạn nào đó đạt được mục đích, những người khác lại có thể dùng cùng một thủ đoạn đạt được mục đích. Cho nên Quyền mưu không thể bị một gia cấp, một chính đảng hoặc một tập đoàn nào đó độc chiếm. Xét từ góc độ lịch sử, Quyền mưu là một loại hiện tượng văn hoá, vừa có tính thời đại nhất định, vừa có tính siêu

thời đại. Chúng ta nói Quyền mưu mang tính thời đại, là vì một bộ phận Quyền mưu chỉ dùng được giai đoạn phát triển lịch sử nhất định, thường trở nên cũ kỹ, lỗi thời, thậm chí mất hết sức sống cùng với tốc độ nâng cao sức sản xuất xã hội và năng lực nhận thức của con người. Chúng ta nói Quyền mưu mang tính siêu thời đại là bởi vì một bộ phận Quyền mưu một khi được phát minh, không những được người ta áp dụng rộng rãi ở một giai đoạn lịch sử nào đó mà vẫn còn nguyên giá trị ở một số giai đoạn lịch sử khác. Đến tận ngày nay còn rất nhiều Quyền mưu được phát minh trước kia vẫn được người ta vận dụng rộng rãi, nguyên nhân căn bản của nó chính là ở chỗ tính siêu thời đại của bản thể Quyền mưu, cũng tức là tính vô giai cấp của bản thân Quyền mưu.

Có người muốn xem Quyền mưu chỉ là thủ đoạn quen dùng của kẻ thống trị, đặc biệt là người thống trị cao nhất, đồng thời luôn luôn liên hệ với việc họ chơi trò âm mưu quỷ kế. Chúng tôi không cho là như vậy. Trước kia, hiện nay và sau này, Quyền mưu không bao giờ và không thể là phát minh của cá nhân nào hoặc nhóm người nào đó. Trong lịch sử, rất nhiều nhà Quyền mưu khá nổi tiếng, hầu hết đều thuộc hàng ngũ những nhà chính trị, người thống trị cao nhất, nhưng điều đó không có nghĩa những người bị trị không đáng gì đến Quyền mưu. Trái lại trong đời sống xã hội của mình, những người bị trị đã từng nghĩ ra và vận dụng vô số Quyền mưu, chỉ là bị những nhà học giả chính thống chuyên về lịch sử coi thường và vứt bỏ mà thôi. Bạn có biết chăng xưa nay nhà sử học truyền thống không hề chú ý đến giai cấp bị trị, không chú ý phản ánh trí tuệ của những người bị trị, một bộ sử hai mươi lăm thế kỷ xưa nay không phải biên soạn vì quần chúng nhân dân. Đến đây,

chúng ta nhận ra được một điều, đó là không thể một lần nữa vô lý loại trừ những người bị trị ra ngoài mảnh đất Quyền mưu, dường như họ chỉ biết tiếp thu trò lừa bịp và sự áp bức bóc lột của kẻ thống trị. Hơn nữa, bản thể Quyền mưu thuộc về kết cấu vật mềm nội tại, che giấu, vận dụng nó vào trong đời sống xã hội vẫn cần phải có một số sắc thái bí hiểm. Vì vậy, nhiều người thường xem một bộ phận Quyền mưu như là âm mưu quỷ kế để công kích, phỉ nhổ. Điều này về tính cảm cá nhân là có thể lý giải được, nhưng về mặt nhận thức thì lại tồn tại một số thiếu sót trầm trọng: đó chính là gộp chủ thể Quyền mưu, khách thể Quyền mưu, và bản thể Quyền mưu làm một mà bàn, gộp năng lực và kỹ xảo tùy cơ ứng biến của con người trong đời sống xã hội với động cơ vận động năng lực và kỹ xảo đó làm một để bàn, gộp lẫn thủ đoạn cần thiết của các hoạt động xã hội vào với mục đích phải đạt tới thông qua thủ đoạn đó để bàn. Còn về quan điểm "muốn đạt mục đích, không cần lựa chọn thủ đoạn", chúng ta cần phân tích cụ thể và xử lý. Vận dụng Quyền mưu với động cơ xấu xa và gian ác, trong bất kì hoàn cảnh nào, chúng ta cũng đều phải phản đối. Vận dụng quyền mưu vì một sự nghiệp cao cả và chính đáng, chúng ta tán thành với mức độ nhất định. Dù thế nào đi nữa, chúng ta cũng nói rằng Quyền mưu là năng lực và kỹ xảo tùy cơ ứng biến thì quả thực người nào có bộ óc minh mẫn đều có thể được hưởng đủ.

Có người muốn hạn định Quyền mưu trong một lĩnh vực đời sống xã hội nào đó, vạch giới hạn cho phép chứ không muốn biến thông. Chúng tôi không cho là đúng. Quyền mưu là một khái niệm khá chung chung, theo thói quen phân loại của người ta, nó chủ yếu gồm có Quyền mưu chính trị, Quyền mưu quân sự, Quyền mưu

ngoại giao, Quyền mưu kinh tế... Phân loại như vậy là hoàn toàn cần thiết đối với việc đi sâu vào các lĩnh vực đời sống xã hội để nghiên cứu Quyền mưu. Nhưng, "tính nghề nghiệp" thật sự không phải là thuộc tính bản chất của Quyền mưu. Giữa các loại Quyền mưu cũng không có ranh giới ngăn cách rõ ràng. Kỳ thực, trong đời sống xã hội rộng lớn, Quyền mưu chính trị có thể vận dụng vào lĩnh vực quân sự, Quyền mưu quân sự có thể vận dụng vào lĩnh vực kinh tế, Quyền mưu kinh tế có thể vận dụng vào lĩnh vực ngoại giao, Quyền mưu ngoại giao có thể vận dụng vào lĩnh vực chính trị, các loại Quyền mưu đều liên quan tới nhau, thâm thấu vào nhau, ngay trong cùng một loại Quyền mưu, bản thể Quyền mưu nhất định là hạt nhân của Quyền mưu, đồng thời cũng có thể linh hoạt phát huy. Nó vừa có thể được cá nhân nhận thức và vận dụng, lại vừa có thể được quần thể nhận thức và vận dụng, vừa có thể vận dụng vào mặt chiến lược, lại có thể vận dụng vào mặt chiến thuật, vừa có thể vận dụng cho hiện tại vừa có thể vận dụng cho tương lai. Trong thực tế vận dụng, các Quyền mưu xuyên thông nhau, chuyển đổi lẫn nhau. Những qui kết này được quyết định bởi tính linh hoạt của Quyền mưu.

Đến đây cần phải nêu lên những tính chất chung của Quyền mưu từ góc độ một bộ môn học thuật, do chính là tính phi khoa học (hay tính nghệ thuật), tính "vô giai cấp", tính phổ biến và tính linh hoạt.

THỜI ĐẠI TRUYỀN THÔNG TRUNG QUỐC BA PHÁI QUYỀN MƯU LỚN

Để lợi dụng Quyền mưu đạt tới mục đích của mình, người ta thường hay tỏ ra vô cùng thích thú đối với Quyền mưu.

Người Trung Quốc tìm hiểu và nghiên cứu Quyền mưu về mặt lý luận, sớm nhất bắt đầu từ thời Tiên Tần. Lúc bấy giờ học thuyết biện chứng mọc mọc mà tiêu biểu là: "Chu dịch", "Lão tử", để triển khai rộng rãi việc nghiên cứu các loại Quyền mưu, đặt nền móng lý luận chắc chắn. Học thuyết biện chứng mọc mọc này kết hợp với tình thế thiên hạ hỗn loạn, chiến tranh liên miên lúc bấy giờ, khuấy động làn sóng nghiên cứu và vận dụng Quyền mưu trong phạm vi toàn xã hội. Đại đế trong bách gia Chư tử, nói một cách tương đối, ba nhà Pháp, Binh, Tung hoành là coi trọng quyền mưu hơn cả. Ba nhà này do lý luận và chủ trương chính trị mà mỗi nhà theo đuổi không giống nhau, nên việc phát hiện và vận dụng quyền mưu cũng có chiều hướng thiên lệch khác nhau. Nói chung, Pháp gia thiên về chính trị, Binh gia thiên về quân sự, Tung hoành gia nặng về ngoại giao. Vì vậy, tự nhiên chúng ta có thể chia các trào lưu nghiên cứu quyền mưu lúc bấy giờ làm ba phái lớn: Pháp gia quyền mưu, do Hàn Phi sáng lập, lấy "Hàn Phi tử" làm tác phẩm tiêu biểu; Binh gia quyền mưu, thủy tổ là Tôn Vũ, lấy "Tôn tử binh pháp" làm tiêu biểu; Tung hoành quyền mưu, do Tô Tần, Trương Nghi đề xướng, lấy "Quí Cốc tử" làm tiêu biểu.

Hàn Phi là người sáng lập ra học thuyết Pháp gia Tiên Tần, tiếp thu cơ sở lý luận chính trị của Thương Ưởng, Thân Bất Hại và Thân Đáo, sáng lập ra học thuyết chính trị kết hợp Pháp, Thuật, Thế. Lời bàn của ông ta đối với Pháp, Thuật, Thế và mối tương quan giữa chúng, có thể vắn tắt như sau: 1- Pháp là chỗ dựa căn bản của vua chúa cai trị đất nước, thống trị nhân dân. 2 - Thuật là thủ đoạn chủ yếu để vua chúa điều khiển bề tôi, kiểm tra bách quan. 3 - Thế là quyền thế sinh sát ban phát tước đoạt mà vua chúa độc

quyền nắm giữ. 4 - Pháp, Thuật. Thế lấy Pháp làm hạt nhân. Pháp là cái mang tính qui định đối với chính trị truyền thống. Thuật là thủ đoạn cơ bản đảm bảo cho Pháp thi hành được thuận lợi. Thế là tiền đề tất yếu để vận dụng Pháp, Thuật. Chúng dựa vào nhau mà tồn tại, không thể thiếu cái nào. Học thuyết này là sự phản ánh tập trung chủ nghĩa chuyên chế và "Nhân trị", dù sao đi nữa cũng không thể đưa nền chính trị truyền thống vào quỹ đạo của trình tự hoá. Bởi vậy về phương pháp thống trị không thể không dựa vào quyền mưu chính trị. Bây giờ chúng ta thử xem "Hàn Phi Tử", rất dễ dàng nhận thấy nội dung chủ yếu của tác phẩm, đó là bàn về quyền mưu chính trị trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm lịch sử. Chẳng hạn "Nội trữ thuyết" tập trung bàn về "Thất thuật" mà các bậc vua chúa hay dùng - như Nhất thính trách hạ, Nghi chiếu quỷ sử, Hiệp trị nhi vấn, Đào ngôn phản sự.... và "Lục vi" mà các bậc vua chúa hay xem xét - như Lợi di ngoại tá, Thác vu tự loại, Tham nghi nội tranh, Địch quốc phế trí, ... Đồng thời chỉ ra vua chúa chỉ có vận dụng "Thất thuật" dưới tiền đề thấu hiểu "Lục vi" mới có thể củng cố địa vị quyền lợi của mình, tăng cường không chế sức mạnh của bộ máy nhà nước. Lại như "Thuyết lâm", "Ngoại trữ thuyết", "Nạn nhất" đến "Nạn tứ", những thiên này đều dùng thực tế lịch sử cụ thể và truyền thuyết, bao gồm hàng loạt câu chuyện quyền mưu để chứng minh cho học thuyết chính trị kết hợp cả Pháp, Thuật, Thế. Tất cả những cái đó, tuy là tác giả thiết kế cho vua chúa điều khiển bề tôi, thực hiện thống trị chuyên chế, nhưng trong thực tiễn chính trị cụ thể, lại rất tự nhiên trở thành phương pháp tối ưu quan lại cần xé nhau và quan lại các cấp thống trị nhân dân. Thế là, trên vũ đại chính trị truyền thống, lợi dụng quyền mưu để duy trì và mở rộng lợi ích của mình, củng cố và nâng cao địa vị của bản thân, thậm chí

hoàn thành sứ mạng chính trị nào đó, thực hiện mục đích chính trị nào đó, liền trở thành hoạt động thường xuyên nhất, có hiệu quả nhất.

"Tôn tử binh pháp" là trước tác lý luận quân sự sớm nhất của Trung Quốc tồn tại đến nay, là bộ thứ nhất của "Vũ kinh thất thư" trong xã hội truyền thống. Trong bộ trước tác này, Tôn Vũ đã lần lượt bàn đến các vấn đề: Kế", "Tác chiến", "Mưu công", "Hình", "Thế", "Hư thực", Quân sự", "Cửu biến" và "Dụng gián", trình bày rõ ràng vấn đề chiến tranh và nguyên tắc chỉ đạo chiến tranh, nêu lên khá tỉ mỉ của quyền mưu quân sự. Chẳng hạn trong "Kế thiên" viết: "Việc binh là hoạt động đối trá. Cho nên, có khả năng mà tỏ ra không có khả năng, dùng mà tỏ ra không dùng, gần mà làm như xa, xa mà làm như gần; dùng lợi để dụ nó, dùng loạn để chiếm lấy nó, thành thực nhưng để phòng nó, mạnh nhưng phải xa lánh nó; giận dữ mà khuất phục, thấp hèn mà kiêu ngạo, an nhàn mà mệt nhọc, gần gũi mà xa lạ; đánh khi đối phương không phòng bị, đánh bất thành linh. Thắng lợi này của Binh gia không thể nói trước được". Tôn Vũ cho rằng vận dụng quyền mưu trong chiến tranh là một việc rất có giá trị. "Thượng sách trong việc dùng binh là đánh bằng mưu kế, thứ đến là đánh bằng ngoại giao, thứ nữa là đánh bằng uy thế của quân đội, cuối cùng mới công thành". Đánh bằng mưu kế so với công thành, tổn thương ít mà thu hoạch nhiều, rõ ràng là sách lược thượng hạng "Thế cho nên trăm trận trăm thắng, kẻ không thiện chiến cũng trở nên tài giỏi; quân đội không đánh mà khuất phục được người là thiện chiến của thiện chiến", "Người giỏi dùng quân, khuất phục được người mà không phải đánh, lấy được thành mà không phải công, huỷ diệt nước mà không cần lâu, quân đội ấy tất

sẽ lấy được cả thiên hạ, cho nên quân lính không mệt nhọc mà được toàn lợi, ấy là phép mưu công vậy". Theo Tôn Vũ "Biết người biết ta trăm trận không thua" là một nguyên tắc chỉ đạo chiến tranh có ý nghĩa phổ biến. Nguyên tắc này phản ánh mối quan hệ giữa việc nắm chắc tình hình địch, ta của người chỉ đạo chiến tranh với sự thắng bại của cuộc chiến tranh, vì vậy có vai trò quan trọng đối với việc phát minh và vận dụng quyền mưu quân sự. Để có được "Biết người", Tôn Vũ đặc biệt nhấn mạnh ý nghĩa của việc sử dụng "Gián mưu" trong chiến tranh, phần cuối của sách chỉ chuyên bàn về phương pháp "Dụng gián", chỉ ra một cách cụ thể "Dụng gián" có năm: Nhân gián, Nội gián, Phản gián, Tử gián, Sinh gián. Đủ cả "ngũ gián", không ai biết được đạo của nó, thế gọi là thần kì, dân chúng vua quan đều quý trọng. "Có thể nói đây là những câu nói chí lí có liên quan tới việc Dụng gián. Trong lịch sử tư tưởng quân sự Trung Quốc, cùng xếp ngang hàng với "Tôn tử binh pháp" còn có "Ngô tử", "Tư mã pháp", "Lục thao", "Tam lược", "Uý liệu tử" và "Lý Vệ công vấn đối". Đời Tống gộp bảy bộ này lại, khắc in phát hành, đặt tên là "Vũ kinh thất thư". Thế là, cũng như Nho gia có "Lục kinh", Đạo gia có "Đạo đức kinh", Phật gia có các loại Phật kinh, "Vũ kinh thất thư" đã trở thành trước tác kinh điển của Binh gia, trở thành kho báu quyền mưu quân sự người đời sau dùng không hết, dùng không biết chán.

Tung hoành là những nhân vật sôi nổi hăng hái nhất trên vũ đài ngoại giao thời Chiến quốc. Cái gọi là "Tung hoành" là một khái niệm chính trị có nội hàm đặc biệt. "Tung" tức "Hợp tung", là chỉ sáu nước Sơn Đông từ Yến đến Sở, nam bắc hợp thành một tuyến, cùng nhau chống Tấn, để mong tồn tại. "Hoành" tức "Liên hoành",

là chỉ liên minh của nước Tần với bất kỳ một nước nào, đông tây liên thành một tuyến, công kích nước khác, hồng thống nhất thiên hạ. Tung hoành gia chính là những mưu thần biện sĩ đón lấy nhu cầu bức thiết của cuộc đấu tranh chính trị lúc bấy giờ, ôm "Thuyết tung hoành hơn kém", hoặc bốn ba du thuyết, hoặc vào triều can dự chính sự, trực tiếp chịu trách nhiệm với kẻ thống trị các nước. Nhìn chung, về tư tưởng chính trị, họ có đặc trưng chung rất rõ ràng: tôn sùng sách lược, quyền mưu trên hết. Nếu nói "Pháp gia tín ngưỡng: "lấy lực khuất phục người", Nho gia kiên trì "dùng lễ khuất phục người", thì Tung hoành gia lại chủ trương "dùng lí lẽ khuất phục người". Họ coi quyền mưu là sự hoá thân của trí và lý, cho rằng nó có thể phát huy hiệu lực không gì sánh được, với bên trong có thể làm cho nước trị dân yên, với bên ngoài có thể làm cho "chư hầu kết thân", với bản thân thì muốn gì được nấy. Như vậy thì có thể khái quát được lời nói và việc làm của họ, nét đặc thù của "Thuyết tung hoành hơn kém" không ngoài việc nêu lên cái tốt, khéo léo can gián, thấy người ta thân trọng thì cố tính dọa nạt, che giấu chỗ yếu khoe chỗ mạnh, giả đồ giả bộ, khích bác li gián, dọc ngang lôi kéo chia rẽ, chèn ép lật đổ, cương nhu giúp nhau. Trong một trường Quyền mưu, họ thường đưa ra ba sách lược, "sách lược trên không được thì làm theo sách lược giữa, giữa không được thì cuối", lấy đó để tỏ rõ sức mạnh của trí và lý với kẻ thống trị tối cao. Tung hoành gia là những nhân vật nhiều mưu kế, vừa có văn hoá vừa có tri thức, việc diễn tập và triển khai hoạt động du thuyết can gián của họ đã để lại cho mọi người rất nhiều tài liệu thành văn, phân loại theo nước có, lộn xộn cũng có. Mãi đến cuối Tây Hán, qua việc xét tuyển và sắp xếp, mới thành sách "Chiến quốc sách", lưu lại cho đời. Đây là tập tư liệu khá hoàn chỉnh phản ánh các mưu thần biện

sĩ thời Chiến quốc nghĩ sách vạch mưu cho đất nước mà họ phụng sự. Khác với nó, "Quyển cốt tử" là một bộ trước tác kinh điển của Tung hoành gia đến nay vẫn còn, bàn luận khá hệ thống về các vấn đề như "Bài hạp", "Nội kiện", "Đế hỉ", "Phản ứng", "Phi kiểm", "Ngỗ hợp", "Soái", "Ma", "Quyền", "Mưu", "Quyết", đã làm rõ nội dung chủ yếu của Quyền mưu ngoại giao. Tác giả coi việc cân nhắc quyền lực, phán đoán tình hình là điều kiện tiên quyết của việc du thuyết can gián, và từ phẩm chất, tính cách, địa vị, tình cảnh và diễn biến tâm lý, đã trình bày tính khả thi của việc cân nhắc quyền lực, phán đoán tình hình, cho rằng trên cơ sở này, "dựa vào sự hoài nghi của ông ta mà làm cho thay đổi, dựa vào điều ông ta trông thấy mà khẳng định, dựa vào điều ông ta nói để yêu sách, dựa vào tình thế lúc ấy mà tạo ra thành công, dựa vào điều ông ta ghét để làm đối thay, dựa vào điều ông ta lo lắng để đập lại, xoa dịu và đi dọa, làm cao mà hành động, làm cho suy vì mà vụt dậy, phù hợp thì hoà theo, ủng hộ một cách khéo léo, làm cho rối loạn rồi mê hoặc, thế gọi là "mưu kế". Nói cách khác, trong đời sống thực tế, là chủ thể Quyền mưu, triển khai hoạt động du thuyết can gián thì phải xử lý tốt các mối quan hệ "Bài hạp", "Phi kiểm", "Ngỗ hợp", "Trực vu", "Thuận nghịch".

Theo các tài liệu hiện có, sự phát triển của các loại Quyền mưu trong lịch sử Trung Quốc, đại thể đã định hình từ thời kỳ Tần-Hán. Do đó lần chỉnh lý văn hiến giữa hai đời Hán cũng đề cập đến lĩnh vực lý luận liên quan đến Quyền mưu. "Hán thư - Nghệ văn chí" ghi chép Pháp gia, bao gồm "Thượng quân", "Thân tử", "Thận tử", "Hàn tử", cộng 10 loại 217 thiên; Binh gia 53 loại 790 thiên, trong đó Binh Quyền mưu có "Tôn Tử", "Ngô Khởi", "Phạm Lãi",

"Hàn Tín" gồm 13 nhà 259 thiên, Bình hình thế có "Xế Vưu", "Tôn Chấn", "Uý Liêu", "Hạng Vương", gồm 11 nhà 92 thiên; Tung hoành gia bao gồm "Tô tử", "Trương tử", "Bành Quyên", "Khoái tử" tổng cộng 12 loại 107 thiên. Lần đầu tiên trong lịch sử Trung quốc, đây là tổng kết học thuật khá qui mô những tài liệu lịch sử có liên quan tới lý luận Quyền mưu.

TAM THẬP LỤC KẾ, BÁCH CHIẾN KỲ LƯỢC VÀ TRÍ NANG

Văn hóa truyền thống Trung Quốc, xét về thủ hướng giá trị, phương thức truyền bá của nó, có thể chia làm hai loại lớn: Văn hoá hiện và Văn hoá ẩn. Văn hoá chính thống lấy "Nhân nghĩa đạo đức" làm hạt nhân là cốt lõi của loại trước; Văn hoá phi chính thống lấy gian trá qui quyệt làm nội dung là máu thịt của loại sau. Trong cả xã hội truyền thống, Văn hoá hiện đưa ra cho xã hội một lí tưởng xã hội, mục tiêu cuộc sống, và con đường đi tới lí tưởng và mục tiêu này, luôn được người ta tiếp thu. Văn hoá ẩn thì lại đưa ra cho xã hội một bộ pháp thuật xã hội và Quyền mưu cuộc sống và những điều kiện sử dụng pháp thuật. Quyền mưu này, nó cũng luôn được người ta tiếp thu. Hai loại hình thái văn hoá lớn này tiêu biểu cho hai phương thức truyền bá của văn hoá truyền thống; rõ ràng và mờ ám, hiện và ẩn. Chỉ nói riêng với giai cấp thống trị, chúng đảm đương hai chức năng xã hội: một là vai trò mục sư, một là vai trò tên đao phủ. Quyền mưu mà chúng ta bàn đến có thể nói hoàn toàn thuộc về phạm vi văn hoá ẩn.

Đời Hán về sau, trong lĩnh vực hình thái ý thức xã hội truyền thống đã hình thành tư tưởng thống trị khá vững chắc. Các loại Quyền mưu mặc dù vẫn được vận dụng rộng rãi trong đời sống xã hội, trong mỗi thời kỳ nhất định vẫn có không ít phát minh mới, nhưng, là loại văn hoá ẩn, bởi vì giá trị của nó không hợp với cái gọi là "Đạo của thánh nhân", khác hẳn với văn hoá hiện do Nho gia chiếm địa vị thống trị, cho nên về lí luận xưa nay thường bị khinh rẻ, không được các học giả chính thống coi trọng, đến nỗi tác phẩm Quyền mưu có nhiều ảnh hưởng xã hội mà hai ngàn năm để lại cũng chỉ lèo tèo thừa thớt.

"Tam thập lục kế", có thể nói là một số bộ sách chuyên bàn về Quyền mưu lưu truyền rộng rãi nhất hiện nay. Là một từ ngữ, "Tam thập lục kế" bắt nguồn từ "Nam Tề thư. Vương Kính tác truyện", sau đó đến khoảng giữa Minh-Thanh, mới tích lũy thành sách, còn tác giả của nó thì không thể khảo chứng được nữa. Bộ trước tác này chia Quyền mưu làm sáu bộ: chiến thắng kế, địch chiến kế, công chiến kế, hỗn chiến kế, tĩnh chiến kế và bại chiến kế. Mỗi bộ lại chia ra làm sáu loại Quyền mưu. Chiến thắng kế chia làm: bịp bợm ngấm ngấm, vây Nguy cứu Triệu, giết người, giấu tay, dùng quân chờ sẵn đánh định đang mệt mỏi, thừa cơ làm bậy, dương đông kích tây. Địch chiến kế có: bịa đặt vô lý, ngấm ngấm ra tay, cháy nhà hàng xóm bình chân như vại, miệng thơm throat dạ ốt ngấm, hình nhân thế mạng, tiện tay vợ của. Công chiến kế có: động chà cá nhảy, mượn xác cho hồn, như hổ xuống núi, lạt mềm buộc chặt, đưa ngói lấy ngọc, bắt vua trước bắt giặc sau. Hỗn chiến kế chia ra: đào tận gốc tróc tận rễ, đục nước béo cò, ve sầu lột xác, đóng cửa bắt trộm, thân nước xa đánh nước gần, giả đạo đánh

Quắc. Tỉnh chiến kế chia ra: đối trắng theo đen, giận cá chém thớt, giả điên giả dại, qua cầu rút ván, hoa nở trên cây, biến khách thành chủ. Bại chiến kế chia ra: mỹ nhân kế, không thành kế, phản gián kế, khổ nhục kế, liên hoàn kế và tẩu vị thượng. Cả bộ tổng cộng có ba mươi sáu mưu kế. Lời lẽ giải thích của mỗi một mưu kế đều dựa vào lý luận bát quái âm dương, cũng tức là mô hình nhận thức vũ trụ dựa vào âm dương bát quái, sáu mươi tư quẻ, ba trăm tám mươi tư hào để giải thích mâu thuẫn đối lập và sự chuyển hoá lẫn nhau trong mỗi mưu kế. Cho nên nói "Tam thập lục kế" về nội dung tư tưởng ít nhiều mang sắc thái của phép biện chứng mộc mạc.

"Bách chiến kỳ lược" là một bộ trước tác chuyên môn tổng kết một cách có hệ thống vấn đề chiến lược chiến thuật trong thời đại vũ khí lạnh. Tác giả Lưu Cơ là một nhân vật thần kỳ cuối Nguyên đầu Minh, nghe nói tinh thông binh pháp, giỏi quyền mưu, từng lập công diệt Nguyên lập Minh. Trước tác này dựa vào điều kiện chính trị, kinh tế, quân sự và tự nhiên của cả hai bên tham chiến, chia các cuộc chiến tranh (chủ yếu là chiến dịch) trong lịch sử thành một trăm loại hình, từ đó luận bàn thêm, chỉ rõ những yếu lĩnh cần nắm được khi vận dụng nó vào thực tế. Về lý luận, tác giả đã tiếp thu quan điểm chiến tranh "Vũ kinh thất thư" và một số trước tác quân sự khác, đã vận dụng và phát huy một loạt tư tưởng mưu lược quân sự như "Thượng binh phạt mưu", "Nhân địch nhi chế thắng", "Tiên thắng nhi hậu chiến", "Chí nhân nhi bất chí vu nhân", "Chí nhân nhi bất chi vu nhân", "Tất tử tắc sinh, hạch sinh tắc tử", "Kiến khả nhi tiến, tiến nan nhi thoái", "binh quý thần tốc"...

Về tài liệu, tác giả đã tập hợp những trận đánh điển hình, nổi tiếng rải rác trong sử sách hơn một nghìn sáu trăm năm từ Tiên Tần

đến Ngũ Đại, xếp mỗi trận đánh điển hình này vào trong mỗi loại Quyền mưu, làm chủ thích cụ thể cho luận điểm có liên quan. Chính vì kết hợp lý luận với sử liệu "Bách chiến kỳ lược" mới trở thành trước tác Quyền mưu quân sự có máu thịt được người đời quý trọng.

"Trí nang" là tập truyện mưu lược nội dung phong phú nhất, khuôn khổ rộng lớn nhất trong lịch sử văn hoá Trung Quốc. Phùng Mộng Lang là nhà văn học nổi tiếng đời Thanh, tác giả của tiểu thuyết nhân tình thế thái "Tam ngôn", ông ta lấy "Không nghĩ về người mà nghĩ về việc, không nghĩ về việc mà nghĩ về trí" làm tôn chỉ, suy tập được hơn một nghìn ví dụ lấy trí để thắng trong truyện đật và dã sử, bách gia kinh sử trong thời kỳ Tiên Tần đến đầu nhà Minh, được phân loại sắp xếp mà thành sách "Trí nang". Sách này chia mưu lược làm mười bộ: "Thượng trí" là sách lược trị nước, "Minh trí" là tầm nhìn xa trông rộng kiến thức cao sâu, "Đảm trí" là lập công bằng lòng gan dạ và mưu cao, "Tiệp trí" lấy mẫn tiệp đoạt nhân, "Sát trí" là nhìn rõ chân tơ kẽ tóc, "Thuật trí" là tùy cơ ứng biến, "Binh trí" là trị quân dụng binh, "Ngũ trí" là lời lẽ sắc sảo, "Khuê trí" là mưu kế đàn bà, "Tập trí" là mảnh khoé tiểu nhân. Mỗi bộ chia ra làm nhiều loại: Thượng trí có "Kiến đại", "Viễn do", "Thông gián", "Nghênh nhân", Minh trí có: "Trí vi", "Úc trung", "Phán nghị", "Kính vụ", Sát trí có: "Đắc tình", "Cát gián"; Đảm trí có: "Uy khắc", "Thức đoạn"; Tiệp trí có: "Linh biến", "Ứng tốt", "Mẫn ngộ"; Thuật trí có: "Uỷ xà", "Mậu số", "Quyển kỳ"; Ngũ trí có: "biện tài", "Thiện ngôn"; Binh trí có: "Bất thành", "Chế thắng", "Quĩ đạo", "Vũ án"; Khuê trí có: "Hiển triết", "Hùng lược"; Tập trí có: "Giáo hiệt", "Tiểu tuệ". Cộng hai mươi tám loại. Về chủ khách

thể, nhân vật phong phú đa dạng, có đế vương tướng lĩnh, có lái buôn, người lao động, kẻ tội tở, có người già cả, có đàn bà yếu ớt trẻ con thơ dại, so với tác phẩm khác, nó càng có tính chất tiêu biểu.

Những tác phẩm này với những đặc điểm và thành tựu tươi sáng của nó, hoàn toàn có giá trị tham khảo không nhỏ đối với việc nghiên cứu Quyền mưu của chúng ta. Nhưng chúng ta nên thấy rằng về quan điểm lý luận, phương thức biên soạn, chúng còn nhiều hạn chế không thể chối cãi được. Suy cho cùng "Tam thập lục kế" không thể coi là một tác phẩm Quyền mưu hoàn chỉnh, chỉ là sự quy nạp bộ phận các loại Quyền mưu; nói riêng về từng mưu kế, có cái câu nệ ở việc đặt tên thành ngữ, không khỏi gán ghép gượng gạo. Có cái cùng việc khác tên, tạo ra hiện tượng trùng lặp trong kết cấu tác phẩm. "Bách chiến kỳ lược" chỉ giới hạn bàn về vấn đề tác chiến của thời đại vô khí lạnh mà không hề đề cập đến các mặt khác trong đời sống xã hội; vì thiếu kiến thức tổng thể về chiến tranh nên khi mổ xẻ các Quyền mưu quân sự, không thể xử lý tốt vấn đề mối quan hệ giữa chiến lược, chiến thuật và kỹ năng chiến đấu. Việc phân loại mưu lược mà "Trí nang" đưa ra, có khi dựa vào ngôn, hành, trạng thái tâm lý của chủ thể Quyền mưu, có khi lại tham khảo trường Quyền mưu khác nhau, thật là không có một tiêu chuẩn thống nhất nào; trong khi đó, với mỗi một ví dụ không khái quát ưu thế, khi sắp xếp không theo trình tự thời gian. Vì vậy từ đầu đến cuối rất lộn xộn. Đáng nói hơn nữa là cái mà những tác phẩm này đem lại cho người ta đều chỉ là biểu tượng của mỗi một Quyền mưu, cũng tức là sự siêu thuật miêu hình giản đơn, còn về mối liên hệ nội tại giữa các Quyền mưu mỗi loại lại thiếu đi sâu nghiên cứu, vì vậy không thể hình thành một ý thức siêu hình. Cho nên muốn

cho Quyền mưu có sự trình bày rõ ràng chính xác, chúng ta còn cần phải người dẫn đường khác để mong bước lên con đường mới.

QUYỀN MƯU HỌC CẤU TRÚC THẾ NÀO?

Chúng tôi biên soạn bộ "Quyền mưu bí hiểm" này chính là hy vọng đi theo con đường mới, đem lại cho Quyền mưu một nội dung rõ ràng chính xác.

Quyền mưu đã thuộc về vấn đề con người thì Quyền mưu học về bản chất chính là nhân học. Mọi phương pháp, lý luận khoa học nghiên cứu con người đều thích ứng với việc nghiên cứu môn học này. Đương nhiên, nói riêng về mối quan hệ với Quyền mưu học thì lý luận và phương pháp của Xã hội học, của Chính trị học, của Kinh tế học, của Quân sự học, của Ngoại giao học, của Lịch sử, của Tâm lý học và Sinh lý học, phải là những điều mà chúng tôi cần nắm trước tiên. Chúng tôi cảm thấy rằng trên cơ sở kết hợp lý luận với thực tế, thông qua nhiều môn học và việc phân tích các môn học, mới có thể thực hiện được trên đây.

Đối tượng nghiên cứu của chúng tôi là những mưu kế mà người Trung Quốc đang nghiên cứu và vận dụng, vậy thì cấu trúc của Quyền mưu học cần phải bắt rễ trên mảnh đất văn minh tích tụ qua mấy nghìn năm này, liên hệ chặt chẽ với văn hoá, xã hội truyền thống Trung Quốc. Xã hội truyền thống tạo ra văn hoá truyền thống, nền văn hoá truyền thống lại làm hình thành tính cách tâm lý, nhân sinh quan, xã hội và vũ trụ quan của người Trung Quốc, tất nhiên cũng sẽ thai nghén và kích thích năng lực và kỹ xảo tuý cơ ứng biến của người Trung Quốc trong đời sống xã hội. Vì vậy

chúng tôi cảm thấy rằng đặt Quyền mưu mà người Trung Quốc trước kia nghĩ ra và vận dụng, vào trong hoàn cảnh văn hoá, xã hội truyền thống Trung Quốc để nhận thức, sẽ có thể đem lại cho Quyền mưu một nội dung rõ ràng, chính xác.

Quyền mưu thể hiện năng lực kỹ xảo tuỳ cơ ứng biến của mọi người trong cuộc sống xã hội, thế thì Quyền mưu học không nên chỉ dừng lại ở giai đoạn miêu tả hình nhi hạ, mà phải phát triển thành lớp lý luận cụ thể. Chúng tôi dựa vào tài liệu hiện có trên cơ sở phân tích và qui nạp các loại Quyền mưu, sơ bộ rút ra mười phạm trù mâu thuẫn lớn "Đại và Tiểu", "Viễn và Cận", "Mình và Ấm", "Chân và Giả", "Cường và Nhược", "Hư và Thực", "Tiên và Thoái", "Cương và Nhu", "Trực và Khúc", "Thuận và Nghịch". Chúng tôi cảm thấy đi từ miêu tả cụ thể để tiến hành khái quát lý luận là có thể đem lại cho Quyền mưu một nội dung rõ ràng chính xác.

1

ĐẠI VÀ TIỂU

Đại và Tiểu là một trong những phạm trù mâu thuẫn cơ bản trong quyền mưu học.

Thành ngữ có câu: "Nhất diệp tri thu", có nghĩa là từ một chiếc lá cây rụng mà biết mùa thu đã đến. Ấy là thông qua dấu hiệu riêng lẻ, nhỏ bé, nhận thấy xu hướng phát triển và kết quả của cả hình thể. Lại có câu "Nhất diệp chương mục, bất kiến Thái Sơn", ý chỉ vì mê hoặc bởi hiện tượng cục bộ mà không nhìn thấy toàn cục hoặc chỉnh thể.

Qua hạt bụi nhỏ bé nhìn thấy cái bao la vô tận, đồng thời thấy được cái lớn lao của Thái Sơn, cái nhỏ bé của chiếc lá, là sự tu dưỡng cơ bản để người ta sống được yên ổn trong cái xã hội nhộn nhịp phức tạp. Dù là trên vũ đài chính trị biến hoá khôn lường hay nơi sa trường mù mịt khói lửa đạn bom, dù trong lĩnh vực kinh tế thần bí hay trong quan hệ nhân luân thông thường chứa chan tình cảm, không đâu không có sự vận động mâu thuẫn của Đại và Tiểu. Vua chúa cai quản bề tôi, bề tôi thờ phụng vua

chúa, đánh trận rèn binh, tuyển dụng người tài, để cả việc đấu trí nơi công đường, thi đấu vui chơi giải trí đều cùng xử lý duyên cớ khó hiểu mà quan hệ Đại và Tiểu để lại.

1. VI VU TRẦN TRUNG KIẾN ĐẠI THIÊN

Câu "Vu vi trần trung kiến đại thiên", nghĩa là từ cục bộ của sự vật suy ra chính thể của nó. Phàm một sự vật, diện mạo chính thể và xu hướng phát triển của nó không biểu hiện rõ ràng tất cả trước mắt người ta mà thường thường trước hết hiện ra cái cục bộ của nó. Chẳng hạn chúng ta tuy không biết được mọi hoạt động tâm lý của người nào đó cùng với tất cả hành động sẽ phát sinh do tâm lý riêng biệt ấy chi phối, nhưng lại có thể gián tiếp thấy đầu mối của nó qua ngôn ngữ, dáng vẻ, cử chỉ, của anh ta dù chỉ trong chốc lát. Khoa học tự nhiên hiện đại đã phát hiện ra "Toàn tức suất", nghĩa là bộ phận của sự vật là "Toàn tức nguyên" (bắt đầu của toàn bộ tín tức), thông qua bộ phận của sự vật có thể thấy được chính thể của sự vật. Như một chiếc lá là hình ảnh thu nhỏ của cái cây, một tế bào là hình ảnh thu nhỏ của cả cơ thể sinh vật. Lý luận này của khoa học tự nhiên tuy chưa hoàn toàn đúng với việc đời trong xã hội, nhưng sự phát triển của sự vật luôn có quá trình biến đổi từ lượng đến chất, lượng biến đổi là sự biến đổi của bộ phận; chất biến đổi là sự biến hoá của chính thể do sự tăng thêm của lượng gây ra. Sự biến hoá của chính thể bắt đầu bằng sự biến hoá của bộ phận, vậy thì, từ bộ phận nhận ra chính thể, từ cái bé nhỏ nhận thấy cái lớn lao, đó không phải là cây không gốc, nước không nguồn.

"Vu vi trần trung kiến địa thiên" (qua một hạt bụi nhỏ bé nhìn thấy cái bao la vô tận), là tiền đề cơ bản trong xã hội phức tạp lộn xộn biết lo trước cơn mưa, phòng khi tai hoạ, từ đó người ta luôn giành được thắng lợi. Thời Xuân Thu, Việt vương Câu Tiễn nằm gai

nếm mật, được phái Phạm Lãi giúp sức, sau một năm gom người góp của, ngày càng lớn mạnh, chẳng mấy chốc đã diệt được nước Ngô, rửa được nỗi nhục Cối Kê. Trong tiệc mừng công, ai nấy vui mừng náo nức, công thần danh tướng chúc mừng nhau, tiếng hoan hô vang trời. Là trụ cột của một nước, Việt vương Câu Tiễn trái lại không vui, dáng vẻ khác thường. Phạm Lãi thấy vậy, trầm nghĩ: công thành nghiệp trọn khiến mọi người hân hoan, phấn khởi, thế mà quốc vương lo nghĩ, không ngoài việc suy nghĩ về vấn đề chia phần công lao. Xem ra cùng chung hoan nạn thì dễ mà cùng hưởng an lạc thì khó. Vì vậy, quyết bỏ triều đình đi ở ẩn. Hôm sau, Phạm Lãi đến chào từ biệt Câu Tiễn: "Thần cho rằng, quốc vương bị nhục, là kẻ bẽ mặt, không được sống cầu an qua ngày đoạn tháng. Khi đại vương bị nhục ở Ngô, thần sợ dĩ chưa thể lấy cái chết để báo đáp vì những mong giúp đại vương vượt qua cơn sóng gió, chưa dựng lại nghiệp lớn. Nay nước Ngô đã bị diệt, thần mong đại vương tha cho thần tội xưa để thần được về chốn giang hồ sống nốt những ngày cuối đời, thần vô cùng biết ơn công đức của đại vương". Câu Tiễn nghe xong, cố giữ Phạm Lãi ở lại. Nhưng Phạm Lãi chí đã quyết, bèn từ quan đi buôn bán. Chẳng bao lâu trở lên giàu có, cứu giúp người thân bạn bè, được mọi người tôn làm "Đào Chu công".

Ngẫm nghĩ, thật kỳ lạ: sự biến đổi tính thần nhỏ bé làm thế nào khôi phục lại được hoạt động tâm lý phức tạp? Phạm hiện tượng tâm lý của con người trong thời điểm nhất định được thể hiện ra thông qua các hình thức khác nhau. Người ta có thể dựa vào những biểu hiện khác nhau đó mà nhận biết các trạng thái tâm lý. Đây là cơ sở lập luận của "Thần tướng học". Hữu tâm vô tướng, tướng do tâm biến: hữu tướng vô tâm, tướng tùy tâm chuyển". Đặc trưng tâm lý và tính cách khác nhau thậm chí có thể làm cho hình thái cơ thể sinh vật của con người sinh biến đổi. Thủ tướng học, chương văn

học chính là xem tướng người từ "hình thái" cụ thể của con người. Chẳng hạn nói người có ấn đường hẹp thì không rộng lượng, tại sao? Sống ở đời, người phật ý có đến tám, chín, hề gặp trắc trở khó khăn là cau mày, cơ bắp ở ấn đường luôn ở trạng thái co lại, dần dần định hình, ấn đường trở nên hẹp. Có người còn nói người lộ răng cửa sẽ đoản mệnh. Vì lẽ gì? Có lẽ vì những người này ăn quá nhiều chất vôi. "Băng giám" của Trạng Quốc Phiên đời Thanh đề cập đến lí luận xem tướng - Ông ta nói "Công danh khán khí vũ", nghĩa là một người có nên được công danh hay không, phải xem phong độ của anh ta, xem dáng vẻ bên ngoài của anh ta có sức cảm hoá lôi cuốn người khác hay không. "Cùng thông khán chỉ giáp". Tiền đồ sự nghiệp của người ta có liên quan gì với móng tay? Thành phần chủ yếu của móng tay là can xi, người thiếu can xi thì thể lực kém, người thể lực kém tự nhiên ảnh hưởng đến con đường tiến thủ... Những người thuộc loại này không ít.

Những dáng vẻ và hình thái khác nhau này toát lên ý nghĩa xã hội và ý nghĩa tâm lý nhất định. Vẻ mặt không vui của Việt vương Câu Tiễn trong buổi tiệc tuy nói lên sự tồn tại của ý nghĩa tâm lý, xã hội nhất định, nhưng bản thân nó lại không thể trực tiếp nói rõ sự tồn tại của ý nghĩa cụ thể "Việt vương không thể cùng vui hưởng với đám bề tôi có công". Nhưng làm thế nào Phạm Lãi lại suy ra và nắm bắt lấy hoạt động tâm lý sâu kín ấy của Việt vương Câu Tiễn? Ở đây cần phải phân tích thêm quá khứ và hiện tại của đối tượng Quyền mưu, kinh nghiệm xã hội và lịch sử. Tiệc vui lòng buồn, ngược xuôi là chuyện thường tình. Trong lịch sử, những người vì gặp hoạ mất mạng, vì "công cao khiến chủ giận" dẫu dẫu cũng có, vậy thì không mau lui về còn đợi đến bao giờ?

Sau khi Phạm Lãi từ quan về buôn bán, giàu ngang vương hầu. Một lần, con trai thứ của ông vì giết người, bị nước Sở tổng

giam chờ xử trảm. Phạm Lãi nói: "Giết người phải đền mạng, công lý ở đời. Nhưng tôi nghe nói "Thiên kim chi tử, bất tử vu thị" (Đưa con ngàn vàng không thể chết nơi chợ búa). Thế là ông bèn sắm một cái lễ đáng giá ngàn vàng, sai thằng con út đi hỏi thăm. Con trai cả của ông sau khi hay tin nằng nặc đòi đi, Phạm Lãi không cho. Người con trai cả cho rằng "không sai thằng cả mà sai thằng út, có lẽ vì ta là đứa hư hỏng, không còn mặt mũi nào nữa, thà chết đi còn hơn". Bà mẹ vội vàng giảng giải hộ con. Phạm Lãi không còn cách nào khác, đành cử hẳn đi và viết một lá thư, dặn con giao cho Trang Sinh là người bạn thân đang làm quan trong triều. Ông dặn đi dặn lại: "Sau khi đưa vàng cho Trang Sinh, nhất thiết con phải nghe theo sự xếp đặt của Trang Sinh, tuyệt nhiên không được cãi lại". Bố con lưu luyến chia tay, con lên đường theo lời dặn của bố. Trang Sinh đọc thư của Phạm Lãi xong, bèn bảo anh con cả: "Anh mau rời khỏi nơi này, dù người được thả ra cũng không được hỏi nguyên nhân tại sao". Trang Sinh vốn nổi tiếng trong triều ngoài dân về tính liêm khiết ngay thẳng. Đào Chu công đưa lễ hậu, ông không hề có ý nhận, chỉ là tạm cất đấy cho Đào Chu công yên tâm, đợi việc xong sẽ hoàn lại. Thế nhưng Phạm công tử không hiểu ý ông ta, nán lại không về, mong chờ tin tức. Trang Sinh vì muốn cứu con Phạm Lãi, bèn đến yết kiến Sở vương nói: "Có tượng sao bất lợi cho nước Sở, thần e rằng chỉ có đại xá mới mong hoá dữ ra lành". Sở vương lâu nay vốn kính trọng Trang Sinh, chấp thuận ngay, lập tức ban chiếu chỉ sắp đại xá. Con cả Phạm Lãi hay tin, nghĩ thầm: Sở vương sắp đại xá, em ta nhất định được cứu sống. Lần này uống phí ngàn vàng, trở về biết ăn nói thế nào? Thế là anh ta lại đến gặp Trang Sinh, Trang Sinh giật mình nói: "Cháu vẫn chưa rời khỏi đây sao?" Anh ta đáp: "Vâng ạ, em cháu sắp được hưởng đại xá, cháu đến chào từ biệt bác". Trang Sinh vỗ ngực, bèn đưa trả lại tất cả mọi lễ vật mà lâu nay nhà Phạm Lãi đã đưa. Ông

nghĩ rằng mình bị mua chuộc, lại vào yết kiến Sở vương: "Đại vương muốn đại xá để tu đức trừ hung. Thế nhưng hiện nay ngoài đường người ta lại xôn xao bàn tán: con trai của Đào Chu công vì giết người mà bị tống ngục, người ta đã hối lộ những người hầu hạ đại vương rất nhiều vàng, cho nên việc đại xá không phải vì dân chúng của nước Sở mà là chỉ vì một mình ông Đào Chu công". Sở vương nổi giận, lập tức hạ lệnh giết con trai thứ của Phạm Lãi, hôm sau mới ban lệnh đại xá. Người con cả của Phạm Lãi tui nghiêu quay về, kể hết mọi chuyện, cả nhà ai cũng đau xót. Phạm Lãi cười chua chát mà rằng: "Ta đã biết trước rằng cả thế nào cũng giết chết em nó. Nhưng không phải nó không yêu em nó. ấy là vì từ nhỏ nó cùng ta lập nghiệp, nếm đủ mùi đắng cay của cuộc đời, quý tiền như mạng sống. Còn thằng út, ngồi hưởng giàu sang, lên xe xuống ngựa, nào có hay nổi khổn khó khi lập nghiệp? Ta muốn sai nó đi chính là vì nó không trọng tiền của, coi vàng như đất, còn thằng cả thì không thể làm được điều đó. Em nó chết trong tay nó là điều sớm biết trước, có gì là lạ?"

Đó chính là kinh nghiệm xã hội và nhân sinh: hoàn cảnh cuộc sống khác nhau tạo ra các loại nhân cách khác nhau. Cũng vậy, gần tâm trạng không vui vẻ của Việt vương Câu Tiễn trong buổi tiệc với tâm lý của ông ta không thể cùng quần thần chung vui hưởng lạc, chính là kinh nghiệm lịch sử xã hội: "Hết chim, cất cung tên. Thỏ chết, thịt chó săn" của Phạm Lãi. "Hết chim, cất cung tên" là cách khá ôn hoà xử lý quan hệ vua tôi. Giống như Tống Thái tổ "Bồi tửu thích binh quyền" (dùng chén rượu tước bỏ binh quyền), ban cho công thần vũ tướng ruộng tốt nhà cao cửa rộng, cô hầu gái đẹp khiến người ta rời bỏ triều đình, yên hưởng luân thường. Tiếp đó Tống Thái tổ e ngại họ vợ vét của cái quá nhiều, bèn thi ân, ban cho họ đất thổ cư để họ xây dựng nhà ở lộng lẫy, tiền tốn hàng vạn.

Chưa hết ngài còn bàn cho họ yến tiệc, ăn kỳ no uống kỳ say rồi gọi con em họ vào cung nhận người nhà. Tống Thái tổ nói với con em công thần vũ tướng rằng: "Trong bữa tiệc, họ đều bằng lòng hiến cho triều đình mười vạn xâu tiền". Các công thần vũ tướng sau khi tỉnh rượu liền hỏi người nhà có làm điều gì thất lễ trước mặt hoàng thượng chăng. Người nhà liền nói lại việc hiến tiền. Công thần vũ tướng tuy hoài nghi, nhưng vì đã say rượu, không biết đầu mà cãi, đành dâng biểu xin nộp đủ số. Tống Thái tổ quả thật đã tìm đủ mọi cách đối phó với công thần vũ tướng! Nhưng "lương cùng" tuy không được dùng, rốt cuộc không hỏng. Còn "thỏ chết, thịt chó săn" thì thật thảm: dùng ngựa gác đao, đánh Nam dẹp Bắc, đến khi thiên hạ thái bình thì lại gặp họa chết người đến nỗi bị chu di cửu tộc. Cho nên, ngồi đợi đến lúc "làm thịt chó săn" thì chỉ bằng chủ động cắt đầu cung tên, yên hưởng luân thường.

Vua Trụ nước Ân vì yến tiệc vô độ, hết ngày lại đêm, đến nỗi không còn biết ngày biết tháng, không nhận ra tả hữu quan lại ai với ai. Lại cử người hỏi Cơ tử, Cơ tử nói với các đệ tử của ông ta: "Làm vua thiên hạ mà để đến nỗi dân chúng cả nước mất hết cả khái niệm thời gian, thiên hạ đứng trước hiểm họa. Cả nước không biết ngày tháng, riêng mình ta biết, tình cảnh của ta tất nhiên cũng nguy hiểm". Vì thế Cơ tử cũng lấy cớ say rượu bảo không biết ngày biết tháng.

Triều đại của hôn quân vô đạo gọi là "thiên tuý". Thiên đã tuý, ai dám riêng mình không say? Cơ tử con người nhân ái được Khổng tử ca tụng này cũng không dám riêng mình tỉnh. Khuất Nguyên đời sau dám tỉnh: "Mọi người đều say, mình ta tỉnh", mấy lần can gián Sở Hoài vương, kết quả phải đi đày. Ông phân uất và viết "Lý Tao". Theo nguyên lý của nhà tâm lý học Sigmund Freud (1856 - 1939, Áo) thì con người nếu quá tức giận, khắc tìm đối

tượng để giải bày, nếu được nổi căng thẳng về tâm lý sẽ dịu xuống. Nhưng trong cuộc sống, chúng ta lại hay gặp trường hợp "càng nói càng tức". Có lẽ Khuất Nguyên cũng thuộc loại này, cuối cùng càng thổ lộ càng tức, đến mức khủng hoảng tinh thần, tự vấn ở Mịch La, thế là trở thành nổi oan khuất ngàn thu.

Về đạo làm bề tôi, Khổng tử có câu châm ngôn: "Nước có đạo, lời nói thẳng, việc làm ngay; nước vô đạo, việc làm ngay thẳng lời nói khiêm nhường". Khi thiên hạ thái bình, đất nước thi hành chính đạo, con người biết nghĩ, lời nói phải ngay thẳng, hành vi phải đoan chính, nhưng khi xã hội hỗn loạn, hôn quân tại ngôi, là quân tử, hành vi phải đoan chính, không được đưa đường cho kẻ ác, không cùng kẻ xấu hùa nhau làm bậy, những lời nói phải hết sức chín chắn. Tuy không được nói toàn lời giả dối, nhưng cũng không nhất thiết phải nói hết những lời thành thật, lại càng không được ca cẩm quá quắt. Có thể thấy rằng, thánh nhân không phải là thần nhân cách không ăn những thức ăn nấu trên đời, thánh nhân cũng rất thông thạo việc đời. Thử nghĩ xem: khi xã hội lộn xộn, tình thế rối ren, đâu có tài tế thế cũng không chống lại được sóng bạc đầu, tại sao lại phải hy sinh một cách vô ích?

Danh tiếng của Nhạc Phi đến nay vẫn nổi như cồn. Thời của ông ta là những năm tháng hỗn loạn. Triều đình nhà Tống ở tận Giang Nam, đã bị mất một nửa giang sơn. Nhạc Phi coi việc khôi phục Trung Hoa là trách nhiệm của mình. Hành động "chính trực" long trời lở đất "lấy lại giang sơn cũ", sửa sang lại "tám ngàn dặm trời mây" của ông ta mãi mãi đi vào sử sách. Một con người như vậy mà lại chết một cách oan khuất. Cái chết của ông ta cũng kinh thiên động địa như công lao to lớn của ông ta, khiến quỷ thần cũng phải khóc. Ông đã để lại trong mọi người lòng tiếc thương và nỗi buồn vô hạn. Ông ta chưa có "hành vi ngay thẳng lời nói khiêm

nhường". Sao nói năng không khiêm nhường? Khẩu hiệu của ông ta là "Đánh phá đô thành địch, rước nhị thánh về", phải mời phụ thân và anh trai của Tống Cao tông về. Quả vậy, cho đến nay Tống Cao tông hoàng thượng ở nơi nào? Cho nên người thường không thể hiểu nổi một kẻ thư sinh như Tần Khoái mà lại có thể đẩy một vị tướng lĩnh tài ba lỗi lạc tiếng tăm làm kẻ thù mất mặt, vào chỗ chết. Kỳ thực, chẳng qua Tần Khoái chỉ vô trúng mộng ngựa của Tống Cao tông mà thôi.

Nhớ chuyện xưa để làm gương về sau. Ngay cả chuyện triều đình xưa Nhạc Phi cũng không thạo, hoặc có lẽ biết mà không theo, khịt mũi coi khinh. Khoảng đời Đường Tống có ông Phùng Dao, người đời gọi ông là "Ông già vui lâu". Thời ngũ đại thập quốc, đất nước rối ren, dân chúng lầm than, triều đình nhiều lần đổi thay. Thế nhưng, cả 5 triều đại đều mời Phùng Dao ra gánh vác trọng trách, vì thế bị vô số các văn nhân học giả phỉ nhổ: "Tiết tháo mà bất nhân". Nhưng Phùng Dao có chủ ý của mình: "Kẻ mọi rợ cầm quyền, thiên hạ đạo loạn, làm gì có trung nghĩa mà nói! Vì mạng sống của dân tộc Hoa hạ", hành vi chính trực, lời nói khiêm nhường" chẳng hại gì đến tiết tháo!" Đây cũng thực là tư tưởng Nho gia chính thống.

"Luận ngữ - Hiến văn", Tử Cống hỏi Khổng tử: Như Quản Trọng không biết hy sinh vì nghĩa, lại có hành vi thay thầy đổi chủ thì có hợp với đạo nhân chăng?" Khổng tử trả lời Tử Cống: "Người cho rằng Quản Trọng không biết hy sinh vì nghĩa sao? Nhầm, đức nhân của Quản Trọng là ở sự cống hiến của ông ta cho nền văn hoá Trung Quốc. Đó là điều mà những kẻ tầm thường không thể hiểu được. Giả dụ Quản Trọng quả biết chết cùng công tử Cù, thì khác nào gieo mình xuống mương nước thôi, có giá trị gì?"

"Thời Tần Nhị thế, hoạn quan Triệu Cao nắm độc quyền. Để thăm dò mức độ tuân thủ của quần thần đối với các mệnh lệnh của

mình, Triệu Cao dắt một con hươu đến nói với Tân Nhị thế: "Đây là một con ngựa" Nhị thế cười bảo: "Thừa tướng nhầm chăng? Rõ ràng đây là con hươu, sao lại bảo là một con ngựa?" Nhị thế lại hỏi các quan đại thần hai bên, có người nói là ngựa, có người nói là hươu, có người im lặng không nói gì. Sau đó, Triệu Cao bèn mượn cơ bức hại người nào đã nói là hươu, quần thần chỉ biết đưa mắt nhìn nhau.

Biết rõ Nhị thế ngu muội, Triệu Cao gian xảo, lại cứ khẳng khái dứt khoát, chẳng phải là "tự gieo mình xuống cống rãnh" mà Khổng tử đã nói hay sao? Khổng tử khen ngợi Quân Trọng, khen ngợi cả Nam Dung: "Nước có đạo, không bỏ, nước vô đạo, tránh được hình phạt". Đời bình, thả sức hành động; đời loạn, thận trọng giữ mình, không hi sinh vô ích. Thời bấy giờ có lẽ nhân tài hiếm hoi, cho nên Khổng Tử không chút do dự gả ngay con gái của mình cho Quân Trọng.

Cổ đại Trung Quốc, số vua chúa biết khoan dung kẻ can gián xúc phạm mình, quả là hiếm lắm. Đường Thái tôn là một, cũng chỉ có một Đường Thái tôn. Ngụy Chính thời Đường là một gián quan nổi tiếng trong lịch sử. Đường Thái Tôn thích một con chim điều hâu nhỏ. Một hôm đang chơi chim thì Ngụy Chính vào. Đường Thái tôn vội vàng giấu con chim vào lòng. Ngụy Chính vội không nhìn thấy, cứ thông thả cùng Đường Thái Tôn bàn quốc gia đại sự, Đường Thái Tôn vội lo lắng. Ngụy Chính đi rồi, Đường Thái tôn bỏ con điều ra xem: tiếng kêu của nó đã yếu lắm rồi. Sau khi trở về cung, Đường Thái tôn tức tối nói: "Sẽ có một ngày ta giết chết tên nhà quê này". Bà hoàng hậu hỏi rõ nguồn cơn, bèn sửa sang y phục đẹp đẽ rồi chúc mừng Đường Thái Tôn, Đường Thái Tôn không hiểu sao. Hoàng hậu giải thích: "Nhà Đường có đại quan thần giỏi như Ngụy Chính, lại có một hoàng đế lòng dạ bao dung như ông, đó

là điều mà lịch sử xưa nay chưa từng có, là điềm báo quốc gia thịnh vượng, như vậy không đáng để chúc mừng sao?" Đường Thái tôn nghe xong mới nguôi giận không nói gì nữa. Về sau, khi Ngụy Chính đã mất, Đường Thái Tôn tin vào lời dèm pha, xô đổ cả bia một Ngụy Chính. Mãi đến khi Đường Thái tôn bại trận với nước Cao Ly, mới nhớ đến Ngụy Chính: nếu Ngụy Chính còn sống thì chắc không có cảnh bại trận hôm nay. Thấy rằng, nói thật mất lòng nhưng lợi cho hành động, tuy có lợi cho hành động nhưng nếu chỉ có lời trái tai thì người ta không muốn nghe, bậc hiền tài cũng vậy. Trong lịch sử, hành động nuối tiếc đại loại như vậy rất nhiều, tiếc thay người ta chỉ có một cái đầu, hối tiếc ích gì?

Cho nên, "Trời có tội người cũng có tội" cũng coi được là một cách tự xử của thời kỳ loạn lạc xã hội. Đời sau không hiếm người đã theo nghệ thuật này. Như đời Ngụy-Tấn, đất nước loạn lạc, nhân dân không chịu cảnh khổ cực, tính mạng danh sĩ ít ai được bảo toàn. Nguyễn Tịch bèn đắm mình trong rượu, không tham chính sự. Tư Mã Chiêu muốn thông gia với Nguyễn Tịch, nhưng Nguyễn Tịch say một mạch sáu mươi ngày, rốt cuộc không nói chuyện được với ông ta. Chung Hội cũng nhiều lần đem chuyện chính sự ra nói chuyện với Nguyễn Tịch nhưng mong tìm ra sự thất thố trong lời nói của Nguyễn Tịch mà trị tội. Nguyễn Tịch cứ say bị tử không trả lời, nhờ đó mà may mắn thoát nạn.

Em trai của Hán Cao tổ là Lưu Giao. Được phong là Sở Nguyên vương. Lưu Giao đối xử tử tế với các quan phụ tá như Mục công, Thân công. Mục công không biết uống rượu, mỗi lần bày tiệc rượu Sở Nguyên vương bèn sắp riêng cho Mục công rượu ngọt. Đến khi Vương Mậu kế vị, mới đầu còn bày rượu ngọt cho Mục công, dần dần sao nhãng không bày nữa. Tan tiệc, Mục công liền bảo: "Ta phải cáo lui thôi, không có rượu ngọt tuy chỉ là chuyện vật,

nhưng chúng tôi, với Sở vương, ta không là gì nữa, nếu không chủ động ra đi, sẽ có ngày ta bị xử giữa chợ chưa biết chừng". Từ đó ông bèn cáo bệnh không ra.

Thân công, Bạch công hết sức khuyên giải: "Lẽ nào ông lại quên được ân tình của Tiên vương đối với chúng ta sao? Nay nếu Sở vương sơ xuất thất lễ, chấp mà làm gì". Mục công trả lời: "Kinh Dịch có nói biết được hiện tượng nhỏ bé trong hành vi là biết trước điều lành dữ. Người quân tử biết vậy phải hành động, đừng đợi đến ngày cuối cùng. Tiên vương lấy lễ đối đãi chúng ta chúng tôi Tiên vương hết sức tuân theo phép tắc vì chính. Lẽ nào có thể chung sống với người lãng quên đạo đó. Tôi không hề so đo từng li từng tí về lễ tiết nói chung". Nói rồi thoái thác mình bị ốm bỏ đi. Về sau, Vương Mậu ngày càng dám bạo, lại còn lên lút đi lại với Bạc thái hậu, bị tước mất hai quận Tuyết và Đông Hải, Vương Mậu cùng Ngô mưu phản, Thân công, Bạch công, nhiều lần can ngăn không nghe. Hai người hết cách, cũng bỏ Sở mà đi, sống bằng nghề gĩa gạo.

"Xem chừng mà hành động, không để đến ngày cuối" nói thì dễ, làm thì khó. Thử nghĩ: sống lâu giữa đám quan lại, ra vào lễ nghi, ngạo mạn hách dịch, tình cờ gió thổi cỏ lay, nhất quyết từ quan mà đi, hạ mình làm dân đen, không phải là việc dễ. Phân tích được sự biến hoá tinh vi của "Cơ" (tức điểm lành dữ), cần phải có lịch sử xã hội và kinh nghiệm sống phong phú. Khổng tử nói phải "thấy cái nguồn gốc của nó, xem xét nguyên nhân của nó ngầm nghĩ về cái tốt cùng của nó", quan sát con người bằng ba cái đó thì không bỏ sót bất cứ ai. Thời kỳ Xuân Thu, quan đại phu Trịnh Tử Sản có lần đi xe ra ngoài, khi ngang qua cửa thành Đông, nghe thấy tiếng một người đàn bà khóc. Tử Sản như có điều nghĩ ngợi, ra hiệu cho người đánh xe cho xe chạy chậm lại, lắng tai nghe, tiếng khóc

hơi khác thường. Ông bèn sai một viên quan của mình dẫn người đàn bà ấy đến xét hỏi. Thì ra người đàn bà ấy sau khi tự tay treo cổ chồng, vờ khóc lóc thảm thiết để che đậy che đậy hành động tội ác của mình. Người đánh xe vô cùng kinh ngạc, hỏi Tử Sản sao lại đoán biết được như vậy. Tử Sản trả lời: "Khi người thân của mình mới mắc bệnh thì cảm thấy nặng nề, khi sắp mất thì khủng khiếp lo sợ, đã mất rồi thì xót thương, buồn rầu. Chồng của người đàn bà ấy đã qua đời mà trong tiếng khóc của bà ta không có vẻ bi ai, trái lại đầy vẻ lo sợ, cho nên tôi đoán chắc trong việc này tất có điều khác thường".

Tại nghe tiếng khóc đoán kẻ gian của Trịnh Tử Sản không thua kém gì đôi mắt tinh tường của Tôn đại thánh. Đôi mắt tinh tường là ân huệ của Ngô Thừa Ân ban cho Tôn Ngộ Không; còn tại nghe tiếng khóc của kẻ gian lại là do Tử Sản rất sành sỏi việc đời.

Thời Chiến quốc, Thấp Tư Di nước Tề đến bái kiến Điền Thành tử. Điền Thành tử cùng Di lên lầu ngắm cảnh. Nghênh cổ nhìn về phía Nam, cây cối nhà Di đen thẫm thẫm một vùng che lấp tầm nhìn. Điền Thành tử như nghĩ ngợi điều gì nhưng lại điềm nhiên ngay, chẳng nói, chẳng rằng. Về đến nhà, Di lập tức sai người chặt cây. Vừa mới hạ được mấy cây, Di lại bỗng nhiên hạ lệnh ngừng tay. Quản gia thấy lạ, hỏi: "Sao ngài thay đổi nhanh thế?" Di trả lời: "Ngạn ngữ có nói, người nào biết được vực sâu có cá thì vận mạng của người đó nhất định không tốt. Điều khuất tất trong lòng Điền Thành tử ta biết rõ như trong lòng bàn tay, thế là ta đã đặt mình vào cái thế hiểm nguy. Cây không chặt không biết có tội trạng gì, nhưng biết tòng cái ý nghĩ mà người khác chưa nói ra thì e rằng tội lớn lắm đấy".

Đó là biết mà không làm. Biết rõ cây cối nhà mình che chắn tầm nhìn, khiến bề trên không vui nhưng vẫn thông minh giả bộ

ngu dân, phớt lờ, tại sao vậy? Sâu đến nỗi không thể đo thế dò là điều cần phải tu dưỡng của bề trên đối với dưới. Mọi hoạt động tâm lý tinh vi của bề trên mà anh đều có thể nhìn thấy, điều đó tất phải làm cho bề trên cảnh giác và đề phòng. Lê đương nhiên, Di mưu lấy vẻ ngu dân che dấu cái khôn của mình để chiều theo nhu cầu tâm lý của Điền Thành tử còn sâu thẳm hơn.

Quản Trọng là danh tướng nước Tề. Tề Hoàn công xưng bá Trung nguyên, tập hợp chư hầu, đều dựa vào công sức của Quản Trọng. Khi Quản Trọng ốm nặng, Tề Hoàn công đi thăm ông ta và xin chỉ giáo: "Quản Trọng bây giờ ông đang ốm thập tử nhất sinh còn có lời gì cần dặn dò chăng?" Quản Trọng đáp: "Thần chỉ mong ngài xa lánh bọn Dị Nha, Thụ Điều, Thường Chi Vu, Vệ công tử mà thôi". Tề Hoàn công không hiểu, hỏi Quản Trọng:

"Dị Nha từng bán cả thịt con mình để hiếu kính ta, chúng tỏ ông ta yêu ta hơn cả con mình, lẽ nào những người như thế vẫn lại không đáng tin nhiệm?" Quản Trọng đáp "Người ta đều yêu con của mình, nếu có người nào đó tàn nhẫn với đứa con do chính mình sinh ra, làm sao có thể thành tâm với chúa được?" Tề Hoàn công lại nói: "Thụ Điều không ngần ngại hoạn mình để đến thờ phụng ta, chúng tỏ ông ta yêu ta hơn cả bản thân mình, điều đó đáng hoài nghi lắm sao? " Quản Trọng nói: "Chẳng ai là không quý thân thể mình; người nào nhẫn tâm hủy hoại thân thể mình, với vua chúa chắc gì đã tốt?" Tề Hoàn công lại nói: "Thường Vu đoán biết được ngày giờ qua đời của mọi người, chữa được bệnh nan y của ta, ông ta cũng không đáng tin sao? " Quản Trọng nói: "Tử sinh do mệnh quyết định, bệnh nan y là căn bệnh trên cơ thể của mình, ngài đã không tự mình nắm lấy số mệnh của mình, giữ lấy cái gốc rễ của mình, lại đi nhờ Thường Vu giữ gìn sức khỏe cho ngài, thế thì ông ta sẽ nhân đó làm theo ý muốn của mình". Tề Hoàn công nói; "Vệ

công tử đã thờ phụng ta mười lăm năm nay, vì ta mà ông ta không về lo tang cho bố, chứng tỏ ông ta yêu ta hơn cả bố mẹ mình. Người như vậy không đáng tin sao?" Quán Trọng nói: "Người ta không kính yêu ai hơn bố mẹ của mình, với bố mẹ mà còn đoạn tình đến như vậy, huống hồ với người khác?" Tề Hoàn công nói: "Được, mọi việc ta sẽ làm theo ý ông." Sau khi Quán Trọng chết, Tề Hoàn công y lời dặn của Quán Trọng đuổi bọn Di Nha đi. Nhưng bốn người ấy đi rồi. Tề Hoàn công bỗng thấy trống trải ăn không ngon, ngủ không yên giấc, triều chính sao nhãng, đồng thời người thấy khó chịu, bệnh cũ tái phát. Tề Hoàn công nghĩ, lời nói của Quán Trọng có lẽ sai sót lệch lạc, thế là liền mời bốn người ấy trở lại. Năm sau, Tề Hoàn công lâm bệnh. Thường Vu rêu rao khắp nơi Tề Hoàn công sẽ qua đời vào ngày ấy tháng ấy. Bốn người câu kết với nhau, đóng chặt cung môn, chấm dứt việc ăn uống của Tề Hoàn công. Giữa ranh giới của sự sống và cái chết, Tề Hoàn công tuôn nước mắt than thở: "Chỉ trách ta không nghe lời Quán Trọng. Quán Trọng xứng là bậc thánh nhân, biết nhìn xa trông rộng".

Quán Trọng không phải là người sinh ra đã biết, vậy thì lấy gì để nói ông ta đúng? Bởi vì Quán Trọng biết quan sát lời lẽ và hành vi của bốn người từ trên bối cảnh chung của nền văn hoá xã hội. "Hiếu đễ" là tinh thần cơ bản của nền kinh tế xã hội cổ đại Trung Quốc. "Hiếu" là lòng kính yêu con cái đối với cha mẹ, là một kiểu đền đáp của cha mẹ cho lòng kính yêu của con cái! Cho nên "Hiếu" không phải là một chiều mà là hai chiều. Cha mẹ có "Tù" thì con cái mới "Hiếu" "Đễ" là tình yêu thương giữa anh chị em ruột. "Hiếu Đễ" trở thành một chuẩn mực luân lý xã hội cơ bản, nó sinh ra từ trong quan hệ huyết thống. Từ tình yêu giữa bố mẹ anh chị em mở rộng ra đến bạn bè, vua tôi đến cả xã hội, đây là nét đặc sắc trong chuẩn mực văn hoá cổ đại Trung Quốc. Vì thế mà "Bề tôi

trung tất phải từ đứa con có hiếu mà ra". Từ đó, Quán Trọng cho rằng những kẻ không ngần ngại cắt bỏ một bộ phận cơ thể mình, bán mất con trai của mình, không chịu tang cha mẹ mình thì không thể đối xử với anh em, bạn bè, vua chúa bằng lòng thành kính được, bởi vì hắn ta đã bỏ mất tình nhân luân cơ bản - "Hiếu Đễ"; mà mọi nguyên tắc chuẩn mực của mọi quan hệ luân lý cổ đại Trung Quốc đều sinh ra từ trên cơ sở của Hiếu và Đễ. Tài trí của Quán Trọng chỉ có vậy mà thôi.

Tể Hoàn công còn có lần hỏi Quán Trọng rằng Bào Thúc Nha có thể thế vị ông ta làm tể tướng được không. Quán Trọng trả lời Bào Thúc Nha không thể làm tể tướng được. Thế đấy, Quán Trọng chính là một người: khi khốn khó nhất, ông ta hoàn toàn nhờ cậy sự giúp đỡ của bạn mình là Bào Thúc Nha, khi gặp trắc trở về chính trị, cũng lại Bào Thúc Nha đưa cánh tay tình bạn ra tiến cử ông làm tể tướng, bây giờ Tể Hoàn công chủ động xin ông ta tiến cử Bào Thúc Nha, ông ta lại không chịu. Phải chăng ông ta lấy oán báo ân quá quất? Kỳ thực, Quán Trọng có chủ ý của mình: khuyết điểm lớn nhất của Bào Thúc Nha là tiết tháo và phẩm hạnh cao thượng, ghét điều xấu như ghét kẻ thù. Một người làm tể tướng mà không dung thứ dù nửa vết nhơ thì sống làm sao được? Chẳng lẽ thiên hạ hết người tài rồi sao? Bởi vì nhân vô thập toàn cho nên, để Bào Thúc làm tể tướng, đã hại cho nước càng hại cho bản thân Bào Thúc Nha. Bào Thúc Nha sau khi biết việc này vô cùng vui sướng, cho rằng Quán Trọng mới thật là tri kỷ.

Không có lòng hiếu để không dùng được, tiết tháo phẩm hạnh cao thượng, ghét điều xấu như ghét kẻ thù cũng không dùng được, có thể thấy cái khó của việc dùng người. Quán Trọng vừa thấy được cái bao la rộng lớn trong hạt bụi vừa thấy được hạt bụi trong cái bao

la rộng lớn, nêu ra một lấy ba phản lại, đúng là con người phi thường.

Thời Minh, Gia Định An Ninh có một người tên là Vạn Nhị, giàu có nhất vùng. Có người từ kinh đô về quê, Vạn Nhị đến thăm hỏi về những điều tai nghe mắt thấy ở kinh đô. Người ấy nói rằng hoàng thượng (Minh Thái tổ Chu Nguyên Chương) mới làm được một bài thơ: "Các quan chưa dậy trăm đã dậy. Các quan đã ngủ trăm chưa ngủ. Không như phú ông ở Giang Nam. Mặt trời lên năm trượng vẫn còn trùm chăn". Vạn Nhị kinh ngạc than rằng: "Ấy là điềm báo trước hoàng thượng ban lệnh cấm sát sinh! "Thế là Vạn Nhị bèn sắm một chiếc thuyền to đưa vợ con trôi nổi khắp vùng Hồ, Tương. Chưa đầy hai năm, số người bị tịch thu ở Giang Nam nhiều không thể kể xiết, còn Vạn Nhị được yên hưởng tuổi trời.

Vạn Nhị sở dĩ may mắn thoát nạn là nhờ qua bốn câu thơ ngắn gọn của Chu Nguyên Chương. Ông ta đã nắm bắt được đặc trưng tâm lý sâu kín của Chu Nguyên Chương, tức lòng đổ kỵ - hoặc cũng có thể là lòng đổ kỵ nảy sinh từ tâm lý trống rỗng. Chu Nguyên Chương quí là Thiên tử, "Trăm là đất nước, đất nước là trăm". Thiên hạ họ Chu, thế hãy còn chưa đủ lắm sao? Vật cực tác phản, đầy đủ đến tột cùng thì trở nên trống rỗng. Chu Nguyên Chương là chủ quốc gia, ngài trên tất cả, vẻ ngạo mạn hống hách, lại không thiếu vẻ đẹp trong lời nói và sắc mặt. Nhưng rồi thế nào? "Các quan chưa dậy trăm đã dậy. Các quan đã ngủ ta chưa ngủ", ông ta thấy mình không như các quan." "Không như phú ông Giang Nam, mặt trời lên năm trượng hãy còn trùm chăn", lại hạ mình xuống dưới các thương gia. Đó là sự trống rỗng mới. Qui luật tâm lý phổ biến của con người là: nhu cầu cũ đã được thoả mãn thì ham muốn mới, chưa được thoả mãn theo đó nảy sinh. Qua bài thơ của Chu Nguyên Chương, có thể thấy được nỗi cô độc và trống rỗng

trong tâm lý của vị hoàng đế ấy, nhìn thấy tình cảm buồn rầu trong sự tôn quý cực đoan. Đã vậy, giết mấy người để làm khuấy khỏa sự trống trải tâm lý chẳng phải là việc hợp lẽ sao? Chả trách Chu Nguyên Chương giết nhiều công thần đến thế! Đương nhiên sở dĩ ông ta tàn sát công thần, lo ngại "công cao át chủ" là một nguyên nhân chủ yếu, còn do nỗi cô độc và trống rỗng trong tâm lý của người có cương vị hoàng đế mà đi tìm cơ giải khuấy, cũng là nguyên nhân không thể bỏ qua. Vạn Nhị cũng quả là người hiểu tâm lý của hoàng đế.

2. BỎ TIỂU CẦU ĐẠI, VỨT TỐT GIỮ XE

Một lớp khác trong mâu thuẫn giữa Đại và Tiểu là mâu thuẫn của lợi ích cục bộ với lợi ích của toàn thể. Một mũi tên hai con điều, trừ tính thống nhất, đương nhiên lí tưởng nhất. Nhưng tình huống phức tạp, sự đời lắm truân chiên, trong rất nhiều trường hợp cả hai không thể vẹn toàn. Lúc này đòi hỏi chủ thể Quyền mưu nhìn rõ toàn cục, dám lấy, dám bỏ, dùng cái được cái mất của cục bộ để đoạt lấy cái được cho chính thể. Như Điền Kỵ đua ngựa.. là điển hình về bỏ Tiểu cầu Đại, vứt tốt giữ xe.

Thời Chiến quốc, tướng nước Tề Điền Kỵ, thường đua ngựa với các vương công quý tộc nước Tề, thua mất rất nhiều tiền cá cược. Tôn Tân sau khi xem xét sức ngựa của hai bên, nói với Điền Kỵ: "Lần sau khi đua ngựa, ngài cứ đặt nhiều tiền vào, tôi bảo đảm giúp ông giành được phần thắng". Một lần, Điền Kỵ lại cùng Tề vương và các công tử đua ngựa, ông đặt tiền nghìn lạng vàng - Tôn Tân liền nói với Điền Kỵ: "Bây giờ ông đem ngựa hạng ba của ông đua với ngựa hạng nhất của họ, dùng ngựa hạng nhất của ông đua với ngựa hạng hai của họ, dùng ngựa hạng hai của ông đua với ngựa

hạng ba của họ". Kết quả Điền Ky thua một thắng hai, thu được nghìn vàng.

Đây là điển hình của việc dùng cái được mất cục bộ để giành lấy phần thắng cho chính thể. Binh pháp nói lấy mạnh đánh yếu, nhưng ngựa đua của hai bên đều chia ra làm ba hạng nhất, nhì, ba, cho nên không lấy yếu đánh mạnh cục bộ thì sẽ không có lấy mạnh đánh yếu trong tổng thể, tức nếu muốn giành được phần thắng chung thì phải chịu sự thất bại cục bộ.

Tư tưởng này của Tôn Tần thường được các nhà quân sự đời sau vận dụng. Đường Thái tông Lý Thế Dân khi tổng kết kinh nghiệm chiến tranh từng nói: "Từ hồi còn trẻ ta đã kinh lược thiên hạ, biết nhiều điều mấu chốt của việc dụng binh. Mỗi lần quan sát trận địa của kẻ địch, là biết ngay được sự bố trí mạnh yếu của chúng. Ta thường dùng lực lượng yếu của ta để đối chọi với đội quân mạnh của quân địch, lấy đội quân mạnh của ta để đánh đội quân yếu của chúng! Sau khi kẻ địch chiến thắng đội quân của ta chúng truy đuổi chưa được vài trăm bộ thì dừng lại không dám tiến, trong khi đó lực lượng hùng mạnh của ta sau khi đánh bại đội quân yếu ớt của địch, bèn đuổi đến cùng đánh thật lực, đánh thẳng vào lưng địch, không địch nào không vì thế mà tan rã toàn bộ". Rõ ràng đây là chiến thuật của Tôn Tần.

Tống Cao tông thường nhờ Ngô Lân dạy bảo phương hướng sách lược đánh thắng địch. Ngô Lân nói: "Lấy số ít khiêu chiến, đem số nhiều nghênh chiến". Tống Cao tông lập tức tỉnh ngộ: "Đây chính là chiến thuật đua ngựa của Tôn Tần".

Thời kỳ Xuân Thu, Công Tôn Tiếp, Điền Khai Cường, Cổ Giã Tử của nước Tề là ba dũng sĩ của Tề Cảnh công. Họ cậy sức lực và địa vị của mình ngạo mạn khinh người, làm điều bậy bạ.

Tướng Tể Yến Anh lo họ gây mầm tai hoạ về sau, bèn xin Tể Cảnh công cho dẹp bọn họ đi. Tể Cảnh công lúng túng nói: "Ba vị này dũng khí sức lực hơn người, không có ai là đối thủ của họ, hành thích cũng e khó mà đảm trúng". Yến Anh xin Tể Cảnh công sai người đưa cho ba dũng sĩ hai quả đào, và bảo với họ: "Ba các ông lẽ nào không thể dựa vào công lao của mình để quyết định quả đào thuộc về ai hay sao?" Công Tôn Tiếp giành lấy trước nói "Ta đánh nhau với giặc trước, rồi lại vật lộn với hổ, Công Tôn Tiếp này không như người khác, đương nhiên được ăn đào" Nói đoạn thuận tay lấy đi một quả. Lúc này Điền Khai Cường bảo: "Ta đã hai lần phục binh đánh lui quân địch, công lao lớn như vậy đương nhiên cũng đáng được ăn đào". Nói xong bèn cầm nốt quả đào kia. Cổ Giã Tử thấy đào đã bị lấy sạch, giận dữ nói: "Ta từng theo nhà vua sang sông, đột nhiên một con ba ba cực lớn cắn vào chân con ngựa bên trái của xe nhà vua lôi xuống nước. Bấy giờ ta còn nhỏ không biết bơi, dám nhảy xuống nước, lặn ngược dòng trăm bộ, lại lặn xuôi dòng chín dặm, bắt giết được con ba ba, tay trái ta nắm đuôi ngựa, tay phải cầm đầu ba ba, nhảy vọt lên, các thủy thủ đều sững người cho rằng hà bá xuất hiện. Công lao của Cổ Giã Tử này như vậy lẽ nào không đáng được ăn đào ư?" Nói xong rút kiếm bật dậy. Công Tôn Tiếp và Điền Khai Cường bỗng cảm thấy hổ thẹn, nói rằng: "Cổ Giã Tử dũng không thể sánh, công không thể so, mà chúng tôi lại lấy được đào trước, ấy là biểu hiện của lòng tham, nếu không biết lấy cái chết để rửa nhục thì không đáng là dũng sĩ". Nói rồi, nhất tể trả lại đào, sau đó rút kiếm tự vẫn. Cổ Giã Tử nhìn thảm cảnh ấy, vô cùng kinh ngạc và buồn bã: "Hai dũng sĩ chết cả rồi, mình ta sống là bất nhân. Dùng lời nói khen mình hại người là bất nghĩa. Nếu không lấy cái chết để đáp lại là vô dũng". Nói xong cũng rút kiếm tự vẫn. Sứ giả thừa

lại với Tề Cảnh công đầu đuôi sự việc, Tề Cảnh công an táng họ bằng lễ nghi long trọng.

Đây là phương pháp Yến Anh đối phó với dũng sĩ. Ông đã giết chết ba dũng sĩ bằng hai quả đào, sự thần kỳ trong công sức của ông khiến người ta không thể tưởng tượng và lý giải được. Thực ra, thần lực không phải ở hai quả đào, mà ở chỗ Yến Anh đã nắm chắc được đặc trưng tính cách của dũng sĩ.

Dũng sĩ của Trung Quốc phần lớn đều thô lỗ, hào phóng, tám lòng nghĩa hiệp của họ thường khiến người ta ghê người. Nghĩa đức phù hợp. Ấy là "thấy cảnh bất bình trên đường, rút gươm giúp nhau", vì bạn bè, vì người tri kỷ càng phải khảng khái giúp đỡ thậm chí hy sinh tính mạng cũng không luyến tiếc. Cho nên "Nghĩa" thường đi đôi với "Dũng" Tục ngữ có câu: "Trọng nghĩa thường là kẻ thịt chó. Phụ tình, thường là người có học". Nghề mà họ làm tuy là nghề bẩn tiện, giết thịt chó, không có mấy hiểu biết, nhưng giàu tinh thần hiệp nghĩa, nói phải giữ lòng tin, làm phải có kết quả, như Kinh Kha, Cao Tiêm Ly... trong lịch sử. Đương nhiên, việc tu dưỡng của loại "Nghĩa" này không phải chỉ có ở người thịt chó, phạm là những hiền nhân quân tử trong lịch sử đều sẵn có nó. Điển hình nhất có Gia Cát Lượng, thật là "Khả dĩ thác lục xích chi cô, khả dĩ ký bách lí chi mệnh". "Thác Cô" nổi tiếng trong chính trị nói đến việc Lưu Bị Bạch Đế thành gửi đứa con mồ côi của mình cho Gia Cát Lượng. Lưu Thiện, con trai của Lưu Bị, rất đần độn, tên tục là A Đẩu. Trước khi chết, Lưu Bị gửi Lưu Thiện cho Gia Cát Lượng, nói: "Ông tài ba gặp mười lần Tào Phi, đứa con nói ngôi có thể giúp đỡ được thì giúp, không giúp được thì thay đi". Câu nói khiến Gia Cát Lượng vô cùng xúc động, vội quì xuống nói: "Thần xin ở cung tận tụy cho đến chết". "Công thành, danh toại, thân thoái" mới

coi là trọn vẹn, tốt đẹp, nhưng Gia Cát Lượng lui không đành "Cúc cung tận tụy cho đến chết" Đó chính là "Nghĩa".

Anh hùng có thể chinh phục được thiên hạ nhưng lại khó chinh phục được mình. Hãy xem những người anh hùng trong lịch sử, "Nghĩa" khí trong họ vẫn pha chút màu sắc khinh suất: dẫu đúng dẫu sai làm đến cùng. Sai cũng sai đây khí phách, sai đến bi tráng. Sở Bá vương chính là anh hùng loại này. Lật đổ nhà Tần, Hạng Vũ không có gì hổ thẹn với Công đầu, nhưng kết quả thế nào? Trần Cai Hạ, khi Hạng Vũ bị tướng sĩ nhà Hán bao vây bốn mặt, một ông lão muốn đưa ông qua sông, nhưng ông ta tìm cách từ chối ngoạn dẫu nhìn lại thấy người đi phía trước đuổi theo để giết mình lại chính là bộ hạ cũ của mình, tên là Mã Đồng. Mã Đồng thấy Hạng Vương quay đầu, xấu hổ vội ngoảnh mặt đi. Hạng Vũ bảo: "Ông đừng sợ, sao vậy? Ông chẳng phải là Mã Đồng cũ của ta ư? Nghe nói Lưu Bang treo thưởng ai lấy được đầu ta sẽ thưởng ngàn vàng, phong vạn hộ hầu. Ông ta đã là kẻ thù của ta, thì tặng ông cái đầu của ta đây. Nói rồi rút kiếm tự vẫn.

Hạng Vũ sống là người hào kiệt, chết làm ma anh hùng, dẫu vẻ đẹp bi tráng. Bi kịch lớn nhất của Hạng Vũ là đến chết vẫn không tỉnh. Ông ta ngửa mặt lên trời thở dài thườn thượt: "Không phải tội chiến mà là trời hai tai" Thực ra nguyên nhân thất bại chủ yếu của ông ta chính là chẳng chịu nghe ai, không nghe những lời khác ý, chẳng hạn, khi ông ta đánh đến Hàm Dương, Hàn Sinh báo với ông ta: "Quan Trung hiểm trở, núi sông vây bọc, đất đai phì nhiêu, nên chiếm lấy làm kinh đô" Khuyên ông ta đóng đô ở Hàm Dương để thu tóm thiên hạ. Nhưng Hạng Vũ trả lời: "Phú quý không về quê hương, về, có khác gì áo gấm đi đêm, ai biết là ai?" Đến đây chúng ta lại nhìn thấy một mặt khác của người anh hùng: lòng dạ hẹp hòi "Sĩ nhi Hoài cư". Vương Huyền người đời Thanh có

thơ khóc Hạng Vũ: "Người Tần bá chủ thiên hạ, người Sở phải hạ mình, xin dâng đầu lâu tặng Mã Đông. Ý trời sao từng bênh Lưu Quý, đại vương thất kế luyện Giang đông. Xưa đánh Hàm Cốc xưng Tây đế, hà tất Hồng môn giết Bái Công". Thật là đã nhằm trúng điểm yếu của vị anh hùng này. Đọc lịch sử các anh hùng dễ khiến người ta muôn phần cảm khái: trong nghĩa khí có khinh suất, trong khinh suất có bi tráng. Nhưng sự vật chính là sự đối lập mâu thuẫn như vậy đây. Giả sử người anh hùng trọng nghĩa có dũng, trong dũng có sự thận trọng, thì đặt những người như Yến Anh vào vị trí nào? Cho nên "anh hùng khí đoản", Yến Anh dùng hai quả đào giết ba dũng sĩ chính là đã lấp được lỗ hổng này.

Đỗ Bật, quan lang trung đất Hành Đài đời Đông Ngụy, từng đem việc vợ vét tham lam của một số đại thần văn võ thừa lại với thừa tướng Cao Hoan, xin được trị tội. Cao Hoan nghĩ rằng phía Tây có Vũ Văn Thái Tây Ngụy uy hiếp, phía Nam có Tiểu Tề Tương dự đổ; hơn nữa, gia đình của các tướng lĩnh văn võ phần nhiều ở Quan Tây, người đi kẻ ở chưa biết thế nào, cho nên hãy tạm gác kiến nghị của Đỗ Bật lại đó đã. Cao Hoan sắp ra quân đánh Tây Ngụy, Đỗ Bật cố giữ ý kiến của mình, lại thỉnh cầu Cao Hoan hãy trừ giặc trong đã. Cao Hoan hỏi ai là giặc trong. Đỗ Bật liền nói kẻ nào hàng ngày cướp đoạt công lao của dân chính là giặc. Cao Hoan không nói gì nữa, chỉ sai một số quân sĩ giương cung, lắp tên, dơ đao, chống kích, đứng san sát, lại sai Đỗ Bật đi dọc giữa hai hàng quân. Đỗ Bật thấy vậy sợ hãi run lập cập, mồ hôi ướt đầm lưng áo. Cao Hoan liền thì thầm với Đỗ Bật: "Tên đã nhằm nhưng không bắn, đao đã giương nhưng không chém, kích đã sẵn nhưng không đâm, thế mà ông đã kinh hồn lạc phách. Những người có công liều thân giữa đao kiếm, xông pha nơi chiến trường, tuy có tham lam vô sỉ, nhưng

công lao với nước, các ông khó sánh kịp, còn nói gì đến những người tâm thương!" Đỗ Bất cúi đầu tạ tội, thừa nhận mình thiên cặn.

Cao Hoan biết bao quát toàn cục: quân địch đang trước mặt, phải dốc sức đối ngoại, nếu không để ý đến giặc ngoài, chính đồn nội bộ, làm cho mọi người lo sợ, còn ai muốn nhận cái chết ở sa trường? Cho nên, giữ nước là việc lớn, trị nước là việc nhỏ. Ngược lại, đề nghị chinh đồn nội bộ của Đỗ Bất tuy rõ ràng đúng đắn, nhưng chỉ là sách vở, không thực tế, chỉ làm hồng việc lớn mà thôi. Mưu của Đỗ Bất hợp tình mà không hợp lý, không để gì nghe ý kiến của người không liễu thân nơi trận mạc. Cao Hoan bày ra cảnh nguy hiểm ở chiến trường, sai Đỗ Bất thử nghiệm. Đỗ Bất mới vỡ nhẽ cái ý nghĩa công phu của Cao Hoan.

Tể tướng biết chèo chống, Cao Hoan đúng là giàu lòng độ lượng của một tể tướng.

Thời Đường Đức Tông, nhân gần ngày cúng giỗ hoàng đế, cấm sát sinh. Những người dây tơ của Quách Tử Nghĩa vi phạm lệnh cấm, đã giết thịt dê. Hữu Kim Ngô đưa Bùi Tư bẩm ngay với Tân hoàng thượng để vạch tội. Vì việc này Đức Tông nhiều lần khen Bùi Tư không xu nịnh quyền quý, trung trực cương chính. Có người cho rằng không đúng, hỏi Bùi Tư: "Quách công có công với xã tắc, sao không che đậy lại?" Bùi Tư trả lời: "Chính bởi vì Quách công ngôi cao đức cả tôi mới làm thế. Quách Công quyền cao chức trọng, hoàng thượng mới lên ngôi, vốn lo ngại phe cánh Quách công đông đảo, khó kiểm chế. Tôi phát giác một lỗi lầm nhỏ của ông ta để chứng tỏ Quách công không đáng sợ. Như vậy, trên thì hết lòng với đạo thờ vua, dưới thì làm yên lòng Quách công và triều thần, chẳng phải là một công đôi việc hay sao?"

Quách Tử Nghi là danh tướng trung hưng nhà Đường. Loạn An Sử, Đường Minh hoàng chạy trốn về Tứ Xuyên; suýt mất nước. Quách Tử Nghi múa giáo phóng ngựa, nam chinh bắc chiến, gắng sức chống chọi, rước vua về kinh, công lao nổi bật uy danh lừng lẫy, vì vậy được phong là Phần Dương vương "Công cao chấn chủ", bệ tột như vậy làm thế nào bảo toàn được tính mạng là cả một đề bài nhân sinh quan trọng mà các công thần trong các triều đại cổ Trung Quốc phải đối mặt. Như tướng Tần Vương Tiễn, thừa tướng nhà Hán Tiêu Hà giữ mình bằng cách chiếm đoạt ruộng dân, giành giật mỹ nữ để bôi nhọ thanh danh mình. Cái gọi là "làm quan như nhớ về quê, vốn không có chí lớn" là để yên lòng chúa thượng. Thủ đoạn này thường công hiệu, cho nên được khá nhiều công thần đời sau áp dụng. Có điều biện pháp "tự bôi nhọ tự bảo vệ" cũng không phải là thật hoàn hảo. Nếu có một vị chúa thượng tâm tư sâu kín, nghĩ từ một phương diện khác: những hành vi tự bôi nhọ này của anh là hiển hiện của sự lo sợ, mục đích của nó là nhằm che đậy tâm sự bề bộn. Quả là như vậy, hành vi tự bôi nhọ há chẳng phải là chữa lành thành què hay sao? Không thể, hành động của Bùi Tư thật là cao siêu: Quách Tử Nghi tuy quyền cao chức trọng, nhưng chẳng có gì đáng sợ cả, anh xem ông ta có một sai sót nhỏ, liền bị người khác đứng lên khấp tội, chứng tỏ ông ta chẳng phải là nhân vật có quyền thế gì ghê gớm, không đáng lo. Do đó ta thấy rằng, Bùi Tư rất thành thạo phương pháp tăng giảm, ông ta ẩn dấu việc bảo vệ trong vạch tội, hung phấn trong kiểm chế, khiến vua tột đều yên, thật đáng gọi là thuần phục tài tình.

Đương nhiên, Quách Tử Nghi cũng có cách tự vệ của mình. Vương phủ của ông ta luôn rộng mở, ai ra vào cũng được, không thấy không hỏi. Máy dứa con gái của ông nhao nhao khuyên ông: "Công danh sự nghiệp của bố thật là hiển hách, nhưng bố lại không

hiếu thế nào là tự trọng, bất kể sang hèn đều có thể tùy ý ra vào vương phủ, thậm chí còn vào cả phòng ngủ của bố! Dù rằng là bậc thánh như quan Y Doãn kia, quyền thần như Hoắc Quang kia cũng không làm thế" Quách Tử Nghi cười nói: "Các con hầu như không hiểu được ý nghĩ mà ta hằng nung nấu. Nhà ta có những đầm trăm ngựa ăn rơm cỏ của nhà nước, hơn nghìn tôi tớ ăn cơm nhà nước. Ta trước không có chỗ cầu, sau không đường lui. Nếu ta xây cao tường, đóng chặt cửa, bót lui tới triều đình nội ngoại, giả dụ có thể gây thù gây oán với ta, vu cáo ta toan tính phá kỷ cương phép tắc; lại nữa, bọn ghen ghét người hiền tài thêm dấm thêm ốt làm ra vẻ như chuyện đúng là có thật, đến lúc ấy có hồi hận cũng không kịp. Nay ta thân nhiễm vô tội, bốn cửa mở toang, tuy có người muốn bêu riếu ta, nhưng khó tìm được cớ".

Có thể thấy rằng một ngày của công thần không dễ trôi qua. Quách Tử Nghi cũng không ngoại lệ. Biện pháp của Quách công là "nói ra để giữ mình": Anh thấy đấy, nhất cử nhất động của tôi đều trong ánh mắt chăm chú của mọi người, cứ yên tâm nhé? Thực ra, mọi vật đều có mặt trái của nó. Kết quả việc làm của Quách công chắc sẽ nâng cao hơn tiếng tăm của ông, nhưng đó lại là điều nhà vua không muốn biết đến.

Các quan đã vậy, tả hữu còn khó xử hơn. Thật không bằng Tống Thái Tông "chén rượu xóa hết quyền uy" một cách dứt khoát gọn gàng: ban cho công thần ruộng tốt nhà đẹp để họ an hưởng cuộc sống hạnh phúc, vĩnh viễn rời bỏ chính sự. Như vậy cũng làm cho vua tôi cả hai đều yên. Đáng tiếc, Tống Thái Tông chỉ có một còn nhiều bậc đế vương phạm phải sai lầm vừa dùng người vừa nghi ngờ khiến bề tôi không thể không giở hết mưu mẹo để đối phó lại.

Thời Minh khi Chu Trâm làm quan tuần phủ Giang Nam, Vương Chấn chính trực nắm quyền, dưới một người, trên vạn người,

uy quyền của ông như vầng thái dương giữa trời, trong triều ngoài dân đều kính phục. Chu Trầm dĩ nhiên cũng buồn rầu lo lắng đêm ngày, toan tính làm sao tranh thủ được sự giúp đỡ của Vương Chấn. Vừa may Vương Chấn sửa sang phủ trạch, Chu Trầm liền ngầm sai người đo đạc kích thước nhà cửa vương phủ, sau đó sai người đến Tùng Giang đặt làm một tấm thảm nhung gửi tặng Vương Chấn. Kích thước to nhỏ vừa khít, Vương Chấn rất vui sướng. Từ đó, phàm những hạng mục xây dựng mà Chu Trầm trình lên triều đình đều được Vương Chấn hết lòng giúp đỡ, cả vùng Giang Nam được nhiều ơn huệ.

Đây là dùng vốn nho nhỏ để có nhiều lãi. Có điều người ta không hiểu được là một quyền thần như Vương Chấn, vinh hoa phú quý hưởng không hết, về cuộc sống vật chất mà nói dĩ nhiên không phải lo nghĩ gì, sao có thể động lòng vì một tấm thảm nhung? Ở đây có liên quan đến tình cảm tâm lý sâu kín của con người mà không thể lấy lượng nhiều ít của vật chất để giải thích. Đọc lịch sử Trung Quốc, đại phàm người có chức quyền cao càng cô đơn, đối tượng để anh ta giải phóng tình cảm cũng càng ít, vì vậy càng thiếu thốn cuộc sống của con người chân chính. Cực đoan nhất như hoàng đế, ông ta là con người cô độc. Nói chuyện, làm việc đều tuân theo một thể thức cứng nhắc đặc biệt của tổ tông truyền lại. Ông ta sống trong tiếng tung hô phát ra vạn tuế vang vọng vách núi, nhưng nghe được bao nhiêu tiếng hô phát ra từ lồng ngực? Cho nên bạn đồng hành với sự uy nghiêm bất khả xâm phạm của ông là nỗi buồn khổ trong tình cảm của con người. Ông ta không có hoặc rất ít bạn chân chính, không có hoặc có rất ít đối tượng thổ lộ tâm tình. Biết chung sống với bề tôi bằng đạo bề bạn thì đây là vị hoàng đế biết hành động. Như Đường Thái Tông với Ngụy Chính, Càn Long

với các viện sĩ hàn lâm của ông ta, trong lịch sử Trung Quốc đáng gọi là sừng lân lông phượng.

Có hôm trời nóng bức, các viện sĩ hàn lâm biên soạn "Tứ Khố toàn thư", không chịu nổi, cứ cởi áo ra làm việc. Kỷ Hiểu Cương người to béo đương nhiên cũng mình trần. Lúc này hoàng đế Cần Long đột nhiên đến viện Hàn lâm trong bộ thường phục, định chuyện trò cùng các viện sĩ. Thấy hoàng đế đến, mọi người đều chạy biến ẩn trốn. Kỷ Hiểu Cương bị cận thị nặng, giấy lát không tìm thấy áo, lúng ta lúng túng đành chui xuống gầm bàn. Được một lát, Kỷ Hiểu Cương không chịu được bèn thò đầu ra hỏi:

"Lão già đã đi chưa?" liền bị Cần Long tóm được! Cần Long gọi ông ta ra hỏi: "Ông vô lễ thế, sao gọi ta là lão già?" Kỷ Hiểu Cương ung dung giải thích "Vạn tuế, vạn tuế, vạn vạn tuế! Chính là bậc đại "lão" của nước. Nguyên thủ quốc gia là "thủ", chân long thiên tử là "tử". Dân chúng cả nước đều gọi bệ hạ là "Lão đầu tử" (lão già), đấy là sự hô tôn kính" Vua Cần Long cũng cười.

Trong giây phút ngắn ngủi ấy không có sự cách biệt vua tôi, chỉ có tình bằng hữu. Cũng chỉ trong giây phút này vua Cần Long mới quên khuấy nỗi buồn bực bội vô tận, hưởng thụ sự dễ chịu và thoải mái vô hạn. Làm hoàng đế có lúc cũng rất khó, ông ta cũng cần có cuộc sống và giao lưu tình cảm không nhuộm màu sắc chính trị. Nói từ góc độ này, có những hành vi nếu đánh giá bằng thước đo chính trị thì đáng bị phê phán, nhưng nếu dùng thước đo của cuộc sống để xem xét thì hoàn toàn khác hẳn. Chẳng hạn như Hòa Thân đã thâm tóm quyền lực triều đình nhà Thanh, năm cuối đời Cần Long, rất nhiều người vào can gián nói nên phế bỏ người như Hòa Thân đi. Nhưng Cần Long cứ làm theo ý riêng mình, không hề động đến ông ta. Về sau có người hỏi Cần Long sao thiên vị Hòa Thân thế? Cần Long đáp: "Ta biết Hòa Thân tồi tệ, nhưng các người

cũng phải giữ một người lại vui chơi cùng ta chứ!" Đây là lời nói tự đáy lòng của hoàng đế!. Một người đã ở vào địa vị không người thân thích, ngay cả một người để chuyện trò cười đùa, vui chơi cũng không có nổi thì thật là khổ sở.

Thấu hiểu được cuộc sống tình cảm cô tịch của hoàng đế không có gì không lý giải được công dụng kỳ dị của tấm thảm nhung Chu Trâm. Vương Chấn có cuộc sống vật chất đầy đủ đến thừa thãi, nhưng lại thiếu thốn thứ tình cảm vô vấp thân tình chân chất. Quanh ông không thiếu kẻ nịnh thần theo đóm ăn tàn, nhưng lại thiếu vắng những người bạn chân thành cởi mở. Chu Trâm tuy chưa hẳn là người bạn thấu hiểu lòng nhau, nhưng ông nắm bắt được tình cảm cô quạnh của kẻ quyền thần, đã gửi gắm mối quan tâm "tỉ mỉ chu đáo" đối với Vương Chấn qua tấm thảm nhung, một vật dụng sinh hoạt không đáng để ý, làm rung động trái tim của Vương Chấn vốn thiếu thốn sự giao lưu tình cảm chân chất, bớt đi cái khoảng cách trong tình cảm giữa ông ta với Vương Chấn, đồng thời gạt hái được những cái lớn hơn.

Trên đời không có hai chiếc lá giống hệt nhau, cũng không có hai người giống y như nhau. Cho nên việc cư xử phải dựa vào chỗ khác nhau của người, không thể cứng nhắc một thể thức, không thể khó một thời sung sướng cả đời, bằng không sẽ gặp phải mặt trái của nó mà thôi.

Quyền tướng Nam Tống là Tần Khoái khi xây dựng lầu Cách Thiên, một viên quan Giang Nam vội vàng lấy lòng Tần Khoái, đem vàng dát lót cho người thợ việc để được các số đo của lầu Cách thiên, sau đó làm một tấm thảm trải nền, vào dâng cho Tần Khoái, thảm trải trong lầu kích thước vừa khít. Tần Khoái hết sức ngạc nhiên, buồn bã ngờ vực, lo ngại ông ta biết được nội tình của mình, thế là lời người dâng thảm ra trách mắng một trận.

Lễ vật giống nhau, hiệu quả khác nhau, điều đó không có gì lạ. Vương Chân hấp tấp, ngao nghễ ngang tàng, nghĩ suy hời hợt cho nên hễ có là nhận. Nhưng còn Tần Khoái thì hiểm độc, xảo trá, lo xa..tính kỹ, suy đi nghĩ lại rồi mới hành động. Cho nên trước mắt một người như Tần Khoái không được tỏ ra là người tháo vát thông minh, mà phải có phong thái rất thông minh mà trông bộ ngu đần.

2

VIỄN VÀ CẬN

Mâu thuẫn của Viễn và Cận bao gồm hai nội dung: Một là thời gian, một nữa là không gian.

Người ta tiến bước trong hành lang dài của thời gian. Mâu thuẫn giữa Viễn (xa) và Cận (gần) trong thời gian biểu hiện cụ thể thành mâu thuẫn lợi ích trước mắt với lợi ích lâu dài. Nói chung, hiện tại là tương lai đã phân li, tương lai là hiện tại không ngừng tiếp diễn. Nắm được hiện tại là đã nắm được tương đối chắc chắn tương lai. Nhưng hiện tại và tương lai xét đến cùng là hai khái niệm khác nhau. Nói là nắm được hiện tại là đã nắm được khá chắc chắn tương lai, tiền đề là "Hiện tại" này phải là cái hiện tại đã chứa đựng nhân tố tương lai, từ đó đặt cơ sở tốt cho lợi ích và sự phát triển của tương lai. Như vậy mới coi là nắm được toàn bộ dòng thời gian. "Hiện tại" thành công này sẽ trở thành thử nghiệm của tương lai thành công. Cho nên, vì tương lai, có lúc cần phải hy sinh một phần hiện tại, nó đòi hỏi chủ thể Quyền mưu có khả năng nhìn xa trông rộng, có hoài bão và trình độ "thu gọn cả núi non".

Người ta còn sống trong một không gian nhất định, sống trong một quần thể nhất định của không gian nhất định. Giữa các quần thể khác nhau có quan hệ lợi ích khác nhau. Cho nên không tránh khỏi mâu thuẫn giữa các quần thể, có điều mức mãnh liệt và lớn nhỏ của mâu thuẫn không giống nhau mà thôi. Nói chung, quần thể khác nhau sống trong không gian khác nhau, cho nên mâu thuẫn của Gần và Xa trong không gian có thể xếp vào loại mâu thuẫn giữa các quần thể khác nhau. Trong xã hội đương thời khoa học phát triển cao độ, do việc nâng cao trình độ thông tin hóa mà trái đất khổng lồ cũng trở nên nhỏ bé chật hẹp. Sự xuất hiện của từ ngữ "Địa cầu thôn" chính là phản ánh con người đang tiến vào thời đại thông tin hoá. Mặc dù con người đương thời sống ở các vùng khác nhau trên trái đất đều có cảm giác "xa xôi tận chân trời, gần gũi trọng gang tấc" nhưng đừng tưởng khoảng cách của không gian trong bất kỳ lĩnh vực nào cũng đều không đáng kể. Khoảng cách của không gian, trong rất nhiều lĩnh vực, như chính trị, kinh tế, nhất là trong ngoại giao và chiến tranh, vẫn là nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến quan hệ giữa nước này tới nước khác. Thế cho nên, thời cổ đại Trung Quốc khoa học không phát triển, giao thông không tiện lợi, mâu thuẫn giữa Xa và Gần trong không gian là nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến quan hệ chính trị, kinh tế, ngoại giao và chiến tranh giữa các quần thể (hoặc quốc gia) khác nhau. Xứ lí quan hệ giữa Xa và Gần cũng trở thành vấn đề mà các nhà mưu lược phải đối mặt.

1. CHIÊU NGHĨA HOÀI VIỄN

Nghĩa tức Nghi. Điều nói đến như "Dọc đường thấy bất bình, rút dao giúp nhau", "Có thể nhờ cậy đứa trẻ mồ côi cao sáu thước, có thể gửi mạng trăm dặm", đều là viết theo hành động tinh hoa của

nghĩa. Nói gọn lại, dũng cảm đương đầu với nguy hiểm, không kể được mất, có thể nhảy vào nước sôi lửa bỏng, thậm chí không tiếc hy sinh tính mạng của mình vì bạn bè, vì tri kỷ, vì một tín ngưỡng hoặc một lý tưởng nào đấy, đó chính là tinh thần cơ bản của nghĩa. "Nghĩa" xưa nay bị coi là phạm trù đối lập với "Lợi". Cái gọi là "Quân tử nói về nghĩa, tiểu nhân nói về lợi", đã nghĩa thì không nói đến lợi, đã lợi thì không có nghĩa, hai thứ đó không dung nhau như nước với lửa. Việc tranh cãi về nghĩa và lợi kéo dài hàng ngàn năm nay, cho đến tận bây giờ linh hồn của nó vẫn còn lơnh vờn.

Nói ở mức độ cao cấp hơn, nghĩa và lợi chẳng phải không dung nhau như nước với lửa. Trong nghĩa có lợi, trong lợi có nghĩa. "Nghĩa" là "Lợi" đối với người khác, "Lợi" là "Nghĩa" đối với mình, đó là lẽ thứ nhất. Lẽ thứ hai, dù là "Nghĩa" có lợi cho người khác, cũng chẳng phải không có lợi gì đối với mình, huống hồ thường thường mất cái lợi trước mắt lại được cái lợi lâu dài. Chẳng hạn như, thời Chiến quốc, thực khách của Mạnh Thường quân lấy danh nghĩa lệnh trên đốt quyền, lấy nghĩa cảm hóa đất Tuyết. Tuy mất cái lợi trước mắt, nhưng sau này Mạnh Thường quân t hôì làm quan quay về đất Tuyết, dân chúng đất Tuyết không những không tỏ ra lạnh nhạt mà còn dìu già dắt trẻ, chào đón từ xa, cái nghĩa đã đổi lấy được chẳng phải là lợi hay sao? Nghĩa đã chinh phục được lòng người thì nó nhất định sẽ mang lại lợi ích cho người ta. Cho nên, lấy nghĩa để cảm hoá kêu gọi, không chỉ là thủ thuật được các nhà Nho chính thống đề xuất mà cũng là thủ đoạn thường được các nhà mưu lược vận dụng trong chính trị, kinh tế, quân sự, ngoại giao và các lĩnh vực khác.

Thời Xuân Thu, nước Tấn phái Giản Ngô mang quân đi đánh Tiên Ngưu, quân đến Cổ thành (huyện Tấn, Hà Bắc ngày nay), bèn điều đội quân hùng hậu vây kín thành. Cổ thành nguy đến nơi, lòng

người hoang mang. Lúc này, trong thành có người nguyện làm nội ứng, phản loạn hàng Tấn. Giản Ngô một mực từ chối. Quân tá hữu nghị hoặc, hỏi: "Giảm bớt nỗi khổ công thành của tướng sĩ, sao lại không làm?" "Giản Ngô đáp: "Ta từng nghe Thúc Hạo nói: người ở ngôi cao yêu ghét rõ ràng, lời nói việc làm thận trọng thì ít phạm sai lầm, dân chúng mới kính mộ và nương nhờ, quốc gia muôn việc đều nên, thông đồng bén giọt cả. Nếu như có người bán rẻ thành trì của chúng ta, nhất định chúng ta căm ghét họ. Như hôm nay có kẻ muốn bán rẻ thành trì của họ cho chúng ta, chúng ta liền tỏ ra vui mừng, trên thực tế đây là phần thưởng dành cho hành vi mà chúng ta căm ghét. Cho nên, chủ trương của ta là có sức thì tiến, không lực thì lui, không thể dùng biện pháp gian tà bỏ mặc đại nghĩa để đoạt lấy thành trì. Nếu không cái mất đi sẽ còn lớn hơn cái được nhiều."

Tiếp đó đem giao kẻ phản bội cho Cổ thành thì hành án tử hình. Sau ba tháng vây thành, trong thành lại có người xin đầu hàng. Giản Ngô tiếp kiến một số dân trong thành, sau đó nói: "Ta biết trong thành vẫn còn lương ăn, hãy tiếp tục giữ nữa đi! "Cử chỉ này của Giản Ngô càng chọc tức tướng sĩ. Họ nhao nhao chất vấn Giản Ngô: "Có thể lấy được thành ngay thì ông lại không muốn, đóng quân dưới chân thành bỏ phí quá nhiều thời gian, hao người tốn của, sẽ ăn nói thế nào với nhà vua?" Giản Ngô trả lời: "Điều này quá dễ. Lấy được một vùng đất mà dân chúng ở đó có tính biếng nhác, vậy vùng đất ấy có ích gì? Chi bằng để họ cứ giữ lấy thành trì. Thành trì lấy được một cách dễ dàng thì khó giữ được dài lâu, không đấu tranh quyết tử mà đã giao thành trì cho đối phương cũng chẳng tốt lành gì. Người Cổ thành gắng sức giữ thành là xứng đáng với vua của họ, ta chưa lấy được thành mà đã được lòng dân thì cũng xứng đáng với quốc vương của chúng ta. Bây giờ chúng ta

kiên trì tín nghĩa, lấy được thành xong, dân chúng sẽ biết tín nghĩa ở đâu, sẽ dốc lòng trung thành nghe theo, không dám hai lòng. Làm như vậy chẳng nhẽ không đúng ư?" Về sau, Cổ thành đã lương hết lực kiệt, Giản Ngô mới chiếm lĩnh Cổ thành. Sau khi vào thành, không may may tơ hào, chỉ đưa vua của họ về nước Tấn.

Tôn tử nói: "Quân sự là phép thuật gian xảo". Lại nói: "Quân sự xây dựng bằng sự lừa dối". Tôn Tần binh pháp. Tề Uy vương vấn "Sự lừa dối là để làm cho kẻ địch khốn đốn". Tào Tháo chú: "Quân sự vô thường hình, lấy gian xảo làm phép thuật". Lấy đức làm chính trị, lấy lừa dối làm việc binh cũng như người hiền tài đều có học thức. Thế nhưng, Giản Ngô dùng binh độc đáo và có bản lĩnh, tựa hồ nhà quân sự bỏ qua phép tắc cơ bản: đã hình thành thế hùng binh uy hiếp thành trì, không những không lợi dụng tâm lý hoảng sợ của kẻ địch làm thế chủ động áp đảo đánh thắng, trái lại đem trả cho đối phương chém đầu những kẻ phản bội, qui hàng, giúp kẻ địch thêm ý chí giữ thành. Kế đó, Cổ thành xin hàng, Giản Ngô lại lấy lý do trong thành vẫn còn lương thực để cự tuyệt, làm như bản thân Giản Ngô chính là vị tướng giữ Cổ thành vậy. Chả trách bộ hạ cứ nghi ngại mãi, liên tục chất vấn: bao vây thế mà không đánh, không chịu lấy thành, hao người tốn của, mất mũi nào gặp nhà vua.

Hành động của Giản Ngô thật khó cắt nghĩa. Nhưng đời sau không ít người đã bắt chước ông ta.

Tam Quốc Thục hậu chủ Kiến hưng năm thứ ba (năm 225 sau công nguyên). Gia Cát Lượng lên án đất Nam Trung (vùng Khúc Tĩnh Vân Nam ngày nay), Mã Tốc kiến nghị với Gia Cát Lượng: Nam Trung phản nghịch dựa vào địa thế hiểm trở, không theo Thục-Hán đã lâu lắm rồi, thường nay còng phá, mai lại phản. Nếu nay thừa tướng dốc sức bắt phạt, Nam Trung phản nghịch biết được Thục trống rỗng, chắc có hành động sai trái. Nếu chém sạch giết

sạch bọn họ, đã không hợp với đạo nhân nghĩa, lại không phải là việc ta có thể làm được. Phép dụng binh, công tâm là thượng sách, công thành là hạ sách, xin thừa tướng hãy nghĩ cách thu phục họ. Gia Cát Lượng nghe theo kiến nghị của Mã Tắc, tháng năm vượt sông Lô Thủy (tây bắc huyện Bảo Sơn Vân Nam ngày nay), bắt sống thủ lĩnh Nam Trung là Mạnh Hoạch. Gia Cát Lượng dẫn Mạnh Hoạch ra trước trận địa hỏi: "Trận địa này bố trí thế nào?" Mạnh Hoạch trả lời: "Trước kia không rõ thực hư nên mới thất bại. Nay được xem xét trận thế thì ra là thế này, không thể đánh thắng được". Gia Cát Lượng cười rồi phóng thích Mạnh Hoạch. Bảy lần bị bắt bảy lần được tha. Mạnh Hoạch thán phục: "Thừa tướng uy lực thần kỳ người Nam chúng tôi không dám phản nữa". Nam Trung mới được yên. "Tam thập lục kế" đánh giá hành động bảy lần bắt bảy lần tha của Gia Cát Lượng: "Vũ hâu 7 lần tha, ý nhằm mở rộng đất đai, dùng Mạnh Hoạch để thu phục các man di, cách này không phải là binh pháp. Nếu luận chiến thì người bắt không thể phục tùng". Bảy lần bắt bảy lần tha" ý nhằm mở rộng đất đai, dùng Mạnh Hoạch thu phục các man di", đã nói đúng điều cốt yếu, tiếp đó khẳng định bị bắt và phục tùng "không đúng binh pháp", thì không khỏi làm người ta băn khoăn. Đại để ông ta cho rằng mở rộng đất đai, thu phục man di đều thuộc riêng phạm vi chính trị, không có liên quan gì đến việc binh. Thực ra, chiến tranh là hình thức chuyển đổi của chính trị, các thời đại đều không có cuộc chiến tranh thuần túy tách rời mục đích chính trị". Khổng tử binh pháp" nêu ngay tôn chỉ mục đích: "Quân sự là việc lớn của nước. Đất sinh tử, đạo tôn vong, không thể không xem xét". Tôn tử cho rằng chiến tranh là việc lớn có liên quan đến sinh tử của quân dân, tôn vong của quốc gia. Chưa đến với chiến tranh mà bàn về chiến tranh, làm sao có thể nói rằng mở rộng đất đai, thu phục man di, bảy lần bắt bảy lần tha là không hợp binh pháp? Khổng tử lại nói: "Bách chiến bách thắng

không phải là người tài giỏi. Không đánh mà khuất phục được người mới là giỏi" Còn nói: "Trước hết đánh bằng mưu, thứ đến đánh bằng ngoại giao, thứ nữa đánh bằng áp lực quân sự, sau cùng mới công thành" Các cuộc chiến tranh đều phục vụ cho mục đích chính trị, kinh tế, văn hóa nhất định, cho nên chiến tranh còn thường hỗ trợ cho thủ đoạn chính trị, kinh tế, văn hoá và tâm lý, đồng thời chúng hoà nhập với nhau làm một.

Hai bên giao chiến, mỗi bên có chủ ý của mình. Nói về cuộc chiến ở Cổ thành, người đất Cổ thành giữ thành, "Nghĩa" cùng tồn vong với thành, không đánh mà hàng, hổ thẹn với mệnh vua, ấy là vứt bỏ mất Nghĩa. Người nước Tấn đánh Cổ thành, vâng mệnh vua trên, dũng cảm chiến đấu, ấy là Nghĩa. Nhưng trong tình huống thực lực quân Tấn chiếm ưu thế tuyệt đối, phần thắng trong tay, nhưng Giản Ngô không hề do dự đưa trả hàng binh cho địch, kéo dài ý chí giữ thành của người Cổ, làm sáng tỏ cái gốc của Tín Nghĩa, chẳng đáng để người ta suy ngẫm lắm sao? Thử nghĩ: những ngày ấy dân chúng Cổ thành cảm nghĩ như thế nào?

Mạnh Thường quân của nước Tề là một trong bốn công tử lớn thời Chiến quốc, trong nhà có hàng ngàn thực khách. Có một lần, ông đem sổ sách chi thu ra, muốn tìm một người thực khách biết tính sổ sách đến đất Tuyết, áp phong của ông ta đòi nợ. Phùng Huyền hằng háixung phong. Trước khi đi, Phùng Huyền hỏi Mạnh Thường quân: "Thu xong nợ mua gì về." "Mạnh Thường quân đáp" "Xem trong nhà thiếu gì thì tùy mà mua!" Phùng Huyền đến ngay đất Tuyết, bảo quan lại địa phương cho gọi tất cả con nợ đến, bày rượu thịt khoản đãi. Sau khi cộng hết các trái phiếu, Phùng Huyền bèn giả lệnh của Mạnh Thường quân ban cấp cho dân chúng tất cả số tiền nợ và đốt trái phiếu ngay tại chỗ, ngay ngày hôm ấy đánh xe về báo cho Mạnh Thường quân. Mạnh Thường quân lấy làm kinh

ngạc trước sự nhanh chóng của Phùng Huyền, vội vàng sửa sang áo mào tiếp kiến Phùng Huyền, hỏi: "Sao về nhanh thế" Mua gì về?" Phùng Huyền đáp: "Ông bảo tôi mua thứ gì mà trong nhà đang thiếu, tôi nghĩ, trong cung của ngài không thiếu vàng bạc châu báu, trong chuồng cũng không thiếu ngựa hay chó lạ, cung tần mỹ nữ vô kể, thiếu chăng chính là lòng nhân ái. Cho nên tôi tự mình quyết định mua cho ông một chữ "Nghĩa". Mạnh Thường quân chưa hiểu ý của ông ta, Phùng Huyền liền giải thích: "Nay ông chỉ mới có một đất Tuyết áp phong. Ông không biết yêu quý chúng dân trái lại còn dùng thủ đoạn của kẻ thù nặn bóp tiền của dân. Tôi mượn lệnh ngài ban cho họ tất cả tiền nợ, đốt bỏ khế ước mọi người ai cũng nhảy múa hoan hô, cảm kích ân đức của ngài. Đây chính là cái "Nghĩa" mà tôi mua về cho ngài". Mạnh Thường quân nghe đoạn, trong lòng không vui, nhưng không biết làm thế nào. Một năm sau, Tề Mẫn vương cách chức tướng của Mạnh Thường quân. Mạnh Thường quân đành quay về đất Tuyết áp của mình. Dân chúng đất Tuyết nghe nói Mạnh Thường quân sắp về, liền điu già dắt trẻ ra trăm dặm đường đón tiếp. Mạnh Thường quân vô cùng sung sướng, nói với Phùng Huyền: "Cái "Nghĩa" mà ông mua cho tôi cuối cùng hôm nay đã được thấy".

"Thiên hạ náo nhiệt đều vì Lợi mà đến, thiên hạ hỗn loạn đều vì Lợi mà đi". Mạnh Thường quân tuy hiền tài, cũng không quên vun vén tích góp, dặn dò Phùng Huyền xem trong nhà cái gì thiếu, mua được mua hết. Về điểm này, gọi là hiền nhân quân tử với phạm phu tục tử thì có gì khác nhau? Thế nhưng, Phùng Huyền thông minh tinh đời, nhìn xa trông rộng, đem trái phiếu chằm một mối lửa, tay không bấm báo, khiến Mạnh Thường quân dờ khóc dờ cười, nghi nghi hoặc hoặc: mua "Nghĩa" như vậy, có liên can gì tới Lợi? Ngày sau bãi tướng miễn quan, quay về đất phong, dân chúng từ xa

đã reo hò nhảy múa cúi chào, phân biệt nghĩa lợi, chỗ khác nhau của xa gần, đều đã rõ ràng. Mạnh Thường quân mới như tỉnh mộng. Ta thấy, bỏ gần cầu xa, vứt của lấy nghĩa, nếu không phải là hiền nhân thì có làm được không?

Dân chúng đất Tuyết cúi chào từ xa xa, mạnh Thường quân không ngớt xúc động. Phùng Huyền nói: "Nhắc lại việc ấy làm gì! Đến nay nơi mà ông có thể an cư chính là đất Tuyết này. Tục ngữ nói "con thỏ quý tuyết có ba hang ẩn nấp", ít ra ông phải có ba nơi nương thân thì mới yên lòng. Nếu ông cho tôi một cỗ xe ngựa, cho tôi đi Tân một chuyến, tôi chắc làm cho Tề vương lại sử dụng ông. Lúc bấy giờ đất Tuyết, Hàm Dương (thủ đô của nước Tần), Lâm Truy (đó thành nước Tề) "ba hang" đã thành, ông có thể gối cao ngủ kỹ được rồi". Mạnh Thường quân tất nhiên đồng ý. Không bao lâu, Phùng Huyền từ phía tây vào Hàm Dương, nói với Tần Chiêu vương: "Nay có người tài trí không đến với nước Tần mà lại đến với nước Tề. Người đến nước Tần đều muốn làm cho nước Tần mạnh, nước Tề yếu; trái lại người đến nước Tề lại muốn làm cho nước Tề mạnh nước Tần yếu. Có thể thấy rằng, Tần, Tề, không đội trời chung, nước Tần không được thiên hạ thì nước Tề có thiên hạ". Tần vương thấy Phùng Huyền chuyện trò ý vị, liền hỏi Phùng Huyền có kế sách gì giúp Tần lớn mạnh. Phùng Huyền hỏi lại Tần Vương: "Đại vương cũng đã hay tin Mạnh Thường quân bị Tề vương cách chức rồi chứ? " Tần vương đáp: "Nghe nói rồi". Phùng Huyền nói: "Nước Tề sở dĩ tự cường được trong đám chư hầu là toàn dựa vào công sức của Mạnh Thường quân, thiên hạ ai cũng thấy rõ. Thế mà nay Tề vương nghe theo lời gièm pha, phế truất Mạnh Thường quân. Mạnh Thường quân vô cùng oán giận Tề vương. Giả sử đại vương nhân dịp này vời Mạnh Thường quân đến, ông ta chắc hẳn xin vì nước Tần mà gắng gỏi. Nước Tề đã mất Mạnh Thường quân,

lại còn sợ nó ngày một suy vi sẽ theo về với Tần chăng? Xin đại vương mau mang lễ vật đến ấp Tuyết mời Mạnh Thường quân, nếu không, Tề vương một khi tính ngộ lại sẽ lại dùng Mạnh Thường quân. nước Tề lại phải cùng nước Tần tranh cao thấp, quyết sống mái". Tần vương nghe xong vui mừng hớn hở, quyết định lập tức cử người đánh mười cỗ xe ngựa, mang mấy nghìn lạng vàng đi rước Mạnh Thường quân. Phùng Huyền thấy việc đã đầu vào đấy, liền vội vàng về nước Tề trước, lại đến khuyên Tề Mẫn vương: "Tề, Tần hai nước không đội trời chung, cuộc tranh chấp giữa Tề và Tần xét đến cùng là cuộc tranh chấp nhân tài, ai có được nhân tài thì người đó sai khiến được thiên hạ. Tôi nghe nói nước Tần ngầm lôi kéo Mạnh Thường quân, hiện nay đã phái sứ thần mang mười cỗ xe ngựa trăm cân lạng vàng làm hậu lễ đi mời Mạnh Thường quân sang làm tướng cho Tần. Giả như Mạnh Thường quân quả thật sang Tần, điều khiển thiên hạ, thế thì Lâm Truy, Túc Mặc e nguy hiểm".

Tề vương nghe xong sốt ruột muôn phần, chốc lát không tìm ra cách nào, đành theo ý kiến của Phùng Huyền, lại sử dụng Mạnh Thường quân và còn ban thưởng Mạnh Thường quân ấp phong một nghìn hộ. Đồng thời sai người đón tiếp sứ Tần, báo cho sứ giả nước Tần biết Mạnh Thường quân đã trở lại làm tướng, sứ Tần đành phải quay ngựa trở về.

Đây là câu chuyện "Con thỏ quý quyết có ba hang ẩn nấp" nổi tiếng trong lịch sử. Xem cảnh Mạnh Thường quân bãi quan về Tuyết, dân Tuyết ra trăm dặm cúi chào, có thể nói trước rằng trừ phi Mạnh Thường quân mưu phản làm loạn, bị tước mất ấp phong, còn thì ấp Tuyết này như hang đá kiên cố, khỏi lo. Thế nhưng, hai chiếc hang tướng Tần tướng Tề mà Phùng Huyền mới đào cho Mạnh Thường quân e rằng vẫn còn là mối lo nghĩ, không thể coi ngang

với cái hang đất Tuyết. Năm thứ 25, Tề Mẫn vương, Mạnh Thường quân sang Tần. Tần Chiêu vương sắp tôn Mạnh Thường quân làm tướng, có người liền nói với Tần Chiêu vương: "Mạnh Thường quân tuy là người tài, nhưng rồi cuộc ông ta là người nước Tề. Để ông ta đến làm tể tướng nước Tần, e rằng ông ta sẽ lo cho lợi ích của nước Tề trước và lo cho lợi ích của nước Tần sau, tiền đồ của nước Tần sẽ trở nên nguy hiểm". Tần vương nghe xong hết sức đồng tình, lập tức từ bỏ ý nghĩ cũ không chút suy tính, lại còn bắt giam Mạnh Thường quân, đồng thời mưu tính sát hại Mạnh Thường quân. May mắn được sự giúp đỡ của môn khách "Kê minh cầu đạo", Mạnh Thường quân mới thoát nạn ở Tần. Mạnh Thường quân tuy có tiếng là hiền sĩ, uy danh lừng lẫy chư hầu, nhưng Tần vương vẫn không bỏ qua được lời can gián "Người Tề vì Tề trước vì Tần sau", Mạnh Thường quân xuýt nữa mất mạng, cái gọi là ba hang đã thành, gỏi cao ngũ kỹ, đầu phải dê? Mạnh Thường quân thích đường sĩ, bất luận nho sĩ, lưu nhân hiệp khách, phạm nhân, không phân sang hèn, nhất loạt dung nạp, lại còn chủ khách bình đẳng, không có ngoại lệ. Một lần, Mạnh Thường quân cùng các môn khách dùng bữa tối, vì bị người khác che mất ánh đèn, một môn khách lầm tưởng là ăn uống không công bằng nên nổi trận lôi đình. Mạnh Thường quân liền đứng dậy đem phần của mình so với của ông ta. Ông ta thấy đồng đều, vô cùng hổ thẹn, rút kiếm tự vẫn. Từ đó, kẻ sĩ trong thiên hạ đều theo về với Mạnh Thường quân. Lần này, Mạnh Thường quân gặp nguy ở Tần, may sao có "Cầu đạo" ăn trộm áo da, "Kê minh" thông cửa ải, Mạnh Thường quân mới biến được nguy thành yên. Mới đầu, Mạnh Thường quân thu dung hai người "Kê minh", "Cầu đạo" làm môn khách, những môn khách khác coi khinh, mắt nhìn lạnh nhạt. Lần này, Mạnh Thường quân nhờ công sức của "Kê minh Cầu đạo" thoát được nạn ở Tần, tân khách không ai không thán phục con mắt và lòng dạ của Mạnh Thường quân. Đại khái

"Thiên sinh ngã tài tất hữu dụng", bảy giờ không dùng ngày sau dùng, đâu phải hải tâm mắt nhỏ hẹp. Cho nên nói "Kê minh Cầu đạo" là chỗ lập thân quả không ngoa.

Có điều, thời này đã thế, thời khác cũng vậy. Cái hang mà Phùng Huyền đào ở Tần cũng không thể vứt bỏ. Phùng Huyền gặp mặt Tần Chiêu vương, từ chuyện Tần, Tề không đội trời chung, nói cuộc tranh đua giữa Tần Tề suy cho cùng là cuộc tranh giành nhân tài, tiếp đó đem việc đi ở của một Mạnh Thường quân liên hệ với sự thịnh suy của hai nước Tần, Tề, đã điểm trúng chỗ yếu của Tần Chiêu vương. Tần vương lập tức quyết định đem nhiều xe, mang nhiều tiền mời Mạnh Thường quân sang Tần làm tướng. Cái hang Tần đã xong, Phùng Huyền liền lấy đó làm quả đấm để đe dọa Tề vương. Tề vương không làm gì được, đành khôi phục chức tướng cho Mạnh Thường quân, còn ban thêm một nghìn hộ. Từ đó mà xét, hang Tần tuy không phải là chốn an thân lập nghiệp, nhưng vẫn được coi là phương tiện để củng cố hai hang Lâm Truy và đất Tuyết. Xét việc Phùng Huyền nói hang Tần đã xong, trở lại đưa tin trước cho Tề vương, khiến Tề vương giữ Mạnh Thường quân lại, không cho sang Tần, phải chăng Phùng Huyền cũng đã ý thức được việc này?

Người ta không biết lo xa, ắt phải lo gần, nhưng lại không được quá hấp tấp. Thế mới gọi là "Thời cơ đến mà hành động, tất sẽ có địa vị, được dịp may mà ra tay tất sẽ nên công tuyệt thế".

Tần Trang Tương vương Tử Sở trước khi lên ngôi, đã làm con tin ở nước Triệu. Vì hai nước Tần, Triệu thường hay giao chiến, cho nên Tử Sở thường chịu sự đối đãi lạnh nhạt ở nước Triệu. Hơn nữa Tử Sở không phải là con trưởng, gửi chư hầu làm con tin, vì thế vật dụng không nhiều, xe cộ cũ nát, sinh hoạt túng thiếu, rất không hài lòng. Lúc này, thương nhân Lã Bất Vi đang buôn bán ở Hàm Đan

kinh đô Triệu, thấy tình cảnh ấy, cho rằng Tử Sở "tích trữ hàng quí", sau này có thể làm ăn lớn, vì vậy đến bái kiến Tử Sở trước: "Tôi có thể làm rạng rỡ gia đình ông". Tử Sở ngắm nhìn nhà buôn có bộ mặt khó coi, cười và nói: "Ông hãy tạm làm rạng rỡ gia đình của mình đi đã, khoắc lác làm rạng rỡ gia đình ta làm gì". Lã Bát Vi nói: "Ngài chưa được biết gia đình ngài phải được rạng rỡ trước rồi gia đình chúng tôi mới rạng rỡ được". Tử Sở nhận thấy có điều thú vị trong đó bèn cùng Lã Bát Vi bàn bạc kỹ lưỡng. Lã Bát Vi nói: "Hiện nay Tần vương tuổi đã già, đưa An Quốc quân lên làm thái tử. An Quốc quân vô cùng sủng ái Hoa Dương phu nhân, mà Hoa Dương phu nhân lại không có con trai. Người được lập con nối ngôi, chỉ có Hoa Dương phu nhân. Anh em các ông có hơn hai mươi người, ngài lại thứ bậc ở giữa, chưa hề được nuông chiều, làm con tin ở nước khác mãi, đến khi đại vương qua đời, An Quốc quân nối ngôi làm vua, ngài sẽ rất khó có cơ hội cùng anh cả và các anh em khác đang sớm hôm chung sống với đại vương tranh ngôi thái tử". Tử Sở gật đầu bào phải, vội hỏi làm thế nào mới được. Lã Bát Vi nói: "Ngài vốn thiếu thốn vật dụng, lại làm khách ở nước người, không có tiền lời kéo vương thân, cũng không có tiền kết giao khách khứa. Tôi tuy không được khá giả nhưng xin cho tôi đem một nghìn cân vàng vì ngài mà tây du, thờ phụng An Quốc quân và Hoa Dương phu nhân, lập ngài con thừa tự". Tử Sở cảm kích muôn phần, nói: "Nếu việc thành, nhất định ta sẽ cùng hưởng thiên hạ nước Tần với ông?". Thế là Lã Bát Vi đem năm trăm vàng đưa cho Tử Sở, dành để ông ta kết giao khách khứa; lại đem năm trăm vàng mua các động vật quý lạ đem sang nước Tần, dâng cho Hoa Dương phu nhân, và mượn cớ du thuyết cho Tử Sở. Hoa Dương phu nhân cuối cùng thuyết phục được An Quốc quân lập Tử Sở làm con thừa tự, sau đó lập tiếp làm Tần Trang Tương Vương. Sau khi Tử Sở được lập làm Tần Vương, Lã Bát Vi cũng được tôn làm thừa tướng,

phong Vân Tín hầu, thực ấp Lạc Dương Hà Nam 10 vạn hộ. Không chỉ có vậy, Lã Bất Vi còn hợp với sở thích của Tử Sở, đem người gái nhảy đã mang thai dâng cho Tử Sở, sinh con đặt tên là Chính, về sau nối ngôi vua, chính là Tần Thủy hoàng thống nhất Trung Quốc. Lã Bất Vi thương nhân đưa Tần vương Chính lên ngôi báu hoàng đế, bản thân làm thừa tướng, quyền khuynh triều đình và dân gian, tột tở vạn người.

Trong tâm trí người thường, thương nhân so đo từng li từng tí, mắt nhìn nhỏ hẹp. Thế nhưng Lã Bất Vi thì trong lòng lại chứa đựng thiên hạ đại sự, lấy ngàn vàng thay đổi ngôi vua, nhờ đó được phong hầu bá tướng, đứng đầu các quan, quyết không phải thương gia nào cũng làm được. Cử chỉ khàng khái chỉ vàng không tiếc, tuy xuất phát từ tư lợi cá nhân, nhưng về khách quan, giải thoát Tử Sở khỏi cảnh cùng khốn, cũng không phải hoàn toàn không liên quan gì đến "Nghĩa".

Trong "Trang tử" lại có chuyện thế này:

Nước Tống có một gia đình có phương thuốc bí truyền, đến mùa đông bôi loại thuốc này lên da, không bị lở, không bị nẻ. Gia đình này chính dựa vào phương thuốc bí truyền này đời đời khỏi khổ vì lở loét do lạnh. Có người qua đây, nghe nói phương thuốc bí truyền này, bèn bỏ ra món tiền to một trăm lạng vàng mua lấy. Liên sau đó xuôi xuống phía Nam du thuyết Ngô vương, huấn luyện thủy binh đều bôi loại thuốc này lên. Về sau, Ngô Việt đánh nhau, Ngô vương bèn sai người ấy làm thống soái thủy quân. Thủy binh nước Ngô bôi loại thuốc này, không sợ lạnh, không sinh lở loét, đánh bại quân Việt. Nhờ đó người ấy được công to, được cắt đất phong cho.

Trang Tử vô cùng khảng khái nói: cùng một loại thuốc, có người biết lợi dụng nó được phong hầu bái tướng, nhưng có người lại chỉ có thể đời đời... Sự chênh lệch lớn biết bao!"

Thời Xuân Thu, nước Trần nổi loạn. Hạ Chính Thư đã mưu sát Trần Linh công. Sở Trang vương lấy cớ xuất binh diệt Trần, bắt giết Hạ Chính Thư. Các quan đại thần lũ lượt kéo đi châu lạy chúc mừng, duy có Thân Thúc Thời không nói gì. Sở Trang vương trách vấn: "Hạ Chính Thư mưu sát quốc quân, tội đại phản nghịch, chư hầu Trung nguyên không ai dám hỏi han đến, chỉ có ta giữ vững chính nghĩa, đánh dẹp kẻ có tội. Bây giờ nước Sở đất đai mở rộng thêm nhiều, mọi người lũ lượt kéo đến chúc mừng, chỉ có ông chẳng nói năng gì, lẽ nào trong việc này ta sai rồi chăng?" Thân Thúc Thời đáp: "Đâu có, đâu có! Ấy là vì có vụ án quyết định chưa được dứt khoát, thân muốn thỉnh thị đại vương đấy thôi".. Sở vương vội hỏi ngay việc gì, Thân Thúc Thời trả lời: "Có người dắt trâu ngang qua ruộng người khác, dẫm nát cả hoa màu. Chủ ruộng tức giận, không cho người kia biện bạch, giằng lấy trâu, nhất định không chịu trả lại. Nếu giao vụ án này cho đại vương, đại vương sẽ định đoạt như thế nào?" Sở Trang vương trả lời: "Dắt trâu dẫm nát hoa màu của người ta, lẽ đương nhiên phải bị phạt. Chủ ruộng vì thế cướp trâu của người ta cũng quá đáng..." Sở Trang vương nói đến đây bỗng nhiên nhận ra, vừa then vừa giận nói: "Cái ông này chuyện trò cứ rào trước đón sau, ta lập tức trả lại con trâu cho người ta". Sở Trang vương triệu ngay Viên Pha quan đại phu nước Trần bảo ông ta phụ tá Trần Thành công dựng lại nước. Cử chỉ này của Trang vương, tín nghĩa sáng ngời, không những nước Trần cảm ơn ông ta, đồng thời nước Sở còn nhận được lòng kính mộ của các nước chư hầu Trung nguyên, dần dần đặt địa vị bá chủ của nước Sở ở Trung nguyên.

Thời kỳ Xuân Thu, Chu vương thất suy vi, "Lễ Nhạc chinh phạt từ chư hầu mà ra". Các chư hầu mượn tiếng trị kẻ có tội để đánh chiếm nhau, tranh làm bá chủ thiên hạ. Nhưng tinh thần văn hoá cơ bản "thịnh suy kế tiếp" chưa bao giờ mất, việc trảng trợn đưa quân xâm lấn thôn tính nhau, ngay lập tức làm dậy lên tình cảm "một con ngựa đau cả tàu chê cỏ" giữa các nước chư hầu, hình thành hình thái thiên hạ cùng lên án nó. Dẫu là nước giàu quân mạnh cũng không chống đỡ nổi sức mạnh liên hiệp của các chư hầu, do đó từ bỏ địa vị bá chủ. Con người là động vật giàu tình cảm, dễ dàng chiến thắng người khác, nhưng không dễ chiến thắng được bản thân. Thử nghĩ xem: lấy danh nghĩa đất nước Sở hùng vĩ, trị tội phản nghịch để tiêu diệt nước Trần, quân đi có cớ, thiên hạ làm gì được ta? Riêng Thân Thúc Thời biết lên cao nhìn xa, chẳng tốn công mất sức mà giúp Trần dựng lại nước, cử chỉ này, Gân, được nước Trần cảm ơn, Xa, được chư hầu ngưỡng mộ, không đánh mà được ngôi bá chủ, há chẳng phải Xa Gân đều hợp hay sao?

2. VIỄN GIAO, CẬN CÔNG

"Viễn giao Cận công" là phương kế cơ bản nước Tần dùng để thống nhất thiên hạ cuối thời kỳ Chiến quốc.

Cuối thời kỳ Chiến quốc, nước Tần trải qua biến pháp Thương Ưởng nước giàu, quân mạnh, đứng trên sáu nước ở Sơn Đông. Vì vậy nước Tần bèn coi việc thống nhất sáu nước, nhập thiên hạ làm một là trách nhiệm của mình, không ngừng phát động cuộc chiến tranh nhằm thống nhất sáu nước. Không còn nghi ngờ gì nữa đây là thử thách gay gắt đối với sáu nước Sơn Đông: Đối mặt với ý chí thôn tính của nước Tần hùng cường, làm thế nào chống cự, duy trì đất nước? Sách lược cơ bản của sáu nước Sơn Đông là liên kết lại thành liên minh, viện trợ cho nhau để chống lại cuộc xâm lược của

nước Tần. Trong lịch sử gọi đây là "Hợp tung". Sáu nước hợp tung coi mưu sĩ Tò Tần là người đề xướng chính và là người thực thi. Ông ta đã du thuyết thành công sách hợp tung một mình đeo túi ấn sáu nước, bốn ba đi lại, điều khiển hợp tung, khiến nước Tần mười lăm năm trời không dám đưa quân đến sáu nước.

Nhằm vào liên minh của sáu nước, nước Tần bèn áp dụng kế "Liên hoành" để phá "Hợp tung". "Liên hoành" chính là lợi dụng mâu thuẫn giữa sáu nước, phát triển quan hệ hữu hảo với từng quốc gia trong sáu nước, đồng thời phát động chiến tranh đối với một số quốc gia khác. Làm phân hoá, tan rã liên minh của sáu nước, cách làm cụ thể của "Liên hoành" là "Viễn giao Cận công", các nước đánh nhau; đặc điểm của nó là nắm vững một mảng, công phá một điểm trong đó. Viễn giao Cận công do Trương Nghi bạn học của Tò Tần làm người đề xướng chính. Sau Trương Nghi, lại có Phạm Thư đến Tần trình bày tỷ mỉ phương sách viễn giao cận công, nước Tần kiên trì sách lược này, với sự cố gắng của ba đời vua Tần, cuối cùng đã thống nhất Trung Quốc.

Những năm cuối thời Chiến quốc, Phạm Thư nước Ngụy nhiều lần vất vả vào Tần làm quan, hiến dâng cho Tần Chiêu vương phương sách thôn tính sáu nước Sơn Đông, nói: "Nước của đại vương bốn ải đều kiên cố, Bắc có Cam Tuyền, Cốc Khẩu, Nam có Kinh, Vị, bên phải có Lũng, Thục, bên trái có Quan, Bàng, hùng dũng đánh thẳng trăm vạn, chiến xa nghìn chiếc, lợi thì tấn công, bất lợi thì cố thủ, đây là đất của bậc vương giả. Dân khiếp sợ với những cuộc ẩu đả, nhưng dững cảm trong chiến trận, đây là dân của bậc vương giả. Cả hai, đại vương đều có đủ. Nếu lấy tinh thần dững cảm của lính Tần, số đông của ngựa xe để chinh phục chư hầu, thì dễ như xưa chó Hàn Lò cắn nhau với thỏ què. Tuy nhiên, bá vương đã thành, nhưng quân thần chưa được địa vị của mình. Đến nay đã

mười lăm năm Tần đóng cửa không dám đem quân đánh Sơn Đông, nguyên nhân chính là Tần Tương vương hầu bắt trung với kế sách của nhà vua, mưu kế của nhà vua không thoả đáng". Tần vương liền hỏi kế sách không thoả đáng ở chỗ nào, Phạm Thư nói tiếp: "Nương hầu đi qua láng giềng Hàn, Ngụy để đánh Cươg, Thọ ở xa nước Tề, kế này không thoả đáng: Ra quân ít không đủ làm tổn thương nước Tề, ra quân nhiều thì tổn hại Tần. Thần đoán ý của đại vương, là muốn Tần ra quân ít và mượn quân của Hàn, Ngụy, nhưng Tần chẳng thân thiện với Hàn, Ngụy, vượt qua Hàn, Ngụy để đánh Tề, liệu có trót lọt được không? E rằng sơ hở quá lớn. Trước kia, Tề Mẫn vương từng đánh nước Sở ở phía Nam, phá quân, diệt tướng, đất hoang ngàn dặm, kết quả nước Tề chẳng lấy được tác đất nào, lẽ nào nước Tề không nghĩ thấu hay sao? Ấy là tình thế không cho phép. Chư hầu thấy sức Tề hạn chế, vua tôi bất hoà, bèn cùng dấy binh đánh tan quân Tề. Binh sĩ Tề hổ thẹn, cả nước trên dưới đều oán Tề vương. Người ta hỏi: Ai đã hiến kế này cho đại vương? Tề vương trả lời là Văn tử. Kết quả đại thần làm loạn, Văn tử ra đi. Sở dĩ nước Tề bại hoại như vậy là bởi vì Tề ra quân đánh Sở nhưng hai nước Hàn, Ngụy, lại được lợi chả khác nào ăn chay nhờ kẻ trộm. Chi bằng đại vương viễn giao cận công, được tác nào là của đại vương tác ấy, được thước nào là của đại vương thước ấy. Như nay đánh nước xa đi qua nước gần, há chẳng phải bậy bạ lắm sao? Nước Trung Sơn trước kia đất rộng năm trăm dặm, một mình Triệu thôn tính cho riêng mình, kết quả công thành danh toại, lợi ích tự nhiên mà đến, đưa nước Triệu đứng vào hàng các cường quốc.

Lại nói ngày nay, hai nước Hàn, Ngụy ở trong thiên hạ và là cầu nối của thiên hạ. Đại vương nếu muốn xưng bá, cần phải thân thiện với Hàn, Ngụy trước, không chế cầu nối của thiên hạ, lấy đó

đe dọa hai nước Sở, Triệu. Nếu Triệu mạnh thì thu phục Sở trước, Sở mạnh thì thu phục Triệu trước. Sở, Triệu đều đã qui phục Tần, bây giờ nước Tề cũng sẽ nơm nớp lo sợ. Nước Tề khiếp sợ nước Tần tất chịu mình dâng lễ thờ phụng nước Tần. Nước Tề đã quy phục thì có thể nhân đó mà thu phục luôn hai nước Hàn, Ngụy" Tần Chiêu vương nói: "Từ lâu ta đã muốn hữu hảo với nước Ngụy, nhưng Ngụy là nước có nhiều lộn xộn, khó đạt được mục đích. Xin hỏi làm thế nào mới có thể đặt được quan hệ hữu hảo với Ngụy?" Phạm Thư đáp: "Đại vương hãy tạm hạ mình đem hậu lễ giao thiệp với Ngụy, không xong dứt khoát cắt đất để làm thân. Lại không xong, đành đem quân sang đánh". Tần vương vui mừng khôn xiết, tôn Phạm Thư làm khách khanh, bàn tính việc quân. Sau đó, ba đời vua Tần kiên trì phương sách này, cuối cùng lần lượt đánh phá sáu nước Sơn Đông thống nhất Trung Quốc.

Phạm Thư từng lấy tài cứu thế tôn thờ Ngụy trung đại Tu Cổ, bị nhục với Ngụy tướng Ngụy Tề, bị vút vào nhà xí, mặc cho người ta đại tiểu tiện, may mà có Trình An Bình cứu giúp, sứ giả Tần Vương Kê tiến cử, sang Tần làm quan, hiến phương sách viễn giao cận công, đổi mới bộ mặt ngoại giao của Tần, thuận lợi mọi bề, ba đời vua Tần bền lòng theo đuổi, cuối cùng thống nhất được sáu nước. Phạm Thư, tuy thuộc người hiến tài, nhưng phương sách viễn giao cận công, không phải ông ta là người đầu tiên phát minh. Từ Xuân Thu đến nay, chư hầu đánh nhau, cường quốc tranh bá, trí thật phong phú, sáng ngời sử sách. Thời gần đây Tô Tần hợp tung (mới đầu Tô Tần cũng đề xướng liên hoành, vì thời cơ không chín muồi chưa được Tần vương áp dụng), Trương Nghi liên hoành, chính là sự gọi mở của phương sách viễn giao cận công, chẳng qua không gặp thời mà thôi. Phạm Thư may được thiên thời, khiến

phương sách viễn giao cận công được vận dụng đầy đủ, trở thành kỳ công hiếm có trên đời, nước Tấn thống nhất thiên hạ.

Thời kỳ Xuân Thu, Tấn Văn công, Tần Mục công từng lấy có nước Trịnh vô lễ, phụ họa nước Sở, để liên kết đánh Trịnh. Nước Trịnh nguy đến nơi. Trịnh đại phu Dật Chi Hồ vào yết kiến quốc vương của mình: "Nếu để Chúc Chi Vũ đi gặp Tần vương, thì vòng vây nước Trịnh lập tức được giải tỏa". Vua Trịnh theo kế, triệu Chúc Chi Vũ đến, sai Chúc Chi Vũ đi gặp Tần vương. Chúc Chi Vũ từ tạ nói: "Thần khi còn trẻ khoẻ không được như người, nay đã già rồi, cũng khó làm được việc". Trịnh vương xin lỗi nói: "Ta chưa thể tin dùng ông ngay, nhưng nay việc khẩn cấp mới cầu đến ông, đây là lỗi của ta. Nhưng nếu nước Trịnh mất, với ông không có lợi lộc gì". Chúc Chi Vũ nghĩ ngợi chốc lát, bằng lòng ra đi. Thế là đang đêm Chúc Chi Vũ ra khỏi thành, đến gặp Tần vương nói: "Tần, Tấn hợp binh bao vây nước Trịnh, nước Trịnh cũng tự biết sắp mất nước. Có điều, nếu Trịnh mất mà lợi cho Tấn, thì xin đại vương hãy cứ tồn công nhọc sức, nhưng sự thực chưa chắc được như ý nguyện của đại vương. Thử nghĩ: nước Trịnh ở phía đông nước Tấn, còn nước Tấn thì ở phía tây nước Tấn, Tấn có đi qua Tấn để lấy Trịnh được không? Thiết nghĩ chắc đại vương cũng đã biết là không thể được, Trịnh vong Tấn ắt cường mà Tấn lại là hàng xóm của Tấn, sự lớn mạnh của nước láng giềng e là điều đại vương không muốn thấy! Giả thử giữ nước Trịnh làm nước liên minh ở phía đông của nước Tấn, đi lại, cung cấp lương thực của cải, tiện lợi biết bao, ít ra vô hại với Tấn là điều quá hiển nhiên. Nước Tấn lòng tham vô đáy, sau khi lấy Trịnh ở phía Đông, lại muốn mở rộng biên giới về phía tây, phía tây chỉ có nước Tấn, không lấn dần nước Tấn thì nói gì đến mở rộng biên giới phía Tây! Như vậy hại Tấn mà lợi Tấn, mong đại vương nghĩ lại". Tần Mục công cảm thấy Chúc Chi Vũ nói có lý,

liền rút quân đi, Tấn Văn công không làm sao được cũng đem quân bỏ đi.

Chúc Chi Vũ một lời mà lui được quân Tấn. Tấn, sức mạnh thần kỳ ở đâu? Rõ ràng là câu nói "Vượt Tấn lấy Trịnh khó thay" đã làm Tấn vương xúc động. Lời nói của Chúc Chi Vũ với: "Viễn giao Cận công" có sự diệu kỳ của cách làm khác nhau nhưng cùng hiệu quả. "Cận công" có thể giảm nỗi khổ của việc vận chuyển. "Viễn giao" có thể phá được sự liên minh trong hợp tung. Hơn thiệt, được mất, ai cũng thấy rõ. Tấn vương đương nhiên vui vẻ nghe theo. Kể du thuyết lâu thông lịch sử, Phạm Thư không thể không biết đến những việc làm của Chúc Chi Vũ.

Những năm cuối thời kỳ Xuân Thu, Ngô vương Phù Sai sau khi có được mỹ nữ Tây Thi, dâm lạc vô độ, thả sức làm cần làm bầy, muốn cậy công lao lên Trung Nguyên, chủ trì, hội minh chư hầu, thay nước Tề làm bá chủ Trung Nguyên. Thái tử Hữu buồn rầu lo lắng biết rằng thắng thần can ngăn thì khó lòng đạt được hiệu quả, bèn mượn việc để thuyết lý, mềm mỏng khuyên can. Một buổi sáng thái tử Hữu cố tình làm ướt giày, quần, tay cầm cung tên lúng túng đến trước mặt Phù Sai. Phù Sai ngạc nhiên hỏi tại sao, thái tử Hữu đáp: "Tôi đi bắn chim ở vườn hoa phía sau, nghe tiếng ve mùa thu kêu vang, nhìn về phía tiếng kêu, thấy ve ngẩn cổ xoè cánh, bình thản cất tiếng kêu, nhưng không biết lúc này có con bọ ngựa đang giờ càng sắp lao về phía nó. Trong khi con bọ ngựa tập trung sức lực nhảy nhót muốn thử thì có con chim sẻ vàng xếp gọn cánh, đang chăm chăm nhìn, muốn lao đến bắt cho kỳ được con bọ ngựa mới thôi. Tôi nhìn thấy con chim sẻ vàng, lòng mừng thầm, bèn giương cung lắp tên, đang định bắn thì rơi xuống rãnh nước, mới đến nông nổi này. Khi phụ vương quyết định lên Trung Nguyên cùng Tề tranh bá, phải chăng đã lường trước việc nước Việt sẽ lợi

dụng sơ hở xông vào?" Ngô vương vẫn không nghe, còn mắng thái tử Hữu thâm tệ. Từ đó không có ai dám đến khuyên can nữa. Về sau, quả như lời thái tử Hữu nói, khi Ngô vương Phù Sai lên Trung Nguyên, hậu phương trống rỗng, Việt Vương Câu Tiễn đem quân đánh tan nước Ngô.

Bài học đau đớn của Ngô vương Phù Sai đi xa xưng bá để mất nước, làm nổi bật mặt trái của sự cao minh trong sách lược "Chi bằng viễn giao cận công, được tác nào là của nhà vua tác ấy, được thước nào là của nhà vua thước ấy".

Trước Phạm Thu, Tô Tần đã tây du vào Tần, để xướng liên hoành, khuyên Tần Huệ vương ra oai ở Quan Đông, thống nhất sáu nước. Hạt nhân trong mưu kế của Tô Tần cũng là "Viễn giao Cận công". Mặc dù từ đáy lòng rất hâm mộ phương sách này, nhưng Tần vương vẫn không trọng dụng Tô Tần. Nguyên nhân ở đâu? Bởi vì thời cơ chưa chín muồi. Tần vương trả lời Tô Tần: "Quả nhân nghe nói, con chim không đủ lông đủ cánh không thể bay cao; con người chưa nên văn chương không thể khiển trách; người đạo được chưa cao không thể sai khiến dân, kẻ chính giáo bất thuận, không thể phiên đại thần. Nay tiên sinh nghiêm trang không quản đường xa nghìn dặm đến có lời với triều đình, xin để khi khác".

Tần vương đâu có muốn thống nhất Trung Quốc - chỉ vì cả bốn điều kiện chưa chín muồi, cho nên bảo với Tô Tần "Xin để khi khác", bốn chữ giản đơn chính là lệnh đuổi Tô Tần không hiểu lẽ không ngại rắc rối, liên tục mười lần dâng thư lên Tần vương, nhưng đều bật vô âm tín. Cuối cùng, vàng cạn của hết, áo quần cũ nát, hình dong tiêu tụy, lúng túng quay về, Tô Tần về đến quê Lạc dương, vợ gặp không thêm, chào chị dâu không cho cơm ăn, đến bố mẹ cũng coi ông ta như người lạc đường. Cảnh ngộ ấy xoáy sâu vào lòng Tô Tần, ông càng quyết tâm gắng sức đọc sách. "Đầu treo xà

nhà, dùi đâm vào xương" chính là chuyện về Tô Tần. Ông ta cảm khái than: "Có người nói không thể dùng vàng ngọc găm vóc mà giành được ngôi khanh tướng, đâu có lẽ thế!" nghe nói ông ta đọc "Thế công binh pháp" hơn một năm, tâm đắc nhiều điều, tự cho rằng "có thể được đế vương thời nay" rồi đây, thế là lại ra đi, đến các nước chư hầu du thuyết.

Lần này, Tô Tần không đến Tần để xúng kể sách "liên hoành" lấy viên giao cận công làm nội dung trọng tâm, xúi giục Tần phát động cuộc chiến tranh với sáu nước Sơn Đông nữa, trái lại chạy đến các nước khá nhỏ bé ở Sơn Đông để xướng quan hệ dọc trong sáu nước, tổ chức mặt trận thống nhất chống Tần, từ đó cân bằng với phương sách "Viễn giao Cận công" của Tần, đạt được mục đích không đánh mà khuất phục được quân của đối phương. Tô Tần tin chắc, nếu nước Tần muốn thống nhất thiên hạ "Viễn giao Cận công" là phương sách duy nhất có thể thực hiện được. Trên thực tế, nước Tần vẫn luôn tuân theo phương sách này, chỉ có sự khác nhau giữa tự giác và không tự giác mà thôi. Cho nên Tô Tần du thuyết sáu nước lần này, hạt nhân của nó lấy "Viễn giao Cận công" làm đối thủ, hoặc dùng độ vũ khí hoặc bắt tay giảng hoà, tạo nên kỳ quan trong lịch sử cổ đại Trung Quốc. Trước hết Tô Tần nói với Yên vương thiên hạ yên vui vô sự, không có cảnh lật quân giết tướng. Đại vương có biết nguyên nhân tại sao không? Sở dĩ nước Yên phải chịu nỗi khổ của chiến tranh và nước lớn láng nhúc, là vì nam có nước Triệu làm bức bình phong. Tần, Triệu từng năm lần giao chiến, Tần hai lần thắng, Triệu ba lần thắng, cả hai đều bị tổn thương, nước Yên được lợi. Đó chính là nguyên nhân nước Yên không dính líu gì đến chiến tranh. Giả sử nước Tần tấn công nước Yên, p hải lặn lội đường sá xa xôi, vượt qua Vân trung, Cửu nguyên, Đại thượng cốc, tác chiến di động hàng nghìn dặm, dù rằng

đã hạ được thành trì nước Yến, cũng không thể giữ được lâu dài. Do đó thấy rằng, nước Tần không thể làm nguy hại nước Yến là do địa hình địa lý. Nhưng nếu nước Triệu tiến đánh nước Yến thì tình thế hoàn toàn khác hẳn - Nước Triệu phát hiệu lệnh, chưa đầy mười hôm, hàng chục vạn đại quân đã đặt chân lên Đông Viên, liền đó vượt Hồ Luân, qua Dịch Thủy, không đầy bốn năm hôm đã đến sát quốc đô của Yến. Do đó có thể nói rằng, Tần đánh Yến xa ngoài ngàn dặm; Triệu đánh Yến không ngoài trăm dặm. Nhưng Yến thường coi Tần là mối lo. Không lo vì trăm dặm mà lo vì ngàn dặm, thực là khiến người ta đâm khó hiểu. Vì vậy, tôi hy vọng đại vương làm thân với Triệu, coi như người trong nhà, nước Yến sẽ không còn gì đáng lo nữa.

Yến vương rất đổi vui mừng, ban tặng Tô Tần ngựa xe vàng bạc gấm vóc là vật cam kết - Tiếp đó, Tô Tần du thuyết ở Triệu, Hàn, Ngụy, Sở, Tề, đều thành công. Đến đây, sáu nước kết thân để đề phòng nước Tần hùng mạnh. Tô Tần một mình đeo túi ấn sáu nước bốn ba đi lại, điều hành hợp tung "Việc không tốn một đấu lương, chưa phiền đến một người lính, chưa đánh trận nào, chưa đứt một dây cung, chưa mất một mũi tên, các nước chư hầu đã thân nhau như anh em" làm cho Tần mười lăm năm liền chưa dám đem quân đến Quan Đông. Tô Tần dốc toàn lực lượng kêu gọi sáu nước thân thiện với nhau, cũng từ mặt trái chứng minh cái uy lực trong cái sách lược "viên giao cận công mà nước Tần dùng làm trụ cột ngoại giao.

Mối đầu, sau khi xúc tiến thành công sáu nước hợp tung, Tô Tần ngang qua Lạc Dương, ngựa xe quân nhu cuộn cuộn, chư hầu nào nức cừ đặc sứ đón đưa, đến cả Chu Hiễn vương cũng không thể không cử người ra ngoại ô đón tiếp uly lao. Anh em vợ và chị dâu của Tô Tần ra đường quỳ lạy không dám ngừng mặt. Tô Tần cười

hỏi chị dâu của mình: "Sao trước kiêu căng mà nay cung kính? Chị dâu vội vã đi vào, nhưng lời lẽ không thềm che đây: "Thấy chú ngồi cao vàng nhiều mà lại". Tô Tần cảm khái trăm chiều: "Với con người này, phú quý thì thân thiện khúm núm, nghèo hèn thì khinh rẻ, huống hồ với người khác!" Đáng tiếc là phú quý mãi không phải dễ, bản lĩnh này của Tô Tần được các chư hầu biết đến, lo ngại phú quý cũng ra đi. Cho nên, sáu nước liên kết lại mới chống được Tần; Đồng thời, cũng cần có đối thủ phá hoại mối liên kết, không có đối thủ, thì không có gì để làm, lấy đâu ra phú quý. Mưu sĩ Tô Tần thăm thía điều này. Cho nên, ngay trước khi thuyết phục Yến, Triệu liên kết thành công, một là ông lo ngại đột nhiên nước Tần đánh Triệu, phá hỏng điều cam kết, hai là khối liên kết đã hình thành, không còn việc gì để làm nữa. Ông ta nghĩ, chỉ có cuộc chiến tranh với sáu nước, tiếp đó trở thành đối thủ của mình. Thế là Tô Tần nghĩ kế xúi giục Trương Nghi đến Tần.

Trước hết Tô Tần sai người nói với Trương Nghi:

"Ông với Tô Tần có tình bạn cũ, nay Tô Tần đã có quyền cao chức trọng, sao không đến gặp Tô Tần tìm đường tiến thân". Tô Tần bảo thực khách của mình gây khó dễ với Trương Nghi, đã không cho ông ta vào gặp Tô Tần, cũng không để ông ta bỏ đi, giữ lại mấy ngày mới cho gặp nhau. Tô Tần thấy Trương Nghi, lời tít chuyện bạn học, để ông ta ngồi chờ ở dưới nhà, đem cho ông ta đồ ăn thức uống của đầy tớ, và mĩa mai ông ta: "Tài năng của ông không phải xoàng, ăn chơi đến nông nổi này, còn mặt mũi nào đến gặp ta! Ta không muốn dung nạp người không có chí hướng như ông". Trương Nghi vui vẻ mà đến, những tưởng cùng Tô Tần hướng phú quý, không ngờ phải chịu mối nhục lớn thế này, bất giác nổi giận dưng dưng, quyết chí so tài cao thấp với Tô Tần. Ông ta biết rõ

sáu nước Sơn Đông không làm được việc gì, duy chỉ có nước Tần mới uy hiếp được nước Triệu, bèn đến Tần ngay.

Tô Tần được biết Trương Nghi quyết chí đến Tần, bèn nói với thực khách của mình rằng "Trương Nghi là hiền sĩ trong thiên hạ, không được như ta, có điều ta may mắn được bổ nhiệm trước mà thôi. Nay người điều khiển được Tần, không ai ngoài Trương Nghi, nhưng vì gia cảnh khốn khó, không có tiền của giao du, cung phụng, đến nỗi nay chưa được hiển đạt. Ta lo ông ta ham lợi nhỏ mà không nghĩ đến tiến thủ, cho nên mới mời ông ta đến si nhục một trận, nhằm khích lệ ông ta phấn đấu, người phải bí mật thay ta quan tâm chăm sóc nhiều hơn". Tô Tần được sự đồng ý của Triệu vương, bỏ ra rất nhiều vàng và xe ngựa bí mật đi theo Trương Nghi, cùng ăn, cùng ở, nâng đỡ tình cảm, sau đó mới đưa tặng ông ta ngựa xe, tiền bạc. Nhờ đó Trương Nghi mới được bãi kiến Tần Huệ vương. Tần vương tôn Trương Nghi làm khách khanh, tham dự mưu tính việc tấn công chư hầu.

Thực khách của Tô Tần thấy Trương Nghi được việc, bèn đến cáo từ, Trương Nghi nói: "May có ông hết sức giúp đỡ mới được quyền cao chức trọng, đang định báo đáp ân đức của ông, tại sao lại đột nhiên bỏ ra đi?" Thực khách đáp: "Tôi thật không hiểu được ông, hiểu được ông chỉ có Tô Tần. Tô Tần lo ngại nước Tần đánh Triệu làm hỏng giao ước liên kết, cho rằng ngoài ông không ai có thể điều khiển được Tần, cho nên mới cố ý cảm oán ngài, và sai tôi ngấm đêm của biểu ngài, tất cả đều do Tô Tần sắp xếp. Nay ngài đã được bổ nhiệm, xin cho tôi về thưa lại với Tô Tần". Trương Nghi vô cùng kinh ngạc: "Thì ra là như vậy! Ta trúng kế mà không biết, ta không bằng ông Tô! Ta mới được bổ nhiệm, làm sao có thể mưu tính đánh Triệu? Hãy cho ta gửi lời cảm ơn ông Tô, ông Tô còn, Trương Nghi đâu dám làm điều xằng bậy"

Mồm Trương Nghi nói ông Tô còn thì không dám mưu đánh chư hầu, nhưng có lẽ nào ở vào địa vị ấy mà không mưu tính, chính sự? Mặt khác, không mưu đánh chư hầu thì đến Tần làm gì? Mới đầu Trương Nghi du thuyết chư hầu, từng uống rượu với tể tướng nước Sở. Tướng Sở bị mất viên ngọc bích, mồn nhân của ông ta liền nói thẳng cha Trương Nghi nghèo hèn ấy tính nết không đứng đắn, nhất định hẳn ta lấy viên ngọc bích. Thế là liền bắt Trương Nghi đánh cho một trận như tử. Trương Nghi về đến nhà, vợ thấy ông ta bị đánh đập, trách mắng ông ta: "Nếu ông không đọc sách, đi du thuyết thì đâu đến nỗi nhục như thế này!" Trương Nghi không nói đến chuyện ấy, hỏi lại vợ mình: "Mình xem lưỡi của tôi có còn không?" Vợ đáp: "Lưỡi vẫn còn khoẻ mạnh". Trương Nghi nói: "Chỉ cần lưỡi khoẻ mạnh là được rồi". Đó chính là Trương Nghi! Lần này đến Tần, Trương Nghi vẫn bằng ba tác lưỡi ấy, chú trương "Liên hoành" để phá "Hợp tung" của Tô Tần. Chiến lược chung mà ông ta đưa ra cho Tần vương là: "Nâng đỡ Triệu, tiêu diệt Hàn thu phục Kinh, Ngụy, thân thiện với Tề, Yên để được tiếng bá vương, theo đạo chư hầu bốn bên," và để ra bản cam kết thi hành quân lệnh với Tề vương: "Đại vương thử nghe thần nói, một trận mà Hợp tung không tan, Triệu không ngáng đầu được, Hàn không bị diệt, Kinh, Ngụy không thân phục, Tề, Yên không kết giao, tiếng bá vương không thành, cương hầu bốn bên không theo về, đại vương hãy chém đầu thần để làm gương cho cả nước". Hạt nhân chiến lược của Trương Nghi chính là "Viễn giao Cận công", mà sau đó Phạm Thư đã tổng kết được. Đại đế ông ta đã nắm chắc chắn mới dám mở miệng nói ngông cuồng, ra công lệnh, nếu không há đem tính mạng ra đặt cược?

Sau khi Tô Tần, Trương Nghi chết, lại xuất hiện một Phạm Thư đến làm quan nước Tần - bân thu tư tướng của Tô Tần, nêu ra

một sách lược rõ ràng "Viễn giao Cận công" cuối cùng giúp Tần hợp nhất thiên hạ. Cũng chẳng phải là cây không gốc, nước không nguồn, mà có nguồn gốc từ xa xưa vậy!.

3. ĐỘN THỂ VÀ NHẬP SĨ

Đời sống xã hội phức tạp và rắc rối là vũ đài hoạt động của người ta; chỉ trong cuộc đấu tranh với gian khổ, trắc trở và bất hạnh, con người mới thể hiện ra sức sống làm người của mình.

"Hong học bay không nghỉ, thăm thiết bay về đâu. Chàng thử nhìn theo đường nhận, con nào cũng lo kiếm cái ăn".

Về phương thức, tham dự đời sống xã hội, Nho, Đạo có kiểu riêng. Tinh thần nhập thể tích cực do Nho gia chủ trương kêu gọi người ta hãy làm "cột trụ kiên cường", về sau phát triển thành tinh thần không biết sợ sệt "Thiên hạ hưng vong, thất phu hữu trách". Còn Đạo gia thì chủ trương thanh tịnh vô vi, noi theo tự nhiên, chẳng thà nói rằng đó là thứ tinh thần "Độn thể" (trốn đời) tiêu cực. Sự hun đúc của tinh thần này đã hình thành tầng lớp giai cấp xã hội đặc biệt - ẩn sĩ. Cái gọi là "Độn thể" của ẩn sĩ không phải là ẩn dật nơi núi rừng, không duyên nợ gì với đời sống xã hội. Với đời sống xã hội, họ có thể nói siêu mà không thoát, xa nhưng không rời, thường gián tiếp tham dự vào đời sống chính trị, đời sống kinh tế và đời sống xã hội thông qua "người phát ngôn" của mình. Họ thường khi ẩn, khi hiện cùng với sự hưng suy của xã hội, chơi vui bất định, cho nên nhuộm màu sắc thần bí, vì thế bị người đời gọi là ẩn sĩ.

Phần lớn ẩn sĩ đều tài trí hơn người, đạo đức cao thượng, nhưng họ quyết không ra làm quan. Thái độ của họ với triều đình là thái độ không hợp tác. Trong giờ phút then chốt xã hội phát triển, họ cũng có thể thông qua phương thức bồi dưỡng học sinh hoặc nảy

ra ý định tìm biện pháp cho nhân vật anh hùng nào đó tiêu biểu cho phương hướng phát triển xã hội, góp một tay cho sự phát triển của thời cuộc, nhưng họ không tính đến danh lợi. Một khi đã đạt được mục đích, liền cao chạy xa bay biệt tăm mất tích. Lòng dạ rộng lớn siêu thoát danh lợi đã giành được lòng kính mộ của người đời, đồng thời làm cho một số người cầm quyền nào đó không bằng lòng, bởi vì họ cần sự hợp tác của những người tài cao chức trọng này - Nhưng những ẩn sĩ này thường dùng thái độ không hợp tác. Với cách nhìn của chúng ta, nếu người cầm quyền thuyết phục được những ẩn sĩ thanh cao ra làm quan, đương nhiên là biểu hiện cụ thể một cái "thánh minh" của người cầm quyền; Nếu không thuyết phục được những ẩn sĩ này ra làm quan, trái lại dùng thái độ thuận theo lẽ tự nhiên của nó, thì cũng là biểu hiện tấm lòng rộng lớn của người cầm quyền. Nhưng người cầm quyền thời cổ đại đều không nghĩ như vậy, một số người nào đó trong bọn họ không thể chấp nhận thái độ không hợp tác của ẩn sĩ, Khương Thái công Lã Vọng nổi tiếng trong lịch sử đã giết một ẩn sĩ tên gọi là Hoa Sĩ chỉ vì người này đã không muốn làm bề tôi của thiên tử, cũng không muốn làm bạn của chư hầu. Qua đó ta thấy rằng, không tính đến danh lợi, không tranh đua với đời, cũng không có nghĩa đã vào vườn đào ngoài đời, không gặp bất kỳ hoạn nạn khốn khổ nào; đồng thời tư tưởng Đạo gia và ẩn sĩ lấy tư tưởng Đạo gia làm nguyên tắc xử thế, hoàn toàn không vì tấm lòng tốt xấu của người cầm quyền mà thay đổi ý nguyện ban đầu, ẩn sĩ vẫn đời đời bất tuyệt, tôi làm theo ý tôi.

Trốn đời không dễ, nhập thế cũng vậy. Đối mặt với xã hội bao la và phức tạp con người làm thế nào tìm được vị trí xứng đáng của mình trong mạng lưới rộng lớn của xã hội, quả không phải việc dễ, đó là điều thứ nhất. Điều thứ hai, những người cầm quyền ở trên tất

cả mọi người bề ngoài ra vào nghi trọng, ngạo mạn hách dịch, nhưng những nỗi lo lắng khôn khổ sâu lắng của họ thì người thường không thể có. Bởi vì họ không những đứng trước vấn đề nhập thế của mình (cuối cùng họ cũng là một thành viên của xã hội), mà còn đứng trước vấn đề nhập thế của người khác, hạt nhân của nó là làm thế nào xử lý quan hệ giữa "Đức" và "Tài". Tử Hạ, học trò của Khổng tử nói: "Đại đức bất du nhân, tiểu đức xuất nhập khả dã". Ông ta chủ trương dùng người phải nhìn cho xa rộng, không thể câu toàn trách bị. Lệnh câu hiền "Chỉ cất nhắc người tài" của Ngụy Vũ để Tào Tháo nổi tiếng cổ kim, ý của ông ta là bất kể kẻ ăn trộm gà, người bắt trộm chó, nếu gặp được ta đều sử dụng, còn lại thì thôi. Ông ta câu hiền thật như đói khát ăn uống không kén chọn. Nguyên tắc dùng người: "Đại đức bất du nhân, tiểu đức xuất nhập khả dã" tuy nhiên được đa số người có lý trí tiếp thu, nhưng do tác động của tâm lý và tình cảm người ta thường câu nệ ở "Tiểu đức", từ đó rơi vào sự rối rắm của "Đức" và "Tài" không thể thoát ra được. Do vậy "Nghĩ ngờ nhưng phục chức", "Bỏ nhiệm nhưng nghĩ ngờ" và vì thế bị kịch xảy ra nhiều không kể xiết.

Ngược lại với điều trên đây, những bậc thánh nhân hiền tài mà biết "Đổ nước từ cao" khoe tài giấu dốt, làm cho khách giang hồ có được địa vị của mình, mới không thất bại bởi mảnh lời của nhà chính trị lớn.

Thái công Lã Vọng được phân phong đến Tề làm vua. Nước Tề có người tên là Hoa Sỹ đức hạnh cao cường trong sáng, nhưng ông ta đã không muốn làm bề tôi của thiên tử, cũng không muốn làm bạn với chư hầu, do đó càng được người Tề ngợi ca. Thái công từng ba lần sai người mời ông ta ra làm quan, đều bị cự tuyệt. Thái công không làm gì được bèn sai người giết chết Hoa Sỹ. Chu công hay tin, không hiểu nổi bèn chất vấn Thái Công: "Hoa Sỹ là cao sỹ

của nước Tề, cứ sao giết chết ông ta?" Thái công trả lời: "Hoa sỹ thế không làm bẽ tôi của thiên tử, cũng không làm bạn của chư hầu. Lã Vọng này còn có thể cho ông ta làm quan và làm bạn với ông ta được chăng? Tôi đã không thể dùng ông ta làm bẽ tôi, cũng không thể làm bạn với ông ta, ông ta là người bỏ đi; ba lần mời ông ta, ông ta đều không đến, ông ta là kẻ phạm thượng. Nếu còn biểu dương ông ta, lấy ông ta làm tấm gương giáo hóa để cả nước noi theo, thì tôi còn làm vua của ai được?"

Xem ra Hoa Sỹ là một ẩn sĩ, nhưng nói đúng hơn chỉ có thể coi ông ta là bán ẩn sĩ. Ẩn sĩ chân chính triệt để, người ta không thể tìm ra tung tích của ông ta, như Hoàng Thạch công ông già Bì Thượng thấy dạy Trương Lương, rốt cuộc là ai? Không ai biết. Bởi vì ông ta không cần đến cả họ tên, coi thường danh lợi, không để lộ con người thật của mình, cho nên mãi mãi để lại cho đời sau một câu đố. Ẩn là che lấp. Ẩn rồi lại hiện, bỗng chốc vứt bỏ tính mạng, đâu còn là ẩn? Ẩn sĩ chân chính thì không mang danh "ẩn sỹ"; đã có tiếng "ẩn sỹ" thì chỉ là bán ẩn sĩ. Hoặc nửa sau cuộc đời, hoặc trực tiếp hay gián tiếp can dự vào đời sống thời sự, như Y Doãn, Khương Thượng, Gia Cát Lượng, Vương Mạnh, Chu Điều, Phạm Văn Trình. Cho nên nhà thơ đời Tống, Lục Phóng Ông có thơ phê bình những người bán ẩn sĩ mang danh "ẩn sỹ": "Chỉ sỹ thế sơn hậu bất thâm, nhân tri dĩ thị phụ sơ tâm, bất tu cách thuyết nghiêm quang bối, trực tự Sào Do thổ đáo kim" Ẩn sỹ nếu không có tên là ẩn sỹ, đương nhiên chúng ta không còn gì để bàn, đáng bàn cái vẫn là những bán ẩn sỹ mang danh "ẩn sỹ"

Hầu hết ẩn sỹ đều có tu dưỡng đạo đức và học vấn khá cao, có tài tế thế cứu quốc, nhưng không muốn trực tiếp ra làm quan, mà chỉ ở hậu trường gián tiếp can dự vào chính trị quốc gia và sự phát triển của văn hoá, nhờ đó giành được danh dự xã hội cao nhất. Hầu

hết ẩn sĩ đều thuộc những nhân vật thuộc Đạo gia. Đạo gia không như Nho gia lấy "Cột trụ kiên cường", "Tri kỷ bất khả vi nhi vi chi" làm nguyên tắc xử thế. Đạo gia chú trọng dựa theo tình huống khách quan mà đi lên, đặt nó vào chỗ vô hình. Con người phải có khí phách "Cột trụ kiên cường, nhưng có bắt dòng nước sông cuộn cuộn đổ về Đông chảy ngược lại được không?" Cho nên, "Phải dựa theo tình thế" đã trở thành nguyên tắc xử thế của các ẩn sĩ Đạo gia.

Từ đó đã hình thành hiện tượng văn hoá hết sức thú vị trong lịch sử Trung Quốc: Phàm là thời kỳ dựng nước mở nghiệp hoặc dẹp loạn khôi phục tình trạng bình thường, những ẩn sĩ Đạo gia này xông ra gánh vác, đứng cầm đầu đấu với nguy hiểm, phụ tá chúa thánh minh mở ra thời đại lịch sử mới; một khi cách mạng thành công, thiên hạ thái bình, họ lại đem thành quả của thắng lợi này cảm khái giao cho Nho gia chú trọng "Tu tề trị bình", còn bản thân lại ẩn trốn vào núi, vô tung tích.

Khi nhà Hán dựng nước, ẩn sĩ Hoàng Thạch công tuy không trực tiếp giúp Lưu Bang nhưng dẫn Trương Lương lên cầu, trực tiếp giao cơ nghi. Về sau Lưu Bang dựa vào Tiêu Hà, Trương Lương, Trần Bình... dẹp yên thiên hạ... Lưu Bang nói Trương Lương có thể "vạch chiến lược quân sự trong doanh trướng, quyết định thắng bại ngoài ngàn dặm" đủ biết vai trò của Trương Lương.

"Văn Trung tử" Vương Thông nhà Đường, từ thời nhà Tùy đã có chí nơi thiên hạ, muốn xuống núi làm việc đại sự một phen. Nhưng sau khi gặp Tùy Dạng đế, biết là không thể được, Vương Thông bèn lui về dạy học, đào tạo được rất nhiều học trò. Các quan văn tướng võ thời Đường Thái tông dựng nước như Lý Tĩnh, Từ Thế Tích, Phòng Huyền Linh, Ngụy Chính đều là học trò của ông ta. Bản thân ông ta tuy chưa ra làm quan, nhưng đã gieo những hạt giống lật Tùy dựng Đường.

Không thể đánh giá thấp vai trò của mấy ẩn sĩ Đạo gia trong việc Chu Nguyên Chương đánh đổ nhà Nguyên: hoặc trực tiếp ra làm việc như Lưu Bá Ôn, hoặc giúp trong hậu trường như Chu Điền, Thiết Quán Đạo nhân. Mỗi khi Chu Nguyên Chương có điều gì không giải quyết được, họ liền đột nhiên xuất hiện, tài tình thì hành diệu kế rồi lại biến mất. Đặc biệt, Chu Điền lại càng kỳ quái, ông ta không phải là hoà thượng, cũng không phải đạo sĩ, giả ngây giả dại nhưng lại có mưu hay kế giỏi. Ông ta nói với Chu Nguyên Chương: "ông ta - Chu Điền không chết được". Chu Nguyên Chương không tin, bèn sai người chung ông ta trong một cái lồng hấp, vừa mở ra xem, Chu Điền dường như vừa tắm hơi xong, tinh thần rạng rỡ, từ đó Chu Nguyên Chương kính trọng Chu Điền như thần mình, không dám sơ sài. Ẩn sĩ không màng danh lợi, nói có trọng lượng đến thế lẽ nào không khơi dậy lòng hâm mộ của mọi người? Có điều khi họ thấy thời cuộc không còn có thể cứu vãn được thì họ quyết không như Khổng tử: "Biết là không thể làm được nhưng cứ làm", làm cái việc nhọc nhằn mà vô công. Họ thuận theo lẽ tự nhiên, chờ thời cơ. Trong "Luận ngữ" đã ghi lại một số chuyện ẩn sĩ phê phán Khổng tử.

Sở Cuồng Tiết Dư là ẩn sĩ trứ danh của Đạo gia, ông ta nhìn thấy Khổng tử bèn vừa hát vừa đi đến. Ông ta dùng com chim phượng để ví với Khổng tử: "Chim phượng chim phượng! Thời đại này đang suy tàn mầy ra làm gì? Quá khứ đã sai rồi, nhưng tương lai còn có thể cải chính. Thôi nhé, muốn cứu vãn thời đại này là điều vô vọng nguy hiểm lắm". Khổng tử nghe xong, thấy thú vị, xuống xe đến nói chuyện với ông ta. Nhưng ông ta lảng đi ngay.

Hai ẩn sĩ Trường Thư và Kiệt Nịch đang làm ngoài đồng, Khổng tử đi ngang qua, có lẽ không có dụng ý gì khác, bảo Tử Lộ đi hỏi bến đò qua sông. Trường Thư hỏi lại Tử Lộ: "Người trên xe

anh là ai thế?" Tử Lộ đáp: "Chính là Khổng Khâu". Trường Thư lại hỏi: "Chính là Khổng Khâu của nước Lỗ phải không?" Tử Lộ nói: "Chính ông ta". Trường Thư nói: "Đã là Khổng Khâu chu du khắp các nước truyền kinh giảng đạo, ông ta hẳn biết con đường phải đi, lại còn đến hỏi ta làm gì!" Tử Lộ biết đã vấp phải tường lại đi hỏi Kiệt Nịch. Kiệt Nịch hỏi: "Anh là ai?" Tử Lộ trả lời: "Tôi tên là Trọng Do". Kiệt Nịch nói: "Chắc anh là đồ đệ của Khổng Khâu nước Lỗ phải không?" Tử Lộ đáp: "Đúng vậy". Kiệt Nịch nói: "Khi nước lũ ngập tràn, cả thế giới một vùng mênh mông bát ngát, ai có thể chặn đứng dòng thác lũ ấy?" Rồi Kiệt Nịch khuyên Tử Lộ: "Chính trị nước Lỗ hỗn loạn, Khổng Khâu sửa đổi không được, đành bỏ đi. Nhưng cả thế gian đều thế cả. Anh với anh kia theo ông ta làm kẻ sĩ lẫn trốn người đời, chỉ bằng hầy như chúng tôi quên đi cái thế gian này, làm kẻ sĩ trốn đời". Tử Lộ quay lại kể hết với Khổng tử. Khổng tử than rằng: "Con chim đang bay trên trời kia đã có lúc đi trên mặt đất; cũng như họ, chúng ta không làm sao được; chúng ta ai đi đường ấy thôi. Nếu thiên hạ đã đi vào quỹ đạo, chúng ta cần gì phải biến đổi nó nữa".

Đâu phải Khổng Tử không muốn thoát ra ngoài xã hội, sống cuộc đời du nhàn? Nhưng không làm được. Ông còn cho rằng mục đích của ông với các ẩn sĩ không hề khác nhau, chỉ là không cùng con đường mà thôi. Nhưng các nhà Nho sau Khổng tử lại kiên quyết phản đối tư tưởng ẩn sĩ. "Thiên hạ hưng vong, thất phu hữu trách", không thể lảng lạng ngồi nhìn; hơn nữa, có tài tế thế, có sao khoanh tay thờ ơ. Thế mà cũng chính nhờ vào điểm này mà các ẩn sĩ giành được tiếng tăm xã hội cao hơn hẳn các nhà nho, đồng thời cũng làm cho một số người ghen ghét và công kích. Dù ghét cùng vậy yêu cũng thế, vẫn không đánh giá thấp vai trò và địa vị xã hội của ẩn sĩ.

Thời kỳ Tần Hán có bốn ông lão tóc bạc, học văn giỏi, tài năng cao, nhưng không ra làm quan, được ngợi khen là "Thương Sơn tứ hạo". Thời Tần Thủy hoàng, làm ẩn sĩ, đến khi Hán Cao tổ Lưu Bang dựng nước, lại mời họ ra, họ vẫn không chịu. Khi Hán Huệ đế làm thái tử, Lưu Bang muốn gạt bỏ, lập thái tử khác, Lã Hậu mẫu thân Hán Huệ đế lo sợ, xin Trương Lương bày mưu. Trương Lương nói: "Chỉ cần mời được "Thương sơn tứ hạo" về làm thầy dạy cho thái tử là được". Thế là Trương Lương, Lã Hậu nghĩ cách để Huệ đế mời "Thương sơn tứ hạo" về. Hán Cao tổ kinh hoàng, nghĩ rằng không thể coi thường Huệ đế, khi đã có bề đảng lập tức từ đó bỏ ý định phế truất thái tử. Cuối đời Chiến quốc, nước Tề sai sứ thân đến nước Triệu. Nữ vương của nước Triệu là Triệu Uy hậu hỏi sứ Tề: "Vũ Lăng Tử Trọng còn sống không? Ông ta là người: trên; không làm bề tôi cho vua; dưới không cai quản gia đình; giữa, không quan hệ với chư hầu, kẻ đầu têu xuất thế vô dụng ấy, có sao đến nay chưa giết đi?" Vũ Lăng Tử Trọng là ẩn sĩ nước Tề. Hành vi của ông ta cũng như Hoa Sỹ thời xưa. Nhớ lại bấy giờ cuối thời Chiến quốc, chư hầu xâm lấn nhau, luôn sợ nước khác không suy yếu. Triệu Ly hậu lo cho mình còn chưa xong lại còn lo cho nước Tề, xúi bẩy nước Tề giết hại ẩn sĩ Vũ Lăng Tử Trọng, hay là lo Vũ Lăng Tử Trọng một khi xuống núi sẽ uy hiếp nước Triệu? Chưa biết chừng.

Ẩn sĩ chính là người thế này: học văn giỏi, tài trí cao, nhưng không muốn ra làm quan, mà càng không ra, tiếng tăm càng cao. Do vậy, đồ đệ của Diệu Toàn, thông qua việc làm ẩn sĩ để nâng cao danh tiếng của mình, từ đó đạt được mục đích làm quan, những việc như thế này khó tránh khỏi. Nghe nói, Lô Tăng Dung thời Võ Tắc Thiên nhà Hán từng tuyên bố muốn ở ẩn ở núi Chung Nam gần kinh đô, kết quả ngược lại, bị gọi vào triều làm quan. Cái gọi là

"Chung nam tiếp kinh" (đường tắt Chung Nam) diễn cố thông qua việc làm ẩn sĩ mà đạt được ý đồ làm quan từ đó mà ra, cho nên với những bán ẩn sĩ này cũng không khỏi bị chê cười. Nghiêm Tử Lăng là bạn tốt thời niên thiếu của Lưu Tú Hán Quang Vũ Đế. Lưu Tú tuy đã làm vua, không quên chuyện cũ, tìm kiếm Nghiêm Tử Lăng khắp nơi, nhưng họ Nghiêm đi ẩn không ra. Về sau phát hiện trên sông Phú Xuân ở Triết Giang có một người mặc ngược áo da ngồi câu cá, Hán Vũ đế được tin cho rằng người này chính là Nghiêm Tử Lăng. Lúc bấy giờ mới rước Nghiêm Tử Lăng về kinh thành cùng Lưu Tú tương kiến. Bạn bè tình nghĩa sâu nặng, nhưng quan vẫn không làm. Đời sau ở chỗ Nghiêm Tử Lăng ngồi câu cá dựng lên một miếu thờ để kỷ niệm vị ẩn sĩ không chạy theo thế tục này. Có người học trò đi thi ngang qua đây, đứng trước miếu thờ, lấy làm hổ thẹn, bèn ngẫu hứng đề một bài thơ: "Ông vì danh lợi mà đi ẩn, ta vô vì danh lợi mà đi thi. Hổ thẹn mà gặp tiên sinh, nửa đêm qua giấc dài". Đời Thanh có người không nghĩ như vậy, dùng thơ phê phán Nghiêm Tử Lăng: "Một lòng với bộ áo da, hư danh còn truyền mãi đến ngày nay. Bấy giờ nếu bỏ áo đi, mệnh mang sông nước biết đâu mà tìm". Ông ta cho rằng Nghiêm Tử Lăng vị ẩn sĩ này mưu đồ lưu danh, nếu quả thật muốn làm ẩn sĩ, hà tất mặc trái áo cho người ta để ý?

Xem ra cũng phải, nếu thật ẩn trốn nơi núi rừng thì phải như Lão tử. Lão tử tài ba cái thế vô song. Không từ đến thăm Lão Tử song nói với đệ tử: "Chim, ta biết chúng bay được; Cá, ta biết chúng có thể bơi lội; Thú, ta biết chúng có thể chạy. Chạy, có thể sa vào lưới; bơi có thể mắc vào dây câu; bay, có thể bị trúng tên. Còn con rồng ta không biết được, nó cưỡi gió mây mà lên trời. Nay ta gặp được Lão tử, ông ta như rồng vậy!" Con người vĩ đại có thể "cưỡi gió mây lên trời" này, thấy nhà Chu suy vi, không thể cứu vãn được,

bền bỏ đi ở ẩn, chẳng ai biết cuối cùng ra sao, đến nay vẫn là một dấu hỏi.

Có điều, Hoa Sỹ người bị Khương Thái công sát hại đại loại không thuộc vào loại người háo danh chuộng tiếng. Nếu mục đích ở ẩn của Hoa Sỹ là làm quan thì khi Khương Thái công định giết, ông ta vẫn còn có cơ hội thay đổi ý định ban đầu, đáp ứng yêu cầu của Khương Thái công, nhưng Hoa Sỹ không chịu làm như vậy. Hơn nữa, Khương Thái công vô cùng sáng khoái nói ra lý do ông ta giết Hoa Sỹ.

Đạo gia, với xã hội hiện thực, chủ trương phải theo thời thế, như dòng nước nhỏ; so với Đạo gia, Nho gia chủ trương cột trụ kiên cường, Pháp gia chủ trương nhân định thắng thiên, đều nóng vội với cái lợi trước mắt, thế của họ như tảng đá ném sông, sóng to đợt này đến đợt khác. Công tể thế của hai tư tưởng đó khác nhau ở từng thời, không thể gộp chung lại mà xem xét. Nhân vật Đạo gia giành được tiếng tăm của người đời bằng sự siêu thoát rộng lớn, không màng danh lợi, còn đồ đệ của Điều Toàn nhờ vào "đường tắt Chung Nam", hoá xa thành gần, biến khó thành dễ, sai sót bất ngờ, nên xem xét như thế nào?

Nhân vật Đạo gia nổi tiếng thế gian bằng sự siêu thoát rộng lớn, nếu Khương Thái Công biết dựa theo chiều hướng khách quan mà đi lên, khen ngợi ẩn sĩ thì tâm lòng bác đại vì chính của ông ta không vì thế được người đời ngưỡng mộ hay sao? So với hành vi nóng vội vì lợi ích trước mắt giết ẩn sĩ để buộc họ hợp tác, ai tốt ai xấu? Khương Thái công giết hại Hoa Sỹ sợ là đánh mất cái tâm cỡ của ông ta.

Những năm đầu Chiến quốc, Ngụy Văn hầu muốn chiếm nước Trung Sơn, Định Hoàng tiến cử Lạc Dương làm thống soái. Có

người cho rằng, con cả của Lạc Dương làm quan ở Trung Sơn, cho nên Lạc Dương không nên làm thống soái. Địch Hoàng phản bác nói: "Lạc Dương từng giãn người của nước Trung Sơn đến mời, có thể thấy rằng bố con không đồng chí, Lạc Dương có khả năng giữ nhiệm vụ quan trọng." Ngụy Văn hầu tiếp nhận kiến nghị của Địch Hoàng, lấy Lạc Dương làm thống soái dẫn binh tấn công nước Trung Sơn. Lạc Dương sốt ruột dọc đường cứ mãi chém tướng, thế như chém tre, tiến thẳng đến gần đô thành Trung Sơn. Quả nhiên vua nước Trung Sơn dùng Lạc Thư con của Lạc Dương làm con tin, ép Lạc Dương phải lui quân. Lạc Dương một là vì tình cha con sâu nặng, không thể đột nhiên ra tay, hai là bởi vì trong thành sĩ khí đang hăng, đánh gấp không lợi, bèn truyền lệnh vây nhưng không đánh. Tin truyền về nước Ngụy, một số đại thần nhao nhao tấu với Ngụy Văn hầu, có người nói Lạc Dương thông đồng với địch, muốn tách Trung Sơn độc lập làm vua. Có người nói Lạc Dương vì con làm lỡ việc quân, tội không khoan dung tha thứ. Ngụy Văn hầu không những phớt lờ những lời tấu đó, mà còn liên lạc sai người uỷ lạo tướng sĩ, bổ sung cấp dưỡng, lại còn mua sập trước nhà cao cửa đẹp để còn khen thưởng Lạc Dương. Lạc Dương quả không phụ lòng mong đợi của nhà vua, chỉ ra tay là lấy được thành trì, khiến nước Ngụy lừng lẫy uy danh trong các nước chư hầu.

Ngoài ra, "Chiến quốc sách" có ghi:

Lạc Dương làm tướng nước Ngụy, đánh nước Trung Sơn, còn con ông ta ở Trung Sơn, vua Trung Sơn bèn làm thịt con trai Lạc Dương, gửi cho Lạc Dương mấy bát canh, Lạc Dương ngồi dưới trướng, nén đau thương, một hơi uống cạn? Ngụy Văn hầu được tin không ngọt than vãn, khen ngợi với Đổ Sư nói: "Lạc Dương vì ta mà ăn thịt của con mình". Đổ Sư khen lại rằng: "Thịt của con trai mình sinh ra mà còn nuốt trôi thì còn thịt của ai nuốt không trôi?"

Lạc Dương thắng trận về nước. Ngụy Văn hầu tuy thưởng công nhưng vẫn nghi ngờ tấm lòng của ông ta.

"Bổ nhiệm thì đừng nghi, nghi thì đừng bổ nhiệm", điều đó ai cũng biết. Nhưng những ai đáng bổ nhiệm, những ai phải nghi ngờ, khi thực hiện phải lao tâm khổ tứ. "Thánh triều dĩ hiếu trị thiên hạ". "Hiếu" chiếm vị trí đặc biệt trong nền văn hoá cổ đại Trung Quốc. Từ tình yêu thương của bố mẹ, con cái mở rộng đến anh em, bạn bè, vua tôi, cho đến cả thiên hạ, người nào đánh mất tình thương yêu cha con thì đừng nói đến tình anh em, vua tôi, bạn bè, thậm chí thiên hạ. "Trung thân phải từ hiếu mà ra", đây là quan điểm giá trị chiếm địa vị chủ đạo. Nhưng cũng không hẳn như vậy. Trung hiếu thường khó song toàn. Hiếu mà không trung, trung mà không hiếu thì cũng không coi là người nữa, làm thế nào được? Huống hồ người có hiếu vị tất có khả năng giữ địa vị quan trọng. Lạc Dương tuy là người có khả năng giữ trọng trách, bỏ con giữ để tận trung nhưng lại bị Ngụy Văn hầu nghi ngờ, vừa đáng kính vừa đáng buồn. Nếu lời Ngụy Văn hầu từ chối cử tuyển lên đối chấp, không biết ông ta lấy gì truyền dạy. Người ta không ai trọn vẹn, không thể cầu toàn. Từ Hạ có nói: "Đại đức bất du nhân, tiểu đức xuất nhập khả dã". "Nhân" chính là phạm vi, Từ Hạ chủ trương chỉ cần không vượt ra khỏi phạm vi của nguyên tắc chung, còn thiếu sót nhỏ, thì người hiền không tránh khỏi, không nên chỉ trích quá đáng. Cầu toàn tránh bị, thì thiên hạ không có ai đáng được dùng.

Tô Tần là nhân vật khét tiếng thời kỳ Chiến quốc, một mình ông đeo ấn tướng sáu nước, du thuyết bốn ba, làm nên thế hợp tung sáu nước, khiến cho nước Tần hùng mạnh mười lăm năm trời không dám khinh xuất tiền về phía đông. Cũng từng băng sức lực của mình ông bắt nước Tề trả lại mười thành xâm chiếm của Yên. Thế nhưng có người dèm dèm pha với Yên vương rằng: "Tô Tần là kẻ tôi

tráo trở bán nước, sắp làm loạn". Tô Tần từ Tề trở về Yến, Yến vương không giao cho Tô Tần làm tướng nữa. Tô Tần bèn vào yết kiến Yến vương, nói: "Thần là dân áo vải Đông Chu, không chút công lao mà được đại vương tin dùng. Nay thần vì đại vương lui quân Tề lấy được mười thành, cũng chính vì sự tin dùng của đại vương. Nay đại vương không cho thần làm quan, chắc là có người công kích với đại vương thần là người không đáng tin dùng. Nhưng, thần, con người không đáng tin dùng này quả thật là phúc phận của đại vương. Thần nghe nói người lo trung giữ tín chỉ là vì mình, còn người dốc sức tiến thủ lại là vì người khác. Huống hồ, thần du thuyết Tề vương và không lừa dối ông ta. Thần bỏ mẹ già ở Đông Chu là hành vi bỏ danh dự mà lo tiến thủ. Nếu như nay được ba người có hiếu như Tăng Sâm, liêm như Bá Di, tín như Vĩ Sinh đến thờ phụng đại vương, đại vương sẽ cho là thế nào". Yến vương trả lời: "Nếu được như vậy, ta rất hài lòng". Tô Tần nói: "Hiếu như Tăng Sâm, nghĩa là không xa vắng người thân một đêm, đại vương có thể làm sao có thể bắt ông ta đi bộ ngàn dặm đến thờ phụng nước Yến nhỏ yếu và nhà vua đang trong thế trứng để đầu đàn. Liêm như Bá Di, nghĩa không làm con cháu của Cô Trúc quân, không chịu làm bề tôi của Vũ Vương, không nhận phong hầu và chết đói dưới núi Thủ Dương. Kẻ sĩ liêm khiết như vậy, làm sao đại vương có thể ông ấy đi ngàn dặm đến Tề lo việc tiến thủ? Tín như Vĩ sinh, hẹn gặp người con gái dưới chân cầu, cô gái sai hẹn mà nước lũ đã dón đến. Vĩ Sinh thủ tín không đi ôm trụ cầu mà chết. Kẻ sĩ thủ tín như vậy, làm sao đại vương có thể khiến anh ta đi ngàn dặm làm lui quân đội hùng mạnh của nước Tề? Tô Tần tôi chính vì trung tín mà mắc tội với đại vương". Yến vương không hiểu, hỏi: "Ông đã không phải là kẻ sĩ trung tín, lẽ nào lại vì trung tín mà chịu tội? " Tô Tần đáp: "Không phải thế. Thần nghe nói có một người quanh năm đi làm quan ở ngoài, vợ ông ta tư thông với người khác.

Chồng sắp về, người đàn ông kia vô cùng lo lắng, vợ ông ta nói: "Không phải lo lắng, tôi đã sẵn rượu thuốc đợi ông ta". Ba ngày sau, người chồng trở về, người vợ cả sai cô vợ lẽ dâng rượu cho chồng. Cô vợ lẽ muốn nói trong rượu có thuốc độc, nhưng sợ cô cả đuổi đi. Im lặng không đánh tiếng lại sợ chồng bị giết. Thế là bèn giả vờ bất cẩn ngã lăn, đổ hết rượu thuốc. Người chồng tức giận đánh cô ta năm mươi roi. Cô vợ bé ngã và đổ rượu, trên còn chồng dưới còn vợ, thế nhưng không khỏi bị đòn roi, sự việc là như vậy, lại không thể nói rằng trung tín mà có tội hay sao? Sai lầm của thần chẳng may cũng thuộc loại này". Yến vương bấy giờ mới nhận ra, phục chức cho Tô Tần.

Rốt cuộc Tô Tần là kẻ sĩ có tài hùng biện tung hoành, dùng ba tác lưởi không rách nát cố gắng thuyết phục Yến vương, gấp dữ có thể hoá lành, gấp khó hoá dễ. Giả sử Tô Tần là một trung thần ăn nói ngu ngơ, há không bị sai đi Tây Thiên sao?

Trong lịch sử, những nhân vật đã làm nên nghiệp lớn đều có hoài bão "đại đức bất du nhân, tiểu đức xuất nhập khả dã". Hán Cao tổ Lưu Bang dựa vào Tiêu Hà, Trương Lương, Trần Bình, dẹp yên thiên hạ, trong đó Trần Bình đã từng sáu lần nghĩ ta điệu kế cho Lưu Bang nhưng mỗi lần ông ta gặp nhiều chướng ngại, trước hết thì Ngụy không thành, quy về với Hạng vương, Hạng Vũ không khoan dung lại nhờ Ngụy Vô Trí giới thiệu với Lưu Bang mới được giao cho trọng trách. Lúc bấy giờ Chu bệ Giăng hầu Quán Anh không phục, dâng lời gièm pha Trần Bình với Lưu Bang: "Trần Bình tuy dùng mao đường bệ, nhưng chưa hẳn thật có bản lĩnh. Nghe nói hồi còn ở nhà, Trần Bình ăn trộm của chị dâu ông ta, thờ Ngụy không xong chạy sang Sở, ở Sở không được lại chạy sang Hán. Nay đại vương cho ông ta làm quan to, lại sai ông ta làm hộ quân, trong quân xôn xao bàn tán, Trần Bình nhận hối lộ của các tướng, người

đưa nhiều vàng được chỗ tốt, người đưa ít vàng được chỗ xấu. Trần Bình là loạn thần phản phúc, mong đại vương lưu tâm". Tuy tính tình rộng rãi cởi mở nhưng sau khi nghe nói như vậy, Lưu Bang sinh hoài nghi Trần Bình. Lưu Bang triệu Ngụy Vô Trí đến trách mắng ông ta không thận trọng tiến cử người. Ngụy Vô Trí nói: "Điều mà tôi coi trọng là tài năng của con người, thế mà điều hôm nay bệ hạ nói đến lại là phẩm hạnh. Giả sử nay được những người như Tăng Sâm, Vỹ Sinh, họ có ích gì cho sự nghiệp của bệ hạ? Thận tiến cử cho bệ hạ một mưu sĩ tài, bệ hạ chỉ cần xem kế sách của ông ta có lợi cho nước hay không là được. Còn chuyện ăn trộm của chị dâu, nhận vàng, đáng gì mà tranh cãi?" Trần Bình cũng giải thích với Lưu Bang: "Mối đầu tôi thờ phụng Ngụy vương, Ngụy vương không thể thu nhận chủ trương của tôi, cho nên mới phải đi nương nhờ Hạng vương, Hạng vương không tin người. Được ông ta tin dùng, nếu không là người họ hàng thì phải là người họ hàng bên vợ. Dẫu là kẻ sĩ kỳ tài, nhưng khó được dùng. Dĩ nhiên tôi phải bỏ ông ta mà đi. Nghe nói Hán vương biết người, khéo dùng. Cho nên đi theo. Thần mình trần mình mà đến, không nhận tiền bạc của người khác, kế sách của thần có chỗ nào dùng được thì xin đại vương ghi nhận, nếu không dùng được, thần xin từ quan. Trần Bình tôi đánh xe ra đi ngay". Lưu Bang nghe xong, liền ngó ý xin lỗi, hậu thưởng Trần Bình, phong Trần Bình làm Hộ quân trung uý, chuyên lo bảo vệ các tướng soái, bây giờ lời dèm pha mới hết. Đây là chỗ Hán Cao tổ Lưu Bang cao hơn Hạng vương.

Trương Xương thời Hán Vũ đế là một tài tử, về sau trở thành một danh thần. Tình cảm của ông ta với vợ rất đẹp. Đuôi lông mày của vợ có khuyết tật, sáng nào Trương Xương cũng sửa cho. Có người đem chuyện này kể với Hán Vũ đế. Một lần Hán Vũ đế hỏi Trương Xương ngay trước mặt các quan đại thần trong triều.

Trương Xương không tha thứ, trả lời: "Chốn khuê phòng còn có điều thú hơn cả việc sửa lông mày". Ý nói là vợ chồng có việc còn thú vị hơn sửa lông mày, đại vương hỏi thần việc công đã làm xong chưa mới phải, vẽ lông mày hay không, có can hệ gì tới việc triều chính?

Đến thời Tam quốc, sở dĩ Tào Tháo không chế được thiên tử để sai khiến chư hầu, thiên hạ ba phần ông ta có một, đó là do sự khéo léo lôi kéo người tài của ông ta. Nguyên tắc dùng người của ông là "Chỉ cất nhắc người tài", chỉ cần có điểm trội là đều được dùng, nếu không có thì thôi. Nếu dùng người, trước hết phải biết khoan dung, Tào Tháo giỏi nhất điểm này. Mới đầu, khi ông ta đánh nhau với Viên Thiệu, quân hai bên quá chênh lệch, quan quân nhiều người hoang mang, nghĩ rằng sẽ thất bại, Thế là họ nước đôi, ngấm ngấm liên lạc với Viên Thiệu chuẩn bị lối thoát. Thư tín đi lại của họ đều bị Tào Tháo thu hết, nhưng giữ kín không lộ ra. Sau khi thắng trận, Tào Tháo đốt hết những thư từ thông đồng với giặc. Có người không hiểu nói chuyện với Tào Tháo, những người ngấm thông đồng với Viên Thiệu này lòng dạ đổi khác, đáng phải truy cứu. Nhưng Tào Tháo nói: "Những người theo ta đi đánh trận, có ai không muốn vì vợ con nhà cửa của mình, tìm lối thoát, tìm đường tiến thủ? Lúc đầu thắng bại chưa thể biết trước, đến bản thân tôi cũng không dám chắc, không đủ niềm tin, làm sao có thể yêu cầu khát khe người khác được? Nếu cứ truy cứu, e rằng không thể tìm thấy lấy một người trung thành kiên định". Tào Tháo chính là con người có tình có lý, bao dung độ lượng, nhìn xa trông rộng như vậy đấy.

Thời Tấn An đế, đại tướng Lưu Dụ bắt phạt, nội bộ trống rỗng. Quảng Châu Thứ sử Lô Tuấn thừa cơ đẩy binh phản Tấn, nhanh chóng áp sát kinh thành Kiến Khang. Giang Lăng không

được tin tức gì của kinh thành, vì thế quân phản nghịch nổi dậy khắp nơi, người người lo sợ. Quốc vương hậu Thục cũng nhân Tấn lâm nguy cử đại tướng Hoàn Khiêm liên hiệp với quân Tấn đánh Tấn. Hoàn Khiêm hạ trại ở Chi Giang, Giang Lăng cáo nguy, chẳng bao lâu nữa sẽ hạ được. Vì vậy, dân chúng, quân lính Giang Lăng tới tập gửi thư cho Hoàn Khiêm thông báo tình hình quân đội, và bày tỏ nếu quân Hoàn Khiêm đến dưới chân thành, nguyện làm nội ứng. Thử Xử Kinh châu của Tấn là Lưu Đạo Quy chỉ huy nhanh chóng đánh bại liên quân Tấn Thục và thu hết những thư tín của quân dân Giang Lăng gửi cho Hoàn Khiêm. Quân dân Giang Lăng được tin, nơm nớp suốt ngày. Lưu Đạo Quy như không hay biết, đốt hết thư tín, Giang Lăng mới được yên.

Bộ sậu của Tào Tháo thông đồng với địch, Giang Lăng gửi thư làm phản, tuy có điều nghi ngờ "đại đức du nhân", nhưng tình ấy, thế ấy chỉ có lấy con mắt nhìn xa trông rộng, thái độ khoan dung, độ lượng làm thượng sách, nếu không thất bại sẽ lớn.

Tâm mắt rộng lớn, thường có chỗ ngược với lẽ thường; chỉ có ngược với lẽ thường mới có cái rộng lớn để nói.

Thời Nam Tống có người giả mạo thư của quyền tướng Tần Khoái đến gặp quận thủ Dương Châu, bị quận thủ Dương Châu phát giác, liền đưa cả người lẫn thư lên kinh thành. Tần Khoái nhìn người ấy, không những không trị tội, mà còn thưởng tiền tiêu, cho làm quan. Mọi người hỏi tại sao, Tần Khoái nói: "Người cả gan mạo thư từ Tần Khoái tôi nhất định không phải người thường, nếu không dùng quan chức để lung lạc anh ta, anh ta không lên Bắc theo Hồ, thì xuống Nam theo Việt, với ta có lợi gì?"

Kẻ loạn thần phản phúc, hạng trộm gà bắt chó, ai cũng coi không phải là người, những bậc trí giả lại có thể làm cho họ ai được

việc này, đây chính là cái lễ "tín tức dĩ nhất dị, nghĩa tức dĩ đắc chúng".

Nhưng, rộng lượng bao dung, tấm lòng rộng lớn "dùng thì không nghi" đó chỉ là một mặt trong nguyên tắc dụng người. Lòng người như nét mặt, mỗi người một chí, có thể dùng được cho người khác, chưa chắc có thể dùng được cho ta, đó là thứ nhất. Thứ hai, quan điểm giá trị một tội không được thờ hai chúa, được rất nhiều hiền nhân trí sĩ kính cẩn tôn thờ, nhất là lúc giao thời giữa các triều đại, một số người tận trung thủ tiết, không chịu đổi thay, cho nên chúa mới lên ngôi không thể không xuống lệnh cấm sát sinh. Cái gọi là "nghi tắc vật nhiệm" đâu chỉ là "vật nhiệm" (đừng bỏ nhiệm), không biết nó đã đạo diễn lên biết bao bi kịch làm đau lòng người. Hán Vũ đế cuối cùng đã giết chết Kỷ Tử Câu Dục phu nhân từng được ông ta yêu dấu, chỉ vì muốn lập con trai của bà lên làm thái tử. Có người hỏi Hán Vũ đế tại sao làm như vậy. Hán Vũ đế nói: "Từ xưa đến nay, sở dĩ nước loạn đều là do đế vương nhỏ tuổi, mẫu hậu có thể can thiệp khéo léo vào công việc triều chính. Ta nay tuổi đã cao, Kỷ Tử này hãy còn trẻ, sau này con trai ta sẽ là Hoàng đế, nếu Kỷ Tử can dự triều chính, làm thế nào?" Cho nên Hán Vũ đế dứt khoát giết Câu Dục phu nhân. Trong lịch sử sau Hán Vũ đế không bao giờ thiếu vắng những mẫu hậu can thiệp triều chính gây rối loạn quốc gia. Về điểm này, Hán Vũ đế quả là có tầm nhìn xa trông rộng, kiến thức cao sâu.

Lui về trước nữa. Chu Á phu là danh tướng nhà Hán được coi trọng ở hai triều đại Văn, Cảnh, nhưng cuối cùng Hán Cảnh đế vẫn giết ông, tại sao? Hán Cảnh đế đánh giá Chu Á phu: "Người này về khó chịu, không phải thiếu tình chủ tớ?" Chu Á phu trung thần tuyệt đối, song chỉ trung với Cảnh đế này, trung với quốc gia. Nhưng ta tuổi đã già sắp qua đời, con trai tuổi còn nhỏ, sau này nó

làm hoàng đế, Chu Á phu trong lòng không phục, khó bảo. Cho nên Cảnh đế đành chịu đau vứt bỏ.

Đường Thái Tông được gọi là ông vua thánh minh, quả thật cũng có chỗ sáng suốt. Đối với bề tôi trung thành của mình, có thể trở thành bề tôi trung thành của con mình hay không, ông vẫn còn nghi ngại, nhưng ông không ra tay ngay mà tìm cách thử nghiệm lại. Từ Thế Tích cùng Đường Thái tông đánh thiên hạ, chiến công rạng rỡ. Khi sắp mất, Đường Thái tông hạ lệnh để Từ Thế Tích đi trấn giữ biên cương. Đường Thái Tông bảo con trai là Đường Cao Tông chú ý xem lệnh này sau khi đã truyền đạt, Từ Thế Tích lên đường ra đi như thế nào. Từ Thế Tích cũng biết tông dụng ý của Đường Thái Tông có lẽ chủ tâm như vậy, vừa nhận được lệnh không nói đến câu thứ hai, lập tức lên đường nhận chức. Đường Thái tông sau khi biết được điều này mới yên tâm. Biết chắc sau này ông ta cũng sẽ nghe theo Đường Cao Tông. Giả sử Từ Thế Tích do dự hoặc không được vui vẻ, thì kết quả ra sao có thể nghĩ mà biết. Cách xử lý ôn hoà nhất, có lẽ trước hết phải suy ra từ Tống Thái Tổ, ông hoài nghi công thần, bèn "lấy chén rượu xáo binh quyền", để những tướng lĩnh có công trạng này về quê sống cuộc đời an nhàn. Những bậc đế vương rộng lòng khoan dung độ lượng như vậy, tìm trong lịch sử có được mấy người.

3

MINH VÀ ÁM

Minh là công khai, lộ rõ ra ngoài. ám là bí mật, ẩn dấu không lộ. Minh và ám làm thành một cặp phạm trù mâu thuẫn, có ở khắp mọi hang cùng ngõ hẻm của cuộc sống xã hội.

Trong lĩnh vực Quyền mưu học, quan hệ giữa Minh và Ám có thể trình bày như sau: 1. Đối lập nhau - cái Minh bài trừ cái Ám, ngược lại, cái Ám cũng bài trừ cái Minh. 2. Dựa vào tồn tại - không có cái Minh thì cũng không có cái gọi là Ám, có cái Minh thì ắt phải có cái Ám. 3. Thấm thấu vào nhau - cái Minh cũng có thể chứa đựng cái Ám, cái Ám cũng có thể bao hàm cả cái Minh. 4. Chuyển hoá lẫn nhau- trong điều kiện nhất định cái Minh có thể biến thành cái Ám, cái Ám cũng có thể biến thành cái Minh.

Một bộ sử quyền mưu Trung Quốc, minh minh ám ám, ám ám minh minh, không biết làm rối loạn tâm hồn bao người, cũng không biết đã thành bại tiền đồ của bao người, càng không biết đã giết chết tính mạng của bao người.

1. THUẬT QUÂN THẦN CỦA HÀN PHI TỬ

Hàn Phi là nhà tập đại thành của học thuyết Pháp gia Tiên Tần, "Hàn Phi tử" là tác phẩm tiêu biểu tập trung bàn về quyền mưu chính trị (hay gọi quyền mưu Pháp gia). Đối với việc làm thế nào xử lý mối quan hệ giữa vua chúa với bề tôi, đặc biệt là luận bàn làm thế nào vận dụng quyền mưu trong hoạt động chính trị xã hội, nó rất có hệ thống và rất rõ ràng, có thể nói là "tiên bất kiến cổ nhân, hậu bất kiến lai giả". Hàn Phi xuất phát từ lập trường làm vững mạnh chủ nghĩa chuyên chế phong kiến, kiên trì quan điểm cơ bản "Đương quân ức thần", tạo ra lý luận chính trị kết hợp giữa "Pháp" "Thuật" "Thế". Trong đó "Thuật" mà Hàn Phi Tử bàn tới, trước hết là "để vương chi cụ", tức thuật vua chúa điều khiển bề tôi" cùng đồng thời tiện thể vạch rõ thuật làm vua của bề tôi. Thuật điều khiển bề tôi và thuật làm vua này hợp lại với nhau, vừa là sự tổng kết quy nạp hoạt động chính trị xã hội trước thời Tần, cũng là sự chủ đạo cụ thể cho đời sống chính trị, xã hội thời Tần về sau, do đó vẫn được coi là một bộ quyền mưu chính trị kế trước mở sau.

Theo cách nhìn của Hàn Phi, thống trị cực quyền của vua chúa là lấy sự phục tùng vô điều kiện của bề tôi bên dưới làm tiền đề, mà muốn bề tôi bên dưới phục tùng vô điều kiện ý chí của vua chúa, thì vua chúa cần phải áp dụng thủ đoạn ràng buộc trách nhiệm cụ thể mà có hiệu quả. "Hàn Phi tử, Nạp trữ thuyết thượng" thông qua một loạt ví dụ thực tế được thống kê, tập trung bàn luận về vấn đề này, nêu lên một cách rõ ràng: "Bảy thuật" mà vua chúa đã dùng: "Một là chúng đoan tham quan, hai là tất phạt minh uy, ba là tín thưởng tận năng, bốn là nhất thỉnh tránh hạ, năm là nghị chiếu nguy sử, sáu là giáp tri nhi vấn, bảy là đáo ngôn phản sự".

Cái gọi là "chúng đoạn tham quan" là chỉ vua chúa phải từ nhiều phương diện nghiệm chứng ngôn từ cử chỉ của bề tôi. Người ta thường nói "nghe đầy đủ thì sáng nghe phiến diện thì tối", "Người trong cuộc thì mê, người ở ngoài thì rõ", là có ý ấy. Hàn Phi cho rằng, vua chúa xem xét nghe ngóng hành vi ngôn từ của bề tôi mà không kiểm chứng thêm, hoặc chỉ tin ở một người thì sẽ bị bề tôi bung bít; chỉ có lắng nghe ý kiến rộng rãi từ nhiều phía, tham khảo so sánh, mới có thể rút ra lời phán xét sự vật một cách chính xác.

Thời Xuân Thu, Di Tử Hà được Vệ Linh công tin yêu, chuyên quyền hống hách ở nước Vệ. Có ông Thù Nho đến gặp Vệ Linh công nói: "Giấc mơ của tôi đã ứng nghiệm". Vệ Linh công hỏi: "Người mơ gì? " Thù Nho trả lời: "Tôi mơ thấy cái bếp, quả nhiên gặp được ngài!" Vệ Linh công nổi giận nói: "Ta nghe nói người ta muốn vào gặp vua chúa thì mơ thấy mặt trời, tại sao trước khi người được gặp quả nhân thì lại mơ thấy cái bếp?" Thù Nho trả lời: "Mặt trời kia chiếu khắp thiên hạ, một vật không thể che được ánh sáng của nó. Ánh sáng của đại vương chiếu sáng cả nước, một người không thể che chắn được. Cho nên người sắp gặp đại vương sẽ mơ thấy mặt trời. Cái bếp kia chỉ có thể để một người hơi lửa, người đằng sau anh ta không nhìn thấy lửa được. Bây giờ chẳng phải có một người được nhà vua yêu chiều đến rực lửa đầy sao? Tôi tuy mơ thấy bếp trước rồi mới được gặp ngài, cũng được chứ sao".

Mục tiêu mà Thù Nho thực sự công kích là Di Tử Hà, nhưng không nhắc đến Di Tử Hà; đối tượng đã kích trực tiếp là Vệ Linh công, nhưng hầu như không nhắc đến sai lầm Vệ Linh công tin yêu kẻ tiểu nhân. Thù Nho từ giấc mơ nói đến cái bếp, từ cái bếp nói đến thái dương, từ thái dương nói đến việc Vệ Linh công bị bung bít, cho đến khi nói hết lời cuối cùng, người nào suy ngẫm mới có

thể hiểu được cái thâm ý của ông ta. Thật là trong Minh có Ẩm, trong Ẩm có Minh, lí lẽ cặn kẽ, ẩn dụ khéo léo. Quan niệm truyền thống thường sánh vua với thái dương, còn Thù Nho thì lại ví Vệ Linh công là cái bếp, cái mà người ta có thể che lấp, cố ý chọc tức cho Vệ Linh công nổi giận, sau đó, so sánh bếp lửa với mặt trời, lại dẫn đến vấn đề chính: Vệ Linh công bị bung bít, che chắn, kẻ che chắn ấy là ai, không nói cũng rõ.

Cái gọi là "sử phạt lấy nguy" là chỉ vua chúa phải tỏ rõ sự uy nghiêm của mình, đối với những kẻ vi phạm pháp lệnh cần phải nghiêm trị không tha thứ. Hàn Phi cho rằng, đối với bề tôi bên dưới cố nhiên phải dùng cả "hai gậy" thưởng, phạt, nhưng nói một cách tương đối, nên chú trọng dùng phạt nhiều hơn. Vua chúa quá nhân từ, thì khó xây dựng uy nghiêm; vua chúa không đủ uy nghiêm, thì bị bề tôi làm hại. Điều này nói rõ việc xây dựng uy nghiêm và việc dùng hình phạt của vua chúa là hai sự kiện phối hợp bổ xung cho nhau.

Nước Lỗ xảy hoả hoạn, ngọn lửa theo gió ào đến, áp sát đô thành, Lỗ Ai công vô cùng hoảng sợ, thân chinh dẫn người đi dập lửa, những người giúp việc đều đuổi theo dã thú. Ngọn lửa tiếp tục lan rộng, Lỗ Ai công vội triệu Khổng Khâu đến hỏi ý kiến. Khổng Khâu nói: "đuổi theo dã thú vừa vui vẻ lại không bị xử phạt; cứu hoả đã gian khổ lại không được khen thưởng. Ấy là nguyên nhân người ta không đi dập lửa." Lỗ Ai công hỏi làm thế nào được? Khổng Khâu nói: "Việc gấp lắm không kịp bình công khen thưởng; những người cứu hoả đều được khen thưởng cả thì của cải của quốc gia không đủ dùng, xin chỉ dùng hình phạt." Lỗ Ai công tỏ ý tán thành. Thế là Khổng Khâu hạ lệnh: "Người không đi cứu hoả, khếch vào tội đầu hàng chạy trốn; những người đuổi theo dã thú thì trị

theo tội tự ý vào vùng đất cấm." Mệnh lệnh này chưa loan khắp đô thành, ngọn lửa đã bị dập tắt.

Người ta nói Khổng Khâu là "thánh nhân", "thánh nhân" chỉ có làm theo "dức". Đây thực là sự bịa đặt của các nhà Nho dung tục đời sau. Ở vào thời đại "lễ nhạc hư hỏng", anh hùng tranh vương", mà phải đối mặt và nhìn thẳng vào hiện thực xã hội sống động, huông hồ, ông ta trước sau vẫn mang một nhiệt tình tích cực ra là, tham gia chính trị. Sự kiện Khổng Khâu giúp Lỗ Ai công cứu hoà này, chứng tỏ ông ta xem xét tâm lý con người khá sâu sắc và chuẩn xác.

Đối với việc lựa chọn thưởng, phạt thì có tính chất tuỳ cơ ứng biến. Pháp lệnh quốc gia vẫn phải ổn định và nghiêm minh mà nay đến tay Khổng Khâu lại trở thành công cụ thúc dục mọi người cứu hoà. Giả như không phải là một tay cử khôi đẩy mưu mô, quyền uy, trong tình hình bấy giờ liệu Khổng Khâu có thuận tay đưa ra thủ đoạn ứng biến nhanh chóng có hiệu quả này được không.

Gọi là "khen cho khắp", là nói đối với người có công vua chúa phải kịp thời ban thưởng, làm cho thần dân dốc hết khả năng. Hàn Phi cho rằng, khen thưởng nhẹ mà lại không biến thành sự thật, thì thần dân sẽ không nghe theo lời vua chúa sai khiến; khen thưởng hậu lại được lòng tin thì thần dân sẽ liều mình cống hiến sức lực cho nhà vua. Vì vậy, vua chúa ban thưởng cần phải làm cho kỳ được "nói phải giữ lời hứa, lời hứa phải có kết quả".

Việt vương Câu Tiễn định đem quân đánh nước Ngô, bèn hỏi đại phu Văn Chung: "Quả nhân định đem quân đánh Ngô, được không?". Văn Chung trả lời: "Được, thần phải hậu thưởng và giữ lòng tin, xử phạt nặng và phải thi hành. Nhà vua nếu muốn hiểu được điều này, sao không phóng lửa đốt cung thất để làm một cuộc

thử nghiệm?" Câu Tiễn bèn sai người bí mật phóng hỏa đốt cung thất. Nhưng không một ai đến cứu. Thế là Câu Tiễn hạ lệnh. "Người nào thiệt mạng trong khi cứu hoả được xét khen thưởng như bị hi sinh khi chiến đấu với quân thù. Người nào tham gia cứu hoả mà không bị thương vong, được xét thưởng theo tiêu chuẩn đánh bại kẻ thù. Còn những người không đi cứu hoả, bị xét xử như đầu hàng chạy trốn." Lệnh vừa ban ra mọi người ào ào khoác lên mình những dụng cụ cứu hoả, mặc quần áo ướt, xông đến đám cháy, phía trái có ba nghìn người, phía phải có ba nghìn người. Qua sự kiện này Câu Tiễn biết rằng đánh Ngô chắc chắn giành được phần thắng, vì vậy quyết định ra quân.

Tục ngữ nói: "Giải thưởng ban ra tất có người dũng cảm". Đó là vì thông qua giải thưởng nhất định, có thể kết hợp lợi ích của người trao thưởng với người nhận thưởng. Bằng hành vi tự đốt cung thất, hậu thưởng người cứu hoả, Câu Tiễn ngầm khảo sát cái điều mà người ta hướng tới, rút ra kết luận lòng dân có thể dùng được. Tương tự như vậy, mệnh lệnh dùng tên bắn của Lý Lý, đưa đến sự quyết đoán đúng sai của tổ tụng, để khích lệ dân chúng luyện tập cách bắn tên; thiết chế của Ngô Khởi dùng giải thưởng ban cho người nhấc được cặng xe để động viên dân chúng cướp phá biên giới nước Tần; Thương Ưởng dùng phương pháp "Si mịch lập tín" để giữ vững lòng tin và sự hiểu biết của dân chúng với pháp lệnh mới ban hành, đều là phát huy cụ thể "khen cho khắp" trong những trường hợp khác nhau.

"Hình phạt kịp thời" là chỉ vua chúa phân biệt, nghe ngóng ý kiến của bầy tôi, giám sát hành vi của họ. Hàn Phi cho rằng, vua chúa biết lắng nghe ý kiến của bầy tôi, thì sẽ không lẫn lộn người ngu dốt với người thông minh, nếu vua chúa khéo giám sát bề tôi thì kẻ bất tài không dám đứng lún vào hàng của người tài năng. Tề

Tuyên vương thích nghe nhạc, muốn nghe ba trăm nhạc công cùng thổi ống sinh. Nam Quách xử sĩ đến vương cung xin thổi ống sinh liền được cho phép, vì thế cũng được hưởng đãi ngộ của cung thất. Tể Tuyên vương mê, Tể Mẫn vương kế vị, thích nhạc công đơn độc thổi sinh từng người một diễn tài trước ông ta. Nam Quách xử sĩ vốn không biết thổi sinh, thấy tình hình như vậy, đành len lén bỏ đi.

Đây là câu chuyện mà mọi người đều quen thuộc. Nam Quách xử sĩ rõ ràng không biết thổi sinh, nhưng biết giả dạng lẫn vào đám nhạc công trong vương cung, thực ra là chui vào chỗ hở của "Tể Tuyên vương, nghe nhạc "phải có ba trăm người". Tể Tuyên vương lần nào cũng yêu cầu ba trăm nhạc công cùng thổi hoàn toàn không thể phân biệt tài nghệ của từng nhạc công, có lẽ không hề nghĩ đến việc phân biệt tài nghệ của mỗi nhạc công. Ngu dốt đến như vậy ai mà không biết? So với ông ta, Tể Mẫn vương thích các nhạc công từng người một biểu diễn, mặc dù không hẳn là muốn kiểm tra tài nghệ của từng nhạc công nhưng vô tình đã chặn con đường tiến của Nam Quách xử sĩ. May mà Nam Quách xử sĩ còn có chút sáng suốt, nhân khi chưa đến lượt mình biểu diễn liền chuồn khỏi đám nhạc công, nếu không một khi bị phát hiện không tránh khỏi tội danh "Khí quân vong thượng". Hãy thử ngẫm nghĩ xem, mà biểu diễn quân thần này phải chăng rất thú vị?

"Nghĩ chiếu nguy sử là chỉ vua chúa không bộc lộ ý đồ chân thật của mình, có ý ban chiếu lệnh đây khả nghi, làm cho bề tôi ù ù cạc cạc cảm thấy nhà vua cái gì cũng biết, vì vậy không dám làm điều riêng tư. Hàn Phi bàn kỹ việc vua chúa nhiều lần triệu kiến một số người bảo đứng chờ bên cạnh mà hồi lâu chẳng cho làm việc gì, những phần tử gian tà ấy liền cảm thấy sợ hãi mà chạy mất, vua chúa sai người làm việc hậu sự, lại sai người khác bằng cách riêng của mình giám hộ. Những người ấy không dám ăn gian làm dối.

Đồng Chu Quân mượn cơ bị thất lạc chiếc trâm vàng, sai người giúp việc đi tìm, sau ba ngày vẫn chưa tìm thấy. Đồng Chu Quân lại sai những người khác đi tìm, chưa đầy ngày đã tìm thấy, trong ngôi nhà của một gia đình. Đồng Chu Quân trách mắng người giúp việc: "Người hầu cận của ta không biết làm việc gì cả! Tìm một chiếc trâm vàng mà ba ngày không thấy. Ta sai người khác đi tìm, chưa hết ngày đã tìm thấy. Người giúp việc không hề sợ sệt vì sự thân mình của Đồng Chu Quân, Thương Thái tể sai người hầu cận đi chợ xem xét tình hình, người hầu cận quay về tàu không thấy có vấn đề gì. Thái tể hỏi anh ta: "Cứ cho là như vậy, rốt cuộc anh đã nhìn thấy những gì? Người hầu cận trả lời: "Ngoài cửa nam chợ xe trâu rất nhiều, động đến rồi muốn qua phải lách" Thái tể dặn anh ta: "Không được nói với người khác ta đã hỏi anh những gì" Liên sau đó triệu người quản chợ đến quờ mắng: "Ngoài cửa Nam chợ tại sao có nhiều phân trâu đến thế?" Người quản chợ rất lấy làm lạ, làm sao Thái tể biết nhanh thế, thế là lo sợ lưu ý đến cương vị công tác của mình.

Trong hai mẩu chuyện quyền mưu này, những việc làm của Đồng Chu Quân, Thương Thái tể không phải là cao minh gì. Đồng Chu Quân tự biết chiếc trâm vàng mất ở đâu, sai người đi lấy nó về, có phải tốn công sức gì. Những người giúp việc kia không biết trâm mất ở đâu, đến ba mươi ngày cũng chưa chắc tìm thấy chứ đừng nói đã ba ngày. Qua lời tàu của người hầu cận, Thương Thái Tể đã biết được ngoài cửa Nam chợ chật ních xe trâu, chỗ ấy làm gì mà chả có những đồng phân trâu, dựa vào sự suy diễn giản đơn này để vặn hỏi người quản chợ; mà ông ta có lỗi làm gì. Người quản chợ không hiểu được tình tiết trong đó, chỉ nghĩ rằng Thái tể đánh giá công việc qua con người, không tôn thờ như bậc thần minh sao được?

"Giáp tri nhi vấn", tức biết rõ chỉ nên hỏi, là chỉ vua chúa đem việc mình đã hiểu biết hỏi bề tôi, đánh giá cái thật, cái giả trong ngôn ngữ, cử chỉ của họ. Hàn Phi cho rằng đem điều mà bản thân mình đã biết để hỏi lại người khác, thì việc mà bản thân không biết cũng như đã biết, đi sâu tìm hiểu một sự kiện, rất nhiều điều còn mơ hồ đều trở nên minh bạch rõ ràng.

Hàn Chiêu hầu sai sứ giả đi xem xét huyện thuộc quyền của mình, sứ giả quay về tâu rằng không phát hiện ra vấn đề gì. Hàn Chiêu hầu hỏi sứ giả nhìn thấy những gì, sứ giả trả lời "Bên ngoài cửa thành Nam có con bê đang ăn mạ bên trái đường cái quan". Hàn Chiêu hầu dặn sứ giả không được hở ra điều ông ta đã hỏi, rồi xuống lệnh cho các nơi: "Trong từng thời kỳ gieo cấy, nghiêm cấm thả trâu bò vào ruộng. Trước khi có lệnh này, một số thư lại không chú trọng điều đó để đến nỗi nhiều trâu bò đã vào ruộng. Mong các địa phương báo cáo lên trên ngay con số này, nếu không sẽ bị xử phạt nặng". Các thư lại ngoài cửa thành Đông, Tây, Bắc đều rất nhanh chóng báo cáo lên số liệu của mình. Hàn Chiêu hầu nói mọi người: "Còn có nơi chưa báo cáo lên." Vì vậy cử người đi xem xét kỹ lưỡng tình hình thực tế, chẳng bao lâu tìm ra con bê ở ngoài cửa thành Nam. Thư lại các nơi do vậy cho rằng Hàn Chiêu hầu không chỗ nào không để mắt đến, họ đều thận trọng từng li từng tý mà không dám ăn gian làm dối.

Mẩu chuyện này rất gần với "Thương Thái tế bàn về bãi phân trâu". Hàn Chiêu hầu và Thương Thái tế, sứ giả và người hầu cận, huyện lý và chợ búa, con bê và cỗ xe trâu, dường như đối ứng từng đôi một. Chỗ khác nhau là Thương Thái tế được biết xe trâu san sát ngoài cửa Nam chợ, liền suy diễn chỗ xe trâu đổ có nhiều phân, rồi trực tiếp trách mắng viên quan coi chợ không làm tròn phận sự. Còn Hàn Chiêu hầu biết ngoài cửa thành Nam có con bê ăn mạ, liền để

bụng và lấy đó làm chỗ dựa chần chỉnh việc trâu bò vào ruộng, chờ cho viên thư lại ngoài cửa thành Nam không kịp báo cáo tình hình cụ thể lên, lại đem ra để tiến hành kiểm tra, xác minh, tự nhiên được tiếng xem xét tỷ mỉ.

"Đào ngôn phản sự" là chỉ vua chúa nói lời ngược với ý thực hoặc làm việc trái với tình hình thực tế để xem bề tôi có trung thành hay không. Hàn Phi cho rằng dùng phương pháp nói lời trái ngược, làm việc trái lại để thăm dò việc mà mình hoài nghi, thì có thể nắm được tình hình xấu.

Tử Chi làm tướng ở nước Yến, một lần ngồi ở chỗ nọ giả vợ nói: "Có con gì chạy ra cửa" Có phải là một con ngựa trắng không? "Những người xung quanh đều nói không nhìn thấy gì. Một người hầu cận vội vã lao ra xem rồi quay lại tâu: "Có". Do đó Tử Chi biết người hầu cận ấy là một người không thành thực.

Vệ Tự công sai người giả dạng làm khách buôn, qua chợ biên giới ra nước ngoài. Viên quan giữ ải cố ý hạch sách người khách buôn. Người khách buôn lấy nhiều vàng dát lót, liền được đi qua. Vệ Tự công gọi viên quan ấy đến nói: Ngày ấy giờ ấy có người khách buôn đi qua chỗ anh, đưa biếu anh một số vàng, anh liền cho đi". Viên quan nghe xong, rất lấy làm lo sợ, cho rằng Vệ Tự công rất sâu sát.

Hai mẫu chuyện này phản ánh: những người quyền cao chức trọng lợi dụng thủ đoạn lừa dối, giấu giếm, có thể đạt được mục đích của mình. Tử Chi nói con ngựa trắng, vốn là từ không nói có, nhưng viên hầu cận ấy gắng gượng nói có, tâm lý không thành thật của anh ta hiện ra rất sống động trên mặt giấy, khiến Tử Chi nhìn thấy tận đáy lòng anh ta. Vệ Tự công trách mắng ải quan, vốn là một tay thao túng, nhưng viên quan ấy không rõ nội tình, lại thêm

đuôi lý, cuối cùng cho rằng Vệ Tự công đoán trúng như thần, không pháp phóng vì quá lo sợ được sao? Có điều trong xã hội truyền thống cũng có những ông vua không tán đồng lạm dụng quyền mưu loại này. Đường Thái tông nói: "Vua là ngọn nguồn tôi là dòng chảy. Nước nguồn đục mà muốn dòng chảy trong thì không thể có được. Bản thân nhà vua làm điều dối trá, lấy gì buộc bề tôi sống ngay thẳng! Trẫm vẫn trị thiên hạ bằng lòng thành thật, thấy đế vương đời trước thích dùng mưu mẹo dối xử với bề tôi, trẫm thường lấy làm hổ thẹn". Nhận thức "Vua nguồn nước tôi dòng chảy" và quan điểm: "trị thiên hạ bằng lòng thành thật", so với quyền mưu "Đào ngôn phản sự" Thật là khác nhau một trời một vực.

Trên vũ đài chính trị truyền thống, vua tôi trên dưới một ngày trăm trận" trở thành hai mặt của quyền mưu, tất nhiên ai có mảnh lối riêng của người ấy. Vua chúa có thuật điều khiển bề tôi, bề tôi có thuật làm vua, thông qua rất nhiều câu chuyện quyền mưu, Hàn Phi đã chứng minh sáu thủ đoạn ẩn dấu mà bề tôi dùng để lừa bịp vua chúa, làm nguy hại vương quyền: "Một là Quyền tá tại hạ. Hai là Lợi dị ngoại tá. Ba là Thái vu tự loại. Bốn là Lợi hại hữu phản. Năm là Tham nghi nội tranh. Sáu là Cố quốc phế trí".

"Quyền tá tại hạ" là chỉ bề tôi lén lút dùng quyền thế của vua chúa để mưu cầu lợi ích cho mình. Hàn Phi cho rằng, "Quyền thế không thể cho người khác vay mượn", vua chúa mất đi một phần quyền thế, bề tôi sẽ lợi dụng trăm phần. Cho nên bề tôi có được quyền thế thì lực lượng lớn mạnh. Lực lượng lớn mạnh, nội ngoại triều đình sẽ bị anh ta thao túng. Như vậy vua chúa sẽ bị bưng bít.

Người Yên là Lý Quý thích đi xa. Vợ của ông thường ăn nằm với một công tử. Một lần Lý Quý đột nhiên trở về, công tử vẫn đang ở trong buồng, vợ ông vô cùng lo lắng, có người hầu gái nói với bà ta: "Bảo công tử cởi hết quần áo, xoa tóc xông ra khỏi cửa, chúng

tôi vờ không thấy". Thế là công tử trốn chạy theo cách của họ. Lý Quý hỏi là ai, mọi người đều nói không có ai vào trong nhà cả. Lý Quý nói: "Thế thì ta đã gặp ma quỷ chăng?" Người hầu gái ấy gạt đầu bảo phải. Lý Quý vội hỏi làm thế nào bây giờ, người hầu gái trả lời: "Lấy phân trâu, phân lợn cắt dẽ, cắt chó, cắt gà để tắm rửa thì có thể đuổi được tà ma" Lý Quý tỏ ý nghe theo rồi làm theo lời người hầu gái.

Chuyện này gọi là "Người Yên tắm phân", nói ra thật buồn cười. Đang lúc mọi người hoang mang lo lắng, người hầu gái lại tỏ ra rất ung dung, lại làm ra vẻ hồ thẹn, khiến Lý Quý nhầm tưởng trúng tà nhập ma, do đó vợ của ông mới thoát tội một cách bất ngờ. Lý Quý uống phí một con người vào nam ra bắc, đáng lí ra phải có chút đầu óc, thế mà lại ngớ nga ngớ ngán, cuối cùng bị cô hầu gái đánh lừa, rơi vào tình cảnh "lấy phân súc vật tắm rửa". Ôi! Tốt? Xấu? Hàn Phi việc dẫn câu chuyện này, ví người Yên Lý Quý với nhà vua, ví người hầu nữ với bề tôi, dụng ý đã quá rõ ràng.

"Lợi dị ngoại tá" là chỉ do không nhất trí với quyền lợi của vua chúa, bề tôi thường dựa vào lực lượng của nước chư hầu khác để mưu cầu lợi ích riêng. Hàn Phi cho rằng, vua chúa có lợi ích riêng vì vậy bề tôi không trung thành tuyệt đối với vua chúa; Lợi ích nhất định mà họ có được sẽ bị vua chúa tước mất. Cho nên một số bề tôi rước quân đội của nước thù địch về loại trừ kẻ thù chính trị trong nước, dùng vụ việc ngoại giao để mê hoặc vua chúa, chỉ cần thoả mãn được ham muốn riêng của họ, là họ bất chấp tai hoạ của đất nước.

Tổng Thạch làm tướng nước Ngụy, Vệ Quân làm tướng nước Sở.

Hai nước Ngụy, Sở đánh nhau, quân đội hai bên do hai người chỉ huy tác chiến. Tổng Thạch viết thư cho Vệ Quân nói rằng: "Thực lực quân đội hai nước ngang nhau, quân kỳ hai bên đối nhau từ xa. Mong rằng không nên đánh nhau, đánh nhau ắt hai bên đều không tồn tại. Đây là việc của vua hai nước, tôi và ông không có thù riêng, cách tốt nhất là hãy lui ra".

Bạch Khuê làm tướng nước Ngụy, Bao Khiển làm tướng nước Hàn. Bạch Khuê nói với Bao Khiển: "Ông hãy dùng lực lượng của nước Hàn giúp đỡ tôi nhậm chức ở nước Ngụy, tôi dùng lực lượng của nước Ngụy giúp đỡ ông nhậm chức ở nước Hàn. Cứ như thế, tôi nắm quyền lâu dài ở nước Ngụy, còn ông thì nắm quyền lâu dài ở nước Hàn".

Hạng người Tổng Thạch và Vệ Quân, Bạch Khuê và Bao Khiển, làm tướng ở các nước khác nhau, lẽ ra phải chăm lo lợi ích của nước mình. Nhưng dựa vào quyền lực có trong tay họ móc nối với nhau làm chính trị, cuối cùng không đếm xỉa đến đại vương của mình, kiểu móc nối chính trị này không chỉ đặt lợi ích quốc gia mình sang một bên, mà còn mượn lực lượng đối phương để củng cố thế lực cá nhân. Đó có thể coi là quyền mưu thường dùng trong lịch sử truyền thống mà bề tôi ngấm ngấm lừa dối bề trên để giở trò.

"Thúc vu tự loại", là chỉ bề tôi mượn chuyện tương tự để lừa dối bề trên, đạt được mục đích cá nhân. Hàn Phi cho rằng những chuyện tương là đúng mà lại sai ấy thường là nguyên nhân khiến bề trên xử phạt không đúng, còn bề tôi có thể do đó được lợi.

Sở Hoài vương được nàng Ngụy Nữ, vô cùng yêu thích. Trịnh Tự phu nhân ghen ghét trong lòng, nhưng làm bộ rất yêu quý. Phàm là quần áo mặc, đồ chơi, đều chọn dùng như của Ngụy Nữ. Phòng ở, chăn đệm, cũng đều làm theo kiểu Ngụy Nữ ưa thích. Xem ra

Trịnh Tụ còn yêu quý con người đẹp này hơn cả Sở Hoài vương. Sở Hoài vương nói: "Trịnh Tụ biết ta yêu thích Ngụy Nữ, bản thân nàng còn yêu thích Ngụy nữ hơn ta. Điều này cũng một lẽ với đứa con có hiếu phụng sự cha mẹ mình, bẽ tôi trung thành phụng sự bề trên của mình!" Trịnh Tụ biết Sở Hoài vương nghĩ rằng mình không có ý ghen ghét, nên nói với Ngụy Nữ: "Đại vương yêu quý vẻ đẹp của nàng, tuy vậy lại rất ghét cái mũi của nàng. Nếu gặp đại vương, tốt nhất nàng hãy bịt mũi mình lại. "Ngụy Nữ tin là thật, bèn làm theo lời Trịnh Tụ nói. Sở Hoài vương hỏi Trịnh Tụ: "Người đẹp ấy thấy ta thì bịt mũi mình lại, có sao vậy?" Trịnh Tụ nói: "Tôi biết đâu được, hình như nàng ghê sợ mùi hôi hám trên người đại vương." Sở Hoài vương vừa nghe, xong thẹn quá hoá khùng, lập tức hạ lệnh cắt mũi Ngụy Nữ, không cho chống lệnh.

Trong câu chuyện này, sự nham hiểm, xảo trá, thâm hiểm, cay độc của Trịnh Tụ và sự u mê hiếu sắc, tàn bạo, bất tài của Sở Hoài vương cơ hồ đều được phơi bày. Đặc biệt Trịnh Tụ trở thành chủ thể quyền mưu, giở trò hai tay mình ám, thì quả là thật "xuất sắc". Mối dẫu ngoài mặt Trịnh Tụ rất yêu quý Ngụy Nữ, bất kỳ cái gì cũng đều làm theo ý thích của Ngụy Nữ, thực ra làm cho Sở Hoài vương nhìn thấy, muốn ông ta tin tưởng mình không hề có ý ghen ghét. Sau khi đắc ý với mưu mô ấy, Trịnh Tụ lại ra vẻ rất quan tâm, bảo Ngụy Nữ bịt mũi đi gặp Sở Hoài vương, thực ra là lợi dụng tâm lý Sở Hoài vương có mùi hôi nách lại sợ người khác chê bai, khiến ông ta dùng kế hiểm với Ngụy Nữ. Đáng thương nàng Ngụy Nữ ấy bị người khác chi phối, vô tình rơi vào cạm bẫy người ta cố tình sắp đặt ra bộ như ghê sợ mùi hôi nách, đưa ra cái cớ để Sở Hoài vương lộng quyền quá đáng.

"Lợi hại hữu phần", là chỉ bẽ tôi thông qua việc ám hại bề trên và người khác để mưu tính lợi riêng. Hàn Phi cho rằng, sau khi

sự việc xảy ra, nếu có lợi cho mưu đồ thì nên phù trì nó, nếu có hại nhất định phải quan sát nó từ mặt trái. Cho nên, vua chúa thông minh suy ngẫm vấn đề, quốc gia bị hại thì phải thấy ai nhờ đó được lợi, bề tôi bị hại thì phải thấy người trái ngược hẳn với ông ta.

Tấn Văn công khi còn làm vua, đầu bếp bảo người mang món thịt quay lên, trên đó có buộc một sợi tóc. Tấn Văn công gọi đầu bếp đến, lớn tiếng trách mắng: "Người rắp tâm để ta chết ghen ư?". Có sao dùng tóc buộc thịt quay?" Đầu bếp vội dập đầu lạy, ra bộ nhận tội nói: "Tiểu thần có ba điều đáng tội chết: Mài dao quá sắc, mới thái thịt đã đứt, nhưng sợi tóc dính trên thịt lại không đứt, đó là điều thứ nhất; Dùng que gỗ xuyên thịt mà không phát hiện có tóc, đó là điều thứ hai; Ở bên chiếc lò nóng hừng hực, lửa than cháy đỏ rực, thịt quay đã chín nhưng không làm cháy được sợi tóc, đó là điều thứ ba. Trong sảnh đường của bệ hạ phải chăng có kẻ phục dịch ghen ghét tiểu thần này." Tấn Văn công nói: "Người nói có lý." Thế là gọi người phục dịch ngoài sảnh đường đến gặng hỏi, quả nhiên có người muốn vu oan giá họa đầu bếp. Tấn Văn công liền đem người ấy ra hành quyết.

Đây là một bài tự biện dùng lời ngay nói trái, bề ngoài trách cứ nhưng ngầm phản bác. Để làm rõ duyên do món thịt quay có tóc, người đầu bếp này có thể nói ngay, nói thẳng, cũng có thể dùng lời ngay nói trái, chỉ nhằm tích cực giải thích, có thể khiến Tấn Văn công càng thêm tức giận mà không nghe. Ba điều "tội trạng" mà đầu bếp khai nhận, kỳ thực, từng câu, từng câu đều làm rõ sự thật: Dao thái thịt, sắc là vậy, nhưng thái không đứt sợi tóc vương trên thịt; Thịt nướng trên lửa than tóc vương trên thịt vẫn còn nguyên, đây hiển nhiên là vô lý. Từ đó suy ra sợi tóc vương trên thịt ấy không phải dính vào trong khi đang nướng mà là có người làm rơi vào trong khi bê lên. Sự thật một khi được làm rõ thì bộ mặt thật

hoàn toàn lộ rõ. Việc tự giải thích của người đầu bếp có đầy sức thuyết phục.

"Tham nghị nội tranh" là chỉ bề tôi khác nhau về danh phận, đẳng cấp mà vượt quá giới hạn của nhau, từ đó dẫn đến tranh giành quyền lực, tàn sát giết hại nhau. Hàn Phi cho rằng cục diện hỗn loạn danh phận đẳng cấp là nguồn gốc đẻ ra tai biến, cho nên bậc vua chúa phải thận trọng xử lý chúng. Tể Hiến công yêu chiều Ly Cơ, Ly Cơ nhiều lần nói xấu thái tử Thân Sinh trước mặt Hiến công để làm cho con trai mình được kế thừa ngôi vua. Một lần Thân Sinh cúng mẫu thân của mình xong, theo lễ mang đồ cúng giỗ dâng cho Hiến công. Vừa đúng lúc Hiến công đi săn năm ngày sau mới quay về. Đợi Hiến công trở về, Ly Cơ đem thịt ra ăn. Khi Hiến công sắp ăn, Ly Cơ ngăn lại nói: "Thịt của người ngoài đem biếu, biết có thuốc độc không?" Nói rồi cắt một miếng thịt cho chó ăn, chó vừa ăn xong được một lúc thì lăn ra chết. Thế là Ly Cơ vừa lau nước mắt, vừa nổi giận nói: "Đây là của Thân Sinh đem biếu. Thân Sinh định đầu độc bệ hạ, không gì khác là sợ sau này con trai tôi đoạt mất ngôi vua của nó. Cùng con sau này chết trong tay Thân Sinh, chỉ bằng chết trước mặt bệ hạ ngay bây giờ. Như vậy, đã làm vừa lòng thái tử, vừa để ông ta khỏi mưu tính giết vua" Tấn Hiến công tưởng là thật, dứt khoát bức Thân Sinh tự sát.

Người ta thường nói: "Đàn bà giận dữ, lẩn át đàn ông". Sự thâm hiểm cay độc của Ly Cơ không kém gì Trịnh Tự đã nói trên. Trịnh Tự hãm hại Ngụy Nữ, còn vờ vịt hoà hảo với cô ta, chỉ ngầm bảo cô ta đi vạch chỗ giờ của Sở Hoài vương; Ly Cơ hãm hại Thân Sinh, vào đầu đã có sự cố ý rõ rệt, một tay bày ra trò bịp đầu độc Tấn Văn công. Có điều, họ có điểm giống nhau, đó là dựa vào quyền lực của nhà vua, vượt qua danh vị, đạt được sự thành công trên trường quyền lợi.

"Định quốc phước trí", là chỉ vua chúa bị bung bít, dựa vào ý đồ của nước đối địch để đối xử với quan lại của mình, kết quả bị nước đối địch lợi dụng. Hàn Phi cho rằng, cái mà nước đối địch theo đuổi là làm cho vua chúa quan sát một cách lộn xộn và có giải pháp sai lầm; vua chúa không hiểu một cách tinh tường thì sẽ mắc lừa nước đối địch.

Thời Tây Chu, Tề Hoàn công sắp đánh úp nước Khoái (huyện Mật - Hà Nam ngày nay), trước hết sai người đi thám thính xem nước Khoái có những văn thần võ tướng nào biện trí, quả cảm, lập thành danh sách, chọn ruộng đất tốt của nước Khoái viết bên dưới tên của họ để chứng tỏ đã thông đồng hối lộ, lại còn viết các loại quan tước dưới tên của họ để chứng tỏ đã bị mua chuộc. Liên sau đó, Tề Hoàn công lập đàn tế thật cao ở ngoài thành, che danh sách ấy vào trong vại sành chôn dưới đài, thịt gà, mổ lợn, thề nguyện với trời trong nghi thức long trọng, không bao giờ phụ ước. Vua nước Khoái biết được việc này, giật mình hoài nghi bề tôi của mình sắp phản quốc, trong lúc tức giận đã giết hết bọn họ. Thế là Tề Hoàn công tiến vào lấy được nước Khoái nhân khi nước Khoái trống rỗng, không tổn công sức.

Đây là một câu chuyện quyền mưu, mượn lực lượng của kẻ thù làm suy yếu kẻ thù. Tề Hoàn công là chủ thể quyền mưu lấy việc vốn không có làm sự thực để xử lý, trống giong, cờ mở tuyên bố một phen, lại còn cố ý thề nguyện với trời chứng tỏ không bao giờ phụ ước. Vua nước Khoái bị mê hoặc bởi hiện tượng giả tạo này, không phân trắng, đen, phải, trái, giết hết quần thần của mình, trong chớp mắt đã làm thay Tề Hoàn công một việc đầy khó khăn. So hai vua với nhau, một trí, một ngu, chẳng phải thoáng nhìn đã rõ hay sao?

2. MINH THƯƠNG VÀ ẨM TIỀN

Mọi người đều biết, thời cổ đại, người ra đánh trận không đao chọi dao, giáo chọi giáo, công khai độ sức, thì là tên bắn lén, pha thuốc độc, giết ngầm. Vì vậy, câu nói "Minh thương Ẩm tiền (giáo đánh công khai mũi tên bắn lén) đã ra đời, trở thành thành ngữ. Dùng "Minh thương Ẩm tiền" để phân biệt so sánh thủ đoạn mưu mô giành giật bằng công khai và che giấu. Trong các hoạt động xã hội, người ta căn cứ vào khả năng mưu kế ứng biến khác nhau, vừa có thể có sự lựa chọn đơn nhất: hoặc dùng "Minh thương" hoặc dùng "Ẩm tiền"; vừa có thể có sự lựa chọn phức hợp: hoặc lấy "Minh thương" che dấu "Ẩm tiền" hoặc lấy "Ẩm tiền" hỗ trợ "Minh thương", tiến hành song song để đạt được thành quả cuối cùng bằng một chiến dịch.

Thượng thư lang Thục Hán là Đặng Chi phụng mệnh đi sứ Đông Ngô. Vua Ngô Tôn Quyền nói với ông ta: "Nếu sau này thiên hạ bình yên, đại vương hai nước Ngô, Thục chia nhau mà trị, chẳng vui vẻ lắm sao? " Đặng Chi đáp: "Trời không có hai vầng thái dương, nước không có hai vua. Nếu tiêu diệt được Tào Ngụy, đại vương cũng chưa thể hiểu được ý trời, bấy giờ vua của hai nước Ngô Thục sẽ phải nêu cao đạo đức tốt đẹp của mình, bề tôi cũng phải hết lòng trung với vua của mình, các tướng lĩnh sẽ cầm giáo, đánh trống, thế là chiến tranh giữa hai nước sắp bùng nổ". Tôn Quyền nghe xong cười vang, rất lễ phép nói: "Sự thành khẩn của ông phải như vậy!" Thế là hẹn ước liên minh với Thục Hán, biểu thị ý nguyện tăng cường quan hệ hữu hảo giữa hai nước.

Sứ mệnh đi thăm Đông Ngô của Đặng Chi, chủ yếu là cùng cố khối liên minh giữa Thục - Ngô. Hai nước Thục Ngô đã kết

thành đồng minh trở lại, chỉ có đái nhau thật lòng thì mới hàn gắn được vết thương cũ. Đặng Chi đã nghĩ kỹ điều đó, cho nên trong chuyến thăm, mỗi lời nói mỗi việc làm đều thể hiện một chữ "thành". Đặc biệt, Tôn Quyền nhắc đến chuyện sau này khi đánh bại Tào Ngụy. Ngô Thục chia đều thiên hạ. Đặng Chi không giấu giếm đem cục diện lúc ấy bày ra: Nói cho cùng liên minh Thục Ngô là một mặt trận thống nhất nhằm vào Tào Ngụy, Tào Ngụy tồn tại một ngày liên minh có cơ sở tồn tại: Tào Ngụy không tồn tại, thì nó phải kết thúc, bấy giờ cuộc chiến tranh giữa hai nước sẽ lại bùng nổ. Trước sự thẳng thắn của Đặng Chi, ai là người không xúc động? Cho nên Tôn Quyền bằng lòng cùng với Thục Hán nhắc lại tình hữu hảo cũ một lần nữa, là hoàn toàn có tình có lý.

Triệu Khuông Dân giành được chính quyền từ "Trần Kiều binh biến" nhưng sau khi thiên hạ gần như bình yên, lại sợ những tướng lĩnh nắm đội quân hùng hậu sẽ phản lại mình. Thế là nhân một lần văn châu, triệu tập tướng lĩnh như Thạch Thủ Tín... uống rượu. Khi uống đến đỏ mặt tía tai, ông ta thở dài não ruột: "Nếu không có sự giúp đỡ của các ông, ta đã không có ngày hôm nay. Nhưng, đã làm thiên tử, ta lại cảm thấy không vui như buổi ban đầu, suốt đêm không sao có được giấc ngủ ngon". Các tướng lĩnh không hiểu ra sao, liền hỏi nguyên nhân. Triệu Khuông Dân nói: "Nguyên nhân rất đơn giản, ngôi báu hoàng đế ai không muốn ngồi". Các tướng lĩnh ngạc nhiên, luôn mồm nói rõ đâu dám có dã tâm ấy. Triệu Khuông Dân nói: "Ta không nghi ngờ lòng trung thành của các ông, nhưng khi bộ hạ của các ông khoác lên người các ông tấm hoàng bào, thì các ông không thể tự chủ được nữa". Thạch Thủ Tín tạ tội nói: "Hạ thân lấy làm hổ thẹn không nghĩ tới điều này. Xin bệ hạ chỉ giáo cho!" Triệu Khuông Dân nói: "Người ta sống ở đời như bóng câu qua cửa. Các ông có thể giao lại binh

quyền, góp nhặt thêm ít tiền bạc, mua ruộng tốt, nhà đẹp để lại cho con cháu, nuôi thêm ca kỹ, vũ nữ để hưởng tuổi trời. Ta còn muốn cùng các người kết giao tình thân thích thông gia. Như vậy quân thần không nghi ngờ nhau, trên dưới cùng được yên, chẳng phải là tốt lắm sao? " Bọn Thạch Thủ Tín cảm kích nói: "Bệ hạ nhọc lòng nghĩ cho bầy tôi điều này, thật đúng là làm cho người chết sống lại, xương trắng thành người!" Sớm hôm sau, các tướng lĩnh cáo ốm, cầu xin bãi miễn binh quyền. Triệu Khuông Dẫn chấp nhận lời thỉnh cầu của họ lại còn ban thưởng hậu hĩ.

Trong lịch sử truyền thống, kẻ cướp đoạt ngôi vua thông qua binh biến, lo sợ nhất là người khác làm theo lối cũ lại làm một cuộc "Khoác áo hoàng bào". Vì vậy một ngày còn chiếm giữ ngôi báu hoàng đế, tất phải củng cố địa vị thống trị của mình bắt đầu từ việc tập trung binh quyền. Đối với những công thần cùng mình vào sinh ra tử đánh thiên hạ, không sợ họ hủ hoá tung lac, chỉ sợ họ binh quyền trong tay mưu tính chống lại. Triệu Khuông Dẫn chính là đang lo ngại điều này nên mới khuyên bảo bọn Thạch Thủ Tín. Ông đã không che dấu sự ngăn ngại và nỗi băn khoăn của mình, cũng không giấu diếm ý đồ và mục đích của bản thân, nói toạc ra: nếu các tướng lĩnh không giao lại binh quyền thì ông ta không làm sao "nằm yên chỗ" được. Những tướng lĩnh ấy phân đông xuất thân con nhà võ, trau dồi văn hoá không được cao, nếu nói lời quá mềm mỏng dịu dàng sẽ có người nghe không thấu, thậm chí sinh hiểu nhầm, như vậy không có lợi cho việc giải quyết vấn đề. Vì vậy, lời lẽ của Triệu Khuông Dẫn mặc dù chẳng có gì sắc sảo nhưng lại rất thiết thực, lời lẽ rất trong sáng mạch lạc, sự việc tiến hành dứt khoát gọn gàng, đó là sự lựa chọn tốt nhất lúc ấy.

Mặc dù đã có lời nói việc làm công khai, thẳng thắn trong sáng, cũng phải có thủ đoạn đen tối, làm ra bộ vung trộm. Sau trận

Trường Bình giữa Tần-Triệu, quân Tần tiến thêm một bước bao vây kinh đô Triệu - Hàm Đan, nước Triệu không có sức chống đỡ đành xin nước Ngụy cứu viện. Ngụy An Lý vương sai tướng quân Tấn Bỉ thống soái mười vạn quân đồn trú tại Thang Âm (Thang Âm - Hà Nam ngày nay). Vì sợ hãi quân Tần mạnh, không dám tiến công. Lúc này, Bình Nguyên quân Triệu Thắng viết thư gửi cho Tín Lăng quân Ngụy Vô Kỵ quở trách ông ta thấy nạn, không cứu, không giữ tình giao hảo, Ngụy Vô Kỵ không cách gì thuyết phục được An Lý vương xuất quân, bèn muốn thân chinh chạy sang Triệu để bày tỏ lòng thành thật. Hầu Sinh, môn khách của ông ta, biết được tin này, đến hiến kế trước: "Sự tình đã đến nông nổi này, cầm đầu lao vào cái chết thì được tích sự gì? Ngài có ân đức với Như cơ, Như Cơ được đại vương sủng ái, nhân dịp này bảo Như Cơ đền báo đáp ý nguyện của Ngài. Ngài dặn Như cơ lên lấy hổ phù dùng để điều binh sau đó đoạt binh quyền của Tấn Bỉ bằng hổ phù, đem quân cứu Triệu. Đây có thể nói là công việc bá vương". Ngụy Vô Kỵ theo kế mà làm, lấy được hổ phù, sau đó giả mạo chiếu lệnh, đem theo một dũng sĩ, dùng chùy sắt giết chết Tấn Bỉ, đem quân tấn công Tần. Bị hại quân Ngụy - Triệu trong ngoài giáp công, quân Tần lật đật ứng chiến, đại bại bỏ chạy hơn hai vạn người còn lại đầu hàng nước Triệu.

Câu chuyện này gọi là "Thiết phù cứu Triệu". Hai chữ "Thâu" (ăn trộm, ăn cắp) "Thiết" (ăn trộm), dù nói thế nào đều không thể gây cho người ta ấn tượng tốt đẹp. Nhưng Ngụy Vô Kỵ vừa muốn cứu Triệu lại không thể thuyết phục được Ngụy An Lý vương, đành bỏ đấy làm trò trộm cắp, còn có cách nào khác? Ngụy Vô Kỵ vốn không nghĩ được điều này, chỉ định một mình sang Triệu cùng Triệu Thắng chết theo quốc nạn. Thực ra là làm việc theo tình cảm và nghĩa khí nhưng hoàn toàn không phá được vòng vây để cứu

Hàm Đan. May mà được Hầu Sinh ở bên chỉ bảo. Ngụy Vô Kỵ nắm được mấu chốt của việc ra quân cứu Triệu, thế là để lại cho người đời sau câu chuyện hay, tình nghĩa cao cả thắm thiết này.

Năm thứ mười bảy (năm 210 trước công nguyên) Tần Thủy Hoàng đi khắp nơi xem xét thiên hạ, mắc bệnh nặng ở Sa Khâu (đông bắc Bình Hương - Hà Bắc ngày nay), liền gọi Trung sa phủ sai Triệu Cao viết di chiếu cho con trưởng Phù Tô, nói: "giao binh quyền lại cho Mông Điềm, về ngay Hàm Dương lo liệu tang ma cho trẫm, sau đó mới cử hành tang lễ." Di chiếu niêm phong xong, chưa kịp giao cho sứ giả mang đi, thì Tần Thủy Hoàng đã qua đời. Thừa tướng Lý Tư cho rằng Hoàng đế qua đời ngoài kinh đô, triều đình lại chưa lập xong ngôi thái tử, sợ rằng một số công tử và dân chúng sẽ thừa cơ làm loạn, Lý Tư bèn giữ kín không phát tang, đặt thi thể của Tần Thủy Hoàng vào trong xe thoáng mát, sai người thuận tín và hoạn quan đánh xe, đi đến đâu các nơi vẫn dâng đồ ăn thức uống, quần thần vẫn tâu quốc sự như thường, công văn do các hoạn quan phê duyệt trong xe. Triệu Cao, Lý Tư và công tử Hồ Hợi bí mật bàn bạc, ngụy xưng thừa tướng tiếp thu chiếu lệnh của Hoàng đế trước khi lâm chung để lại ở Sa Khâu, lập Hồ Hợi lên làm thái tử; ngoài ra làm giả một bức di chiếu gửi cho Phù Tô và Mông Điềm, quở mắng tội trạng của họ, bắt họ phải cùng tự sát. Phù Tô nhận được chiếu giả tưởng là thật, tự sát ngay. Mông Điềm bị cầm tù, ít lâu sau cũng uống thuốc độc tự vẫn.

Ý chí cá nhân của vua chúa phong kiến có hiệu lực siêu pháp luật, vì vậy "tiền đế di chiếu" quan hệ trực tiếp đến vận mạng của người kế vị. Triệu Cao, Lý Tư và Hồ Hợi ngấm ngấm đồ trò ma mãnh trong di chiếu, cuối cùng nhẹ nhàng loại trừ đối thủ ngấm ngầm Phù Tô và Mông Điềm, trở thành kẻ thắng lợi trong cuộc tranh đoạt quyền chính trị cao nhất. Trái lại, Phù Tô với thân phận con trưởng

đáng được kế ngôi vua. Mông Điềm nắm trong tay 30 vạn quân, là nhân vật nắm thực quyền, nhưng chỉ vì nhận được lời quở trách và lệnh ban trong tờ chiếu giả, chết một cách mờ ám. Một "tiên đế di chiếu" nặng trình trịch, thần lực thế nào? Dựa vào trò ranh ma do những kẻ âm mưu lộng quyền ấy bày ra, cuối cùng làm cho một lũ gian nịnh tiểu nhân múa máy trên vũ đài chính trị, còn những chính nhân quân tử kia thì bị hãm hại bừa bãi. Lịch sử chính là sự không công bằng!

So sánh với việc vận dụng đơn thuần "Minh thương" hoặc "Ám tiễn" cách làm của chủ thể quyền mưu lấy "Minh thương" che đậy Ám tiễn" hoặc lấy "Ám tiễn" hỗ trợ "Minh thương", nó tỏ ra phức tạp hơn. "Nói cạnh nói khoe", "giết gà dọa khỉ" và "khua núi đuổi hổ" mà chúng ta thường nói, chính là mưu kế ứng biến trong Minh có Ám, ngụ Ám trong Minh.

Tể Cảnh công sai Tư Mã Tương Như làm tướng, cầm quân ngăn hai nước Tần Yên xâm lấn, và dùng sủng thần Trang Cổ làm giám quân. Một ngày trước khi ra quân, Tương Như hẹn với Trang Cổ rằng đúng giờ Ngọ đến trại, sau đó tuyên thệ lên đường. Nhưng Trang Cổ hờm mình vì được Tể Cảnh công tin yêu, không để tâm lời dặn của Tương Như, mãi đến chiều mới uể oải tới doanh trại. Tương Như hỏi Trang Cổ tại sao đến muộn, Trang Cổ nói ở nhà vì bạn bè thân thích đưa tiễn nên chậm trễ thời gian. Tương Như vừa nghe nổi giận đùng đùng: "Kể từ ngày nhận lệnh tướng quân phải quên hết vợ con; chuẩn bị lâm trận, phải quên hết bạn bè cũ; xung phong đánh địch, phải quên mình xả thân. Nay quân địch áp sát biên cương, tôi và ông hai người gánh vác trọng trách vận mạng của dân của nước, trong giờ phút khẩn yếu này, ông lại bình chân như vại, vì phạm lỗi thể quân đội, há không làm lỡ việc lớn của nước?" Nói rồi, theo quân pháp khép Trang Cổ vào tội nêu gương xấu cho

quân lính, ló ra chém đầu ngay tại chỗ. Tể Cảnh công nghe được tin này, vội sai quan hầu cận Lương Khâu Cứ mang phù tiết đến giải cứu. Lương Khâu vội đến ngay doanh trại, không những không cứu được Trang Cổ mà còn bị Tương Như xét xử theo tội "Tung hoành giữa ba quân". Tương Như xét thấy ông ta đã mang lệnh nhà vua đến, bèn tha tội chết cho, chỉ phá hỏng cổ của ông ta, coi như một sự trừng phạt. Qua sự kiện này, quân Tề trên dưới nghiêm trang, uy thế quân đội được cải thiện, dựa vào hiệu lệnh đua nhau lao lên trước. Quân đội hai nước Tấn Yến nghe phong thanh đã sợ hết vía, đành phải rút về. Quân Tề thừa thế tiến công, lấy lại được những vùng đất đã mất.

"Tam thập lục kế" giải thích "Nói cạnh nói khoé" là: kẻ lớn mạnh hăm dọa kẻ nhỏ yếu, phải dùng biện pháp cạnh phòng để khuyên bảo, sự cứng rắn thích đáng có thể được ủng hộ, thủ đoạn quá cứng có thể khiến người ta phục tùng. Tư Mã Tương Như can đảm xiết bao! Trong chốc lát đã giết mất một sủng thần và xử phạt một quan hầu cận của nhà vua. Đối với Tể Cảnh công mà nói, quả thật có phần mất thể diện: đường đường một đẳng quốc vương mà không cứu được sủng thần của mình lại để quan hầu cận cầm phù tiết đi cứu phải chịu phạt. Thế nhưng quân Tề trên dưới qua sự kiện này đã thấy được vẻ uy nghiêm của Tương Như làm tướng, với cận thần của nhà vua mà còn bị xử theo quân pháp, có ai còn dám tùy tiện làm trái quân lệnh? Đây có lẽ chính là dụng ý thật của Tư Mã Tương Như khi chém đầu Trang Cổ lúc lâm trận.

Tô Vũ ở nước Ngô dùng binh pháp do mình soạn ra để luyện tập quân đội cho Ngô vương Hạp Lư. Hạp Lư truyền lệnh tuyển ra một trăm tám mươi cung nữ, giao cho Tôn Vũ. Tôn Vũ biên chế bọn họ thành hai đội, lấy hai ái cơ của Hạp Lư làm hai đội trưởng, tiếp đó bảo tất cả bọn họ cầm kích đứng thành đội ngũ ngay ngắn,

rồi ra quân lệnh, nói rõ yếu lĩnh thao luyện và động tác quy định, không được qua loa, đùa giỡn, nếu không sẽ xét xử theo quân pháp. Tôn Vũ giao hẹn xong, liền khua trống làm hiệu, ra mệnh lệnh quay phải cho các cung nữ, chỗ nào chỗ nấy xem chừng họ không những không làm theo lệnh chỉ huy mà còn cười đùa âm ỉ, trước hết Tôn Vũ tự trách mình không giảng rõ động tác quy định, dùng quân lệnh chưa hẳn giúp người ta ghi nhớ, giảng lại một lần nữa những điều có liên quan, sau đó đánh trống làm hiệu, ra lệnh quay trái, nào ngờ họ vẫn cười âm ỉ như trước, hoàn toàn không nghe theo lệnh chỉ huy. Lúc này Tôn Vũ vô cùng tức giận, nghiêm giọng nói: "Khi tướng đã giảng giải rõ quân lệnh và làm các động tác quy định, binh sĩ vẫn không làm theo lệnh chỉ huy, đây là lỗi của các người. Dựa vào quân pháp: Kẻ làm trái lệnh, chém. Không thể giết hết được binh sĩ, người chỉ huy đội phải chịu tội". Nói rồi liền chuẩn bị lời hai người đội trưởng ra chém đầu. Từ trên đài quan sát, Hạp Lư thấy Tôn Vũ sắp chém ái cơ của mình bất giác giật mình, vội vã sai người truyền lệnh, muốn Tôn Vũ thể tình buông tha. Tôn Vũ trả lời một cách hùng hồn đầy lý lẽ: "Thần đã nhận lệnh làm tướng, tướng phải trị quân lính, tự mình phải làm việc theo quân pháp, có thể không chấp nhận một số yêu cầu nào đó của nhà vua ngoài phép tắc!" Thế là đem hai ái cơ chém đầu trước mọi người, lấy hai người đứng đầu hàng của hai đội làm đội trưởng, sau đó lại đánh trống làm hiệu, cả thao trường im phăng phắc, cung nữ hai đội dù là quay trái, quay phải, bước tới, bước lui, ngay ngắn thẳng tắp, nề nếp đầu vào đấy.

"Thào lư kinh lược" bình luận rằng: "Ấy, đạo trời, tuy mùa xuân sinh sôi mà không giảm bớt được sự tàn lụi của mùa thu; Đạo làm tướng, há lấy sự nuông chiều che lấp ủy thế của ta! Nếu là người bị trị, phạm pháp phải chịu hình phạt, đâu gần gũi như anh

em cũng phản quyết không thể khoan dung. Giết một người mà kích động tinh thần ba quân, giết, gọi là hình phạt tất phải xem xét. Kẻ trái lệnh tất khiến trách xử phạt, người tuân lệnh càng lo thận trọng giữ gìn. Giết mà dân chúng không sợ hãi, khoan dung mà dân chúng không phục. Lúc lâm trận mà vẫn còn hình phạt nghiêm ngặt, lòng dạ quân lính không biết sợ cũng không dám coi thường. Sợ ta thì khinh thường địch, sợ địch thì coi thường mình. Người làm cho người khác sợ thì sẽ thắng, để cho người coi thường thì bại. Giỏi thay! Lời người xưa có nói: "Làm tướng phải làm cho ba quân sợ mình và khinh thường địch?". Nhìn lại Tôn Vũ "Ngô cung giáo chiến", nhanh chóng huấn luyện một đội cung nữ nhút nhát mềm yếu thành đội quân bước đi đều đặn, chỗ bí hiểm trong đó chẳng phải là ở hình phạt nghiêm khắc, tướng lĩnh ra oai, giết một người răn đe trăm người sao?

Cuối Tần triều đình không có người điều khiển, xung hùng xung bá tranh giành thiên hạ. Bành Việt thường đánh cá ở đầm Cự Đà, làm cả việc của bọn kẻ cướp. Sau cuộc khởi nghĩa Trần Thắng, có một tốp thiếu niên xấu nói với Bành Việt: "Rất nhiều hào kiệt đưa nhau lên làm vua, hăng hái chống Tần, sao ông không đứng ra làm theo họ?"

Bành Việt nói: "Hiện nay hai con rồng đang quần nhau chí tử, chúng ta hãy đợi đã!" Hơn một năm sau xung quanh Bành Việt tập hợp hơn một trăm người, họ nhất trí tôn Bành Việt làm đầu lĩnh. Bành Việt trước thì thoái thác, sau đó mọi người khăng khăng khẩn cầu, đành nhận lời, giao hẹn sáng sớm hôm sau khi mặt trời mọc thì tập hợp đông đủ, ai đến muộn sẽ bị chém đầu. Hôm sau khi mặt trời mọc, có mười mấy người đến muộn, người cuối cùng mãi trưa mới tới. Bành Việt rất áy náy nói: "Các người muốn ta làm đầu lĩnh của mình, ta đã giao hẹn với các người thời gian tề tựu. Nhưng có rất

nhieu người đến muộn, ta không thể giết hết những người ấy, đành chỉ giết người đến muộn nhất". Những người ấy vừa cười vừa nói: "Việc gì phải thế? Sau này không dám đến muộn nữa là được rồi." Bành Việt bước tới tóm lấy người đến muộn nhất, chém đầu, liền sau đó lập đàn cúng tế, ban bố hiệu lệnh, bọn thiếu niên xấu ấy sợ Bành Việt, đến nỗi không dám ngửa mặt lên nhìn. Thế rồi đánh thành, lấp đất, thu gom tàn quân chur hầu, nhanh chóng phát triển thành một đội quân mạnh mẽ.

Câu chuyện quyển mưu này tương tự như hai câu chuyện trên kia, bề ngoài, thấy Bành Việt giết người đến muộn nhất với Tư Mã Tương Như chém đầu Trang Cổ, Tôn Vũ xử trăm hai vương cơ, dường như là gây khó dễ với người bị giết, thực ra hành động quả cảm của họ, đều là muốn hãm hoại chúng nhân, ra oai cho mình. Thử nghĩ đối mặt với bọn thiếu niên xấu, buông tuồng, bừa bãi ấy. Bành Việt không lấy việc xử phạt nghiêm khắc để rung hồi chuông cảnh tỉnh cho họ, liệu có thể thúc giục họ liều chết xông lên, liều mạng với kẻ thù được không? Bành Việt giàu lòng đại nghĩa, bắt đầu từ việc quy phục hơn một trăm thiếu niên xấu này, dần dần phát triển thành đội quân hàng vạn người; đi từ đầm Cự Dã nhỏ gè, dần dần chiếm đoạt vùng đất rộng lớn Trung Nguyên, xứng đáng là một anh hào giữa thời Tần Hán.

Ở đây còn phải bàn đến "Minh tu sạn đạo Âm độ Trần Thương". Nó là kế thứ tám trong "Tam thập lục kế". Nó có ý nói: Hành động cố ý phôi bày mình, thu hút sự chú ý của kẻ địch, sau đó có bỏ qua khu vực cố thủ của địch, đánh vòng ra sau lưng, tấn công vào chỗ yếu của địch.

Giữa thời Hán-Sở, Lưu Bang đã được phong làm Hán vương, dẫn bộ sậu về nước, sau khi vào hạ trại ở Nam Trịnh (Nam Trịnh Thiểm Tây ngày nay), tôn Hàn Tín làm đại tướng. Hàn Tín nói với

Lưu Bang: "Hạng Vũ tán phong cho các tướng lĩnh có công là vương, chỉ phong cho đại vương đất Nam Trịnh. Đây là sự giáng chức và đuổi đi xa. Tướng sĩ của đại vương phần nhiều là người sáu nước Sơn Đông, ngày đêm mong được về quê. Nhân dịp này có thể dựng nên công nghiệp. Chờ đến khi thiên hạ bình yên, lòng dân ổn định thì không dễ gì kéo đàn kéo lũ. Cho nên chỉ bằng chọn lấy giải pháp tiến quân về Đông, thống nhất thiên hạ. "Lưu Bang tỏ ý tán thành. Tiếp đó, Lưu Bang nghe theo đề nghị của Hàn Tín, trước hết đem một bộ phận binh sỹ trông giống cờ mở đi sửa lại sạn đạo, làm như sẽ đánh từ trong ra, sai Hàn Tín bí mật thống lĩnh đại quân, theo đường tắt đánh vòng đến Trần Thương (Bào Khê - Thiểm Tây ngày nay), dùng biện pháp đột kích bất ngờ một trận đánh bại Chương Hàm, tiến tới chiếm lĩnh Quan Trung, mở màn cuộc chiến tranh Sở Hán.

Lần dụng binh này Hàn Tín đã đưa ra cho chiến thuật Trung Quốc một điển hình tươi sáng. "Minh tu sạn đạo" là hành động kín đáo phân tán sự chú ý của đối phương, che đậy việc quân ta bí mật đến Trần Thương; Mục đích vận dụng quyền mưu này chủ yếu là để tránh thực đánh hư. Kỳ thực, Cổ đạo ở phía đông, còn Trần Thương ở phía Tây", Minh tu sạn đạo, Âm độ Trần Thương", chính là phiên bản của "Thanh đông kích tây", "Tam thập lục kế" coi "Thanh đông kích tây", là một trong những "thắng chiến kế", lại coi Âm độ Trần Thương" là một trong những "địch chiến kế", thật là có mắt mới lo.

3. THAO QUANG DƯỠNG HỐI, DANH TRỢ THỰC THỦ

Trong rất nhiều trường hợp quyền mưu, Minh, Âm trong ngoài giống nhau. Danh và thực thường thường là một - Là chủ thể quyền mưu, bề ngoài không tỏ ra sắc sảo, phải ẩn dấu tài năng tung tích, che đậy lí tưởng và ý chí vĩ đại để làm đối phương mất cảnh

giác, chờ thời cơ thích hợp, thực hiện mục đích đã định trước. Thế gọi là "Thao quang dưỡng hối". Còn có một cách khác, về danh nghĩa tỏ ra quan tâm tới đối phương, dùng chiêu bài giúp đỡ đối phương, chờ dịp cài thế lục của mình để khống chế đối phương, tước đoạt quyền lợi chính trị kinh tế của nó. Thế gọi là "Danh trợ thực thù".

Cả hai loại quyền mưu này đều được dùng rất rộng rãi trong lịch sử Trung Quốc, là con đường cơ bản để người ta giữ yên thân mình và mưu đồ tiến thủ. Quyền mưu Thao quang dưỡng hối, vận dụng vào thực tế, có thể tiến hành che đậy hoặc giấu kín các mặt sinh lý, tình cảm, tài năng và chí hướng. Chủ thể quyền mưu cuối cùng muốn che đậy hoặc giấu kín tình huống chân thật nào đó, hoàn toàn được quyết định bởi mưu kế ứng biến cụ thể và động cơ hành vi của khách thể quyền mưu.

Tôn Tần từng học binh pháp với Bành Quyên. Sau khi xuống núi Bành Quyên được Ngụy Huệ vương nể trọng, cho làm quan đến chức tướng quân nhưng tự thấy tài năng không bằng Tôn Tần. Tôn Tần đến nước Ngụy được ít lâu, bị Bành Quyên làm hại, bị Ngụy Huệ vương xử tội xâm mình. Sau khi chịu hình phạt, Tôn Tần vốn nghĩ rằng Bành Quyên đã cứu tính mạng của mình, vì vậy lập chí đem binh pháp gia truyền viết ra đưa tặng Bành Quyên. Người hầu của Bành Quyên sai đến thấy Tôn Tần thành thực, và vì nỗi oan mờ ám mà ông ta phải chịu đựng, nên thông cảm sâu sắc, bèn nói cho Tôn Tần biết những hành động bỉ ổi của Bành Quyên. Do đó Tôn Tần như tỉnh mộng, thấy rõ bộ mặt thâm hiểm của Bành Quyên, thế là đành giả điên tự cứu mình, kêu gào la hét, lấy phân, nước giải bôi lên người, lại còn đốt hết binh thư đã viết xong. Bành Quyên thấy cảnh ấy tưởng là Tôn Tần điên thật, cũng không thèm để mắt đến

nữa. Về sau có sứ thần nước Tề sang thăm Ngụy, nhân tiện bí mật đón Tôn Tần trở về Tề, Tôn Tần mới bắt đầu cuộc sống mới.

Đây là ví dụ thực tế sự che đậy về mặt sinh lý. Trong đời sống xã hội dù bất cứ ai, có người nào lại muốn tính toán chi li với một người điên? Tuy là thâm hiểm cay độc, nhưng nhìn thấy Tôn Tần trong dáng bộ điên khùng, Bành Quyên tuy hoàn toàn mãn nguyện, nhưng có lẽ hãy còn có chút tình thương hại. Tôn Tần thân chốn lao lung, nhưng vẫn thoát khỏi số phận rủi ro dày vò cho đến chết, duyên do là vì giá điên giá dại làm cho Bành Quyên nhận thấy ông ta không được tích sự gì nữa do đó lơ là cảnh giác, không thêm đề phòng. Ngoài ra theo ghi chép ở "Minh sử ký sự bản mật", Yến vương Chu Đệ vốn có dã tâm ngoi lên địa vị cao, vì vậy hãm hực với Kiến Văn đế, mưu tính giành giật lấy và thay thế. Nhưng sau khi mưu mô bị tiết lộ, Chu Đệ bèn "Giá dại kêu ốm, kêu gào trong chợ, cướp giật đồ ăn thức uống, ăn nói lung tung, có lúc nằm lăn ra đất, mê man suốt ngày", có lúc đang giữa mùa hè lại ngồi ôm lấy lò lửa, người run lập cập, luôn mồm kêu rét. Quả thật là đã dùng hết sách giá điên giá dại.

Cuối thời Tần Mãng, hai anh em Lưu Diễn, Lưu Tú ngang ngược ở Nam Dương, cầm đầu tông tộc khởi binh, lại thêm bọn lục lâm nhập bọn. Chờ sau khi Lưu Huyền xưng đế, Lưu Diễn làm Đại tư đồ, Lưu Tú làm Thái thường Biên tướng quân. Thành Côn Dương, Lưu Tú cùng quan quân lập công đầu hiển hách, còn Lưu Diễn do hống hách lạm quyền, bị ám hại khi tranh quyền đoạt lợi với Lưu Huyền. Tin tức lan truyền ra mặt trận, Lưu Tú vội vàng từ Phụ Thành (huyện Diệp- Hà Nam ngày nay) quay về Uyển Thành ngay, đến trước mặt Lưu Huyền tạ tội. Quan lại của Tư đồ nghe nói Lưu Tú trở về, đều đến thăm hỏi ông ta, ông ta chỉ cảm ơn đáp lễ, không nói chuyện gì với người nhà. Mặc dù đau thương trước cái

chết của Lưu Diên chân gối thường dầm đĩa nước mắt, nhưng Lưu Tú không để tang như với người anh cả, mà sinh hoạt ăn uống, nói cười cứ như thường. Có người hỏi ông ta chiến sự ở Côn Dương, ông ta tuyệt nhiên không nhận công mình mà chỉ quy công cho các tướng khác. Lưu Huyền thấy tình cảnh này, ngược lại cảm thấy hổ thẹn với lòng mình, vì vậy tôn Lưu Tú làm Phá hổ Đại tướng quân phong Vũ tín hầu.

Đây là một ví dụ thực tế che đậy về tình cảm. Trong một lĩnh vực quyền mưu nhất định, do so sánh lực lượng không lợi về mình, mặc dù chủ thể quyền mưu phải chịu oan khuất, nhưng không thể can rằng chịu đòn, cố chống cự đến cùng; Cách tốt nhất là vui mừng, không để giận dữ hiện ra trên nét mặt, yêu ghét giấu kín không lộ, tìm cơ hội thích đáng, lại tiến hành phản kích. Lưu Tú vận dụng quyền mưu này, gặp dữ hoá lành chuyển nguy thành an, không những không bị liên lụy vì cái chết của bậc đàn anh, mà còn được thăng quan tiến chức, càng được Lưu Huyền nhìn bằng con mắt khác trước. Nhận tước phong xong Lưu Tú phụng mệnh đi tuần Hà Bắc, thế lực cá nhân nhanh chóng lớn mạnh, bèn vút bỏ mặt nạ bề tôi của người, ngang nhiên đối lập với Lưu Huyền. Lưu Huyền thấy tình hình như vậy, chắc là sẽ vô cùng hối hận vì trước kia diệt cỏ không diệt tận gốc.

Năm thứ ba Hán Kiến An (năm 198), Lưu Bị theo Tào Tháo đến Hứa Đô, được phong làm Tả tướng quân. Để che dấu tài năng của mình, Lưu Bị bèn dọn vườn sau nhà, trồng rau. Một hôm, Tào Tháo sai người đến mời Lưu Bị dự yến tiệc, Lưu Bị không hiểu là có dụng ý gì, lòng thấp thòm không yên. Giữa tiệc, Tào Tháo bắt đầu nói về anh hùng đương tại, muốn thăm dò ý nghĩ của Lưu Bị. Lưu Bị kể ra Viên Thuật, Viên Thiệu, Lưu Biểu, Tôn Kiên... Tào Tháo lại vỗ tay cười nói: "Gọi là anh hùng nhất định ập ù chí lớn, sẵn có

mưa hay, sức trùm đất trời, khí nuốt thiên hạ. "Lưu Bị vội hỏi đó là ai?" Không ngờ Tào Tháo lại nói: "Anh hùng thiên hạ chỉ có ông và tôi". Lưu Bị nghe nói như vậy, trong lòng bỗng lo sợ, đánh rơi dưa xuống đất. Vừa lúc ấy một tiếng sấm vang lên, Lưu Bị nhân dịp ung dung nhặt dưa lên. Lưu Bị sợ sệt nói: "Tiếng sấm chân động một uy gấp ba, thật đáng sợ". Tào Tháo thấy cảnh đó, không khỏi cười thầm, thế rồi thôi không cảnh giác với Lưu Bị.

Đây là ví dụ về sự che đậy tài năng. Tiếng sấm và việc rơi dưa vốn không liên quan gì nhau, nhưng Lưu Bị mượn tiếng sấm chứng tỏ trước mặt Tào Tháo tính khí nhút nhát của mình. Thông minh tháo vát như Tào Tháo, cũng không khỏi bị Lưu Bị đánh lừa. Đến như Quan Vũ, Trương Phi, lại càng không hiểu được ý đồ của Lưu Bị, vì vậy không chút nghi ngại vặn hỏi Lưu Bị sao không quan tâm đến việc lớn trong thiên hạ, mà học kẻ tiểu nhân quanh quẩn trong vườn trồng rau. Lưu Bị đáp: "Việc này hai hiền đệ chưa hiểu ra. Tào Tháo bảo tôi ở Hứa Đô, là để gần gũi khống chế tôi. Tôi làm thế này chính là muốn Tào Tháo biết tôi chẳng tài cán gì, lời lỏng sự cảnh giác đối với tôi, không làm hại tôi nữa". Sự tự bộc bạch mới dấn khoát làm sao! Lưu Bị đã che giấu tài năng của mình như vậy đây, bề ngoài không giám cùng xưng "anh hùng" với Tào Tháo, kết quả tránh được mọi nghi ngờ, giữ toàn tính mạng. Ngược lại với chuyện đó Dương Tu làm thừa tướng chủ bạ, tài hoa xuất chúng, và tài năng lộ hết ra ngoài, thường đoán trước được đầy đủ quyền mưu của Tào Tháo, nhiều lần khiến Tào Tháo thấy mình yếu kém. Vì vậy Tào Tháo rất căm ghét Dương Tu, sợ thành hậu họa về sau, bèn tìm cơ giết Dương Tu. So sánh hai chuyện đó ta thấy Lưu Bị thông minh hơn hẳn.

Ngô vương Phù Sai dốc toàn lực đánh Việt, quân Việt thế thua đã rõ, chỉ có năm nghìn sĩ tốt từ thủ trên núi Cối Kê, đang giờ

phút sinh tử tồn vong này, Việt vương Câu Tiễn hạ quyết tâm đầu hàng Phù Sai để đổi lấy con đường sống, chịu đựng nhục nhã để chờ Đồng Sơn nổi dậy. Sau khi hàng thư đã ký xong, Câu Tiễn tạm uỷ thác việc nước cho đại phu Văn Trọng, còn mình mang đại phu Phạm Lãi đến nước Ngô làm tội tở cho Phù Sai. Câu Tiễn ở trong nhà đá, suốt ngày đầu bù tóc rối, làm việc vất cho Phù Sai. Phù Sai ngồi xe đi ra ngoài, Câu Tiễn đi bộ theo sau để nghe sai bảo. Người Ngô tìm mọi cách trêu chọc, nhưng ông vẫn cúi đầu chịu đựng, không hề phản kháng. Về sau Phù Sai lâm bệnh, Câu Tiễn được Phạm Lãi chỉ giáo, đến bên giường Phù Sai thăm hỏi, chúc Phù Sai hồi phục sức khỏe. Quả nhiên, Phù Sai nhanh chóng thuyên giảm, liền hỏi Câu Tiễn làm thế nào biết được điều đó. Câu Tiễn trả lời: "Thần học được một kỹ xảo, chỉ cần ném một tý phân là biết được bệnh tình thế nào. Mấy hôm trước phân của đại vương có vị chua và hơi đắng, ấy gọi là (chứng thời khí) cho nên biết được không bao lâu nữa đại vương sẽ khỏi". Phù Sai nghe xong lấy làm cảm động, bèn thả cho Câu Tiễn trở về nước Việt.

Đây là một ví dụ thực tế về việc che giấu chí hướng. Người ngày nay Lý Tông Ngô phát minh "Hậu Hắc Học" gọi đó là tiêu bản của "Hậu Hắc cứu quốc". Ông ta phân tích rằng: "Thất bại Cối Kê, Câu Tiễn tự xin làm tội tở của Ngô vương, vợ vào Ngô cung làm thiếp, đây là kế chữ Hậu: về sau đem quân phá Ngô, Phù Sai cử người khác khóc lóc cầu xin, nguyện đem thân làm tội tở, dâng vợ làm thiếp. Câu Tiễn quyết không buông tha, không thể dồn Phù Sai đến chỗ chết, đó là kế chữ Hắc. Ở đây từ "Hậu" đến "Hắc" một Minh một Ám, cúi đầu xưng thần, ngẩng đầu làm trái, quả thật Câu Tiễn đã đem thủ pháp "thao hồi" vào trong gia đình.

Thủ pháp thao hồi không chỉ thích ứng với cá nhân, còn thích ứng với cả quần thể. Cái gọi "Năng nhi thị chi bất Năng" "dung nhi

thị chi bất dụng". nghĩa là có thể tiến công mà giả vờ không tiến công, cần đánh mà vờ như không cần đánh, là thủ đoạn cơ bản dùng binh tác chiến. Thời Chiến quốc, Lý Mục là tướng nước Triệu, đồn trú ở biên cương phía Bắc, phòng ngừa Hung nô xâm lấn. Ông suy xét nhu cầu của tình hình mà phân bổ quan lại, nhập tiền thuế vào kho để chi dùng cho quân đội, hàng ngày giết trâu bò thết quân sĩ thao luyện cưỡi ngựa bắn tên. Ông đề ra cho toàn quân một quy tắc: Phát hiện Hung nô đến xâm phạm phải lui về doanh trại ngay tự vệ; nếu tự tiện ra ngoài doanh trại bắt tù binh địch, xử trảm. Cho nên mấy năm liền nước Triệu không bị tổn thất gì lớn. Hung Nô cho rằng Lý Mục sợ đánh nhau, Triệu vương cũng cho là như vậy, cho nên triệu Lý Mục về, sai người khác lên tiếp quản công việc. Nhưng mỗi lần giao chiến với Hung Nô, đều không có kết quả, trái lại thương vong nhiều. Triệu vương bất đắc dĩ lại mời Lý Mục xuống núi. Lý Mục về đến doanh trại, pháp lệnh y như trước Hung Nô không được lợi thế, liền nói Lý Mục khiếm nhược. Quân Triệu trên dưới quanh năm được khao thưởng mà không phải đánh nhau, đều mong được dịp xông trận. Lý Mục thấy thời cơ chín mùi, chọn lấy một nghìn ba trăm cỗ chiến xa, một vạn ba nghìn ngựa chiến, quân sĩ năm vạn người, xạ thủ mười vạn tay, biên chế tất cả, chuẩn bị đánh lớn với Hung Nô. Hung Nô cậy mình quân mạnh, ngựa tốt, lập tức đốc toàn lực tấn công. Lý Mục trước hết giả vờ thua lui quân, dụ địch vào sâu, sau đó dùng chiến thuật đánh bọc hai bên, một trận đã tiêu diệt hơn mười vạn kỵ binh Hung Nô. Từ đó hơn mười năm liền Hung Nô không dám đến gần biên giới nước Triệu nữa.

Người ta thường nói "Việc ba quân, lấy tính toán nhiều thắng tính toán ít, lấy hữu mưu thắng vô mưu" Lý Mục là tướng trấn giữ biên cương, đánh không cần chiếm, ra quân thận trọng; chiến không cần thắng, giao chiến thận trọng, nắm chắc phần thắng mới

tiến công, đúng là cái "Thắng mình" của Tôn Vũ. Có người bình luận về đặc điểm dụng binh của Lý Mục "Đối đãi hậu hỷ thì được báo đáp đầy đủ; khi bị dồn nén cho nên bật ra mạnh. Vì vậy các tướng lĩnh dùng sức lực của quân sĩ liều chết, thường thử một lần mà không thử lại, cũng chỉ thử một lần mà không phải thử lại lần nữa. "Lý Mục cực lực chủ trương lấy yếu cố thủ dùng mạnh tấn công, công khai tỏ ra yếu, bí mật chuẩn bị lực lượng, mười năm cố thủ mà không đánh, chờ khi thời cơ chín muồi, đột nhiên ra quân phản kích giành thắng lợi hoàn toàn. Đó chính là một ví dụ điển hình lấy yếu cố thủ tranh thủ thời gian, tạo điều kiện để lực lượng mạnh tấn công. So với "Thao quang dưỡng hối", "Danh trợ thực thủ" không phải là ẩn giấu, che đậy năng lực và chí hướng của mình, mà là bề ngoài giúp đỡ và xúi giục người khác, thừa cơ cài thế lực của mình vào để khống chế hoặc tiêu diệt đối phương. Có điều cả hai cách nói trên có chỗ giống nhau, chủ thể quyền mưu bất luận là ẩn giấu, che đậy, hay là giúp đỡ, xúi giục, đều phải lấy lòng tin của đối phương, mà không thể hở ra cho đối phương biết bị lừa dối trở thành hạt nhân của quyền mưu, có ý nghĩa quyết định đối với kết quả việc vận dụng quyền mưu.

Trịnh Trang công lên ngôi, theo thỉnh cầu của mẫu hậu Khương thị, phong cho Cung Thúc Đoạn con trai thứ của bà đất Kinh. Công tử Lã nói: "Kinh là đô ấp của nước Trịnh. Bầu trời không có hai vầng thái dương, nước không có hai chúa. Xin giáng cách phong đất nhỏ hơn. "Trịnh Trang công biết mẫu hậu yêu chiều em trai, căm ghét mình, bèn nói: "Mẫu hậu khẳng khái như vậy, không làm theo sẽ không bao giờ có được một ngày yên ổn". Cung Thúc Đoạn được đất phong, diễn binh tập võ, đánh lán bốn bên, cậy mình được yêu chiều, chẳng coi Trịnh trang công ra gì. Công tử Lã thấy vậy, thỉnh cầu Trịnh Trang công xuất binh hỏi tội. Trịnh Trang

công vừa cười vừa nói: "Vội gì! Tội ác của nó chưa rõ ràng, hãy đợi thêm đã, nó sẽ tự diệt vong.". Đúng lúc Cung Thúc Đoạn tích cực chuẩn bị dấy binh, công tử Lã mưu tính cho Trịnh Trang công: "Đã lâu đại vương không vào triều kiến Chu Thất, chỉ là lo sợ tai hoạ bất ngờ, bây giờ đại vương có thể đánh tiếng sang Chu triều kiến, để cho trong nước rỗng không. Cung Thúc Đoạn tất nhiên câu kết với mẫu hậu thừa cơ khởi sự. Thần đem binh mai phục trước ở bên ngoài ấp kinh chờ Cung Thúc Đoạn ra khỏi thành thừa cơ chiếm ấp Kinh, đúng giờ đại vương dẫn quân nghênh chiến từ chính diện, thần từ phía sau đánh vòng lại, thành công chỉ còn là sự mong đợi". Trịnh Trang công tiếp nhận kế sách này, ngay lập tức tuyên bố sang Chu Thất triều kiến. Khương thị nghe được tin này, liền viết thư cho Cung Thúc Đoạn, hẹn ngày giờ khởi sự. Trịnh Trang công thấy việc lừa dối đã thành công, liền cùng công tử Lã điều động binh mã, chờ Cung Thúc Đoạn ra khỏi ấp Kinh, đột nhiên hai mặt đánh kẹp lại, bỗng chốc đã dẹp yên cuộc binh biến do Cung Thúc Đoạn đạo diễn. Một bộ sử Xuân Thu, không biết có bao nhiêu câu chuyện như "Trịnh Trang công khác Cung Thúc Đoạn". Bề ngoài, Trịnh Trang công luôn luôn tuân theo mục đích của mẫu hậu, một mục nhân nhượng mọi hành vi phạm pháp của Cung Thúc Đoạn, giữ nghiêm thái độ của người con có hiếu, người anh hiền từ. Nhưng trên thực tế, Trịnh Trang công có ý thức dung túng Cung Thúc Đoạn đi vào con đường "Bất nghĩa lâm ất sắt", là lí do chính đáng để diệt tận gốc mối lo canh cánh. Đây thực là lạt mềm buộc chặt, nằm trong dự kiến. Cung Thúc Đoạn không nhận rõ Minh Ám, cứ dấy binh làm loạn, vừa may rơi vào cạm bẫy Trịnh Trang công dữ hãn ra khỏi hang. Trịnh Trang công thấy thời cơ đã chín muồi, giết chết Cung Thúc Đoạn không chút thương xót, rồi đuổi mẹ đẻ ra khỏi cung thất. Một trận tranh đấu quyền lực đã đặt một dấu chấm cho thắng lợi triệt để của Trịnh Trang công.

Cuối Đông Hán, Viên Thiệu đóng quân Hà Nội, vì quân lương thiếu hụt, muốn mượn của Mục Hàn Phúc ở Ký Châu. Mưu sĩ Phùng Kỷ nói với Viên thiệu: "Đại trượng phu dọc ngang thiên hạ, quyết không thể dựa vào người khác cung cấp quân lương. Ký Châu đất phì nhiêu ngàn dặm, lương thảo dồi dào, sao chúa công không nghĩ cướp lấy Ký Châu?" Viên Thiệu cho rằng chưa được thời cơ tốt. Phùng Kỷ nói tiếp: "Chúa công muốn lấy Ký Châu, phải ngầm liên hệ với Công Tôn Toản hẹn ngày giờ, cùng đánh Ký Châu. Công Tôn Toản vẫn muốn mở rộng thế lực của mình, vừa được tin này, nhất định vội vã ra quân. Hàn Phúc là một người không có bản lĩnh, nghe nói Công Tôn Toản tiến đánh, tất phải xin chúa công cùng lo liệu việc ở Châu Ký, như thế chúa công sẽ cướp được Ký Châu". Viên Thiệu nghe xong, hết sức tán thành, lập tức làm theo kiến nghị của Phùng Kỷ. Chẳng bao lâu, Công Tôn Toản đem quân đánh Ký Châu, Hàn Phúc tự biết chống đỡ không nổi, liền cầu xin Viên Thiệu đưa quân vào thành cùng bàn kế chống lại Công Tôn Toản. Vì vậy, Viên Thiệu không phải động đao động giáo, bắt ép Hàn phúc nhường ngôi, một trận cướp được, Ký Châu.

Một bộ sử Tam quốc, cũng không biết có bao nhiêu chuyện như "Viên Thiệu lấy Ký Châu" này. Viên Thiệu vốn xuất thân dòng dõi quý tộc "Tứ thế Vũ công", "Học trò làm quan khắp thiên hạ", sau khi董卓 làm loạn, được những người xung hùng xưng bá ở Quan Đông tôn làm minh chủ, một thời lừng danh thiên hạ. Nhưng để giành được mảnh đất đứng chân, tiến tới khuếch trương thế lực của mình, Viên Thiệu bất chấp cả địa vị minh chủ, giờ cả trở lừa người, cướp đất. Còn Hàn Phúc kia tuy tính nhút nhát, chỉ là một kẻ tầm thường, nhưng cũng nhận thấy được dụng tâm hiểm ác của Viên Thiệu đối với Ký Châu, không sao được đành làm chức quan nhỏ cho họ Viên, cự lại thì không có sức, nhún nhường thì lại

được danh, thế là bên không nghe lời khuyên ngăn của bề tôi, chấp tay nhường Ký Châu cho Viên Thiệu. Viên Thiệu "Danh trọng thực thu". Lấy Ký Châu làm cơ sở. Ai ngờ chưa đầy mười năm lại bị Tào Tháo cướp mất. Đây thật là của thiên trả địa, ác giả ác báo; thiên hạ việc đã rồi nhưng vẫn chưa xong, tuần hoàn không dứt.

Trước trận Xích Bích, Tào Tháo và Tôn Quyền cách sông đối mặt. Để đánh phá quân Tào, tướng Ngô là Hoàng Cái đến gặp Chu Du, phân tích: "Nay hai quân đối mặt địch đông ta ít, nếu liều chết tiến công quân ta khó giành được phần thắng; nếu dùng hòa công, một trận chắc thắng. "Chu Du nghe xong, nói mình cũng muốn dùng hòa công vì không có nội ứng, không làm sao tiếp cận được thuyền bè của quân Toà. Hoàng Cái nói: "Muốn có nội ứng chỉ có cách trá hàng. Nhưng nếu không bị buộc ra hàng, Tào Tháo sẽ không tin". Thế là, Chu Du triệu tập các tướng lĩnh lại bàn việc quân. Hoàng Cái cố ý nói nên đầu hàng Tào Tháo. Chu Du giận bộ tức giận, sai quân thị vệ lôi Hoàng Cái ra đánh một trận chí tử. Hoàng Cái sau khi trở về đến doanh trại với thương tích khắp người, lập tức sai người thân tín đi gặp Tào Tháo hẹn ra hàng. Tào Tháo được tin Hoàng Cái bị Chu Du trừng phạt, nên tiếp nhận đầu hàng. Theo ngày giờ đã định, Hoàng Cái dùng mấy chục chiếc thuyền lớn chở đầy củi khô, tưới sẵn dầu mỡ cho dễ cháy, bên ngoài màn che trướng rủ, bơi về phía chiến thuyền quân Tào. Tào Tháo thấy Hoàng Cái đến đúng hẹn, trong lòng rất vui mừng. Khi hai bên đã kề sát, Hoàng Cái hạ lệnh cho binh sĩ nhất loạt phóng hoả, lao thẳng vào thủy trại quân Tào. Chiến thuyền quân Tào đang bị xích sắt khoá chặt, gỡ không ra, sảy tốt không đường tháo chạy, cả thủy trại bỗng chốc biến thành biển lửa. Chu Du thừa cơ đem quân đánh úp, đánh cho quân Tào tan tác, tơi bời. Tào Tháo chỉ mang theo mấy chục kỵ binh lật dật chạy trốn.

Đây là một ví dụ điển hình về "Khổ nhục kế". Sự kiện này có thật trong lịch sử không? Hay là "Tam quốc diễn nghĩa" hư cấu"? Chúng ta hãy tạm không khảo chứng việc này. Dầu sao vẫn có người nói: "Chu Du đánh Hoàng Cái, một muốn đánh, một muốn chịu đựng". "Tam thập lục kế" giải thích: "Nói chung người ta không tự làm hại mình, bị làm hại đó là chuyện có thật. Ta lấy giả làm thật làm cho địch tin mà không nghi thì có thể đạt được mục đích, lừa dối và ly gián". Hoàng Cái giả hàng thành công, khâu quan trọng nhất là trước khi lừa Tào Tháo phải có sự tự nguyện hy sinh cần thiết. "Nhân bất tự hại" (Nói chung người ta không tự làm hại mình) là chuyện thường tình của con người, anh làm ngược lại, thì cũng giống như chiếc bóng trong nước, khiến đối phương không nhận ra bộ mặt thật, vì vậy rút ra kết luận ngược với bản chất sự vật. Đây chính là chỗ bí hiểm của "Khổ nhục kế"!

4

THẬT VÀ GIẢ

Thật và giả là một đôi phạm trù quan trọng trong kế sách học.

Nói về phạm trù thực và giả, phạm là sự vật, nếu không thật là giả, nếu không giả thì hẳn là thật hoặc nửa thật nửa hư. Muốn hiểu rõ chủ thể của kế sách thì trước hết phải làm rõ chân tướng của khách thể, rồi từ đó suy ra: ngược với giả được coi là thật; ngược với thật được coi là giả, ngược với giả được coi là giả ngược với thật được coi là thật. Ngược với giả được coi là thật để che lấp bảo vệ cái thật ngược với thật coi là giả là để che đậy cái giả; Ngược với giả được coi là giả là để làm cho kẻ thù không tin là giả; ngược với thật được coi là thật là để kẻ địch không tin là hư. Thật thật giả giả thật thật, không có công thức nào rõ ràng dứt khoát, tất cả đều được xác định bởi những sự thay đổi tâm lý khác nhau của chủ thể và khách thể và trường kế sách tương ứng.

Kế sách lẫn lộn thật thật giả giả là sự đột phát của chủ thể kế sách trong kinh nghiệm thực tiễn lâu dài và sự rèn luyện về mặt lý luận tương đối cao trong trường kế sách xác định đặc biệt. Thậm xưng là sự thần bí trong cái thông thường. Sự tiềm ẩn sâu xa chói lùt.

1. MUỐN CÁI GIẢ LÀM CÁI THẬT

Lấy cái giả làm cái thật, tức là giả tượng do chủ thể kẻ sách tạo ra để che lấp sự thật, mê hoặc khách thể, giành sự chủ động trong kẻ sách.

Lý Quảng là một danh tướng đời Hán, từng dẫn một trăm kỵ binh xáp trận với hàng ngàn kỵ binh Hung Nô. Kỵ binh Hung Nô thấy quân Hán ít, tưởng rằng dụ binh, vội vàng dàn thế trận.

Tướng sĩ nhà Hán thấy quân Hung Nô dàn thế trận quyết chiến thì vô cùng hoảng sợ, muốn quay lui. Lý Quảng điềm nhiên nói với tướng sĩ. "Hiện tại chúng ta cách đại quân hàng chục dặm, nếu bỏ chạy, kỵ binh Hung Nô sẽ đuổi theo, e rằng chúng ta khó bề chạy thoát, nhưng nếu chúng ta ở lại quân nhau với chúng, bọn Hung Nô sẽ tưởng rằng chúng ta là dụ binh, chắc chắn không dám động đến chúng ta!" Nói đoạn lệnh cho tướng sĩ tiếp tục tiến lên, dừng lại ở nơi cách quân Hung Nô chưa tới hai dặm, xuống ngựa, làm ra vẻ cắm trại dựng lều cho ngựa nghỉ ngơi, nhiều tướng sĩ vô cùng lo lắng. Lý Quảng an ủi: "Bọn Hung Nô vốn nghĩ rằng chúng ta sẽ rút ngay, nhưng chúng ta đã cắm lều dựng trại, coi như chẳng có việc gì xảy ra, chúng càng tin chắc rằng chúng ta đang nhử chúng". Bọn kỵ binh Hung Nô đầu gối, quả nhiên không dám tấn công, thỉnh thoảng quân Hung Nô cho một vị tướng ra xem xét đội hình quân nhà Hán, Lý Quảng liền dẫn mười mấy tướng sĩ, vừa phi ngựa vừa bắn tên bắn chết tên tướng họ, rồi quay về doanh trại. Xuống ngựa lăn ra ngủ dưới đất. Đến nửa đêm, quân Hung Nô cho rằng quanh đó có đại quân nhà Hán đang phục kích, để tránh bị quân nhà Hán tấn công vội vàng tháo chạy. Đến lúc này Lý Quảng

mới đưa toán kỵ binh này ung dung quay lại bàn doanh của đại quân.

Trong "Tôn Tử binh pháp" có nói "Việc nhà binh là mưu lược. Vốn dĩ cái mình có thể làm được thì tỏ ra mình không biết làm, điều mà mình muốn dùng lại tỏ ra mình chẳng cần, cái ở gần lại tỏ ra ở rất xa, cái xa tí thì lại coi là gần". Tào Tháo chú: "Việc nhà binh là khôn cùng muôn hình muôn vẻ luôn dùng kế nghi binh, nghĩa là, phương thức cầm quân sao cho biến hoá không lường không sao lường trước được". Tôn Tử còn nói: "Điều cốt lõi của việc cầm quân là làm sao cho nó tự biến hoá phi thường, thậm chí dẫn đến vô hình. Cái gọi là vô hình tức là ở trong mà không sao thấu được, kẻ hiểu biết cũng không sao nghĩ ra. Cái gọi là "hành binh", tức là các hoạt động nghi binh trong chiến tranh, các hoạt động nghi binh này làm cho kẻ thù không phát hiện được sự thật đến nỗi không để lại một dấu vết nào, đương nhiên không hề có một dấu vết nào đúng sự thật thì bề lũ gián điệp của giặc không sao hiểu nổi, cho nên dù cho kẻ địch có thông minh tài cán tới đâu thì cũng đành chịu bó tay.

Lý Quảng đưa hàng trăm kỵ binh bất chợt đụng phải hàng ngàn kỵ binh Hung Nô đó là chuyện ngẫu nhiên làm sao đoán trước được trong tình huống ngàn cân treo sợi tóc, trong giây phút cực kỳ nguy hiểm, làm sao đánh lạc hướng được kẻ thù. Đưa thế bị động thành chủ động? Biện pháp của Lý Quảng chỉ là tỏ ra bình tĩnh như thường. Lấy đơn vị nhỏ đánh lừa địch, dẫn dụ địch, tỏ ra có đơn vị lớn đang đón lõng, đang chuẩn bị tiêu diệt hoàn toàn, đó cũng là một cái kế mà nhiều nhà quân sự đã dùng. Dù là kế các nhà binh nghiệp vẫn thường dùng, hai bên đều biết, đều có thể làm cho người ta cảnh giác, không dễ gì tham bát bẻ mâm mà bị mắc lừa. Lý Quảng cũng rất nhạy bén nắm bắt được tâm lý của các nhà binh

ngiệp này, với sự quả cảm phi thường, trước mặt kẻ thù trong tình huống khôn quần quân địch đông còn ta thì ít, vẫn tỏ ra bình thản, do đó vẫn đạt được kết quả mong muốn (địch không dám tham lợi mà bị mắc lừa). Trước mặt đại quân, thả ngựa lăn ra ngủ tỏ ra đang cần bầy đối phương, vẫn đạt được hiệu quả (Địch không dám tham lợi mà mắc bầy). Hơn nữa, khi đã tin chắc, thì làm cho bằng được, bắn chết tướng giặc, ngọn lửa bùng lên! Ngọn lửa ấy đã làm cho kẻ thù thêm phần hồ nghi, đâu dám ra tay?

Kẻ cầm quân thì phải quý kế đa đoan, mọi nơi mọi chỗ đều xuất hiện mưu sâu kế hiểm; đã cầm quân thì phải có mưu kế, lúc nào ở đâu cũng phải tính kế. Đại quân xuất kích để thao túng giặc, đưa giặc vào bẫy. Để đại quân xuất chiến, tiêu diệt hoàn toàn quân địch. Khi một nhóm nhỏ chạm chán với địch, để lẫn trốn, để dụ địch rơi vào thế có lợi cho mình, làm cho địch phải cảnh giác, không dám chặn đánh, từ đó bảo vệ được chính mình. Cho nên không thể có quỹ đạo nhất định. Tính linh hoạt, thiên biến vạn hoá chính là sinh mệnh của kẻ sách cái gọi là "kế sách vô thường quỹ" (không có quỹ đạo thông thường), tức là không hề có loại kế sách nào là bất di bất dịch đặt vào đâu cũng đúng. Cài bẫy đưa địch vào thế có lợi cho mình cũng có thể buộc địch phải ra tay trước, mà cũng có thể làm cho không dám ra tay, phương thức trên chỉ có một nhưng hiệu quả lại là hai hoặc hơn nữa, biết đâu đấy? Nhưng tất cả đều do sự khống chế chủ khách thế và cả điều kiện thời gian mà thôi. Cái gọi là "Vi hồ vi hồ, chí ư vô hình; thần hồ thần hồ chí ư vô thanh; cố năng vi địch chi tư mệnh" (nhỏ nhạt vụn vặt thậm chí là vô hình; nó thiên biến vạn hoá khôn lường, thậm chí không biết gọi là gì? vì vậy, có thể chi phối được kẻ thù) (Tôn tử binh pháp - Thực hư thiên"). Điểm mấu chốt là nắm bắt được tâm lý đối phương và đưa chúng vào thế vô hình.

Hán vương Lưu Bang thoát hiểm ở Vinh Dương cũng là một ví dụ điển hình lấy cái hư làm rối loạn cái thật, đưa vào thế vô hình.

Năm thứ ba đời nhà Hán, năm 204 trước công nguyên, Vua nhà Hán (Hán vương) Lưu Bang bị Sở vương Hạng Võ bao vây trong thành Vinh Dương, tình thế vô cùng nguy ngập. Lưu Bang chấp nhận đề nghị của bộ tướng Kỳ Tín, nhân lúc đêm hôm đưa bao nhiêu gái đẹp ra trước cửa phía đông thành, theo sau là hai ngàn quân lính. Quân Sở vẫn bất chấp tiếp tục đánh. Quân Hán đã rơi vào thế cùng quẫn. Chính lúc đó, Kỳ Tín mặc vương bào, lên ngựa giá, cho người gọi: "Lương thực trong thành đã cạn, Hán vương ra hàng!" Lính Sở nghe thấy Hán vương ra hàng reo hò, tung hô vạn tuế "Kéo nhau ra cổng thành phía đông đón xem, để tận mắt chứng kiến cảnh Hán vương ra hàng. Lưu Bang nhân lúc Sở dồn về cổng thành phía đông cùng hàng chục kỵ sĩ trốn thoát qua cổng thành phía tây; chạy về Thành Cao (nay là huyện Củng, tỉnh Hà Nam). Hạng Võ thấy Kỳ Tín giả Hán vương gặng hỏi Lưu Bang đâu. Kỳ Tín đáp: "Hán vương đã thoát thân từ lâu" Hạng Võ dùng dằng nổi giận, hạ lệnh đem Kỳ Tín đi thiêu sống. Sau khi thoát nạn, Lưu Bang tập hợp tàn quân lại, lập căn cứ ở Thành Cao, tiếp tục chống lại Hạng Võ.

Trong cuộc chiến giữa Hán và Sở, Hạng Võ và Lưu Bang đã có trên bảy mươi lần xáp chiến. Trừ trận Cai Hạ, trận nào Hạng Võ cũng thắng, trận nào Lưu Bang cũng thua, Lưu Bang phải nhẫn nhục cầu hoà nhiều trận. Thế nhưng, tuy liên tục thất bại nhưng Lưu Bang không bị diệt vong. Còn Hạng Võ vừa bị thua đã bị mất thiên hạ, điều kỳ lạ đó đáng để người đời suy ngẫm. Hàn Tín nói rằng, Hạng vương có là kẻ "hùng hổ như anh phu xe ngựa, nhưng có lòng nhân nghĩa của đàn bà". Cái hùng hổ của anh phu xe ngựa thì ai cũng chán ghét. Còn lòng nhân ái của đàn bà thì làm sao làm được

việc lớn. Lần vây hãm Lưu Bang ở cố thành Vinh Dương ấy, Lưu Bang cũng phải cầu hoà với Hạng Võ xin cắt phía tây Vinh Dương cho nhà Sở. Nhà Sở và nhà Hán hoà hảo với nhau. Hạng vương toan chấp nhận. Nhưng Lịch Dương hầu Phạm Tăng can "Khí số của Hán vương đã kiệt, nếu tha cho y c rằng sau hồi không kịp". Hạng vương bèn cùng Phạm Tăng tức tốc công phá Vinh Dương. Hán vương trở tay không kịp, bèn dùng kế Trần Bình, ly gián Hạng vương với Phạm Tăng. Khi sứ giả của Hạng vương đến, Lưu Bang bèn sai người đi lo một bữa tiệc to thái lao long yến. Khi gặp sứ giả, Lưu Bang lộ vẻ hoảng sợ: "Ta cứ ngỡ rằng nhà người chính là sứ giả của Á phụ, hoá ra lại là sứ giả của Hạng vương!" Đoạn cho dọn mâm cỗ Thái lao đi, thay vào đó là mâm cỗ xoàng xĩnh. Sứ giả quay về thuật lại với Hạng vương, quả nhiên Hạng Vương đã bị đánh lừa; nghi Phạm Tăng đã tư thông với Hán vương, dần dần tước hết quyền bính của Phạm Tăng. Phạm Tăng vô cùng tức giận: "Mọi chuyện trên đời đã được định đoạt, quân vương tự lo liệu lấy". Đoạn phẫn uất bỏ đi. •Đó chính là sự đánh giá và tâm địa của Hạng vương.

Hạng Võ muốn bá chiếm thiên hạ, nên chưa bao giờ chịu một ai. Từ thuở thiếu thời, ông ta đã nhìn thấy cái oai phong của Tần Thủy Hoàng trong truyện Đông du, cứ hễ mở miệng ra là một tác đến trời, đầy những hảo ngôn tráng ngữ. Còn Lưu Bang ư, lại tỏ ra khiêm nhường nhẩn nhục, chẳng hạn như việc hạ mình ở Hồng Môn, một nỗi nhục của nhà Hán, chạy hết chỗ này đến chỗ nọ, hốt hoảng như chó bị xua đuổi chạy cong đuôi. Cách xử sự khiêm nhường của Lưu Bang, dưới con mắt của Hạng Võ đã trở thành một định kiến, cho nên lần vây hãm Vinh Dương Cơ thành ấy, Lưu Bang binh lực hao hụt, lương thực đã cạn phải giả kế xin hàng, dưới con mắt ngạo mạn chẳng ai hơn mình của Hạng Võ, cũng chỉ là một thứ đã được dự đoán từ trước. Bây giờ chúng ta thử xem xét các kế trá

hàng của Lưu Bang, nào đâu trực diện ra hàng, mà chỉ gái đẹp đi trước, kể đến mới là quân sĩ đủ áo giáp, cung kiếm đánh lừa đối phương, rồi mới liễu chết phá vây. Còn về binh lính Sở, thấy gái đẹp lòng vẫn không nao núng, vẫn vây chặt bốn phía, khi quân Hán bị chết chìm đã trở thành cái thế không thể đảo ngược được, thì bỗng nhiên xa giá của Hán vương xuất hiện, đồng thời cho người tung hô hàng Sở, dưới con mắt của binh lính Sở, há chẳng phải là chuyện hợp lý đó sao? Quân Hán đã ở vào thế giãy chết, không thì tất phải chịu diệt vong, đó là tâm lý của binh lính Sở. Lưu Bang đã nắm chắc tâm lý của binh lính Sở, vì thế đã cài thế thoát hiểm một cách tài tình.

Dù là Lý Quảng lừa địch hay Lưu Bang trá hàng, điều cốt lõi là sự quyết đoán trong chớp nhoáng, tổng hợp được các nhân tố không gian, thời gian và con người. Tôn tử nói: "Việc binh nghe nói nhanh chóng mà sơ suất, chứ chưa thấy rõ ràng chậm chạp mà khéo léo, Trừ trừ do dự, sẽ mất thời cơ. Khéo cũng hoá vụng, hay cũng hoá dở".

Thời Xuân Thu công tử Cừ của nước Tề chạy sang nước Lỗ, công tử Tiểu Bạch chạy sang nước Cử. Chẳng bao lâu sau, vua Tề bị giết chết, nước Tề không có vua. Công tử Cừ và công tử Tiểu Bạch vội vã quay về nước Tề tranh giành ngôi báu. Cả hai cùng về nước Tề một lúc, hễ ai bước vào cung trước sẽ làm vua, cả hai không ai nhường nhịn nhau. Quân Trọng phụng sự công tử Cừ lúc này vội vã giương cung lắp tên nhằm vào công tử Tiểu Bạch. Mũi của tên sẵn có móc (ngạch?), công tử Tiểu Bạch vội bị trúng tên ngã nhào. Quân Trọng ngỡ rằng công tử Tiểu Bạch đã chết, mừng rỡ thưa với công tử Cừ: "Công tử, người yên trí bước lên ngôi báu quân vương, công tử Tiểu Bạch đã chết rồi". Chính lúc ấy Bào Thúc, phù tá công tử Tiểu Bạch, nhằm lúc Quân Trọng sơ suất, cho xe đưa công tử Tiểu

Bạch vào cung, công tử Tiểu Bạch lên ngôi hoàng đế, ông ta chính là Tề Hoàn Công thứ ba thời Xuân Thu. Xem ra, kế của công tử Tiểu Bạch chẳng có gì ghê gớm, ngoài chuyện về chết. Nhưng xét cho cùng, cái kế vờ trúng tên ngã gục lại là một chuyện không mấy ai tính nổi. Người bình thường nếu rơi vào cảnh ngộ khốn quẫn như vật còn hốt hoảng, vô phương xử thế, trong trường hợp này, tên lại có ngạch, còn sống đã là may tự mình cảm thấy sung sướng quá rồi, làm sao nghĩ ra được kế vờ trúng tên ngã nhào để đánh lạc hướng kẻ thù, làm cho kẻ thù tưởng thật mà lơ là, mất cảnh giác. Thông thường, khi rơi vào cảnh ngộ ấy, trong chớp mắt đã ẩn mình là đã đạt đến đỉnh cao của "Thượng binh phạt mưu" Tôn tử nói: "Cho nên kẻ thiện chiến không cần đến cách đánh hiểm lạ mà chiến thắng, không cần trí mà nổi tiếng, không cần dũng mà lập công". Trương Dự chú rằng: "Mưu kế sâu xa sẽ giành được chiến thắng từ chỗ vô hình, thiên hạ không nghe nói có tài trí dự đoán tình hình địch mà giành được chiến thắng, không thấy cảnh chém tướng nhỏ cừ". Há chẳng phải ông ta đã nói về Hoàn công đó sao?

"Không nghe nói có tài trí dự đoán tình hình địch mà giành được chiến thắng, không thấy cảnh chém tướng nhỏ cừ" mới thật là cái tinh túy nhất của mưu quyền. "Tính kế trong lều quyết giành thắng lợi từ xa vạn dặm". Thật không hổ thẹn với các hào kiệt, trong khoảnh khắc nguy cấp ấy mà tìm được lối thoát từ trong cái vô hình thì quả là đáng quý. Cái trước là loại mưu mô tính sẵn từ trước, cái sau là kế tức thời không chuẩn bị trước, càng cho ta thấy gốc rễ của mưu kế.

Mùa xuân năm thứ ba mươi ba. Lỗ Hy công (năm 627 trước CN) Mạnh Minh, tướng nhà Tấn đưa quân tiến về phía Đông, mưu toan chiếm lấy nước Trịnh không hề phòng hộ. Huyền Cao, là thương nhân nước Trịnh muốn đi đến vương thành Đông Chu buôn

bán. Khi đến bên ngoài cửa Bắc thành Lạc Dương thì chạm phải cánh quân tướng nhà Tần mới đến đánh Huyền Cao. Sau khi biết ý đồ của quân Tần, lập tức cho người mang thư về nước cấp báo cho Trịnh Mục công, còn tự mình đóng giả là sứ thần của nước Trịnh, diễm nhiên, hào phóng, cho chọn bốn tấn da thuộc, mười hai con bò uý lạo tướng sĩ quân Tần. Huyền Cao gặp Mãnh Minh, liền thưa: "Quốc quân chúng tôi nghe nói quý quân sắp đến thăm Trịnh quốc, liền sai hạ thân đến đây thăm hỏi các ngài. Nước Trịnh tuy không được giàu có cho lắm, nhưng thấy các ngài đường xa vất vả, rất muốn cung cấp phương tiện. Nếu quý quân trụ lại, các ngài cần gì, Trịnh quốc sẽ lo chu tất, nếu quý quân xuất chinh, đêm đầu tiên, quân Trịnh sẽ tuân tra canh phòng cho quý quân". Trịnh Mục công được tin quân tướng Tần sắp đánh Trịnh quốc, lập tức bố trí lực lượng, chuẩn bị nghênh chiến. Quay lại kể tiếp, Mãnh Minh sau khi nghe Huyền Cao nói một thôi một hồi, vô cùng kinh ngạc, nói với các khanh tướng; "Nước Trịnh đã chuẩn bị sẵn sàng đánh bây giờ sẽ không đánh nổi vậy thành thì không có viện binh. Thôi cho rút" thế là Mãnh Minh sau khi đưa quân tiêu diệt nước nhỏ Hoạt quốc, vội vã kéo quân quay lại nước Tần.

Rất mưu trí và cũng rất tự nhiên. Huyền Cao đã tỏ ra rất bài bản, rất nhũn nhặn, nhưng trong cái nhũn nhặn ấy vẫn có cứng rắn, làm cho tướng nhà Tần Mãnh Minh bó tay, không biết phải làm gì. Thử nghĩ xem. Mãnh Minh vốn đã muốn tập kích bất ngờ như "sấm xuân không kịp bứt tai" vậy, không ngờ người nước Trịnh lại nhanh tai nhanh mắt đến thế, đã tóm được quân cơ. Lại còn cho người "uý lạo" dọc đường, dụng ý gì đây? Phải chăng giữa đường sẽ được "dón hàng những trận phục kích? Cũng chưa biết chừng! Cho nên, tạm lui quân lúc này là sáng suốt là biện pháp duy nhất.

Cái trí của người thương nhân đó quả là siêu phàm. Thời xuân Thu, Phạm Lãi phò tá Việt vương Câu Tiễn diệt Ngô rửa cái nhục Cối Kê. Trong bữa tiệc mừng công ông ta linh cảm thấy cái thần thái khác thường của Câu Tiễn dứt khoát treo mũ bỏ đi. Theo đuổi nghề buôn bán. Ông ta áp dụng một phương sách đặc biệt: "Người chê thì ta nhận, người cần thì ta cho". Trong vòng 10 năm liền thì đã có 3 lần được hàng ngàn lạng vàng, giàu có như một vương hầu. Thương nhân Lã Bất Vi buôn bán càng lớn hơn, đã leo lên tới chức tướng. Huyền Cao độ 4 tấm da trâu, mười hai con trâu để tránh cho nước Trịnh không phải gánh chịu binh đao. Về mặt trí tuệ như nhau điều đáng quý là ứng phó kịp thời, nào đâu cứ là kẻ buôn bán hay quan lại nắm quyền!

Năm thứ năm Long An Tấn An Đế (Sau công nguyên năm 401), lãnh tụ phong trào nông dân nổi dậy Tôn Ân cầm quân đánh chiếm Hải Diêm (nay là huyện Hải Diêm tỉnh Triết Giang). Tấn Bắc phủ Lưu Dụ xây thành cố thủ. Tôn Ân liên tục công phá, tình thế vô cùng bất lợi. Nhưng Lưu Dụ thừa biết rằng, trong thành quân ít. Khó lòng chống chọi lâu dài. Một đêm, Lưu Dụ hạ lệnh cuốn cờ dấu quân, vờ như không còn binh lính nữa. Trời vừa sáng, lệnh mở cửa thành, cho người già yếu bệnh tật, tàn phế lên thành nhìn ngóng ra xung quanh. Tướng sĩ của Tôn Ân nhao lên nghe ngóng ra, một người trả lời: "Nhân đêm tối đã bỏ chạy hết", quân Tôn Ân tưởng thật, như đàn ong xông vào. Ngay lúc đó, quân Tấn từ bốn phía vùng dậy, gào thét vang trời. Quân Tôn Ân bị bất ngờ hốt hoảng, không biết xử lý ra sao bỏ chạy tán loạn. Tôn Ân đành phải cho rút lui.

Theo binh pháp: "Có mười thì vây, có năm thì công, có gấp đôi thì đánh, ngang sức nhau thì chia nhỏ ra, ít hơn thì giữ, không được thì tránh".

Tôn Ân rốt cục có bao quân lính, sử không còn lưu lại, nhưng chắc chắn ông ta đủ năng lực thắt chặt vòng vây công phá Hải Diêm. Quân lính ít ra cũng gấp 5 lần quân Tấn: cho nên Lưu Dụ vườn không nhà trống, bỏ ngõ thành, cho rút quân, điều đó dưới cách nhìn của Tôn Ân cũng hợp lý thôi, Lưu Dụ binh lực tuy ít, nhưng cũng đã nhiều lần quấy phá Tôn Ân, sĩ khí cũng tương đối. Tôn Ân dựa vào ưu thế về binh lực, đang háo hức giành phần thắng, nghe tin Lưu Dụ bỏ thành chạy trốn, sướng quá, nào ngờ Lưu Dụ rắp tâm đánh phục kích bằng một nhóm quân nhỏ. Đến khi quân phục kích của Lưu Dụ từ bốn phía nổi lên, quân Tôn Ân đã bó tay, binh lực tuy còn khó nói, nhưng ý chí thì đã tiêu tan, không thể tiếp tục chiến đấu được nữa, đành phải tháo lui. Mưu kế của Lưu Dụ là ở chỗ tạo ra giả tượng, làm mê hoặc đối phương, hiệu quả là đánh bất ngờ đối phương trở tay không kịp.

Năm thứ bảy Hậu Lương Trinh Minh (năm 915 sau công nguyên). Tướng lĩnh nhà Hậu Lương là Lưu Tầm được tin nhà Hậu Tấn tập kết quân chủ lực ở Ngụy Châu (nay thuộc phía đông huyện Độc Danh tỉnh Hà Bắc), bỏ trống Tấn Dương (nay thuộc Thái Nguyên tỉnh Sơn Tây) bèn quyết định tập kết bất ngờ vào Tấn Dương. Lúc bấy giờ Lưu Tầm đang đồn trú ở Huyền Thủy (nay thuộc phía tây huyện Đại Danh Hà Bắc), nếu công khai đưa quân đến Tấn Dương, sẽ bị quân Tấn chặn đánh. Trên tường thành nơi Lưu Tầm đồn trú có xây nhiều tường thấp hình răng cưa, gọi là "diệp". Thường thì lính canh gác cứ đi lại tuần tra trên đó. Quân Tấn chỉ cần nhìn thấy lính canh và cờ xí, biết ngay người cai quản hiện đang có mặt. Để che mắt địch, cho dắt mấy con lừa lên bức tường thành hình răng cưa ấy, huấn luyện cho chúng cứ đi đi lại lại trên đó như là có lính canh, buộc trên lưng lừa hình người nộm được bó lại bằng cò, cấm cò lên, những con lừa cứ đi đi lại lại.

giống như vẫn có lính canh. Quân nhà Lương được sự yểm hộ của những con lừa, cấp tốc rút khỏi Huyền Thủy, tiến thẳng vào đất Tấn. Đến khi quân Tấn biết được đầu đuôi ngọn ngành, là quân nhà Lương đã biệt tâm biệt tích. Không còn bóng dáng nữa.

Che mắt địch, đầu phải là chuyện gì khó khăn lắm, bố trí vài người già yếu, bệnh tật đi lại trên tường thành hình răng cưa ấy là đủ, nhưng khi địch phát hiện ra, thì chúng tức điên lông lộn, tóm được ai là đâm chém cho hả giận là chuyện khó tránh khỏi. Lưu Tâm không gài lại bất cứ một ai, nên không mất một người lính nào. Mượn bóng lừa để rút quân, quả thật là một màn tuyệt diệu và mới lạ.

Thuật đánh lạc hướng bằng cách lấy cái giả làm cho đối phương tưởng là thật, không những thường xảy ra khi hai nước giao chiến với nhau. Mà cũng thường gặp ngay trong cả các cuộc tranh giành quyền bính trong nội bộ cung đình.

Thời Tam quốc, sau khi Ngụy Minh đế chết, ấu chúa Tào Phương lên ngôi kế vị. Đại tướng quân Tào Sảng và Thái uý Tư Mã Ý cùng phụ chính. Tào Sảng lợi dụng điều kiện có lợi là chính bản thân mình thuộc tông tộc họ Tào, cần kẻo thân thi, vô hiệu hóa Tư Mã Ý. Tư Mã Ý thấy vậy, đã tránh mũi giáo chĩa vào mình của Tào Sảng, cáo ốm không ngự triều, ngấm ngấm chờ đợi thời cơ giành lại triều chính. Một hôm triều đình bổ nhiệm Lý Thảng làm Kinh Châu Thích sự, Tào Sảng gợi ý Lý Thảng tới chào Tư Mã Ý. Nhân đó dò xét thái độ Tư Mã Ý. Tư Mã Ý quả không bình thường. Khi tiếp Lý Thảng. Cho hai tỷ nữ điu hai bên, mặc quần áo cũng không tự làm lấy được, mấy lần đánh rơi xuống đất ông ta lại dơ tay chỉ vào mồm, tỏ ý khát nước thì từ vôi vàng bề một bát cháo loãng. Tư Mã Ý vừa uống vừa ăn làm vương vãi, ngực ướt mềm cháo vãi, làm cho Lý Thảng kìm lòng không đành cũng oà lên khóc. Một lát sau, Tư

Mã Ý thở hổn hển "Ta già cả, lắm bệnh tật, chỉ sống nổi ngày một ngày hai, nếu người đến nhậm chức ở Tịnh Châu, ở đó liền với đất của người Hồ, phải lo liệu sao cho ổn thỏa... Ta e rằng khó lòng gặp lại được nhà người một lần nữa..." Lý Thắng vội vàng cải chính: "Tôi vừa về tới bán châu để nhậm chức, chứ không phải Tịnh Châu đâu!" Tư Mã Ý vẫn cố tỏ ra lắm cảm: "Khi mới đến Tịnh Châu hãy gắng giữ mình" Lý Thắng nói: "Tôi phải đi Kinh Châu, chứ đâu phải Tịnh Châu". Tư Mã Ý như chợt tỉnh ngộ: "Ta tuổi già lắm cảm, không hiểu nổi lời của người. Người sẽ làm quan Thích sự ở chính châu này. Tu nhân tích đức, hãy lập công lớn. Sau lần gặp gỡ này, e khó gặp lại, mong nhà người tâm sự học đạo, chiêu dụ anh em bè bạn, thừa lại với họ chút lòng mọn của ta". Nói đoạn nước mắt nước mũi trào ra, thở hổn hển. Lý Thắng thấy Thái uý ngôn từ lắm nhảm, chẳng đâu vào đâu, không thể nói tiếp gì hơn, vội vã cáo từ, thừa lại cho Tào Sảng hay: "Thái phụ lời ăn tiếng nói đã tới mức lẫn lộn lắm cảm, mồm không ngậm nổi cái cốc, chỉ nam nói bắc, hết phương cứu chữa, thật đáng thương. Tào Sảng nghe thấy thế thở phào nhẹ nhõm, không phải cảnh giác Tư Mã Ý nữa. Chẳng bao lâu sau, Tào Sảng theo Tào Phụng đi viếng lăng Cao Bằng. Tư Mã Ý nhân cơ hội này đẩy binh chiếm kho vũ khí, buộc anh em nhà Tào Sảng bãi binh, rồi tổng giam giết chết, nắm giữ triều chính mở đường đưa họ Tư Mã Ý lên thay họ Ngụy.

Thảm thương thay bộ mặt Tư Mã Ý! Già nua tiêu tụy quần áo cũng không tự mặc lấy được nữa; mồm không húp nổi bát cháo, nói năng không còn mình mẫn nữa, nước mắt nước mũi dầm dụa... đến mức chẳng mấy nổi sẽ lìa đời. Chỗ thân tình, ai ai cũng ngậm ngùi. Con người coi như đã bỏ đi ấy sức lực đâu mà lo chuyện đấu đá trong cung đình, cho nên Tào Sảng coi thường, mất cảnh giác đối với Tư Mã Ý là hợp lý, có gì là lạ. Điều cần phải nói là Tư Mã Ý

chắc chắn, phi thường. Những ngón đòn Tư Mã Ý biểu diễn trước mặt Lý Thắng, thì ngay cả diễn viên chuyên nghiệp thì cũng phải lao tâm khổ tứ, dồn hết tâm sức mới nhập cuộc được như thế. Mà Tư Mã Ý trọn đời binh nghiệp chính trường nhất thế, trăm công ngàn việc, kỹ xảo tuyệt diệu ấy không biết ngài học được từ bao giờ?

Những màn kịch này đâu phải đồng họ Tư Mã sáng tác ra! Từ thời Chiến quốc đã có tiền lệ. Như chuyện Tôn Tẫn giả điên để lừa Bàng Quyên đã nhắc tới trong chương III chẳng hạn. Trong "Thuyết uyên, Quyền mưu" Lưu Hưởng có viết: "Mưu có hai mặt, một mặt để trị mạch, một mặt kia để trị sự", "Tri mệnh" là dự kiến trước nguồn gốc của mọi chuyện họa, phúc, tồn, vong; biết trước khả năng thịnh, hưng, suy, phế... để đề phòng mọi khả năng khi đang còn trong trứng nước, tránh được những tai họa vô hình. Nếu ai đó, sống thời loạn lạc mà không hại ai, thì khi sống trong thời thiên hạ thái bình tất sẽ nắm được quyền bính trị vì thiên hạ. Những người hiểu biết như vậy cũng đáng được coi trọng, thấy sự việc xảy ra, mà đoán biết được việc được, mất, thành, bại, kết cục cuối cùng sẽ ra sao, từ đó tránh được sạt nghiệp khuynh gia bại sản. Khổng tử nói: "Đáng được dùng cho đạo, chưa thể dùng cho quyền". Ấy, không phải là người biết tri mệnh trị sự thì làm sao có thể có được thuật quyền mưu". Từ đó cho ta thấy, Tuy Tư Mã Ý không nói lên được: "Đề phòng ngay từ lúc còn trong trứng nước, tránh được hậu họa vô hình". Nhưng lại có thể "Sống trong thời loạn lạc, mà không hại ai, thì đến lúc thái bình yên ổn, tất sẽ nắm được quyền trị vì thiên hạ". Còn về câu "biết phân rõ được mất, thành bại", "không khuynh gia bại sản" thì chẳng có gì đánh tranh cãi nữa. Họ Tư Mã thay Ngụy dựng lên triều Tấn, thống nhất toàn Trung Quốc, tạc vào sử xanh vẫn còn ngời sáng.

Còn về Tôn Tần cả đời thiên tài xuất chúng. Nhưng luôn bị Bàng Quyên chèn ép, không những thế, còn bị án xử chặt đứt bàn chân. Oan khốc không kêu ai cho được. Rất có thể, cứ một lần vấp ngã dạy cho người ta khôn ra, sau này khi Tề Ngụy đánh nhau, Tôn Tần chơi lại Bàng Quyên như trò bàn tay, dồn Bàng Quyên tới bước đường cùng phải chết, đến lúc này Tôn Tần trù liệu công việc như thần như thánh, làm cho người ta loé mắt. Khác hẳn với sự giả ngây giả ngốc, giả điên giả dại trước đây. Tài trí của ông ta cứ như một trời một vực.

Lưu Hưởng còn nói rằng: "Mưu quyền cũng có chính có tà. Mưu quyền của kẻ quân tử là chính trực, thì mưu quyền của kẻ tiểu nhân là gian tà. Người chính trực, thì kế sách mưu quyền của họ là đúng đắn, công bằng, luôn thành tâm với trăm họ; còn kẻ gian tà, háo tư thượng lợi, luôn tìm cách lừa dối mọi người. Lừa đảo thì sẽ loạn, thành tâm thì sẽ yên ổn" Lưu Hưởng phán đoán rằng tiêu chuẩn của giá trị chính hay tà của mưu quyền là sự lừa lọc hay chân thành đối với mọi người. Từ đó suy ra, Tư Mã Ý dùng cách nói năng lẫn thẩn để đánh lừa Tào Sảng, ngụ ý là: Trước hết giữ mình, giữ trọn vẹn cho gia tộc, sau xa thì họ Tư Mã sẽ thay Ngụy, mưu này là chính hay tà? Khi hai nước xảy ra binh đao, vờ như thân thiện với nhau, cài gián điệp vào nhau, ai làm chủ người ấy, thì chính tà phân định thế nào? Phàm là mưu mô thuộc vào họ quỷ kế, có liên quan gì tới "chính", sao lại phân định chính tà ở đây! Mưu mô bao giờ cũng là những thủ đoạn người ta dùng nó để đạt được một mục đích nhất định nào đó. Những mục đích đó, đặt trước cái thước đo giá trị về luân lý hay chính trị, sẽ lập tức chia ra chính hay tà, hoặc công minh chính đại, hoặc vì lợi ích riêng, hoặc thành tâm vì trăm họ hoặc lừa dối mọi người. Nhưng những thủ đoạn đó lại có thể vượt hẳn lên trên chính và tà. Chẳng hạn như con dao, vừa có

thể dùng nó để thái, làm thức ăn ngon, nhưng cũng có thể dùng nó để chém giết. Dùng để làm món ăn ngon hay dùng để giết chóc, mỗi cách dùng đều có luận thuyết đạo đức luận lý riêng, còn bản thân con dao ư, chẳng có gì đáng nói, mọi người chớ vì con dao ấy đã từng được dùng để giết người mà oán giận căm ghét sự sắc ngọt của nó.

Ngược lại, cái mà người ta đáng quan tâm tới chính là con dao đó có sắc hay không, cũng giống như người ta thường quan tâm tới mức độ lớn nhỏ công dụng của mưu kế. Lượng hiệu quả của mưu kế mới là tiêu chuẩn để xác định mức độ hay dở. Hoặc là chỉ thích hợp nhất thời, hoặc có tác dụng lâu dài: mưu kế nào chỉ có tác dụng nhất thời thì gọi là hạ thừa, có tác dụng lâu dài thì gọi là thượng thừa.

Quyền tướng Tần Khoái thời Cao Tông Nam Tống, do mưu hận tướng chống nhà Kim là Ngạc Phi nên bị đóng đinh lên cây cột sỉ nhục của lịch sử, đã để lại nỗi ô nhục muôn đời. Hãy tách riêng công và tội của lịch sử không bàn tới ở đây, thì sự thông minh sắc sảo tinh ranh sáng dạ này sinh ra bột phát trong khi làm việc, không để lại dấu vết gì, của con người ấy sao mà diệu kỳ đến thế.

Trong Tần tướng phủ có một cây lựu. Cái cây này không biết nhận được linh khí từ đâu, mà quả thì to, đáng đẹp, ruột ngọt, vì vậy mà Tần Khoái rất quý. Mỗi khi đến vụ thu hái, hàng ngày, mỗi buổi tối Tần Khoái đều cất công tìm đếm từng quả. Một buổi sáng Tần Khoái phát hiện thiếu một quả, vừa hoảng hốt vừa tức giận, nhưng không lộ thân sắc. Ông ta cho gọi toàn bộ người ăn người ở trong nhà lại, dặn người quản gia: "Cái cây này ta chẳng cần nữa, cho loại bỏ nó đi". Một kẻ đầy tớ vội vàng bước lên khuyên can: "Xin đừng phá nó đi, quả cây lựu này rất ngon!" Tần Khoái bật cười ha hả, hỏi

người đẩy tớ nợ: "Thế thì chính mày đã ăn vụng lượ của ta? "Tên đẩy tớ cũng hòng không sao chối cãi được, ngoan ngoãn thừa nhận.

Đó là một câu chuyện dí dỏm nho nhỏ trong cuộc sống. Tần Khoái trong hoạt động quốc gia không thiếu gì những mưu ma chước quỷ, nhưng chỉ thích hợp với cái trước mắt. Khó mà có được những kế hay mang tính lâu dài, to lớn.

Khi Tần Khoái đang nắm quyền, có một thời gian rất hiếm tiền mặt, đến nỗi hàng họ không sao mua bán được. Không khí thật căng thẳng. Phủ doãn Hàng Châu Tào Vinh lo lắng lắm, vội vàng đến tìm Tần Khoái. Tần Khoái nói: "Rất dễ! Có gì là khó". Lập tức cho gọi Văn tư viện quan đến dặn: "Vừa mới nhận được thánh chỉ. Chuẩn bị đổi tiền: nhà người căn cứ tỷ lệ trộn lẫn giữa vàng và thiếc đúc một xâu (mỗi xâu 1000 đồng xu) trình lên để quyết định. Tiền giấy sẽ loại bỏ hoàn toàn. Trưa mai phải đúc xong tiền mẫu". Sau khi Viên quan lĩnh chủ lập tức cho đúc suốt ngày đêm. Các nhà quyền quý, giàu có nghe tin, đổ xô đem tiền ky cốp được đi vơ vét hàng hoá, làm giá cả cứ tăng vùn vụt tiền mặt đầy ngập thị trường. Sau khi Văn tư viện quan đem tiền mẫu mới trình lên xong, sẽ không gì để viết tiếp nữa (ý nói chuyện đổi tiền không xảy ra nữa).

Loại mưu kế biến giả thành thật, việc vận dụng vào đời sống chính trị và kinh tế của một nước và việc vận dụng vào chiến tranh, hiệu ứng của nó trên toàn cục có những khác biệt rõ ràng. Khó vận dụng vào chiến tranh có thể mang về hiệu quả nhất thời, hoặc đạt được ý đồ lâu dài. Chẳng hạn như việc Lý Quảng lừa kẻ thù, Lưu Bang trá hàng, hiệu quả nhất thời của nó là bảo toàn được bản thân mình. Còn hậu quả lâu dài, gây cho đối phương một cái ấn tượng hoang mang, lúc giả lúc thật, không sao lường trước được. Mà đó chính là mục tiêu mà các nhà quân sự hằng mong muốn đạt được. Việc nhà binh thường là thiên biến vạn hoá (không có quỹ đạo bình

thường) ví thử như: thủy chiến là việc rất kiêng kỵ, nhưng lại được các nhà cầm binh hay dùng. Trong đời sống chính trị và đời sống kinh tế thì lại khác: luôn đòi hỏi sự ổn định, lấy chữ tín làm đầu. Các kế tung tin dối tiền của Tần Khoái, tuy được cuộc ngay lúc đó, nhưng sự bị mất uy tín và danh dự suốt đời, cái hậu quả xấu của nó về sau chúng ta thấy một cách rõ ràng. Còn cái kế giả điên đại ngậy ngô của Tôn Tần và Tư Mã Ý, chúng ta cũng chẳng cần bàn thêm. Việc đấu tranh trong nội bộ cung đình cũng đại loại như cái cuộc giao tranh giữa hai đội quân, một mất một còn, cái điều cốt lõi đáng quý cốt sao bảo vệ được mình, có bảo vệ được mình mới có thể có cái hiệu quả lâu dài được.

Những mưu mô lừa bịp trong các cuộc đấu tranh chính trị không phải không hoàn toàn không dùng được, điều cốt lõi là làm được bỏ được, nói năng tròn trĩnh, lý luận thông suốt.

Năm thứ sáu nhà Hán (năm 201 trước công nguyên) có người dâng sớ lên triều đình, tố cáo Sở vương Hàn Tín mưu phản. Lưu Bang hỏi Trần Bình phải xử lý như thế nào, Trần Bình hỏi lại: "Việc này có người nào khác biết?" Lưu Bang trả lời "Không". Trần Bình lại hỏi: "Hàn Tín có biết không?" Lưu Bang đáp: "Không biết" Trần Bình lại hỏi: "Tinh binh của Cao đế, so với nước Sở ra sao?" Lưu Bang đáp: "Không bằng Sở". Trần Bình lại hỏi "Tướng lĩnh của bộ hạ cầm quân đánh nhau có giỏi giang hơn Hàn Tín không?" Lưu Bang trả lời: "Không sánh nổi với Hàn Tín!" Trần Bình phân tích thêm: Quân lính của Bộ hạ không tinh nhuệ bằng Hàn Tín, tướng lĩnh cũng chẳng phải là đối thủ của Hàn Tín, nếu dấy binh thảo phạt, buộc Hàn Tín phải ứng chiến, Thần cho rằng Bộ hạ sẽ cảm thấy không yên ổn". Lưu Bang vội hỏi: "Thế thì phải làm thế nào?" Trần Bình đáp: "Thời xưa, thiên tử có nghi lễ tuần hành thiên hạ, gặp gỡ các chư hầu. Ở miền Nam có đất Vân Mộng *(Vân Mộng

trạch), bệ hạ chỉ cần vờ xuất du Vân Mộng trạch, gặp gỡ các chư hầu ở Trần Châu. Trần Châu ở phía tây ranh giới nước Sở; Hàn Tín nghe tin Thiên tử vui vẻ đã xuất du, tất chẳng chút nghi ngờ gì sẽ ra khỏi thành đón bệ hạ. Khi bái yết bệ hạ, bệ hạ nhân đó cho bắt Hàn Tín. Đó chẳng qua chỉ là việc của một võ sở phải làm mà thôi". Lưu Bang dần dần suy nghĩ, rồi cho thực hiện theo kế đó. Khi Lưu Bang chưa tới Trần Châu, Hàn Tín quả nhiên đã lên đường đi đón, tự cho đầu vào rọ.

Sự cao kiến của Trần Bình là ở chỗ đưa Hàn Tín vào cái bẫy không thể không theo, tự dẫn thân vào thông lộng, Thiên tử tuần du đến đất Sở, Sở vương Hàn Tín sao dám không đi đón thiên tử? Đó là điểm thứ nhất, còn điểm thứ hai, thiên tử xuất du là một cử chỉ vui vẻ tốt lành, chuyện bắt bớ, chém đầu phải chọn ngày khác, đó là lẽ thường phải vậy. Hàn Tín trí dũng song toàn nhưng phải chịu thua Trần Bình. Lưu Bang tuy dùng kế đánh lừa để bắt Hàn Tín, nhưng do Hàn Tín muốn làm phản, điều đó tựa hồ như không có gì đáng chỉ trích. Giả dụ Lưu Bang tuyên bố dấy binh đi thảo phạt Hàn Tín, thì thiên hạ mới yên bình, bình hoá lại nổi lên, dân chúng lầm than, có lợi gì cho nước cho dân? Cho nên, kế Vân Mộng tuy là kế đánh lừa, nhưng dân lại không cho là vậy, vừa tỏ ra sáng suốt hợp lẽ đời.

2. CÁI THẬT MẠO LÀM CÁI GIẢ

Lấy cái thật mạo làm cái giả là loại mưu kế mà chủ thể của mưu kế lấy cái đích thực mạo là cái giả, lấy cái đúng mạo là cái sai, từ đó mê hoặc khách thể của mưu kế, giành thế chủ động về mình.

Chú của Tấn Nguyên đế là Tư Mã Ý bị Thành đô vương Tư Mã Đĩnh bức hại, bí mật trốn thoát, chạy đến bờ sông bị Tân lại (ông quan trông nom việc giữ đê) chặn lại. Tuỳ tùng Tông Diễn của

ông ta đuổi kịp, thấy Tư Mã Ý bị chặn lại liền dùng roi ngựa quất nhẹ lên người Tư Mã Ý, nói: "Xá trưởng (xá: xưa cũ 30 dặm, mỗi dặm 500m gọi là một xá. Xá: Cũng chỉ là nhà ở của chính mình với ý khiêm tốn) quan phủ thì kiểm soát quý nhân, còn người là kẻ vô danh tiểu tốt mà tự nhiên cũng bị kiểm soát ư?" Nói đoạn, hai người nhìn nhau cười ha ha, quan Tân lại nghi hoặc ngần ngại nhưng rồi cũng cho qua, thế là Tư Mã Ý thoát thân.

Đó là một kiểu lấy thật làm giả, lấy cái đúng vờ cái sai, vận dụng nó đúng giờ, đúng chỗ, đúng lúc nhỏ thì có thể tai qua nạn khỏi, giữ được an toàn cho bản thân mình, lớn thì bảo toàn được lực lượng, làm cho đất nước yên bình.

Năm thứ 4 đời nhà Hán (năm 203 trước công nguyên). Hán vương Lưu Bang và Sở Bá vương Hạng Vũ xây thành đắp lũy chống chọi nhau hàng tháng. Sở Hán giao tranh, binh hoà hết năm này qua năm khác, nhân dân điêu đứng lầm than. Hạng vương không sao kiểm chế được nữa muốn đơn phương thách đấu với Hán vương bèn khích Hán vương: "Thiên hạ vì hai chúng ta binh hoà liên miên mà rối rắm hỗn loạn đã hàng năm trời, ta cam nguyện một thân một mình thách đấu với người thể sống mái; chớ để thiên hạ trăm họ vì hai chúng ta mà cam chịu cảnh đau thống khổ do chiến tranh loạn lạc". Hán vương đáp lại: "Ta chỉ có thể đấu trí chứ không đấu nhau bằng sức mạnh". Tiếp đó kể ra 10 cái tội lớn của Hạng Vũ, Hạng Vũ tức giận lắm giương cung bắn trúng Hán vương, Hán vương bị dính tên ở ngực, nhưng lại lấy tay ôm bàn chân gào: "Tên vua ngỗ ngược Hạng Vũ đã bắn trúng chân ta!" Lưu Bang không sao chịu nổi đau đớn, nằm lăn trên giường. Trương Lương đến Lưu Bang dậy ra động viên tướng sĩ, Hán vương tuy bệnh tình nặng thêm, nhưng quân tình lại được ổn định.

Theo "Sử ký", Lưu Bang, tính tình tác phong có phần vô lại. Hạng Vũ một mình đứng ra thách đấu với ông ta, ông ta không chút hổ thẹn chỉ đấu trí, không đấu lực". Lúc thoát tiên bị quân Sở đuổi theo giết chết, thấy xe chạy quá chậm, Lưu Bang liền xô con trai của chính mình xuống xe. Đàng Công không đành lòng, thường xuống xe kéo lên đến 3 lượt. Đàng Công chất vấn Lưu Bang: "Tình thế thì nguy cấp thực, nhưng tại sao nhẫn tâm thế?" Lưu Bang trả lời ra sao, sử sách không chép lại. Có lẽ là không tiện nói ra. Đại để là Tư Mã Thiên khi viết "Sử ký", về Cao tổ nhà Hán không thể không tránh né. Lần đo sức ấy, Lưu Bang ở bên trong tường cao kiên cố không lộ mặt ra, Hạng Vũ không có cách gì dụ cho được Lưu Bang ra được bèn đem bố của Lưu Bang đặt lên trên một cái bệ trên cao (nguyên văn: đặt lên trên cái thớt trên cao. Cái thớt để thái thịt thái rau, hoặc là cái mâm để bày đồ tế lễ), dọa Lưu Bang "nếu không chịu xuống quyết đấu, ta sẽ đem Thái công (bố Lưu Bang) xào nấu làm thức ăn". Lưu Bang trả lời: "Ta và Hạng Vũ đã cùng thụ mệnh với Sở Hoài vương, thế với nhau kết nghĩa anh em, cho nên cha ta cũng là cha người, nếu nhà người nhất quyết đem bố nhà người ra làm thịt thì nhớ để phần ta một bát canh". Vì thế mà không quyết chiến, nhưng cũng chẳng chịu giảng hoà, bất hiếu bất thuận. Cuối cùng khi đạt được sự nghiệp lớn, mỗi người một cõi, đâu phải là chuyện ngẫu nhiên.

Những cuộc phân tranh về đạo đức luân lý ấy khó mà có mọi định thuyết nào, nhưng có điều là tài ứng phó khôn lường của Lưu Bang quả là bậc siêu nhân. Thử nghĩ xem, mũi tên sạt qua ngực, thì phản xạ tự vệ tự nhiên của mọi cơ thể sống ắt là phải lấy tay ôm lấy ngực nhưng sự miễn cảm của Lưu Bang, ngay trong khoảnh khắc đó đã chiến thắng cái phản xạ tự vệ tự nhiên vô ý thức hầu như khó ai vượt qua được đó. Vết thương thì ở ngực nhưng cứ mặc kệ, lại ôm

lấy bàn chân, gào: "Tên vua ngổ ngược kia đã bắn trúng bàn chân ta!" Thật đáng khâm phục biết dường nào! Từ đó có thể hiểu được đủ rằng Lưu Bang chỉ chụp lên đầu cái mũ trí thức nhưng các bậc kẻ sĩ trí thức có năng lực đều cam lòng phục vụ ông ta; Sở và Hán đánh nhau trên 70 trận, Lưu Bang bị bại trận nhiều lần, nhưng không bị mất nước, còn Hạng Vũ thì đã bại trận là mất luôn thiên hạ. Điều kỳ lạ đó, tự nó đã nói nên cái nguyên nhân sâu xa của nó. Bởi Hạng Vũ là con người nông nổi. Cũng chính vì vậy, Hạng Vũ cho đến khi chết vẫn chưa tỉnh ngộ ra, còn nói: "Trời làm hại ta, làm cho ta thất bại chứ đâu phải là do chiến tranh!" Đối với việc này, Tư Mã Thiên cũng vô cùng cảm khái: ông vô cùng tiếc rẻ cho Hạng Vũ. Ông phá lệ làm "bản kỷ" cho Hạng Vũ, không những thế, còn đặt "Hạng Vũ bản kỷ" trước cả "Cao tổ bản kỷ", vẫn chưa thỏa mãn, trong "Hạng Vũ bản kỷ", ông còn bình thêm:

Ta nghe Chu Sinh nói: "Mất vua Thuấn có hai con người", lại nghe nói Hạng Vũ cũng có hai con người. Phải chăng Vũ là con cháu của ông ta? Sao là nổi lên nhanh chóng như vậy! Nhà Tần làm hỏng mất chính sự, Trần Thiệp đầu tiên khởi nghĩa, hào kiệt nổi lên như ong, tranh giành nhau không thể kể xiết. Hạng Vũ trong tay không có quyền hành gì, thừa thế nổi lên nơi hoang dã, trong ba năm liền đem năm nước chư hầu để tiêu diệt Tần, phân chia thiên hạ, phong các vương hầu, ban ra chính lệnh và tự xưng là "bá vương", địa vị tuy không trọn vẹn nhưng từ tận cổ đến nay chưa có người nào như thế. Đến khi Vũ bỏ Quan Trung, nhờ đất Sở, đuổi Nghĩa đế để tự lập, thế mà lại trách cứ vương hầu phản mình thì thực cũng khó vậy. Tự khoe khoang công trạng, chỉ dùng cái trí của mình mà không chịu bắt chước người xưa, nói rằng có thể lấy vũ lực dẹp yên thiên hạ, dựng nghiệp bá vương, nhưng chỉ được năm năm thì mất nước, xác ở Đổng Thành, thế mà còn chẳng tỉnh ngộ,

không tự trách mình, thật là có lỗi. Lại còn có câu "Trời hại ta chứ không phải đánh không giỏi, há chẳng lắm sao!".

Tư Mã Thiên đã đúc rút ra mấy sai lầm lớn của Hạng Võ "Lung Quan công, lòng nước Sở, lưu đầy Nghê đế và tự lên ngôi". "Tự cho mình là tài giỏi, làm theo ý mình mà không chịu theo gương người xưa". "Muốn dùng vũ lực chinh phục bá chiếm thiên hạ". Tất cả những điều đó lại tỏ đậm thêm tài năng lãnh đạo trác việt của Lưu Bang. Chẳng hạn như việc bị tên ở ngực mà lại ôm lấy bàn chân kêu, tuy đó chỉ là cái cơ trí mẫn cảm tức thời, nhưng cử chỉ trong khoảnh khắc đó, không những phải thắng cái đau vì bị thương, mà còn phải thắng nổi cái phản xạ tự vệ vô ý thức theo quy luật sống của sinh vật, cho nên không thể nào cao bằng cùng với những sự nhanh trí láu cá khác được. Phàm là những loại mưu kế lấy cái đúng thay cho cái không đúng, lấy cái thật làm rồi loại cái giả, dù rằng chủ đề giải nguy tại chỗ, tức thời, ngay lúc đó nó đã chứa không biết bao điều mới, việc trừ đi tính lại thì cũng chẳng có liên quan gì.

Đại tướng Tây Ngụy Bắc Triều Vũ Văn Thái trong một trận giáp chiến với Đông Ngụy chẳng may bị tên bay đạn lạc trúng phải từ trên mình ngựa ngã lộn nhào. Tướng sĩ dưới quyền thấy chủ soái ngã ngựa, không biết vì cớ gì vô cùng hoảng loạn, ùn ùn kéo nhau tháo chạy, chỉ còn lại một mình Lý Mục. Lúc đó, quân Ngụy đã đuổi đến Lý Mục vội vàng lấy cán roi ngựa gõ vào đầu tướng Vũ Văn Thái, quát: "Người thật vô dụng, chủ soái của nhà ngươi đâu? Sao lại bỏ rơi nhà ngươi ở đây?!" Quân Ngụy nghe thấy thế tướng thật, thả họ ra. Quân Ngụy vừa đi khỏi, cả hai người cùng lên một con ngựa tháo chạy. Bị trúng tên, quân lính đã bỏ chạy hết, liều mạng chống lại thì không thể được, xin xỏ thì cũng chỉ uống công, chỉ còn cách đáng lộn sông biển chủ thành tở, tở thành chủ là

thượng sách. Khi hiểm nguy ập đến, việc bảo toàn sinh mạng mà thực hiện được, công đức ấy sẽ ghi lại muôn đời.

Nhà đại thủ pháp thời Đông Tấn là Vương Hi Chi, lúc còn nhỏ rất được danh tướng Đông Tấn, Kinh Châu mục Vương Đôn yêu quý, vì vậy thường hay ngủ lại nhà Vương Đôn. Một lần, Vương Hi Chi cùng Vương Đôn và Tiễn Phượng uống rượu đêm. Qua ba tuần rượu liền xin phép đi ngủ trước vì say. Vương Đôn và Tiễn Phượng bàn về việc dấy binh lật đổ triều đình. Lúc ấy, Vương Hi Chi còn chưa ngủ, nghe lỏm được câu chuyện của hai người, lấy làm kinh ngạc lắm: nhận thấy cảnh ngộ của mình giờ đây rất nguy hiểm, liền nôn mửa ra làm dây bẩn cả đầu vờ như ngủ quá say. Vương Đôn đang thao thao bất tuyệt, bỗng dưng sực nhớ ra Vương Hi Chi còn ở trong phòng, bèn chúng hoảng hốt, định giết chết Vương Hi Chi để bịt đầu mối. Nhưng khi hai người vén màn lên xem thấy Vương Hi Chi nôn mửa tung toé, và đang ngủ rất say, thì yên trí và bỏ ý định giết anh ta để bịt đầu mối. Sáng hôm sau Vương Hi Chi, lấy cớ còn về bái vọng bố là Vương Thụ, xin phép Vương Đôn ra về. Về đến nhà, Vương Hi Chi bèn thưa lại âm mưu của Vương Đôn và Tiễn Phượng với bố, Vương Thụ và Vương Đạo lập tức biểu tấu lên triều đình, để triều đình nắm chắc giành thế chủ động.

Wang Hi Chi không những có bản lĩnh lấy cái giả vờ như thật, mà còn giỏi biến cái thật hoá mù thành cái giả nữa.

Thái úy nhà Tấn Khích Giám rất mực yêu quý con gái của mình, quyết kiếm cho cô ta một tấm chồng xứng đáng. Nghe nói con trai của Tư đồ Vương Đạo và lũ cháu của ông ta khí độ bất phàm, bèn nhờ một cậu học trò làm mối giúp. Người học trò này đến nhà Vương Đạo, sau khi nói rõ lý do, Vương Đạo liền mời ông ta đến sương phòng phía đông để xem mặt. Người học trò này xem

mặt xong quay về nói với thầy giáo mình là Khích Giám: "Mấy cậu ấm nhà họ Vương đều khá, nghe tin ngài cho tôi tới xem mặt chọn rể hiền, thì người nào người này không ai bảo ai đều ra sức giải toán số để tỏ rõ phong độ của mình. Nhưng chỉ có một người khác với mọi người nằm ồm bụng ở giường phía đông chỉ chăm chú vào thức ăn của anh ta, không cần để ý đến ai khác!". Khích Giám chăm chú lắng nghe, đợi cho cậu học trò kia nói xong, phân khởi nói: "Chính cái cậu ấm nằm phơi bụng đó là người mà ta cần chọn làm chàng rể!" Khích Giám vẫn chưa yên lòng, lại đích thân đến xem mặt, quả nhiên mãn nguyện, vui vẻ gả con gái cho anh ta. Cậu ấm ấy chính là cháu của Vương Đạo, tên là Vương Hi Chi.

Khích Giám đích thân xem mặt Vương Hi Chi, có phải là để so sánh mấy cậu ấm nhà họ Vương với nhau hay không? Sách sử không ghi rõ. Việc nằm phơi bụng của Vương Hi Chi làm người ta trở mặt, nhưng lại để lại một ấn tượng sâu sắc trong lòng Khích Giám. Lần ấy vì vội vàng đi xem mặt Vương Hi Chi, để mục sở thị, nhìn tận mắt, e rằng không để tâm xem mặt mấy người khác được! Sự cao minh sáng suốt của Vương Hi Chi chính là ở chỗ này đây. Tiêu chuẩn chọn chàng rể đâu phải như thi thư pháp, cũng chẳng giống như đua tài, thơ phú, đồng trang đồng lứa, đều là những cậu ấm tuấn tú thông minh, tại sao Hi Chi lại lẩn át được mọi người? Chi bằng hãy tỏ ra ngược ngạo, mọi người thì tỏ ra "chân" còn ta thì tỏ ngược lại, có vậy mới làm cho người ta để mắt tới. Giả dụ như Vương Hi Chi cũng biểu hiện mình như mọi người: Nghiêm túc, khăn áo chỉnh tề để tỏ ra là người có phong độ thì chắc gì đã nhanh chân hơn người khác, mà còn có thể khiến người ta còn nghi ngại. Từ đó suy ra, khi cần biểu thị "chân tướng" của mình thì lại cho người ta thấy cái "giả tướng" cũng có công hiệu đặc thù của nó. Đương nhiên, nếu là họ mót của người khác, muốn làm rể người ta

mà cứ nằm ngửa phơi bụng ra đó mà chờ, mà đợi, e tăng rồi cũng thất bại mà thôi.

Thời Đường Hiến Tông, Lý Tố phụng mạng cầm quân thảo phạt Ngô Nguyên Tế. Mới đầu Lý Tố điểm quân nhận thấy tinh thần quân sĩ hoang mang, sĩ khí thấp, bèn nói "Thiên tử thấy ta nhu nhược, mới cho ta đến đây, nếu nói về đánh nhau phải giành thắng lợi, thì lực ta e bất cập, các anh chỉ cần giữ yên cương thổ, thì cũng đủ để ta báo mệnh trời rồi. "Tất cả tướng sĩ nghe vậy cứ tưởng là thật, an tâm nhận lệnh. Lý Tố đi kiểm tra binh sĩ, động viên cổ vũ họ, không tỏ ra khe khắt. Có người khuyên Lý Tố, cần phải lấy việc người tiền nhiệm trị quân bắt nghiêm làm gương, phải nghiêm khắc huấn luyện quân sĩ, Lý Tố trả lời: "Tiền nhiệm là thượng thư họ Viên, trị quân bắt nghiêm, cho nên sự cảnh giác của quân địch cũng bị buông lỏng theo. Nếu chúng biết, ta mới về thay, chưa nắm được đầu đuôi xuôi ngược thế nào, nhất định chúng sẽ tăng cường phòng bị. Nhưng nếu ta cứ để nguyên nhất nhất như thời tiền nhiệm, ổn định được địch tình làm cho chúng sơ hở, không lo phòng bị, có thể bất ngờ tấn công ta mới giành được thắng lợi!". Ngô Nguyên Tế thấy Lý Tố không hề có biểu hiện gì khắt khe với binh sĩ, chỉnh đốn lại quân đội, thì thờ phào nhẹ nhõm, không để ý gì tới Lý Tố nữa. Chính lúc ấy, Lý Tố chiêu hiền đãi sĩ tăng cường rèn luyện binh sĩ, và cho người sang phía Ngô Nguyên Tế trinh sát nắm tình hình quân Ngô Nguyên Tế khá tường tận. Nửa năm sau, Lý Tố thấy tinh thần sĩ khí đã khá, bèn dâng sớ xin triều đình cho thảo phạt nước Ngô. Lý Tố càng đánh càng thắng. Uy thế ngày một cao.

Người ta thường bảo: "Tân quan thượng nhiệm tam ba hỏa" (quan mới thường đốt ba ngọn đuốc), ý là củng cố quyền uy, khích lệ ý chí chiến đấu. Riêng Lý Tố thì lại khác, lặng lẽ, chẳng nhóm lên bó đuốc nào cả: nói trắng ra là chỉ mềm dẻo nhẹ nhàng, đối với

tướng sĩ quan tâm chăm sóc, có thể nói, về mặt này ông đã tận tâm tận lực. Người tiền nhiệm của ông quản lý quân không nghiêm, đến lượt ông thay thế, bản thân điều đó đã đủ làm cho đối phương cảnh giác đề phòng; nếu khuếch trương thanh thế, quân quân chặt chẽ hơn nghiêm khắc hơn, há chẳng phải là làm cho địch thủ sẵn sàng xung trận cứ như sắp đánh nhau với đại quân địch? Binh pháp có câu: "Xuất kỳ bất ý, công kỳ vô bị" (ra tay vào lúc bất ngờ đánh vào lúc địch thủ không chuẩn bị trước). Khi mà đối phương đã cảnh giác, sẽ ra sức đề phòng, từ cọng cỏ ngọn cây cũng sẽ đều là lính, thì làm gì có chỗ bất ngờ để đánh, có chỗ sơ hở để "công"? Cái tin của Lý Tố, chỉ mình ông biết (độc lập độc hành), không hề lộ ra ngoài, đối xử với binh sĩ chân thành, tuy có nghiêm nhưng rộng rãi, giữ nguyên tính tư duy của đối phương tạo thành cái thế: "Xuất quân bất ngờ, địch không sao chuẩn bị để phòng kịp", vì thế thắng hết trận này đến trận khác, khiến giặc trở mắt đứng nhìn, ù tai mất vía. Hãy quay lại bàn về chủ thể của mưu kế, cư xử với binh sĩ chân thành dù tỏ ra không có uy cũng thành như có "uy", tỏ ra mình yếu để làm lơ lỏng địch. Không mạnh thì cũng mạnh. Thực hiện mưu kế này đơn giản, nhưng cấu tứ có phần nhiều khi khó hiểu, nếu không phải là người tài hoa, thì khó lòng lấp lánh ánh linh quang như vậy.

3. LẤY CÁI GIẢ LÀM RỐI LOẠN CÁI GIẢ

Dùng cái giả để làm rối loạn cái giả là sự thực sự câu thị lấy cái giả làm khách thể của mưu kế, làm cho khách thể của mưu kế không tin đó là mưu kế đánh lừa.

Năm Nguyên Hưng thứ hai của Tấn An đế (năm 403 sau công nguyên), đại tướng Hoàn Huyền xưng đế chống lại nhà Tấn. Năm Nguyên Hưng thứ ba, bộ tướng Hoàn Huyền là Hà Đam Chi cùng

tướng lĩnh Thảo Huyền là Hà Vô Kỵ, Lưu Đạo Quy chạm trán ở châu Tang Lạc. Chiếc thuyền mà thường ngày Hà Đạm Chi vẫn đi "vũ nghi lâm tập" cờ xí ợp trời. Hà Vô Kỵ thấy vậy, nói với các bộ tướng: "Chắc chắn tướng giặc Hà Đạm Chi không đi trên thuyền này, đây chỉ là cái kế trá hình mà thôi. Chúng ta chờ để lỡ thời cơ, phải tấn công ngay thuyền này.

Các tướng lĩnh không sao hiểu nổi, hỏi lại: "Tướng giặc đương nhiệm không đi trên chiếc thuyền ấy, thì công phá chiếc thuyền ấy để làm gì?" Hà Vô Kỵ trả lời: "Địch thì đông, ta thì ít, chúng ta phải hiệp sức đánh ngay nếu không, thì đừng hy vọng toàn thắng. Hà Đạm Chi tuy không đi trên thuyền này, ắt sức chiến đấu quân sĩ trên thuyền này cũng yếu, ta lấy thế mạnh đánh yếu, thuyền địch tất sẽ tan; mà thuyền này đã bị đánh bại, sẽ làm nhụt sĩ khí giặc, đồng viên được sĩ khí quân ta, khi sĩ khí quân ta được nâng lên thì hiện địch tuy đông nhưng rồi sẽ yếu, ta hiện tuy ít nhưng rồi sẽ mạnh lên, lấy mạnh đánh yếu, tất sẽ tất thắng, là lẽ đương nhiên. Các tướng lĩnh gật gù cho là phải. Tiếp đó cho quân tinh nhuệ tấn công thuyền và hô to: "Hà Đạm Chi đã bị bắt!" Quân sĩ Hà Đạm Chi hoảng sợ hồn kinh hãi, sĩ khí tiêu tan, không còn tâm sức tiếp tục chiến đấu. Còn quân lính Hà Vô Kỵ lại tràn đầy lòng tin, quân uy đại chấn, thừa thắng truy kích, càng đánh càng mạnh. Quân Hà Đạm Chi tan rã hoàn toàn.

Hà Đạm Chi dựng lên chiếc thuyền chờ chủ soái làm kế nghi binh, ý là đánh lạc hướng đối phương làm cho đối phương mất phương hướng, và vì thế mà rơi vào thế bị động. Nhưng không ngờ rằng chính cái kế ấy cũng có thể nghi binh địch mà cũng có thể làm địch nghi ngờ. Hà Vô Kỵ tương kế tựu kế, quyết định đánh thuyền "chủ soái" ấy và đồng thời loan tin "Hà Đạm Chi đã bị bắt sống!", từ đó gây hoang mang tinh thần quân sĩ, làm nhụt sĩ khí địch. Đó

chính là "lấy cái giả làm rối loạn cái giả" theo tình thế lúc bấy giờ, quân của Hà (Vô Kỵ) Lưu (Đạo Quy) quân số ít địch sao lại số đông, chính như Hà Vô Kỵ đã khẳng định: "Phải đồng tâm hiệp lực đánh ngay, mới có hy vọng dành toàn thắng". Trong "Bình pháp" (của Tôn tử) có câu: "Lực lượng) Có mười thì bao vây, có năm thì tập kích, (đánh nhanh rút nhanh) có gấp đôi thì đánh (giáp chiến), ngang sức nhau thì xé lẻ, phân hoá địch ra, nếu (quân số) ít thì giữ (thế thủ), nếu không địch nổi thì phải tránh". Từ đó ta thấy: Hà (Vô Kỵ) Lưu (Đạo Quy) có công chèo lái, lãnh đạo chứ không đủ thực lực để giáp chiến. Quân số hai bên đã dàn thế trận, làm gì phân hoá xé lẻ địch ra được nữa, mà làm gì có đường lẩn tránh trong lúc này, làm thế nào để đánh thắng? Cũng may mà óc quan sát của Hà Vô Kỵ rất tinh nhạy, ông ta phán đoán ngay Hà Đạm Chi không đi trên thuyền chủ soái, (lực lượng) ở thuyền chủ soái đó tất nhiên là không mạnh, đã yếu nhưng lại sơ hở không đề phòng. Trong "bình pháp" có chép: "Công nhi tất thủ giả, công kỳ bất thủ dã" (nếu đánh dễ mà chiếm lấy thì phải đánh vào chỗ sơ hở (không giữ, không đề phòng). Hà Vô Kỵ quyết đoán hạ lệnh đánh thuyền đó; đánh ngay làm cho địch trở tay không kịp; đánh ngay lập tức vào thuyền đó, sơ hở (không lo giữ)? thì các thuyền khác cũng không giữ được. Tại sao? khi thuyền chủ soái đã bị đánh tan, thì (quân giặc) như bầy rông không có con chúa, ý chí chiến đấu tiêu tan. Cuộc chiến ấy sẽ thành một "bình lâm kỳ quan" (một trận chiến tuyệt đẹp).

Ngược lại, Hà Đạm Chi đã chiếm ưu thế tuyệt đối, nên đang dương dương tự đắc, nếu như định đi bằng chính cái thuyền chủ soái đó để chỉ huy, thì hà tất phải "vẽ rắn thêm chân" hoa hoè hoa sởi, dựng nên thuyền chủ soái giả.

Lừa người không xong, trái lại còn bị chơi khăm lại, tự chuốc vạ vào thân có lẽ sẽ ôm hận suốt đời.

Nam Yên vương Mộ Dung Bì Đức mở tiệc khoản đãi quần thần, qua ba tuần rượu. Mộ Dung Bì Đức hỏi: "Trẫm so với các bậc đế vương khác thuộc loại nào?" Thanh Châu Thích sử Cúc Trọng trả lời ngay: "Bệ hạ là trai trung hưng thánh chủ, có thể sánh cùng Thiếu Khanh, Quang Vũ". Mộ Dung Bì Đức nghe những lời quá lỗ ấy lúc nhìn xung quanh, quần thần vẫn im lặng. Mộ Dung Bì Đức lập tức dặn dò ban thưởng cho Cúc Trọng một ngàn tám mươi. Cúc Trọng ngạc nhiên quá, thấy nhà vua ban thưởng quá hậu, tìm cách từ chối không dám nhận. Mộ Dung Bì Đức cười rằng: "Nhà ngươi châm chọc ta rất thiện nghệ, lẽ nào ta lại không trêu chọc lại nhà ngươi được hay sao? Nhà ngươi nói quá sự thật, cho nên ta cũng đùa lại để trả đũa ấy mà!"

Một mảnh đất hẹp cắt cứ thành một nước nhỏ Nam Yên, mà tăng bốc lên nào là "Trung hưng thánh chủ"! Cúc Trọng gọi Mộ Dung Bì Đức là trung hưng thánh chủ, công lao có thể sánh cùng Thiếu Khanh, Quang Vũ. Tuy nói quá lên, nhưng Mộ Dung Bì Đức vị tất đã thích nghe, huống hồ chỉ lại được xưng vương nhất thời, hùng chiếm một phương cũng chẳng có gì là lạ. Nhưng nhìn trước ngó sau, quần thần im bất, như thế, sự tăng bốc ấy khác xa sự suy nghĩ của các quần thần: lòng tự trọng của nhà vua bị tổn thương, đó là một pha làm người ta ngượng chín mặt! Mộ Dung Bì Đức quả xứng đáng là một người chủ của một nước, trí lực quả siêu phàm, ông ta lựa sóng xô thuyền, ông ta đã vờ thưởng một ngàn tám mươi để xô lại Cúc Trọng, mà cũng nhờ đó, ông đã thoát khỏi pha khốn quẫn đó, quả là tài ba, nhanh trí, mà cũng rất tự nhiên!

Mặc dù, Mộ Dung Bì Đức, bề ngoài đã trả đũa được Cúc Trọng, bằng cách trừng phạt kẻ nói dối, kẻ thói phồng, nhưng trong thâm tâm e rằng vẫn nghĩ ta vẫn là Trung Hưng Thánh Chủ, nếu không thì tại sao lại đặc trí hỏi các quần thần về vấn đề ấy?

Đại tướng Đông Tấn Lưu Dự đưa quân lên phía Bắc thảo phạt Nam Yên. Quân Nam Yên yếu, không địch nổi, từng chạng một đều phải chịu thất bại. Lui đến Quảng Cố, hiện là vùng tây bắc huyện Ích Đô tỉnh Sơn Đông, bị quân Đông Tấn bao vây, tình thế rất nguy ngập. Quốc vương Nam Yên vội cho người đến cầu viện Hậu Tấn. Quốc Hậu Tấn là Diêu Hưng lập tức cho sứ giả đến uy hiếp quân Lưu Dự: "Tân và Yên là hai nước láng giềng hữu hảo với nhau. Nay, nếu quân Tân áp sát biên giới, nước Yên có nguy cơ mất nước nay mai, thì nước Tân quyết không giữ áo khoanh tay đứng nhìn. Nhà Tân đã cho mười vạn thiết kỵ đồn trú ở Lạc Dương, nếu quân Tân không rút về phương Nam, Tân quốc tất sẽ đánh thốc vào, một sông một cùn cùng nước Yên" Lưu Dự trả lời dối chọi như thách thức sứ giả: "Hãy về nói lại với Diêu vương, sau khi ta đánh Yên quốc, sẽ cho binh sĩ nghỉ ngơi ba năm sau đó sẽ tiến thẳng lấy đất Quan Lạc. Nếu nhận rõ thế cơ, thì hãy mau chóng xin hàng, xin nhà Tân cho xưng thần". Sứ giả nhà Tân thấy uy không xong, phản trí bỏ đi. Nước Hậu Tấn do quốc vận khó khăn, mãi đến khi Tân diệt Nam Yên, cũng không thể xuất quân cứu Yên.

Thoạt tiên, mưu thần Lưu Dự là Lưu Mục nhận được tin Lưu Dự nổi giận lôi đình với sứ giả nhà Tân thì rất ngạc nhiên, hỏi Lưu Dự "thường ngày, dù việc lớn việc nhỏ người đều cho phép hạ thần tham gia ý kiến, nay việc có liên quan với nước Tân cần thiết phải xử lý một cách thận trọng, sao người lên thịnh nộ như vậy? Doạ dẫm uy hiếp không những không làm sao moi gan moi mật được chúng, mà có khi còn làm cho địch từ chỗ bị mất mặt hổ thẹn chuyển thành cơn phẫn uất nổi khùng thì khôn. Nếu không thể tấn công ngay vào Quảng Cố. Đại quân Tân tới tiếp viện, thì biết làm sao?" Lưu Dự bật cười ha hả: "Cơ mưu của nhà quân sự, đâu phải ai cũng hiểu được. Thử nghĩ xem, việc quân cơ quan trọng hơn cả là cái thần tốc.

Nếu quả thật quân Tần có thể tiếp cứu được. Thì phải giữ bí mật không để lọt tin ra ngoài, lẽ nào lại còn cử sứ giả đến báo tin cho ta, để ta chuẩn bị trước? Quân Tần đã ngấm ngấm chuẩn bị từ lâu, nay mà tiến hành bắc phạt, thế tất không gì cản nó. Quân Tần như con chim đang bị nhả bắn, e khó giữ nổi thân mình, hơn nữa Tần Hạ vương Lưu Bột đã nổi dậy chống nhà Tần. Thù trong giặc ngoài, rồi như canh hẹ, việc trong nhà còn lo chưa nổi, còn lo cho người khác? Cho sứ giả liều mạng đến đây chẳng qua cũng chỉ để phô trương thanh thế mà thôi!. Lưu Dụ sau khi phân tích thấu đáo đã đoán chắc chuyện nhà Tần xuất binh cứu Yến là giả, việc uy hiếp dọa dẫm là thật, cho nên Lưu Dụ mới dám mạnh mẽ, trấn áp sứ giả nhà Tần.

Kiểu lấy cái giả để làm rối loạn cái giả khác, lấy cái giả để đối phó lại cái giả đó không những được sử dụng trong đấu tranh chính trị quân sự. Mà ngay trong cuộc sống thường ngày êm ấm cũng thường gặp làm phong phú, điểm tô cho cuộc sống càng thêm lý thú.

Nguyên Phù thời Bắc triều, sinh hoạt thông minh, người lùn đầu trọc thích uống rượu. Chu Văn đế đặt trong phòng mười chum rượu, trên chum kê cái đầu, trên đầu đội thêm cái mũ, Chu đế muốn mượn cái hình dáng đó để ví với người trọc tức Nguyên Phù, Nguyên Phù bước vào phòng, nhìn thấy thế nói: "Người anh em của tôi ơi, sao lại vô lễ thế, tại sao lại lên vào vương thất, sao lại dám ngồi đối diện thế này về đi thôi". Nói xong, cầm lấy chén rượu ra về. Chu Văn đế phải tay cười ha hả.

Thật là trong trò chơi khăm này lại có trò chơi khăm khác lồng vào đó. Lý thú là ở chỗ đó. Chu Văn đế dụng mười chum rượu ý trêu chọc Nguyên Phù. Trong sự trêu chọc mỉa mai lại mang màu sắc ngịch ngỗ, trong cái đùa vui lại chứa cái đáng cay. Rơi vào

cảnh ngộ như vậy, nếu là mình chắc bạn cảm thấy vô cùng khó chịu như ăn phải con nhặng xanh.

Nhưng Nguyên Phù thì lại hoan hỉ như điên, tự coi mình như cái chum kia phá tan cái không khí căng thẳng tạo thành cái tự nhiên, nhẹ nhàng, thoải mái, thế rồi trên tay dắt con dê, bê chén rượu bỏ về. Vừa cởi mở thoải mái tự nhiên mà cũng rất dí dỏm. Chu Văn đế làm sao không bật cười? Cách xử sự tuyệt diệu mà cả hai phía vua tôi đều có thể chấp nhận được đó quả là ý nhị thâm thúy. Chu Văn đế cười người không xong mà còn bị người cười cho; Nguyên Phù cười ha hả tương như tự cười mình thì lại chính là cười người. Hiệu ứng tâm lý như vậy có cái hay là hiệu thế nào cũng được, vì thế tiếng đồn cứ lan ra mãi

Thời Nam triều Tống Văn đế có lúc đi câu ở Thiên Trì câu mãi mà chẳng được gì, đã thấy chán nản. Vương Cảnh Văn ở gần đấy thấy chúa thượng không vui liền pha trò: "Người đi câu thanh bạch quá thì làm sao hấp dẫn được kẻ háu ăn". Văn đế vô cùng vui vẻ.

Vương Cảnh Văn tỏ ra thông cảm, vui vẻ, an ủi Văn đế: "Chớ nên chán nản, ngày mai lại đi câu, chắc là sẽ được nhiều hơn".

Nếu nói: "Cá đâu có ngu như lợn" cũng là một cách an ủi, nhưng nếu nói như vậy, sẽ làm cho Văn đế từ chán nản chuyển thành tức giận, khi về cung biết đâu phải giết mấy kẻ dầy tớ đòi đòi gai mắt mới yên, cũng thật khó nói chắc. Đối xử với người ta thanh bạch đơn giản và câu chẳng được cá là hai chuyện rầu ông nọ cảm cảm bà kia, có liên quan gì tới nhau đâu. Vương Cảnh Văn không hề lấp liếm, nói dối nhưng nhận ngay là nói dối, lại đạt được hiệu quả. Tuy Văn đế, về lý trí không bị mắc lừa nhưng tâm cảm không bị xúc phạm. Nguyên nhân nào vậy? Là con người chứ đâu phải là

cái cây ngon có ai mà chẳng có tình cảm. Khi tình cảm bị xúc phạm, thì con người dễ bị sinh ra khó tính, thường hay suy diễn, hiểu nhầm, kẻ phạm phu tục tử thế đã đành, mà đâu có hiền nhân quân tử đi nữa, cũng chẳng làm sao tránh được, huống hồ Tống Văn đế?

Thời Tề Cảnh công con ngựa được Tề Cảnh công yêu quý nhất tự nhiên lan dùng ra chết. Tề Cảnh công tức giận lắm, ra lệnh xử trăm người trông ngựa. Lúc ấy, Yến Tử đang chầu, ung dung nói: "Người trông ngựa có tội đáng chết, nhưng cần phải cho anh ta biết rõ anh ta chết vì tội gì? xin cho phép thần điếm lại những tội của anh ta rồi sau đó có đem anh ta đi xử trăm cũng không muộn". Tề Cảnh công nói: "Được thôi". Yến tử lại gần người trông ngựa nói: "Nhà ngươi có ba tội. Thứ nhất người chăn ngựa cho nhà vua không chu đáo, đến nỗi ngựa đột nhiên lan dùng ra chết. Thứ hai, làm cho nhà vua vì bị chết ngựa mà phải giết người. Thứ ba, nhà vua chỉ vì một con ngựa mà giết người. Mọi người nghe luận tội xong chắc chắn sẽ oán trách nhà vua, các chư hầu sau khi nghe luận tội xong tất sẽ khinh miệt nhà vua. Còn bây giờ thì phải trị tội nhà ngươi" Tề Cảnh công vội vàng nói:

"Thôi, hãy tha ngay nó ra, nếu không ta sẽ mang tiếng bất nhân".

Yến Tử là một biện sĩ nổi tiếng thời Chiến quốc, nghệ thuật ngôn ngữ của ông ta thu phục được tất cả các chư hầu; lừng danh khắp thiên hạ. Lần ấy, Tề Cảnh công vì tiếc ngựa, không kiềm chế được nổi cơn thịnh nộ. Nếu Yến Tử phạm thượng trực tiếp can gián thì khác chi lửa cháy thêm dầu, hậu quả thế nào chẳng cần nói thì mọi người cũng rõ. Nhưng không thế không can ngăn được làm thế nào? Tề cảnh công thì đang nổi giận dùng dùng, thần kinh đang căng thẳng cao độ cho nên việc làm giảm nhẹ sự căng thẳng tâm lý

là khâu đột phá để can gián nhà vua. Yến Tử đã lần mò ra điều mấu chốt, nói: "Người trông ngựa đáng chết". Câu nói này đã làm Tề Cảnh công tưởng là mình đã giành được sự đồng tình ủng hộ từ đó giải toả được sự căng thẳng về tâm lý. Tiếp đó, dẫn dắt để rồi dẫn tới điều ngược lại. Tề Cảnh công dù vẫn còn hậm hực, nhưng đã bị những lời nói dí dỏm ý nhị của Yến Tử làm cho tiêu tan hết, đến lúc này dù muốn cũng không sao nổi câu được nữa.

4. LẤY CÁI THẬT LÀM RỐI LOẠN CÁI THẬT

Lấy cái thật làm rối loạn cái thật là loại mưu kế mà chủ thể mưu kế "thực sự cầu thị", lấy sự thật gán cho khách thể của mưu kế rồi từ đó mê hoặc khách thể của mưu kế, làm cho họ không tin rằng chính họ là thật.

Năm thứ hai Kiến Vu Tề Minh đế thời Nam triều (năm 405) đại tướng Bắc Ngụy Thạc Bạt Hiên hạ Anh tung quân ở vùng Hán Trung khu nhà Tề. Đánh thắng liên tục tiến thẳng áp sát Nam Trịnh. Lương Châu Thích sử Tiên Ý cố thủ trong Anh thành. Thạc Bạt Anh vây hãm thành, hàng chục ngày. Sau đó, Hiếu Văn đế nước Ngụy lệnh cho tất cả quân sĩ đang đánh về phía Nam phải rút quân về miền Bắc. Thạc Bạt Anh ra lệnh cho quân sĩ già yếu bệnh tật, thương binh rút trước, còn bản thân mình dẫn quân tinh nhuệ đi đằng sau cùng đồng thời cho sứ giả vào thành từ biệt Tiên Ý. Tiên Ý ngạc nhiên chẳng hiểu ra làm sao, sinh nghi, cho rằng Thạc Bạt Anh đang chơi kế nghi binh: tiếng là bỏ vây, nhưng thực là dụ ta ra khỏi thành. Vì vậy, cho bố trí nhiều trạm đi thăm dò tin tức, đóng cửa thành không đánh nhau. Một ngày sau khi quân Ngụy lui quân; Tiên Ý vẫn đóng cửa thành im im. Hai hôm sau, mới chợt nghĩ ra vội vàng cho truy kích, thì Thạc Bạt Anh đã đi xa, không sao đuổi kịp, đành phải thu quân.

Thông báo quân cơ cho đối phương, quả là chuyện hiểm thấy từ xưa tới nay! Dám nói dám làm, không dấu diếm che đậy cho mọi người biết rõ điều cơ mật đối với các nhà binh lược quả là chuyện lạ! Chẳng trách mà Tiên Ý đâm nghi, không tin. Cuối cùng bằng lối tư duy chính hướng truyền thống mới đoán ra Thạc Bạt Anh đã lộ rõ quân cơ làm kế trá binh. Đo ngược chiều với thực tế, làm sao biết được Thạc Bạt Anh đã vận dụng phép tư duy ngược chiều, mục đích của việc "lộ rõ quân cơ" là để làm cho đối phương không tin, để rồi từ đó giữ kín được điều cơ mật. Sự cao thủ của Thạc Bạt Anh chính là buộc Tiên Ý phải cài gián điệp vào quân Bắc Ngụy để khóa mồm đối phương lại.

Đó chính là cho người ta biết cái thật. Nhưng lại làm cho người ta không tin là "thật" đôi khi lại cho người ta biết cái thật, để làm người ta tin là "thật".

Danh tướng nhà Hán là Trần Bình, đã từng lâm vào cảnh trên đường tháo chạy mang theo bảo kiếm, qua sông người lái thuyền thấy Trần Bình bẻ ngoài đường bẻ, lại chỉ đi một mình, nghi rằng ông ta là tướng lĩnh chạy trốn, lưng lại dắt dây của quý, vàng, ngọc châu báu, bất giác nổi máu tham nên nhìn trộm Trần Bình luôn, định giết người cướp của. Trần Bình nhìn thấu tâm can người lái thuyền, liền cởi áo, vai trần, chèo giúp người lái đò, sự e ngại của người chèo thuyền mới tiêu tan.

Khi quần áo đã cởi ra, thì thật, giả, hư, thực, thực đều phơi bày ra đó, thật thì không phải là giả, đã thực thì không hư, điều đó không có gì có thể nghi ngờ được. Trong đấu tranh chính trị, hoặc đấu tranh quân sự thì lại không hẳn là thế, tỏ ra là giả, vị tất cả đã là giả, tỏ ra là thật thì chắc gì là thật; Thật nhưng làm cho người ta không tin là thật, đưa ra cái giả nhưng làm cho người ta không tin đó là giả, thiên biến vạn hoá, ai mưu cao người ấy sẽ thắng.

Thời Đông Tấn, Đại tướng quân Vương Đôn chuyên quyền nắm giữ triều chính. Việc trong triều cũng như ngoài triều đều không qua mặt ông ta. Tấn Minh đế bổ nhiệm Ôn Kiêu làm Trung thư lệnh. Vương Đôn nhận thấy Ôn Kiêu không cùng vẫy cánh với mình chuyển ông ta sang làm Tả tư mã, Ôn Kiêu tuy không muốn cũng hội cùng thuyền với Vương Đôn, nhưng lo là Vương Đôn có quyền thế, nên bề ngoài tỏ vẻ vâng dạ, lo tròn bổn phận, đôi khi còn hiến kế và làm những gì mà Vương Đôn muốn, lại tìm cách kết thân với mưu sĩ của Vương Đôn là Tiền Phượng, tán dương Tiền Phượng được giao trọng trách là rất xứng đáng. Ôn Kiêu vốn biết (Tiền Phượng) thích được cất nhắc liền khích lệ bằng những tên đẹp, vì vậy Tiền Phượng vô cùng vui sướng, liền kết thân với Ôn Kiêu may gặp dịp khuyết chức Đôn Dương doãn, Ôn Kiêu bèn thưa với Vương Đôn: "Đôn Dương là yết hầu của kinh sự, triều đình dùng người vị tất phải vừa lòng tất cả mọi người mong quan trên đích thân hỏi thử xem sao"? Vương Đôn cũng đồng cảm, hỏi Ôn Kiêu: "Theo người", thì chọn ai? "Ôn Kiêu không cần suy nghĩ: "Tiền Phượng rất xứng đáng". Tiền Phượng lại tiến cử Ôn Kiêu. Vương Đôn muốn giao cho Ôn Kiêu, nhưng Ôn Kiêu lấy lý do không đủ năng lực, nhiều lần từ chối, nhưng chính vì vậy càng làm cho Vương Đôn thêm quyết tâm, đưa Ôn Kiêu lên làm Đôn Dương doãn, đồng thời trực tiếp giao nhiệm vụ, dặn dò Ôn Kiêu luôn nghe ngóng động tĩnh trong triều đình. Ôn Kiêu lo sau khi được bổ nhiệm, Tiền Phượng sẽ gây sự trước mặt Vương Đôn bèn mượn bữa tiệc tiền đưa do Vương Đôn tổ chức uống nhiều rượu đến say xin mới thôi.

Giữa tiệc rượu, Ôn Kiêu nâng ly tiến tới chỗ Tiền Phượng vờ say, không chờ Tiền Phượng nâng ly, làm rơi khăn của Tiền phượng xuống đất, rồi nghiêm giọng: "Tiền Phượng nhà người là người gì

vậy, Ôn Thái Châu (Ôn Kiếu tự là Thái Châu) đích thân mời rượu mà cả gan dám không uống!" Vương Đôn thấy Ôn Kiếu đã sau đích thân đứng ra giải hoà, mới xong chuyện. Một dịp khác Ôn Kiếu nước mắt mũi ràn rụa, ra ra vào vào, tình cảm quyến luyến ấy đã làm người ta cảm động. Sau khi Ôn Kiếu đi nhận chức, quả nhiên Tiên Phụng tới mách với Vương Đôn: "Ôn Kiếu có quan hệ mật thiết với triều đình, chớ xem thường". Vương Đôn không tin, nói: "Ôn Thái Châu - h ồm qua bị say rượu, có hơi thất lễ với quý ông, nhưng hà tất vì cái chuyện con con ấy mà dèm pha người khác?" Sau khi Ôn Kiếu đến Kiến Khang (nay là Nam Kinh) kinh sư, liền tố giác mưu đồ của Vương Đôn, cùng Dũ Lương vạch kế hoạch thảo phạt Vương Đôn. Vương Đôn nghe tin phẫn uất lắm: "Ta đã bị tên tiểu nhân ấy lừa gạt".

Ôn Kiếu đã dùng cái kế cho đối thủ biết sự thật nhưng lại làm cho đối thủ không tin đó là thật ở chỗ ông khéo léo vận dụng tác dụng của rượu. Rượu vào lời ra, mà rồi cũng hoá chuyện thường, hiền nhân học giả có từ ai. Nhưng trong tiệc rượu mà bị lãng nhục thì cứ ôm nặng canh cánh trong lòng, ai cũng vậy thôi. Ôn Kiếu chớp lấy cái hiện tượng rất bình thường trong cuộc sống thường nhật đó để lấy cớ đổ lỗi: sở dĩ có chuyện ông chẳng bà chuộc đó là do Vương Đôn và Tiên Phụng gây nên. Nếu Tiên Phụng có nói sau lưng cái gì đó, rất tự nhiên Vương Đôn sẽ liên hệ tới chuyện xấu của Tiên Phụng trong bữa tiệc, từ đó sẽ khinh rẻ Tiên Phụng và sẽ khắc ghi thành ấn tượng sự nói xấu sau lưng ấy.

Mưu kế của Ôn Kiếu sao mà kỳ diệu thế!

Thời Thành Đế nhà Đông Tấn, Tô Tuấn lấy danh nghĩa diệt Dũ Lương, người họ hàng phía ngoại, tiến quân vào kinh sư, cả gia tộc Dũ bỏ chạy tan tác. Lúc bấy giờ Dũ Băng làm thái thú quận Ngô, chỉ trốn chạy một mình, như chó cụp đuôi, không chỗ dung

thân, có một người lính dấu ông ta trên thuyền, đưa ông ta ra cửa sông Tiền Đường. Lúc ấy Tô Tuấn đã treo thưởng cho ai bắt được Dữ Băng, tất cả các quân sĩ ven đường đều kiểm tra lục soát nghiêm ngặt. Người lính ấy uống một ít rượu, vờ say, dơ mái chèo nhảy múa lung tung: "Các anh đi những đâu tóm bắt Thái thú? Ông ta đang ở trên thuyền ta đây này!" Dữ Băng đang nấp trên thuyền, nghe thấy thế thì hoảng sợ lắm nhưng biết làm gì được, chỉ đành cầu trời khẩn phật. Bọn lính đi tuần thấy kẻ chèo thuyền là một tên say, vả lại thuyền thì bé, hàng họ thì chẳng có gì, nên chỉ khám qua loa rồi cho đi. Sau này, khi loạn Tô Tuấn được dẹp yên, Dữ Băng nhớ cách tìm người lính đã cứu mình thoát nạn năm nào, hỏi anh ta cần gì, người lính đó trả lời: "Chẳng cần gì sắt, chỉ cần rượu thôi". Dữ Băng đã làm nhà cho anh ta, tặng cho anh ta rất nhiều nô tì, còn rượu thì hết đâu có đó, cho mãi trọn đời.

Cái kỳ diệu mà người lính ấy đã đưa ra cho mọi người biết là sự thật, nhưng lại làm cho người ta không tin đó là sự thật ấy chính là rượu. Kẻ say thì thường lắm nhầm, ai mà tin cho được! Huống hồ đây lại là kẻ tội phạm chạy trốn để tránh bị giết cả họ, việc giữ kín đã là khó làm gì có chuyện la lớn thét như thằng điên thế kia! Đó là cách suy nghĩ của nhiều người. Nhưng mưu kế của mưu kế lại chính là ở cái tâm thường không ai ngờ tới đó. Mỗi một mưu kế đều phải nhắm đúng vào cái chỗ mà không ai ngờ tới, có vậy mới thu được hiệu quả phi thường. Cái gọi là "đi kỳ thế thắng" (lấy cái lạ, cái bất ngờ để tạo ra thắng lợi) chữ "kỳ" tức là không tuân theo thường luật, làm cho người ta không lường trước được.

Đại tướng quân dẫn quân Nam chinh thời Bắc Ngụy là Mạc Dung Bách Diệu từng đưa năm vạn kỵ binh xâm nhập biên giới nhà Tống cướp phá. Hành quân đến thành Vô Diêm (nay là bên trong ranh giới huyện Đông Bình tỉnh Sơn Đông). Mạc Dung Bách Diệu

đột nhiên, ngược với lệ thường, quyết định công thành. Nhiều bộ tướng cho rằng các loại vũ khí thiết bị công thành không đầy đủ, hoàn bị, không thể liều mạng hành sự. Tá Tư mã Lê Phạm hiểu rõ thâm ý của chủ soái, nói: "Quân ta cần gọn nhẹ nhưng lại đi xa, không thể đánh đây đưa kéo dài, tướng đang giữ Vô Diêm tất sẽ cho rằng chúng ta mạo hiểm đến đây để chiếm đất chứ không phải công phá thành, vì thế sẽ không canh phòng cẩn mật. Nếu ta tập kích bất ngờ, không theo lệ thường, bỏ đất mà đánh vào thành, chắc chắn sẽ là đòn bất ngờ trời giáng". Các tướng lĩnh nghe xong mới vỡ lẽ, chỉ huy công thành, thành vỡ.

Khinh quân viễn tập (quân trang bị gọn nhẹ, đi tập kích nơi xa) thì lấy việc chiếm đất là mục tiêu chính, chuyện công phá thành quách là thứ yếu, đó là lệ thường của quân Hồ ở phía Bắc quấy phá Trung Nguyên. Vì thế, người vùng Trung Nguyên cũng hình thành một cách tư duy tương ứng, cố định. Lần ấy, chính do quân Ngụy đã phá lệ, bỏ đất, công phá thành quách, mới tạo được thế bất ngờ, phá được thành thu được đất.

Từ đó, ta thấy việc nhà binh là không có cái gì là thông lệ, nếu nói có thông lệ, thì chính cái thông lệ đó là cái không tuân theo một quy tắc nhất định.

5

MẠNH VÀ YẾU

Mạnh và yếu bao gồm sự nhiều hay ít về số lượng và mức độ tốt xấu về chất lượng.

Phạm trù mâu thuẫn này, được biểu hiện trong các hoạt động xã hội bằng nhiều mặt, nhiều tầng nhiều lớp. Đối với cá nhân, nó được biểu hiện mức độ mạnh hay yếu của sức mạnh vật chất và sự mạnh hay yếu của sức mạnh tinh thần. Sức mạnh vật chất là các loại thế năng tham dự vào các hoạt động của xu hướng tương tự, trình độ văn hoá và tổ chất tâm lý của con người. Nhân tố của con người chính là sức mạnh vật chất và sức mạnh tinh thần hoặc là sự thống nhất hữu cơ giữa tâm và lực. Đương nhiên, muốn khảo sát mức độ mạnh hay yếu của chủ thể mưu kế, còn phải chú ý đến mấy mặt sau: 1 cái hiển hiện và cái tiềm ẩn; 2 trạng thái động và trạng thái tĩnh 3: Cái tự thân và cái đối tỷ (so sánh). Bởi sự mạnh hay yếu không những được biểu lộ ra ở vẻ ngoài dễ nhận thấy, mà còn tiềm ẩn bên trong không dễ gì cảm nhận thấy được; không những thuộc vào trạng thái ổn định tương đối, mà được phát triển biến đổi không ngừng; Không những là sự đối tỷ về sức mạnh của bản thân chủ thể

mưu kế, mà còn là sự so sánh lực lượng giữa hai bên. Cho nên, phải thông qua khảo sát toàn diện mới có thể nắm chắc một cách chuẩn xác mức độ mạnh hay yếu và tỷ trọng của nó.

Cán cân so sánh mạnh yếu của hai đối tượng của mưu kế là một loại tồn tại khách quan. Dù là chủ thể của mưu kế hay khách thể của mưu kế đều có chỗ mạnh chỗ yếu, ưu thế và không có ưu thế. Điểm mạnh ưu thế là cái mạnh, nhược điểm, chỗ yếu là yếu điểm.

Chủ thể của mưu kế nếu muốn xử lý tốt quan hệ giữa cái mạnh và cái yếu thì phải trên cơ sở nhận thức cái mạnh, cái ưu thế, điểm yếu, nhược điểm của bản thân và của đối phương, lựa chọn một cách chính xác, áp dụng những hành động có hiệu quả, làm cho cái mạnh đã mạnh càng mạnh thêm, nếu là nhược điểm thì chuyển hoá thành ưu điểm tiến dần đến mục đích dự kiến phải đạt được.

1. NÓI THÌ CÓ NGẮN CÓ DÀI. LỜI THÌ CÓ KHÔN CÓ DẠI

Tục ngữ có câu "Nước ớt đem chấm đậu phụ, gấp miếng nào trượt miếng đó".

Vạn vật trên đời đã có dài thì phải có ngắn, có mạnh thì phải có yếu, vậy thì, nếu bản thân mà mạnh, thì có thể hạn chế được chỗ yếu, duy trì cái mạnh thì có thể thắng cái yếu. Gốc gác từ nguyên nhân này, chủ thể mưu kế, khi xử lý quan hệ giữa cái mạnh và cái yếu, trước hết phải nhận thức được điểm mạnh điểm yếu, ưu điểm khuyết điểm của bản thân mình. Bất giác làm cho tôi chợt nhớ đến bài thơ Cố Tự Hiệp từ đời nhà Thanh

"Tuần mã năng lịch hiểm

Lực diễn bất như ngư

Kiên xa năng tải trọng

Độ hà bất nhu chu
Xá trường dĩ tị đoán
Trí giả năng vị mưu
Sinh tài quý thích dụng
Thiên vật đa hà cầu
(Tuần mã có thể vượt qua được đường hiểm
Dù là lực diễn cũng chẳng bằng trâu
Xe chắc có thể chở nặng
Qua sông không gì hơn là thuyền
Tham ngẫu bỏ dài
Dù là kẻ tài trí cũng khó có mưu kế gì
Của cải thì giá trị của nó là công dụng của nó
Thận trọng thì chó đòi hỏi nhiều)

Bài thơ này chẳng qua mượn điểm mạnh điểm yếu của con tuần mã, con trâu cày, xe và thuyền để nói lên sự đời. Con người là động vật cao cấp nhất trên thế gian, vì thế là thể tập hợp mọi ưu nhược mạnh yếu. Nếu chỉ nói về tính cách con người, thì có thể chia thành hai loại hình lý trí và tình cảm; cũng có thể chia thành hai loại là nội khuynh và ngoại khuynh, mà cũng có thể chia thành hai loại là thuận tòng và độc lập. Những người thuộc loại hình lý trí, trong các hoạt động xã hội luôn lấy lý trí làm thước đo cho tất cả. Những người thuộc loại hình tình cảm, thì từng hành vi cử chỉ đều dễ bị tình cảm chi phối, có màu sắc tình cảm nồng hậu. Những người thuộc loại hình nội khuynh thì thường tập trung vào các hoạt động nội tâm hay hoang tưởng ít giao thiệp. Những người thuộc loại ngoại khuynh thì luôn cởi mở, hoạt bát, đặc biệt giỏi giao tiếp. Những người thuộc loại thuận tòng thì dễ dàng chấp thuận ý kiến

người khác, luôn luôn chấp thuận quyền thế của người khác đối với mình, thiên về chấp hành chỉ thị của người khác mà chẳng cần phân tích, suy nghĩ. Những người thuộc loại hình độc lập thường có tính kiên định theo ý niệm cá nhân, có những quyết định mang tính độc lập, thích buộc người khác làm theo ý mình. Từ cách phân loại trên đây, có thể nhận thấy, những người thuộc từng loại tính cách, tự nhiên họ đều có những điểm mạnh và điểm yếu nhất định, đều có những ưu điểm và khuyết điểm nhất định. Cũng có nghĩa là có những cái mạnh và những cái yếu chủ thể của mưu kế chỉ có thể xuất phát từ điều kiện đặc biệt của bản thân, phát huy cái mạnh, hạn chế cái yếu mới có thể phát huy đầy đủ hiệu lực của kế sách.

Không những thế, cả hai phía đối tượng của kế sách vẫn tồn tại cân cân so sánh mạnh yếu nhất định, cho nên chủ thể kế sách muốn xử lý các quan hệ mạnh yếu, cần phân tích tỉ mỉ điểm mạnh điểm yếu của khách thể kế sách, đồng thời trên cơ sở đó lấy cái mạnh bổ sung cho cái yếu, vì yếu phải dùng cái mạnh. Trong "Quỷ Cốc tử - quyền thiên" cho rằng "người tài trí thì không sử dụng cái yếu của mình, mà sử dụng điểm mạnh của kẻ ngu, không sử dụng cái vụng dại của mình, mà sử dụng cái mà người vụng làm ra được, có vậy thì mới thuận lợi". Đó là vì nhược điểm của kẻ khôn không thể bằng ưu điểm của kẻ ngu; cái vụng của kẻ khôn không hơn được cái khéo léo của kẻ khờ, cho nên người khéo biết phải biết lợi dụng cái khéo léo của kẻ khờ, người hiểu biết thì luôn luôn có thể sẵn sàng vứt bỏ cái khờ khạo cái nhược điểm của chính mình, tiếp thu cái mạnh, cái hay, cái khéo của kẻ khờ dại, nên khi xử thế, làm việc gì, bao giờ cũng thuận buồm xuôi gió.

Ài cũng vậy, từng người đều có cái hay, cái dở, cái khéo cái vụng của mình, vì thế dùng người quý ở chỗ biết phát huy ưu điểm, khắc phục tránh né khuyết điểm, sử dụng cái khéo léo bù cho cái

dại khờ. Phát huy ưu điểm, có thể khơi dậy phát huy đầy đủ trí năng của họ. Khắc phục điểm yếu có thể giảm nhẹ trắc trở, khúc mắc của họ. Trong thời đại truyền thống, đối với một ông vua thức thời cởi mở nếu thực sự thực hiện được phát huy điểm mạnh, tránh được cái yếu kém, đem cái khéo léo bù đắp cho cái vụng về thì có thể làm cho quần thần ai nấy đều phát huy thế mạnh của mình, ai nấy đều tận tâm tận lực. Về ý nghĩa này, Đường Thái tôn đã chỉ rõ: Thuật dùng người của một minh quân (nhà vua) cũng giống như người thợ mộc khéo léo làm đồ gỗ. Gỗ thẳng thì dùng làm trục, gỗ cong thì đem làm bánh xe, gỗ dày thì dùng làm xà nhà, gỗ ngắn thì dùng làm vòm làm góc. Dù là gỗ cong, gỗ thẳng, gỗ dài, gỗ ngắn, mỗi loại đều có cách dùng riêng của nó. Nhà vua anh minh dùng người thì cũng thế thôi. Người tài thì sử dụng cái mưu mẹo của họ, kẻ vụng về kém cỏi thì sử dụng sức lực của họ, kẻ mạnh gan góc thì sử dụng cái uy của họ, người biết lo thì sử dụng cái tính thận trọng của họ, kẻ mất trí kẻ ngu dốt, kẻ nhất gan, kẻ hùng hổ, tùy trường hợp mà sử dụng, vì vậy lương thần không có thứ bỏ đi, nhà vua sáng suốt thì làm gì không có quân sĩ đặc dụng¹¹.

Đó là một tá chứng hùng hồn của "Nhân tài công cụ luận". Mặc dù nhân tài và đồ mộc là hai thứ khác nhau, mặc dù việc dùng người, và làm đồ mộc là có sự khác biệt, nhưng người thì có khôn, dại, cam đảm, và hèn nhát, cũng giống như gỗ thì có cong, có thẳng, có ngắn có dài. Việc dùng người thì cũng tương tự như việc làm đồ mộc vậy. Trong Hán ngữ hiện đại có câu "Lượng tài lực dụng" nghĩa là căn cứ vào tài năng từng người mà giao việc thích hợp, "Lượng sức mà làm" là căn cứ theo sức mình mà làm, không nên khiên cưỡng làm quá sức. "Lượng nhập vi xuất" là căn cứ vào mức độ thu vào để xác định mức độ chi ra, "Lượng thể tài y" là căn

¹¹ "Đế Phạm", "Tùng thủ tập thành" loại thứ 927.

cứ vào cơ thể cao, thấp, gầy, béo, để cất quần áo. Điều đó được dùng làm tư tưởng chỉ đạo của kẻ sách. Chủ thể của kẻ sách trong trường kẻ sách đặc định, cần phải phát huy đầy đủ những điểm mạnh của chính mình, lấy cái khéo léo bù đắp cho cái đại khờ, chứ đừng trách mắng là đồ bất tài vô dụng. Có như vậy thì dù rằng đó là những người học làm gà gáy học giả chó kêu nhưng nếu biết sử dụng họ thì vẫn được việc, vẫn có thể thu nhận họ đi trừ nguy giải nạn được.

Mạnh Thường quân đi sứ nước Tần. Tần Chiêu vương ngưỡng mộ danh tiếng của ông ta, định mời ông ta làm tướng quốc nhưng nghe các hạ thần dèm pha lại lo ông ta bỏ về nước c bất lợi cho nhà Tần nên giam lỏng ông ta. Mạnh Thường quân liền cầu cứu Kinh Dương quân, người mà trước đây đã bị làm con tin ở nước Tề. Kinh Dương quân lại thông qua Phàn Cơ người được Chiêu vương sủng ái. Phàn Cơ đòi một chiếc áo da chồn trắng, sản phẩm của nước Tề. Mạnh Thường quân chỉ mang theo một chiếc và đã dâng cho Chiêu vương vì thế lúng ta lúng túng chẳng biết làm thế nào. Đúng lúc đó, môn khách nói rằng anh ta có thể kiếm giúp cho một chiếc áo lông chồn trắng đúng như vậy. Điểm mạnh của anh ta là anh nhanh nhẹn, lại có thể giả tiếng chó sủa.

Đêm đó, quả thật anh ta đã giả tiếng chó sủa để đánh lừa gây rối loạn mọi người trong cung đình, rồi lấy trộm chiếc áo lông chồn trắng đó. Phàn Cơ thưa chuyện với Chiêu vương. Chiêu vương đồng ý thả Mạnh Thường quân. Mạnh Thường quân lo ngại sẽ xảy ra chuyện lời thôi, liền thu xếp hành trang lên đường, đến nửa đêm thì đến Hàm Cốc quan. Theo lệ lúc bấy giờ, gà gáy thì mở cửa quan. Mạnh Thường quân đang lúc lòng như lửa đốt, thì một môn khách bỗng dựng giả tiếng gà gáy, làm cho tất cả các con gà ở đó tranh nhau gáy theo. Quan trông coi cửa cứ tưởng là trời sắp sáng, liền

mở cửa cho mọi người qua lại. Khi Tấn Chiêu vương tỉnh ngộ, phát hiện ra, cho người đuổi theo đến Hàm Cốc quan, thì Mạnh Thường quân đã vượt qua biên giới, sang nước khác rồi.

Câu chuyện này, qua hơn một ngàn năm sau, Vương An Thạch phê:

"Mạnh Thường quân phải dựa đám tiếng gà gáy, tiếng chó sủa để củng cố tinh thần sao xứng danh là kẻ sĩ? Nếu không sánh nổi sức mạnh với nước Tấn thì cũng tỏ ra mình là một kẻ sĩ chứ, nước Tề đang án ngữ phía Nam không chế nước Tấn, sao lại nhờ vào sức mạnh của gà gáy và tiếng chó sủa?". Xét từ thực tế lịch sử, lời phê của Vương An Thạch đâu phải vô lý. Nhưng trong tình huống đặc thù lúc bấy giờ, Mạnh Thường quân đang muốn chạy thoát thân khỏi nước Tấn, không có sự hỗ trợ của chó sủa, gà gáy, có lẽ xảy ra nhiều chuyện rắc rối khác nữa. Người ta thường nói: "Dù là ngọn tre, hay ngọn cây cũng đều có ích". Những người trộm cắp đã lấy được áo cầu, mở được cửa, há chẳng đã phù hộ cho Mạnh Thường quân đó sao? Vì vậy, nhiều người sau này bình luận về sự kiện này, cũng có người chống lại ý kiến của Vương An Thạch: "Tục nho đem chuyện gà gáy chó sủa ra kẻ kích Diên Văn, quả là không biết người biết ta. Thử hỏi nếu không có tiếng chó sủa gà gáy thì làm sao thực hiện được".

Năm Kiến An thứ hai mươi. Đời nhà Hán (215) Tào Tháo đưa quân đánh Hán Trung, gửi thư cho Trương Liêu, Lý Điển, Lạc Tiến đang đồn thủ ở Hợp Phì, và ghi chú: "Giặc đến mới mở". Chẳng bao lâu sau, Tôn Quyền đưa mười vạn người, đến vây đánh Hợp Phì. Trương Liêu, Lý Điển, Lạc Tiến bóc thư ra xem, trong thư viết: "Nếu Tôn Quyền tấn công tới, thì hai tướng quân Trương và Lý xuất chiến, Lạc tướng quân giữ thành". Ba vị tướng quân làm theo sự phân công trước đó của Tào Tháo. Trương Liêu, Lý Điển nhân

lúc quân Ngô còn chân ướt chân ráo, chưa ổn định, chọn tám trăm người khoẻ mạnh, đột nhiên xông thẳng vào doanh trại của Tôn Quyền, làm cho quân Ngô trở tay không kịp, sau đó phá vòng vây cố sức giữ Hợp Phì, sĩ khí tinh thần phấn chấn. Tôn Quyền xuất quân không thuận lợi, nhuệ khí bị tổn hao nhiều, bao vây thành hơn mười ngày nhưng không đánh được, đành phải rút lui.

Đó là một minh chứng do việc dùng người của Tào Tháo. Tôn Thịnh một nhà sử học đời Tấn bình luận về chiến dịch này như sau: "Việc giữ Hợp Phì, đường xa sức kiệt, không có tiếp viện, người phụ trách dũng cảm thì hiếu chiến như bệnh hoạn, kẻ phụ trách mà e dè thì e rằng khó giữ được, vả lại họ thì đông còn ta thì ít, tất sẽ sinh ra chán nản; dùng quân dũng mãnh đánh lũ bạc nhược thì tất thắng; thắng rồi lo phòng thủ thì tất sẽ được vững vàng. Thế là dùng Ngụy Vũ, Cử Phương Viên mỗi người một việc khác nhau, ngầm bảo cho họ biết nhưng không nói nhiều về ích lợi của nó. Việc đến thì dùng, nếu tất cả đều phù hợp thì thật là tuyệt diệu". Đây rõ ràng cho rằng Tào Tháo biết chọn người giao việc là một nguyên nhân quan trọng nhất để Hợp Phì được cố thủ trong tình hình lực lượng địch ta mạnh yếu khác nhau.

Con người có thể chia làm hai loại: quần thể và cá thể. Dù cho những người được gọi là cá thể cũng có ưu, có khuyết, có điểm mạnh yếu, thế thì, những người trong quần thể cũng vậy, có ưu, có khuyết, có mạnh có yếu. Mạnh hay yếu vốn dĩ chẳng có gì tuyệt đối, mà là tương đối. Trong một xã hội truyền thống, dân phò thì nhanh nhẹn hoạt bát giỏi giao tiếp tác thù, nhưng lại xảo trá gian狡 không đáng tin, còn bà con ở quê thì ít hiểu biết, nhưng đôn hậu dễ gần. Kẻ làm quan thì học rộng biết nhiều nhưng hay bè phái đấu đá nhau, nhất là đấu chọi trong chuồng trong ổ nhà mình, còn đối với sự cực nhọc lao khổ của dân chúng thì mặc xác, cam phận

làm tên đầy tớ giữ cửa. Vì vậy dù là kẻ thống trị, hay người bị thống trị, đối mặt với dòng người trăm màu ngàn vẻ ấy, nếu muốn quan hệ với họ thì phai nhào nặn, gọt dũa tỉ mỉ cái đạo lý lấy cái khéo bù đắp cho cái vụng. Trong "Thảo lư kinh lược" khi bàn về tuyển chọn sĩ tốt có nói: "Những người cần tuyển chọn khi chưa qua huấn luyện, hoặc vì võ nghệ, hoặc vì sức khoẻ, hoặc vì lòng dũng cảm cũng có khi là tử tướng mao, nhưng nên sử dụng những tráng đinh xuất phát từ các làng quê, không nên chọn dân phố gian manh. Những người tráng đinh nông thôn này làm việc chính bằng sức mình mà tính tình lại chất phác, làm việc thì cần cù, tính tình chất phác thì biết giữ gìn kỷ luật và thực hiện nghiêm túc các mệnh lệnh, dễ được cảm hóa bởi sự thành tâm ân ái gần gũi với họ (nguyên văn: chẳng khó khăn gì nhận được tên bán của ta: Tên bán ở đây chỉ sự cảm hoá), mà không so đo tính toán bởi thuật thay đảo lại của ta. Còn thị dân thì chơi bời, giáo hoạt, không quen vất vả, không sợ luật pháp. Những người đó mà trong quân ngũ thì thường giỏi tìm cách lẩn trốn, ngấm ngấm tung ra các luận điệu xằng bậy, lời lẽ kéo cánh, loại ấy chớ nên dùng. Nhưng trong tầng lớp thị dân cũng có nhiều người võ nghệ tinh thông, vóc dáng rắn rỏi, gan góc hơn người, không bàn tới ở đây". Đoạn phân tích trên đây xuất phát từ những tập tính của dân thôn quê và thị dân chơi bời gian xảo để nói rõ tổ chất hợp lý cấu thành quân đội trong thời bình: có thể nói là tương đối chuẩn xác. Từ đó cho ta thấy trong thời đại truyền thống một số các sĩ quan quân đội có đầu óc, khi chiêu binh mãi mã, những tráng đinh thôn dã là đối tượng tuyển chọn hàng đầu, chứ thường không chọn thị dân và dân du mục. Đó chính là do nguyên cơ họ nhận thức được và biết lợi dụng các tập tính khác nhau giữa hai quần thể này.

Xã hội truyền thống Trung Quốc còn có một vấn đề được xem trọng, đó chính là hai nền văn minh và hai loại hình xã hội của các dân tộc làm nông nghiệp ở Trung Nguyên và các dân tộc miền Bắc sống du mục đã hình thành khác nhau do phương thức sản xuất và sinh hoạt. Các dân tộc làm ruộng ở Trung Nguyên sống bằng nghề nông, đàn ông thì cày bừa, phụ nữ thì canh cửi, ít dịch chuyển chỗ ở, tổ chức xã hội tương đối nghiêm chỉnh, có tâm lý xã hội vững chắc. Còn các dân tộc du mục ở miền Bắc thì lấy chăn nuôi làm nghề chính, бат có san đôi mà lấy chỗ ở, tổ chức xã hội tương đối phân tán, mang nặng màu sắc quân sự. Sự khác biệt của những dân tộc này là ở chỗ sự giao du qua lại của hai bên, đặc biệt là trong chiến tranh thì biểu hiện càng thêm rành mạch rõ ràng. Vì vậy trong lịch sử có một số người hiểu biết đứng trên lập trường của các vương triều Trung Nguyên, để chống lại những cuộc xâm lược bạo lực của các dân tộc du mục miền Bắc, luôn để ý đến việc nghiên cứu tiếp thu các ưu điểm, thế mạnh của các dân tộc du mục để bổ cứu cho các nhược điểm của các dân tộc chuyên nghề làm ruộng.

Thời Tần Hán đại thể lấy Vạn lý trường thành làm ranh giới. Các dân tộc du mục miền Bắc do Hung Nô đứng đầu liên kết lại thành một "dẫn cung chi quốc" hùng mạnh. Chúng thường tràn xuống phương Nam cướp bóc, tạo thành một cái nạn dịch mà các triều đình Trung Nguyên phải bó tay. Đối mặt với sự xung đột mâu thuẫn giữa các dân tộc du mục miền Bắc và vương triều nhà Hán có nhà chính trị sắc sảo tên là Chiêu Thác từng là thượng thư của Hán Văn đế thông qua phân tích ưu khuyết cái được cái mất của việc dùng binh của cả hai bên: nhà Hán và Hung Nô, đưa ra sách lược quân sự: "dùng di công di", ông cho rằng:

Hung Nô, về mặt địa hình và kỹ nghệ đều khác Trung Quốc: trên dưới đồi núi mấp mô, có nhiều khe suối. Ngựa cũng

chẳng giống; đường sá hiểm trở nhiều đèo dốc, vừa đi vừa bán tên. Kỵ binh Trung Quốc không giống vậy; Mưa gió không thấy vất vả, đói khát không ngại ngừng, người Trung Quốc không được thế. Đó là những cái mạnh của người Hung Nô. Nhưng nếu đất lạ bằng phẳng, đánh đột kích bằng kỵ binh và xe cộ nhẹ nhàng thì Hung Nô cũng kém, dễ bị rối loạn. Cung nỏ, mâu dài, bắn thưa nhưng xa, thì Hung Nô không đạt được. Giáp cứng kiếm sắc bén, nhiều loại dài ngắn khác nhau, cung nỏ di động tới lui, dàn cả phía trước thì quân Hung Nô không thể làm gì được. Người ngựa xe cộ cùng xông lên, cùng nhằm một đích thì quân Hung Nô không gì chống đỡ nổi. Xướng ngựa đánh nhau, kiếm đấu với giáo, xông lên xáp trận thì đôi chân của Hung Nô không chịu được. Đây là chỗ mạnh của Trung Quốc. Do đó thấy rằng Hung Nô có ba chỗ mạnh, Trung Quốc có năm. Thuộc hạ man di đã qua hàng Hồ Nghĩa Cừ nay theo về đông kể đến hàng nghìn, ăn uống như Hung Nô, đáng được cấp áo bông áo giáp, cung khoé tên nhọn, bổ sung cho các đội kỵ binh giỏi của quân huyện biên cương. Sai mình tướng thạo tập tục của họ và thấu hiểu tâm lý của họ, nói cho họ biết những luật lệ của nhà vua ban ra. Dù gặp khó khăn hiểm trở nhờ đó vượt qua; đất bằng đường thông thì đi bằng xe. Hai đạo quân dựa vào nhau, dùng mặt mạnh của mình, luôn cân nhắc đánh giá để ngày một tốt hơn, ấy là sách lược vẹn toàn. Đoạn trên trích từ "Ngôn binh sự sơ" của Chiêu Thác. Đại thể chỉ là quân Hán và quân Hung Nô, về mặt kỹ năng tác chiến, mỗi bên đều có chỗ mạnh chỗ yếu khác nhau. Muốn thắng quân Hung Nô thì tất phải nắm vững và biết lợi dụng điểm mạnh của quân Hung Nô. Ngược lại chỉ cần nắm chắc và biết lợi dụng những điểm mạnh của quân Hung Nô, thì quân Hán mới có thể nắm phần thắng trong tay.

Nhưng không loại trừ ngoại lệ, một danh tướng nhà Tống là Ngô Lân. Khi bàn về điểm mạnh điểm yếu của hai bên Tống và Kim cho rằng: Người Kim có bốn cái mạnh. Ta thì có bốn cái yếu, những cái yếu của ta thì phản lại ta, nhưng lại hạn chế cái mạnh của đối phương. Bốn cái mạnh của quân Kim là bắn tên, là kiên nhẫn, là áo giáp dày, là cung tên. Tôi xin nêu những điểm mạnh của quân Hán và ngoại bang, để học và sử dụng, để chia thành nhóm bắn tên, chế ngự kỵ binh; lấy việc đánh ngay vào lúc địch xả hơi để đối phó lại điểm mạnh là sự kiên nhẫn của địch; để đối phó lại giáp dày của đối phương thì cần phải có cung nỏ khoẻ; để đối phó kiềm chế cung nỏ của đối phương, thì phải lấy xa mà khắc phục cái gần, lấy cái mạnh chế ngự cái yếu. "Cái gọi là "Cái gần" và "Cái xa" cuối cùng ấy, ý chỉ cung nỏ của quân Tống có thể bắn xa, còn cung nỏ của quân Kim thì chỉ có thể bắn gần; Cái gọi là "cái mạnh" "cái yếu" ý chỉ cung nỏ của quân Tống khoẻ, cung nỏ của quân Kim yếu. Đó chính là phiên bản của thuật "dĩ di công di" mà Chiêu Thác đã nêu trong điều kiện lịch sử ở giai đoạn mới. Mãi đến thời kỳ cận đại, cánh cửa khoá chặt đã lâu của Trung Quốc, bị cái cường quốc Châu Âu đập phá, xã hội truyền thống nền văn minh cận đại tấn công mãnh liệt, cái địa vị "Thiên triều đại quốc" trước đây đã rơi xuống vực thẳm. Đối mặt với những nguy cơ biên giới và dân tộc ngày càng thêm sâu sắc và nặng nề, thì tiếng kêu "sư di chi trường kỹ di chế di"¹¹ của Ngụy Nguyên, một nhà yêu nước đứng trên giao điểm giữa nền văn minh truyền thống và cận đại há chẳng phải là thuật "dĩ di công di" được phát trên một lần nữa trong xã hội mới.

¹¹ Dĩ di công di: Lấy cái của địch (người nước ngoài) để chống lại giặc.

2. "KHÍ": CỐT LÕI CỦA VIỆC TỰ TĂNG CƯỜNG SỨC MẠNH CHO CHÍNH MÌNH

Thông thường, chúng ta nói vũ khí bị phê phán không thể thay cho sự phê phán vũ khí. Sức mạnh vật chất đòi hỏi phải được xoá bỏ bằng sức mạnh vật chất. Nhưng bên trong một trường kế sách nhất định nào đó, sức mạnh tinh thần có thể làm biến đổi mức độ mạnh yếu của sức mạnh vật chất, trở thành một nhân tố quyết định kiến công lập nghiệp của chủ thể kế sách. Trong xã hội truyền thống Trung Quốc, "Khí" là một loại sức mạnh tinh thần rất được coi trọng trong nhiều mặt của xã hội. Có cái "khí" của Nho học, có cái "khí" của Đạo học, có cái "khí" của Y học, có cái "khí" của Võ thuật. "Khí" không đơn độc một mình bằng mọi cách tấn công vào từng xó xỉnh của xã hội, mà với những nội hàm khác nhau quán xuyên trong cả các nhà học thuyết. Xét từ mặt kế sách, chúng ta cho rằng "khí" là tổng hoà các nhân tố tinh thần như tình cảm, khí phách, thái độ... mà con người biểu hiện ra khi đứng trước một vấn đề nào đó, là một mắt xích quan trọng mà chủ thể kế sách trong một hoàn cảnh nhất định nào đó tự tăng cường sức mạnh của chính mình để chiến thắng kẻ địch.

Thời Xuân Thu, quân hai nước Tề và Lỗ đánh nhau ở Trường Thục (nay là vùng Đông Bắc Khúc Phụ tỉnh Sơn Đông) Lỗ Trang công, thoát tiên nóng vội không muốn chờ cho quân Tề mệt mỏi đã nổi trống dục quân xuất kích liền bị Tào Quệ khuyên can:

Chờ đến khi quân Tề ba hồi trống trận Tào Quệ mới cho biết là có thể xuất kích. Quân Lỗ với sĩ khí đang trào, nhanh chóng mạnh mẽ ào lên, đánh bại quân Tề. Lỗ Trang công nhìn thấy quân Tề thua chạy, định cho quân truy đuổi theo, lại bị Tào Quệ khuyên

can. Tào xuống xe, xem xét vết bánh xe, leo đứng lên trên ngai để tay của xe nhìn ra xa, rồi sau đó mới bảo Lỗ Trang công cho lệnh truy đuổi. Kết quả việc truy đuổi quân Tề rất thành công. Sau trận đánh Lỗ Trang công hỏi về nguyên nhân thắng lợi. Tào Quệ trả lời: "Đánh nhau là phải dựa vào dũng khí của quân sĩ trống thúc quân lần đầu, sĩ khí đang dâng trào. Trống thúc trận lần thứ hai, sĩ khí ít nhiều đã suy giảm. Trống thúc lần thứ ba, sĩ khí của quân lính đã suy kiệt. Sau ba hồi trống trận của quân Tề, quân ta mới xuất kích, sĩ khí quân Tề đã kiệt, còn sĩ khí quân ta đang thịnh, nên có thể đánh thắng quân Tề. Tề là một nước lớn, tình huống không dễ gì phán đoán, dễ bị mai phục. Ta xem xét thấy vết bánh xe của quân Tề hỗn loạn, cờ xí vút lung tung vương vãi, chứng tỏ chúng đã tháo chạy, mới chủ trương cho truy kích".

Mọi người đều biết, đoạn văn này gọi là "Tào Quệ luận chiến", rút từ trong "Tả truyện" là một thiên luận đoán uyên thâm về "khí" trong thực tiễn chiến tranh. Cũng như đã một con người thì không thể thiếu chí khí vậy, sự lớn mạnh của một quần thể cũng không thể thiếu sức sống "khí thực tác đấu, khí đoàn tác tẩu"⁽¹⁾ "Tam quân khả dĩ đoạt sái thất phu bất khả đoạt chí"⁽²⁾. "Khí" trong nhiều mặt, nhiều tầng thứ của các hoạt động xã hội đều có tác dụng rất to lớn. Trong "Uý hiếu tử" có nói: "Những người có khả năng chiến đấu của một nước, ấy là dân; cái có thể chiến đấu của một người dân, ấy là "(chí) khí". Đó là nói về cái "khí" của dân chúng. Trong "Ngô tử" nói: Dưới ba quân, cứ một trăm vạn là một sư. Chặt chẽ hay lỏng lẻo, nặng hay nhẹ, đều ở một người gọi là "khí cơ", ấy

⁽¹⁾ Nếu tinh thần, ý chí có thừa thì sẽ đánh nhau, nhưng nếu mất ý chí thì chắc chắn là phải bỏ chạy.

⁽²⁾ Ba quân thì có thể mất tướng, nhưng ý chí của từng người không thể dễ mất.

là nói về tướng lĩnh. Tôn tử nói: "Sáng sớm thì "khí" sắc nhọn (nhuệ khí) ban ngày thì "khí" lưỡi nhấc, ban đêm thì "khí" bỏ đi. Kẻ dùng binh giỏi thì "tị kỳ nhuệ khí, kích kỳ đoạ quy" (biết chánh nhuệ khí, biết kích chọc tức cái đoạ quy). Đó là nói về chiến thuật và chiến lược. Tào Quê ra trận và luận về quân đội cũng bàn về "khí" là trước hết. Lấy cái nhuệ khí sát thương giặc khích lệ sĩ khí của quân lính, làm điều kiện cơ bản của tác chiến. Ở đây, thiên về quan sát và lợi dụng hành động của địch, chờ đợi thời cơ là điều mấu chốt làm nhụt sĩ khí quân thù.

Muốn nắm chắc "khí", không những phải căn cứ vào tình hình cụ thể của khách thể kế sách để lựa chọn hành động, đôi khi cũng đòi hỏi chủ thể của kế sách dựa vào những trường kế sách nhất định để khích lệ binh sĩ thuộc quyền có quyết tâm chiến đấu dù phải liều chết. Một người chỉ huy thông minh khi lực lượng của mình không đủ nhưng phải đương đầu với kẻ thù mạnh, thường đặt mình vào chỗ chết, đoạn tuyệt tất cả những con đường sống, xem ra thì rất hoang đường, nhưng trên thực tế chính trong khoảnh khắc một mất một còn đó đã mang lại một khí thế không gì địch nổi, đó chính là điều động toàn bộ năng lực tiềm ẩn của bản thân mình: tạo điều kiện cho việc dành thắng lợi cuối cùng.

Tần Mạt, Chương Hàm thống lĩnh quân Tần sau khi đánh phá Hạng Lương, vượt sông Hoàng Hà tiến lên phía Bắc, tấn công vào đất Triệu, chẳng mấy chốc quân thần nước Triệu bị bao vây ở bên trong thành Cự Lộc. (Nay là Bình Hương Hà Bắc) lúc này Hạng Võ được lệnh của Sở Hoài vương, để cứu nước Triệu, đưa quân lên phía Bắc qua đò Chương Thủy, tiến thẳng về Cự Lộc. Sau khi toàn bộ binh lính nước Sở qua đò Chương Thủy xong, Hạng Võ ra lệnh phá toàn bộ thuyền, chìm xuống đáy sông, đập vỡ toàn bộ nổi và các loại đồ gốm sứ dùng để đựng thức ăn, đốt toàn bộ lều lán quân dụng,

giữ lương khô ăn trong ba ngày, và tuyên bố trước toàn quân, nếu không đánh thắng thì chỉ còn một con đường chết, tuyệt không còn đường sống trở về. Tướng sĩ quân Sở từ đó kiên định ý chí quyết thắng. Sau khi xáp chiến, họ dũng mãnh chưa từng có. Không ai không lấy một chọi mười, đã đánh là thắng, quân Tần đã bại trận. Trên các nẻo đường binh lính các chư hầu đứng tràn lên khắp các tường thành ngăm nhìn, họ thấy cái cảnh tiếng hò hét chấn động bầu trời, họ thấy vô cùng kinh hãi. Sau khi đại phá quân Tần, Hạng Võ triệu kiến tướng lĩnh các chư hầu. Họ kéo đến Viên Môn không một ai không quỳ gục xuống đất, đi bằng đầu gối, không dám ngẩng đầu nhìn lên. Từ đó uy danh Hạng Võ vang lừng khắp thiên hạ.

Người đời có câu "Ngàn người đồng lòng sẽ có sức của ngàn người cộng lại; Vạn người không chung lòng cũng chẳng bằng một người". Mọi người không đồng lòng dùn đẩy nhau, tiến thoái lưỡng nan, nên vào trận tất thua; vạn người như một, đồng tâm hiệp lực, tiến thoái có nhau, nên nhất định thắng. Cho nên, làm thế nào để tướng sĩ một lòng? Đó là cả một vấn đề lớn mà các nhà quân sự luôn quan tâm tới. "Tứ Mã pháp" nói: "Khí nhân tâm nhất". "Tôn Tử": "Tứ dũng nhược nhất"; "Tam lược" "Sĩ chúng đức nhất". "Lục thao" lấy "nhất" để nói thành "độc vãng độc lai chi binh"; "Uý liêu tử" thì coi chữ "nhất" ấy chính là độc xuất độc nhập chi binh". Cái gọi là "nhất" ấy chính là chỉ "toàn quân từ trên chí dưới đồng lòng hợp sức chiến đấu đến cùng". Trận Cự Lộc, Hạng Võ lấy ít đánh nhiều, lừng danh khắp các chư hầu, nguyên nhân căn bản nhất là từ tướng lĩnh đến binh sĩ quân Sở thông qua việc phá thuyền, dìm thuyền, cắt đứt đường rút, chỉ để lại một con đường duy nhất: tiến lên và đoàn kết một lòng, dũng cảm liều mình một mất một còn với địch. Đương nhiên, làm như vậy không thể tách rời cơ sở vật chất

cần thiết. Nếu trang bị vũ khí của quân Sở không đủ tinh luyện, tướng sĩ lại là một lũ khiếp nhược vô dụng, thì sẽ xô đẩy họ tới chỗ chết, thì chắc chắn là "thịt chó nhét vào mồm hổ đói", hy sinh vô ích.

Đầu Hán, Hàn Tín được lệnh của Lưu Bang, đưa quân tấn công nước Triệu. Đại tướng nước Triệu là Trần Dư được tin cho toàn bộ quân chủ lực của nước Triệu tập trung ở cửa ải Tinh Hình, định cho quân Hán một trận phủ đầu. Hàn Tín biết tin vô cùng vui mừng, liền mạnh dạn tiến quân vào con đường rừng vừa dài vừa hẹp ấy, đến cách cửa ải Tinh Hình chưa đầy ba mươi dặm thì cho quân cắm trại. Đến nửa đêm, Hàn Tín cho lệnh đột kích, lựa chọn hai ngàn kỵ binh nhẹ mỗi người mang theo một lá quân kỳ nhà Hán màu đỏ men theo đường mòn tiến đến một ngọn đồi, từ đó có thể quan sát động tĩnh của quân Triệu thì dừng lại ngụy trang ẩn nấp tại đó, đợi thời cơ và hiệu lệnh. Tiếp đó Hàn Tín cất cử một vạn lính làm quân tiên phong, dựng trại đối mặt với quân Triệu, phía sau là dòng sông, dàn trận thế. Quân Triệu nhìn thấy quân Hán chỉ có đường tiến mà không có đường lui, thế cùng đường, thì cười ngạo nghễ. Mãi cho đến sáng, đích thân Hàn Tín dẫn một đơn vị nhỏ mở đường bèn qua ải Tinh Hình. Quân Triệu mở cửa doanh trại đón đánh quân Hán. Hai bên hỗn chiến hồi lâu, Hàn Tín vội thua rút bỏ cờ trống chỉ huy, nhanh chóng lui về trận địa ven sông. Quân Triệu dồn toàn lực tràn ra giành giật nhau cờ trống của quân Hán, truy kích binh mã Hán Tín. Hàn Tín hội nhập với bộ đội ở ven sông đánh nhau một mất một còn với quân Triệu. Hai ngàn kỵ binh nhẹ đã mai phục sẵn, thấy quân Triệu dồn hết quân ra khỏi sào huyệt, theo lệnh của Hàn Tín, nhanh chóng tràn vào dinh lũy của quân Triệu, nhổ cờ của nước Triệu, dựng lên hai ngàn lá cờ của quân nhà Hán. Quân Triệu không còn cách nào trong chốc lát đánh gục quân

của Hàn Tín, đánh nhau bất kể trên cạn dưới nước, nhưng nhìn thấy trên dinh lũy của mình toàn là cờ đỏ của quân Hán thì cho rằng quân Hán đã bắt sống Triệu vương và các quan chức của mình, lúc đó trận địa náo loạn: kẻ thì trốn, kẻ thì tháo chạy, như ong vỡ tổ, không gì cản ngăn được. Lúc ấy quân Hán từ hai phía trước và phía sau kẹp chặt, đại phá quân Triệu, chém đầu Trần Dư. Đó là một thiên chuyển thế bất lợi thành thế có lợi, lấy trí lực để giành thắng lợi. Hàn Tín chuyển thế yếu thành thế mạnh, lấy lực lượng yếu để thắng kẻ địch hùng mạnh, xem ra thiên biến vạn hoá, rối rắm trăm chiều, đến mức nhiều tướng lĩnh cũng chẳng hiểu ra làm sao cả. Trong lễ mừng công đã nêu thắc mắc: " Binh pháp có nói bên phải, sau lưng dựa vào núi đồi, đằng trước, bên trái là sông nước. Nay tướng quân sai chúng tôi dựa lưng vào sông nước mà dàn trận, nói rằng phá xong quân Triệu sẽ ăn cơm, bọn tôi không phục. Nhưng rồi cuối cùng đánh thắng, thế là mưu thuật gì vậy?" Hàn Tín giải thích: "Điều này có trong binh pháp, chẳng qua các ông không xem xét kỹ mà thôi. Chẳng phải binh pháp có nói: "Hãm vào đất chết thì sau nó mới sống, dắt vào chỗ mất thì sau nó mới còn, đó sao? Và chẳng Tín không phải có những tướng sĩ đã từng được huấn luyện. Đây cũng như người ta nói là kéo những người ngoài chợ bắt họ đi lính. Tình thế này nếu không dặt họ vào nơi đất chết, khiến cho người nào cũng vì mình mà chiến đấu thì không được. Nếu như ta để cho họ vào nơi đất sống thì họ đều bỏ chạy, ta còn làm sao dùng họ được nữa?".

Các tướng lĩnh nghe xong, vô cùng thần phục "Hãm chi tử địa" "tri chi vong địa" vốn là đại hoạn trong dụng binh. Nhưng Hàn Tín làm như vậy, lấy tình thế khách quan" tạt chiến tạt tồn", bất tạt chiến tạt vong" để khơi dậy quyết tâm chiến đấu hết mình của toàn quân, vì thế đã nâng cao sức chiến đấu của quân Hán, lại cộng thêm

Hàn Tín đã chỉ đạo chính xác vận động tác chiến kết quả tự nhiên có thể trút sự nguy hiểm cho giặc, chuyển tai họa thành thuận lợi, giành được chiến thắng.

Cuối thời Đông Tấn, Vương Trấn Ác được lệnh của Lưu Du cầm quân bắc phạt Hậu Tần. Từ sông Hoàng Hà đi ngược dòng sông Vị, quân Tấn đi bằng một loại thuyền nhỏ bịt kín, người cầm chèo ngồi trong khoang. Người Quan Trung xưa nay vốn đi thuyền nhưng thấy loại chiến thuyền này đi liên tục không người, bên ngoài không nhìn thấy một bóng người, không ai không thấy làm lạ, cho là chuyện thần kỳ. Sau khi đến cầu sông Vị, hạ lệnh tướng sĩ dừng lại ăn uống xong, bỏ chiến thuyền trôi theo dòng nước. Lúc bấy giờ quốc chủ Hậu Tần là Diêu Hoảng đồn binh dưới thành Trường An lực lượng còn đến hàng vạn binh mã. Vương Trấn Ác động viên tướng sĩ: "Quê hương chúng ta ở Giang Nam, ở đây lại là bên ngoài cửa Bắc thành Trường An, cách xa nhau hàng vạn dặm, hơn nữa chiến thuyền, lương thực đều đã trôi theo dòng nước, lẽ nào lại còn cách nào khác để xin bảo toàn tính mạng? Nay xem ra chỉ còn một cách là liều chết một phen, mới lập được công đầu, nếu không, chúng ta sẽ mất sạch".

Thế là, Vương Trấn Ác tự mình đi đầu cùng quân sĩ dũng mãnh tiến lên. Tướng sĩ ai nấy đều biết rõ là không có đường rút lui, cũng đều hăng hái xông lên, ra sức diệt địch, vì thế chẳng mấy chốc công hàm thành Tràng An.

Đó là một cảnh chiến đấu Đông Tấn bắc phạt Hậu Tần. Sở dĩ Vương Trấn Ác có thể dùng binh lực thế yếu, đánh địch có uy thế hơn, quả là có cái kế dựa vào chuyện bỏ thuyền để khích lệ sĩ khí, làm cho tướng sĩ thuộc quyền kiên định quyết tâm liều chết. Điểm này đều có cái hạt nhân bên trong của kế sách tương tự như kế phá và đánh đắm thuyền của Hạng Võ, đánh thủy chiến của Hàn Tín.

Lúc bấy giờ cảnh ngộ của quân Tần vô cùng nguy hiểm. Diêu Hoàng có hàng vạn binh mã, vốn không dễ gì đánh nổi, nếu tập trung quân ở Vị Kiều (Cầu sông Vị), đón quân Tần ở Bối Thủy, hoặc dốc toàn lực vào Trường An chờ đối phương ở cái thành kiên cố, đều chẳng có gì là thất sách cả. Nào ngờ đầu Diêu Hoàng cho phân tán lực lượng, chặn đứng quân Tần ở bên ngoài thành Tràng An, qua lần tử chiến của Vương Trấn Ác, một chỗ bị sa cơ, toàn tuyến tan vỡ, đến nỗi thành bị mất, nước cũng chẳng còn.

Năm thứ mười Thiệu Hưng thời Nam Tống (năm 1140) quân Kim ào ạt tràn xuống phía Nam, áp sát Thuận Xương nay là Phú Dương tỉnh An Huy). Tướng đứng đầu Thuận Xương là Lưu Kỳ thấy trong thành còn lương thực đủ để chờ giặc, quyết tâm bảo vệ Thuận Xương. Để tỏ lòng quyết tâm cố thủ Thuận Xương, Lưu Kỳ hạ lệnh đục hổng rồi cho đánh đắm tất cả thuyền bè, để tỏ rõ không để lại đường rút lui; và chất củi trước cửa nhà, tỏ rõ lúc tình thế bất lợi sẽ tự thiêu mà chết. Dân chúng Thuận Xương vô cùng cảm kích, chẳng mấy chốc xuất hiện không khí chống Kim rầm rộ "Nam tử bị chiến thủ, phụ nhân lệ đao kiếm" (đàn ông thì chuẩn bị đánh nhau, đàn bà thì lo mài gươm giáo). Chẳng bao lâu sau, quân Kim bao vây Thuận Xương, phát lệnh mãnh công. Lưu Kỳ lãnh đạo quân chúng đồng tâm hiệp lực, lợi dụng triệt để những nhược điểm như quân Kim không quen chịu nắng rất, mưa gió, bệnh tật hoành hành. Khích lệ động viên, thay nhau tập kích làm cho quân Kim không thể đánh phá tường thành chống được, mà cũng không thể vây hãm mãi. Sau khi bị thương vong nặng, buộc phải rút quân.

Đó là một trận phòng ngự thành ấp lấy yếu thắng mạnh nổi tiếng. Quân Tống với chưa đến hai vạn quân đã đánh trả sự tấn công của mười vạn bộ binh và kỵ binh quân Kim. Một trong những nguyên nhân chủ yếu giành được thắng lợi, chính là toàn dân đồng

lòng hợp sức, có ý chí thể chết chiến đấu đến cùng. Loại ý chí chiến đấu này, cố nhiên bắt nguồn từ ý chí căm thù quân Kim xâm lược, đồng thời có liên quan mật thiết tới thái độ trong sáng của Lưu Kỳ đánh đấm thuyền, tích củi, thể cùng sống chết với thành trì. Giả dụ đổi một vị tướng lĩnh tham sống sợ chết, trong tình huống kẻ định mạnh áp sát biên giới, thì ngoài việc đầu hàng ra thì không bỏ dân mà tháo thân một mình mới là chuyện lạ? Xem ra quân dân Thuận Xương có chống đỡ nổi những trận công kích của quân Kim hay không, cũng khó mà khẳng định được.

Hạng Võ, Hàn Tín, Vương Trấn Ác và Lưu Kỳ trong giờ phút lâm nguy một sống một chết biết vận dụng một loại hành vi khác thường để kêu gọi khích lệ quyết tâm của thuộc hạ xả thân liều chết diệt địch, từ đó hun đúc thành khí thế khó lòng ngăn cản được. Chỉ có điều là, chủ thể của kế sách đôi khi có thể thông qua việc làm nhụt sĩ khí đối phương, để tăng cường sức mạnh của chính mình. Điểm yếu này khi đã được tăng cường sẽ đặt nền móng vững chắc cho thành công của việc thực thi kế sách.

Cuối thời Chiến Quốc, nhiều nước Yên, Triệu, Sở, Ngụy liên kết nhau đánh nước Tề, nước Tề chỉ còn vùng Cử (nay là huyện Cử Tĩnh, Sơn Đông). Túc Mặc (nay là Đông Nam Bình Độ, tỉnh Sơn Đông) là chưa bị đánh chiếm. Điền Đôn cố thủ Túc Mặc, để đánh bại quân Yên, đã ém chặt quân tinh nhuệ lại chỉ để ông già, trẻ con, phụ nữ lên thành canh gác, đồng thời cho sứ giả đến gặp quân Yên xin đầu hàng lại còn thu góp được một ngàn dật¹¹ vàng, cho những kẻ giàu có ở Túc Mặc đem dâng cho tướng quân Yên. Do vậy quân Yên càng thêm chán nản. Thế là Điền Đôn cho tập trung hơn một

¹¹ dật: một đơn vị đo lường cổ. Cổ sách nói là tương đương với 20 lạng, có sách ghi tương đương với 24 lạng (lạng xưa của Trung Quốc: 1 cân 16 lạng, 1 lạng = 37,5g).

bên con trâu trong thành, cho trâu mặc áo lụa đỏ, bên trên vẽ hình con rồng ngũ sắc, trên sừng trâu có buộc dao nhọn. Dùng cối nhúng qua dầu buộc vào đuôi trâu. Đợi đến đêm khuya thanh vắng, đào mười cái hang dưới chân tường thành; đốt cối ở đuôi trâu, thả trâu cho chạy ra bên ngoài thành cho năm ngàn tráng sĩ theo sau mở đường máu xông ra. Đuôi trâu bị cháy nóng, trâu chạy thục mạng lao vào doanh trại quân Yên. Tướng sĩ quân Yên dưới ánh lửa nhìn thấy đàn trâu năm màu rực rỡ xông đến hoảng hốt cuống cuống. Năm ngàn tráng sĩ quân Tề xông vào đâm chém lán loạn, phía sau mọi người phát cờ hò hét, kinh trời động đất. Quân Yên bị đánh toi bời, bỏ chạy như chó cụp đuôi. Điền Đôn thừa thắng xốc tới truy kích địch, đuổi quân Yên ra khỏi biên giới, thu hồi lại hơn bảy mươi thành đã mất trước đây.

Thắng lợi phản công phục quốc của Điền Đôn, cố nhiên là có nguyên nhân từ nhiều mặt. Nhưng sự chỉ đạo tác chiến chính xác là điều căn bản. Trước khi bắt đầu phản công, Điền Đôn đã nhằm đúng vào chỗ yếu là sự mất cảnh giác của tướng quân nước Yên, nhằm đúng vào tâm lý của quân Yên từ trên xuống dưới đều mong muốn sớm kết thúc chiến tranh. Dùng thủ đoạn trá hàng, mua chuộc gây cho địch sự ảo tưởng, làm cho chúng tê liệt, chùng gân. Sau khi bắt đầu phản công, Điền Đôn nhờ uy lực của đàn trâu lửa một mạch đánh bại ý chí chiến đấu của quân Yên, phối hợp với năm ngàn tráng sĩ bất ngờ phá vòng vây của quân Yên. Chớp một trận then chốt của thời kỳ phản công sơ kỳ, ở đây làm tan vỡ sĩ khí quân địch, tăng cường chí chiến đấu của mình chính là mạch suy nghĩ cơ bản trong chỉ huy tác chiến của Điền Đôn.

Việt vương Câu Tiễn chịu tang bố cả nước buồn đau. Ngô vương Hạp Lư thừa cơ cho quân tiến công. Điều này là vi phạm lễ nghi truyền thống giữa các nước thời bấy giờ. Để giữ nhà giữ nước,

Câu Tiễn đánh trả. Quân lính hai bên Ngô Việt giáp chiến nhau ở Tuy Lý (nay là phía Tây Nam Gia Hưng tỉnh Triết Giang). Câu Tiễn hai lần xuất kích, đều không thành. Khi hai bên tiếp tục đối đầu một lần nữa, Câu Tiễn buộc hơn 3 trăm tên tử tù, giả dạng như binh lính của nước Việt, lưng trần cầm gươm, xếp thành ba hàng. Nhất tề bước đến trước quân Ngô tự sát. Tướng sĩ quân Ngô kinh hãi trợn tròn mắt, mồm cầm như hến, ý chí bị lay động, nhuệ khí suy giảm. Việt quân thừa thế xông lên, đánh bại quân Ngô. Hạp Lư bị thương rồi chết.

Ba trăm người tự sát tập thể! Dù nói kiểu gì thì đó cũng là một sự kiện lớn lao ghê rợn. Sức bức xúc trối buộc do quân Ngô vốn bất chấp lễ nghi truyền thống thừa cơ người ta có tang để đánh tập hậu chiếm nước người đã là điều nhục nhã. Giờ đây tận mắt chứng kiến cái sự kiện lớn lao nghĩa hiệp đến rợn người này, cái hăng hái hùng dũng lúc mới đến, không thể không vì đó mà tiêu tan. Ngược lại, Câu Tiễn trong lúc cả nước đang lâm vào cảnh bị thương, tang gia bối rối, nhưng vẫn cố sức giữ nhà cứu nước, thì càng được dân chúng đồng lòng ủng hộ. Qua cái việc thực thi cái kế sách này về mặt đạo nghĩa đã tạo nên một khí thế áp đảo quân Ngô. Sức mạnh tinh thần của cả hai bên đã biến đổi như vậy. Cán cân thắng bại trong chiến tranh tất nhiên sẽ nghiêng về phía Câu Tiễn cách làm "ai binh cường địch" này của Câu Tiễn, e khó tìm được một câu chuyện tương tự trong lịch sử chiến tranh.

Cuộc chiến giữa Sở và Hán sắp kết thúc. Hạng Võ bị Lưu Bang vây hãm ở Cai Hạ (Nay là Cổ Trấn tỉnh An Huy), tạo nên một tình thế ngoan cường chiến đấu ở Khúc Phục. Để phá tan sĩ khí của quân Sở, Trương Lương đã soạn ra một khúc Sở ca ai oán uẩn chuyển, cho binh lính luyện tập rồi đi đến gần doanh trại quân Sở xướng họa ở cả bốn phía: Tiếng cao tiếng thấp, câu dài câu ngắn, tất

cả không có một chữ nào là không ai oán não nề, không có câu nào là không bi thảm, khích động làm cho binh lính Sở nhớ nhà, lần lượt thi nhau bỏ trốn. Ngay cả tướng Sở là Chung Ly Muội, Lý Bố đã theo Hạng Võ bao năm trời, cũng đã lánh mặt bỏ chuồn. Chỉ còn lại hơn tám trăm lính thân cận, thủ vệ bên ngoài cổng trại, không chịu chống lại Hạng Võ. Hạng Võ ở trong lều, nghe từng lời Sở ca vọng tới, hết sức ngạc nhiên nghe kỹ, thì đó là tiếng ca được truyền đến từ phía quân Hán, thì càng thêm kinh ngạc, vội hỏi bọn thị vệ: "Quân lính nhà Hán đã lấy hết đất Sở rồi hay sao? Tại sao trong trại lính quân Hán lại có nhiều người Sở đến vậy?" Bọn thị vệ liền tâu lại chuyện hàng loạt tướng sĩ bỏ trốn, chỉ còn lại hơn tám trăm kỵ binh đang còn trong trại. Hạng Võ nghe xong hoảng sợ, lập tức chỉ huy lính thân cận đột phá vòng vây chạy về phía Nam. Sau cùng, trong tình thế bị quân Hán truy kích gắt gao, buộc lòng phải tự sát chết.

Mọi người đều biết, đó là câu chuyện "Tứ diện Sở ca" ("Từ bốn phía đều nghe thấy tiếng Sở ca"). Trương Lương lĩnh xướng "Tứ diện Sở ca", khi đã chiếm được ưu thế, vị trí chủ động, làm tiêu tan sĩ khí quân Sở, là một loại chiến thuật tâm lý đánh kết hợp với quân sự. Thế thì Hạng Võ vốn xưng bá với các chư hầu anh hùng nắm ba quân, không bao giờ thất bại, đến lúc này, thấy cảnh chúng phản thân ly, bị bao vây táng táng lớp lớp, đặc biệt nhất là nghĩ đến chuyện quân Hán đã lấy hết đất nước của Sở thì sao tránh được hoảng hốt, kinh sợ, ngơ ngàng. Việc làm ấy của Trương Lương, công lớn đến dường nào!

Cuối thời Tây Tấn, Lưu Côn, tổng lĩnh quân sự ba châu Tịnh, Kế, U. Các dân tộc du mục phía Bắc Trán Phú. Có một lần, ông bị kỵ binh quân Hồ bao vây ở Tấn Dương, trong thành thì thiếu lương thực dự trữ, quân bách hết cách, chỉ còn một sớm một chiều. Thế là

nhân lúc trăng sao đầy trời; đồng không mông quạnh, trèo lên thành lâu cất giọng hát ai oán lúc trẩm lúc bóng. Quân Hồ lắng nghe kìm lòng không dặng bắt lên những tiếng than thở. Đến nửa đêm, ông lại thổi hồ già⁽¹⁾ binh lính Hồ không kìm lòng nổi nữa, giải vây bỏ về.

"Nguyệt hạ thổi già" của Lưu Côn, và "Tứ diện Sở ca" tương tự nhau nhưng vẫn có chỗ khác nhau. Chúng đều thuộc loại khi bản thân rơi vào thế yếu, thế bị động, sử dụng chúng để làm suy sụp tình hình binh sĩ đối phương. Đó là một thủ pháp phi thường không tấn công mà khuất phục được binh lính giặc. Tuy rằng hai trường kế sách không giống nhau, nhưng Lưu Côn và Trương Lương đều đã nắm bắt được nhược điểm tâm lý của đối phương làm tình cảm thương nhớ quê hương. Vận dụng những hành động tương ứng, giải thoát cục thế bị động cho chính mình, lần tan biến cái ưu thế của đối phương vào cõi vô hình, từ đó giành được toàn thắng.

3. PHƯƠNG THỨC TRỊ LỰC

Trên bề mặt của tăng sức mạnh vật chất, chuyển yếu thành mạnh, lấy mạnh thắng yếu, từ xưa tới nay vẫn là một vấn đề mà nhiều nhà kế sách hàng quan tâm. Trên đại thể, lấy mạnh thắng yếu, là mục tiêu chuyển yếu thành mạnh, chuyển yếu thành mạnh là điều kiện để lấy mạnh thắng yếu. Trong một trường kế sách nào đó, kết cục của việc thực hiện kế sách, tất nhiên là được quyết định bởi cán cân lực lượng của hai bên. Nhưng, cán cân lực lượng này chẳng có gì là bất biến, người ta mượn một thủ đoạn, một kế sách nhất

⁽¹⁾ Già, hồ già: Một loại nhạc cụ cổ xưa dân tộc miền Bắc Trung Quốc, tương tự như cây sáo hiện nay.

Từ hương khúc: Bản nhạc (bài hát) nhớ quê

định để có thể dựa theo ý nguyện của chính mình, thúc đẩy nó chuyển hoá, vì thế vấn đề chủ thể kế sách xử lý yếu hay mạnh, yếu cầu cơ bản nhất là ở chỗ tích cực thúc đẩy cán cân so sánh mạnh hay yếu đó chuyển hoá về phía có lợi cho mình; nhất là khi thiếu lực lượng hay rơi vào thế yếu, thì càng cần phải tập trung sức chú ý vào sự chuyển hoá cán cân so sánh mạnh hay yếu.

Trong lĩnh vực ngoại giao truyền thống "hợp tung" "liên hoành". Có thể nói đó là hai sách lược lớn để xử lý quan hệ giữa cái mạnh và cái yếu. Hai sách lược lớn này được hình thành từ thời Chiến quốc, là sản phẩm của việc chiến tranh triền miên kéo dài. Tình thế lúc bấy giờ là: sau sự đổi luật Thương Yển (Thương Yển biến pháp)¹¹, nước giàu dân mạnh, tướng sĩ hiếu chiến, có ý đồ thôn tính "Lục quốc" ở Sơn Đông. Nền chính trị của Lục quốc ở Sơn Đông hư bại, kinh tế kém cỏi nghèo nàn lại hay nghi kỵ công phạt lẫn nhau. Vua các nước đó nhận thấy rõ, nếu cứ tiếp tục như vậy thì chỉ có lợi cho quân Tần, sẽ xô đẩy các nước hướng về phía Tây xưng thần¹², vì vậy vô cùng lo lắng. Đồng thời cũng e ngại nhà Tần sẽ gây sức ép với chính mình nên thi nhau khom lưng cúi gối hướng về phía Tây chỉ mong sao tai qua nạn khỏi. Chính trong điều kiện xã hội như vậy, một loạt các nhà "tung hoành" mà đại diện là Tô Tần và Trương Nghi, lần lượt sử dụng sách lược "hợp tung", liên

¹¹ Thương Yển: Nguyên có tên là Công Tôn Yển, người nước Tề để xưng pháp trị chủ tướng quý tộc cũng như dân thường đều phải chịu sự quản lý của pháp luật như nhau. Khuyến khích phát triển nông nghiệp, khai khẩn đất hoang. Tần pháp của ông đã làm cho nước Tần trở thành một trong những nhà nước giàu có nhất lúc bấy giờ. "Thương quân thù" (Còn gọi là "Thương tử") gồm 26 thiên truyền thế mang tên ông nhưng đó là về sau người đời mượn tên ông để viết.

¹² Ý chỉ xưng thần với nhà Tần, nhận mình là chư hầu của nhà Tần

hoành". Đạo diễn nên một màn kịch lịch sử được mọi người tán phục.

"Hợp tung" chỉ sáu nước ở tỉnh Sơn Đông, từ Yến đến Sở tạo thành một dải dài từ Nam tới Bắc, hiệp lực nhau chống lại nhà Tần. Đó là một sách lược tự bảo vệ mình để tồn tại bên cạnh nước Tần hùng mạnh luôn nhìn ngó chực ăn sống nuốt tươi. Tô Tần vốn là một thư sinh cùng khôn thất thế do cùng đường tiến thủ, bất mãn vì không thành đạt, cha mẹ không coi là con, thế thất thì không tương xứng, không có con đường nào khác, đành ngồi nhà suy ngẫm thời cuộc, về sau bỗng nhiên một hôm chợt bật ra kế sách "hợp tung"; thế là khăn gói chu du các nước Yến, Triệu, Hàn, Ngụy, Tề, Sở để thuyết khách. Ông ta đề cập đến từ núi non sông suối hiểm trở của các nước, từ binh lính, quan lại, từ các sản phẩm của từng nước cho tới vấn đề nước Tần ngày càng cường thịnh, sự nghiệp của nước Tần đối với các nước khác, tiến thêm một bước nữa, ông đề ra biện pháp cụ thể liên kết nhau lại để chống Tần. Cuối cùng lần lượt thuyết phục được cả vua của cả sáu nước, làm cho các nước liên kết lại thành một mặt trận thống nhất chống Tần. Còn bản thân ông ta cũng từ đó theo dấu ấn của "Lục quốc", danh truyền khắp thiên hạ một thời. Sáu nước ở Sơn Đông do liên kết chống Tần, trong một quãng thời gian dài đã ngăn chặn có hiệu quả cái thế mở rộng về phía đông của nước Tần.

Đối lại với "hợp tung" là sách "liên hoành" do Trương Nghi chủ xướng. Tồn chỉ của nó là: lấy nước Tần làm trung tâm, lần lượt liên kết với một nước nào đó ở Sơn Đông, từng bước phá vỡ liên kết giữa các nước ở Sơn Đông của Lục quốc, để rồi cuối cùng thống nhất được thiên hạ. Người ta nói rằng Trương Nghi và Tô Tần có cùng học một thầy, đều cùng theo Quỷ Cốc tiên sinh, học thuật trường đoản tung hoành. Khi Tô Tần lừng danh thiên hạ, thì còn

chưa ai biết tới Trương Nghi. Để làm cho sách "hợp tung" có đích giương cung, Tô Tần tìm đến giúp Trương Nghi, bằng cái sách "liên hoành" có thể làm chúa nước Tần. Trước tình huống đó, Trương Nghi xuất du Tần quốc, buộc nước Ngụy cắt nhượng Thượng Quận, phá bỏ liên minh Tề Sở, giành lấy khu Hán Trung của nước Sở. Điều này đòi với việc phá vỡ sự liên kết giữa sáu nước vùng Sơn Đông, đẩy nhanh các bước đi đến thống nhất toàn Trung Quốc của nhà Tần có tác dụng rất to lớn.

Về mặt cầm quân "Tôn Tử" nêu rõ: "Người giỏi cầm quân, phải biết tránh nhuệ khí của nó, đánh vào đọa quy của họ, có vậy mới trị khí được. Lấy "trị" đối phó lại "loạn", lấy cái tĩnh để đối phó cái ồn, đó là trị tâm. Lấy cái gần để đối phó cái xa, lấy việc nghỉ ngơi để đối phó với sự vất vả mệt nhọc, lấy no đối phó với cái đói, đó là trị lực. Cờ đang phát thì không giữ lại, không đánh vào quân chính trực, đó là trị biến (đẹp loạn). Nội dung của đoạn văn trên là những yếu lĩnh về mặt xử lý các quan hệ giữa mạnh và yếu trong thực tiễn chiến tranh. Cái gọi là "nhuệ khí" và "đọa qui", "trị" và "loạn" "tĩnh" và "ồn ào", "xa" và "gần", "nghỉ ngơi", và "vất vả", "no", "đói" "cờ đang phát", quân chính nghĩa, tất cả đều là sự phản ánh khác nhau của sự so sánh mạnh và yếu. Cái gọi là "trị khí", "trị tâm", "trị lực", "trị biến" chính là chỉ phối sĩ khí hai bên địch và ta, kế hoạch chiến đấu và sức chiến đấu, và cả những phương pháp phải thay đổi theo địch, đều là những con đường cơ bản thực hiện việc chuyển hoá giữa mạnh và yếu. Nếu chỉ lấy sức mạnh vật chất ra để bàn, trên cơ sở "Tôn Tử", có người đã vạch ra có tính chất tổng kết: "Lấy quân ở gần đánh quân ở xa đến, lấy quân đã sẵn sàng đánh quân đang mệt mỏi, lấy quân no đủ đánh quân đang đói khát, đem lời phủ dụ nói với kẻ chạy lại, lấy sự bình tĩnh chọi với sự nóng vội, lấy sự thận trọng đối chọi với sự khinh nhờn, lấy quân đội

nghiêm mình đánh quân đội kỹ luật lỏng lẻo, lấy quân thịnh trị để dẹp loạn quân, lấy thế thủ chống lại thế công, ấy là chín phép trị lực của người cầm quân vậy". Quân ở xa, kẻ chạy lại, thế công, là nói về khách. Quân ở gần, lời phủ dụ, thế thủ, là nói về chủ. Quân chủ nhà ngồi yên mà hơn người, cho nên quân đã sẵn sàng, quân no đủ, sự bình tĩnh, sự thận trọng, quân đội nghiêm mình, thái bình, thường thuộc về chủ. Khách binh thì kém người, cho nên quân đội mệt mỏi, quân đói khát, sự nóng vội, sự khinh nhờn, quân đội kỹ luật lỏng lẻo, quân làm loạn, thường nói về khách. Thế cho nên kẻ thiện chiến thì hơn người chứ không để người khác hơn mình.

Để giải thích rõ ràng hàng loạt các phương thức trị lực này, chúng ta cần chọn một số ví dụ sinh động để giải thích thêm cho rõ!

Sẵn sàng và mệt mỏi là một loại phản ánh trực tiếp của mạnh và yếu. Nghi ngơi (đặt) có thể dưỡng tình trữ nhuệ¹¹; "lao" là vất vả, mệt mỏi. Vì vậy, là chủ thể của kế sách trong trường kế sách nhất định, phải tìm cách hạ thủ đối phương, làm cho cán cân so sánh chuyển hoá lệch về phía có lợi cho mình. "Liêu trai chí dị" có một câu chuyện ngụ ngôn như sau:

Có hai chú mục đồng đi vào rừng sâu, chui vào hang sói, nhìn thấy hai con sói con. Hai chú mục đồng mỗi chú bế một con, rồi lần lượt trèo lên hai cây to, cây nọ cách cây kia chừng mười bước chân. Một lát sau, sói mẹ quay về cho con bú, thấy mất con, sục sạo tìm kiếm. Một chú mục đồng bịt tai con sói con, làm nó kêu thét lên. Sói mẹ nghe thấy lao tới, tức tối sủa âm ỉ. Chính lúc ấy, chú mục đồng ở cây khác cấu đầu nhói vào đuôi con sói con kia, làm cho nó kêu tướng lên, sói mẹ lại chồm đến... Thế là sói mẹ gằm gừ lao đi

¹¹ Dưỡng tình trữ nhuệ: tình thần được bù đắp đầy đủ, sức mạnh được tích lũy lại càng thêm mạnh.

lao lại giữa hai gốc cây, đề đến trên chục lần, cuối cùng mệt quá đứt hơi thở mà chết.

Trong câu chuyện ngụ ngôn này, hai chú mục đồng kia vừa nhanh trí vừa dũng cảm, phối hợp chặt chẽ với nhau, buộc sói mẹ phải chạy đi chạy lại nhiều lần, đến nỗi cuối cùng đứt hơi, tắc thở mà chết, trong đó then chốt là "đặt năng lao chi". "Đặt năng lao chi": mình thì nghỉ ngơi nhưng lại làm cho đối phương mệt mỏi, lấy sự nghỉ ngơi đó để đối phó với sự nhọc nhằn vất vả, trong cuộc sống thực tế còn biết bao ví dụ sinh động khác.

Tào Vĩ là một danh tướng thời Bắc Tống, đưa quân xuất chiến đánh Đảng Hạng. Quân Đảng Hạng ngay từ đầu đã bị thua, vì muốn chờ thời nên đã chủ động rút lui. Tào Vĩ không cho quân đuổi theo truy kích mà chờ cho quân địch đã đi xa, cho bộ đội đuổi theo thu nhặt trâu, bò, dê và đồ quân nhu rồi từ từ quay về, từ tốn ung dung, chẳng ra vẻ đánh nhau. Quân Đảng Hạng đã đi xa mấy chục dặm, nhưng được tin quân Tống hồi của, đội ngũ toán loạn, vội thừa cơ quay lại đánh trả. Tào Vĩ nghe tin cũng chẳng tỏ vẻ lo lắng, ra lệnh cho cấp dưới hãm tốc độ lại mãi cho tới khi đã hành quân tiến đến một nơi có địa thế thuận lợi mới dừng lại, chỉnh đốn đội ngũ chuẩn bị xông trận. Khi tiếp cận địch, Tào Vĩ cho người nói với thủ lĩnh Đảng Hạng: "Các anh từ xa tới chắc mệt mỏi vất vả lắm, chúng tôi không muốn nhân cơ hội này mà quật ngã các anh. Các anh hãy nghỉ ngơi chút ít rồi chúng ta sẽ quyết chiến với nhau!" Thủ lĩnh Đảng Hạng nghe xong rất vui mừng, lập tức cho quân sĩ thuộc hạ nghỉ tại chỗ. Họ nào ngờ rằng, sau phút chốc nghỉ ngơi đó, gân cốt được thả lỏng, nhuệ khí suy giảm. Khi Tào Vĩ đưa quân, quân Đảng Hạng bị đánh tới bởi không còn một mảnh giáp.

Lấy "đặt dãi lao" (lấy việc nghỉ ngơi để đối phó với sự mệt mỏi), trong việc chỉ đạo tác chiến là chỉ việc dựa vào địa hình thuận

lợi mới dưỡng tinh thần, tích trữ nhuệ khí, chờ cho kẻ tấn công mệt mỏi, sĩ khí giảm sút mới tấn công. Nó đòi hỏi chủ thể của kế sách phải tích cực điều động kẻ địch, chỉ phối một cách năng động sự phát triển cục thế, tạo điều kiện thuận lợi để tiêu diệt địch. Tào Vĩ chính là đã tuân theo cách suy nghĩ cơ bản ấy, dụ cho quân Đàng Hạng vốn đã định rút lui quay lại, rồi tiếp đó là lợi dụng thời cơ mà quân Đàng Hạng từ xa đi bộ tới vô cùng mệt mỏi, chỉ một nhát, đánh tan quân Đàng Hạng. Sau trận này, các tướng lĩnh đến hỏi về bí quyết thắng lợi. Tào Vĩ giải thích: "Quân địch đã rút lui, ta lại gây ra giả tưởng tham lam vợ vết của nả, dụ chúng quay lại mới đánh. Chúng đã đến, đã đi, giờ quay lại, liên tục hành quân gần trăm dặm đường, đã mệt mỏi quá đỗi, nhưng lại phải giao chiến ngay thì dù sao vẫn còn ít nhiều nhuệ khí. Chúng ta muốn giành thắng lợi, vẫn còn phải trả giá đắt. Mọi người đều biết, người đi đường xa, chỉ cần nghỉ ngơi chốc lát, sẽ cảm thấy hai chân tê mỏi, đau lưng, đầu nhức, sĩ khí còn lại sẽ tiêu tan hết chính vào lúc này. Nhưng chính ngay lúc đó mà ta tấn công, thì quân ta lại như con hổ vồ mồi vậy". Cách phân tích này rất phù hợp với phản ứng sinh lý của mọi người cho nên, những mưu kế được xác lập trên cơ sở ấy thì có khả năng sẽ thành công.

No và đói, cũng là một loại phản ứng của hoạt động sinh lý của con người. Tục ngữ có câu: "Dân dĩ thực vi thiên"⁽¹⁾ "quốc vô lương tác hoang quân vô lương tác vong"⁽²⁾. Trong các tình huống thông thường, có khả năng cung cấp đầu tư hướng thực hay không, luôn luôn là điều then chốt quyết định việc dùng binh tác chiến thành công hay không. Vì thế, cả hai bên đối địch nhau không bên

⁽¹⁾ Dân dĩ thực vi thiên: Dân thì lấy cái ăn coi là trời

⁽²⁾ Nước mà thiếu lương thực thì tất đói; quân mà không có lương thực thì tất sẽ thua.

nào về mặt cung cấp lương thực lại chịu thua nhau, lấy cái no để lo cho khi đói (lấy cái no để đối phó với cái đói), cuối cùng đạt được mục đích tiêu diệt được địch, bảo vệ được mình.

Việc phân loạn 7 nước Ngô Sở nổ ra, Chu Á Phu nhờ Đặng Đồ Uy phân tích: "Quân Ngô khí thế đang lên, khó lòng địch nổi. Quân Sở thì nóng vội, không sâu sắc, không thể lâu bền. Tình hình này không gì hơn là, đưa quân về phía đông, đồn trại chủ yếu ở Xương Ấp (thuộc Tây Bắc Kim Hương tỉnh Sơn Đông, xây tường cao cố thủ; cho một cánh quân khinh kỵ ra Hoài Tứ Khẩu (nay là Tây Tứ Hoài Âm Giang Tô, sông đổ vào Hoài Khẩu) cắt đứt đường vận chuyển lương thực của quân Ngô; đợi cho đến khi quân Ngô tinh thần mệt mỏi, lương thực cạn kiệt, thì cho quân chủ lực bấy nay lương thực đã no đủ, và lại cũng đã được nuôi dưỡng nghỉ ngơi xuất kích đánh quân Ngô đang đói rét mệt mỏi; thì chắc chắn sẽ đánh là thắng". Ý kiến này, hoàn toàn là trùng hợp với suy nghĩ của Chu Á Phu. Thế là Chu Á Phu đưa quân chiếm cứ Xương Ấp, đào hào sâu, đắp lũy cao, cự tuyệt không đánh nhau với liên quân Ngô Sở. Liên quân Ngô - Sở vừa mới vây đánh Lương vương Lưu Vũ. Lưu Vũ nhiều lần cho người đến cứu viện nhưng Chu Á Phu đều án binh bất động, chỉ cất một tốp kỵ binh nhỏ đưa đi cửa Hoài Tứ, vu hồi đến phía sau lưng liên quân Ngô Sở; cắt đứt đường tiếp tế của chúng. Liên quân Ngô Sở vây đánh đã lâu nhưng không đạt được hiệu quả, đường tiếp tế bị cắt đứt, không có cách gì bảo đảm lương ăn trong hoàn cảnh lương thực đã cạn kiệt, quân lính đã quá mệt mỏi, lại bỏ ngũ nhiều, không thể không cho rút lui. Chu Á Phu thừa thế dốc toàn lực truy kích, đại phá liên quân Ngô Sở, nhanh chóng bình định cuộc phân loạn này.

Quân Xích Mi bỏ thành Trường An và đang quay về theo hướng Đông; thì gặp Phùng Di. Đặng Vũ Bộ của quân Hán ở Hoa

Âm (nay thuộc phía Đông Hoa Âm, tỉnh Thiểm Tây). Đặng Vũ do nhiều lần bị quân Xích Mi đánh bại, nhân cuộc Tây Chinh chẳng được tích sự gì, định thử độ sức một phen, may mà thắng được chàng! Thế là liền giao hẹn với Phùng Di cũng xuất kích. Bộ tướng của ông ta là Đặng Hoàng đầu tiên đưa quân tấn công quân Xích Mi. Quân Xích Mi đánh trả tí chút, rồi chủ động rút lui, đồng thời cho 1 bộ phận mang vác nặng nề làm con mồi để nhử. Trên các túi chứa đầy bùn đất phủ lên một ít đậu vàng. Quân Hán đã bị thiếu lương ăn lâu ngày, xô đẩy tranh nhau. Quân Xích Mi vòng lại phản công, chẳng mấy chốc đánh cho quân Hán tan tành. Phùng Di lấy cố quân lính đói khát cực khổ, chủ trương đình chiến cho binh sĩ nghỉ ngơi. Đặng Vũ không nghe, hai bên lại giao chiến, cho binh sĩ giao chiến một lần nữa. Quân Xích Mi lại thắng. Đặng Vũ chỉ còn lấy hai mươi tư con ngựa cụp đuôi chạy trốn.

Có người giải thích rằng: "Phàm là quân địch từ xa đến, việc tiếp tế lương thực gặp nhiều khó khăn: địch thì đói mà ta thì no; ta có thể dựng tường cao cố thủ mà không cần đánh; đánh kéo dài, cắt đứt đường tiếp tế. Nếu chúng rút lui, phải bí mật cho quân đón đường phục kích. Đồng thời cho quân đuổi theo, nhất thiết phải diệt cho bằng được. Đó chính là "Dĩ bảo đãi cơ" (lấy việc (quân ta) no đủ để đối phó với (quân địch đói)". Trong hai ví dụ dẫn trên, cái "tuyệt kỳ lương đạo" (Cắt đứt đường tiếp tế lương thực) là một thủ đoạn hữu hiệu buộc liên quân Ngô Sở phải rút lui, còn liên quân Ngô Sở bỏ cuộc chiến, tự rút lui đã tạo ra một thời cơ thuận lợi cho Chu Á Phu cho quân truy kích. Quân Xích Mi cố tình cho một đơn vị đi vận tải cũng là một thủ đoạn hữu hiệu làm cho quân Hán rối loạn, còn sự hỗn loạn nơi chiến trận, sự tiêu tan ý chí chiến đấu của quân Hán đã tạo cho quân Xích Mi một thời cơ có lợi để phản kích

① "Bách chiến kỳ lược. Bảo chiến"

giành thắng lợi. Hai cách làm "lấy việc (quân ta) no để đối phó lại (quân địch) đói dù rằng về mặt truyền thống có nhiều điểm khác biệt, nhưng mục đích thì hoàn toàn nhất trí, đó chính là làm cho cán cân so sánh lực lượng giữa hai bên nghiêng về phía có lợi cho chính mình.

Bình tĩnh và nóng vội cũng là một đôi mâu thuẫn, là biểu hiện đột phát về mặt tâm lý của con người. Khi hai bên của kế sách rơi vào tình thế của trường cạnh tranh, đâm chém nhau bình tĩnh mà có trật tự thường đại diện cho bên mạnh, nóng vội mà vô trật tự thì đại diện cho bên yếu. Một chủ thể kế sách thông minh, một khi tự thấy mình hoảng hốt, bồn chồn lo lắng thì trước hết phải dùng những biện pháp có hiệu quả để xoay chuyển tình thế làm cho chính mình bình tĩnh lại, ngược lại mỗi khi nhận thấy đối phương có triệu chứng hoảng hốt, sợ hãi cuống cuống thì phải ngay lập tức dùng những thủ đoạn mạnh, quyết đoán để tạo được những cú đâm chí mạng.

Thời Đông Hán, Trương Hoán là Trung lang tướng của Hán Hung Nô, Tướng Đồ Các Bộ và tướng Ô Hoàn của Hung Nô câu kết nhau, cùng chống lại triều đình, phá rẫy đốt rừng, khói lửa rợp trời. Quân Hán từ trên chí dưới hoảng hốt lo âu, nhiều binh sĩ tìm đường tháo chạy. Trương Hoán nắm được tình hình này, ngồi yên trong lều vải đọc kinh cùng tử đệ, ung dung tự tại như mọi người khác. Vì thế tình hình bộ đội dần dần ổn định lại. Sau đó Trương Hoán cho người thuyết phục dụ Ô Hoàn, Tư Hạ và Ô Hoàn giảng hoà. Thủ lĩnh Đồ Các được tin, lập tức cho quân tấn công Ô Hoàn. Quân Hán thừa cơ nhanh chóng bình định Hung Nô, và nhiều nơi khác của Ô Hoàn.

Đại tướng Bắc Ngụy Thạc Bạt Anh đưa quân đánh Hán Trung. Lương Châu thích sử Nam Tề là Tiêu Ý, cử Doãn Thiệu Tổ,

Lương Quý Quán đưa hai vạn quân xây dựng cứ hiểm năm tầng lũy để phòng thủ. Thạc Bạt Anh phá vỡ từng cái một từ xa nhanh chóng áp sát, trên đường lại đánh bại quân Nam Tề Khương Tu Bộ. Quân Ngụy liên tục đánh nhau, nên đã quá mệt mỏi đang lúc chuẩn bị rút quân thì bỗng dưng vấp phải viện quân của Tiên Ý vì vậy từ tướng cho tới lính vô cùng hoang mang đang lo bỏ chạy. Thạc Bạt Anh thấy thế cố ý hăm dọa độ lại, làm như không có gì xảy ra, leo lên cao quan sát địch tình, tựa như đang nghĩ ra kế gì đó hay lắm. Sau đó chỉnh đốn lại đội ngũ, tiến bước từ tốn, quân Nam Tề thấy thế cho rằng sẽ có mai phục, không dám giao chiến với quân Ngụy, trừ trừ đôi chút rồi rút. Thế là, Thạc Bạt Anh tóm được cơ may, ra lệnh quay ngựa lại phản kích. Quân Nam Tề trở tay không kịp, tháo chạy tán loạn.

Tục ngữ có câu: "Thiên quân địch đắc, nhất tướng nan cầu"¹¹. Đó là vì, cái đạo làm tướng vừa phải có dũng, phải có mưu, văn võ song toàn, lại phải đòi hỏi đầu óc luôn minh mẫn sáng suốt. Trong những giây phút gay go nhất vẫn có thể đưa ra những biện pháp có sức thuyết phục. Thử nghĩ xem, Trương Hoán, trong tình huống lúc bấy giờ, nếu hốt hoảng, hành động cử chỉ thất sách, thì quân tướng thuộc quyền làm sao ổn định được, hướng chỉ đến chuyện dẹp yên bọn Hung Nô, Ô Hoàn? Thạc Bạt Anh, khi đứng trước một kẻ thù mạnh, nếu không bình tĩnh tự tin, biết cách chỉ huy, thì quan lính thuộc quyền thế tất bỏ chạy hết, mà lại chỉ cản trở lòng bàn tay đã chiến thắng quân Nam Tề? Từ đó ta thấy, đã làm một người chỉ huy thì cần phải: khi lâm nguy không sợ hãi, khi hiểm nghèo không rối trí, cử chỉ đàng hoàng, thủ tục thoả đáng, là một điều kiện quan trọng để chuyển bại thành thắng, hoá hiểm nguy thành yên hàn.

¹¹ Một ngàn quân còn dễ kiếm, nhưng chỉ một người tướng thôi cũng khó tìm được.

"Trọng và Khinh" (nặng và nhẹ) thể hiện ý thức quyết sách của chủ thể kế sách. "Trọng" là thận trọng, chín chắn không khinh suất. "Khinh" là khinh cuống manh động, không thận trọng, không chín chắn. Trong "bách chiến kỳ lược" có ghi "khinh chiến" "trọng chiến" cho rằng đánh nhau với giặc, cần phải "tường thâm nhi hậu xuất binh" nhược bất kế nhi tiến, bất mưu nhi chiến, tắc tất vi địch sử bại"⁽¹⁾. Cần phải thận trọng chín chắn, "kiến lợi tắc động, bất kiến lợi tắc chỉ, thận bất khả khinh cử dã"⁽²⁾. Từ đó suy ra, lấy cái thận trọng để đối phó với cái khinh suất, không thận trọng, chính là khi chưa thăm tra rõ tình hình địch, thì cần phải coi trọng kẻ thù, không thể coi thường sự tìm hiểu về tình hình địch. Khi chưa giao chiến với địch, thì cần phải "bất động như sơn" mà không thể coi thường, khinh suất, manh động. Về mặt chỉ đạo tác chiến, cần phải suy xét xem phải chăng có lợi cho mình để làm chuẩn tắc hành động, để tránh khỏi việc tự mình xô mình vào thế bị động.

Vương Chính đời Tần cho quân đánh Sở, hỏi đại tướng Lý Tín cần bao nhiêu binh mã? Lý Tín nói: Cần hai mươi vạn. Lại hỏi lão tướng Vương Tiễn, Vương Tiễn nói: "Không đủ sáu mươi vạn là không xong. Ông ta nghĩ rằng những người lớn tuổi róc cục lại nhất gan: Liền bái Lý Tín làm thống soái, đưa hai mươi vạn binh mã hành quân về phương Nam. Mới nhập cuộc thì Lý Tín rất được việc tiến thẳng một lèo, chẳng bao lâu sau vấp phải trận phục kích lớn của đại tướng nước Sở là Hạng Yên, thất bại nặng nề, thất thủ quay về. Tần vương Chính nổi giận, lập tức cách chức Lý Tín rồi tự mình

⁽¹⁾ "Tường thâm nhi hậu xuất binh, nhược bất kế nhi tiến, bất mưu nhi chiến, tắc tất vi địch sử bại: Sau khi thăm tra kỹ mới xuất quân nếu không tính toán kỹ mà tiến, đánh mà không có mưu kế, thì tất sẽ thua địch.

⁽²⁾ Kiến lợi tắc động, bất kiến lợi tắc chỉ, thận bất khả khinh cử dã: Thấy có lợi thì làm, không có lợi thì dừng làm, cần phải thận trọng, không thể khinh suất được.

gặp Vương Tiễn, xin lỗi ông ta, đề nghị ông ta cầm binh xuất chinh. Vương Tiễn kiên trì ý kiến mình: "Không đủ sáu mươi vạn binh mã là không xong". Tấn vương Chính hỏi lại: "Từ xưa tới nay trận mạc mấy khi dùng đến mười vạn người, giờ tuy binh mã có thể tăng thêm, nhưng làm gì cần tới sáu mươi vạn người?" Vương Tiễn giải thích: "Hiện giờ vây và đánh một toà thành, có lẽ phải mất mấy năm trời, giành được thành xong phải cắt cử người đồn giữ, mấy chục vạn người làm gì đủ phân phối? Hơn nữa, nước Sở đất rộng người đông, chỉ cần vua Sở ho he một tiếng, động viên một trăm vạn binh mã cũng chẳng khó khăn gì. Tôi cho rằng sáu mươi vạn e rằng vẫn chưa thấm thắp vào đâu ấy chứ! Nếu ít hơn, khó lòng làm được", Tấn vương Chính nghe xong khen rồi rút nhiều kinh nghiệm, kiến thức rộng, vui vẻ làm theo. Vương Tiễn đưa đại quân với sáu mươi vạn đến Thiên Trung sơn (nay là Nhữ Dương tỉnh Hà Nam) cho dựng trại. Vua Sở nghe tin báo, lập tức sai Hạng Yên, Cảnh Kỳ mỗi người hai mươi vạn binh mã nghênh chiến. Vương Tiễn hạ lệnh cho tướng sĩ trong toàn quân gia cố hầm hào thành lũy, khi đã cơm no rượu say thì rèn luyện thân thể: Nhảy dài, nhảy cao, ném đá. Còn việc quân Sở khiêu chiến, thì kệ đấy không cần để ý tới. Qua một thời gian dài, Hạng Yên cảm thấy có thể quân Tấn kéo đến đây là để phòng thủ, liền xem thường không coi trọng các hành động của quân Tấn nữa. Khi quân Sở lơ lửng phòng vệ, Vương Tiễn lập tức chỉ huy quân Tấn với khí thế như dời non lấp biển tổng tấn công vào quân Sở. Quân Sở vội vàng chống trả, nhưng bị đánh tới bởi tới tả, không còn manh giáp. Kết quả Hạng Yên, Cảnh Kỳ phải tự sát.

Vua Sở Phụ Sở bị bắt sống. Vương Tiễn nhanh chóng chiếm lĩnh cả nước Sở, về triều trong tư thế chiến thắng.

Cuộc chiến giữa Tấn và Sở là một cuộc chiến với quy mô tương đối lớn trong chiến tranh Tấn thống nhất Lục quốc. Sau khi

Tần vương Chính thôn tính Hàn Việt, lập lại nước Yên, vội vàng tìm cách diệt nước Sở, mà xao lãng tình hình thực tế: nước Sở đất rộng người đông khó mà đánh nhanh thắng nhanh được, đã khinh suất quyết định đưa hai mươi vạn binh mã tấn công nước Sở, kết quả là thất bại. Qua lần thất bại này, Tần vương Chính thừa nhận sự thất sách của chính mình, chấp nhận kế hoạch tác chiến của Vương Tiễn muốn đánh Sở phải tập trung ưu thế binh lực. Vương Tiễn là một vị thống soái, trong quyết sách chiến lược đâu chỉ chân thành, chín chắn; nếu cái thắng không cầm chắc trong tay thì không xuất chiến, mà hơn thế nữa, về mặt chiến thuật, không vội vã gì ra mặt liều mạng với quân Sở. Đảo ngược tình thế khách thành chủ, dụ quân chủ lực của Sở tham chiến. Khi quân Sở khiêu chiến không được thì tất cả các nhược điểm đã bộc lộ ra hết, thực thi truy kích chiến liên tục, chẳng bao lâu đã diệt xong nước Sở.

Ở đây chúng ta hãy bàn đến kế liên hoàn. Đây là một trong ba mươi sáu kế, hàm nghĩa chủ yếu của nó là: nếu phía địch nhiều binh nhiều tướng, thì không thể cố liều mạng với chúng được, cần phải buộc chúng phải tự kiềm chế để làm suy kiệt lực lượng của chúng. Trong hồi thứ bốn mươi bảy của "Tam quốc diễn nghĩa" "Bàng Thống xảo thụ liên hoàn kế" (Bàng Thống khéo léo trao kế liên hoàn), đã miêu tả cho chúng ta một đoạn chuyện rất hấp dẫn, cũng rất có thể đó là nó bắt nguồn của "kế liên hoàn"

Năm thứ mười ba Hán Kiến An (năm 208) Tào Tháo đích thân đưa đại quân tràn xuống phía Nam sau khi chiếm được Kinh Châu, định tiêu diệt luôn liên quân Tôn Lưu. Nhưng tướng sĩ người miền Bắc không quen đánh thủy chiến. Trong sông nước Trường Giang, chiến thuyền chòng chành không đứng yên, đánh nhau rất khó, Tào Tháo vô cùng lo lắng. Đúng lúc đó, mưu sĩ của Lưu Bị là Bàng Thống trá hàng Tào doanh, hiến kế với Tào Tháo: "Người

miền Bắc giỏi cưỡi ngựa, người miền Nam lại giỏi chèo đi thuyền. Nay thừa tướng quân đông, nhưng binh lính lại không quen thủy chiến. Chỉ có cách đem thuyền lớn dùng xích sắt nối lại với nhau, mấy chục chiếc thuyền nối vào nhau thành một hàng cái lớn cái nhỏ phối hợp nhau, đồng thời trên mặt thuyền lát những tấm gỗ rộng, như vậy mở rộng được thêm thuyền, lại chống được chòng chành. "Tào Tháo nghe, thấy có lý, nhưng vẫn chưa hết lo, nếu liên quân Tôn Lưu tấn công thuyền bằng lửa thì không còn cách gì thoát thân được". Bàng Thống nói tiếp: "Phàm là dùng hoá công, nhất định phải dựa vào gió. Hiệp giờ đang giữa mùa đông, phần lớn gió từ hướng Tây Bắc thổi về. Quân ta ở phía Tây Bắc, liên quân Tôn Lưu dùng lửa công thuyền, hoá ra là tự thiêu cháy mình hay sao? "Thế là, Tào Tháo chấp nhận đề đạt của Bàng Thống hạ lệnh nối liền tất cả thuyền lại với nhau. Chẳng bao lâu sau, một hôm gió đông nổi lên, liên quân Tôn Lưu dùng lửa tấn công Tào Tháo. Quân Tào Tháo do tất cả chiến thuyền đều dùng xích sắt nối chặt lại với nhau thành hàng, nên không dễ gì tách ra được, nên tách ra rất vất vả khó khăn và rất chậm, đã bị thất bại thảm hại. Đến lúc này Tào Tháo bỗng dung tỉnh ngộ ra, thở dài than thở. "Ta nhầm, ta đã trúng kế liên hoàn của Bàng Thống mất rồi". "Trên một sợi dây thùng buộc hai con châu chấu - chẳng con nào bay được". Câu tục ngữ này muốn nói tới ý liên hoàn kiếm chế. Bàng Thống xui Tào Tháo dùng xích sắt nối liền các thuyền lại với nhau, bề ngoài là giúp Tào Tháo khắc phục nhược điểm không quen thủy chiến. Nhưng thực tế lại làm cho những chiến thuyền này mất khả năng hành động tự do, không có cách gì tháo chạy kịp thời, trở thành cái bida chết cho liên quân Tôn Lưu thực thi hoá công. Bắt đầu từ kế sách này, đến việc Hoàng trá hàng, lừa thiêu Xích Bích. Về phía Tôn Lưu đã tạo ra một chuỗi xích kế sách hoàn chỉnh cho trận đại chiến Xích Bích.

6

HƯ VÀ THỰC

Hư, trống rỗng, không có thực, hư không, giả tạo; Thực, chắc chắn, có thực, thực tại. Không hư và kiên thực được liên hệ với nhau cùng mục đích mạnh hay yếu, hư nguy và thực tại thì là lại nhất trí với nhau về thật và giả. Chủ thể của kế sách xử lý phạm trù mâu thuẫn này cũng giống như thúc đẩy sự chuyển hoá giữa mạnh và yếu, làm trò ảo thuật giữa thật và giả, chủ yếu là xoay quanh mục đích của mình để tiến hành biến đổi giữa hư và thực.

Từ xưa đến nay bàn về vấn đề biến đổi hư thực hay nhất phải kể đến "Thảo lữ kinh lược". Bộ sách này đại để được hoàn thành vào hậu kỳ triều Minh. Đối với vấn đề chuyển hoá hư và thực đã lật đi lật lại nhiều lần trong đó viết: Người cầm quân giỏi, tất thường làm cho ta cảm thấy đã thực thì không phải là giả, sau đó lấy cái thực của ta để chống lại cái giả, tựa như chẻ tre, đập vỡ trứng, làm gì có quả trứng nào lại không vỡ! Nếu hư hay thực ở phía địch, tất là phải thẩm tra để biết rõ rồi tách cái thực đó, đánh vào cái giả. Nếu thực hay giả là ở phía ta, điều quan trọng là có thể đánh lừa địch: hoặc là giả mà làm cho người ta ngỡ là thực, hoặc là thực mà

làm cho người ta hiểu đó là giả; hoặc là giả mà làm cho người ta nghĩ rằng giả, làm cho địch nghĩ ngờ coi ta là thực; hoặc thực mà làm như thực, buộc địch nghĩ ngờ ta, cho rằng đó là giả.

Đoạn văn trên, tối thiểu cũng bao gồm ba tầng ý. 1. Hạt nhân biến đổi giữa thực và hư, đối với chủ thể của kẻ sách, thì chính ở chỗ làm cho khách thể hiểu nhầm, tạo điều kiện thuận lợi cho ta lấy cái thực để nhằm đánh vào cái hư. 2. Nếu cái thể của hư và thực được quyết định bởi phía chủ thể của kẻ sách, thế thì sự biến đổi giữa hư và thực sẽ có 4 hình thức: Giả mà làm như thực, thực nhưng làm như giả, giả mà làm như giả, và thực nhưng cũng tỏ ra như thực. 3. Nếu như cái thể của hư và thực được quyết định bởi phía khách thể của kẻ sách, thì sự biến đổi giữa hư và thực sẽ tương đối đơn giản hơn, chủ yếu là thủ đoạn mượn cái giả để "luồn lách" cũng có nghĩa là lợi dụng cái khó khăn nguy hiểm, kẽ hở, mâu thuẫn xung đột và các khâu yếu của khách thể kẻ sách để tấn công, hoặc là từ đó có thể thu được một khoản lợi nhuận nào đó.

1. HƯ MÀ THỰC, THỰC MÀ HƯ

Chúng ta trước hết hãy bàn đến bốn hình thức cơ bản biến đổi giữa hư và thực trong điều kiện "hư thực tại ngã" (hư hay thực là do ta).

Cái gọi là biến cái thực thành cái giả, chỉ chủ thể của kẻ sách trong tình huống lực lượng của chính mình tương đối sung túc, lấy cái nhiều để biểu thị cái ít, lấy cái mạnh để chỉ cái yếu, có ý tỏ ra các đáng về yếu đuối, thiếu thốn, để tạo cho khách thể của kẻ sách một cái cảm giác sai lầm, từ đó lợi dụng cái cảm giác sai lầm đó, nắm chắc thời cơ thích hợp, cho khách thể kẻ sách một đòn chí mạng.

Thời Chiến quốc: Ngụy Huệ vương sai Bàng Quyên mang quân tấn công Hàn Quốc. Hàn Quốc nhận thấy khó bề chống đỡ nổi, cầu viện Tề quốc. Tướng Tề là Điền Kỵ tuân lệnh xuất chiến, chiếu theo ý kiến của quân sư Tôn Tẫn, tiến thẳng đến kinh đô nước Ngụy là Đại Lương quấy phá. Bàng Quyên nhận được tin vội vàng đưa quân về để tự cứu. Tôn Tẫn nắm được rằng Bàng Quyên kiêu binh khinh địch, trong binh pháp mê tín cái gọi là lời răn điều răn: bách lý nhi thú lợi giả quệ thượng tướng, ngũ thập lý nhi thú lợi giả quân bán chi", liền mách nước giờ đây quân ta đã lọt vào trung tâm nước Ngụy, nên tỏ ra yếu thế để dụ quân Ngụy. Vì thế phải ra lệnh cho toàn quân ngay hôm nay phải làm mười vạn cái bếp, ngày mai chỉ để lại bảy vạn, ngày kia chỉ để lại còn năm vạn. Cứ thế quân Ngụy tất sẽ cho rằng quân ta đang rút lui bỏ chạy, vì vậy chúng sẽ túc trực ngày đêm để truy kích. Chờ cho đến lúc chúng truy đuổi đã quá mệt mỏi, chúng ta sẽ tìm cách ăn sống nuốt tươi chúng một cách nhẹ nhàng, bắt sống Bàng Quyên. Điền Kỵ làm theo kế ấy, quả nhiên Bàng Quyên bị mắc lừa, chỉ đưa một đơn vị bộ đội với trang bị nhẹ vội vàng truy kích quân Tề. Tôn Tẫn căn cứ vào hành động của quân Ngụy tính toán, quyết định phục kích ở quãng đường núi Mã Lăng (nay là Đại Danh, Hà Bắc), chờ Bàng Quyên đến nơi, thì bỗngưng hàng vạn mũi tên được bắn ra, rồi sau đó từ bốn phía xáp vô, tiêu diệt hoàn toàn quân Ngụy.

Trận đánh này Tôn Tẫn chỉ huy rất xuất sắc, biểu hiện ở chỗ: giảm số lượng bếp đi để tỏ ra ta suy yếu, nhử địch vào bẫy phục kích. Vốn dĩ trước đó Tôn Tẫn cùng học binh pháp với Bàng Quyên, nên thái độ kiêu căng ngang ngược và tài chỉ huy của ông ta, Tôn Tẫn chẳng lạ lắm gì. Tôn Tẫn tóm đúng điều là quân Ngụy luôn khinh thường quân Tề. Và đặc điểm hiếu thắng của Bàng

Quyền, vận dụng "bình pháp", "Tôn Tử" nang nhi thị chi bất năng¹⁾ không vội vã quyết chiến sớm với quân Ngụy, tránh né cái nhục khí của quân Ngụy, chủ động rút lui; rồi lại dùng thủ đoạn giãm bấp, tạo thành ảo ảnh quân lính hoang mang dao động, nạn đảo ngũ bỏ chạy nghiêm trọng, dụ lực lượng tinh nhuệ của quân Ngụy vào vị trí dễ phục kích, biến nhân tố bất lợi thành nhân tố có lợi, tạo điều kiện thuận lợi để giành chiến thắng. Đường sá ở Mã Lăng hẹp, địa hình hiểm yếu và lại kề sát với nước Tề, tiện cho việc bổ sung, tiếp tế, mặt khác lại dễ bề phong toả tin tức, cho nên có thể thu được hiệu quả cao hiếm thấy. Đương nhiên, Tôn Tần đã tính toán rất chính xác hành trình địch tiến ta lui, phán đoán chính xác quân Ngụy sẽ tiến đến đường rừng Mã Lăng vào lúc mặt trời đã lặn, đồng thời cũng tạo cho quân Tề có thể giáng cho quân Ngụy những đòn bất ngờ tại một địa điểm và thời gian thuận lợi đạt được mục tiêu diệt địch. Đây có thể coi là một ví dụ điển hình "thực nhi hư chi"²⁾ trong thực tiễn chiến tranh.

Cái gọi là "hư như thực chi"³⁾ là chỉ chủ thể của kế sách, trong tình huống lực lượng tự thân vẫn còn mỏng và yếu, lấy số ít địch lại số nhiều, dùng cái yếu để tỏ ra mình mạnh, cố ý tỏ ra là ta có lực lượng hùng hậu, tạo cho khách thể của kế sách một loại ảo giác, sau đó lợi dụng ảo giác đó, áp dụng các hành động thích hợp để đạt được mục tiêu mong đợi.

Thời kỳ Đông Hán, Tạng Cung nhận lệnh phạt Thục, đóng quân ở Lạc Việt. Lúc bấy giờ đại tướng quân chinh nam Sầm Bành đánh nhau với tướng Thục Điển Nhung, Nhiệm Mãn, nhiều lần thất thế. Vì thế người Việt định phản Hán quy Ngô. Do thiếu binh lực,

¹⁾ Có thể nhưng làm ra vẻ không thể.

²⁾ Thực nhưng làm ra vẻ không thực.

³⁾ Giả nhưng làm như thực.

Tạng Cung không có gì ngăn cản nổi hành động của người Việt đâm ra buồn chán, may sao gặp được hàng trăm xe từ các địa phương tiếp tế lương thực. Thế là, ông ta cho người nhân trời tối cửa đứt cổng thành, ra lệnh cho các xe ấy cứ ra ra vào vào, điều vô dương oai trông rất có thanh thế. Chờ đến trời sáng, do thám của người Việt nghe thấy tiếng xe ngựa không ngớt, lại còn đẩy nhau làm gãy cả cổng thành, liền chạy toán loạn khắp nơi kháo nhau rằng triều đình nhà Hán cho đại quân tới. Thủ lĩnh Lạc Việt được báo cáo lên, vội vàng đem trâu, dê, rượu thịt dâng lên, uỷ lạo quân lính. Vì thế Tạng Cung cho mở hội tướng sĩ, giết trâu lo rượu khao thưởng toàn quân. Người Việt thấy thế không dám làm phản nữa, cam phận chịu sự quản lý của Tạng Cung.

Đây là một câu chuyện nhanh trí cơ cảnh, giỏi xử lý tình huống, biến cái hư, cái ảo thành cái thực. Thủ lĩnh Lạc Việt lúc bấy giờ định làm phản nhưng quân Hán thì không đủ sức chế ngự, làm cho Tạng Cung đau đầu buốt óc. Nếu không có hàng trăm xe tiếp tế của địa phương, thì chẳng biết Tạng Cung phải dùng đối sách nào cho được? Nếu dùng số binh lực ít ỏi để trấn áp Lạc Việt ư, thì không những chắc gì đã giành được thắng lợi? Đó là một vấn đề, không những thế, mà còn có thể làm cho mâu thuẫn giữa hai bên phát triển thành xung đột bạo lực, bất lợi cho toàn bộ kế hoạch phạt Ngô. Tạng Cung thấu hiểu quan hệ lợi hại trong đó, cho nên mượn đội vận chuyển lương thực đem đến cứ hết ra lại vào, lượn đi lượn lại từ trong ra ngoài, từ ngoài vào trong thành, tạo thành ảo giác đại quân từ xa đang tới. Thủ lĩnh Lạc Việt không biết lấy giả làm thật đành phải đi giết trâu mổ bò chuẩn bị rượu thịt uỷ lạo quan binh. Tạng Cung tới lúc này mới tránh được sự manh động.

Ngu Hủ thời Hán An đế được bổ nhiệm làm Thái thú Vũ Đô (nay là huyện Thanh, Cam Túc) để bình định những cuộc gây rối

của người Khương ở địa phương. Trên đường đi nhận chức, Ngụ Hủ cùng các thuộc lại đến gần Trần Thương, Hi Cốc (nay là phía đông Bảo Khê, Thiểm Tây) thì bị hàng ngàn người Khương chặn đánh. Ngụ Hủ vội ra lệnh dừng lại, nói là phải trình thư lên trên xin thêm quân, chờ viện quân tới mới đi tiếp về phía tây. Người Khương nghe thấy vậy, tin là thật liền phân tán thành nhiều nhóm nhỏ, đến các vùng lân cận cướp bóc. Ngụ Hủ thừa cơ vượt qua, rồi vội vàng lao về phía trước. Đi suốt ngày đêm được hai trăm dặm, đồng thời cứ mỗi chổ trú chân, lệnh cho lại sĩ lập 2 bếp, sau một ngày số lượng tăng đôi. Người Khương vì sợ Ngụ Hủ tẩu thoát, đuổi theo, nhưng nhìn thấy số lượng bếp của Ngụ Hủ ngày một nhiều, nên không dám đuổi theo nữa. Ngụ Hủ và mọi người vì thế mà đến Vũ Đô sớm hơn.

Ngụ Hủ cho tăng lượng bếp lên là để tỏ ra ta mạnh, ngược với Tôn Tấn, giảm số lượng bếp đi để tỏ ra là mình yếu. Dụng ý khác nhau hoàn toàn. Giảm số bếp đi chứng tỏ mình yếu là để dụ như địch tiến lên, tăng số bếp lên để tỏ ra là ta mạnh, tức là để dọa, buộc địch rút lui. Hẳn loại kế sách này đều được nghĩ ra và vận dụng trong trường kế sách đặc thù, vì vậy chủ thể của kế sách nếu không có được cái tài năng đặc thù thì cũng khó lòng thực hiện được. Ngụ Hủ dùng biện pháp tăng số lượng bếp lên để đe dọa buộc người Khương phải rút lui, những người tuy từng theo ông không hiểu nguyên do, vì thế sau khi đến Vũ Đô mới hỏi Ngụ Hủ: "Ngày xưa Tôn Tấn hành quân cứ sau một ngày thì giảm bếp, nay tướng công sau một ngày lại tăng bếp. Trong binh pháp nói rằng mỗi ngày hành quân không quá ba mươi dặm để phòng những chuyện khó lường trước hết được, nay tướng công cho hành quân mỗi ngày hai trăm dặm tại sao vậy?". Ngụ Hủ trả lời: "Giặc đông còn ta thì ít, đi chậm dễ bị chúng đuổi theo, hành quân nhanh, chúng không sao quan sát

biết được tình hình của ta. Bọn giặc Khương thấy bên ta số bếp ngày một tăng thêm, tất chúng phải cho rằng ta được tăng viện, sẽ không dám đuổi theo. Xưa Tôn Tần giảm số bếp là để cho địch ngộ nhận thế của mình yếu. Tình thế bây giờ lại khác. Đối với giặc Khương thì phải tỏ ra mình mạnh, mới có thể buộc chúng rút lui không dám truy kích". Những phản tích ấy chứng tỏ kỹ xảo tùy cơ ứng biến của Ngụ Hủ vô cùng cao siêu.

Thời Lưu Tống Nam triều, Đàn Đạo Tổ được lệnh phạt Ngụy. Đánh nhau với quân Ngụy hơn ba mươi sáu trận, luôn có tin thắng trận. Khi quân Tống đánh tới Lịch Thành (nay là huyện Sóc tỉnh Sơn Tây) quân Ngụy tấn công đường tiếp tế quân lương của quân Tống bằng khinh kỵ, đốt lương thảo. Đàn Đạo Tổ thấy việc cung ứng lương thảo không được thường xuyên liên tục, thì đành phải chuẩn bị rút quân. Lúc ấy, có một người lính chạy sang hàng quân Ngụy. Đem chuyện quân Tống hết lương thực nói cho tướng lĩnh quân Ngụy biết. Tướng lĩnh quân Ngụy lập tức cho truy kích. Quân Tống biết tin vô cùng hốt hoảng, nhân tâm thất tán. Trong giờ phút nguy cấp đó, Đàn Đạo Tổ nghĩ ra một kế lập tức lệnh cho quân lính nhân lúc trời tối dùng đầu đóng cát vừa đóng vừa đếm, cố ý làm cho mọi người đều nghe thấy, sau đó đem một ít lương thực còn giữ lại được rắc lên các bao cát đã đóng xong, rồi đặt ven đường. Chờ trời sáng, quân Ngụy phát hiện ven đường có nhiều lương thực, liền tưởng đến những tiếng hô đóng đếm tối qua, nhận định quân Tống đầu thiếu lương thực, tên lính Tống xin hàng kia bị ngộ nhân là làm gián điệp, lập tức bị xử trảm, đồng thời cho ngừng truy kích, chỉ quan sát từ xa hướng dịch chuyển của quân Tống. Thế là Đàn Đạo Tổ một mặt hạ lệnh cho tướng sĩ khoác áo giáp, cầm kiếm, vũ trang đầy đủ; mặt khác, bản thân ông ta đặc chí ngồi trên chiến xa, nói cười vui vẻ từ tốn đưa quân Tống hành tiến. Ngụy quân thấy vậy,

ngờ rằng Đàn Đạo Tế đang tổ chức mai phục, càng không dám lại gần. Thế là quân Tống rút lui an toàn.

Đàn Đạo Tế hiểm nguy không sợ hãi, sao mà ung dung tự tại! Cả hai bên địch ta xấp gần trong gang tấc, nếu đánh nhau thì quân Tống không có cách nào chống đỡ nổi. Giả dụ như không nhân đêm tối nghĩ ra chuyện đóng cát, thì quân Ngụy có thể tấn công ngay sáng hôm sau. Giả dụ như khi quân Tống rút lui, quân lính kinh hoàng tháo chạy. Quân Ngụy nếu biết được đâu là hư là thực, thì cũng có thể vội vàng đuổi theo, buộc quân Tống không làm sao rút lui êm thấm được. Đàn Đạo Tế tinh thông chiến thuật tâm lý, nên dùng động tác giả để làm rối loạn nhịp điệu tác chiến của quân Ngụy.

Qua ba ví dụ trên, chúng ta có thể nhận thấy, trong thực tiễn chiến tranh, bên thiếu lực lượng nhưng cố tình tỏ ra mình có thực lực lớn, vẫn có thể đe dọa kẻ thù để bảo vệ hành động của mình. Đặc biệt là trong điều kiện không có lực lượng thì càng cần phải cố ý tạo thanh thế khi không có ý định hành động, nhưng lại làm ra vẻ sắp hành động, khi không đủ lực lượng lại tạo ra ảo tượng, tỏ ra thừa sức, lực lượng có dư, hoặc làm trận địa giả, nhiều loạn hành động của địch. Đó là các kiểu biểu hiện "hư nhi thực chi" (hư mà cứ như là thực).

Cái gọi là "hư nhi hư chi" là chỉ chủ thế của kẻ sách trong tình huống lực lượng tự thân tương đối yếu mỏng, nhưng vẫn cố làm ra vẻ không dấu điểm gì, tạo ra cảm giác sai lầm cho khách thế, sau đó lợi dụng cái ảo giác sai lạc đó, hoặc là dùng một hành động nhất định nào đó để đạt được mục đích mong đợi.

Gia Cát Lượng lần đầu tiên Bắc phạt, đưa mười vạn đại quân, liên tục tấn công ba quận là Thiên Thủy, Nam An, An Định của

quân Tào Ngụy. Nhưng vì Mã Tốc đi đầu đã bỏ mất Nhai Đình (nay là Tân An Cam Tức) một vị trí chiến lược quan trọng, quân Thục buộc phải rút lui. Gia Cát Lượng còn ở Tân Thành chưa kịp lên đường thì Tư Mã Ý kéo quân tới. Lúc bấy giờ, ở Tân Thành chỉ còn để lại mấy ngàn lính già và mấy chục nữ quan, khó lòng chống lại, tình thế vô cùng nguy cấp. Gia Cát Lượng phân tích tâm lý dùng binh của Tư Mã Ý xong, quyết định bỏ trống thành và bố trí nghi binh. Ông hạ lệnh cho quân sĩ bỏ hết cờ xí trên thành, mở toang cửa thành ở bốn phía, vẩy nước, quét dọn đường sá, còn bản thân mình thì ngồi trên gác, đối hương, đánh đàn, tỏ vẻ an nhàn tự đắc. Tư Mã Ý đến chân thành, từ xa đã nhìn thấy Gia Cát Lượng điềm tĩnh, tự tin, tiếng đàn không loạn nhịp, nghi rằng ở cửa thành có bố trí lính mai phục, bèn hạ lệnh cho toàn quân rút lui. Gia Cát Lượng dẫn bộ chúng hội họp với Triệu Vân, rồi ung dung rút về.

"Không thành kế" do Gia Cát Lượng đóng vai chính thuộc loại hư cấu văn học của "Tam quốc diễn nghĩa", nhưng trong lịch sử vẫn tồn tại một cách chân thật câu chuyện dùng "không thành kế" để tự bảo vệ mình hay làm đại bại kẻ địch mạnh.

Thời Lưu Tống thuộc Nam triều, Bắc Ngụy đưa quân đánh Tế Nam. Thái thú Tế Nam của nhà Tống là Tiêu Thừa Chỉ đưa một trăm người giữ thành. Quân Ngụy người đông thế mạnh, ếm sát chân thành. Tiêu Thừa Chỉ lệnh cho quân lính tháo cờ, im tiếng trống, mở rộng cửa thành. Mọi người lo lắng thắc mắc. Quân địch hùng mạnh đang ở ngay trước mặt, giặc đông còn ta thì ít, tại sao lại coi thường địch thế? Tiêu Thừa Chỉ giải thích: "Trước mắt thì chúng ta đơn thương độc mã giữ cùng thành, sự thế đã đến mức vô cùng nghiêm trọng, nếu mà để lộ ra tình hình thực tế, tất nhiên sẽ bị kẻ thù bắt giết hết, cho nên làm ra vẻ chẳng dấu điểm điều gì, làm

cho kẻ địch cho rằng chúng ta rất mạnh nên không dám liều lĩnh công thành.

Quân Ngụy nhìn thấy sự bố trí sắp đặt của Tiêu Thừa, nghĩ rằng ngay ở cửa thành có bố trí mai phục, nên không công thành nữa mà rút lui.

Đường Khai Nguyên năm thứ mười lăm (năm 727), người Thổ phiên tấn công Qua Châu (nay là An Tây tỉnh Cam Túc), thủ tướng Vương Quân Hán bị bắn chết, triều đình uỷ nhiệm Trương Thư Khuê làm Qua Châu thích sử, sau khi nhiệm chức Trương Thư Khuê lập tức tổ chức dân chúng xây dựng tường thành tăng cường chuẩn bị. Thế nhưng tường thành chưa kịp xây xong người Thổ phiên đột ngột kéo đến đánh. Lúc này mọi cư dân trong thành vô cùng hoảng sợ. Trương Thư Khuê cho mời các thuộc hạ lại, phân tích cho họ: "Địch thì đông mà ta thì ít. Không thể dùng tên sắc, bắn đá để cố đánh trả, phải dùng mưu mẹo kế sách, buộc bọn Thổ phiên phải rút quân". Và thế là ông ra lệnh cho quân sĩ chuẩn bị rượu thịt, tìm nhạc công thổi sáo đánh đàn, rồi đích thân ông cùng binh lính uống rượu vui chơi, đồng thời mở toang cửa thành. Thủ lĩnh quân Thổ phiên nhìn thấy nghĩ rằng trong thành thế nào cũng có quân mai phục, không dám coi thường, liều lĩnh vào thành đánh cho rút quân.

Những đóa hoa của trí tuệ thường nở ở những nơi nguy hiểm, những chiến công thần kỳ thường xuất hiện vào những giây phút căng thẳng gay cấn nhất. Khi mà quân Ngụy và quân Thổ phiên đã ém chặt dưới chân thành, Tiêu Thừa Chỉ, Trương Thư Khuê hoàn toàn nhận thức được rằng lực lượng của mình quá mỏng, quá yếu, nhưng chẳng hề lo phòng bị, việc làm đó đòi hỏi một sự can đảm nhất định. Đương nhiên, nếu chỉ dựa vào sự can đảm thôi thì sao đủ! Ở đây Tiêu Thừa Chỉ, Trương Thư Khuê đã biết lợi dụng đặc

điểm tâm lý của đối phương, đối phương nghĩ rằng ta không thể mạo hiểm đến thế, còn ta thì phá tan cái thông lệ tập quán xưa nay, dùng những hành động mạo hiểm để mê hoặc đối phương, đó chính là biểu hiện của sự cao tay vậy!

"Không thành kế" là một loại chiến thuật tâm lý mà hạt nhân của nó lại chính là chữ "nghĩ". Loại kế sách dùng chữ "nghĩ" để tạo ra chiến thắng ấy không những có thể dùng chiếm giữ thành trì của mình mà cũng có thể vận dụng trong các trận tao ngộ chiến⁽¹⁾ ở thế địch quân đông còn ta thì quân ít.

Phi tướng quân⁽²⁾ nhà Hán là Lý Quảng khi đánh nhau với Hung Nô đã có lúc sử dụng hơn một trăm kỵ binh chống chọi với mấy ngàn kỵ binh Hung Nô. Quân Hung Nô cho rằng họ là dụ binh, rất ngạc nhiên hoảng hốt, kéo nhau lên núi dần trận thế. Còn quân sĩ nhà Hán thì vô cùng sợ hãi định quay ngựa bỏ chạy. Lý Quảng thấy thế, vội vàng khuyên nhủ rồi hạ lệnh tiến lên. Khi đã đến một địa điểm cách trận địa quân Hung Nô chưa đầy hai dặm thì dừng lại, lệnh cho mọi người tất cả phải xuống ngựa, tháo yên, nghỉ tại chỗ. Một số binh sĩ cảm thấy rất nguy hiểm, Lý Quảng giải thích "Quân Hung Nô vốn cho rằng chúng ta sẽ rút lui, bây giờ mọi người đều tháo yên ngựa, chứng tỏ chúng ta không bỏ đi, chúng sẽ tin chắc rằng chúng ta là dụ binh". Cứ thế, kỵ binh Hung Nô quả thật là không dám liều lĩnh tấn công. Thình thoàng Lý Quảng lại thấy một thủ lĩnh quân Hung Nô xuất trận giám hộ. Lý Quảng dẫn mười mấy kỵ binh, vừa phóng ngựa vừa bắn tên, bắn chết người thủ lĩnh đó, rồi quay lại chỗ cũ, tháo yên ngựa ra, thả ngựa ra, nằm vật ra ngủ. Mãi cho tới lúc hoàng hôn, kỵ binh Hung Nô từ đầu tới giờ

⁽¹⁾ Tao ngộ chiến: Trận đánh phát sinh khi quân của hai bên đối địch nhau chạm trán nhau trong quá trình vận động.

⁽²⁾ Phi tướng quân: tướng quân bay.

văn cảm thấy nghi ngờ, nên không dám liều lĩnh xuất kích. Đến nửa đêm, chúng nghĩ rằng quân Hán cho đại quân mai phục gần đó, sợ bị tập kích đánh bất ngờ, nên rút lui. Lý Quảng ung dung đưa quân về đại bản doanh từ lúc sáng tinh mơ hôm sau.

Năm thứ 24 Hán Kiến An (năm 219) vào mùa xuân. Tào Tháo đưa đại quân từ Trảng An tiến sát Hán Trung. Quân Thục dựa vào chỗ địa thế hiểm yếu cố thủ, không giao chiến. Có một hôm, Hoàng Trung thấy lương thảo của quân Tào Tháo được đồn tích lại dưới một quả núi, liền bàn với Triệu Vân đi cướp, đồng thời hẹn giờ rút về. Hoàng Trung xuất phát không bao lâu thì bị quân Tào bao vây, dù tả xung hữu đột cũng không sao thoát được. Triệu Vân thấy đến giờ hẹn mà không thấy Hoàng Trung quay về, liền đưa hơn chục con ngựa đi đón. Lúc ấy là lúc Hoàng Trung đang bị tấn công. Triệu Vân một mình một ngựa xông tới, lọt vào trong cứu được Hoàng Trung ra. Vừa đánh vừa rút lui, mãi cho đến khi về tới doanh trại. Tào quân đuổi riết ở phía sau, cũng đến thẳng trước cửa doanh trại của Triệu Vân. Triệu Vân thấy tình thế địch thì đông mà ta thì ít, khó chống đỡ nổi, liền mệnh lệnh cho cấp dưới cố ý mở rộng cửa doanh trại, cuốn cờ, thôi đánh trống tạo ra cảnh giả như không hề có sự mai phục nào. Tào Tháo tức công trại, nhìn thấy trong doanh trại trống trơn tuột, nghi rằng bên trong có lính mai phục, không dám khinh thường liều lĩnh đánh vào. Nhưng khi quân Tào rút đi, Triệu Vân cho quân sĩ nổi trống la hét, hàng vạn mũi tên lao ra. Quân Tào lúc ấy hoảng hồn bỏ chạy, dẫm đạp lên nhau, thương vong không sao kể xiết. Hôm sau, Lưu Bị đến doanh trại của Triệu Vân xem xét, không kìm nổi sự thán phục, khen: "Cả đời Tử Long cũng đến thế mà thôi!".

Lý Quảng và Triệu Vân đều là những kẻ có gan có mật có mưu có kế trong tâm mắt mình, đối mặt với một kẻ địch mạnh, nếu

đánh thì tất sẽ bị tiêu diệt, nếu lui thì cũng chẳng còn, làm thế nào? Tục ngữ có câu: "Nhân tại nguy nan tu phóng đảm"¹¹. Nếu thiếu can đảm, không cả gan thì chẳng có cách gì ứng phó cục diện ấy, nhưng nếu chỉ dựa vào sự can đảm mà thiếu kế sách, thì cũng chẳng ứng phó nổi cái cục diện này. Cho nên, sau lần Lý Quảng chạm trán với kỵ binh Hung Nô, điều đầu tiên nghĩ ra được là: Chỉ cách đạo quân mấy chục dặm đường, nếu bỏ chạy về, quân Hung Nô đuổi bắt tên theo có lẽ chẳng ai chạy thoát; nhưng nếu ở lại, không bỏ chạy, thì kỵ binh Hung Nô tất sẽ cho rằng, họ chính là những người đi trước làm dụ binh cho đại quân đang ở phía sau, vì thế không dám tấn công vào họ. Cách phân tích tâm lý như vậy vô cùng xác đáng. Quay lại chuyện Triệu Vân bị quân Tào Tháo truy kích, có lẽ cũng trần trụi suy nghĩ như vậy, nếu họ quay lại đâm chém nhau với quân Tào Tháo, sẽ bị tiêu diệt không còn một mống. Nếu cố thủ trong doanh trại, chống trả quân Tào Tháo, thì cũng chắc chẳng được bao lâu, ngược lại, nếu mở rộng cửa doanh trại, cuốn cờ im tiếng trống, sẽ làm cho Tào Tháo nghi ngờ, làm cho quân Tào không dám coi thường liều lĩnh đánh vào. Lý Quảng, Triệu Vân từ nhận thức phân tích riêng của chính mình, trong tình huống lực lượng yếu, mỏng, tạo ra một biểu tượng trống không hoàn bị, cuối cùng buộc địch phải rút lui, che dấu được hành động của mình.

Trong các hình thức chuyển đổi giữa hư và thực, thì "hư nhi hư chi" được coi là một hình thức đầy thi vị. Đối với một người bình thường sự trực quan cảm tính rất dễ bị ảnh ảo của sự vật làm mê hoặc. Những định kiến mang tính chất kinh nghiệm cũng rất dễ lái sự phán đoán theo hướng lầm lạc. "Không thành kế" chính đã lợi dụng được cái khiếm khuyết này trong trí tuệ con người. Tuy nó là sản phẩm của thực tiễn chiến tranh truyền thống, nhưng những

¹¹ Người ta khi gặp nguy nan thì phải dám làm (cả gan).

chiến thuật tâm lý mà nó bao quát được, cho đến ngày nay vẫn còn sức sống nhất định.

Cái gọi là "thực nhi thực chi" là chủ thể của kế sách khi chính bản thân mình rơi vào điều kiện có ưu thế, vẫn tỏ ra đã được chuẩn bị sẵn sàng từ trước, tạo cho khách thể của kế sách một cảm giác sai lệch, sau đó lợi dụng chính cái cảm giác sai lầm ấy. Với những biện pháp nhất định, đạt được mục tiêu định sẵn.

Hồi thứ 50 của "Tam Quốc diễn nghĩa" Gia Cát Lượng tính toán Hoa Dung đạo" đã miêu tả một câu chuyện về kế sách "Thực nhi thực chi"

Tào Tháo bị thua ở trận Xích Bích xong, cùng tàn quân chạy về Nam Quận. Nửa đường phải đi qua Hoa Dung đạo, hoặc là phải đi tránh bằng một con đường lớn khác. Đường lớn này tương đối bằng phẳng, nhưng xa hơn trên năm mươi dặm. Hoa Dung đạo núi non hiểm trở, đường hẹp nhưng gần hơn năm mươi dặm. Tào Tháo cho người leo lên núi trình sát hư thực động tĩnh về báo cáo lại: "Ven con đường nhỏ, nhiều nơi có khói bay lên trên đường lớn lại hoàn toàn yên ắng". Thế thì, nên đi đường nào bây giờ? Các tướng lĩnh đều cho rằng: "Nơi có khói bay lên, tất có binh mã". Nhưng một con người thông hiểu binh pháp như Tào Tháo, lại căn cứ tập quán dùng binh thường lệ "hư nhi thực chi" "thực nhi hư chi" phân tích: "Gia Cát Lượng túc trí đa mưu, cho nên sai lính leo lên núi nhằm nơi vắng vẻ hẻo lánh đốt lửa, làm cho chúng ta không dám đi trên con đường đó. Ông ta sẽ bố trí mai phục ở con đường lớn. Chúng ta quyết không bị ông ta lừa". Thế là lệnh đi theo đường Hoa Dung đạo. Kết quả, chẳng những đi được bao xa đã liên tục chạm trán quân mai phục của Gia Cát Lượng, bị đánh cho tan tành. Tào Tháo thì suýt nữa bị Quan Vũ bắt sống.

Câu chuyện này tùy thuộc diện hư cấu, nhưng hợp với lý thông thường. Bố trí tác chiến của Gia Cát Lượng không những phải tính đến thiên thời, địa lợi mà còn suy xét xem đối phương đã đánh giá về phía mình ra sao. Nhất là nhằm đúng vào đặc điểm Tào Tháo thuộc binh pháp lâu lâu, đa mưu, giỏi phán đoán, mà lại dụng binh theo tập quán binh thường, thu được hậu quả mà kẻ địch chưa tính tới, lấy bàn toán của địch để tính. Cho nên hậu thế có người tổng kết kinh nghiệm tác chiến, đã chỉ rõ: "Nếu tướng giặc thuộc lòng binh pháp của tiên nhân, thế thì để đối phó lại phải dùng ngược binh pháp cổ".

2. NHUNG TÌM RA TỔ KIẾN THÌ LẠI LÀM ĐÊ VỖ

Con dê dài hàng trăm dặm phải vỡ vì một tổ kiến, lâu dài cao vạn trượng sập tới vì gỗ mục.

Hư mà thực, thực mà hư, hư mà hư, thực mà thực, có 4 kiểu tất cả, chủ yếu là do sự mạnh yếu, tốt xấu của tự thân chủ thể kẻ sách mà nảy sinh ra. Thế nhưng "hư thực tại địch", lại là chủ thể của kẻ sách, vận dụng kẻ sách thì phải chú trọng dẫn đo cân nhắc từ phía nội bộ khách thể của kẻ sách làm điểm xuất phát, thấy có chỗ trống thì bước vào, trên tay thì dắt nghé, thấy nhà cháy thì lấy của chơi, thấy nước đục thì mò cá, đã trở thành thủ đoạn mà chủ thể kẻ sách thường dùng. Hạt nhân của loại kẻ sách này là ở chỗ lợi dụng sự nguy hiểm, sự trống rỗng, sự mâu thuẫn xung đột và những mất xích yếu nhất của khách thể kẻ sách, dùng những biện pháp thiết thực có hiệu quả để đạt được cái mục đích mà lẽ ra bình thường khó lòng đạt được.

Năm thứ 38 thời Chu Kinh vương (năm 482 trước công nguyên) vào mùa xuân, Ngô vương Phù Sai vì muốn xưng bá trung

nguyên, đích thân đưa ba vạn lính tinh nhuệ, tiến về Hoàng Trì ở phía Bắc (nay là Tây Nam Phong Khâu Hà Nam) để phối hợp với đồng minh, chỉ để lại binh lính già yếu một vạn người. Thái tử nhà Ngô là Hữu Trấn giữ Cô Tô (nay là Tô Châu, Giang Tô). Việt vương là Câu Tiễn thấy dịp may đã đến, nhân Phù Sai vừa rời khỏi quốc đô, định đưa quân đi đánh nước Ngô. Đại phu Phạm Lãi cho rằng thời cơ chưa chín mùi, phân tích: "Ngô vương xa giá lên phương bắc gặp các chư hầu ở Hoàng Trì, tinh binh đi theo vua, trong nước trống rỗng, binh lính già yếu ở phía sau, thái tử lưu giữ, lính (tinh nhuệ) vừa xuất cảnh chưa được bao lâu, chưa đi được bao xa, nếu nghe tin nước Việt nhân cơ hội ấy tràn vào lấp chỗ trống, thì chuyện cho quân quay lại không có gì là khó cả". Rồi khuyên Câu Tiễn hãy tạm gác lại, chưa xuất quân vội. Chừng 1 tháng sau, dự đoán quân Ngô đã đến Hoàng Trì, Câu Tiễn liêu điều tập năm vạn binh mã, chia ra làm hai nhánh, tiến thẳng về Cô Tô. Ngô thái tử Hữu soái bộ chặn đánh sự tấn công của Việt quân. Không địch nổi số đông. Cuối cùng bị bắt sống. Việt quân nhanh chóng chiếm lĩnh Cô Tô. Phù Sai ở Hoàng Trì nghe tin, cố giành được địa vị bá chủ, sau đó quay về để cứu. Nhưng do viễn chinh lâu ngày, quân mệt mỏi dân thì khốn đốn, trong nước trống rỗng, phản kích Việt quân không chắc thắng được, nên giữa đường cho người cầu hoà với Câu Tiễn. Câu Tiễn tự nhận thấy không đủ sức diệt Ngô, liền chấp nhận, rút quân về nước.

Đó là bước đầu tiên Việt vương Câu Tiễn trừ diệt nhà Ngô. Sở dĩ quân Việt ra quân và giành được một số chiến thắng, nguyên nhân chủ yếu là lợi dụng Phù Sai kéo quân lên phía Bắc lôi kéo đồng minh ở Hoàng Trì, thời cơ trong nước trống rỗng. Từ tình hình thực tế lúc bấy giờ mà xét, binh lực của nước Việt so với nước Ngô vẫn ở thế yếu. Trừ phi nhân lúc trong nước trống rỗng

tràn vào lấp chỗ trống, không thể tạo thành cái ưu thế nằm bên trong một thế xấu khác được. Nhưng nếu tấn công sớm thì tất sẽ dẫn tới việc Phù Sai bỏ dở cuộc hành quân quay lại, sẽ nổ ra trận quyết chiến chủ lực sẽ đưa quân Việt đến chỗ thất bại nặng nề. Mà khi đã thất bại, nước Việt sẽ rơi vào thế bị diệt vong. Cái may là ở chỗ Câu Tiễn còn biết nghe theo lời khuyên can của Phạm Lãi. Chờ cho đến khi Phù Sai đã đến được Hoàng Trì thì hãy tấn công* nước Ngô thì tự nhiên cán cân lực lượng giữa hai bên, quân Việt sẽ giành được ưu thế. Vì vậy, nói rằng đánh vào chỗ trống, tiện tay thì cướp dê. Là một sự chỉ đạo chính xác, Câu Tiễn đánh Ngô giành được chiến thắng trong trận này.

Khi Ngụy Huệ vương còn ở trên ngôi, sai tướng quân Bàng Quyên đưa tám vạn quân tấn công nước Triệu. Vây chặt thủ đô Triệu là Hàm Đan. Nước Triệu cho người đến cầu cứu nước Tề. Tề Uy vương giao cho Điền Kỵ làm chủ tướng, Tôn Tần làm quân sư đưa quân cứu viện nước Triệu. Điền Kỵ muốn tiến thẳng đến Hàm Đan liên hiệp với quân Triệu để tấn công. Tôn Tần thì cho rằng, không nên làm như vậy, và phân tích cho Điền Kỵ: "Hiện tại bộ đội tinh nhuệ của nước Ngụy, tất cả đều tập trung dưới chân thành Hàm Đan bên trong bỏ trống. Nếu chúng ta đánh thẳng vào thủ đô Ngụy là Đại Lương (Nay là Khai Phong Hà Nam). Chiếm cứ huyết mạch giao thông của chúng, thực thi các hoạt động tập kích rộng. Ngụy quân tất sẽ bỏ bao vây Hàm Đan. Rút lui để tự cứu. Lúc ấy, chúng ta có thể nhân cơ hội Ngụy quân mệt mỏi rã rời, lấy dĩ dật đãi lao, chặn đánh giữa đường thì chắc chắn sẽ thắng". Điền Kỵ chấp nhận ý kiến đó. Cho binh tốt tiến thẳng vào ngoại ô Đại Lương để điều động Bàng Quyên hồi viện, và đưa quân chủ lực tập kết vào một vùng để chờ thời cơ, chuẩn bị đánh chặn quân Ngụy. Bàng Quyên được tin thủ đô nguy cấp, vội vã bỏ việc đánh Triệu.

đưa quân đi suốt ngày đêm về cứu Đại Lương. Khi Ngụy quân về đến Quế Lăng (nay là vùng đông bắc Hà Trạch Sơn Đông). Thì bị quân Tề đã cài sẵn ở đó chặn đánh. Quân Ngụy do một thời gian dài phải đánh Triệu, sức lực đã bị tiêu hao khá nhiều, cộng thêm phải hành quân thâu đêm suốt sáng, tiếp tế không đầy đủ, quân sĩ vô cùng mệt mỏi, nên gần như bị tiêu diệt hoàn toàn.

Đó chính là lối thoát của kế "vây Ngụy cứu Triệu". Tôn Tử binh pháp cho rằng: "Ta muốn đánh, thì dù địch có lũy cao hào sâu, cũng không thể không đánh nhau với ta, đánh vào chỗ buộc phải cứu". Trần Quế Lăng, Tôn Tân đã lấy "có đánh chúng thì mới buộc chúng phải tự cứu, làm tư tưởng chỉ đạo, buộc quân Ngụy rơi vào thế bị động. Đại Lương là trung tâm chính trị, kinh tế của nước Ngụy, không còn nghi ngờ gì nữa là cần thiết phải cứu. Quân Ngụy vây đánh Hàm Đan, phải điều động binh nhuệ tốt của chúng ra bên ngoài. Đại Lương sẽ trống rỗng không còn gì, là cái bẫy bỏ trống mà quân Tề có thể lợi dụng được. Quân Tề cấp tốc hành quân về Đại Lương, tất nhiên sẽ điều động quân Ngụy trở về để tiếp cứu, làm cho quân sĩ mệt mỏi mà tháo chạy, sức chiến đấu sẽ giảm sút nhiều. Quân Tề bí mật chọn Quế Lăng làm điểm giáp chiến, cắt đứt đường về của quân Ngụy, đó là điều mà Bàng Quyên không sao ngờ tới được. Quân Tề lấy dật đãi lao (lấy sự nghỉ ngơi đầy đủ để lấy sức của quân ta đối phó với quân địch đang mệt mỏi rã rời). Điều động quân Ngụy vào trạng thái vận động để rồi bất ngờ đánh úp cho nên chỉ cần một chút là đã giành được thắng lợi. Cái kế sách quân sự điển hình mang tính chất tổng hợp này, từ giờ trở đi đã trở thành một sách lược tốt thường dùng của các nhà quân sự ở nhiều thời đại để chuyển đổi cục thế chiến trường, đồng thời trên cơ sở đó, biến hoá thành một loạt các chiến thuật mới như vây thành đánh viện (quân). Công thành đánh viện...

Thời đầu Đông Hán. Lưu Tú cất cử đại tướng Cảnh Yêm đánh Tề vương đang cát cứ Sơn Đông là Trương Bộ. Trương Bộ lệnh cho Phó Ấp, đóng quân tại Lịch Hạ (nay là vùng Tây Lịch thành tỉnh Sơn Đông) cùng cự lý (nay là Đông bắc Lịch Thành Sơn Đông) hợp thành cái thế sừng trâu. Vừa vào trận Cảnh Yêm đã báo tin chiến thắng, đánh tiếp tới Cự Lý. Sau khi quân Hán đến Cự Lý. Cảnh Yêm ra lệnh lập tức chuẩn bị chiến cụ để công thành, ba ngày sau thì đánh chiếm thành, bí mật thả một số tù binh, để chúng truyền đạt lại cái mệnh lệnh kia cho Phó Ấp. Phó Ấp được tin, quả nhiên đúng ba hôm sau đích thân mang ba vạn tinh binh đến cứu thành Cự Lý. Cảnh Yêm mừng ra mặt, nói với các thuộc tướng: "Chúng ta sở dĩ chuẩn bị chiến cụ công thành chính là để dụ Phó Ấp xuất hiện. Nếu không đánh tan được bộ đội chủ lực của hắn, thì làm sao đánh được thành?" Thế là, Cảnh Yêm cho ba ngàn người vây giữ Cự Lý, còn bản thân mình thì đưa đại quân đến một ngọn núi kề sát Cự Lý bố trí trận địa phục kích, đón Phó Ấp đến, từ trên cao xông xuống, đại phá quân Tề, chém đầu Phó Ấp. Quân Hán mang đầu Phó Ấp về treo dưới chân thành Cự Lý. Binh lính (của Phó Ấp) lập tức tan rã. Thành Cự Lý mặc dù không đánh mà vẫn thắng.

Trận đánh này của Cảnh Yêm đã phát triển và làm phong phú thêm nghệ thuật cầm quân "vây Ngụy cứu Triệu". Bao vây và đánh Cự Lý là một thủ đoạn "công kỳ tất cứu" (đánh vào họ thì tất họ phải lo để tự cứu mình).

Chận đánh Phó Ấp là phương pháp "dĩ dật đãi lao" (lấy sự nghỉ ngơi chuẩn bị đầy đủ (của quân ta) để đối phó lại với (quân địch) mệt mỏi. Cự Lý vốn hợp với Lịch Hạ tạo thành cái thế sừng trâu, quân Hán tấn công vào, đương nhiên Phó Ấp không thể phui tay mặc kệ! Cảnh Yêm bao vây Cự Lý. Chận đánh Phó Ấp, là lấy việc đánh thành chỉ là nguy trang, là giả, mà đánh chận viện mới là

thực, biến công kiên chiến thành vận động chiến, tiêu diệt địch ngay trong lúc chúng đang vận động. Như vậy, vốn là một khúc xương khó gặm đã biến thành một miếng thịt béo ngon ăn.

Hán Kiến An năm thứ hai mươi bốn (năm 219) Quan Vũ đưa quân chủ lực tấn công Phần Thành (nay là Tương Phần Hồ Bắc) không chống chọi nổi với quân tướng Tào Phủ. Tướng nhà Ngô là Lã Mông cho rằng đây là thời cơ có lợi để Đông Ngô giành lại Kinh Châu, lần vờ ồm nạng, cho Tôn Quyền công khai triệu đòi về Kiến Nghiệp (nay là Nam Kinh - Giang Tô). Cử Lục Tốn, một người chưa nổi tiếng, nhưng không bị Quan Vũ đố kỵ lên thay. Sau khi Lục Tốn nhận chức, liền viết thư cho Quan Vũ, tự cho mình là một là một kẻ thư sinh bất tài, ra tăng bốc uy tín quân sự của Quan Vũ, có thể sánh ngang hàng với Tống Văn công. Hàn Tín để tăng thêm vẻ cao ngạo. Quan Vũ được tin Đông Ngô thay tướng, rồi lại nhận được thư của Lục Tốn liền bị mê hoặc bởi hành vi lừa dối của Đông Ngô. Quả nhiên từ Nam Quận (Giang Lăng, Quận Tri) cho quân tấn công Phần Thành, không lưu ý cảnh giác với Đông Ngô nữa. Tôn Quyền nhận được tin, lệnh Lã Mông làm đại đô đốc, đưa quân tập kích Giang Lăng. Lã Mông đưa quân men theo dòng sông, tiến đến Tầm Dương (nay là đông bắc Quảng Tế Hồ Bắc), dấu tinh binh trong khoang thuyền, cho lính chèo mặc quần áo trắng, ngụy trang thành thương nhân, đi suốt ngày đêm. Sau khi vào bên trong đất Thục, quân Ngô thừa cơ địch không đề phòng, đã dọn sạch các điểm canh ven sông của quân Thục, làm cho Quan Vũ mất hết tai mắt, không biết được rằng quân Ngô đang tiến về hướng Tây. Thủ tướng quận Nam Thục vốn bất mãn với Quan Vũ, lúc ấy thấy quân Ngô kéo đến tấn công thì vội mở cửa thành xin hàng. Lã Mông chiếm được Nam Quận mà lính không hề mất một giọt máu nào. Sau khi Quan Vũ mất đứt hậu phương, không còn sức lấy lại được,

đánh bỏ Phàn Thành, rút lui về phía Tây Nam, kết quả bị quân Ngô bắt rồi đem giết chết. Quân Ngô nhanh chóng chiếm lĩnh các quận vốn do Quan Vũ cai trị ở Kinh Châu.

Đó là chiến dịch "áo trắng qua đò" lừng danh. Lã Mông, Lục Tốn nắm được ý đồ Quan Vũ dốc toàn lực tấn công Phàn Thành. Thời cơ hiếm có xuất hiện: hậu phương bỏ ngõ, Lã Mông và Lục Tốn nhanh chóng bắt ngờ chiếm lấy Giang Lăng đến nỗi làm cho Quan Vũ rơi vào tình thế tiến thoái lưỡng nan. Trong vở kịch đầy lý thú này, quân thần Đông Ngô diễn xuất rất xuất sắc. Bên ngoài thì tỏ thái độ hoà khí, bên trong đầy quỷ kế, không lộ rõ ý đồ ra ngoài, nhưng bên trong ngấm ngấm nguy hiểm, bốn cơi Quan Vũ như đặt Quan Vũ trong lòng bàn tay, để rồi cuối cùng, nhằm lúc bất ngờ, mất cảnh giác tung quân ra giáng những đòn chí mạng. Điều đó cũng dễ hiểu thôi, hậu phương của Quan Vũ bị bỏ trống, đó là nguyên nhân chủ yếu làm cho Quan Vũ thất trận thiệt thân. Lã Mông thấy sơ hở thì tấn công là kinh nghiệm cơ bản. Lã Mông thu phục Kinh Châu, điều đó há chẳng phải điều mà các bậc tướng ngấm ngấm hay sao?

Năm thứ tư Cảnh Nguyên thời Tào Ngụy (năm 263) đã động viên binh lực toàn quốc đánh Thục. Thông qua sự sắp xếp của đại đô đốc Tư Mã Chiêu, Chung Hội thống soái bộ đội chủ lực chia làm ba cánh hành quân đến Hán Trung. Đặng Ngải, Gia Cát Tự, mỗi người hơn ba vạn lính để kiểm toả Thục tướng Khương Duy ở Đạp Trung, (nay là vùng phía bắc Huyện Văn Cam Túc). Quân chủ lực Ngụy vượt qua Tần Lĩnh không vấp phải một trở ngại nào, đột nhập vào Hán Trung, đi đến đâu cũng đánh thành, chiếm đất. Cho đến khi chiếm được quan khẩu Dương An (nay là phía Bắc Kiếm Các, Tứ Xuyên) rồi tiến sát Thành Đô. Khương Duy được tin, đánh nhau với Đặng Ngải một trận kịch chiến, rồi vòng qua hợp với Gia Cát

Tư, dựa vào những tay kiếm ở Kiến Các lập phòng tuyến cố thủ. Chung Hội tấn công không được, giăng co mấy tháng trời. Lúc đó Đặng Ngải quyết định xuất phát từ Âm Bình (nay là phía tây bắc Huyện Văn, Cam Túc). Địch thân đưa hơn vạn quân tinh nhuệ đó trước mở đường, hai vạn người còn lại gửi lương vác dao theo sau. Quân Ngụy đi trên những con đường nhỏ, hẻo lánh, "hành vô nhân chi địa thất bách lý, tạo sơn thông đạo, tập tác kiều các" vô cùng gian khổ, nhất là khi tới Mã Các sơn, (nay là đông nam Bình Vũ tỉnh Tứ Xuyên) do đường không thông, Đặng Ngải bỏ xe ngựa lại, đoạn làm trước cho binh lính làm theo: gói ghém hành trang, lúc đẩy lúc lôi, cả tướng lẫn quân leo cây, đi men theo mép đá, từng người một, vượt qua vách núi cheo leo... mãi cho tới giang đầu (nay là phía bắc Giang Đầu Tứ Xuyên). Sau đó quân Ngụy từ xa kéo tới đánh bại sự đề kháng của quân Thục Gia Cát Tự, nhanh chóng công chiếm Liêm Trúc (nay là Đức Dương, Tứ Xuyên) buộc hậu chúa Thục là Lưu Thiện phải đầu hàng. Khương Duy trong tình huống bất đắc dĩ, cũng phải đầu hàng Chung Hội. Chính quyền Thục Hán đến đây là bị diệt vong.

Chiến tranh giữa Ngụy và Thục lấy mốc Ngụy thắng Thục vong là kết thúc. Về mặt chỉ đạo tác chiến, chỗ thành công của phía quân Ngụy là vận dụng đầy đủ phương châm lấp đi chỗ trống. Đất của Thục Hán thuộc Ba Thục, Hán Trung. Sông núi hiểm trở dễ giữ nhưng khó tấn công.

Dù cho lực lượng quân Ngụy từ xa đến thẳng Thục, nhưng Tư Mã Chiêu lại chưa bao giờ vì thế mà đánh gượng ép, mà đánh địch từ hai phía, phối hợp với quân chủ lực từ xa tới. Vùng đất Hán Trung vốn dĩ rất trống trải, lại cộng thêm Khương Duy bị Đặng Ngải, Gia Cát Tự kiềm chế, bộ đội chủ lực của Chung Hội có được điều kiện thuận lợi nam tiến lấp lỗ hổng, đó là một trong những

nguyên nhân mà quân Ngụy chỉ một nhát đã chiếm lĩnh được Hán Trung. Bí mật qua dò Âm Bình cũng là một phương thức tác chiến chen chân vào chỗ trống, nó biểu hiện tiềm năng chỉ huy linh hoạt cơ động, bất ngờ đã giành thắng lợi và ý chí chiến đấu ngoan cường không ngại khó khăn nguy hiểm của Đặng Ngải. Đặng Ngải trong tình thế bất lợi, chủ lực quân Ngụy vấp phải sự trở ngại, toàn cục bị động, có trí quyết đoán, thông qua con đường nhỏ hẻo lánh ở Âm Bình, xuất hiện bất ngờ, xông vào sào huyệt địch, đánh bại binh lực cơ động chiến lược duy nhất của Thục - Hán là Gia Cát Tự... hoàn toàn làm thay đổi cục diện bị động, cuối cùng buộc Lưu Thiện đầu hàng. Điều đó chứng tỏ, lợi dụng sơ hở bí mật vượt dò Âm Bình đó là một kế mang tính then chốt, chuyển từ thế bị động sang thế chủ động giành thắng lợi của quân Ngụy.

Lắp chỗ hồng, thuận tay bắt dê là một lợi dụng sơ hở và mất xích yếu của khách thể kế sách. Căn cứ theo sự giải thích của "36 kế": Khi xuất hiện lỗ dò nhỏ cũng phải biết kịp thời lợi dụng, phát hiện ra những lợi ích bé nhỏ cũng phải cố mà dành lấy, biến sự sơ xuất của đối phương thành thắng lợi của ta". Gọi là "tiện tay bắt dê" hơi khác với nó một chút, là "nhân cháy nhà thì ta ăn trộm" "nước đục mò cá" là lợi dụng cái nguy nan, tai nạn, xung đột mâu thuẫn của khách thể kế sách. Căn cứ theo sự giải thích của 36 kế: quân địch gặp khó khăn nguy hiểm, nhân cái dị ấy mà chọn chỗ tốt, thì gọi là: "Nhân cháy nhà thì ta ăn trộm". Nhân kẻ địch phát sinh ra sự hỗn loạn, lộn xộn, do sự suy yếu của chúng mà không có chủ kiến buộc chúng phải theo ta, thì gọi là "đục nước thì mò cá". Hai loại thủ đoạn này, trong các tình huống thông thường người ta coi là những hành vi thiếu đạo đức, nhưng khi rơi vào trong trường kế sách nhất định lại có cái gì gọi là nhân nghĩa đạo đức kiểu thông thường tổng tương đáng bàn? Trong "Tôn tử, kế thiên", nói "loạn

nhì thư chi" nhân cháy nhà thì ta lấy, nước đục thì ta mò cá, há chẳng đều nói về nhân người gặp nạn, mượn thế để giành phần hơn đó sao?

Năm thứ bốn mươi hai Chu Kinh vương (năm 478 trước công nguyên), nước Ngô bị hạn hán nặng nề, lương thực chẳng được thu hái, kho lẫm thì trống rỗng, người đói nhiều phải ra bờ bụi kiếm ăn. Đồng thời bởi Ngô vương Phù Sai thực hiện biện pháp "túc dân tán binh"⁽¹⁾, việc phòng vệ trong nước bị buông trôi, có nhiều sơ hở địch có thể lợi dụng, đại phu nước Việt là Văn Chung cho rằng, đây là thời cơ tốt để tấn công nước Ngô. Nếu vua Phù Sai ra quân quyết chiến, nước Việt có thể đánh bại được nước Ngô, chiếm đất nước Ngô. Nếu vua Phù Sai không đánh mà cầu hoà, thì cũng có thể giành được những món lợi lớn để quay về. Câu Tiễn chấp nhận ý kiến này, lập tức cho ra lệnh động viên trên toàn quốc, tuyên truyền âm ỉ cho việc đánh Ngô. Phù Sai đưa quân nghênh chiến, bị đánh tan ở Lạp Trạch (nay thuộc phía nam Tô Châu tỉnh Giang Tô). Quân Việt thừa thắng truy kích, lại một lần nữa đánh bại quân Ngô, vây chặt vua Phù Sai trong thành Cô Tô. Trải qua một thời gian dài vây hãm, quân Việt lại tấn công vào thành. Phù Sai thế cùng lực kiệt, buộc phải tự sát. Cuối cùng Câu Tiễn thôn tính được nước Ngô.

Cuộc chiến tranh Ngô Việt được kết thúc bằng sự kiện Việt thắng, Ngô bị tiêu diệt. Điều đó cố nhiên là có lợi cho Câu Tiễn vì diệt Ngô mà đã dồn bạo công sức chuẩn bị lâu dài, chu đáo và toàn diện, đồng thời liên quan chặt chẽ tới việc nhân dân nước Ngô gặp tai họa, quân Việt thừa cơ tràn vào cướp phá. Trước đó, Câu Tiễn cũng đã có lần đánh Ngô, đã từng lợi dụng lúc Phù Sai đi Hoàng Trì

⁽¹⁾ Miễn sưu thuế, phân tán quân cho quân binh sĩ về nhà.

để lôi kéo đồng minh, đây là lần thứ hai đánh Ngô, tức là lợi dụng cơ hội nước Ngô đang dùng chính sách "túc dân tán binh", khắp nơi đói kém. Bởi thiên tai vô cùng nghiêm trọng, tiềm lực của nước Ngô giảm sút suy kiệt. Để khôi phục sức mạnh của cả nước, Phù Sai buộc phải thực hiện biện pháp "túc dân tán binh". Trong kho nước Ngô trống rỗng, dân đói kém khắp chốn phân tán mỗi người một nơi. Không tập trung, thiếu sức mạnh, tạo thời cơ cho quân Việt dễ bề lợi dụng. Vì thế mà Câu Tiễn, Văn Chủng nhận thấy thời cơ tấn công Ngô đã nắm chắc trong tầm tay. Điều đó cho ta thấy họ rất thức thời.

Trận Quan Độ, Viên Thiệu ỷ thế quân đông, lương thực nhiều, đã đánh nhau với Tào Tháo hàng tháng trời. Tào Tháo chấp nhận kiến nghị từ lâu của một mưu sĩ trước đây đã xin hàng, đích thân đưa cả bộ binh lẫn kỵ binh tổng cộng là năm ngàn người tiến về Ô Sào (nay là phía đông nam Diên Tân Hiệu của Viên Thiệu). Dùng hàm mai¹⁾ khoá mõm ngựa lại, từng người mang theo những bó cỏ và củi, lợi dụng ban đêm khó thấy, rón rén lặng lẽ vượt qua phòng tuyến của Viên Thiệu rồi vờ là bộ đội Viên Thiệu cử đi tăng viện cho hậu phương nên lọt qua khá dễ dàng tiến đến xung quanh Ô Sào.

Thế rồi lửa được đốt lên từ bốn phía, bốc cao ngút trời. Các tướng sĩ trông coi kho lương thực của Viên Thiệu trong đêm tối chỉ thấy có ánh lửa mà không rõ thực hư thế nào, bồng dung náo động. Tào Tháo chỉ huy quân sĩ thừa kế tấn công, đại phá quân trông coi, chém đầu tướng Thuần Vu Quỳnh thiêu hủy toàn bộ lương thảo.

¹⁾ Hàm mai: Thời xưa, khi hành quân, để bảo đảm bí mật, không được nói. Người ta dùng hàm mai để khoá mõm lại (hình dạng giống như đôi dũa).

Trận Tào Tháo cướp lương thực ở Ô Sào, trên toàn cục trận đánh ở Quan Độ gọi là sách "đập lửa đáy nồi". Chỉ nói về hành động cụ thể tập kích ban đêm lần này, thì cũng chính là cái kế "mò cá nhân nước đục". Thử nghĩ mà xem. Quân Tào Tháo cả bộ binh kỵ binh tất cả năm ngàn, nếu không nhân đêm tối dùng cờ Viên Thiệu để giả làm quân Viên Thiệu, thì làm sao vượt qua được phòng tuyến một cách thuận lợi? Nếu không mạo nhận mình là quân Viên Thiệu phải đi tăng viện cho hậu phương, làm sao thoát ra khỏi sự khám xét của lính gác một cách dễ dàng? Nếu không nhân cái thời cơ hỗn loạn phát hiệu lệnh công kích vào Ô Sào thì làm sao ăn sống nuốt tươi được đại quân của Viên Thiệu rất có năng lực chiến đấu được. Hàng loạt những biểu hiện đó, kế sách mò cá lúc nước đục là một bảo pháp kỳ tập Ô Sào thành công của Tào Tháo.

Năm thứ 14 Tuỳ Đại Nghiệp (năm 618), Vương Thế Sung thống lĩnh hơn hai vạn binh đánh nhau với quân Ngao Cương ở Bắc Manh Sơn (nay là ngoại thành Lạc Dương Hà Nam). Sau trận đầu, Vương Thế Sung cho hơn hai trăm kỵ binh nhân đêm tối tiếm nhập hang núi Bắc Manh bố trí mai phục, ngày sáng sớm hôm sau đưa bộ chủ lực xuất kích toàn diện. Quân Ngao Cương vội vấp ứng chiến, trận thế còn chưa dàn xong, đã bị đánh tới bời. Tiếp đó, quân phục kích ở Bắc Manh Sơn thiêu cháy doanh trại của quân Ngao Cương rồi từ phía sau lưng đột nhiên tập hậu, quân Ngao Cương bị đánh cả hai mặt. Giữa lúc hai bên đang kịch chiến, Vương Thế Sung đưa ra một người hình dáng giống như Lý Mật đã được chọn từ trước, trói chặt ngay tại trận, ra lệnh cho quân sĩ hô to: "Đã bắt được Lý Mật". Quân Ngao Cương tưởng thật, phút chốc hỗn loạn tan vỡ. Lý Mật thấy rằng không sao cầm cự được nữa, vội vã cho rút lui. Vương Thế Sung cho quân thừa thế truy kích, diệt và bắt sống kể cả người phục vụ phía sau tất cả hơn mười vạn.

Trận này, số lượng binh mã của Vương Thế Sung, so với quân Ngôã Cương, tỏ ra yếu thế hơn nhưng cuối cùng vẫn giành được chiến thắng. Một nguyên nhân quan trọng là, về mặt tác chiến, Vương Thế Sung tính toán lo liệu kỹ càng, chủ động tấn công, quân Ngôã Cương chưa dàn xong trận thế đã phải vội vã ứng chiến, lấy cái hỗn loạn của mọi người để đối phó với quân chính quy nghiêm túc, kết quả thì khỏi phải bàn. Đặc biệt là màn kịch "bắt sống Lý Mật" do Vương Thế Sung đạo diễn. Dụng ý rất chua cay, kịch tính cũng khá cao chẳng tránh được làm cho người ta coi chiến tranh là một trò đùa "một nước tính sai, cả ván cờ bỏ đi". Sau khi quân Ngôã Cương vấp phải thất bại lần ấy, mỗi người mỗi phách tự tìm lấy lối thoát cho riêng mình, đến nỗi tình thế không sao cứu vãn nổi cuối cùng đi đến chỗ tan vỡ hoàn toàn. Điều ấy lẽ nào không đáng để từng người chỉ huy để công nghiên ngẫm?

3. VÍ DỤ VỀ SỰ CHUYỂN ĐỔI GIỮA HƯ VÀ THỰC

Trên đại thể, những điều mà trong tiết: "Hư mà thực, thực mà hư" bàn đến chính là thủ đoạn ứng biến trong điều kiện "hư hay là thực là do ta". "Thừa hư đáp kích" lại là thủ đoạn ứng biến trong điều kiện "hư thực là ở kẻ địch". Hai thứ đó đều có một điểm chung: tuy rằng cái thế của hư và thực bao giờ cũng lệch về một phía, nhưng mục đích sử dụng nó của chủ thể kế sách đều rơi vào né tránh "cái thực" mà đánh vào "cái hư". Cái hư và cái thực này, trong nhiều trường hợp biểu hiện cán cân lực lượng giữa hai bên kế sách; là tổng hoà giữa lực lượng vật chất và sức mạnh tinh thần. Nhưng, trong một số trường hợp kế sách đặc thù, chủ thể của kế sách để né tránh cái thực, đánh vào cái hư, còn phải sử dụng kế sách được diễn biến từ những thủ đoạn ứng biến như trên đã nêu, như hư trước

thực sau hoặc thực trước hư sau, dương đông kích tây, cố tạo ra sự huyền hoặc.

Năm cuối cùng thời Chiến quốc. Tướng nhà Tần là Hồ Dương, đưa quân vượt qua nước Hàn tấn công vào Ú Dữ của nước Triệu (nay là Sơn Tây và Thuận Tây). Triệu Huệ Văn vương phân vân không biết có nên cứu viện hay không, liền hỏi Liêm Pha, Lạc Thừa họ đều cho rằng núi cao, đường xa, địa thế hiểm ác, cứu viện khó khăn. Khi hỏi đến Triệu Xa Triệu Xa nói: "Hai bên đối mặt đâm chém nhau, cũng giống như hai con chuột cắn nhau ở trong hang, ai dũng cảm, người ấy sẽ thắng". Triệu Huệ Văn vương được sự cổ vũ đồng tình ấy, liền lệnh cho Triệu Xa đưa quân đi cứu viện. Triệu Xa vừa đi cách Hàm Đan ba mươi dặm liền cho cắm trại, rồi ra lệnh: "Việc quân sự, ai can gián, xử trảm (chém đầu)". Trong hàng quân bỗng dưng có một người lên tiếng nói rằng gọi là đi cứu viện Ú Dữ, nên phải hành quân gấp. Triệu Xa mang anh ta ra chém. Quân Tần nghe thấy vậy thì vô cùng sung sướng, cho rằng quân Triệu khiếp chiến (sợ đánh nhau). Cứ như vậy hai hai mươi tám ngày liền. Sau khi quân Tần bị tê liệt, Triệu Xa ra lệnh toàn bộ binh mã gọn nhẹ hành quân gấp, chỉ 1 đêm 1 ngày là đến một nơi cách Ú Dữ 50 dặm thì dừng lại. Quân Tần vội vàng kéo đến, chuẩn bị tác chiến. Lúc ấy, Triệu Xa cho một vạn người chiếm cứ phía bắc ngọn núi, dành được điểm khống chế tầm cao của cả mặt trận. Chờ quân Tần kéo đến giành lại điểm cao này, Triệu Xa lại ra lệnh cho bộ đội chủ lực tấn công quân Tần từ phía chính diện. Quân Triệu giáp công từ hai phía, đại phá quân Tần.

Đó là một ví dụ thích hợp về "trước hư sau thực". Triệu Xa xuất quân cứu viện cho Ú Dữ, ra khỏi quốc đô 30 dặm thì dừng lại cắm trại, không tiến quân nữa, đó là "dục công như thủ" (muốn tấn công nhưng lại thủ) làm cho quân Tần khiếp sợ. Về sau chỉ cần 1

ngày đêm hành quân cấp tốc đã xuất hiện ngay dưới mũi quân Tần, quả là thần tốc làm đối phương không kịp chuẩn bị. Về trận này, lúc thì trú quân lúc thì tiến, là sự chuẩn bị tất yếu để phát động công kích. Trú lại là hư, tiến mới là thực, cả một quá trình hành động là lấy cái hư để dấu cái thực.

Lại bàn thêm về quá trình tác chiến Triệu Xa chia quân ra, một bộ phận chiếm điểm khống chế độ cao ở phía bắc ngọn núi, là một dấu hiệu giả để nhử quân Tần kéo đến. Quân Tần vốn có thể "dĩ dật đãi lao" (lấy sự nghỉ ngơi và chuẩn bị đầy đủ của quân ta để đối phó lại quân địch đã mệt mỏi quá độ) nhưng qua hành động "xỏ mũi trâu" này của Triệu Xa lại phải rơi vào thế bị động. Khi quân Tần dốc hết lực lượng ra cố chiếm cứ nơi địa hình có lợi, Triệu Xa lập tức tung chủ lực ra tấn công từ phía chính diện, trên thực tế, đối với quân Tần là một đòn hiểm hóc. Sự chỉ đạo tác chiến lúc thì hư, lúc thì thực, đã biểu hiện một cách đầy đủ tài năng cầm quân trác việt của Triệu Xa.

Trước hư sau thực, ở đây chỉ chủ thể của kế sách trước thì lấy cái mạnh để biểu thị cái yếu, về sau thì lấy cái yếu để biểu thị cho cái mạnh, hoặc là một phương thức chuyển đổi giữa hư và thực, trước thì lấy thủ thay cho công, về sau chuyển thủ thành công. Khác với điều đó, trước thực sau hư, trong trình tự chuyển đổi thì hoàn toàn ngược lại, là trước thì lấy cái yếu để biểu thị cái mạnh còn về sau lấy cái mạnh để biểu thị cái yếu. Hoặc là trước thì lấy công thay cho thủ, về sau thì chuyển công thành thủ. Sự vận dụng hai loại phương thức này được quyết định bởi tình hình cụ thể của trường kế sách, thể hiện năng lực và kỹ xảo tùy cơ ứng biến của chủ thể kế sách.

Cái gọi là "dương đông kích tây" là một loại kế sách lấy những động tác hư giả để tạo ra cảm giác sai cho địch. Để nguy

tranh cho phương hướng tấn công của mình, trong lĩnh vực chiến tranh hay thông thường là sử dụng những hành động cơ động linh hoạt; nói là kích đông, nhưng thực tế lại là kích tây, không đánh mà biểu thị ra đánh; đánh mà biểu thị ra ngoài là không đánh, giống như có thể làm mà lại không làm, giống như không thể làm mà làm. Phía địch thuận tình mà suy lý, ta thì do thế mà dùng mưu, nhằm vào chỗ bất ngờ mà giành thắng lợi.

Giữa Sở và Hán, ở Vinh Dương, Lưu Bang cùng Hạng Võ chống chọi nhau đã lâu. Để loại bỏ sự uy hiếp của Dục Trắc, tiến vào và khống chế hành động của quân Sở; Cho Hàn Tín từ Quan Trung đưa quân đến tấn công và xâm chiếm đất Ngụy. Ngụy vương họ Báo sau khi biết tin, vội vã tập trung một lực lượng lớn quân đội, đóng giữ Bồ Phấn (nay là phía Tây Vĩnh Tế tỉnh Sơn Tây), cắt đứt đường giao thông với Lâm Tấn (nay là phía đông Đại Lệ Thiểm Tây) để chặn đường qua sông của quân Hán. Hàn Tín nhận được tin tình báo này một mặt tập kết thuyền bè, cố ý tạo ra dư luận sẽ qua đò vượt sông ở Lâm Tấn, một mặt bí mật điều quân từ Hạ Dương (nay là tây nam Hàn Thành Thiểm Tây) dùng anh phẩu-một loại thùng bằng gỗ miệng nhỏ bụng to) để vượt sông. Sau khi quân Hán vượt sông thì tập kích thẳng vào hậu phương quân Ngụy, Ngụy Báo hoảng hốt ứng chiến, thua trận bị bắt làm tù binh. Hàn Tín nhanh chóng chiếm giữ đất Ngụy.

Trận này, Hàn Tín đã dương đông kích tây, với cách đánh úp bất ngờ nên đã giành được chiến thắng. Điều này cơ hồ nhu hoàn toàn đồng nhất với cách suy nghĩ trước đây của ông ta". Ngoài thì bắc cầu khi vượt sông, nhưng lại bí mật qua đò Trấn Thương"! Có điều là, trong quá trình tác chiến đánh chiếm Ngụy, Triệu, Yên, Tề, Hàn Tín đã ba lần đánh giáp mặt với sông nước, mà cách đánh mỗi lần mỗi khác. Vượt sông đánh Ngụy, lần này làm động tác giả vờ

như đánh Bồ Phán nhưng lại bí mật qua dò Hạ Dương, đột nhiên quân xuất hiện sau lưng quân Ngụy rồi đánh bại Ngụy; lần thứ hai, đánh Triệu, dàn quân đánh thủy chiến dụ địch xuất kích, dùng kỳ binh đánh tập hậu chiếm doanh trại, làm cho quân Triệu không còn đường lui quân, dẫn đến đại bại. Lần thứ ba, đánh Tề: đắp đập, chặn sông nước, chặn đường quân Sở truy kích, thu quân tiếp tục phản kích giành chiến thắng. Những điều đó chứng tỏ nghệ thuật cầm quân cao siêu của Hàn Tín.

Đầu thời Đông Hán, Lưu Tú cho đại tướng Cảnh Yêm tấn công Trương Bộ. Trương Bộ lệnh cho em ông ta là Trương Lam đưa hai vạn tinh binh chiếm giữ Tây An (nay là phía Tây Truy Bắc tỉnh Sơn Đông), mặt khác: hơn một vạn binh lính địa phương do các quân thú phụ thuộc đứng đầu chiếm giữ Lâm Truy (nay là Trung Bắc Sơn Đông). Hai nơi cách xa nhau hơn 40 dặm. Quân Hán tiến đến điểm giữa của hai nơi đó. Sau khi xem xét trận địa, Cảnh Yêm phát hiện ra thành Tây An nhỏ, nhưng lại kiên cố, dễ giữ; Lâm Truy tuy lớn nhưng dễ công phá. Thế là lập tức truyền lệnh cho toàn quân, 5 ngày sau sẽ đánh Tây An. Trương Lam được tin ngày đêm lo phòng thủ. Sau 5 ngày, Cảnh Yêm lại nhân đêm tối trời lặng lẽ bí mật đưa quân tiến đến dưới chân thành Lâm Truy. Sau đó chỉ mất nửa ngày đã đánh vào thành nội. Trương Lam bàng hoàng, bất đắc dĩ bỏ Tây An chạy trốn.

Đây cũng là một ví dụ về sự thành công của việc dương đông kích tây điển hình. Về sự sắp đặt bố trí tác chiến của Cảnh Yêm, một số tướng lĩnh nhà Hán không sao hiểu được, họ cho rằng đánh vào Lâm Truy, tất Trương Lam sẽ cứu viện, quân Hán sẽ rơi vào thế khốn cùng, bị tấn công từ hai phía, vì thế chỉ bằng tấn công Tây An trước, tìm thời cơ tiêu diệt quân chủ lực của địch. Cảnh Yêm giải thích: "Không đúng. Hiện nay Trương Lam đang lo đề phòng và

chống đỡ quân ta tấn công: tăng cường phòng thủ suốt ngày đêm, lo âu cho sự an toàn của chính bản thân mình, hỏi đâu mà lo đi cứu viện cho người khác? Dù rằng biết tin quân ta áp sát Lâm Truy, cũng sẽ cho rằng chúng ta dương đông kích tây. Còn về Lâm Truy, làm sao ngờ được rằng chúng ta thả con săn sắt bắt con cá rô, bỏ cái nhỏ lấy cái lớn hơn, tấn công chúng. Một khi chúng ta đã tấn công, thì chúng chắc chắn sẽ hoang mang hỗn loạn chẳng mấy chốc bị chúng ta công phá. Đã công phá Lâm Truy thì Tây An bị cô lập. Trương Lam thế tất sẽ bỏ thành mà chạy. Đó chính là một mũi tên mà được hai đích, một công đôi việc". Sự phân tích như vậy của Cảnh Yên thật sâu sắc, thật tuyệt vời, rất có cơ sở... đến nỗi cả quá trình tác chiến, kết quả và sự tính toán, dự đoán của ông ta hầu như là hoàn toàn trùng hợp.

Ngược với kết quả đó, có người chơi trò dương đông kích tây, nhưng vì khách thể của kế sách có kiến thức uyên thâm, sâu rộng, phòng vệ kịp thời, vốn dĩ muốn né tránh sự thực, khích bác cái hư nhưng kết quả lại phản lại, như vấp phải cái đinh cứng rắn.

Thời Hán Cảnh đế, Ngô, Sở bảy nước nổi lên chống lại, Chu Á Phu được lệnh của triều đình, đưa quân đi dẹp loạn. Khi liên quân Ngô Sở cấp tập tấn công vào Tuy Dương (nay là phía nam Thương Khâu tỉnh Hà Nam), Chu Á Phu cho kỵ binh nhẹ vu hồi luồn về phía sau lưng chúng, chặn đường tiếp tế, đồng thời cho quân chủ lực tiến đến Hạ Ấp (nay là Đàng Sơn An Huy). Liên quân Ngô Sở không hạ nổi Tuy Dương, rút lui bị uy hiếp nên vẫn phải cố chuyển tấn công Hạ Ấp quyết chiến với quân chủ lực nhà Hán. Chu Á Phu đào lũy sâu, xây thành cao cố thủ, không đánh. Liên quân Ngô, Sở muốn đánh cũng chẳng được, liền tách ra một bộ phận vờ như tấn công vào góc đông nam của thành trì quân Hán, để đánh lạc hướng rồi dùng lực lượng chủ lực đáp cấp tập vào hướng tây bắc. Chu Á

Phu hiểu ngay ý đồ của chúng, khi liên quân Ngô Sở tấn công vào góc đông nam, tăng cường phòng vệ kịp thời góc tây bắc. Vì thế, liên quân Ngô, Sở đánh phá Ha Ấp gặp trắc trở, lại cộng thêm không tiếp tế được, quân lính rã rời mệt mỏi, không thể rút lui. Chu Á Phu thừa thế cho truy kích, đại phá liên quân Ngô, Sở nhanh chóng dập tắt cuộc nổi loạn này.

Bạn thử nghĩ xem, Chu Á Phu là người như thế nào! Thoạt tiên ông định cho cắm trại ở Tế Liễu, ngay cả Hán Cảnh đế đến thăm hỏi binh sĩ, cũng phải tuân theo nội quy của trại. Ông là một người cầm quân khá nổi tiếng. Trong tác chiến dẹp loạn lần này, kế hoạch tác chiến của ông ta là: lấy tường cao cố thủ làm tổn thương nhuệ khí của liên quân Ngô Sở. Phục kích đánh địch từ phía sau hay một bên sườn để chặn đường tiếp tế của liên quân Ngô Sở, sau đó thừa cơ phản kích ồ ạt đánh đến cùng, đánh mạnh, cho đến khi tiêu diệt hoàn toàn liên quân Ngô Sở mới thôi. Đây là một chuỗi kế hoạch tác chiến sát thực tế, tương đối tỉ mỉ. Ngược lại liên quân Ngô Sở, đánh vào đây là điều bất lợi, liền quay ra chuyển đánh nơi khác. Đứng trước Chu Á Phu, chúng cũng giờ trò dương đông kích tây, há chẳng phải là múa rìu qua mắt thợ, tự chuốc vạ vào thân đó sao? Nghệ thuật của chiến tranh bao giờ cũng thiên vị kẻ tài trí, còn kẻ ngu dân thì làm gì có duyên có phận! Cái đạo làm tướng, có kẻ sáng người ngu. Ngay tại đây cũng đã rõ, đó là chuyện bình thường.

Khác với dương đông kích tây, phô trương thanh thế, đơn giản hơn. Bên trên, khi chúng ta bàn tới "hư nhi thực chi" cũng đã tiếp xúc với vấn đề này. Bây giờ chuyển sang một góc độ khác, tức là dùng phương thức truyền đạt để bổ xung nói rõ hơn. Trong nhiều trường kế sách, phô trương thanh thế là một thủ đoạn có hiệu quả nhất lấy yếu thắng mạnh, lấy ít thắng nhiều.

Lẽ đương nhiên sự thành đạt của từng loại kế sách đều hỏi phải có cơ sở vật chất nhất định, nhưng nếu vận dụng việc phô trương thanh thế một cách thoả đáng, đều thu được hiệu quả, sẽ tự nhiên tăng cường sức mạnh của chính mình, làm rối loạn suy nghĩ và hành động của đối phương, tiến tới thực hiện được mục đích của mình. Vì thế, "Thảo kinh lược", lấy "nghĩ binh" làm đầu đề, nói một cách rõ ràng là: "Việc nhà binh, thường lấy việc nghĩ binh để dành chiến thắng, tất cả là phô trương thanh thế, làm cho địch mới nhìn đã khiếp sợ. Khiếp sợ là thành quách không dám công phá, quân sĩ thì không dám tấn công, có đường sá mà không dám đi qua, trù trừ do dự thì sẽ nhờ việc. Chớp ngay tình thế này bất ngờ giành lấy, cho quân tinh nhuệ xông lên, quân địch ắt kinh sợ, tan rã mà thua chạy. Còn về việc làm thế nào để vận dụng một cách cụ thể phô trương thanh thế ư? Phương pháp thường gặp nhất trong thời đại truyền thống, chính là "Ban ngày thì treo thật nhiều cờ xí, ban đêm thì đốt nhiều lửa, khua trống liên hồi; hoặc tiệc tùng khao thưởng linh đình, hoặc dàn thế trận hớ hênh; hoặc kéo chà tung bụi, hoặc đổi thay sắc phục; hoặc dương cờ lấp ló núi rừng hết như trận địa mai phục; hoặc khua trống rúc tù và suốt đêm buộc địch xây tường đắp lũy như doanh trại; hoặc bện cỏ làm hình nhân, thật giả khó biết. bày khắp nơi như nhiều lắm; hoặc mở cửa thành chờ địch, vờ như nhàn hạ vô sự ngay trước mắt chúng!".

Tất cả những điều đó đều là những phương thức truyền đạt xuất phát từ việc cầm quân tác chiến dùng để nói về phô trương thanh thế. "Nhân sinh giai như chiến trường" (cuộc sống con người ta cũng giống như một chiến trường). Trong các hoạt động xã hội hàng ngày, vận dụng thủ đoạn ứng biến như thế nào, có không ít các ví dụ có thể đưa ra để đàm đạo được.

Cuối Đông Hán, Tôn Kiên là một nhân vật anh hùng trí dũng song toàn. Năm ông ta mười bảy tuổi, đi thuyền theo cha đến Tiền Đường (nay là Hàng Châu, Triết Giang), đi ngang qua mười mấy tên hải tặc cướp của của các nhà buôn, đang chia chác nhau trên bờ. Thuyền bè và người đi bộ, qua lại đều không dám xem thường, đi qua. Lúc này, Tôn Kiên nói với cha: "Những tên cướp biển này có gì là đáng sợ một mình con cũng bắt được chúng". Thế là vung dao nhảy lên bờ, lớn tiếng quát mắng bọn hải tặc, nói rằng chúng đã bị bao vây, đồng thời vờ là đang chỉ huy những người qua lại trên đường từ hai phía đông tây ép sát chúng. Bọn hải tặc cho rằng quân lính đã tới bắt chúng, vội vã vứt những gì chúng cướp bóc được, hoảng hốt bỏ chạy, Tôn Kiên đuổi theo, bắt giết một tên, bọn còn lại thấy không có cách gì thoát được liền quỳ xuống xin tha. Tôn Kiên lập tức trối chết chúng lại, giải tới quan phủ. Vì thế cái tên Tôn Kiên lừng danh khắp cả Giang Đông.

Trong "Ba mươi sáu kế" có một kế gọi là "Cây nở hoa". Nghĩa gốc của nó là: đem lụa kết thành những đoá hoa, gắn lên cành cây để tạo ra một hình tượng giống như thật, để cho người ta nếu nhìn thoáng qua cứ ngỡ là chính những cái cây đó nở đầy hoa tươi. Nghĩa bóng của nó là: "Cây ra hoa", đòi hỏi chủ thể của kế sách trong trường kế sách đặc định nào đó, khéo léo tạo ra tình huống giả, dàn thế mê hồn trận, để uy hiếp đối phương, còn bản thân mình thì cứ thản nhiên yên ổn làm công việc của mình.

Sở dĩ Tôn Kiên một mình có thể bắt sống mười mấy tên cướp biển là do hoàn toàn đó là kết quả của việc vận dụng phô trương thanh thế, cây nở hoa tươi. Vốn dĩ lúc ấy bên mình làm gì có quân lính nào, nhưng lại làm ra vẻ chỉ huy quân lính từ hai phía xáp lại, bọn cướp biển không biết hư thực ra sao, ngỡ thật, nên Tôn Kiên

không bỏ tay, bắt được chúng? Ở đây đã mang ít nhiều màu sắc cố ý huyền hoặc.

Tào Tháo vốn là một con người xảo trá đa nghi. Sau khi xưng là thừa tướng, nắm công việc triều chính của nhà Hán lo sợ sẽ có ai đó đâm chết, không một giây phút nào là không lo đề phòng, dù đó chính là những thị vệ của chính mình, cũng luôn cảnh giác. Ông ta nói với các thị vệ của mình rằng: "Khi ta đi ngủ, chớ lại gần ta, nếu ai đó lại gần ta, ta rất có thể tưởng rằng như trong cơn mơ, vùng dậy giết người. Các người hãy cẩn thận đấy!" Một hôm Tào Tháo đang nằm trên giường, vờ như đang ngủ say rơi chân xuống đất, có một tên thị vệ định kéo chân đắp lại cho ông ta, vừa mới lại gần, Tào Tháo bỗng vùng dậy giết chết luôn, rồi lại nằm xuống ngủ. Khi ông ta thức dậy, còn cố tỏ vẻ kinh ngạc hỏi: "Ai đã giết chết kẻ thị tùng của ta?!" Câu chuyện trên một khi được lan truyền ra ngoài, không ít người cứ ngỡ rằng Tào Tháo có thể giết người trong khi mơ ngủ! Một lần khác, Tào Tháo nói: "Nếu ai đó định đâm chết ta, ta cũng có thể nhận biết được". Để chứng minh cho điều đó, ông ta chỉ thị cho một thị vệ: "Nhà ngươi hãy lên mang theo dao đến gần ta, ta sẽ bảo là ta bị kích động, cho người mang nhà ngươi đưa đi xử tội, nhà ngươi cứ lặng im không nói năng gì, ta đảm bảo nhà ngươi sẽ không bị giết chết, mà còn được trọng thưởng". Người thị vệ đó làm y như lời dặn của Tào Tháo, khi hành hình người đó cũng im lặng, không nói năng gì, cho đến khi bị xử tử. Mọi người đều biết nội tình bên trong đều nghĩ rằng Tào Tháo quả thật là có thể nhận biết được ý nghĩ bên trong của người khác, cho nên chẳng ai dám liều lĩnh đi đâm chết Tào Tháo.

Trên sân khấu hý kịch truyền thống, hình tượng Tào Tháo chẳng lấy gì là tốt đẹp cả, phải chịu bao sự xuyên tạc, bóp méo, cái còn lưu lại trong tâm trí mọi người Tào Tháo là một gian thần mặt

trắng bệch. Tên gian thần mặt trắng bệnh này, qua sự gia công của nghệ thuật, tập hợp bao điều xấu xa: gian hùng, thâm hiểm, tàn bạo... Bạn thử nghĩ xem, trong màn kịch vừa nêu trên, Tào Tháo đã đem lời đường mật trống rỗng ra đe dọa người thị vệ của mình, sau đó mượn máu tươi của hai người thị vệ đó để kiểm chứng cho những lời nói suông trống rỗng của mình. Đúng trước loại ngôn hạnh như vậy, người tin thì cho đó là thần thánh, người không tin thì chắc đã mấy ai dám hé răng? Nên đó chẳng qua chỉ là những điều huyền hoặc cố tình nhào nặn nên để đe dọa người khác. Tào Tháo tâm địa nham hiểm hư hư thực thực, nói rồi cũng như không, không thể không làm cho người đời tán phục đó sao?

7

TIẾN VÀ LUI

Con người ta không thể không biết tiến và lui.

Khi mà bạn trở thành một vị tướng lĩnh cầm quân ra trận, hoặc là một người lái xe, khi bạn trở thành một võ sĩ bước lên vũ đài vùng tay múa chân, hoặc là một nhà mưu lược "Sở ngày đêm Hán", chỉ cần là đang vận động, bạn sẽ không thể không hiểu hàm nghĩa của tiến và lui. Dù là trên vũ đài chính trị đầy sóng to gió cả hay ở chiến trường máu lửa đạn xen, dù là ở vị trí ngoại giao đầy bí hiểm, hoặc ở một vương quốc kinh tế do một bàn tay vô hình xui khiến, chỉ cần bạn có ý thức phấn đấu, thì bạn không thể không coi trọng bí quyết giữa tiến và lui. Cũng như vậy tiến và lui, không còn nghi ngờ gì nữa, là một phạm trù mâu thuẫn mà mọi người đều quen thuộc, hoặc cần phải hiểu rõ nó.

Sự hình thành giữa tiến và lui, có ba nhân tố:

1. Nguyên nhân - Tại sao tiến? Tại Sao lui?

2. Tốc độ - quá trình tiến và lui được diễn biến nhanh hay chậm? Xảy ra trong một khoảng thời gian dài hay trong một khoảng thời gian ngắn?

3. Mục tiêu: - Tiến đến đâu? Lui đến đâu? Chủ thể của kế sách có khả năng xử lý tốt quan hệ giữa tiến và lui hay không? Tự giác nhận thức ba yếu tố trên là vô cùng cần thiết không thể coi thường bỏ qua.

Trong các hoạt động xã hội, hình thức biểu hiện giữa tiến và lui cũng rất đa dạng. Có một hướng, có đối hướng trong không gian của hành vi, phân biệt bình diện và lập thể; trên đường đi của hành vi, phân biệt giữa thẳng và cong trong hành vi thân thể, phân biệt giữa chủ động và bị động; về mặt kết quả của hành vi có sự phân biệt giữa thúc tiến và vọt tiến, dẫn dụ và hồi tị. Những thứ đó chúng ta đều phải suy nghĩ đến khi nghiên cứu đến vấn đề tiến và lui.

1. THẤY ĐƯỢC THÌ TIẾN BIẾT KHÓ THÌ LUI

Là chủ thể của kế sách, trong một trường kế sách nhất định, nên tiến hay lui? Xuất phát từ quan điểm chiến tranh, trong "Bách chiến kỳ lược" đã đề cập đến khá tinh tế.

Phàm là đánh nhau với địch, nếu xét thấy kẻ địch ấy ta có khả năng thắng được, thì tấn công với tốc độ thích hợp thì không thể không chiến thắng, gọi là thấy được thì tiến, nhưng nếu địch đông mà ta ít, địa hình lại không thuận lợi, sức không sao địch nổi, thì phải lui để tránh né, bảo toàn lực lượng, gọi là biết khó thì lui.

Đó là sự khái quát cao độ cái gọi là: tiến chiến và thoái chiến. Nếu chuyển đổi thành ngôn ngữ hiện đại, "thấy được thì tiến" tức là: khi có khả năng chiến thắng kẻ địch thì phải tấn công

với tốc độ nhanh. "Biết khó thì lui" tức là khi xét thấy khó lòng thắng nổi địch, thì cần mau chóng rút lui. Tiền đề của "tiên" là "có thể được" (được). "Có thể được" là thời cơ có thể chiến thắng quân thù. Tiền đề của "lui" là "khó", khó là điều kiện khó mà chiến thắng nổi kẻ thù.

Nói rộng ra sự hình thành của mỗi loại kế sách đều phải có cơ sở vật chất nhất định nào đó. Vũ khí phê phán không thay thế nổi sự phê phán vũ khí, sức mạnh vật chất phải dựa vào sức mạnh vật chất để tiêu huỷ: "Cái được" (có thể) "cái khó" mà chủ thể kế sách phải đương đầu, quyết không bao giờ là cái gì đó trống rỗng vô căn cứ mà trước hết phải là sự so sánh lực lượng vật chất của hai bên kế sách.

Cuối thời Xuân Thu, Công Du Bàn chế tạo thang lên mây cho nước Sở (vân thang) chuẩn bị đánh Tống Mặc Tử được tin, từ nước Tề vội vã sang thủ đô nước Sở gặp Công Du Bàn: Ở phía bắc có người định lừa tôi, tôi xin anh hãy giúp tôi khứ người ấy đi. Nếu anh có nhã ý giúp tôi, tôi xin tạ ơn một ngàn lạng vàng". Công Du Bàn trả lời: "Từ xưa tới nay lấy nghĩa làm gốc, nào biết chuyện giúp người khác giết người!" Mặc Tử cúi thấp người xuống thi lễ, nói: "Thôi được, thế thì ta hãy nói chuyện với nhau về chữ "nghĩa". Nghe đồn rằng ông đang làm vân thang... Chuẩn bị tấn công nhà nước Tống. Nước Tống có tội gì vậy? Đất đai nước Sở dư thừa, thiếu dân, hy sinh nhân dân, đi dành đất điều đó không thể coi là sáng suốt được. Ngài là trọng thần của nước Sở, biết rõ mọi điều mà không can gián được, thì gọi là bất trung; có khuyên gián mà không thể ngăn cản được thì gọi là bất năng. Ngài nói rằng ngài lấy nghĩa làm gốc mà không hỗ trợ người khác tiêu diệt kẻ bất nghĩa, đã thế lại dính líu vào chuyện đánh Tống, thì làm sao ngài giải thích được!". Công Du Bàn cứng họng không

biết nói thế nào, nhưng sức nhớ đến chuyện mình" đã chấp nhận làm cho Sở vương chiếc Vân thê". Không thể dùng được nữa, bèn đưa Mặc Tử đi gặp Sở vương. Gặp Sở vương, Mặc Tử nói "Có một số người như thế này, xe của mình đẹp, tốt mà không đi, mà lại đi ăn trộm xe hồng của người khác. Quần áo tốt lành của mình thì vứt đi, lại đi ăn trộm những chiếc áo vải rách nát của kẻ khác. Cơm nhà mình, cao lương mỹ vị, của ngon vật lạ thì vứt đi, đi ăn vụng cơm nhạt, trà lá già của nhà hàng xóm, tại làm sao vậy?". Sở vương trả lời: "Nhất định người đó mắc bệnh thèm ăn trộm". Mặc Tử nói tiếp: "Nước Sở rộng năm ngàn dặm, Tống chỉ có năm trăm dặm, nếu đem so sánh với nhau cũng giống như so sánh giữa một bên là cỗ xe trang trọng có rèm che, một bên là chiếc xe chở hàng rách nát. Nước Sở có hồ Vân Mộng lớn, mè (còn gọi là đà lộc, to hơn trâu bò, lông màu nâu đỏ, sừng to, đuôi ngắn, hươu, cá tôm nhiều vô kể. Còn Tống ư, có gì ngoài mấy con thỏ, trĩ nếu đem so sánh thì khác nào gạo ngon với tào khang (tào khang: Tào là bã rượu, khang là vỏ trấu, chỉ những thứ vứt đi mà người khốn cùng phải phải ăn để đỡ đói lòng). Ở nước Sở thì cây tùng, cây long não đâu chẳng có, cây nam tử mọc thành rừng. Nước Tống thì lắm núi hoang, đồi trọc, đất cằn cỗi chả cây cối gì mọc được, nếu cần so sánh thì cũng tựa như là đem gấm thêu mà so với vải gai. Các ngài từ vua cho tới quần thần đòi đánh Tống, há chẳng như người mắc bệnh thèm ăn trộm dấy sao? làm như vậy chỉ tổ hại tới thanh danh của chính mình, chứ được gì?". Sở vương cho rằng Mặc Tử nói có lý, xong có điều là đã nhờ làm chiếc thang mây "Vân thê" thì cứ phải đánh Tống. Để đánh tan cái ý định đánh Tống của Sở vương, Mặc Tử liền bàn định với Công Du Bàn so sánh về các thuật công và phòng, một mặt cởi giải áo ra để làm tường thành, một mặt lấy những khúc gỗ để làm vũ khí. Hai người lần lượt chín lần thay đổi phương pháp công thủ. Công Du Bàn đã dùng hết vũ khí đánh vào

thành; nhưng phương pháp phòng thủ của Mạc Tử vẫn chưa cần dùng hết. Bất đắc dĩ Công Du Bàn phải lên tiếng: "Tôi biết cách làm thế nào để công phá ngài, nhưng bây giờ thì không dùng". Mạc Tử cũng nói: "Tôi cũng thừa biết ngài sẽ sử dụng phương pháp gì, nhưng giờ đây thì không nói vội". Vua Sở hỏi điều mà họ nói có nghĩa là gì? Mạc Tử trả lời: "Ý của Công Du Bàn, chẳng có gì khác, cho rằng nếu giết được tôi, thì có thể công phá Tống thành. Thực ra ba trăm đệ tử của tôi đã sử dụng phương pháp của tôi, ở Tống thành thế trận đã bày sẵn chờ đón các ngài. Ông ta rất có thể giết được tôi, nhưng rồi chẳng có cách gì công phá được Tống thành!" Trong tình huống như thế này. Vua Sở đành phải dùng âm mưu đánh Tống.

Câu chuyện trên thường được gọi là "Bàn công Mạc thủ". Mạc Tử lấy tư thế phòng thủ, để làm thất bại sự tấn công của Công Du Bàn, buộc vua Sở từ bỏ kế hoạch đánh Tống, trước hết, về mặt thuyết lý, vạch trần những lời nói hoang đường "lấy nghĩa làm trọng" (làm gốc) của Công Du Bàn, và cả chân tướng vua Sở như mắc phải "bệnh thêm ăn trộm" làm cho quân thần nước Sở phải chịu sự chỉ trích về đạo nghĩa. Đương nhiên, chỉ có sự khiển trách về mặt đạo nghĩa thôi thì chưa đủ. Mạc Tử khuyên can: Sự thành bại của việc Sở quốc quân thần đánh Tống còn chủ yếu được quyết định bởi người Tống có được phòng bị đầy đủ hay không. Bên đám đánh có thể cầu hoà, nhưng cầu hoà tất là phải chuẩn bị khả năng đánh lại. Giả sử như Mạc Tử không có biện pháp gì để đối phó lại sự tấn công của Công Du Bàn, thì sẽ không nói ra rằng các đệ tử của ông đã giúp Tống chuẩn bị sẵn sàng việc phòng ngự, thì cũng khó mà ngăn chặn sự xâm lược của Sở vương đối với nước Tống. Từ đó ta thấy, dù là tấn công hay phòng ngự, đều phải có cơ sở vật chất nhất định. Không có sức mạnh vật chất nhất định làm cơ sở, một

khi chiến tranh bùng nổ thì trước mắt, của bên phòng ngự kiên cường vẫn e khó lòng tránh khỏi thua thiệt.

Nếu so sánh tiến và lui với nhau, "tiến" là vị trí số một, "lui" ở vị trí thứ hai. "Tiến" là thủ đoạn cơ bản để chủ thể kế sách đạt được mục đích của mình. "lui" phải chịu sự chi phối của "tiến", đồng thời cũng là khâu chuẩn bị để "tiến".

Trong tiết "Gần và xa" đã dẫn, Thái tử nước Ngô đã mượn chuyện "bọ ngựa bắt ve sâu, con sẻ vàng theo sau" để can gián vua Phù Sai tiến quân lên phía bắc tranh thủ đồng minh. Qua câu chuyện đó, chúng ta có thể nhận thấy, dù rằng chỉ là một cá thể hay một quần thể, một khi thiếu thận trọng đều có thể đưa tới những phản ứng liên quan, bị người khác chớp lấy thời cơ mà lợi dụng. Sự thất bại của Phù Sai, chính là ở chỗ chỉ biết dốc toàn lực để tấn công mà không chú ý tới việc phòng ngự ở hậu phương. Khi Câu Tiễn ra quân thì không thể quay về kịp để ứng phó. Dù rằng tìm mọi cách để tạo điều kiện thuận lợi cho chính mình ở chỗ này, xong cũng phải chịu thất bại chua cay ở chỗ khác. Đó là một ví dụ điển hình về việc vét đến người lính cuối cùng đẩy ra trận mạc, chỉ lo tấn công mà lơ là phòng thủ. Trên thực tế, trong cuộc sống vô cùng rộng lớn thì sự hiếu thắng phô trương, không khiêm tốn thận trọng, cái kim trong bọc lâu ngày rồi cũng phải lòi ra. Không suy nghĩ chín chắn, không cân nhắc kỹ càng cũng sẽ là những nguyên nhân quan trọng xô đẩy người ta tới chỗ khúc mắc khó khăn. Nếu nói rằng con bọ ngựa mà bắt con ve sâu, làm sống ra, rồi lo tìm quanh, chỉ lo để ý phía trước mà không để ý phía sau, con sẻ vàng bắt con bọ ngựa, ấy là nhân sơ hờ đánh vào chỗ bất ngờ. Xem ra, chủ thể của kế sách khi áp dụng tiến hay lui, đều phải chuẩn bị sẵn đất chèn chân dự phòng, cần thiết. Tiến cũng phải chuẩn bị cho thể lui, lui cũng là thế dựa để tiến. Có thể mới có thể thực hiện được

tiến thì cũng phải đạt được cái gì đó, lui cũng có chỗ để mà dựa. Tóm lại, luôn giữ ở thế không thể thất bại.

Để ngay khi "tiến" đạt được mục đích, chủ thể kế sách không những cần phân tích so sánh lực lượng của hai bên, mà còn phải đặc biệt để tâm vào sự xung đột mâu thuẫn có thể phát sinh trong nội bộ kẻ địch. Khi mà không khí đổ kỵ nhau trong nội bộ khách thể của kế sách này càng bộc lộ rõ, thì chủ thể kế sách lại không nên nóng vội tấn công, nóng vội tấn công thường làm cho đối phương tạm thời hoà hoãn với nhau, liên kết lại, để tăng cường sức chống trả của đối phương. Hành động có hiệu quả phải là: Cố ý nhún nhường lùi một bước, đợi cho mâu thuẫn trong nội bộ đối phương tiếp tục phát triển theo xu hướng đối kháng, dẫn tới cục diện tự tàn sát đẫm máu lẫn nhau, như vậy sẽ đạt được hiệu quả ngay.

Năm Kiến An thứ năm của nhà Hán (năm 200) trận Quan Độ. Tào Tháo một mặt vờ tấn công hậu phương của Viên Thiệu, mặt khác cho quân tập kích Ô Sào, đốt cháy sạch lương thảo của quân Viên Thiệu, làm cho quân lính Viên Thiệu nháo nhác rối loạn từ trên xuống dưới. Tào Tháo thừa cơ xuất kích, giết chết và bắt sống mười vạn quân của Viên Thiệu. Chẳng bao lâu sau Viên Thiệu ốm chết, con trai Viên Thiệu là Viên Thượng, Viên Hy không chống đỡ nổi sự tấn công của quân Tào Tháo, đưa mấy ngàn binh mã chạy tới Liêu Đông với Công Tôn Khang.

Công Tôn Khang tuy trong lòng không muốn để họ dừng chân ở Liêu Đông, nhưng nghĩ đến chuyện Tào Tháo sẽ đánh Liêu Đông, bản thân mình thì thế cùng lực kiệt, thân cô thế cô, bèn giữ họ lại. Mãi đến khi Tào Tháo chinh phục được Ô Hoàn, áp sát Liêu Đông, có người đề nghị đánh ngay Liêu Đông, bắt anh em nhà họ Viên, loại trừ hậu quả từ bên trong. Tào Tháo cân cứ theo tình thế lúc bấy giờ, phân tích: "Trước mắt thì quân ta đã áp sát Liêu Đông,

đối với Công Tôn Khang và anh em họ Viên, nếu đánh ngay thì họ sẽ liên kết với nhau, nếu ta hoãn công, thì chúng sẽ chống nhau. Ta chờ Công Tôn Khang giết chết anh em nhà họ Viên rồi sẽ hay, việc gì phải làm âm mưu cho mệt". Vốn dĩ, Công Tôn Khang vô cùng lo lắng, Tào Tháo lấy cớ thảo phạt anh em nhà họ Viên để đánh Liêu Đông, nhưng thời gian trôi qua đã lâu, thấy Tào Tháo không có ý định đánh Liêu Đông, chuyển sang chăm lo anh em nhà họ Viên sẽ làm tổn thương địa vị của mình, ngấm ngấm quyết kế giết chết Viên Thượng, Viên Hy mang đầu họ đưa đến doanh trại của quân Tào. Như vậy, Tào Tháo đã trừ khử được cái ung trong ruột (hậu hoạ) mà không hề tổn công mất sức.

Đọc hết câu chuyện này, nửa đầu đối với Viên Thiệu và Ô Hoàn, Tào Tháo vận dụng sách lược chủ động tấn công. Đoạn sau đối với Công Tôn Khang và anh em nhà họ Viên thì lại dùng thái độ khoan tay đứng nhìn nhà cháy bên kia sông. Tào Tháo khoan tay đứng nhìn nhà cháy (bên kia sông) nhưng lại rất thành công, một mặt là vì trong trận đánh chiếm Ô Hoàn của chính mình, ông đã tạo ra được oai phong áp đảo, làm cho Công Tôn Khang khiếp đảm, mặt khác hai anh em nhà họ Viên đã ở Liêu Đông lâu ngày, làm cho Công Tôn Khang xuất hiện cảm giác thấy sự nguy hiểm kiểu chim cưu chiếm tổ chim khách, nuôi hổ có ngày hổ ăn thịt. Trong tình huống ấy, nếu Tào Tháo tấn công Liêu Đông, Công Tôn Khang sẽ liên kết với anh em họ Viên, để cùng hợp sức chống lại. Vì thế, Tào Tháo sử dụng thái độ khoan tay nhìn nhà cháy (bên kia sông). Chữ "lui" ở đây đã phát huy tác dụng đặc biệt của nó. Không những thế, là một chủ thể của kế sách, khi mà so sánh lực lượng hai bên nảy sinh sự biến đổi kịch liệt. Vì để không tạo thời cơ cho đối phương được, trong tình huống cần phải lui thì luôn luôn phải tỏ ra đang tích cực chuẩn bị mà không hề có dấu hiệu gì là sẽ

lui cả. Lấy cái tĩnh để chế ngự cái động, loại bỏ kịp thời những nhân tố bất lợi xoay chuyển tình thế bất lợi của chính mình, đứng vào vị trí không thể thất bại được.

Thời Tam quốc Tôn quyền xuất quân đánh Hợp Phù. Lục Tốn, Gia Cát Cẩn đưa một đơn vị trực thuộc làm lực lượng kiềm chế tấn công Tương Dương. Hai bên Ngô và Ngụy cầm cự nhau khá lâu, nhưng không phân thắng bại, Lục Tốn cho người thân tín là Hàn Biễn đi chuyển thư cho Tôn Quyền đề nghị cho rút quân. Tôn Quyền chấp nhận đề nghị của Lục Tốn. Để Hàn Biễn mang thư trả lời sau đó dẫn quân rút lui. Trên đường về, Hàn Biễn bị quân Ngụy bắt, làm cho quân cơ bị lộ. Gia Cát Cẩn được tin vội vàng báo cho Lục Tốn biết, và yêu cầu Lục Tốn rút lui hỏa tốc. Lục Tốn qua phân tích, không những không rút lui cấp tốc, mà ngược lại, cho quân lính trồng rau quanh doanh trại. Còn bản thân mình thì ngồi đánh cờ với các đồng僚, không có biểu hiện gì là sắp rút lui. Gia Cát Cẩn thấy thế, càng sốt ruột hơn, tự đích thân đến tận trại của Lục Tốn giục ông ta rút quân. Lục Tốn giải thích: "Quân Ngụy đã biết chúa công rút về, có thể dồn sức tấn công chúng ta. Nếu chúng ta hoảng hốt rút quân, quân Ngụy sẽ truy đuổi nhanh chóng. Còn bây giờ thì phải tỏ ra là ta không rút quân, rất có thể làm chúng sinh nghi". Gia Cát Cẩn nghe xong vô cùng thán phục. Chẳng mấy chốc kỳ bình trình sát về báo tin: quân Ngụy đã dàn sẵn sàng trận thế, nhưng không dám liều lĩnh xuất quân.

Lục Tốn sao mà ung dung bình thản vậy! Lâm nguy không hề sợ hãi, lấy cái tĩnh đó để chế ngự cái động, tỏ ra là vị đại tướng mẫu mực. Cũng đúng như ông ta đã phân tích, lực lượng của địch và ta mỗi bên một khác, quân Ngô nếu như hốt hoảng rút lui, sẽ dẫn đến quân Ngụy cấp tập truy kích, và như thế quân Ngô sẽ tổn thất nghiêm trọng. Ngược lại, quân hai bên cả Ngụy lẫn Ngô đã từng có

một quãng thời gian ở vào thế giằng co. Hiện nay nếu vẫn như thường ngày, không có chuyện rút lui, thì quân Ngụy không dễ gì dám xuất kích. Điều đó chỉ rõ một người chỉ huy thông minh, khi xử lý quan hệ tiến hay lui, thì việc nắm chắc thời cơ tiến hay lui, có ý nghĩa vô cùng quan trọng.

"Tam thập lục kế, tẩu vi thượng sách". Câu này đâu có nghĩa là trong 36 kế, kế rút lui là hơn cả, mà chính ra nói là: khi đương đầu với một đối thủ mạnh, đâu nhất thiết cứ phải cố đánh, để làm vật hy sinh vô nghĩa; phải thông qua việc tạm thời rút lui để tạo điều kiện tốt cho những trận phản công sau này. Chúng ta thường nói: "Thắng nổi thì đánh, không thắng nổi thì chuẩn cho sớm". đó chính là hàm nghĩa cơ bản của "tẩu vi thượng sách". Xuất phát từ quan điểm của kế sách học, chủ thể của kế sách, trong trường kế sách bất lợi cho mình, để tránh một mất một còn với đối thủ, hoặc cuối cùng lật ngửa con bài, sử dụng thái độ nhân nhượng tạm thời, chủ động rút lui có kế hoạch, trên thực tế bao hàm nội dung tích cực, chứ đâu phải là sự lẩn trốn tiêu cực đơn thuần.

Năm thứ sáu Kiến Hưng thời Thục - Hán, năm 228. Gia Cát Lượng đến Kỳ Sơn ở phía bắc, sau khi đánh bại Tào Chân, vội vàng hạ lệnh cho toàn quân nhổ trại rút lui. Trường sử Dương Nghĩa không hiểu tại sao, hỏi Gia Cát Lượng: "Trước mắt thì quân ta đại thắng. Làm thất bại nhục khí quân Ngụy, tại sao lại rút lui". Gia Cát Lượng giải thích: "Quân ta thiếu lương thảo, thuận lợi là đánh nhanh quyết định nhanh. Tào Chân lúc mới đầu thì bất lợi, phải cố thủ ở nơi hiểm yếu, điều đó rất bất lợi cho ta. Nếu quân Ngụy bất ngờ cho quân phục kích, cắt đứt đường tiếp tế lương thực của ta, chúng ta sẽ khó bề rút lui được nữa. Vì vậy, chúng ta phải nhân chuyện Tào Chân vừa thất bại xong, không dám liều lĩnh xuất kích, bất ngờ rút lui". Thế là tướng sĩ quân Thục cấp tốc rút lui. Khi Tào

Chân phát hiện tình hình này. Gia Cát Lượng đã rút lui được hai ngày rồi. Đó là một ví dụ điển hình "chắc thắng thì đánh, không chắc thắng thì chuẩn." Gia Cát Lượng mang quân đi Bắc phạt, xét trên toàn cục thì lại là thất bại. Nguyên nhân thất bại chủ yếu là, lực lượng của hai nước Thục và Ngụy quá chênh lệch nhau. Thục có chín mươi tư vạn dân, ít hơn Ngụy những hơn ba trăm vạn. Quân có mười vạn, so với số quân mà Ngụy dùng để tấn công lại, còn ít hơn mười vạn. So sánh lực lượng giữa hai bên là như vậy, dù Gia Cát Lượng có tài giỏi đến đâu thì cũng khó lòng giành được thắng lợi trên toàn cục. Nhưng nếu xét cục bộ trận Bắc phạt lần này, Gia Cát Lượng giỏi nắm chắc thời cơ tiến và lui, áp dụng thái thế công thủ tích cực, làm cho quân Thục luôn ở thế chủ động từ đầu đến cuối. Nếu Gia Cát Lượng không nhìn thấy vấn đề lương thảo thiếu hụt, nếu sau trận thắng đó mà không chủ động kịp thời rút lui, chắc chắn là phải đương đầu với những trận phản công toàn lực của quân Ngụy, mà lúc đó thì đường rút lui đã bị cắt đứt, quân Thục sẽ mất chỗ tiến, chỗ lui, và có vào tình thế bị tiêu diệt hay không, ai dám chắc được!

Ngoài ra, còn một kiểu rút lui khác, gọi là hạ cánh an toàn hay rút lui đúng lúc (cấp lưu dừng thoái). Kiểu rút lui đó là khi đang ăn nên làm ra, để tránh sự sa đà, chuốc vạ vào thân mà kịp thời rút lui đúng lúc. Trong xã hội truyền thống. Những người có công được trọng vọng, có quyền có thế, muốn tự cùng cố uy tín và danh dự, không thể không suy tính đối với các cách xử thế thông thường. Trên đời lập được công đã là khó, nhưng đã lập được công mà giữ được tiếng tăm thì lại càng khó hơn. Đó là vì, khi mà thế gian điên đảo, anh hùng hào kiệt là chỗ dựa của quốc gia, mạnh mẽ như hổ trong rừng, làm gì có chuyện tự phá tuồng thành để cho quân thù chúc tụng nhau thăng quan tiến chức? Nhưng chờ cho đến

khi thiên hạ thái bình, thì loại người quyền cao chức trọng, cậy quyền cậy thế đó, dần dần sinh ra lảm chuyện. Hoặc là vì quyền cao chức trọng mà ngang ngược, hoặc dựa vào quyền thế mà phóng túng chơi bời thoải sức. Không hiểu rõ đại nghĩa biết dừng đúng lúc, không hiểu được đạo lý tự giữ mình. Thế là, bao công danh sự nghiệp đều biến thành một thứ môi giới cho việc đâm chém nhau tội lỗi. Nếu so sánh với tình hình trên Đào Chu công Phạm Lãi, Hán Lưu hầu Trương Lương có thể coi là một tấm gương biết lui giữa dòng xoáy (biết dừng đúng lúc). Họ hiểu rõ rằng "Cao điều tận, lương cung tàng: giáo thỏ tử, tàu cầu phanh" (Chim bay hết, đem cung nỏ cất đi, con thỏ gian xảo chết, chó săn làm thức ăn), họ thấm nhuần cách xử thế "biết dừng lui giữa giòng xoáy". Kiến thức chính trị và hành vi của họ, quả là cao hơn người.

Khi mà quyền lực cá nhân đạt tới đỉnh điểm, Phạm Lãi từ quan, bỏ đi buồn. Trương Lương nguyên theo Xích Tồng Tử chu du thiên hạ. Họ đều lừng danh bốn biển. An hưởng tuổi già, đến mức trên vũ đài chính trị truyền thống không thể vắng hai nhân vật tâm cỡ này. Những cái đó, trong tiết "Lớn và nhỏ" đã đề cập tới. Nhưng đa số trong cái vũ đài chính trị với họ đó, cũng có không ít người không hiểu rõ cái bí hiểm của việc "lui chân giữa dòng xoáy" (biết chọn điểm dừng, hạ cánh an toàn, biết dừng đúng lúc). Chẳng hạn như đại phu Văn Chung, phò tá Câu Tiễn làm nên bá nghiệp với tất cả sức lực của mình, nhưng rồi cũng phải rút kiếm tự sát. Những anh hùng hào kiệt đầu Hán như Hàn Tín, Anh Bố, Bành Việt đã lập nhiều chiến công hiển hách để lập nên nhà Hán, nhưng rồi rốt cục rồi từng người một lần lượt trở thành "khách" của mũi gươm Lưu Bang. Sai một li đi một dặm. Cho nên, những người đời sau bàn về Phạm Lãi, Trương Lương: "Hai nhân vật này đều có trí hiểu biết rộng,

dụng ý dứt khoát rõ ràng, (nhưng cũng vì thế) mà kết thúc cuộc đời cũng bằng công danh. Như tiếng thorn vẫn truyền mãi ngàn đời".

2. XƯƠNG SỐNG CỦA THUẬT NGHI BÌNH

"Công kỳ vô bị, xuất kỳ bất ý" (Tấn công vào chỗ địch không để phòng, ra quân vào lúc địch không ngờ tới) đó là điều cốt lõi thuật nghi binh của Tôn tử.

Từ Tây Chu đến cuối thời Xuân Thu, diễn biến của lý luận chiến tranh truyền thống trải qua ba giai đoạn: "nhân nghĩa chi binh", "tiết chế chi binh", "quyền trá chi binh". Cái gọi là "quyền trá chi binh" là dựa vào chiến lược và chiến thuật nhất định để tiến hành chiến tranh. Việc thành bại của chiến tranh được quyết định bởi sự vận dụng chiến lược và chiến thuật trên một trình độ rất lớn. Từ quan điểm của kế sách học, chúng ta thấy: "chủ thể của kế sách, để buộc đối phương tấn công vào mình, không hề để phòng, sẽ nảy sinh ra kẽ hở về tư tưởng nhất định nào đó, đôi khi cần thiết phải lợi dụng các hoạt động chính trị, ngoại giao để yểm trợ. Có lúc đòi hỏi phải lợi dụng sự chênh lệch về thời gian và không gian, áp dụng những hành động dũng cảm và kiên quyết, có lúc cũng cần phải dọa trước, hỗ trợ sau, dương đông kích tây, làm cho địch không làm sao lẫn ra sự thật để phòng bị". Phàm là những loại đó chỉ rõ: "Đánh vào chỗ địch không để phòng, xuất quân vào lúc địch không sao ngờ tới. Sự tê liệt của một bên thực sự được giải toả, thống nhất hữu cơ với hành động đột biến của phía bên kia".

Khi Hán Vũ đế còn trên ngôi, thường đưa quân đội đánh Hung Nô. Y. Tru Tà Đơn Vu quân Hung Nô đi tuần thú trên sa mạc phía bắc, nghe theo lời suy đoán của Tin Hấp hầu Triệu Tín, cho rằng ở cách xa triều đình nhà Hán lại có sa mạc ngăn trở, chắc sẽ

không bị Hán tấn công. Vì thế không chú ý đề phòng. Hán Vũ đế nắm được tình hình như vậy, triệu tập các tướng lĩnh lại, nói: Tỉn Hấp hầu Triệu Tín là người lập ra kế sách cho Đôn Vu cho rằng quân Hán không thể vượt qua sa mạc rộng lớn, thâm nhập và ở lâu được. Bây giờ triều đình đại phát binh mà thế tất tiêu diệt quân chủ lực của Hung Nô". Thế là cho tập trung binh lực tiến sâu vào sa mạc phương bắc. Phương châm tác chiến là tìm diệt quân chủ lực của Hung Nô. Đồng thời tổ chức thành hai tập đoàn kỵ binh lớn, mỗi tập đoàn có năm vạn binh mã, lệnh cho Vệ Thanh, Hoắc Khứ Bệnh thống lĩnh xuất binh. Sau khi Vệ Thanh rời doanh trại, biết được nơi đóng quân thực sự của Y Trĩ Tà Đôn Vu, liền huy động quân chủ lực bắc tiến hơn ngàn dặm, tiến thẳng đến trước vương đình của Hung Nô, kịch chiến với kỵ binh Hung Nô, Y Trĩ Tà Đôn Vu thấy quân Hán số lượng đông, tự lựa sức không thể địch nổi, bèn dùng hơn một trăm kỵ binh mạnh phá vây bỏ chạy. Hoắc Khứ Bệnh sau khi lên đường, tiến về phía bắc hơn hai ngàn dặm, thì trận trăn với Tà Hiền vương bộ của Hung Nô, giao chiến giành được thắng lợi, bắt sống hơn bảy vạn quân Hung Nô, từ đó về sau Hung Nô không còn đủ sức vượt qua sa mạc tiến đánh về phía nam, hình thành cục diện, "Hán nam Vô vương đình".

Chiến dịch này thể hiện nghệ thuật cầm quân của Hán Vũ đế. Hán Vũ Đế căn cứ vào phán đoán sai lầm của Đôn Vu quân Hung Nô, cho rằng: Quân Hán không thể vượt sa mạc khinh lưu, thông qua việc chuẩn bị đầy đủ, với binh lực chiếm ưu thế tuyệt đối, từ hai hướng tiến đánh cho quân chủ lực Hung Nô những đòn chí mạng. Vệ Thanh, Hoắc Khứ Bệnh, tiến quân hàng ngàn dặm, trong binh pháp có nhắc đến lệ "ủy lạo quân viễn chinh", nhưng trên thực tế, tất cả các trận viễn chinh đó đều giành được chiến thắng. Nếu truy tìm nguyên nhân, chẳng có gì khác, chỉ có hai điều: một là Vệ

Thanh, Khoắc Khứ Bệnh tập trung binh lực, cơ động thần tốc, tạo ra được tính bất ngờ đột nhiên, làm cho Đon Vu, Tả Hiến vương của Hung nô khi xáp chiến vẫn không rõ lực lượng quân Hán mạnh yếu ra sao! Hai là lực lượng chủ lực của Hung Nô thả lỏng việc canh phòng, lơ là cảnh giác, ngay đến khi quân Hán đã tấn công vẫn chưa hề cảnh giác: thậm chí mãi đến khi quân Hán đã tiến đến nơi đồn trú của quân Hung Nô, quân Hung Nô đến lúc ấy mới dàn trận thế chuẩn bị ứng chiến. Xuất phát từ điểm này chúng ta thấy: Vệ Thanh, Hoắc Khứ Bệnh giành được chiến thắng và thất bại của Đon Vu, Tả Hiến vương quân Hung Nô, tất cả đều nằm trong khuôn khổ tình lý, hợp với lô gíc.

Một danh tướng đời Đường là Lý Tố xuất quân đánh Ngô Nguyên Tế Hoài Tây, Ngô Nguyên Tế lập trấn ở Thái Châu, (nay là Nhữ Nam, Hà Nam) được chúng dân ủng hộ, xưng bá một phương. Lý Tố đưa quân đánh chiếm một số điểm ở ngoại vi Thái Châu, riêng chỉ ở Lang Sơn (nay là Xác Sơn Hà Nam) là bị quân Hoài Tây cả trong lẫn ngoài giáp kích, ít nhiều bị tổn thất. Tướng lĩnh cảm thấy chán nản, nhưng Lý Tố, tuy thua nhưng đầu đã cam chịu. Chẳng bao lâu sau, quân Đường bất ngờ đánh chiếm ngoại thành Ngô Phong, (nay là Tuy Bình Hà Nam), quân Hoài Tây có thủ trong thành. Các tướng lĩnh đề nghị thừa thắng đánh tiếp vào thành nội, Lý Tố không chấp nhận. Ông ta nhận thấy bộ phận tinh nhuệ của quân Hoài Tây bố phòng ở ngoại vi Thái Châu, còn chịu trách nhiệm thủ vệ sào huyệt chúng chỉ là những tên lính gậy còm ốm yếu, nên quyết định nhân lúc bất ngờ đánh thẳng vào Thái Châu, trước hết là bắt sống Ngô Nguyên Tế, sau rồi bình định Hoài Tây. Thế là, trong một ngày trời âm u gió tuyết, Lý Tố đưa quân về Thái Châu để giữ nghiêm bí mật, ra lệnh hành tiến về hướng đông, quân lính thuộc quyền không biết mình sẽ đi tới đâu. Đi về hướng đông

được 60 dặm, đánh chiếm Thôn Trương Sài nay thuộc phía Tây Nhữ Nam Hà Nam diệt bọn binh lính canh giữ ở đây. Lý Tố lệnh cho tướng sĩ tạm nghỉ ngơi đôi chút, giữ lại một bộ phận đón đánh quân Hoài Tây quay về cứu Thái Châu. Còn bản thân ông ta đưa một bộ phận lập tức nhân đêm tối, đội tuyết xuất quân, đồng thời tuyên bố nhiệm vụ hành động là: vào Thái Châu bắt Ngô Nguyên Tế. Đêm đó trời rét, tuyết to, nhiều người cũng như ngựa bị chết cứng, nhưng vẫn phải hành quân liên tục, cấp tốc những 70 dặm, đến Thái Châu, trời vẫn chưa sáng. Bên ngoài thành Thái Châu có ao thả ngỗng, vịt Lý Tố ra lệnh đánh chúng, cho chúng kêu âm ỉ lên phân tán sự chú ý của lính gác, yểm hộ cho hành động của mình. Thành Thái Châu ba mươi năm ròng nay không hề có chiến sự, nên việc cảnh giác rất lơ lửng, ngay cả khi quân Đường leo lên thành, mà lính giữ thành vẫn chưa phát hiện được. Trời sáng, tuyết ngừng rơi, có người bẩm báo với Ngô Nguyên Tế; quân Đường đã vào thành, Ngô Nguyên Tế vẫn không tin, cho rằng quân Đường đã bị bắt làm tù binh đang gây rối, hoặc là lính bộ binh rét quá về thành xin áo bông. Mãi về sau khi nghe hiệu lệnh của quân Đường, Ngô Nguyên Tế mới hoảng hốt leo lên thành để đánh trả. Quân Đường được sự hỗ trợ giúp đỡ của trăm họ trong thành, chẳng bao lâu đã hạ được thành nội, bắt sống Ngô Nguyên Tế. Chẳng bao lâu sau, các bộ phận của binh tướng Hoài Tây đều quy thuộc triều đình, cả vùng Hoài Tây được yên ổn.

Đó là một trận bôn tập cấp tập mà chu đáo! Nếu như coi đó là một thiên văn chương, chúng ta có thể thấy được, cái đặc sắc chính là ở chỗ: chỉ một mạch, mạch suy nghĩ cứ tuôn trào, thông suốt từ trước đến sau, mấp mô sóng gợn. Lý Tố chỉ huy tác chiến, không những có phẩm chất thắng không kiêu, bại không nản, mà còn có thể căn cứ vào tình hình địch thực hư ra sao, để xác định kế hoạch

tác chiến chính thức. Hơn thế nữa, để đạt được sự bí mật và bất ngờ về việc đánh vào Thái Châu, Lý Tố đã lợi dụng triệt để yếu tố khí hậu khắc nghiệt, không tránh sự ngăn trở của tuyết rơi gió nổi, thực hiện hành quân cấp tập đầy gian khổ khó khăn. Chẳng trách mà có tướng lĩnh không sao hiểu nổi những lệnh tác chiến đó? Sau khi chiến tranh kết thúc. Họ hỏi Lý Tố: "Tại sao bị thua ở Lạng Sơn mà không hề lo lắng. Thắng ở Ngô Phòng mà không chiếm giữ. Mặc gió to tuyết dày mà không dừng lại. Có độc chỉ một cánh quân thâm nhập mà không sợ hãi, rút cục lại thành công, là tại làm sao?" Lý Tố giải thích một cách kỹ càng: "Chúng ta thua ở Lạng Sơn, cũng vừa đủ để cho Ngô Nguyên Tế coi thường chúng ta, mà không lo tăng cường phòng bị, có thể làm tê liệt ý thức cảnh giác của đối phương. Ở Ngô Phòng ta thắng mà không chiếm giữ, là để buộc binh lính ở Hoài Tây không bỏ thành mà chạy, ra sức cố thủ Thái Châu, điều đó có thể làm cho lực lượng của Ngô Nguyên Tế bị phân tán. Cho nên, trong những ngày trời âm u gió tuyết, bôn tập Thái Châu, là do trong điều kiện thời tiết như vậy, dù đốt đuốc lên cũng khó nhìn thấy gì, nên binh lính Hoài Tây khó có thể thông báo kịp thời các tin quân ta đã kéo đến; cho nên dù chỉ riêng lẻ một mình cánh quân ta xâm nhập, vẫn có thể làm cho quân ta ai nấy cùng quyết đánh đến cùng một mất một còn, dũng khí tăng lên bội phần. Xem xét thấu suốt diễn biến của toàn bộ chiến dịch, há chẳng phải là triển khai một cách thuận lợi ý đồ tác chiến của Lý Tố đó sao?

Tại gianh giới giữa Hán và Sở, sau khi Hàn Tín đánh chiếm Ngụy, Triệu, Yên. Để ngăn chặn quân Hán tấn công, Tề vương Điền Quang đưa một lực lượng lớn tới đóng binh ở Lịch Hạ (nay là Tế Nam tỉnh Sơn Đông), chuẩn bị chống đỡ. Để Điền Quang ủng hộ mình, Lưu Bang cho Lê Thực Kỳ tìm đến thuyết phục Điền Quang quy thuận nhà Hán. Lê Thực Kỳ lấy chủ đề: "Thiên hạ đại

sự giai quy Hán vương" (Những chuyện lớn trên đời này đều quy vào Hán vương). Điền Quang tin lắm, cho rút lui điểm phòng thủ ở Lịch Hạ, suốt ngày uống rượu cùng Lê Thục Kỳ làm vui, lại cho sứ giả đi báo lại cho Lưu Bang biết. Hàn Tín biết được tình hình như vậy, lập tức mang quân vượt qua sông Hoàng Hà, nhanh chóng công phá Lịch Hạ, rồi chiếm đánh Lâm Truy (nay là Truy Bắc tỉnh Sơn Đông). Điền Quang nghe nói đột nhiên quân Hán kéo tới, cho rằng Lê Thục Kỳ đã bán đứng mình, liền đem giết ông ta xào nấu làm thức ăn. Sau đó lui về giữ Cao Mật (nay là Cao Mật tỉnh Sơn Đông) cầu cứu Hạng Vũ. Hạng Vũ đưa quân tiến lên phía Bắc, hội nhập quân Tề ở Cao Mật. Nhưng chẳng bao lâu sau, liên quân Tề Sở cũng bị quân Hán đánh tan. Hàn Tín thừa thắng truy diệt tân binh, bắt sống Điền Quang, thôn tính hoàn toàn nước Tề. Chiến công ở chiến dịch này của Hàn Tín, thực chất là dựa vào các kế sách thừa nhận vô bị, đột nhiên tập kích (nhân lúc người ta không đề phòng, tập kích bất ngờ). Nếu như Điền Quang cho quân ở Lịch Hạ chém giết nhau với quân Hán, thì dù Hàn Tín có thắng đi chăng nữa, nhưng làm sao thoát khỏi cái kết cục "Giết địch ba ngàn, thì mình cũng mất tám trăm". Số Lê Thục Kỳ phụng mệnh Lưu Bang, thuyết phục Tề đã thành công, vốn có thể coi đó là một chiến công đặc biệt, nhưng lại bị Hàn Tín lợi dụng - chỉ trong nháy mắt, từ chỗ ngôi của thượng khách đã biến thành "thịt trong nồi". Chuyện thế gian kiểu như vậy xoay vần kể sao cho xiết. Hàn Tín về sau xưng vương nước Tề, nổi danh thiên hạ nhưng do mắc tội làm hại Lê Thục Kỳ, nên đến khi chết mặt không xanh mà cũng chẳng trắng, quả là oan gia.

Danh tướng thời Đường là Lý Tịnh là đại tổng quản hành quân Định Tương đạo, đưa quân đánh Đột Quyết. Đột Quyết Hiệt Lợi khả hãn lưu giữ Thiết Sơn, cho sứ vào triều tạ tội, thỉnh cầu cho

cả nước quy phục. Triều đình giao cho Lý Tịnh phụ trách đón tiếp. Hiệt Lợi khả hãn tuy đã biểu thị triều yết, nhưng trong lòng vô cùng nghi ngại. Thông qua quan sát và xét đoán, nhận thấy điều đó. Lúc ấy triều đình cử Hồng Lư Khanh Đường Khiêm làm sứ tiết, đi trước ban bố dụ chiếu lệnh cho Hiệt Lợi khả hãn. Lý Tịnh triệu kiến phó sứ Trương Công Cẩn nói: "Triều đình chiếu sứ đến Thiết Sơn, Đột Quyết nhất định sẽ rút quân canh phòng. Nếu cho một vạn kỵ binh mang theo lương thảo cho 3 ngày, bất ngờ đột kích Đột Quyết. Thì chắc chắn sẽ thành công". Trương Công Cẩn hơi e ngại hỏi lại: "Triều đình đã chấp nhận việc xin hàng của Hiệt Lợi, Đường Khiêm thì đang ở chỗ ở của Đột Quyết thì làm thế nào?" Lý Tịnh trả lời: "Thời cơ không thể để mất, Sở dĩ Hàn Tín có thể thắng Tề chính là ở chỗ thời cơ có lợi. Người như Đường Khiêm thì có gì để mà tiếc cơ chứ". Thế là Lý Tịnh kéo quân cấp tốc về Thiết Sơn. Sau khi Hiệt Lợi khả hãn hội kiến với Đường Khiêm, rất phấn khởi vì thể giảm trừ trạm canh phòng thường ngày. Đội quân tiên phong của Lý Tịnh, nhân sương mù dày đặc, nhanh chóng kéo đến chỗ ở của Đột Quyết, chỉ còn cách nhà trưởng của khả hãn sáu bảy dặm. Hiệt Lợi khả hãn phát hiện ra quân Đường, chưa kịp dàn thế trận đã bị đánh toi bời. Trong chiến dịch này, quân Đường đã chém đầu trên một vạn, bắt sống mười vạn. Chẳng bao lâu sau, bắt sống được cả Hiệt Lợi khả hãn.

Trận tập kích bất ngờ này cũng tương tự như trận Hàn Tín đánh bại quân Tề, như cùng một mẹ đẻ ra. Trong tình huống Đột Quyết đã xin quy thuận triều đình nhà Đường. Sự suy tính bất nguồn từ mục đích chiến tranh của Lý Tịnh, xá chi các hoạt động ngoại giao đang được xúc tiến, thừa lúc Hiệt Lợi khả hãn lơ lửng cảnh giác, bỏ canh giữ. Lý Tịnh đã giáng cho một đòn chí mạng. Điều đó đã tỏ ra một cách đầy đủ nhất cái bí ảo của "quyền trá chi

binh" (động tác giả), cũng có thể coi đó là sự kế thừa và phát triển nghệ thuật cầm quân của Hàn Tín. Một điều hay hơn cả là đang tiến hành công việc của một vị sứ giả, Đường Kiêm không xấu chơi cố ý làm hại người khác như Lê Thực Kỳ, nhân lúc hỗn quân hỗn quan đã chuẩn về được.

Còn về cách đánh "Kinh tiền yểm hậu, dương đông kích tây" (Cách đánh dọa phía trước yểm hộ phía sau, (dương đông kích tây), cũng có thể tìm thấy nhiều ví dụ thực trong lịch sử.

Đầu đời Đường. Lý Thế Dân đánh nhau với Đậu Kiến Đức ở Hồ Lao (nay là phía tây bắc Vinh Dương tỉnh Hà Nam). Đậu Kiến Đức có mười vạn quân lính dàn thế trận ở bờ đông sông Phiếm Thủy phía chính diện trải dài hơn hai mươi dặm. Cho dàn trận thế tấn công Hồ Lao, Lý Thế Dân đã sẵn sàng, làm cho đôi phương nơm nớp lo sợ (không lúc nào là không có khả năng bị đánh). Quân Đậu dàn quân từ giờ thìn đến giờ ngọ, quân lính đói và mệt phần lớn ngồi bệt xuống đất, tranh nhau đi uống nước, quân ngũ lộn xộn không còn ra thế thống gì cả. Lý Thế Dân thấy thế, trước tiên kiểm tra lại thế trận, rồi đích thân dẫn kỵ binh xuất kích, bộ đội chủ lực theo sau, lao thẳng vào đại bản doanh quân Đậu. Lúc ấy, Đậu Kiến Đức đang triệu tập quần thần để bàn bạc, quân Đường ào ào ập đến, các quần thần đều xô đẩy nhau lẫn trốn ở chỗ Đậu Kiến Đức, đến nỗi làm cho kỵ binh điều động để đi đánh trả quân nhà Đường bị cản đường không còn lối đi. Đậu Kiến Đức ra lệnh cho các quần thần lui ra để tránh đường cho kỵ binh, nhưng do quân Đường đã xông vào, không thể không rút chạy về hướng đông. Lý Thế Dân thừa thế tấn công mạnh quân Đậu, truy kích xa hơn ba mươi dặm, bắt sống hơn năm vạn người.

Đây là một dẫn chứng về một trận đánh lừng danh lấy ít thắng nhiều. Đối mặt với thế trận mạnh, to lớn do Đậu Kiến Đức dàn

binh. Lý Thế Dân không hề khiếp sợ, ngược lại, thông qua phân tích cụ thể, nắm chắc và lợi dụng nhược điểm của quân Đâu. Ông ta cho rằng: "Quân Đâu chưa bao giờ đánh lớn, nay đánh nhau ở ngay căn cứ của mình, chắc chắn là sẽ coi thường ta, hơn nữa, ngay lúc lâm trận mà kỷ luật lại buông lơi. Ta phải chuẩn bị sẵn sàng, chờ cho chúng mệt mỏi, chán nản mới tiến đánh, thì giành được chiến thắng đâu có khó khăn gì. Theo cách suy nghĩ đó, nhân lúc thế trận quân Đâu bị nhiễu loạn, Lý Thế Dân dốc toàn lực tấn công, tuyển chọn bộ đội tinh nhuệ, chọc thẳng vào phía sau lưng, xông thẳng vào bộ chỉ huy của quân Đâu đến nỗi Đâu Kiến Đức trở tay không kịp, chỉ huy mất tác dụng phải bỏ chạy trong lúc hỗn loạn. Từ đó cho ta thấy, thắng lợi của Lý Thế Dân, chủ yếu là dựa vào sự "xuất kỳ bất ý" (bất ngờ), đó là hậu quả của việc đánh thẳng vào trung tâm ngay từ lúc mở màn.

Năm Thuận Trị thứ 18 triều Thanh (năm 1661). Trịnh Thành Công quyết tâm tiến quân ra Đài Loan. Sau khi chiếm lĩnh giải đảo Bành hồ, đứng trước những khó khăn không lúc nào thuận gió, sóng to, lương thực không đủ. Trịnh Thành Công vẫn ngang nhiên đưa hạm đội, đội gió mưa vượt qua eo biển, nhanh chóng áp sát bên ngoài Lộc Nhữ môn, chờ con nước, chờ gió để vào. Cảng Lộc Nhữ môn này, bình thường luồng lạch cạn, người Hà Lan lại dùng xác tàu hỏng để chắn, vì thế chỉ khi nào có con nước (nước lên) mới qua lại được. Quân Trịnh đến bên ngoài Lộc Nhữ môn chưa được bao lâu, quả nhiên con nước lên, tất cả các chiến hạm từ lớn đến bé vào cảng thuận lợi, phân bố ở giữa Đài Giang. Quân Hà Lan đóng trên thành Đài Loan cho rằng hạm đội Trung Quốc nhất định sẽ tấn công từ hướng chính diện, cho nên chỉ chuẩn bị đầy đủ pháo lớn dọc bờ theo đường hàng hải phía nam. Trịnh Thành Công tránh luôi phong toả hoả lực của quân

Hà Lan, cứ tiến thẳng vào Lộc Nhữ môn, đến nỗi làm cho quân Hà Lan không kịp điều chỉnh lại pháo lớn, thấy hành động ngoài dự kiến của chúng đâm ra hoảng hốt, nghĩ rằng "binh tự thiên giáng" (việc quân cơ do trời định), còn bây giờ thì đành bó tay. Cho nên, quân Trịnh chỉ mất hai tiếng đồng hồ đã đổ bộ lên đóng trại trên cảng Hoà Liêu. Sau đó, Trịnh Thành Công đích thân đốc binh sĩ vây đánh Xích Khâm Lâu và thành Đài Loan, buộc quân Hà Lan phải đầu hàng, từ đó kết thúc ách thống trị ba mươi tám năm của người Hà Lan ở Đài Loan.

Cuộc chiến đấu mà Trịnh Thành Công lấy lại Đài Loan, là một trận chiến đấu trên bờ lấy trang bị yếu để thắng trang bị mạnh, cự ly xa, quy mô lớn trong lịch sử hải chiến Trung Quốc. Thắng lợi của cuộc tác chiến trên bờ lần này là nhờ vào tài chỉ huy xuất sắc của Trịnh Thành Công, đặc biệt là ông ta biết lợi dụng nhân đêm mưa to gió lớn, đột nhiên vào cảng Lộc Nhữ môn, làm cho người Hà Lan vô cùng hoảng hốt.

Lẽ ra, mưa bão và đêm tối mà lên bờ thì vô cùng bất lợi, nhưng lại chính cái điều kiện khí hậu bất lợi đó lại giúp tạo ra nhân tố bất ngờ, xuất kỳ bất ý. Trịnh thành Công đã mạnh dạn lợi dụng điều kiện khí hậu ác hiểm đó để đưa quân lên bờ tác chiến. Xem ra thì rất mạo hiểm, nhưng thực ra vì mưa bão đã mấy ngày liền, gió đã có chiều giảm bớt, hơn nữa ấy lại là đầu tháng triều cường, là thời cơ cho tàu khởi hành tốt nhất. Cho nên Trịnh Thành Công vừa phải công phá sự cản ngăn do gió bão gây nên, lại gặp dịp triều cường có thể lên bờ dễ dàng, chính những thứ đó đã đặt nền móng cho việc thu phục toàn bộ đảo Đài Loan.

"Công kỳ vi bị, xuất kỳ bất ý" (dánh vào chỗ địch không đề phòng, xuất quân vào thời điểm mà quân địch không ngờ tới), cái

hạt nhân của kế sách này, trong lĩnh vực chiến tranh, từ xưa tới nay, vẫn được khai thác triệt để.

3. LÙI ĐỂ MÀ TIẾN, CHUYỂN THỂ THỦ THÀNH THỂ CÔNG

Trong mảnh vườn kế sách học, quan hệ giữa tiến và lùi, có thể biểu hiện như sau: 1_ Tiến và lùi luôn luôn nằm trong mâu thuẫn. Xét từ cách nhìn của chủ thể kế sách, loại mâu thuẫn này lấy cùng chung tính chất làm gốc. Cả hai cùng thúc đẩy lẫn nhau, bổ sung cho nhau. 2_ Nếu xét chung cho hai phía của kế sách: mâu thuẫn giữa tiến và lùi, lấy tính chất đấu tranh làm chủ, bên này tiến thì bên kia lùi, bên này tấn công thì bên kia thế thủ, và ngược lại. Hai bên đối lập nhau thì sẽ bài xích nhau. 3_ Tiến và lui đều phân biệt chủ động và bị động. Cái tiến cái lùi chủ động có lợi cho sự chuyển hoá giữa tiến và lui: cái tiến, cái lùi bị động lại bất lợi cho sự chuyển hoá giữa tiến và lui. Thông qua sự tiến, sự lùi chủ động, chủ thể của kế sách có thể giành được ưu thế rõ ràng trong trường kế sách. 4_ Cái tiến chủ động và cái lui bị động, giữa hình thức và nội dung luôn nhất trí nhau, lùi chủ động và tiến bị động thì khác, giữa hình thức và nội dung không nhất trí. Căn cứ theo quan hệ nhất trí và không nhất trí này, chủ thể kế sách có thể thúc đẩy một cách có hiệu quả sự chuyển hoá giữa tiến và lui.

Những người đã đọc qua "Tam quốc" và "Thủy hử" đều có thể lĩnh hội được một trường cảnh như sau: Sau khi hai bên dàn xong thế trận, mỗi bên một chiến tướng bước ra khỏi hàng, giao phong. Họ hợp nhau tại một chỗ, đao thương qua lại, ngựa chạy vòng tròn, đánh nhau mấy hiệp, một người bỏ chạy người kia không hiểu kế, đuổi theo. Khi sắp đuổi kịp, người vờ thua bỏ chạy, đột nhiên quay lại, bổ, chém, đâm, bắn tên hoặc ném phi tiêu, người đuổi theo thét lên một tiếng rồi ngã ngựa, toi mạng. Đó là trò cá

nhân đấu nhau vờ thua dụ địch rồi bất ngờ giành thắng lợi. Những "hội mã thương", "tán thủ gián" "lưu tình chùy" "đà đao kế" mà thường mọi người vẫn hay nhắc tới đều là những ứng dụng khác nhau trong những điều kiện khác nhau của thủ đoạn này.

So sánh với đấu võ cá nhân, thi đấu tập thể tuy không thể nói là sự giản đơn của nó được tăng cường thêm, nhưng trên một ý nghĩa nào đó có thể được coi là sự hữu hạn của nó được mở rộng. Trong đấu tranh quân thể, chủ thể kế sách của lãnh tụ quân thể cũng thường dùng biện pháp vờ lui để dụ địch, bất ngờ giành chiến thắng. Trong đó, tình hình cơ bản nhất là: một bên thực thi việc rút lui có mục đích, có kế hoạch, dụ đối phương lao sâu vào tình thế bất lợi, đối phương không hiểu rõ chân tướng, quả nhiên cứ mãi miết đuổi theo, rốt cục là bị sa bẫy chịu thua.

Trước khi Tấn Văn công Trọng Nhi chấp chính - Có thời gian đã từng lưu lạc ở nước Sở. Sở Thành vương cư xử với ông ta về lễ tiết như với một chư hầu. Khi Trọng Nhi rời nước Sở, Sở Thành vương hỏi ông ta, lấy gì để báo đáp. Trọng Nhi trả lời: "Nếu như tôi về được nước Tấn rất mong muốn có quan hệ tốt đẹp với quý quốc để trăm họ ở hai nước được sống thái bình. Nhưng nếu vạn nhất chiến tranh xảy ra, thì tôi chỉ có thể lui tránh ba xá (một xá là ba mươi dặm), coi đó như là sự báo đáp ân tình của đại vương". Sau đó Trọng Nhi về nước chấp chính. Hai nước Tấn và Sở bùng nổ chiến tranh ở Thành Bộc (nay là Bộc Dương Hà Nam). Nguyên soái quân Tấn là Tiên Chẩn vừa thấy quân Sở tiến sát đến, định lập tức đánh trả. Nhưng Hồ Yển khuyên: "Trước kia chúa công đã nói với Sở vương rằng, nếu như hai nước đánh nhau quân Tấn tình nguyện lui tam xá chúng ta không nên để thất tín". Các tướng lĩnh đều phản đối. Tấn Văn công thì tán đồng ý kiến của Hồ Yển, lệnh cho quân Tấn rút sâu vào 90 dặm. Quân Sở muốn đánh, nhưng không được, sĩ

khí bị ảnh hưởng. Chẳng bao lâu sau, Tấn và Sở lại quyết chiến. Quân Tấn nhằm đúng chỗ yếu của quân Sở, áp dụng chiến thuật trước yếu sau mạnh, vờ lui dụ địch, tấn công một góc, hai mặt giáp công, lần lượt đánh bại hai cánh tả hữu của quân Sở, buộc chúng không đánh mà phải lui.

Đó là một trận nổi tiếng đã xảy ra vào thời Xuân Thu. Trước khi quyết chiến xảy ra, Tấn Văn công lui tránh 3 xá. Bề ngoài là thực hiện lời hứa, nhưng thực tế là để tranh thủ dư luận, tránh cái mũi nhọn của quân Sở, làm loay lòng sĩ khí quân Sở... và nhiều mục đích khác. Cũng giống như Hồ Yển đã phân tích: "Chúng ta lui tránh ba xá, không những chỉ tỏ ra là ta đã giữ tín nghĩa với thiên hạ. Nếu như chúng ta lui quân, quân Sở cũng lui, thì hai nước có thể giảng hòa. Nếu chúng ta lui, quân Sở vẫn đuổi theo, thì chúng quả quá thể. Nếu vậy, quân chúng ta sẽ chẳng phải kiêng nể gì. Mà nếu quân Sở vẫn tự cao tự đại, hai bên đánh nhau, sẽ có lợi cho ta". Xét từ quan điểm kế sách lược, những kiến giải của Hồ Yển là tương đối chín chắn, rất đáng được những người vận dụng thủ đoạn lui một bước để tiến hai bước nhằm nháp suy đi ngắm lại.

Ý nghĩa của các nhóm từ: "muốn tiến thì hãy tạm lui" "muốn bắt được thì hãy nới lỏng ra", "muốn được thì phải biết cho"... tương tự gần giống nhau. Chủ yếu chỉ chủ thể kế sách trong lúc nhuệ khí của đối phương đang thịnh, cố ý né tránh đánh nhau, nhân nhượng nhau, làm cho đối phương này sinh ra tính kiêu căng, muốn nghỉ ngơi lơ là mất cảnh giác, rồi sau đó thừa cơ thực hiện ý định của mình. Chữ "tiến" ở đây là chỉ mục đích, "lui" là chỉ thủ đoạn, biện pháp. "Thủ đoạn", "biện pháp" là để phục vụ cho mục đích. Cho nên "lui" đâu phải là "bị động", "mù quáng" mà lại là chủ động, có mục đích, tức là lui có mức độ, đến mức thích hợp thì

dừng lại, tiếp tục tập trung lực lượng giáng cho đối phương một đòn sấm sét.

Thời Xuân Thu, người nước Dung thừa lúc nước Sở bị đói kém mà phản loạn. Mê Nhân tập hợp được một trăm kẻ tội tở được mọi người ủng hộ. Thế là nước Sở cho quân tấn công Dung quốc. Giao phong lần đầu, quân Sở bị bại. Tử Dương Song trốn thoát khỏi tay người Dung, chủ trương dốc toàn lực tấn công một lần nữa. Sư Thúc nói: "Không ổn đâu, nếu chúng ta tiếp tục giao chiến với người Dung, chắc chắn rồi cũng thất bại. Phải rút lui. Điều đó sẽ làm cho chúng càng thêm kiêu căng ngang ngược, nhưng chúng ta sau đó lại dốc sức ra phản công một lần nữa, thì chắc chắn sẽ giành được thắng lợi". Sở vương nghĩ rằng Sư Thúc nói có lý, liền liên tục giao chiến với người Dung lui đi lui lại đến bảy lần. Người Dung vốn thiếu tính tổ chức, mà lại liên tục giành được chiến thắng, cho rằng quân Sở sẽ không chịu đựng nổi, nên buông lỏng đề phòng. Sở vương thấy thế chia quân thành hai cánh, tấn công mãnh liệt, diệt ngay nước Dung.

Kiều hãnh và khiêm nhường là sự phản ánh giữa tiến và lui. Về mặt tâm lý, kiêu hãnh ngang ngược có quan hệ với coi thường địch, nóng nảy; khiêm nhường thì nhất trí với ôn hòa, cẩn trọng, bền bỉ. Về mặt hành vi thì kiêu hãnh có quan hệ với liều lĩnh, phóng túng; còn khiêm nhường thì nhất trí với tiết chế ổn định vững vàng. Người Dung mất nước chính là hậu quả của việc "thắng thì kiêu, mà kiêu thì sẽ coi thường địch".

"Khiêm thụ ích, mãn chiêu tổn". (Khiêm tốn thì có lợi, tự mãn thì mời gọi tổn thất). Tướng kiêu thì tất bại đã trở thành một điều luật mà người ta hay dẫn ra trong cuộc sống để làm điều răn. Trong lịch sử, Tào Tháo viết bài thơ "Hoàn Sóc phú thi", ngược lại vấp phải thảm bại ở trận Xích Bích; Phù Kiêu viết: "Phủ đầu trên

đoạn lưu" (ném pháo làm đứt dòng), không có tai hoạ nào lớn hơn cái tai hoạ coi thường địch". "Ngô Tử" cũng như răn đe người đời sau: "Bước ra khỏi lúc nào cũng gặp địch".

Mạo Đồn Đan Vu Hung Nô lúc mới lên ngôi, vua Đông Hồ ý thế mạnh cho sứ giả sang gặp Hung Nô đòi thiên lý mã. Mạo Đồn hỏi ý kiến tả hữu mọi người xung quanh. Những người tả hữu xung quanh bảo là không được. Mạo Đồn nói: "Lẽ nào lại tiếc một con ngựa với người sát nách mình!?" Thế là ông tặng cho Đông Hồ vương một con ngựa thiên lý - Chẳng bao lâu sau vua Đông Hồ cho là Mạo Đồn sợ mình, lại cho sứ giả sang đòi một người về làm vợ. Mạo Đồn lại hỏi những người tả hữu xung quanh. Những người tả hữu xung quanh vô cùng tức giận, yêu cầu đòi một phen sống mái với Đông Hồ vương. Mạo Đồn nói: "Lẽ nào lại tiếc một người đàn bà với người hàng xóm!?" Thế là liền đem vợ thứ, người vợ sủng ái nhất đem dâng cho vua Đông Hồ. Vua Đông Hồ ngày càng tỏ ra ngang ngược tai ác. Chẳng bao lâu sau lại cho sứ giả sang yêu sách đòi Mạo Đồn giải đất trống giữa hai nước. Mạo Đồn lại hỏi ý kiến các quan tả hữu, có người bảo rằng giải đất bỏ hoang, có thể cắt nhượng cho vua Đông Hồ. Mạo Đồn tức giận lắm quát: "Đất đai là cái căn bản nhất của một nước, làm sao có thể cho ông ta được!?" Thế là động viên toàn bộ người ngựa tiến đánh Đông Hồ. Đông Hồ vương rất coi thường Mạo Đồn nên chẳng phòng bị gì. Cho nên khi Mạo Đồn tràn tới tiến đánh bại, tiêu diệt vương quốc Đông Hồ, mở rộng thế lực của mình.

Từ đó ta thấy, kiêu căng bạo ngược như vua Đông Hồ, quả đã đánh giá lực lượng của mình quá cao, không hề suy tính đến sức mạnh của đối phương, bốc lên là mù quáng liều lĩnh chỉ biết cứ việc đòi hỏi, mà không thể sử dụng lý thoả đáng các quan hệ láng giềng, dưới con mắt tham lam thêm thuổng như hổ đói của kẻ mạnh, đã

mất cảnh giác, thả lỏng không đề phòng, vì thế đã tạo cho đối phương một kẽ hở có thể lợi dụng - Nếu đem so sánh, Mạo Đồn Đôn Vu quả là một tay kẻ sách cao thủ biết tiến, biết lui. Ông ta xuất phát từ điều kiện bản thân, nhân nhục, thoả mãn các yêu sách vô lý của vua Đông Hồ là có ý chiếm đoạt lấy tâm trí, làm rối loạn mưu đồ của ông ta, làm cho đối phương bị rơi vào thế coi thường xem nhẹ, buông lỏng sự đề phòng, tạo cho mình thời cơ thuận lợi chắc chắn thành công.

Để thực hiện được mục đích mong đợi, con người ta dù ở trong trường kế sách nào, đều phải giữ cho đầu óc tỉnh táo, trầm tĩnh, không để cho sự xung động nhất thời làm nhiều loạn việc vận dụng kế sách. Một khi bị một tình huống nào đó làm mê hoặc sẽ bị mất lý trí, làm những việc mịa mẽ ra không nên làm, tạo cho đối phương cái thời cơ để lợi dụng. Chính vì vậy, nên những nhà chính trị, những nhà quân sự lừng danh từ xưa tới nay khi phải đương đầu với sự nhạo báng nhục mạ của địch thủ, đều phải lấy chữ "Thượng nhẫn" (coi trọng sự nén chịu, nén lòng chịu đựng) để tự kiềm chế, để giữ sự sáng suốt, bình tĩnh trong đầu óc, tìm thời cơ đánh bại mọi sự khiêu khích của đối thủ.

Thái phó nhà Tùy là Dương Nghĩa Thần, đi hỏi tội Trương Kim Xứng. Đưa quân đến nương Vĩnh Tế thì cho hạ trại, cách Trương Kim Xứng chỉ bốn mươi dặm, hào sâu lũy cao không đánh. Trương Kim Xứng đưa quân ra khiêu khích, Dương Nghĩa Thần kiểm chế binh sĩ chỉ dàn trận chiếu lệ nhưng không chịu ứng chiến. Cứ lập đi lập lại như thế nhiều lần. Trương Kim Xứng cho rằng quân Tùy khiếp sợ, nên nhiều lần đưa quân ếm sát doanh trại quân Tùy chửi bới Dương Nghĩa Thần. Dương Nghĩa Thần cho người ra nói với Trương Kim Xứng: "Mời ngài sáng mai hãy đến, ta sẽ quyết một phen sống mái". Trương Kim Xứng vốn đã khinh thường quân

Tuỳ nên mất cảnh giác buông lời không cảnh giác, phòng bị. Thế là Dương Nghĩa Thần chọn hai nghìn lính tinh nhuệ, lặng lẽ bí mật, nhân đêm tối đi vòng ra phía sau chờ cho Trương Kim Xứng ra khỏi doanh trại, phát lệnh tập kích, thu toàn bộ dinh lũy. Trương Kim Xứng biết tin quay về ứng cứu, bị quân Tuỳ đánh giáp công từ hai mặt, tiêu diệt hoàn toàn.

Trong "Thảo Lô kinh lược" đã từ đó viết ra kết luận: "Từ xưa tới nay thất bại của các nhà cầm quân thường là do nóng vội, hiếu thắng, thích trở tài. Tính cách ấy dễ bị kích, dễ bị nóng, dễ bị dụ lừa, dễ bị quấy nhiễu mà trở nên mệt mỏi, dễ bị lung lạc, dễ bị treu chọc, dễ sai khiến, dễ mắc bẫy của ta mà không hay biết, đó không phải là cái cần có. Cái mà tướng quân cần phải có là bớt cứng rắn để mềm dẻo, giảm mạnh làm yếu, bị kích bác mà không nóng giận, bị dụ mà không lay chuyển, bị nhục mà không hổ thẹn, bền gan vững chí, mưu kế khôn lường, không nghi ngờ lời bàn của mọi người, và người bất địch làm theo để lừa, chớ để chúng phòng bị, hễ địch có sơ hở là ra quân, tuý cơ hành động, đột nhiên bất ngờ, không ai có thể chống cự được, chỉ một trận mà nên công trọn vẹn. Làm được như vậy là do người đó trước hết có cái nhìn cực kỳ sáng suốt, có ý đồ vô cùng lớn lao, không thêm tới vật vãnh mà thôi". Câu nói này, trong một trường kế sách nhất định, đối với mọi người, mượn lùi để tiến, chuyển thế thủ thành thế công có rất nhiều điều gọi mở.

Dương nhiên dù là tiến hay lùi, đều có một vấn đề tiên quyết: (ra tay) trước và (tạm lùi) hành động sau. Ra tay trước chỉ chủ thể kế sách lợi dụng ưu thế của chính mình, ra tay trước để kiểm chế đối phương. Nói một cách tương đối: tạm lùi một bước, chỉ chủ thể kế sách, sau khi đối phương đã ra tay trước; nắm chắc thời cơ có lợi để phản kích, không chế lại đối phương. Nói một cách khái quát: ra

tay trước được vận dụng rộng rãi hơn, tạm lùi một bước thì lại càng làm cho người ta tìm kiếm cách ra tay trước hơn nữa.

Ra tay trước thì sử dụng cái "đương". Cái gọi là "đương" ở đây chính là nhuệ khí, là sở trường là ưu thế, tóm lại là cái gọi là cái mạnh, thế mạnh. Chủ thể của kế sách lấy "cái mạnh" của chính mình, áp dụng thủ đoạn tập kích đột nhiên, có thể giáng cho đối phương một đòn mạnh mẽ. Trong các hoạt động xã hội, những điều này có thể tìm nhiều thí dụ thực tế. Để bảo đảm chắc chắn ra tay trước có hiệu quả, thì phải chú trọng hiệu quả ra quân đầu tiên, đòi hỏi làm sao chỉ giải quyết vấn đề một cách dứt điểm trong một lần. Muốn làm được điều đó không những đòi hỏi phải tập trung toàn bộ sức mạnh ưu thế tuyệt đối, mà còn phải nắm chắc thời cơ thích hợp, còn đòi hỏi phải đạt được hành động nhanh, đột biến. Nếu không thực hiện được điều này, thì lẽ ra là phải ra tay trước nhưng nếu nhờ thời cơ, thì chắc rằng sẽ vấp phải khó khăn trở ngại.

Tổng Tương công tranh bá với Sở, dẫn đến quân đội hai nước đánh nhau ở Hoàng Thủy (Nay là Gia Thành tỉnh Hà Nam) Quân Tống đã sẵn sàng thế trận. Khi quân Sở còn chưa kịp tập kết hết qua sông, Tư Mã Mục Di nói với Tổng Tương công: "Quân Sở đông, quân ta ít, nhân lúc chúng còn một bộ phận chưa kịp qua sông, ta nên tấn công ngay". Tổng Tương công từ chối với lý do: "Quân tử bất thừa nhân chi nguy" (Đã là quân tử thì không nên tấn công nhân lúc đối phương gặp nạn hiểm nguy). Chờ cho đến lúc quân Sở đã sang sông xong nhưng chưa dàn xong trận thế. Mục Di lại đòi xuất kích. Tổng Tương công vẫn kháng kháng: "Đã là quân tử thì không tấn công lúc địch chưa dàn xong trận thế". Mãi đến khi quân Sở đã dàn xong trận thế, quân Tống mới được phép xuất kích kết quả là bị quân Sở đánh cho thất bại nặng. Tổng Tương công bị trọng thương, chỉ còn một nhóm tàn quân bỏ chạy về Tống.

Tổng Tương công chỉ huy tác chiến, quả là đáng để mọi người thương hại ta thán. Nhưng, bản thân ông ta lại không nhìn thấy tận cội nguồn gốc rễ sự ngu muội xuẩn ngốc của chính mình. Sau khi về nước, còn tìm đủ mọi cách biện hộ cho mình: "Là quân tử, khi đánh nhau không giết người bị thương nặng, không bắt người già yếu làm tù binh, thậm chí lấy làm si nhục nếu đánh thắng địch mà nhờ địa thế sông núi hiểm yếu. Ta tuy là thế hệ sau của một ông vua mất nước, nhưng không bao giờ tấn công trước khi quân địch chưa dần xong thế trận". Vốn dĩ là một hành động ngu ngốc thì sao tránh khỏi bị người đời chê cười, mà nay lại biện hộ, bào chữa cho những hành động ngu xuẩn đó, thì lại càng thêm hoang đường, đáng hổ thẹn. Chẳng trách được, người ta coi Tổng Tương công là một nhân vật điển hình "xuẩn trư thức" (ngu kiêu con lợn) trong lịch sử loài người.

Điểm then chốt của tạm lùi một bước là khi dùng thái thế phòng ngự: một mặt phải làm rõ nhược điểm của đối phương, mặt khác phải ngấm ngấm chuẩn bị lực lượng, chờ và tạo ra thời cơ có lợi, thông qua phản kích, giáng cho địch những đòn tổn thất chí mạng.

Cuối thời Tây Tấn, Thạch Lạc chiếm cứ nhiều châu quận phía bắc sông Hoàng Hà. Sau đó tính đến chuyện thôn tính nốt Vương tuần đang cát cứ U Châu. Ông ta nắm được tâm lý Vương Tuần đang lo chuẩn bị cho việc xưng đế, trước hết mình sẽ tỏ ra quy phụ Vương Tuần, làm ra vẻ ủng hộ sự tự lập của ông ta. Chờ thời khi Vương Tuần cho sứ giả đến cảm ơn, Thạch Lạc cố ý điều quân tình nhuệ và tướng tài ra bên ngoài thành: chỉ giữ lại tàn binh già yếu ở lại trong trại, để tỏ ra mình thiếu thực lực chả làm nên trò trống gì được, đồng thời cho treo chiếc phát trần mà Vương Tuần cho tặng ông ở phòng khách, mỗi ngày ba lần vái lạy, tỏ rõ sự trung thành

của mình. Khi người sứ giả nọ lên đường về, Thạch Lạc lại cho người thân tín đi cùng để chuyện trò có bạn, đề nghị khi Vương Tuấn lên ngôi, cho phép ông ta đến dự lễ. Vì thế Vương Tuấn rất tin Thạch Lạc. Sau này Thạch Lạc đưa quân tấn công U Châu. Vương Tuấn không những không lo đề phòng mà còn cảnh cáo các tướng lĩnh: "Tướng quân họ Thạch đối với ta rất trung thành, nay đưa quân đến là để giúp ta điều võ dương oai, phô trương thanh thế, ai còn khuyên ta đem quân ra chống đỡ, ta giết!" Chẳng bao lâu sau quân Thạch Lạc đã đến dưới chân thành Tô Châu, tướng sĩ giữ thành e chậm trễ có lỗi với Thạch Lạc sẽ bị chịu tội, liền vội vàng mở cửa cổng thành. Thạch Lạc ra lệnh xua đuổi hết hàng ngàn trâu, để mang đến dâng cho Vương Tuấn nhân lúc lên ngôi báu vào thành, chận ních phố to ngõ nhỏ, sau đó cho quân bao vây cung thất của Vương Tuấn. Đến lúc này, Vương Tuấn mới tỉnh cơn mê, mới biết mình đã tự chui vào vòng treo cổ của Thạch Lạc.

Một dãy những hành động, ẩn hình dấu bóng để phát về sau, lúc đầu thì tỏ ra trung thành, và sau đó cướp ngôi của Thạch Lạc là chuyện đã rắp tâm từ trước. Việc tạm lui, việc thần phục đầu phải là chạy theo đối phương, mà là xỏ mũi đối phương. Từ bỏ cái độc lập về danh nghĩa đầu phải là sự mất mát vĩnh cửu, mà chính là muốn thu được nhiều hơn và thành công nhanh hơn.

Điều cốt lõi của việc ra tay trước là quyết định nhanh, đánh thắng nhanh. Còn tạm lui một bước, thì cái lợi của nó ở chỗ hoãn binh, chờ thời. Cho nên các bậc tiên hiền xưa, khi bàn về chiến tranh, về quân đội thường răn đe mọi người: "Thấy mà không quyết ngay, thì làm sao ra tay trước được; ra tay mà không sắc sảo mãnh cán, thì kẻ khác được lợi. Thời cơ khó gặp mà cũng dễ bị mất, nên (khi gặp thời cơ) thì phải thực hiện ngay!".

Đồng thời còn khuyên răn: "Khí thế không đủ sức đánh ngay, thì có thể kéo dài. Nếu thế địch mạnh, lực lượng của ta không đủ thì chờ cho chúng mệt mỏi, lơ lửng. Quân địch đông, lực lượng ta ít, không đủ thì phải chờ cho chúng tan rã; Điều động chưa đủ, thì phải lo cho đủ; phần bổ sung thêm chưa thoả đáng thì phải làm sao cho thoả đáng; kế sách chưa xong thì cũng phải chờ cho chín, rõ ràng; Thời điểm chưa thể đánh, tạm thời chưa tham chiến, cũng được coi là hay vậy".¹¹

Việc nhà binh thì quý ở chỗ thần tốc, cơ hồ như đã trở thành câu châm ngôn của tất cả những nhà thống lĩnh quân đội, đối lại với câu ấy còn có câu "hoãn binh đãi thời" (hoãn binh chờ thời) cũng là một kế sách thường dùng khi cầm quân tác chiến.

Thái thú Tân Thành là Mạnh Đạt thời Tào Ngụy, bí mật liên kết với Thục Ngộ mưu phản. Tư Mã Ý lúc bấy giờ đang đồn trú ở đất Uyển (nay là Nam Dương tỉnh Hà Nam) hay tin liền cho quân chinh phạt. Theo chế độ Tào Ngụy, Tư Mã Ý cho quân dẹp loạn, trước hết phải báo cáo với triều đình, chờ khi nhận được chiếu chỉ mới có thể xuất quân. Nhưng, từ Uyển thành dâng sớ lên triều đình, vừa đi vừa về phải mất nửa tháng ròng. Từ Uyển thành tới chỗ Mạnh Đạt đóng quân là Thượng Dung (nay là Trúc Sơn Hà Bắc) cũng phải đi mất hơn mười ngày đường. Nếu đợi triều đình hạ chiếu rồi mới xuất quân đi bình phản, thế thì quân Ngụy sau khi Mạnh Đạt khởi sự một tháng sau mới có thể đến được Thượng Dung. So sánh binh lực giữa quân Ngụy và Mạnh Đạt. Về mặt số lượng là 4 so với 1. Thế nhưng lương thực mà quân Ngụy hiện có chỉ đủ cung ứng trong vòng một tháng, còn lương thực dự trữ của quân Mạnh Đạt là một năm. Tư Mã Ý biết rõ điều đó, trước khi nhận được

¹¹ "Bình kinh bách thiên".

chiếu chi của triều đình, ngầm ngầm cho cấp tập hành quân. Mỗi ngày phải đi một quãng đường gấp đôi lúc bình thường, chỉ trong tám ngày đã hành quân đến chân thành Thượng Dung. Mạnh Đạt vốn nghĩ rằng mình có thừa thời gian để chuẩn bị, không kìm lòng được, thốt lên: "Ta định khởi sự vào ngày mồng tám, nhưng chúng đã đến ngay dưới chân thành rồi, sao mà thần tốc vậy". Thành Thượng Dung do công sự chưa chắc chắn, chuẩn bị chưa đến nơi đến chốn, cộng thêm quân lính thuộc quyền của Mạnh Đạt ra hàng nhiều, chẳng mấy chốc bị quân Ngụy công hãm. Tư Mã Ý chỉ cần nửa tháng thôi, đã dập tắt cuộc phản loạn chưa kịp phát động một cách toàn diện.

Hơn mười năm sau, Tư Mã Ý đưa mấy vạn quân, chinh thảo Công Tôn Uyên Cát Cự Liêu Đông. Công Tôn Uyên cố thủ Tương Bình, binh lực thì nhiều hơn quân Ngụy, nhưng lương thực thì thiếu. Quân Ngụy lương thực đầy đủ: sung túc nhưng việc chuẩn bị đánh vào thành chưa xong. Cộng thêm mưa to liên miên, đất ngập nước hàng thước (mỗi thước bằng 0.33m), thời tiết lại không thuận cho việc công thành, thế là Tư Mã Ý không vội đánh nhau, mà cũng chẳng chuyển trại giải vây, chờ thời cơ. Hai bên găm ghè chờ đợi hơn một tháng trời. Sau khi hết mưa, trời quang mây tạnh. Tư Mã Ý hạ lệnh cho toàn quân đắp nền đất, đào địa đạo, chuẩn bị cung nỏ, suốt ngày đêm công thành trên quy mô lớn.

Chính lúc đó, trong thành lương thực đã cạn, phải ăn thịt lẫn nhau, người chết nhiều vô kể. Công Tôn Uyên nhận thấy không còn cách nào cứu vãn được nữa, đành phá vây, kết quả bị quân Ngụy tiêu diệt hoàn toàn ở bên ngoài thành.

Trên đây là hai chiến dịch vận dụng cách đánh khác nhau. Trận thứ nhất, Tư Mã Ý dùng cách đánh cấp tập, để né tránh vấn đề thiếu lương thực, phát huy tác dụng của binh lực ưu thế. Mạnh Đạt

do lúng túng, ưu thế lương thực đây dù không thể phát huy tác dụng, thế yếu về thành trì kém vững chắc, thiếu binh lực cũng không sao bổ khuyết được. Giá trị thực tiễn của "binh quý ở chỗ thần tốc" chính là ở chỗ này. Trong trận sau, Tư Mã Ý lấy cái sách viện binh để đánh đổ Công Tôn Uyên. Điều mâu chốt là lợi dụng sự hoà hoãn bề ngoài, để phá vỡ ý chí chiến đấu của giặc, ngầm tăng cường gấp rút chuẩn bị công thành. Trong tình hình lúc đó, nếu quân Ngụy phát động công kích sớm, hồng tốc chiến thắng, sẽ buộc Công Tôn Uyên dựa vào ưu thế về binh lực, phản đấu liều chết, phá vây bỏ chạy. Ngược lại Tư Mã Ý công thành kéo dài, lương thực trong thành cạn dần, quân của Công Tôn Uyên sẽ hoang mang, còn quân Ngụy thì tính đâu có ngu mà ai lợi lại là trọn vẹn.

Cũng là đều Tư Mã Ý cả, là chủ thể của kế sách, đánh nhau với Mạnh Đạt, dùng phương châm binh quý ở chỗ thần tốc để chi đạo, dẫn tới thành công. Đối với Công Tôn Uyên thì dùng sách lược chờ thời, đã giành toàn thắng. Xứng đáng là một người chỉ huy nắm chắc thời cơ giỏi về xử lý quan hệ tiên phát hay hậu phát. Từ đó ta thấy họ Tư Mã lên thay Ngụy thì lấy ai bày mưu tính kế cho mọi người nữa?.

8

CƯƠNG VÀ NHU

Lúc cương lúc nhu, đó là phép đối nhân xử thế nói mãi không hết. Dù trong quan hệ vua tôi, bạn bè, xóm giềng, đồng hành, chung sống hoặc giao chiến với hai nước, đấu tranh trong cung đình, đạo cương nhu đâu đâu cũng thấy: hoặc lấy cương chế nhu, hoặc lấy nhu chế cương hoặc lấy cương chế cương, hoặc cương nhu song song. Trong khi vận dụng, có thể không có sự tư duy lý tính, song không thể không có ý thức.

Bàn luận một cách hệ thống về đạo cương nhu sớm nhất phải kể đến Lão tử Hạt nhân của tư tưởng Lão tử là nhu yếu thắng cương mạnh. Qua quan sát đời sống con người và cây cỏ, ông phát hiện: Hải nhi và cây non tuy yếu mềm, song chúng vẫn có thể lớn lên trong yếu mềm, lớn rồi lại đi đến tử vong. Ông nói: "Con người sinh ra cũng mềm yếu khi chết lại cứng rắn, cỏ cây cũng vậy, khi chết thì khô cứng, cho nên nói: cứng rắn đi đến chỗ chết, yếu mềm thì sống, binh cương không thắng, gỗ cứng tất gãy; do đó mạnh ở dưới, còn yếu ở trên vậy". Từ đây đi đến một kết luận là "nhu thắng cương, yếu thắng mạnh. Lão tử còn lấy nước làm thí dụ: "Nước xem

ra rất mềm yếu, song bất cứ thứ gì cứng rắn đến đâu cũng không thắng nổi nước". Quan sát lịch sử và hiện thực, trong nhiều mặt của đời sống thực tế, ta đều thấy bằng chứng về luận đoán nhu yếu thắng cương mạnh của Lão tử. Còn tư tưởng cương chế cương hoặc cương nhu song hành cũng có thể dẫn chứng ở nhiều nơi trong đời sống thực tế. Điều đó có nghĩa là tư tưởng nhu yếu thắng cương mạnh của Lão Tử cũng có khi không đúng, chứng tỏ tư tưởng ấy không mãi mãi bất biến, không phải là pháp bảo vạn linh. Nơi về của sự sống là chết, nơi về của "nhu giòn" là "khô héo", nơi về của "nhu yếu" là "cứng rắn"; dù là "cứng rắn đi đến cái chết, yếu mềm thì sống", bất cứ ai cũng không thể suốt đời ở dạng nhu yếu, vì nhu yếu nhất định phải thay đổi, nhu yếu cương mạnh đều phải dựa vào tồn tại của đối phương mình mà tồn tại. Bản thân điều đó đủ nói rõ tác dụng của cương mạnh là đâu rồi. Chứng tỏ, thuyết của Lão tử cũng có chỗ sai lệch không đúng.

Trên cơ sở học thuyết của Lão tử, Hoàng Thạch công đời Tân Hán đề ra tư tưởng "nhu yếu cương mạnh đều có ích dụng, tùy cơ ứng biến", từ đó hình thành một hệ thống học thuyết tương đối hoàn chỉnh về cương nhu.

1. HỌC THUYẾT CƯƠNG NHU CỦA HOÀNG THẠCH CÔNG

Hoàng Thạch công là người đã giao sách cho Trương Lương ở đất Ký. Ông lấy tên Hoàng Thạch để tự ví, sự tích cụ thể không khảo cứu được, xem ra ông là vị ẩn sĩ có tư tưởng chống nhà Tần, ẩn sĩ phần lớn thuộc nhân vật Đạo gia, họ thường lúc ẩn lúc hiện, phiêu du bất định, thần bí khôn lường, song họ không hoàn toàn là "thánh nhân siêu phàm", không có dính líu đến đời sống hiện thực; trái lại họ rất chú ý theo dõi sự phát triển của xã hội, bất quá không có thái độ "trụ đá giữa dòng", hoà mình vào dòng xoáy của đời

sống xã hội như Nho gia mà thôi. Đối với hiện thực xã hội, ẩn sĩ có thể coi là "Siêu mà không thoát, xa mà không rời" thường họ đứng trong hậu trường thông qua người phát ngôn của mình để tham gia vào hiện thực xã hội, như kiểu Hoàng Thạch công trao sách cho Trương Lương vậy. ẩn sĩ tài trí cao siêu, nhưng lại coi danh lợi như phù vân, không một tấc đất phong, không mũ giáp, cung kiếm mà lại có công cứu nước, giúp vua. Vì vậy, trong lòng thường dân họ trở thành biểu tượng của trí tuệ và sức mạnh. Do đó, đời sau nhiều người mạo danh ẩn sĩ để viết sách, sáng lập thuyết nọ thuyết kia là tăng sức hấp dẫn của thuyết đó. Sách Tam Lược của Hoàng Thạch Công là một trong "Kinh thất thư" liệu có phải là trước tác của chính Hoàng Thạch công, là cuốn sách đã trao cho Trương Lương hay không, còn là điều nghi vấn. Có người cho rằng, "Hoàng Thạch công tam lược" là do ẩn sĩ tinh thông binh pháp, nắm vững sự tích Trương Lương viết cuối đời Tây Hán. Hãy tạm gác xuất xứ cuốn sách trên ra. "Tam lược" rõ ràng được các đời xưa coi trọng và được đời Tống liệt vào võ kinh, hiển nhiên sách có vị trí và ý nghĩa đặc biệt. "Tam lược" đúc kết tinh hoa của chúng dân, thế trút nước lũ cao xuống, chú trọng bàn về dùng binh về mặt chiến lược, trong đó có phần "Nhu yếu", cương mạnh" vốn của Hoàng lão, cũng không chỉ của Hoàng lão, quan điểm rõ ràng, luận thuyết đầy đủ, khiến người ta thần phục.

"Hoàng Thạch công tam lược": "Cương là tặc, nhu là đức". Theo Hoàng Thạch công, "nhu" là cảm hoá đạo đức, là mỹ đức; "cương" là thủ đoạn cưỡng ép, là nguồn gốc của tai hoạ. Ông cho rằng: "Nhu có thể chế cương, yếu có thể chế mạnh". Bởi lẽ "người yếu sẽ được đời giúp, kẻ mạnh sẽ bị người đời oán, chống lại". Về điểm này không khác thuyết của Lão tử.

Lấy tĩnh chế động, lấy nhu chế cương là tinh hoa của tư tưởng Lão tử. Lão tử nói: "Thiên hạ không có gì mềm yếu như nước, nhưng không gì thắng nổi nước, lấy cái không có để thay đổi nó". Lão tử chú trọng cảm hoá đạo đức, ông nói: "Nhân pháp địa, địa pháp thiên, thiên pháp đạo, đạo pháp tự nhiên". (Người bắt chước đất, đất bắt chước trời, trời bắt chước đạo, đạo bắt chước tự nhiên). Trời đất có gì để người ta bắt chước? Ông nói: "Thiên trường, địa cửu, thiên địa sở dĩ trường cửu vì nó không tự sinh ra nên có thể trường sinh". Người ta thấy tấm lòng vô tư của trời đất: "Vạn vật đều sinh ra nhưng không có danh vị, sống như không có, làm mà không cậy, công thành mà không lấy đó làm công". Điều khiến Lão tử kính phục là trời đất không tư tư, có tấm lòng quảng đại bác ái, không tham vọng vụ lợi. Phép biện chứng là chúa tể chi phối thế giới, tất cả đều hướng tới mặt trái của nó. Chính vì đất bác ái vô tư nên Lão Tử nói: "Không nhằm lợi riêng nên lại thành lợi riêng". Đã trở thành tấm gương để loài người cùng vạn vật sinh linh noi theo. Cũng như "sông biển sở dĩ là vua của hàng trăm hàng động vì biết chảy xuống, nên trở thành vua của hàng trăm hàng động". "Trong trời đất bao la, đạo của ta thường cũng mệnh mông". Đạo lý tự nhiên này không thay đổi theo ý chí con người. Vì vậy, Lão tử mới nói: "Nhu thắng cương, yếu thắng mạnh" vậy.

Tư tưởng nhu yếu thắng cương mạnh của Lão Tử đã vạch ra quy tắc chung của vạn vật trong vũ trụ, là nói trên thế chung, nên có tính ứng dụng rộng rãi. Có tính ứng dụng rộng rãi không có nghĩa là "bốn bề chỗ nào cũng đúng", thích ứng trong mọi thời gian, không gian và hoàn cảnh. Thử tưởng tượng: hai bên đối trận, guơm giáo sáng loá, bên nào cũng muốn tiêu diệt địch thủ mà lại lấy nhu yếu cảm hoá đối phương tất sẽ bị diệt; lại nữa, hai bên đã nổi can qua rồi còn nói gì đến cảm hoá đạo đức?. Chính biến trong cung đình,

dầu rơi máu đổ, nếu nhu yếu, ắt sẽ bị tống vào ngục tối. Sa trường đôi trận, có thể tỏ ra yếu, song phải lấy cương chống lại; dầu tranh nơi cung đình như vậy. Do đó, nhu yếu cương mạnh mỗi mặt đều có tác dụng, có điều là phải biết tùy người, tùy nơi, tùy thời mà ứng biến. Đó cũng là chỗ khác nhau giữa Hoàng Thạch công và Lão tử. Sách "Tam lược" của Hoàng Thạch công có viết: "Nhu có thể xây, cương có thể thi thố, yếu có thể dùng, mạnh có thể tăng thêm. Được bốn điều ấy thì sẽ chế ngự được mọi điều cần thiết".

Lại viết: "Vừa nhu vừa cương, quốc gia sáng chói; vừa yếu vừa mạnh, quốc gia nổi bật; thuần nhu thuần yếu, quốc gia bị tước gột, thuần cương thuần mạnh, quốc gia tiêu vong". Luận thuyết thâm uyên, lý lẽ uyên bác.

Vận dụng thuyết nhu yếu cương mạnh vào đời sống xã hội, khi thì như dòng nước lũng lờ, lúc thì như sóng dữ vỗ bờ, khi thì như huyết mạch tuần hoàn, lúc thì sôi sục bùng bùng, thiên biến vạn hoá.

Đại thần Bắc Ngụy tên Cổ Bật là người cương trực, dám thẳng thắn khuyên can vua. Thời Thái Vũ đế Thác Bạt Đạo có vườn thượng uyển chiếm đất quá rộng, phương hại tới việc canh tác của dân. Cổ Bật đã nhiều lần tâu xin cắt đất một nửa phân cho dân nghèo cày cấy mà không được chuẩn tấu. Một lần, ông vào cung để tường trình vua việc trên một lần nữa. Lúc đó, Thái Bạt Đạo đang cùng cấp sự trung Lưu Thụ chơi cờ. Vua đang say cờ nên không để ý gì đến xung quanh. Cổ Bật ngồi đợi hồi lâu, hoàng thượng vẫn không hay biết. Không thể đợi lâu được nữa, ông bèn nghĩ ra một kế: bỗng đứng dậy, túm đầu Lưu Thụ dúi xuống giường, rồi một tay xách tai, một tay đâm mạnh vào lưng Lưu Thụ, miệng quát mắng: "Triều đình chính mạng quốc sự, hoàn toàn do tội của nhà ngươi!" Thác Bạt Đạo thất kinh, mặt biến sắc, vội vứt quân cờ, khuyên giải

"Không nghe trình tâu là lỗi ở trăm. Lưu Thụ có tội gì, hãy mau tha cho hắn! Cổ Bật buông tha Lưu Thụ và trình tấu ý nghĩa của việc cắt đất. Thác Bạt Đạo trong lòng vốn sợ sẵn bèn chuẩn tấu ngay. Cổ Bật vô cùng sung sướng liền tâu: "Bấy tôi dám có hành động vô lễ trước hoàng thượng, thần thật dắc tội". Nói xong, Cổ Bật bỏ mũ áo, khấu đầu chịu tội. Thác Bạt Đạo đỡ Cổ Bật dậy và nói: "Trăm đã nghe nói công trình ấy làm khổ dân, làm tổn hại đất nước, khanh đã làm tròn chức phận, thật là phúc trời cho, sao lại có tội? Phàm những việc ích nước lợi dân phải dốc tâm dốc sức, không nên đắn đo suy nghĩ gì cả". Cổ Bật nghe xong, đội mũ và mặc ngụyện cáo lui.

Nếu Thác Bạt Đạo biết rõ vườn thượng uyển chiếm đất làm khổ dân, hại nước đã phải sớm trả lại đất cho dân, sao lại để Cổ Bật dâng sớ lên tâu nhiều lần mà không chuẩn tấu? Lần này lại vui vẻ chuẩn tấu ngay, mà lời lẽ ôn hoà, chẳng phải vì thái độ giận dữ, ra tay của Cổ Bật đó sao? Thái độ của Cổ Bật thật kinh hoàng. Thử nghĩ: thiên tử uy nghiêm, lâm liệt không ai dám xúc phạm, điều đó đã hình thành thế vững bền trong lòng thiên tử và thứ dân. Người dám thẳng thắn can ngăn vua thì thật quý hiếm; như Cổ Bật lại còn đánh cả Lưu Thụ càng không bao giờ thấy. Kỹ xảo quyền mưu của Cổ Bật là ở chỗ không để ý tới uy thiên tử, xuất hiện với thái độ cực cương, nhằm lúc vua đang say mê cờ, bất ngờ công kích kỳ thủ của vua, làm vua hoang mang. Ý Cổ Bật rất rõ: Hoàng thượng đáng đánh đòn, song vì lễ vua tôi, nên chỉ đánh nô tài để răn đe. Hành động cực cương chưa từng có của Cổ Bật, hoàng thượng hoàn toàn không ngờ, do đó tất hoang mang; một khi đã hoang mang tất sẽ yếu. Đó là chỗ tuyệt diệu của mưu Cổ Bật. Đôi khi hoàng thượng không thể không tỏ ra nhu yếu, chuẩn tấu xong, Cổ Bật lại tỏ ra cực nhu, bỏ mũ áo, đi chân đất, cúi đầu chịu tội. Quả là hai thái cực

vậy! Điều này làm hoàng thượng cũng bị bất ngờ. "Người yếu được người giúp", lòng khấn thiết đến ơn nước đã làm hoàng thượng cảm động, khiến người chỉ còn cách khen ngợi và an ủi.

Thái độ lúc cương, lúc nhu này của Cổ Bật tự nhiên mà có, so với những lời nói thao thao bất tuyệt để thuyết phục chúa thượng còn mạnh gấp bội phần.

Kinh đô Bình Thành Bắc Ngụy (nay là phần đông bắc Đại Đồng, Sơn Tây) khí hậu giá buốt, tháng mưa tuyết, thường có gió cát. Hiếu Văn đế Thái Hoà năm thứ 17 (493 Công nguyên) muốn dời đô về Lạc Dương, nhưng lại lo chúng thần không theo, nên nói thác đi là xuất binh phạt Nam Tề để di dân về phía nam, tạo thành thế không muốn cũng không được. Trước hết lệnh Thái thượng khanh bói quẻ xem ý trời. Kết quả được quẻ "Cách". Hiếu Văn đế vui mừng khôn xiết, nói: "Cách mệnh đời Thang Vũ hợp ý trời nên thuận lòng người cũng không may mắn thuận lợi như lần này". Quần thần im lặng. Thượng thư Thác Bạt Trừng bèn phá tan bầu không khí nặng nề, tâu: "Cho dù có tiền lệ cách mạng văn vũ, vì tất đã thuận lợi may mắn". Hiếu Văn đế ngắt ngay lời Thác Bạt Trừng, nghiêm nghị nói: "Đại nhân hồ biến tại sao lại nói không may mắn thuận lợi?". Thác Bạt Trừng đáp: "Bê hạ dụng nghiệp đã lâu, có sao tới ngày nay mới hồ biến!" Hiếu Văn đế càng giận: "Xã tắc là của trăm, khanh định làm giảm nhuệ khí của mọi người sao?". Thác đáp: "Xã tắc tuy là của bê hạ, song thần là bày tôi của xã tắc, sao thấy nguy mà không nói!" Hiếu Văn đế giận không nói lên lời, hồi lâu mới nói: "Đại thần các khanh hãy tự do đi, không phải dẫn đo suy nghĩ gì". Sau chuyện trên không lâu, Hiếu Văn đế lại triệu Thác vào cung, khác thái độ uy nghiêm lần trước, Hiếu Văn đế vui vẻ nói: "Hôm nay trăm muốn cùng khanh bàn kỹ chuyện nam phạt.

Lần trước lâm triều, sở dĩ trẫm có thái độ nghiêm nghị cốt để đe nẹt quần thần, tránh lời nói bất cần làm hỏng kế lớn của trẫm".

Kế đó, lệnh tả hữu lui ra, rồi nói với Thác: "Hành động hôm nay quả không dễ dàng. Song quốc gia tá hung khởi tại Mạc Bắc, dời về Bình Thành, nơi đó chính là đất dụng võ, quyết không phải là nơi răn trị. Nếu muốn thay đổi thói quen tập tục, cổ thủ nơi đây, tất đi lại sẽ khó khăn; vì vậy trẫm muốn dời đến trung nguyên, ý Khanh thế nào?". Thác đáp: "Bệ hạ muốn dời về trung thổ để mưu tính bốn bề, quả là đường lối Chu, Hán hưng thịnh. " Hiếu Văn đế hỏi: "người Bắc lưu luyến cố thổ, kể này ban ra, triều đình và dân chúng hoang mang thì làm sao? " Thác đáp: "Hành động phi thường chỉ những người phi thường biết, chỉ cần bệ hạ quyết đoán thì những người khác đành phải chịu vậy". Vua nói: "Khanh quả xứng đáng là Trương Tử Phòng của trẫm đó".

Hiếu Văn đế muốn mượn danh cát đại binh phạt Tề để đưa dân di về phía nam, không ngờ đầu tiên đã vấp phải sự phản đối của quan đại thần triều đình Thác Bạt Trùng. Lẽ ra điều kiện Nam phạt chưa chín muồi, việc ấy có liên quan tới sự tồn vong của xã tắc, nên Thác Bạt Trùng đã lấy cương đối cương, liều mạng can ngăn khiến vua hết đường nói. Song Hiếu Văn đế quả xứng ngôi vị thánh chủ trung hưng, cương không thành liền chuyển sang nhu, với cương vị chỉ tôn hoàng đế đối xử nhún nhường với bầy tôi, bất chấp lễ vua tôi, trong không khí thân mật lạ thường, đem ý định dời đô bàn bạc với Thác Bạt Trùng, nên được Thác đồng tình. Song thái độ của vua đối với các đại thần khác và chúng dân vẫn là cương.

Hiếu Văn đế đã vượt qua muôn vàn trở lực, thống lĩnh 10 vạn đại thần Nam tiến, tới Lạc Dương, trời tối sầm mưa không ngớt, vua vẫn ra roi thúc ngựa, lệnh các cánh quân tiếp gáp; quần thần lại quỳ trước ngựa, ngăn đường. Hiếu Văn đế hỏi: "Việc lớn đã định, đại

quân sẽ tiếp tục Nam tiến, các khanh có gì cần nói?". Thượng thư Lý Xung Đăng tâu: "Việc Nam tiến, công khanh đại thần, thử dân đều không muốn, riêng mình bệ hạ thấy bức thiết, thần tôi không rõ bệ hạ cứ làm theo ý mình nhằm mục đích gì. Thần xin bệ hạ thu hồi lệnh đã ban, tội đáng chết muôn lần cũng không dám từ chối". Hiếu Văn đế nổi giận: "Ta đang muốn tổ chức thiên hạ, mong thiên hạ thống nhất mà lũ nhỏ sinh các người nhiều lần nghi hoặc kẻ lớn của ta, quân pháp tại thượng, không nhiều lời nữa!" Dứt lời, liền thúc ngựa tiến, quần thần khóc can ngăn lại. Vua lại nói: "Lần này huy động thần dân xuất quân, khí thế bừng bừng mà không tiến được một bước, biết nói gì với người đời sau? Trẫm vốn sinh sống tại Mạc Bắc (vùng sa mạc phía Bắc), nay muốn dời về Trung Nguyên, nếu không Nam phạt tất phải đóng đô tại đây, vương công nghĩ sao? Những ai muốn dời đô hãy đứng sang trái, không muốn dời đứng sang bên phải". Nam An vương Thác Bạt Trinh bước lên tâu: "Người thành đạt lớn, không cần bàn đến chúng dân. Nếu bệ hạ bỏ ý định Nam phạt, chỉ dời đô đến Lạc Dương, đó cũng là ý nguyện của chúng thần". Lúc này quần thần đều tung hô vạn tuế. Tuy mọi người vẫn luyến tiếc đất xưa, không muốn vào Trung Nguyên, nhưng lại sợ Nam phạt nên đành vậy, không dám nói nữa. Kế hoạch dời đô của Hiếu Văn đế cuối cùng đã được thực hiện.

Đạo cương nhu của Hiếu Văn đế thực sự có hiệu quả mới lạ. Nếu nói thẳng ra là dời đô về phương nam tất sẽ gặp phải sự chống đối của các quan đại thần, mà xuất binh phạt Tề thì thời cơ chưa chín, càng không được văn võ đại thần đồng tình. Hiếu Văn đế liền sửa lại bằng thủ đoạn cực cương, soái lĩnh đại quân buộc phải Nam tiến hộ giá thân chinh, văn võ bá quan không thể không hộ tống. Đại quân tiến đến Lạc Dương, Hiếu Văn đế càng có chỗ dựa không lo, liền tỏ vẻ quyết cùng nam Tề một phen sống mái; khi quần thần

quỳ trước ngựa, kêu khóc can ngăn thì vua lại chuyển cương thành nhu và lấy việc chấp nhận đời dõ về Lạc Dương làm điều kiện ngừng nam phạt. Nam phạt thì ắt sẽ bại, mà đời dõ thì nước vẫn còn, đem so sánh, quân thần chỉ còn một con đường là đời dõ. Chẳng khác gì chuyện mua bán; Người bán đòi 1 đồng, người mua trả 6 hào. Hiếu Văn đế đã dùng cách nêu yêu cầu quá khích để có được kết quả phù hợp, tức là từ cương sang nhu.

Hiếu Văn đế có tài chuyển nhu sang cương:

Hiếu Văn đế muốn thay đổi tập tục cũ về mọi mặt ngôn ngữ, ăn mặc, sinh hoạt liền triệu tập quần thần lại hỏi: "Các khanh nói chung đều muốn trăm tôn sùng Trương, Chu, chứ không mong muốn trăm không sánh kịp với Hán, Tần phải không?" Hàm Dương vương Thác Bạt Hy đáp: "Quần thần đều mong bệ hạ vượt xa các tiên vương". Hiếu Văn đế tiếp: "Vậy thì nên thay đổi tập tục hay vẫn theo tập tục cũ?" Thác Bạt Hy đáp: "Mong thánh thượng đổi mới". Vua lại hỏi: "Mong thay đổi chỉ trong đời ta hay lưu truyền mãi tới đời con, đời cháu mai sau?" Thác Bạt Hy đáp: "Mong truyền tới muôn đời sau". Vua nói: "Đã như vậy thì phải cải cách, các khanh không được phản đối". Thác Bạt Hy đáp: "Lệnh trên ban ra, dưới phải phục tùng, ai mà dám chống". Hiếu Văn đế nói tiếp: "Danh bất chính, ngôn bất thuận, lễ nhạc không thể hay. Từ nay trở đi phải từ bỏ các ngôn ngữ của các chủng tộc phương Bắc, lấy ngôn ngữ Hoa làm chuẩn. Đối với những người tuổi trên 30, thói quen đã lâu thì thay đổi dần, tuổi dưới 30 nhất luật không được nói tiếng cũ; các đại thần trong triều không được nói tiếng cũ, ai vi phạm sẽ bị mất chức. Các vị công khanh hầu xem có được không?" Thác Bạt Hy đáp: "Nguyên tuân thánh chỉ".

Mỗi dân tộc đều có một phương thức sinh hoạt riêng, thay đổi phương thức ấy còn khó hơn việc đời dõ. Hiếu Văn đế hiểu rõ, bất

tay vào chân chính, sửa sang, từ chỗ tuân theo tiên vương tới vượt tiên vương; từ bước vượt tiên vương đến thay đổi tập tục, từ từ khuyên dụ lộ gích tất đạt được ý định thay đổi phương thức sinh hoạt. Đã muốn, không thể theo cái cũ. Đạo lý rõ ràng, Hiếu Văn để thay đổi thái độ từ nhu sang cương, hạ lệnh phế bỏ ngôn ngữ, trang phục cũ, kết hợp với hình phạt tương ứng, thành thế "thuận ta được nêu danh, ngược ta thì vong". Dù cho một số đại thần trong lòng ý khác nhưng việc cải cách danh chính ngôn thuận, có lý do gì đứng ra phản đối?

Tiên chủ Lưu Bị mến tài Mã Siêu, phong Mã Siêu làm Bình Tây tướng quân, phong Đô Hưởng hầu. Mã Siêu thấy tiên chủ hậu đãi, đương đương tự đắc, có thái độ thất lễ vua tôi, nói với tiên chủ thường tùy ý gọi tên. Quan Vũ rất bất bình, định giết Mã Siêu, nhưng tiên chủ không cho phép. Trương Phi nói với Quan Vũ: "Đã như vậy càng phải cư xử theo lễ nghi". Hôm sau, tiên chủ đại hội chủ tướng, Quan Vũ, Trương Phi xách đao đứng hầu, Mã Siêu đến, không nhìn thấy Quan Vũ, Trương Phi, an vị ngay, sau nhìn thấy hai vị xách đao đứng yên liền thất kinh. Từ đó về sau Mã Siêu tôn kính Lưu Bị, không dám có thái độ phạm lễ, vượt chức như trước.

Vốn ưa cương như Trương Phi và Quan Vũ lại có thái độ nhu yếu như vậy để cảm hoá con người cậy tài khinh người như Mã Siêu thì thực khó và đáng quý. Nhưng trong hành động tướng như nhu yếu ấy lại toát lên ý cương ghê người: Quan Vũ và Trương Phi có địa vị quan trọng mà không chịu ngồi, đó là nhu, 2 dũng tướng xách đao đứng trên là hầu tiên chủ, dưới là uy hiếp quân thần, vậy là cương. Trong cương có nhu, trong nhu có cương, hoà thành một.

Đạo gia đề xướng lấy nhu chế cương cố lấy đạo chính để cảm hóa, ở điểm này nho đạo gặp nhau.

Tứ Lộ đeo liếm sắc bên mình, Khổng tử không hiểu liền hỏi "Trọng Do, ông mang thứ này bên mình để làm gì? " Tứ Lộ đáp: "Đối với những ai tuân thủ lễ nghi, chúc phàn, không uy hiếp sự an toàn của ta, tự nhiên là ta đối xử tốt với họ; ngược lại, ta có thể dùng nó để tự vệ" Khổng Tử nghe xong, không cho là vậy, liền nói: "Quân tử lấy trung thành làm chất, lấy nhân nghĩa để tự vệ, chân không bước ra khỏi nhà mà vẫn nghe xa ngàn dặm. Đối với những lời lẽ, hành vi không tốt thì lấy chữ trung cảm hoá, đối với kẻ bạo ngược thì lấy nhân để chống, hà tất phải mang kiếm sắc?"

Thời Xuân Thu, nhà Chu suy vi, các chư hầu xâm chiếm lẫn nhau, Tề Hoàn công quy trị được 9 chư hầu, làm bá chủ Xuân Thu, quốc phú binh cường, không cần phải nói, song nhân nghĩa suy đồi, đạo đức suy vi.

Tề Hoàn công từng bắt phạt Sơn Nhung thị, phải qua đất nước Yên. Vua nước Yên nghe tin Tề Hoàn công sẽ qua đất mình bèn thân chinh ra ngoài biên giới nghênh tiếp quân Tề. Tề Hoàn công hỏi Quản Trọng: "Chư hầu gặp nhau, theo nghi lễ có phải ra ngoài biên giới đón không?" Quản Trọng đáp: "Không phải thiên tử thì không ra." Tề Hoàn công bâng hoàng lo sợ, nói: "Vậy là vua nước Yên vì sợ nước Tề mà không kể đến nghi lễ, thực tế là quả nhân không có đạo, khiến vua Yên phải thất lễ." Tề Hoàn công bèn khẳng khái cắt phần đất của vua Yên cho nước Yên. Các chư hầu nghe tin, đều suy tôn nước Tề làm bá chủ thiên hạ.

Tư tưởng "vi chính dĩ đức" (làm chính trị dùng đức), của nhà Nho khi trình bày cụ thể có lúc dường như khó tiếp thu; song tôn chỉ cơ bản là người đắc nhân tâm được thiên hạ, kẻ thất nhân tâm mất thiên hạ vẫn là chân lý bất biến từ xưa. Quá cương, quá mạnh trong Nho, Đạo không nhắc đến. Quá cương, quá mạnh tuy nhất

thời có thể có kết quả, song không có lợi lâu dài, chuyện binh gia cũng vậy.

Thời Chiến quốc, trong trận chiến Trường Bình giữa Tần và Triệu, nước Triệu bại trận, 40 vạn tướng sĩ đầu hàng Tần. Tướng Tần là Bạch Khởi hội nghĩa đã chôn sống toàn bộ 40 vạn hàng binh nước Triệu. Như vậy là quá cương, mà quá cương sẽ là nguồn gốc của tai hoạ. Hành động ấy của Bạch Khởi đều bị những người hiểu biết các đời khinh bỉ. Trong sách của người đời sau chép rằng, có anh đồ tể giết lợn, cạo lông xong trên lưng lợn hiện ngay ra 2 chữ "Bạch Khởi". Sự báo oán nhân quả đời đời của những người bị Bạch Khởi giết hại có thực hay không, tạm chưa bàn đến, nhưng hành động chôn sống ấy đã gây nên sự căm phẫn của dân chúng đương thời và các đời sau là điều không còn phải bàn cãi.

Hà An người nước Ngụy đã bàn luận tường tận về thảm kịch Trường Bình. Ông nói rằng, Bạch Khởi chôn sống 40 vạn hàng binh Triệu là 1 trò đại bịp, lẽ nào chỉ có lên án về mặt tàn bạo không thôi? Đứng trên bình diện chiến lược mà xét cũng là thất sách lớn. Giả thử tướng sĩ Triệu biết được rằng hàng cũng chết, họ tất sẽ gắng sức đánh, dù là tay không cũng đáng sợ, huống hồ 40 vạn quân gươm giáo đầy đủ. Các nước chư hầu nhìn thấy các tướng hàng Tần như đám đầu vào núi, sĩ tốt quy Tần xương chất thành gò thì về sau giao chiến họ nhất định loại trừ tận gốc ý nghĩ mơ hồ, quyết 1 phen sống mái với Tần, còn ai chịu đầu hàng nữa? Hành động của Bạch Khởi giết hại được 40 vạn quân Triệu, nhưng kết quả ngược lại là đã làm tăng quyết tâm đoàn kết chống Tần của các nước chư hầu. Muốn có được kết quả nhất thời, nhưng lại buộc thiên hạ phòng bị. Đứng về hình thái của toàn cục chiến mà xét, trên đường khảo hoàn trở về Bạch Khởi đã làm suy giảm uy thế của mình; thắng lợi bề ngoài về quân sự, trái lại đã làm tắc con đường chính trị, ngoại giao

của nước Tần, dần tới làm chậm tiến trình thống nhất thiên hạ. Tại sao nói như vậy? Nước Triệu tuy bại trận ở Trường Bình, song chưa mất nước. Nếu chinh đồn lại binh mã, tiếp tục cuộc chiến nước Triệu sẽ lại xuất hiện một vị đại nguyên soái như Mã Phục quân và kết cục ai thắng ai bại, e rằng không thể như xưa được. Sau bị kịch Trường Bình, liệt quốc trừ lương luyện binh, ra sức chuẩn bị chiến đấu tất làm chậm tiến trình bình thiên hạ của Tần. Về sau sở dĩ nước Tần không dám tiến đánh Hàm Đan, không chỉ vì nước Triệu mời Bình Nguyên quân làm thống soái, mà cái chính là Tần sợ các nước chư hầu liên kết lại cứu Triệu. Vua Tần rất kỵ điều này chỉ không nói ra mà thôi.

Cái gọi là nhu có thể chế cương, yếu có thể thắng mạnh, vì nhu có thể sinh ra cương, yếu có thể sinh mạnh; nhu mà cương, yếu mà mạnh, chứ không phải nhu để mà nhu, yếu để mà yếu. Như Hoàng Thạch công nói: "Vừa cương vừa nhu, quốc gia sáng chói; vừa yếu vừa mạnh, quốc gia nổi bật; thuần nhu thuần yếu, quốc gia bị tước gột; thuần cương thuần mạnh quốc gia tiêu vong". Quý ở chỗ cương nhu hỗ trợ, mạnh yếu bổ sung cho nhau, không thể chỉ đơn thuần 1 mặt. Rất rõ ràng, nói cương nhu hỗ trợ không có nghĩa chia đôi cương và nhu ra hai phần riêng rẽ, lúc thuần cương, lúc thuần nhu. Cương nhu là một chỉnh thể, là thể thống nhất của 2 mặt đối lập; nếu tách 2 mặt ra là không đúng. Hàn Tín, người đã phải chịu nhục chui qua háng, sau khi được Hán vương Lưu Bang vời làm đại tướng, đã trình bày với Lưu Bang về Hạng Vũ là người thế nào, đã phân tích tâm lý dân chúng chư hầu, tính cách dũng của kẻ thất phu, nhân của đàn bà, lúc thì thuần cương, lúc thì thuần nhu của Sở Bá vương Hạng Vũ một cách sắc sảo, từ đó khẳng định Hạng vương sẽ mất thiên hạ. Hán vương sẽ được thiên hạ.

"Sử ký - Hoài Âm hầu liệt truyện" đã ghi lại việc Lưu Bang phong Hàn Tín làm đại tướng quân như sau:

Tín bái lễ xong, lên ngôi. Vua nói: "Thừa tướng nhiều lần nói về tướng quân. Tướng quân có kế sách gì dạy bảo quả nhân?" Tín cảm tạ rồi hỏi: "Ngày nay ở miền đông tranh quyền thiên hạ, chẳng phải Hạng vương là tà đó sao?" Hán vương đáp: "Phải" - "Đại vương tự xét đúng, nhân, cường ai bằng Hạng vương? Hán vương trầm ngâm hồi lâu, đáp: "Không bằng" Tín lại bái lạy nói tiếp: "Riêng Tín cũng cho rằng đại vương không bằng. Bày tôi phải thờ vua, nay xin nói Hạng vương là người thế nào. Hạng vương quát tháo luôn miệng, phế truất hàng nghìn người, như vậy không thể thuộc hàng tướng giỏi, đó là cái đúng của kẻ thất phu mà thôi. Hạng vương gặp người thì cung kính, thân ái, thấy người đau ốm thì rơi lệ, cho ăn cho uống, ai có công thì phong tước. Đó là cái nhân của đàn bà. Hạng vương tuy làm bá thiên hạ, không ở Quan Trung mà đóng đô ở Bành Thành, bội nghĩa ước hẹn với đế, thân vương, khiến chư hầu bất bình. Chư hầu thấy Hạng vương đưa Nghĩa đế về Giang Nam, đều quay về theo chúa của mình, như thế vua được đắc địa. Sai lầm của Hạng vương là tàn sát sinh linh, thiên hạ oán giận, muôn dân xa lánh, chỉ sợ quyền uy mà thôi.

Danh nghĩa tuy là bá, thực tế không được lòng thiên hạ, nên nói mạnh thành yếu. Nay đại vương rất có thể chống lại hắn, đảm nhận trách nhiệm vũ dũng trong thiên hạ, sao chẳng diệt được! Lấy thành ấp thiên hạ phong cho công thần, ai chẳng phục! Tuyên nghĩa binh là những người muốn về hướng đông thì làm gì không tan rã! Và lại Tam Tần vương làm tướng Tần, giúp con em Tần bao năm trời, số người bị giết không đến xuê, lừa dân chúng hàng chư hầu, tới Tần An Hạng vương chôn sống hơn 20 vạn binh Tần, duy chỉ có Hàm, Hân, Ế sống sót. Cha anh Tần oán 3 người này

tận xương tuỷ. Nay Sở mạnh là dựa vào uy vương của 3 người này, dân Tần chẳng ưa. Đại vương vào Vũ quan, không chút hại gì, trừ bỏ phép tắc hà khắc của Tần, ước hẹn với dân Tần, lập pháp 3 chương, dân Tần không thể không mong đại vương làm vua nước Tần. Ước hẹn với chư hầu, đại vương mất chức ở Hán Trung, dân Tần căm giận. Nay đại vương cất quân sang đông, đối với tam Tần có thể truyền hịch". Hán vương cả mừng, tự thấy được Tín có phần muộn. Theo kế của Tín, Hán vương sắp đặt chư tướng, xuất binh. Hạng vương cương nhu đều có, song đó là cái dưng của kẻ thất phu, cái nhân của đàn bà, lúc thuần cương, lúc thuần nhu, không biết kết hợp 2 mặt một cách hữu cơ, rút cuộc mất thiên hạ. Về sau bại trận ở Cai Hạ, cự tuyệt vượt sông, rút kiếm tự vẫn. Khí phách thuần cương của Hạng có thể nói là kinh thiên động địa, song không có lợi gì cho sự nghiệp.

2. NHƯỜNG HỢ 3 THUỐC ĐẤT PHỎNG CÓ HẠI GÌ

Con người sống trong sự giao tiếp qua lại. Trong đời sống nhân quần, nói chung không mang màu sắc chính trị như đồng hành, xóm giềng với nhau, dù là hiền nhân quân tử hay phạm phu tục tử, hoặc vì danh vì lợi, vì được, vì mất, va chạm là chuyện thường, mâu thuẫn khó tránh. Nếu hỏi không vừa ý là hăm hăm hoặc lạnh nhạt, thậm chí ẩu đả, kết quả là thiệt người, thiệt của, danh lợi cũng mất. Nếu lấy đạo đức trên hết, nhu yếu làm đầu, kết quả không mất hoà khí, danh dự được toàn vẹn, của cải càng không phải nói. Triết học "Không nhằm lợi riêng nên lại thành lợi riêng của Lão Tử đem ứng dụng vào quan hệ nhân quần, công dụng rất lớn không thể kể xiết. Còn trong quan hệ tôi đối với vua, đạo nhu yếu càng không thể thiếu.

Khang Hy đòi Thanh, niên hiệu Ung Chính, các lão Trương Đình Ngọc khi xây tường phủ ở Đồng Thành quê nhà, do 3 thước đất mà xảy ra tranh chấp lên huyện đường. Quản lý nhà họ Trương liền viết thư báo cáo lên tướng gia ở kinh thành, đồng thời hy vọng Trương Đình Ngọc sẽ có lời với tri huyện để giúp đỡ. Xem xong thư, sau 1 thoáng suy nghĩ, ông đề mấy câu thơ vào tờ thư rồi gửi nguyên bức thư ấy về. Thơ rằng: "Thiên lý cầu thư vi đạo tường, nhượng tha tạm xích hựu hà phương. Trường thành vạn lý kim do tại thủy kiến đương niên Tân Thủy hoàng" Đọc xong thư, quản lý nhà họ Trương liền nhượng ra 3 thước đất cho nhà bên. Nhà bên thấy nhà họ Trương bỗng nhường 3 thước đất cũng thấy khó nói, nên cũng lùi lại 3 thước đất. Hai nhà cùng nhường được 6 thước đất thành ngõ, được mọi người đặt tên là "Ngõ 6 thước".

Đó là lấy nhu chế cương. Vận dụng mau kể lấy nhu chế cương đòi hỏi người mưu kế cần phải có tấm lòng sâu kín. Trương Tích Lộ, người đời Đường, khi qua ngôi nhà cũ ở Phần Dương vương xúc động đề thơ: "Phần Dương cựu trạch kim vi tự, do hữu đương niên ca vũ lâu. Tứ thập niên lai xa mã tán, cổ hoè thâm lạng mộ thiên sâu". (Tạm dịch: Nhà cũ ở Phần Dương nay đã là ngôi chùa, lầu ca vũ năm xưa vẫn còn đây. 40 năm rồi ngựa xe thất tán, cây hoè cổ trong ngõ sâu có tiếng ve buồn lúc hoàng hôn). Phần Dương vương Quách Tử Nghi là danh tướng đời Đường trung hưng, "loạn Yên Sử", triều đình Đường suy vi, Quách Tử Nghi rong ruổi chốn sa trường, cổ cấu văn tình thế rồi ren. Vì vậy, sau khi ông cáo lão về nghỉ, vua đã cấp cho một vương phủ ở Phần Dương. Khi khởi công, nhân rồi ông ra công trường, nhắc nhở thợ xây móng cho chắc. Một người thợ xây nói với ông: "Tổ tông ba đời nhà tôi, đều làm thợ xây ở Trạng an, không rõ đã xây bao nhiêu dinh phủ, chỉ thấy đổi chủ chứ chưa thấy nhà đổ bao giờ. "Kể nói vô tình, người

nghe hữu ý". Quách Tử Nghi nghe nói, chống gậy đi, không nghe không hỏi thêm gì nữa.

Đồng đảo chúng sinh không phải vì lợi mà đến, mà lại vì lợi mà đi. Một khi đã thông hiểu sự đời, sẽ không tính chuyện được, mất nữa. Cho dù có xây vương phủ như thành vàng hào nóng thì về sau chẳng phải là "Cổ hộc thâm hạng mộ thiên sâu" sao?

Những câu thơ họ Trương viết cho nhà cũng chứa đựng tấm lòng sâu xa rộng lượng xét riêng về lời văn, tuy bắt nguồn từ xúc cảm qua câu thơ "Trường thành vạn lý kim do tại, bất kiến đương niên Tần Thủy hoàng", nhưng về mặt khách quan lại đạt được một kết quả ngoài ý muốn. Chỉ vì 3 thước đất 2 nhà phải kiện lên quan, tất nhiên không ai chịu, cho dù huyện quan có nể quyền uy họ Trương mà cho họ được kiện, nhà kia chưa chắc đã chịu; huống hồ nhà ấy đã dám kiện lên tướng phủ, đương nhiên chẳng phải thua kém gì, ai thua, ai thắng khó biết được. Ở vào tình trạng khó phân xử như vậy, cách giải thoát tốt nhất là chảy mạnh rút nhanh, lấy nhu chế cương. Lão tử nói: "Muốn thu hẹp phải bành trướng, muốn yếu phải mạnh; muốn phế bỏ phải phát triển; muốn lấy phải cho đi". Đó là điều rõ ràng.

Đó là phép tắc chung trong đối nhân xử thế. Mọi sự vật đều là tương đối, đều có thể chuyển sang hướng ngược lại. Trương Đình Ngọc nhường mà lại được cũng là lý ấy.

Hải Ngụ Nghiêm tướng công muốn xây một khuôn viên trong thành. Đo xong, lại có một nhà dân vào ở nằm trên đất ấy, khiến toà nhà họ Nghiêm không được vuông vắn. Nhà họ sống bằng nghề bán rượu và đậu phụ. Người quản lý tìm mọi biện pháp mềm dẻo, hậu đãi xin họ chuyển đi, nhưng họ cương quyết cự tuyệt. Nghiêm tướng công thần sắc thần nhiên, bảo người quản lý: "Không sao, cứ

xây 3 mặt kia đã". Sau khi khởi công Nghiêm tướng công ra lệnh số lượt và đậu cần hàng ngày nhất nhất đều phải mua của nhà nọ, đồng thời đặt tiền trước. Nhà nọ vốn ít, người hiếm làm không kịp bán, Nghiêm mộ người giúp - Công nhân xây dựng ngày một đông, nhà kia lãi cũng ngày một nhiều. Lương thực và nguyên vật liệu chất đầy nhà không hết. Do buôn bán phát tài, nhà nọ rất biết ơn Nghiêm tướng công, hối hận về chuyện đã gây khó khăn cho họ Nghiêm, tha thiết xin chuyển đi. Nghiêm tướng công bèn đổi cho ngôi nhà tương đối rộng rãi gần đó. Nhà nọ mừng khôn xiết và nhanh chóng dọn đi.

Trong "Trí nang" (cẩm nang trí tuệ) của Phùng Mộng Long người Minh có viết về chuyện này như sau: "Dùng thế không được thì dùng ân huệ mà lấy, ta không tốn phí mà người lại ca ngợi công đức do họ không rõ thuật của ta, tuyệt lắm thay!" Ý định của Nghiêm tướng công rất rõ ràng, tính ích lợi cực mạnh thật tương đồng với tinh thần chí công vô tư "sinh ra như không có danh vị" do Lão tử đề xướng. Do xuất hiện hình thức ban tặng nên đã đạt được kết quả mà dùng cưỡng đoạt thật khó đạt. Đó là sự vận dụng cụ thể phép "muốn lấy thì phải cho" vậy. Câu "dùng thế không được thì dùng ân huệ mà lấy" "ân huệ" chỉ là thứ biểu hiện trên bề mặt, nhà bên xấu hổ mới là tinh thần cam lòng nhường người, do một chút ân huệ tạo nên. Tinh thần ấy là gốc "sông biển là vua của hàng trăm hang động" của Lão tử đề xướng vậy.

Sau khi Tiền Yên hoàng đế Mộ Dung Vĩ qua đời, với chức tể tướng. Mộ Dung Khác phụ tá ấu chủ, nắm triều chính. Mộ Dung Khác tuy giữ trọng trách trong triều, song chưa hề lạm dụng chức quyền, phạm vào nghi lễ triều đình; gặp việc trọng yếu cùng các đại thần khác thương nghị; tuy danh nghĩa là nắm triều chính, nhưng thực chất không phải chuyên quyền. Ông hết lòng đãi sĩ, tư vấn

điều thiện, tuy tài bổ dụng. Các quan văn võ trong triều có gì sai trái ông không làm to chuyện, mà chỉ điều giữ chức khác để răn đe, không giáng chức. Sĩ tốt sai phạm, ông thông cảm. Vì vậy ai ai cũng lo làm tốt chức phận, không dám phạm điều cấm. Có sai sót nhỏ đều tự trách; "Lẽ nào lại muốn quan tể tướng thay người khác sao?"

Phàm những người có cảm giác thị phi và xấu hổ một khi phạm sai lầm thường lo sợ không yên như đi trên lớp băng mỏng, đợi chờ sự trừng phạt của chính nghĩa. Khi bị trừng phạt, về lí trí tuy nhận thấy sự trừng phạt là phải, nhưng về tình cảm lại không vui. Nếu hình thức trừng phạt quá nặng hoặc không thoả đáng, mất sự tôn nghiêm mình thì từ chỗ hối hận ban đầu, tâm lý tự trách có thể trở thành chống đối dẫn tới tình trạng có chỗ dựa không lo, càng nghiêm trọng hơn. Như vậy trước hết sự trừng phạt mất đi và ý nghĩa nguyên bản răn đe của nó gần như mất hết. Tâm lý tự trách, ấy nấy là động lực tâm lý cơ bản để nhận thức sai lầm và sửa chữa sai lầm. Chỗ cao siêu của mưu Mộ Dung Khác là ở chỗ ra sức bảo vệ và nuôi dưỡng tâm lý này của người mắc sai lầm. Khi người mắc sai lầm tự thấy không thể tránh được sự trừng phạt, thì ông không làm to chuyện, cũng không giáng chức mà chỉ điều sang chức vụ khác. Làm như vậy như có ý nói: "Tôi hiểu rõ sai lầm của anh. Tôi không làm rùm beng, cũng chẳng giáng chức anh, anh liệu mà làm!" Với lòng khoan dung đại lượng như thế, đến trái tim đá cũng phải xúc động.

Mộ Dung Khác dùng đạo nhu để chấp chính cũng thật kì diệu độc đáo thay!

Thời Tây Hán, có Hồ Thường ở Thanh Hà, Địch Phương Tiến ở Nhữ Nam, cùng theo đuổi Kinh học. Hồ Thường tuy từng trải hơn Địch, nhưng danh tiếng không bằng Địch, nên trong lòng rất không

vui. Mỗi lần nói chuyện với ai về Dịch, Hồ đều có ý phê bình kín đáo. Dịch biết chuyện vẫn thản nhiên như không, không giải thích. Khi Hồ giảng bài cho môn sinh, Dịch thường phái học sinh của mình đến lớp của Hồ xin Hồ giảng cho những ý khó và ghi chép cẩn thận. Sau một thời gian dài, Hồ tỉnh ngộ, hiểu rằng Dịch có ý đề cao mình, nên suy nghĩ nhiều và cảm thấy áy náy. Từ đó về sau, trong giới đại sĩ phu, Hồ Thường luôn tán dương tác phong cao thượng, khí tiết trong sáng của Dịch Phương Tiến.

Dịch Phương Tiến tôn trọng người nên được người tôn trọng, như Lão tử đã nói: "Không tranh với người, nên thiên hạ không ai tranh với mình được".

Lại xem chuyện Liêm Pha, Lạn Tương Như:

Lạn Tương Như vốn là nho sinh áo vải vì đem ngọc lành trả cho vua Triệu. Không thấy nhục vì sứ mệnh, lại cùng vua Triệu tới Mãnh Trì hội kiến với vua Tần Khiến vua Tần không dám lấy thế vua nước mạnh làm nhục vua Triệu, nên được vua Triệu phong chức Thượng khanh đứng trên danh tướng nước Triệu là Liêm Pha. Liêm Pha rất không phục nói: "Ta là tướng nước Triệu, có công lớn trong công chiếm thành đã chiến, còn Lạn Tương Như chỉ ỷ vào cái lưỡi lắt léo lại đứng trên ta. Hơn nữa, Lạn Tương Như vốn là kẻ đê tiện, sao ta có thể chịu xếp dưới hắn được?" Đồng thời tuyên bố: "Nếu gặp Tương Như, ta nhất định sĩ nhục hắn". Tương Như nghe nói vậy không chịu gặp Liêm Pha. Tương Như thường cáo ốm không vào chầu, không muốn tranh ngôi thứ cao thấp với Liêm Pha. Một lần, Tương Như đi du ngoạn, nhìn thấy Liêm Pha, vội đánh xe né tránh. Gia nhân Tương Như thấy vậy rất bất bình, liền nói: "Sở dĩ chúng thần rời bỏ quê hương, người thân đến hầu hạ tướng quân chính vì ngưỡng mộ ân cao, nghĩa lớn của đại nhân. Nay tướng quân đã đứng cùng hàng với Liêm Pha, Liêm Pha lại có lời công kích tướng

công, mà tướng quân lại e sợ như vậy, dù là kẻ tồi tệ cũng thấy hổ thẹn, huống hồ một danh tướng! Chúng thần không thể kiềm chế nổi tình cảm, xin cho phép chúng thần cáo từ!" Tương Như cố nín giữ, hỏi: "Các người xem, so sánh Liêm tướng quân với vua Tần thì ai đáng sợ hơn?" Chúng thần đáp: "Tất nhiên Liêm tướng không bằng Tần vương". Tương Như lợi thế nói: "Với sự uy nghiêm của Tần vương, ta còn dám quát mắng triều đình Tần, nhục mạ quần thần họ, lẽ nào chỉ sợ mình Liêm tướng quân? Ta cứ nghĩ, cường quốc Tần sở dĩ không dám điều oai trước nước Triệu, vì Triệu đang có ta và Liêm tướng quân. Nếu 2 chúng ta không ai nhường ai, 2 hổ quyết đấu ắt khó vẹn toàn cả hai. Sở dĩ ra nhân nhượng như vậy không vì lý gì khác, ngoài việc đặt nguy cơ của đất nước lên trên hết, ân oán cá nhân xuống dưới mà thôi". Liêm Pha nghe biết, mình trần, mang roi gai, cùng bạn đến phủ Tương Như tạ tội, nói: "Tôi thật quá nóng giận, không nghĩ tới tấm lòng rộng lượng của tiên sinh vậy". Từ đó 2 người trở thành 2 người bạn sống chết có nhau.

Tư Mã Thiên ca ngợi: "Tương Như phấn đấu hết lòng, uy tín nơi nước kẻ thù, nhún nhường trước Liêm Pha, danh tiếng tựa Thái Sơn, trí, dũng song toàn!" Lạn Tương Như lấy dũng chống địch, lấy nhu hoà hiếu với bạn, vì lợi ích quốc gia, cam chịu dưới người. Khiến soái lĩnh ba quân Liêm Pha tướng quân không thể không xin chịu tội. Từ đó danh tiếng càng bay xa, cũng có thể thấy được lòng người ủng hộ hay phản đối. Lão tử nói: "Không nhằm lợi riêng nên lại thành lợi riêng" là thế.

Đạo nhu yếu tùy người mà vận dụng; đối với bọn hôn quân vô đạo thì không thể hy sinh một cách vô nghĩa.

Cuối đời Tần, Trần Thắng phát cờ khởi nghĩa, mong trừ bạo Tần làm chấn động cả nước. Tần Nhị thế phong thanh biết tin bên Triệu tập nho sinh bác học hỏi: "Bọn phu phen người Sở kia tập

kích luyện kỳ, đánh vào trận địa, các khanh hãy nói thế là thế nào?" Nho sinh bác học hơn 30 người đều tâu: "Là người quân tử vì tư lợi mà có được quân chúng. Một khi có được quân chúng là muốn làm phản. Loại người như thế phải xử tội chết, không dung tha. Xin bệ hạ mau mau xuất quân tiêu diệt bọn Trần Thắng!" Nhị thế nghe xong, giận biến sắc mặt. Thúc Tôn Thông vội bước ra nói: "Những điều các vị vừa nói quả là hồ đồ. Như ngày nay thiên hạ thống nhất, phá thành lập hào, nung bỏ vũ khí để chúng tỏ thiên hạ không còn phải dùng binh nữa. Hơn nữa, trên có minh chủ, dưới có pháp lệnh khiến người nhất nhất tuân theo, 4 phương hoà hợp, đâu có ai dám làm phản! Bọn Trần Thắng chẳng qua chỉ là bọn đạo tặc ăn cắp con gà, con chó mà thôi, hà tất phải suy nghĩ. Quận huyện đã phải uỷ quan đi tróc nã, khỏi bận tâm". Nhị thế nghe xong, từ giận dữ chuyển sang mừng vui, tấm tắc khen. Tiếp đó Nhị Thế còn hỏi thêm các nho sinh, người nói là mưu phản, người nói là đạo tặc, không thống nhất. Tần Nhị thế lệnh ngự sử điều tra những người nói là mưu phản, còn những người nói đạo tặc thì vô sự. Nhị thế còn ban thưởng Thúc Tôn Thông lụa 20 tấm, quần áo 1 cân, đồng thời chính thức phong Thúc hàm bác học. Khi Thúc ra về, các nho sinh đều không hài lòng, chất vấn: "Sao tiên sinh lại nói những lời a dua (phụ hoa) như vậy?". Thúc đáp: "Có điều các vị chưa biết, tôi bất quá chỉ để thoát khỏi miệng hùm mà thôi". Nói rồi bỏ chạy, qua bao trắc trở, cuối cùng quy phục Hán vương Lưu Bang và trở thành danh nho một đời.

Văn hóa Nho gia coi trọng tận trung thù tiết, Thúc Tôn Thông mang danh nho sinh, lý ra phải thẳng thắn khuyên can thúc tể Nhị thế, thì lại a dua theo Nhị thế, dưới lừa các nho sinh, liệu có "trung" không? Nói đi thì thế, nhưng nói lại thì Tần Nhị thế hơn quân vô đạo, có dựa vào 1 nho sinh Thúc Tôn Thông e rằng cũng không thể

chứ vẫn được sự sụp đổ của bọn ngông cuồng, bỏ điều nghĩa để cần sống. Tác giả "Hậu Hán thư" cho rằng, chuyên vì điều nghĩa sẽ phương hại đến sự sống, chuyên vì sự sống sẽ làm cho nghĩa bị tác, nếu nghĩa được coi trọng hơn sự sống thì có bỏ sự sống được; nếu sự sống trọng hơn nghĩa, có thể giữ trọn vẹn sự sống". Tư Mã Thiên cũng không đồng tình với lời lẽ chê trách của một số người nói chung đối với việc Thúc Tôn a dua với Nhị thế, ông nói: "Thúc Tôn cùng Hy Thế chế ra nghi lễ, tiến thoái tùy theo thời thế và cuối cùng trở thành tôn chỉ của nho gia nhà Hán. (Quá thẳng giống như sự vụng về, đạo giống như rắn lượn) là để nói điều đó chẳng?

Tư Mã Thiên đứng trên độ cao của sự cống hiến của Thúc đối với toàn bộ nền văn hóa xã hội để bàn về trung nghĩa, không bó hẹp trong một triều một vua. Thúc Tôn Thông quý ở chỗ "Tiến lui biến hóa tùy thời" chứ không phải chỉ một đường đi tới cái xấu. Một đường đi thẳng tới cái xấu sẽ mất đạo cương nhu. Thúc sau khi quy phục Hán vương, càng thể hiện rõ bản lĩnh "quá thẳng giống sự vụng về, đạo như rắn lượn" vậy. Lưu Bang rất ghét nho sinh, dùng mũi của nho sinh làm dụng cụ vệ sinh. Nhưng Thúc đã xác định Lưu Bang có thể nên đại sự, nên đã không ngại vứt bỏ trang phục nho sinh, mặc trang phục ngắn để Lưu Bang vui lòng.

Khi Thúc quy hàng Hán vương có hơn trăm con em nho sinh đi theo. Sau khi được Hán vương tin dùng, Thúc không tiến cử con em họ mà chỉ tiến cử những nhóm tráng sĩ đã phạm tội đạo tặc. Các con em trên trách mắng: "Chúng tôi đã theo tiên sinh bao năm trời, lại có may mắn đi theo báo đáp công ơn Hán vương, mà không tiến cử chúng tôi, ngược lại, tiến cử bọn xảo quyệt ấy, không hiểu là đạo lý gì". Thúc nghe xong liền giải thích: "Hán vương mong dùng sự nguy hiểm của tên của đá để tranh thiên hạ, liệu các ngài có thể dùng mũi tên, hòn đá ngoài sa trường chăng? Do đó ta tiến cử các

tráng sĩ dám chém tướng nhỏ cờ kia trước, các người tam chờ đợi, ta quyết không quên các người". Hán vương khởi nghiệp, tất cả đều theo, đưa quân vào Quan, phế bỏ luật lệ hà khắc của triều Tần, ước định ba chương quy pháp cho dân. Sau khi xưng đế, nghi lễ trong triều rồi ren, quần thần uống rượu tranh công, người la hét huyên náo, kẻ rút kiếm chém cột. Lưu Bang là người phao tin sẽ lấy ngay được thiên hạ, bài xích thơ sách cũng tỏ ra lo lắng nhiều. Lúc này, Thúc nhận thấy thời cơ thực hiện ý đồ lớn của mình đã đến liền nói với Lưu Bang: "Nhà nho khó có thể có được cái mới, mà có thể giữ được cái vốn có, hãy cho thần mời chư sinh nước Lỗ và con em của thần cùng soạn ra nghi lễ triều đình. "Nghi lễ triều đình do Thúc soạn thảo, Lưu Bang xem, quả nhiên rất uy nghiêm. Lưu Bang nói: "Ngày nay trăm vãn thấy mình là của quý của hoàng đế". Lúc ấy, Thúc mới tâu: "Các con em nho sinh đã theo thần một thời gian dài, cùng thần soạn ra nghi lễ triều đình, cầu xin bệ hạ ban cho họ chức quan tương xứng". Lưu Bang đang lúc đắc ý, vui vẻ ban phong trước cho tất cả. Chư sinh đều hi há, nói: "Thúc Tôn Thông quả là thánh, biết rõ mọi việc quan trọng đương thời".

3. PHÁ CƯƠNG LÀM NHU, CHỊU NHỤC KHÔNG THEN

Xem trong lịch sử có hàng loạt hiền nhân quân tử cương chính không a dua, vì tín ngưỡng của mình không tiếc sát thân thành nhân, lòng gang dạ thép kinh động thiên hạ, quý khốc thân sâu, người người bái phục. Trong tình huống nghịch cảnh, có thể phá cương làm nhu, chịu nhục không sợ hổ then, đợi thời cơ có lợi mở rộng tầm nhìn, khiến càng quý, người người cảm phục. Như Quản Trọng bị giam dưới thêm, Hán Tín chịu chui qua háng. Quý Bô cao râu làm người ở... chính là tầm lòng rộng rãi chịu nhục không sợ hổ then, nên mới lập nên sự nghiệp hiển hách.

Đại tướng triều Hán là Hàn Tín. Khi còn là dân thường, gia cảnh nghèo khó và cũng chẳng có phẩm chất gì đáng ca ngợi, do đó không đủ tư cách làm một chức quan nhỏ địa phương; cũng không có khả năng buôn bán để sinh sống chỉ sống nhờ bờ đậu, xin cơm ăn... Một số trẻ trong những gia đình mố lộn ở địa phương thường bắt nạt, làm nhục Tín. "Anh tuy cao to, thích mang đao đem kiếm, kỳ thực nhát như thỏ đế!" Chúng công khai làm nhục Tín: "Tín à, nếu anh không sợ chết, hãy dùng kiếm của anh đâm vào tôi đi; nếu sợ chết, hãy chui qua háng tôi đây này". Hàn Tín nhìn hán một lúc lâu rồi bò xuống đất và chui qua háng hán. Cả phố cười riêu Tín nhát như một chú thỏ con. Sở, Hán tranh hùng, Hàn Tín theo Hạng Lương. Sau khi Hạng Lương bại, Tín theo về với Hạng Vũ đều bị bỏ lại gác trên giá cao. Khi Hán vương vào đất Thục, Hàn Tín bỏ Sở theo Hán làm chức quan nhỏ, âm thầm không lên tiếng. Hàn Tín nhiều lần luận bàn đại cục trong thiên hạ với thừa tướng nhà Hán là Tiêu Hà nhiều lần tiến cử mình với Lưu Bang dẫn quân đi Nam Trịnh, trên đường nhiều chủ tướng bỏ trốn. Hàn Tín thấy Tiêu Hà, Tiêu Hà giật mình kinh ngạc, coi Hàn Tín là bậc kỳ tài. Khi Lưu Bang nhưng không được trọng dụng, không chút do dự rồi bỏ Hán vương. Tiêu Hà được tin, không kịp thỉnh báo, đêm tối đuổi theo Tín. Một hai ngày sau, Tiêu Hà báo Lưu Bang. Lưu Bang vốn nghĩ là Tiêu Hà cũng đã bỏ trốn, bỗng thấy Tiêu Hà, vừa giận vừa mừng mắng: "Người tại sao chạy trốn?" Tiêu Hà đáp: "Thần không dám trốn mà đuổi theo người chạy trốn". Lưu Bang hỏi: "Người đuổi theo người nào? " Tiêu Hà đáp: "Hàn Tín" Lưu Bang lại mắng: "Hàng chục chủ tướng bỏ trốn, người không đuổi theo mà hoặc chỉ đuổi một mình Hàn Tín. Nói dối!" Tiêu Hà tâu: "Chủ tướng dễ, còn Hàn Tín là kẻ sĩ có một không hai trong nước. Nếu đại vương muốn ở lì tại Hán Trung thôi thì có thể không cần trọng dụng Hàn Tín. Nếu muốn tranh hùng thiên hạ, chỉ cần một Hàn Tín có thể đại sự

mưu thành". Lưu Bang nói: "Đương nhiên trăm muốn đánh thiên hạ ở phía đông, sao có thể rút ra ở chốn này được?" Tiều Hà nói: "Đại vương đã quyết tranh thiên hạ ở phía đông nếu trọng dụng Hàn Tín, Tín sẽ ở lại, nếu không được dùng Tín tất phải ra đi. Lưu Bang vội nói: "Trăm phong tín làm tướng". Tiều Hà nói: "Tuy phong tướng, tín cũng nhất định không ở lại". Lưu Bang nói: "Trăm cho hán làm đại tướng vậy". Tiều Hà nói: "Thế thì còn gì bằng". Lưu Bang định triệu Hàn Tín lại để phong đại tướng. Tiều Hà ngăn lại tâu: "Đại vương xưa nay vốn ngạo mạn, không kể lễ nghi, nay phong đại tướng làm như gọi một đứa con nít thì đó sẽ là nguyên nhân Tín bỏ đi. Nếu đại vương thành tâm phong Tín làm đại tướng thì phải chọn ngày lành tháng tốt, ăn chay, tắm rửa sạch sẽ, lập đàn, tiến hành theo đúng nghi lễ phong đại tướng". Lưu Bang chấp nhận. Tín ấy truyền đi, chủ tướng đều mừng, ai cũng nghĩ rằng mình sẽ được phong đại tướng. Kết quả Hàn Tín thụ phong đại tướng, trong quân chấn động. Sau đó, Hàn Tín soái lĩnh tướng sĩ nhổ cờ, giết tướng, đánh đầu thắng đó: vượt Hà Tây bắt Ngụy vương, cầm Hạ Thuyết; dẫn quân xuống Tĩnh Hình, giết Thành An quân; đánh Triệu, uy hiếp Yên, ổn định Tề; phía nam đánh tan 20 vạn quân Sở; phía đông giết Long thủ, báo tin thắng trận lên Hán vương, vương triều nhà Hán, công không phải hai người, mưu lược không phải do thời thế tạo ra. Một vị anh hùng cái thế so với chàng thiếu niên chui qua háng người khác xa nhau biết nhường nào! Khi được phong làm vua nước Sở, Hàn Tín đã tặng người đã cho mình cơm lúc cơ hàn là bà Phiếu mẫu 1000 cân vàng, phong cho chàng thiếu niên đã làm nhục mình chui qua háng làm trung uý và nói với chư tướng Sở: "Người này xứng đáng làm tráng sĩ. Khi hán làm nhục ta, đầu phải ta nhất gan, không dám giết hán? Giết hán ta không thể công thành doanh toại. Vì vậy ta phải chịu nhục vậy". Đó là tấm lòng của Hàn Tín.

Tư Mã Thiên khi viết truyện đã khen: "Ta đến đất Hoài Âm, người Hoài Âm nói với ta rằng Hán Tín tuy là dân áo vải, nhưng trí khác người đời. Mẹ chết, nghèo không tiền làm tang, vẫn đưa mộ mẹ lên chỗ cao đất đẹp, bên cạnh đó có thể xây được vạn nhà. Ta xem mộ mẹ ông ta thấy quả là tốt".

Hán Tín mang chí cứu thế nên đành chịu nhục chui qua hàng, không thèm tranh cao thấp với bọn thiếu niên tầm thường, cũng không quên nổi nhục, không để mất bản sắc anh hùng ngoài nhu trong cương.

Lại xem chuyện Quý Bố.

Quý Bố người nước Sở, là danh tướng nhà Hán. Đất Sở có câu ngạn ngữ: "Trăm cân vàng không bằng một lời hứa của Quý Bố". Một người anh hùng hào hiệp, nghĩa khí, hứa là làm, được mọi người ngưỡng mộ. Thật khó tưởng tượng, khi vị anh hùng đội trời đạp đất này thất bại, không những không thể "sát thân thành nhân", mà cam chịu làm tôi đòi, chịu đủ đường áp bức và lăng nhục.

Quý Bố nổi tiếng đất Sở bởi lòng nghĩa hiệp, dũng cảm. Sở Hán tranh hùng, giành giật Trung Nguyên. Quý Bố trăm tướng nhỏ cờ, nhiều lần làm Lưu Bang khốn quẫn, suýt nữa giết được Lưu Bang. Cai Hạ, Hạng Vũ tự vẫn, Lưu Bang treo giải thưởng nghìn vàng bắt Quý Bố, ai che giấu sẽ bị tru di tam tộc. Chu Thu người huyện Bộc Dương liêu dấu Quý như ngồi trên lửa, nói với Quý Bố: "Hán vương đang truy nã tướng quân rất gấp, sắp tới nhà tôi rồi. Nếu tướng quân chịu nghe tôi, tôi sẽ nghĩ cách cho tướng quân, bằng không tôi sẽ tự vẫn trước". Quý Bố đành nghe theo. Chu Thu gọt tóc Quý Bố, đeo gông và cùng hơn 10 gia nô bán cho nhà họ Chu nước Lỗ. Họ Chu thoát nhìn đã nhận ra Quý Bố liền thu nạp và cho làm ruộng, đồng thời dặn các con: "Công việc đồng áng phải

theo tên nô này, cùng ăn với anh ta, không được lạnh nhạt". Họ Chu đi ngay Lạc Dương đến gặp Nhữ Dương hầu Đổng công, ở lại đó mấy hôm và hỏi Đổng công: "Quý Bố phạm trọng tội gì mà hoàng thượng truy nã gấp vậy?" Đổng công đáp: "Quý Bố theo Hạng Vũ mấy lần vây khốn hoàng thượng nên hoàng thượng nhất định bắt bằng được để báo oán xưa". Họ Chu lại hỏi: "Ngài xem Quý Bố thuộc hạng người nào?" Đổng công về suy nghĩ đáp: "Tất nhiên là hiền tài giỏi giang phi thường". Họ Chu nói: "Làm bày tôi ai cũng có chủ, Quý Bố được Hạng Tịch sử dụng, đó là chức phận của ông ta. Lẽ nào có thể giết sạch bày tôi của Hạng? Nay hoàng thượng vừa giành được thiên hạ, vì thù oán riêng mà tróc nã Quý Bố, lòng dạ hẹp hòi của hoàng thượng sẽ phơi bày trước thiên hạ. Hơn nữa, hoàng thượng tróc nã ráo riết như thế, Quý Bố không còn cách nào khác, không lên bắc theo Hồ thì cũng xuống nam theo Việt; chẳng lẽ lại đuổi một tráng sĩ cái thế cho địch quốc sử dụng sao? Ông có thể khuyên hoàng thượng được chăng?" Đổng công nghe xong biết họ Chu hào hiệp đang giấu Quý Bố liền nhận lời. Không lâu, Đổng công đã trình ý của họ Chu lên hoàng thượng. Quả nhiên Lưu Bang xá tội cho Quý Bố và phong chức lang trung.

Tư Mã Thiên ghi lại chuyện Quý Bố, ông vô cùng cảm kích viết: "Về chí khí có Hạng Vũ, dũng có Quý Bố nước Sở, đã bao lần cầm quân cầm cờ, có thể nói là tráng sĩ. Khi bị hình phạt làm đầy tớ người khác mà không dám chết, đâu có phải là kém cỏi! Người ấy tự thấy mình có tài nên chịu nhục mà không hổ thẹn, muốn dùng được cái mà mình còn thiếu, nên cuối cùng trở thành danh tướng Hán. Bậc hiền tài đều coi trọng cái chết của mình, còn kẻ tiện nhân cảm khái tự sát, đó không phải là dũng, chẳng qua là không có kế sách mà thôi". Mấy lời ngăn ngừa của Tư Mã Thiên mà tình cảm sôi sục, cao ngất. Vừa ca ngợi chiến công nhỏ cỡ trăm tướng, mấy lần

vây khốn Hán vương nơi sa trường của Quý Bố, vừa cảm thông cảnh ngộ cao đầu lẩn trốn, chịu làm nô bộc cho người. Tiếp đó, ngồi bút ông chuyển hướng, cả quyết Quý Bố tự thấy mình có tài, chỉ là tìm không đúng chủ, công danh sự nghiệp không thành, nên không toại nguyện. Vì vậy phá bỏ cương làm nhu chịu nhục mà không xấu hổ, cuối cùng trở thành danh tướng đời Hán. Còn như những người hễ gặp trắc trở liền cảm khái tự sát, bề ngoài tựa nghĩa dũng, thực tế chỉ là hành động của bọn tù thiếp tâm thường. Nói cho cùng, là kẻ bên sông tài tận, vô phương vãn hồi mà thôi.

Nghĩ lại, Tư Mã Thiên đường đường một đáng nam nhi, vì án Lý Lăng mà chịu tội; dù bị nhục mạ vẫn không quên nỗi đau thương ban đầu, nổi chí cha tay không ngừng bút, cuối cùng trở thành "Sử gia tuyệt xướng" (Sử gia có một không hai). Vì vậy ông vô cùng cảm khái trước sự nghiệp của Quý Bố. Phải chăng đó là tình cảm của người cùng chung số phận? Trên thực tế, phàm những hoàn cảnh bỏ cương chuyển sang nhu như Tư Mã Thiên đều tỏ cảm tình đặc biệt và đều miêu tả tường tận.

Quản Trọng là danh tướng nước Tề thời Xuân Thu. Khổng tử ca ngợi ông, viết: "Hoàn công hợp được 9 nước chư hầu không cần đến binh mã, đó nhờ sức của Quản Trọng". Lại nói hiển tài của Quản Trọng người bình thường không thể hiểu nổi. Nếu không có Quản Trọng, chúng ta ngày nay e rằng vẫn còn dừng ở thời đại man dã. Có thể thấy sự cống hiến của Quản Trọng đối với quá trình phát triển văn hoá của Trung Quốc là rất lớn. Quản Trọng sở dĩ lập nên sự nghiệp huy hoàng như vậy, một là, nhờ sự mưu trí biến hoá linh hoạt và phép bỏ cương chuyển sang nhu của bản thân; hai là, nhờ sự tương trợ bạn bè hiếm có của Bào Thúc Nha. Như đã nêu ở trên, Quản Trọng ban đầu theo công tử Cừ, trong cuộc đấu tranh với công tử Bạch (sau là Tề Hoàn công). Công tử Cừ thất bại, Quản

Trọng tự nhiên thành tù nhân. Quán Trọng không thể "sát thân thành nhân", nhờ Bào Thúc Nha tiến cử lại được Tề Hoàn công dùng và lập nên sự nghiệp lớn. Quán Trọng cảm khái nói:

"Khi tôi gặp khó, thường cùng Bào Thúc buôn bán, tôi được chia lãi nhiều. Bào Thúc không tham vì biết tôi nghèo. Tôi thường Bào Thúc mưu sự nên càng nghèo khó. Bào Thúc không coi tôi là ngu dốt mà biết thời thế lợi hay không lợi. Tôi thường 5 lần 7 lượt thăng quan giáng chức, Bào Thúc không cho tôi là kém vì biết tôi không gặp thời. Tôi thường 3 lần đánh 3 lần bỏ chạy, Bào Thúc không cho tôi là hèn nhát, biết tôi có mẹ già, Công tử Cử bại. Triệu Hốt chịu chết, tôi bị giam cầm chịu nhục, Bào Thúc không cho tôi là vô sỉ, biết tôi không hổ thẹn chuyện nhỏ mà hổ thẹn vì công danh chưa thành. Cha mẹ sinh ra tôi còn Bào Thúc thì hiểu tôi".

Hãy xem. Quán Trọng danh tiếng một đời là người như thế đó; buôn bán với Bào Thúc thì tham nhiều lừa bạn; mưu sự cho người càng làm họ thêm khổn; phụng sự vua thì lên lên, xuống xuống; vác gươm ra trận thì 3 trận đánh, 3 lần chạy; bị giam cầm chịu nhục 2 lần đổi chủ. Hành động của Quán Trọng dường như người quân tử không thềm đếm xỉa tới. Nhưng giả thử Quán Trọng "sát thân thành nhân", làm người quân tử khiêm tốn thì lấy đâu sự cống hiến to lớn của ông đối với nền văn hoá lịch sử Trung Quốc. Quán Trọng lấy lẽ "không hổ thẹn về chuyện nhà mà hổ thẹn về công danh không thành trong thiên hạ để làm người". Do đó Khổng tử nói về Quán Trọng là: "Việc làm của Quán Trọng đâu có giống bọn thất phu thất phụ".

Phàm những bậc kỳ tài đều biết làm nên những việc mà một số người thường khó lý giải. Quán Trọng là bậc kỳ tài hiếm có trên đời. Gài thử mọi nơi, mọi chỗ đều hợp thói thường thì kỳ tài đâu ra?

Tư Mã Thiên nói: "Người đời làm chính trị giỏi ở chỗ biến hoạ thành phúc, chuyển bại thành thắng, không kể xiết". Lại bàn tiếp:

"Quản Trọng được người đời coi là hiền thần. Riêng Khổng Tử coi thường. Đâu phải cho rằng đạo nhà Chu suy vi mà Hoàn công là bậc tài giỏi lại không phể bỏ mà lại cho làm vua xưng bá được? Có lời nói rằng: giúp thêm cái đẹp, cứu cái ác, cho nên trên dưới có thể thân nhau được", há chẳng phải nói Quản Trọng sao?

Tư Mã Thiên dựa trên lời nói của Khổng Tử, phát triển thêm: "Tuy Quản Trọng được tôn là tôi hiền, song mức độ tài đức còn hạn hẹp. Chu suy vi, Tề Hoàn công lại là vua hiền cứu thế, sao không khuyên vua lập nghiệp để mà chỉ làm bá chủ các nước chư hầu? Những việc Quản Trọng làm không ngoài phát huy cái đẹp của dân, cứu quốc gia khỏi cái ác, làm cho vua tôi, thần dân tương thân mà thôi". Trong khi ca ngợi, Tư Mã Thiên có ít nhiều thương tiếc xót xa.

"Không hổ thẹn về việc nhỏ mà hổ thẹn vì công danh không thành trong thiên hạ". Cuơng ư? Như ư?

Quản Trọng công trạng lưu truyền sử xanh thì Bào Thúc Nha tiến cử Quản Trọng cũng để lại tiếng thơm trong lịch sử. Tử Công từng hỏi Khổng Tử: "Trên đời hiện nay ai đáng được tôn là tôi hiền?" Khổng Tử đáp: "Trên đời hiện nay còn chưa thấy. Nếu nói ngày xưa thì nước Tề có Bào Thúc, nước Trịnh có Tử Bì, đều là người hiền". Tử Lộ ngơ ngác không hiểu sao, hỏi: "Lẽ nào nước Tề không có Quản Trọng, nước Trịnh không có Tử Sản sao?" Khổng tử lắc đầu đáp: "Người chỉ biết một mà không biết hai về họ. Người thấy người tiến cử người có tài năng là tôi hiền, hay người dùng sức?" Tử Công đáp: "Tất nhiên là người hiền tài". Khổng Tử nói: "Vậy thì ta chỉ nghe nói Bào Thúc tiến cử Quản Trọng, Tử Bì tiến cử Tử Sản chứ chưa nghe nói Quản Trọng, Tử Sản tiến cử ai bao giờ". Qua đó, ta thấy, đi đôi với

việc ca ngợi sự cống hiến của Quản Trọng đối với nền văn hoá lịch sử Trung Quốc, ông đồng thời càng tỏ ra kính trọng cao độ Bào Thúc, người đã tạo điều kiện để Quản Trọng thể hiện tài năng của mình.

4. PHẦN NỘ CỦA THIÊN TỬ VÀ PHẦN NỘ NGƯỜI ÁO VẢI

Thiên tử và người áo vải chênh lệch biết bao!

Thiên tử là uy của 1 nước: đối ngoại, chỉ trong phút chốc là có thể điều binh ngoài chiến trường, lại có thể bắt tay giảng hòa; đối nội, vừa có thể làm cho muôn dân vất vả đổ đầy, quyền sinh sát, chiếm dụng đều nằm trong tay thiên tử. Giới áo vải liệu có được thế không?

Trong trường hợp nhất định, giới áo vải có thể nhờ khí phách Cương của mình khiến đường đường một đấng thiên tử cúi đầu, lắng tai, răm rắp tuân theo. Trường hợp nhất định ấy là cuộc mưu quyền đặc biệt do giới áo vải sáng tạo nên.

Thời kỳ Huệ Văn vương nước Triệu, quân Tần bao vây thành Hàm Đan nước Triệu. Triệu vương vội cử Bình Nguyên quân đi sứ sang nước Sở cầu viện binh, hy vọng hợp tung với Sở, chống Tần. Bình Nguyên quân quyết định chọn trong đám thực khách môn đệ của mình 20 người văn võ song toàn, đi lên đường. Ông nói với các môn đệ: "Nếu dùng phương thức ôn hoà hoàn thành được nhiệm vụ thì không gì bằng. Nếu không được, ngay trong cung của vua Sở, trước văn võ bá quan ta phải bức Sở vương uống máu ăn thề, nhất định phải ký kết được minh ước hợp tung mới trở về. 20 vị đoàn viên không cần tìm người ngoài mà chọn ngay trong số thực khách của chúng ta cũng đủ". Chọn đi chọn lại chỉ được 19 người, thiếu một người, số còn lại đều không vừa ý. Bỗng trong đám môn đệ có một thực khách tên Mao Toại đi đến trước mặt Bình Nguyên quân, tự

giới thiệu: "Tôi nghe nói ngài sắp dẫn đầu đoàn đi sứ sang Sở, cùng Sở liên minh chống Tần, các đoàn viên là thực khách môn đệ, không lấy người ngoài. Hiện đang thiếu một người, mong ngài cho tôi bổ sung vào xuất khuyết ấy để có thể sớm lên đường". Bình Nguyên quân không hiểu ra sao cả, liền hỏi: "Tiên sinh ở trong môn đệ tôi bao lâu rồi?" Mao đáp: "Đã 3 năm rồi". Bình Nguyên quân nói: "Một hiền tài xuất thế giống như chiếc mũi sắt trong bị, mũi mũi sẽ đâm lòi ra ngay. Tiên sinh ở đây đã 3 năm mà trong đám thực khách không ai ca ngợi ngài, tôi cũng chưa nghe nói về ngài, rõ ràng ngài chắc không có tài năng gì, vậy xin ngài hãy ở lại cho". Toại nói: "Hôm nay tôi xin ngài hãy bỏ tôi vào bị đi. Nếu Toại tôi sớm được bỏ vào bị, tôi có thể thoát vỏ ra, đầu chỉ có mũi mũi mới lòi ra được!" Bình Nguyên quân cảm kích trước lòng thành của Toại, bèn đồng ý tuyển. 19 vị kia đưa mắt nhìn nhau, cười riêu cợt. Nhưng trên đường đi sứ, Toại luận đàm đầu vào đó, các vị kia mới thán phục kiến thức của Toại. Đến Sở, Bình Nguyên quân và Sở vương đàm phán hợp tung chống Tần từ sáng tới trưa vẫn không có kết quả. 19 vị xúi giục Toại: "Ngài lên nói xem sao". Mao Toại tay giữ kiếm sắc, bước lên nói với Bình Nguyên quân: "Hợp tung chống Tần, lợi hại được mất rõ như ban ngày. Hợp tung hay không chỉ 2,3 câu là xong, như các ông sáng nói tung, trưa lại không quyết, thế là tại sao?" Sở vương hỏi Bình Nguyên quân: "Đó là ai vậy?" Bình đáp: "Là môn khách của tôi" Sở vương lập tức quát: "Ra ngoài đi! Ta nói chuyện với chủ người, việc gì tới nhà người!" Mao Toại giữ kiếm, vọt tới trước mặt Sở vương, nói: "Đại vương, ngài sở dĩ đi đàm phán mắng Mao Toại ta, chỉ là do ta đang ở trong nước Sở ngài, người đồng, thế mạnh mà thôi. Nhưng giờ đây, trong cự ly 10 bước chân, đại vương sẽ chẳng có cách gì nhờ cậy vào uy thế hùng mạnh của nước Sở nữa đâu. Mạng sống của ngài đang nằm trong tay của Toại tôi. Chủ tôi đang ở trước mặt ngài, ngài quát mắng như vậy để

làm gì? Ta nghe nói Thương Thang với 70 dặm mà làm vua thiên hạ. Chu Văn vương chỉ có 100 dặm đất mà thân phục chư hầu, phải chăng là do họ đất rộng, người đông? Chẳng qua là họ nhờ có tình mà thuận thế, phát huy được uy của mình mà thôi. Còn ngày nay đất Sở hàng nghìn dặm, quân 100 vạn, đó là vốn mạnh để làm bá vương thiên hạ. Sự hùng mạnh của Sở, các chư hầu trong thiên hạ không ai sánh kịp. Bạch Khởi tướng Tần chỉ là một quân tiểu tốt, không hơn, lại dẫn hàng vạn quân giao chiến với Sở, một trận hạ thành Yên, Sinh, hai trận đốt phá sạch lăng tẩm, ba trận làm ô nhục tổ tông ngài. Nước Sở chịu cực kỳ nhục nhã, thật là thâm thù đại oán ngàn đời không quên. Cả đến nước Triệu cũng thấy hổ thẹn thay cho nước Sở ngài, vậy mà ngài là vua thừa kế nước Sở vẫn không chút hổ thẹn. Ngài cần thấy rõ, hợp tung chống Tần hoàn toàn là vì lợi ích nước Sở chứ không phải vì nước Triệu. Trước mặt chủ nhân tôi, ngài quát mắng tôi như thế để làm gì? " Sở vương nghe xong, ôn tồn nói: "Phải! Phải! Tiên sinh nói chí phải! Ta sẽ dốc toàn lực nước Sở hợp tung cùng Triệu chống Tần" Mao Toại vội hỏi: "Việc hợp tung như thế là quyết định rồi chứ? " Sở vương đáp: "Quyết định". Mao Toại liền quay sang bảo những người đứng 2 bên tả hữu Sở vương; "Hãy mang máu gà, chó, ngựa ra đây!" Rồi toại bưng đĩa máu, quỳ xuống, dâng lên vua Sở và nói: "Mời Đại vương nhấm máu để chứng tỏ hợp tung đã quyết, rồi đến chủ nhân tôi, sau đó là tôi". Như vậy việc hợp tung đã hoàn thành ngay tại đại điện nước Sở. Mao Toại tay trái cầm đĩa máu tay phải vẫn gọi 19 vị kia và nói: "Các vị cũng phải nhấm máu ngay tại đại đường này. Đúng là các người nhờ người mà thành công đó".

Đây là mẫu mực về cương chế cương. Nói chung, khách thể của mưu quyền là lấy "Cương" để đối phó; là chủ thể của quyền mưu, nếu dùng cương đối cương cũng phải có thực lực hùng hậu,

nếu không cương cũng sẽ mất gốc. Bình Nguyên quân không nể hiềm nguy dẫn 20 quân đi sứ sang nước Sở hùng mạnh cầu viện binh, nơm nớp lo sợ còn nói gì đến "Cương". Vậy mà Mao Toại với tư cách nhỏ bé là một thực khách dám quát mắng Sở vương, khiến nước Sở cũng phải chấp nhận chủ trương hợp tung chống Tần vô điều kiện. Hành động dũng cảm ấy khiến Bình Nguyên quân uy danh chấn động chư hầu cũng thấy thua kém rõ rệt. Đạo lý ở đâu?

Trước hết là Mao Toại khéo tạo và lợi dụng môi trường quyền mưu mới, khiến lực lượng so sánh giữa hai bên chủ và khách thể quyền mưu đã thay đổi. Mao Toại xách kiếm bước lên điện, đối mặt với Sở vương. Nếu Sở vương không thuận, Mao Toại vung kiếm là đầu rơi, cho dù Sở vương có trăm vạn hùng binh liệu làm gì được Mao Toại. Nếu khuôn trong phạm vi nước Sở thì Sở có trăm vạn binh hùng, còn Triệu chỉ có 20 vị sứ giả; nhưng nếu khuôn trong phạm vi điện vua thì một dũng sĩ mang kiếm trước một ông vua yếu hèn. Đó là nơi quyền mưu mới do Mao Toại tạo nên. Ở môi trường quyền mưu mới này Sở vương hoàn toàn rơi vào địa vị bị động.

Liên sau đó, Mao Toại gọi lại nỗi nhục của Thương Đường, Chu để kích vua Sở: sơn hà năm nghìn dặm, trăm vạn hùng binh, không những không thể ra lệnh chư hầu, lại còn khiếp sợ nước Tần. Đúng trước kẻ thù lớn thì ngày đêm nơm nớp lo sợ. Thật là một lũ quân tướng nhu nhược! Mao Toại vẫn chưa thôi, riêu cợt cuộc chiến Tần Sở: một trận Sở mất thành Sinh, huyện Yên, hai trận lãng tằm bị đốt phá sạch, ba trận làm nhục tổ tông. Sau đó xúc động than: cực kỳ nhục nhã như vậy cả đến nước Triệu cũng cảm thấy hổ thẹn nhục lây. Là ông vua kẻ vị nước Sở, sao không thấy xót thương? Tiếp đó Toại lại biến khách thành chủ nói lên việc hợp tung chống Tần hoàn toàn vì lợi ích nước Sở. Nghiễm nhiên thành ưu thế của đáng chủ cứu thế. Sở vương dù mồm mép thế nào đi nữa, song việc

Tân Sở giao tranh, Sở ba trận đánh, ba lần thất bại, sử sách rành rành, nguy hiểm sao nổi! Mao Toại không những ở thế trên cao nhìn xuống làm cho vua Sở nhục muốn chui xuống đất, đồng thời còn khơi dậy sự phẫn nộ bùng bùng của nước Sở, từ đó kiên định quyết tâm hợp tung chống Tân của Sở vương. Hơn kẻ thù lớn đang nhìn trùng trùng dữ tợn (nước Tần), kẻ thù nhỏ (Mao Toại) kiếm tuốt, cung trương, tính mạng gắn liền nhau, không hợp tung liệu còn lối thoát nào khác?

Huệ Văn vương nước Triệu được báu vật ngọc bích Hòa Thị của Sở. Được tin Tần Chiêu vương liền viết thư cho Triệu vương, bằng lòng đổi 15 thành lấy ngọc bích. Vua Triệu bằng lòng đổi, song sợ Tần lừa; không đồng ý lại sợ Tần cất binh chinh phạt, nên do dự chưa quyết và muốn tìm người đi sứ sang Tần thương thuyết. Hoạn quan Mân Hiền tiến cử môn khách của mình là Lạn Tương Như. Triệu vương bèn triệu Tương Như đến và hỏi: "Tần vương muốn đổi 15 thành lấy ngọc bích, có đổi được không?" Lạn Tương Như đáp: "Tần mạnh còn Triệu thì yếu, nếu không thuận không xong". Vua Triệu nói: "Giả sử họ lấy ngọc bích của ta mà không giao thành thì sao?" Tương Như đáp: "Tần nếu đổi thành lấy bích, nếu Triệu không ưng thì lý sai ở Triệu. Triệu đã giao bích mà Tần không trả thành thì lý sai ở Tần. Hai bên tương đương. Chỉ bằng ta đồng ý để Tần gánh chịu tội danh không trao đất". Triệu vương lại hỏi: "Ai có thể đảm đương nổi nhiệm vụ này?" Tương Như đáp: "Nếu đại vương chưa chọn được người phù hợp, thần dám xin mang ngọc sang Tần. Thành trao cho Triệu thì ngọc ở lại Tần; nếu không trao thành, thần bảo đảm mang ngọc nguyên vẹn về Triệu". Triệu vương liền phái Tương Như mang ngọc sang Tần. Tần vương tiếp kiến Tương Như tại Chương đài. Tương Như cung kính dâng ngọc lên. Tần vương vui mừng khôn

tả, đưa ngọc cho các mỹ nhân và các đại thần tả hữu xem, sung sướng hoa chân múa tay, để mặc Tương Như đứng trơ một bên, không một lời nói tới việc trao thành. Tương Như thấy Tần vương không có ý muốn trao thành liền nói: "Trên viên ngọc này có vết dấu thần chỉ đại vương xem". Vua Tần trao ngọc sang tay Tương Như. Tương Như lùi ra sau, đứng dựa vào cột, nổi giận dửng dưng nói với Tần vương: "Đại vương muốn có ngọc Hoà Thị đã biên thư cử người đưa Triệu vương. Triệu vương đã triệu các văn võ đại thần thảo luận về việc này. Mọi người đều nói: "Vua Tần lòng tham không đáy, ỷ vào sức mạnh nước lớn, lấy lời hứa suông để lừa cướp ngọc bích, e rằng không lấy nổi 15 thành". Vì vậy đã quyết nghị không đổi ngọc. Riêng thần cho rằng, giữa những người áo vải còn chẳng lừa nhau, huống hồ giữa các nước lớn có trao đổi sứ thần. Hơn nữa, chỉ vì 1 viên ngọc khiến nước Tần không vui thì cũng là chuyện nhỏ nhặt mà mất lớn. Nên Triệu vương đã trai giới 5 ngày, tới phụng mệnh đi sứ sang Tần, trình quốc thư tại đại điện. Để làm gì? Nếu không phải là tôn trọng sự uy nghiêm của đại quốc các ngài nhằm làm cho quan hệ hữu hảo giữa 2 nước càng thêm hoà thuận. Thế nhưng như hôm nay đây thần tới quý quốc, đại vương lại tiếp thần tại quán xá tầm thường, nghi lễ ngạo mạn. Cầm được ngọc bích thì chuyển tay mỹ nữ xem ngắm để riếu cột ta. Ta thấy đại vương không có thành ý, do đó lấy ngọc lại. Nếu đại vương bức hiếp ta, ta sẽ đập đầu lún ngọc vào chiếc cột này". Nói đoạn, Tương Như tay cầm ngọc, mắt nhìn chằm chằm vào cột như định lao vào cột. Tần vương sợ Tương Như đập vỡ ngọc thật bèn xin lỗi và mong Như bớt giận, đồng thời lệnh quan chủ sự mang bán đồ ra, chỉ chỉ trỏ trỏ nói: "Từ đây trở đi 15 thành đều giao về nước Triệu" Tương Như nhìn mắt thấy vua Tần giả tạo, chỉ là sự lừa bịp, liền nói: "Ngọc Hoà Thị thiên hạ đều công nhận là trân bảo, Triệu vương tôi vì sợ uy của Tần quốc nên

đành phải đổi. Trước khi mang ngọc đi, vua tôi đã trai giới 5 ngày. Vậy đại vương cũng phải trai giới 5 ngày. Phải lập cửu tân lễ tại đại điện, tôi mới dám dâng ngọc". Tấn vương biết cường đoạt không xong bèn chấp nhận trai giới 5 ngày. Tương Như phân tích thấy vua Tấn tuy chấp thuận trai giới, nhưng nhất định sẽ không chịu giao thành, nên đã cử người cùng đi hoá trang, đi đường tắt mang ngọc về trước trao lại Triệu vương.

Đây lại là một mẫu mực nữa về sự khéo sáng tạo và lợi dụng môi trường quyền mưu mới, biến bị động thành chủ động, từ đó dùng cương chế cương. Nếu nói Mao Toại giận dữ mắng Sở vương và dùng dao kiếm uy hiếp bức vua Sở phải chấp nhận chủ trương hợp tung chống Tấn, không thiếu những lời hiểm nghị vô đạo lý trong thủ đoạn của Toại. Trong khi Lạn Tương Như trách mắng triều đình Tấn, mang được ngọc vẹn toàn trả lại Triệu, hệ thống công phòng của Như kín kẽ không chê vào đâu được. Theo lý luận của Mao Toại: Nước Triệu tôi cử người sang nước Sở các ngài để bàn chuyện hợp tung chống Tấn hoàn toàn là vì lợi ích của Sở (Thực thể Triệu đã bị khốn ở Đán Tịch), nếu không chấp thuận, ta sẽ chém đầu Sở vương các người tức khắc. Thế là lô-gíc gì vậy? Tương Như lại không như vậy. Việc đổi 15 thành lấy ngọc Hòa Thị là do nước Tấn nêu ra trước. Tương Như được nước Tấn mời mang ngọc sang. Vua Tấn được ngọc lại bội ước. Trong hoàn cảnh đó Tương Như đã dùng tiểu thuật lấy lại ngọc quý, tiếp tục đấu lý, trách mắng hành động thất ước, bất nghĩa của Tấn. Nước Tấn tuy mạnh, nhưng li gián, sao mà công kích được? Nếu Tấn cố tình chiếm đoạt thì Tương Như đã tựa lưng vào cột, chỉ trong nháy mắt có thể đập vỡ viên ngọc, làm tan vỡ ý muốn có ngọc của vua Tấn. Trong hoàn cảnh ấy, Tương Như tiến có thể công, thoái có thể thủ.

hệ thống công phòng chặt chẽ, nên mới có thể lấy cương chế cương, trả lại ngọc nguyên vẹn về Triệu.

Sau khi ngọc quý đã an toàn về tới Triệu, Tương Như càng có chỗ dựa, không lo sợ phê phán Tần; từng bước áp đảo, đẩy vua Tần vào thế bị động.

Sau khi vua Tần trai giới 5 ngày, quả nhiên một nghi lễ cầu tân đã được tổ chức tại đại điện. Vua phái người đi mời Lạn Tương Như - sứ giả nước Triệu. Tương Như lên đại điện, nói với Tần vương: "Quý quốc từ Mãn Công tới nay đã qua hơn 20 đời vua, nhưng chưa có 1 quân chủ nào giữ đúng minh ước. Thần thực sự lo ngại bị bệ hạ lừa khiến phụ lòng uỷ thác của Triệu vương, nên đã cho người mang ngọc về nước rồi. Bất quá Tần mạnh, Triệu yếu nên trước đây đại vương chỉ phái sứ giả sang Triệu, Triệu vương đã lập tức cử thần mang ngọc sang đây. Nay, nếu bệ hạ thực sự cắt 15 thành giao trước cho Triệu, lẽ nào nước Triệu lại dám không trả lại ngọc để mắc tội với đại vương? Thần biết mình đã lừa đại vương, tội đáng chết, mong bệ hạ áp dụng đại hình, chỉ mong Đại vương cùng các đại thần đắn đo, suy tính". Tần vương và các vị đại thần nghe xong, nhìn nhau, không giữ nổi sự kinh ngạc. Một số đại thần đòi hành quyết, Tần vương ngăn lại nói: "Dù có giết Tương Như cũng không lấy được ngọc, mà còn tổn thương quan hệ hữu hảo giữa 2 nước Tần, Triệu, chỉ bằng dùng hậu lễ đối xử, thả hân về. Triệu vương lẽ nào vì 1 viên ngọc mà lừa nước Tần ta sao?" Cuối cùng y lễ tiếp kiến Tương Như rồi tiễn Tương Như về Triệu.

Tần vương trai giới 5 ngày, Tương Như sẽ dâng ngọc. Đó là lời hứa của Tương Như. Nhưng lúc đó ngọc đã được đưa về nước. Để chuyển từ bị động thành chủ động, Tương Như đã đi từ xa đến gần, từng bước, từng lớp để rồi bản thân ở vào vị trí không thể bại.

Trước hết Tương Như vạch ra tính cách xấu xa bội ước của các quân chủ nhiều đời của nước Tần, nên để tránh không bị lừa, ông mới đưa ngọc về nước. Tiếp đó ông nêu lên dẫn chứng thực chứng minh nước Triệu giữ ước: trước tiên Tần vương phái sứ giả sang Triệu. Triệu vương lập tức cử người mang ngọc sang. Bây giờ bệ hạ quả thực có thành ý thì hãy cắt thành cho Triệu trước. Triệu sao dám vì một viên ngọc mà phạm tội trước nước Tần? Cuối cùng, Tương Như biết đã bảo toàn được ngọc quý rồi, thì không chắc có thể bảo toàn được tính mạng, bất khuất vì nghĩa lớn, ông xin chịu tội. Danh bất chính tắc ngôn bất thuận. Tương Như từng câu đều có lý, từng điều đều có căn cứ. Tần vương sao có thể bất chấp danh bất chính mà giết Tương Như? Hơn nữa ngọc quý đã mất, giết Tương Như phóng có ích gì?

Hai nước Tần, Triệu luôn có giao tranh, lúc chiến, lúc hoà. Một lần, Tần vương phái sứ giả đến gặp Triệu vương, hy vọng hòa hiếu với Triệu, đồng thời mời Triệu vương đến Mãnh Trì phía nam tây Hà cùng Tần vương hội kiến. Vua Triệu sợ Tần, không muốn đi. Lạn Tương Như và Liêm Pha khuyên: "Nếu đường không đi chỉ càng thể hiện thể nước Triệu bạc nhược, vua hèn nhất". Triệu vương đành phải lên Đại vương đi Mãnh Trì, Lạn Tương Như đi cùng. Vua Triệu và vua Tần hội kiến tại Mãnh Trì. Tần vương khi rượu đã ngà ngà liền nói với Triệu vương: "Quả nhân nghe nói Triệu vương thích âm nhạc, xin mời dạo một khúc cho vui tiệc rượu". Triệu vương dạo xong, sử quan nước Tần bước lên ghi rằng: "Ngày x tháng x năm x Tần vương và Triệu vương hội kiến, ra lệnh Triệu vương chơi đàn". Lạn Tương Như thấy vua mình bị làm nhục, lập tức bước tới trước mặt Tần vương nói: "Triệu vương nghe nói Tần vương rất sành diễn tấu âm nhạc nước Tần, tôi xin gõ nhịp, mời bệ hạ diễn tấu để bày tỏ sự hoà đồng". Tần vương rất bực và dứt khoát

cực tuyệt. Lạn Tương Như tiến gần lại một bước, ôm bộ gõ, quỳ xuống mời, Tần vương vẫn không chịu. Lạn Tương Như nghiêm giọng nói: "Nếu bệ hạ không biểu diễn, thần sẽ lấy máu nóng ngực này vấy lên mình bệ hạ đó". Tà hữu vệ sĩ của Tần vương đều vung dao muốn giết Tương Như. Tương Như mắt tròn trợn, nghiêm giọng chửi mắng, khiến bọn họ cứ lùi dần. Tần vương không còn đường nào khác, miễn cưỡng gõ vài nhịp. Lạn Tương Như quay đầu gọi sứ quan nước Triệu lại ghi: "Ngày x tháng x năm x Tần vương đã gõ phách cho Triệu vương nghe". Quân thần nước Tần hô to: "Hãy dùng 15 thành của nước Triệu để chúc thọ Tần vương!" Lạn Tương Như liền nói: "Hãy lấy Hàm Dương để chúc thọ Triệu vương!" Cho tới khi tiệc rượu kết thúc, từ đầu tới cuối nước Tần vẫn không chiếm được thế thượng phong. Cộng thêm sự chuẩn bị chiến đấu nghiêm ngặt nên bên Tần cũng không dám tùy tiện manh động.

Đây vẫn là lấy cương chế cương. "Cương" sao có thể chế "Cương?" Phải trong trường hợp so sánh giữa hai bên cùng "Cương", nhưng một bên "Cương" hơn. Bên "Cương" hơn không chiếm ưu thế toàn cục mà chỉ cục bộ, 2 bên riêng biệt. Hãy lấy cuộc hội kiến Mãnh Trì làm thí dụ: tiềm lực nước Tần mạnh, quân đội hùng hậu, quân chúng ủng hộ, điều mà nước Triệu không thể bì. Song Lạn Tương Như luôn giữ được ưu thế gián cách giữa mình và vua Tần chỉ trong gang tấc, trong nháy mắt khi vua Tần đang đắc ý bắt vua Tần diễn tấu. Đứng về ưu thế chỉ trong phút chốc có thể uy hiếp được tính mạng Tần vương của Lạn Tương Như mà xét, há chẳng phải nước xa không cứu được lửa gần, hoàn toàn biến thành không mất tác dụng sao? Trong tình huống toàn cục hoàn toàn ở vào thế yếu vẫn hiên ngang bất khuất, lấy cương đối cương, đó là sự mưu trí tuyệt vời của Lạn Tương Như.

Tần Thủy Hoàng từng phái sứ giả đến gặp An Lãng quân, nói: "Tần vương muốn dùng 500 dặm đất để đổi lấy An Lãng, bệ hạ có ủng hộ không?" An Lãng quân nói: "Đại vương thành tâm lấy to đổi nhỏ, thật hiếm có. Tuy vậy ta thừa kế đất đai của tiên vương để lại, nguyện mãi mãi giữ lấy, không dám tùy tiện đổi chác cho người". Sứ giả về báo cáo Tần vương, Tần vương rất khó chịu. An Lãng quân liền cử Đường Thả đi sứ Tần để giải thích thêm. Tần vương bảo Đường Thả: "Quả nhân muốn đổi 500 dặm đất lấy An Lãng mà An Lãng quân lại không thuận, nguyên nhân làm sao? Tần đã diệt nước Hàn, tiêu vong Ngụy. An Lãng quân chỉ có 50 dặm còn lại là do ông ta là hậu duệ nhà Chu, là trưởng, nên ta không để tâm. Nay ta dùng diện tích gấp 10 lần để mở rộng bờ cõi của nước người, thế mà An Lãng quân vẫn cự tuyệt. Phải chăng coi thường quả nhân?" Đường Thả đáp: "Không đúng, không có ý ấy. An Lãng quân thừa hưởng đất đai của tiên vương để lại, dù 1000 dặm cũng không đổi hướng hổ 500 dặm". Tần vương cả giận nói: "Người có nghe nói ra sao khi thiên tử nổi giận không?". Đường Thả đáp: "Chưa!". Tần vương nói: "Một khi thiên tử nổi nóng có thể khiến trăm vạn thân chết, máu chảy ngàn dặm". Đường Thả nói: "Đại vương có nghe nói ra sao khi người dân áo vải nổi giận không?" Tần vương đáp: "Dân áo vải nổi giận bất quá là đầu trần, chân đất, vô kế khả thi, đập đầu xuống đất mà thôi". Đường Thả nói: "Đó là người tầm thường chứ không phải là hiệp sĩ. Bệ hạ không thấy Chuyên Chư đâm Vương Liêu, huệ tinh tập nguyệt (sao chổi công kích mặt trăng); Nhiếp Chính đâm Hàn Khôi, trường hồng quán nhật (cầu vồng lớn xuyên mặt trời); Yên Ly đâm Khánh Kỵ, thương ưng phốc đảo diện hạ (chim ưng xanh vỗ hoàng thân). Ba người này đều dân áo vải. Họ khi bức nhưng chưa nổi giận, điểm lành từ trên trời rơi xuống, hôm nay sẽ có thêm một vị hiệp sĩ nổi giận. Hôm nay nếu ta nổi giận thì 2 người

sẽ bỏ mạng, máu chảy dài 5 thước, cả nước đều bận tang phục, bây giờ đã đến lúc rồi". Nói xong rút kiếm đứng lên. Vua Tần tái nhợt, thất kinh run cầm cập, quỳ xuống, luôn mồm xin lỗi: "Mời tiên sinh ngồi, mời ngồi! Sao lại đến cơ sự này? Hôm nay quả nhân đã hiểu rồi: Hàn, Ngụy tuy lớn mà bị mất, trong khi An Lăng chỉ có 50 dặm mà vẫn tồn tại là vì có tiên sinh vậy".

Đây là dạng lấy cương cục bộ đổi cương toàn cục. Nhưng cái cương toàn cục trong môi trường quyền mưu nhất định đã mất tác dụng, do đó cục bộ mới có "cương" được. Tần vương uy nước lớn uy hiếp Đường Thả: "Một khi thiên tử nổi nóng có thể khiến trăm vạn phơi thây, máu chảy ngàn dặm". Ý muốn nói: Nếu anh không chấp thuận điều kiện của tôi, tôi sẽ làm anh mất nước, mất giống. Song Đường Thả đã dựa vào điều kiện có lợi là ngôi đối mặt với vua Tần, không hề tỏ ra yếu hèn, tương kế nói: "Cái giận của hiệp sĩ tôi tuy không thể khiến trăm vạn phơi thây, nhưng lại có thể khiến nhà ngươi - Tần vương ngạo mạn đơn độc trong nháy mắt mất mạng, dân cả nước ngươi phải mặc tang phục, uy thiên tử của ngươi còn đâu nữa mà ra oai? "Nói xong, đứng lên, rút kiếm tỏ ý nói là làm. Trong hoàn cảnh này dù Tần vương uy phong lẫm liệt chấn động thiên hạ cũng chỉ còn cách tỏ ra hèn yếu mà thôi.

9

THẺNG VÀ CONG

Bất luận lúc nào, con người cũng có hành vi nào đó, tất nhiên đều theo một đường hướng nhất định. Đường hướng đó có thể phân ra 2 loại: Thẳng và cong. Thẳng là đường trực tiếp, cong là gián tiếp. So sánh 2 loại, đường lối trực tiếp được ứng dụng rộng rãi hơn, song đường lối gián tiếp lại càng có ý vị sâu xa hơn.

Chúng ta đọc "Đạo đức kinh" của Lão tử, thấy có đoạn đáng chú ý sau: "Tương dục hấp chi, tất cố tương chi; tương dục nhược chi, tất cố cường chi; tương dục phế chi, tất cố hưng chi. Thị vị vi minh. "Đối với đoạn văn trên giải thích thế nào đây? Trong giới nghiên cứu Lão học từ trước đến nay vẫn tồn tại những lí giải khác nhau. Một bên cho rằng chính trị, nhân sinh quan của Lão tử có hàm ý đối trá. Bên khác lại cho rằng, tự nhiên, vũ trụ quan của Lão tử mục đích nhằm vạch ra quy luật "vật cực tất phản" (sự vật phát triển đến cực điểm sẽ chuyển hoá theo hướng ngược lại). Chúng tôi tán thành ý kiến trước. Đại ý câu nói trên của Lão tử là: muốn thu lại thì tạm thời làm phải khuyếch trương lên; muốn làm yếu đi thì tạm thời cho mạnh lên; muốn phế bỏ thì tạm thời làm cho hưng

thịnh lên; muốn giành lấy phải tạm thời cho đi. Đó là mưu kế sắp sẵn thâm sâu. Do đó có thể thấy, dùng đường lối gián tiếp lấy công làm thắng giống như "nhu yếu thắng cương mạnh", "Vô vi nhi vô bất vi" (Không gì cả mà cái gì cũng làm được) đều là tinh hoa về chính trị, nhân sinh quan của Lão Tử.

Vấn đề cốt lõi của đường lối gián tiếp là ở chỗ chủ thể quyền mưu thông qua hành động vòng vo nhất định để phá vỡ tính ổn định nội tại của khách thể quyền mưu. Tính ổn định này nhiều tầng lớp, không những biểu hiện trên tầng mặt của vật chất, mà còn biểu hiện trên tầng mặt tinh thần. Vì vậy chủ thể quyền mưu dù áp dụng hành vi gì đều phải có tính định hướng rõ ràng. Chỉ có như vậy mới có thể làm cho khách thể quyền mưu bị suy yếu nào đó về vật chất, hoặc xảy ra dao động nào đó về tinh thần, để cuối cùng tạo điều kiện thuyết phục hoặc chinh phục khách thể quyền mưu. Qua sự phân tích cụ thể dưới đây, chúng ta sẽ rất dễ dàng hiểu được đạo lý này.

1. NỐI LIÊN TÂM LINH: CẦU

Trên thế gian đa dạng muôn màu của chúng ta có một bộ phận quyền mưu được thường xuyên sử dụng. Về phương thức truyền đạt có khi khúc khuỷu quanh co, không thể nhìn xuyên tới đáy được. Thoạt nhìn, lời nói hành động này với lời nói hành động kia không liên quan gì với nhau; trên thực tế giống như 1 chiếc cầu nối liền tâm linh của con người, nối liền những hành vi vốn bị nước ngăn cách. "Mọi con đường đều dẫn tới La Mã", không đi đường này thì đi đường kia. Người có đầu óc thông minh đứng trước vấn đề khó khăn nan giải, thường thông qua con đường gián tiếp đạt đến kết quả như dự kiến.

Yên Chiêu vương muốn chiêu một hiền sĩ trong thiên hạ, đến xin ý kiến Quách Quỷ. Quách Quỷ bảo: "Vị quân vương lập được nghiệp để đối xử với hiền sĩ như đối với thầy dạy; quân vương lập nghiệp vương đối với hiền sĩ như bè bạn; quân vương lập nghiệp bá đối với hiền sĩ như bảy tôi; quân chủ vong quốc thì coi hiền sĩ như tôi tớ. Đại vương có thể tuyển chọn hiền sĩ rộng rãi trong nước, tự thân chinh đi bái kiến, hiền sĩ thiên hạ biết tin sẽ lục tục kéo đến quy phục Yên quốc". Chiêu vương vội hỏi nên bái kiến người thế nào trước. Quách Quỷ đáp: "Thần nghe nói ngày xưa có một ông vua bỏ 1000 vàng mua 1 con ngựa, nhưng 3 năm vẫn không mua được. Một viên hầu cận xin đi tìm mua: 3 tháng sau mất 500 tiền mua về 1 bộ xương ngựa chết. Ông vua nọ nổi giận nói: "Ta cần là cần 1 con thiên lý mã. Nhà người mua đóng xương ngựa này về làm gì?". Người cận hầu đáp: "Mua bộ xương ngựa mà tốn 500 tiền, thiên hạ nhất định hiểu rằng đại vương cần ngựa là thực tâm. Thiên lý mã sẽ có ngay được." Quả thực trong vòng 1 năm đã mua được rất nhiều thiên lý mã. Ngày nay, Đại vương chiêu mộ hiền sĩ xin hãy bắt đầu từ thần đây. Một người như thần mà còn được trọng dụng thì những người tài giỏi hơn thần ắt sẽ không ngại đường xa nghìn dặm tìm đến nước Yên". Chiêu vương bèn xây cung thất cho Quách Quỷ và coi Quách Quỷ là thầy trong cư xử. Sau khi tin này bay tới các nước chư hầu, Trâu Diên, Kịch Tân lần lượt từ Tề, Triệu về quy phục nước Yên. Còn có nhiều hiền sĩ khác cũng thi nhau tìm đến Yên.

Trong xã hội truyền thống, nhân tài là công cụ của đế vương phong kiến dùng để trị quốc yên dân, nên thường được ví là "thiên lý mã". Chuyện kể của Quách Quỷ gợi ý cho chúng ta một điều: chỉ cần thực tâm thành ý làm sẽ có được sự tín nhiệm và danh dự, chỉ cần có được lòng tin và danh dự mới có thể đạt được như ý. Mất

500 tiền mua về 1 bộ xương ngựa, từ đó có được rất nhiều thiên lý mã. Đó thực sự là ném vàng đổi lấy ngọc chứ không phải là ném gạch lấy ngọc (thả con săn sắt bắt con cá sộp). Yên Chiêu vương trong thâm tâm hiểu rõ: đối xử với Quách Quỷ như thầy là con đường gián tiếp chọn nhân tài. Ai trong số hiền sĩ thiên hạ không ước ao dải ngọc của Quách Quỷ? Liệu có ai không ngưỡng mộ và tôn kính sự anh minh như thần của Yên Chiêu vương? Vì vậy, về tâm linh họ đã nối liền được với Chiêu Vương, ào ạt về với nước Yên. Không lấy làm lạ khi có người bình luận: "Quách Quỷ thông tỏ thuật tập hợp trí sĩ, có khí phách bậc đại thần hiền hách, xứng đáng là chủ soái thiên hạ".

Sở Trang vương mở yến tiệc khoản đãi quần thần. Vua lệnh với mỹ nhân được sủng ái ở hậu cung ra tiếp rượu. Đêm xuống lại đốt nến uống tiếp, quần thần ai ai cũng vui mừng, phấn khởi. Bỗng một trận gió thổi tới làm nến tắt cả, phòng tiệc tối như mực. Một mỹ nữ trong khi tiếp rượu, trong bóng đêm bị ai đó kéo tay áo. Kêu không ra tiếng, nàng liền giơ tay giật đứt dải mũ người ấy rồi đến khóc, tố cáo với Trang vương, đề nghị thấp nển xem ai bị đứt dải mũ để xử tội. Trang vương trầm nghĩ: để chứng tỏ trình tiết của một phụ nữ mà làm nhục một đại thần của mình trước cả văn võ bá quân, e rằng không thỏa đáng. Nhân lúc còn tối đèn, vua nói với quần thần: "Chư vị nhất thiết phải vui cho thật thoải mái, say mới thôi. Lúc đó mũ ai còn dải là uống chưa đạt". Các số đại thần muốn cho mua vui, nên đã dứt đứt dải mũ của mình. Đến khi nến thấp lên, vị đại thần đã có hành động cợt nhả với mỹ nữ tự nhiên đã được bảo vệ.

Sở Trang vương nhanh trí biết bao! Trong thời gian đợi thấp sáng, bằng đôi lời mời rượu mà giải thoát được vị đại thần nọ. Thử nghĩ, vị đại thần kia nếu lúc đó chưa say thì trong lòng nhất định rất

hội họp, dài mũ bị giật mất, có lẽ không cần phải đợi mũ nữ tố cáo, cũng sẽ tự nhận tội trước Trang vương. Sở vương không muốn để chuyện khó chịu đó ảnh hưởng đến không khí buổi tiệc rượu đã khuyến ngay mọi người vui thoải thích, đồng thời lấy việc dài mũ còn mất làm tiêu chuẩn đánh giá uống rượu đạt hay không. Đây là kế sách của Trang vương. Để đạt tiêu chuẩn uống đủ, mọi người nào nức dút bỏ dài mũ của mình. Làm như vậy thì vị đại thần nọ mới giấu nổi hành vi thô thiển của mình. Thật là vàng thau lẫn lộn, lấy số đông che cho thiếu số. Việc làm của Sở vương khiến vị đại thần nọ vô cùng cảm kích. Nghe đâu về sau quân Sở đánh nước láng giềng, vị đại thần kia hăng hái đi đầu, 5 trận giết tướng, khiến quân địch nghe tiếng đã khiếp đảm, lập chiến công cho nước Sở.

Cuối thời kỳ Xuân Thu, vùng đông bắc là chiến trường Ngô Việt tranh hùng. Trước là nước Ngô đánh bại Việt, sau là nước Việt thôn tính nước Ngô. Lúc đánh lúc hoà, kéo dài mấy chục năm. Việt vương Câu Tiễn đã mang nhục vong quốc, bản thân phải làm nô bộc của Ngô vương. Để không quên nhục mất nước, Việt vương đã diễn màn "Nằm gai nếm mật", ra sức phấn đấu để vươn lên giàu mạnh. Để nước giàu binh mạnh, ông lại đạo diễn màn "10 năm sinh tỵ, 10 năm giáo huấn". Cuối cùng, để khích lệ quân Việt đánh bại cừu địch, ông còn diễn màn "Trọng ếch có khí phách, khích lệ ba quân".

Nước Việt trải qua 10 năm sống đoàn tụ, nước cường thịnh, tinh thần chúng dân phấn chấn, nên Câu Tiễn quyết định xuất quân phạt Ngô. Quân Việt vừa ra khỏi kinh thành, Câu Tiễn nhìn thấy trên mặt đường một con ếch lớn, mắt tròn xoe, da bụng căng như trống, rất giống người lúc giận dữ. Câu Tiễn nghĩ ra một kế: tay chống thành trước xe, đứng dậy làm ra vẻ tự thấy kính phục, chào ếch. Tà hữu không hiểu, vội bước lên hỏi. Câu Tiễn nói: "Các người

nhìn con ếch đang giận dữ kia, giống như một dũng sĩ khát khao chiến đấu, khiến ta thương xót kính chào". Toàn quân trên dưới biết chuyện này náo nức truyền nhau: "Đại vương kính trọng một con ếch giận dữ như vậy, đủ biết tâm trạng căm giận Ngô vương của người. Đời ta được nuôi dưỡng, giáo dục hơn 10 năm trời há lại không bằng một con ếch sao?". Lúc đó vợ tiền chồng, bố dạn dò con, cả nước trên dưới đồng tâm hiệp sức. Tướng sĩ động viên nhau hăng hái, dũng cảm chiến đấu nên nhanh chóng diệt xong Ngô.

Đây vốn là một chuyện nhỏ, có lẽ không có tác dụng lớn đến thế. Song đối với tướng sĩ đi theo, vô tình gây nên một ảnh hưởng nhất định. Câu Tiễn dùng hành động kính chào ếch để khích lệ quân Việt là đường lối gián tiếp. Quân sĩ Việt ví mình với ếch, nảy sinh một cách tự nhiên quyết tâm chiến đấu vì Câu Tiễn. Chỗ dựa của hành vi vì cái này với cái kia không phải là sự tăng giảm lực lượng vật chất mà là sự nối liền về mặt tâm linh với nhau giữa mọi người. Câu Tiễn qua một cử chỉ nhỏ nhỏ của mình, khiến ý chí chiến đấu từ trên tới dưới trong quân Việt bỗng nhiên tăng cao.

Thời kỳ Chiến quốc là thời đại biến đổi, cái cách lớn. Để thúc đẩy sự biến cách xã hội, đẩy nhanh quá trình nước giàu bình mạnh, giai cấp thống trị các nước tương kế tiến hành hàng loạt hoạt động biến đổi luật pháp. Về cơ bản mà nói, biện pháp có thành công hay không, không những tùy thuộc vào các chính sách, biện pháp có phù hợp với nhu cầu của xã hội hay không, bệnh nào thuốc này mà còn tùy thuộc vào dân chúng có hiểu được, có tin cậy và ủng hộ những chính sách, biện pháp đó hay không. Nếu dân không hiểu, không tin cậy và ủng hộ thì bất cứ chính sách, biện pháp nào cũng khó thực hiện được triệt để. Vì vậy một số nhà chính trị có tầm nhìn xa ngay thời kỳ đầu triển khai hoạt động biến pháp, đều phải tìm

phương nghĩ cách tranh thủ sự lý giải, tin cậy và ủng hộ của dân để thực hiện các chính sách, biện pháp một cách thuận lợi.

Tân Hiếu công năm thứ 12 (350 năm trước công nguyên). Thương Ưởng thân làm đến tá thứ trưởng và thực hiện biện pháp nước Tân. Trước khi công bố tân pháp, ông dựng một cột gỗ cao 3 trượng ở cửa Nam kinh đô Hàm Dương, ra lệnh ai mang được cột sang cửa Bắc sẽ thưởng 10 dật (mỗi dật bằng 20 lạng) vàng. Cáo thị dán xong, người xem rất đông, xong không ai di cột cả... Thương Ưởng tăng tiền thưởng lên 50 dật. Người xem càng hoài nghi, không rõ nhằm ý đồ gì. Duy có một người cày có sức khỏe, lấy sức bê được cột sang cửa Bắc. Thương Ưởng được tin liền mời người đó đến, khen anh ta đã tin mệnh lệnh phủ quan và lập thưởng đủ số vàng. Tin này không cánh mà bay, nhanh chóng truyền tới mọi nơi trong nước. Dân chúng đều nói: "Tà thứ trưởng nói là làm, chúng tôi đã tính sẵn rồi". Do đó sau khi Thương Ưởng công bố tân pháp, mọi người tuy có đôi chút giật mình, xong tin tưởng tân pháp sẽ thực hiện được.

Chuyện này thường có tên gọi là "Đổ mộc lập tín". (tay không vác cột để xác lập lòng tin). Thực ra chuyện tay không chuyển cột và việc thay đổi luật pháp chẳng có chút liên quan gì, nhưng ở đây lại có liên hệ kỳ diệu với Thương Ưởng. Tay không vác cột thực ra là chuyện vặt, chỉ là chuyện nhỏ mà Thương Ưởng trọng thưởng nhiều vàng, khiến dân chúng thấy kinh ngạc và coi cáo thị của phủ quan là trò đùa. Nhưng rồi có người đã vác được cột sang cửa Bắc, chỉ một chút công mà đổi lại được 50 dật vàng. Điều này làm mọi người càng kinh ngạc. Từ đó không dám coi cáo thị của phủ quan là trò đùa nữa. Như vậy là Thương Ưởng về mặt tâm lý xã hội đã xác lập được lòng tin của dân đối với phủ quan, đồng thời cũng giành được sự lý giải và ủng hộ rộng rãi của xã hội trong việc tiến hành

thuận lợi chính sách, biện pháp mới. Đó là nguyên nhân quan trọng giúp Thương Ưởng biến pháp thành công.

Đầu đời Hán, Lưu Bang bình định thiên hạ và bắt đầu bình công khen thưởng. Hơn 20 người có công tương đối lớn đều được phong đất, số còn lại đang tranh cãi công ai to, ai nhỏ, nên không có cách nào phong thưởng được. Một hôm, Lưu Bang từ trên lầu nam quan Lạc Dương nhìn thấy chư tướng tùm năm tùm ba ngồi trên bãi cát thăm thì bàn tán rất ý hợp tâm đầu, liền hỏi Lưu hầu Trương Lương: "Họ đang bàn gì vậy? " Trương Lương đáp: "Bệ hạ không biết sao? Họ đang bàn làm phản đó!" Lưu Bang lại hỏi: "Thiên hạ vừa mới yên bình, sao lại làm phản? " Trương Lương đáp: "Bệ hạ xuất thân dân thường dùng số người này lấy thiên hạ, đến nay những người được phong thưởng đều là những người mà thân cận được bệ hạ ưa thích như Tiêu Hà, Tào Tham, trị tội đều là những người bệ hạ thù hận. Vì vậy các tướng lĩnh trong quân vẫn lo bệ hạ không khen thưởng tất cả, sợ truy cứu sai phạm trước kia, cuối cùng sẽ bị giết, nên họ tụ tập nhau lại bàn cách làm phản đó!" Lưu Bang nghe đoạn, thất kinh, hỏi Trương Lương nên làm thế nào cho phải. Trương Lương hỏi lại: "Thuở bình sinh ai là người bệ hạ ghét nhất mà mọi người đều biết?" Lưu Bang đáp: "Ung Sĩ với ta có thù cũ, nhiều lần làm ta khốn đốn. Nhiều lần ta muốn giết đi, xong nghĩ hân có nhiều công lao nên vẫn không nỡ". Trương Lương tiếp: "Nay bệ hạ hãy nhanh chóng phong thưởng Ung Sĩ để tỏ rõ cho các chủ tướng hiểu. Mọi người thấy Ung Sĩ cũng được phong sẽ an tâm". Lưu Bang liền mở tiệc liên hoan chiêu đãi quần thần, trong buổi tiệc phong Ung Sĩ là Thập Phương hầu, đồng thời thúc thừa tướng, ngự sử nhanh chóng bình công khen thưởng. Các tướng lĩnh ra về đều hể hả nói: "Ung Sĩ còn được phong hầu, chúng ta còn gì phải bận tâm nữa".

Tư Mã Quang đời Tống bình: "Trương Lương là mưu thần của Cao đế, được coi là tâm phúc, chả trách biết gì đều nói cả. Nghe tin chư tướng mưu phản, phải đợi khi Cao đế tai nghe mất thấy, sau đó mới nói ra chăng? Khoảng thời kỳ đầu Cao đế lấy được thiên hạ, nhiều lần dựa vào sự yêu ghét để thưởng phạt cũng có khi hại tới việc công, quần thần thường có tâm lý oán trách, lo sợ cho mình. Lương nhân việc ấy tỏ tâm lòng trung để thay đổi ý kiến đế, khiến bề trên không a dua với chuyện riêng tư, dưới không sợ bị hại, quốc gia không lo lắng, lợi cho hậu thế.

Đó là biện chứng do sự thực lịch sử tạo nên với mục đích nêu lên bộ mặt vốn có của lịch sử. Chúng ta đứng về mặt quyền mưu học mà xét, Trương Lương khuyên Lưu Bang phong cho Ung Sĩ hoàn toàn là sự suy nghĩ xuất phát từ sách lược riêng của mình. Ung Sĩ vốn là kẻ thù của Lưu Bang. Lưu Bang vẫn muốn cho về côi chết. Nay do tình thế bức bách, lại phải phong hầu cho Ung. Đây là sự chuyển biến lớn trong lòng Lưu Bang. Lại xét về những tướng lĩnh ôn ào kia, họ vốn cho rằng việc luận công khen thưởng của Lưu Bang không quang minh chính đại, nay lại thấy Lưu Bang phong thưởng cả cho kẻ thù của mình thì tự nhiên cảm thấy có hy vọng được phong nên cũng chẳng xông xáo làm gì nữa. Qua đó, thấy Lưu Bang và chư tướng đều có chuyển biến về mặt tâm lý, là sự phong riêng cho Ung Sĩ đến triển khai đồng bộ. Kết quả của sự chuyển biến này khiến sự vướng mắc giữa Lưu Bang và chư tướng được giải quyết, sự biến cố khả năng xảy ra hoàn toàn tiêu tan.

Thời Đông Hán, quan thứ sử Kinh Châu là Độ Thượng nhận lệnh triều đình dẫn quân đội ngấm những người tộc Tông của mình đi dẹp bọn phiến loạn Bộc Trử, Phan Hồng. Trong quá trình chiến đấu một bộ phận sĩ tốt cướp được rất nhiều của cải, trong người quân hàng vạn quan tiền, ý chí chiến đấu giảm sút. Độ

Thượng phát hiện, bụng nghĩ: trước mặt là kẻ thù mà sĩ khí giảm sút ắt sẽ thất bại. Nghĩ vậy, Độ Thượng liền lệnh cho quân sĩ nghỉ ngơi, vào rừng săn bắn, quân sĩ mừng rỡ, náo nức rời doanh trại đi chơi. Lúc ấy Độ Thượng sai một số binh sĩ thân tín đóng giả lính địch tập kích doanh trại, đốt sạch những cửa quý mà binh sĩ cất dấu. Đi săn về thấy cửa quý mất hết, binh sĩ khóc không thành tiếng, căm uất vô cùng. Độ Thượng liền phát tiền trợ cấp, động viên sĩ tốt: "Căn cứ của bọn Bộc Trử, Phan Hồng của cái châu báu vô vàn, chỉ cần chúng ta đoàn kết một lòng, đánh chiếm được doanh trại bọn chúng, chúng ta sẽ trở về chẳng thiếu thứ gì. Hôm nay mất một số thứ vật vãnh, có gì phải bận tâm ca thán". Quân sĩ nghe xong, sĩ khí bừng bừng, quyết phen sống mái. Độ Thượng phát động công kích, nhanh chóng đánh chiếm được doanh trại của Bộc Trử và Phan Hồng.

Sách "Thảo lư kinh lược" gọi Hành động này là "ngu chúng", cho rằng "phàm những điều hay trong công thủ nên dựa vào ba quân để làm, không để ba quân biết" "Cái gọi là việc quân giữ cho bí mật, cốt sĩ tốt có mắt như đui mù, khiến họ không sợ địch, hoặc kích động họ phản chấn, hoặc dụ họ theo mình; khen thưởng không theo luật khiến kẻ tham quên mình; ra lệnh không theo chính trị khiến bọn nhát gan mạnh dạn theo, phần lớn làm lung lạc nhân tâm, cổ vũ sĩ khí ba quân, như xua đàn dê, xua đi, xua lại, không biết đầu mà lần.

Những điều phân tích rất hữu ích đối với chúng ta trong việc nhận thức động cơ hành vi dùng quyền mưu để "ngu dân" ngu binh "của những người thống trị trong thời đại truyền thống.

Khi Hán Linh đế còn trị vì, hoạn quan nằm trong triều chính, tùy ý bổ nhiệm, miễn nhiệm quan chức, nhiều người muốn một bước lên quan đều ra sức xu nịnh họ. Trung thượng thị Trương Nhượng quyền

uy hiên hách, trong nhà rất nhiều gia nô giúp việc, nhận hối lộ. Có nhà phú hào tên Mạnh Đào gia tư giàu có, nhưng không có ấy một nửa chức quan. Vì muốn quan hệ với Trương Nhượng, trước hết hẳn mua chuộc lấy lòng gia nô họ Trương, hối lộ chúng nhiều thứ. Bọn gia nô rất cảm kích, hỏi ông ta có cần giúp đỡ gì. Mạnh Đào đáp: "Tôi chỉ mong đến lúc nào đó các người lay ta một lay thôi". Không lâu sau, Mạnh đến xin gặp Trương Nhượng thấy rất nhiều khách cũng đang đợi ở đó, liền đến thẳng tới chỗ bọn gia nô. Bọn gia nô vừa nhìn thấy Mạnh đến vội vàng tiến ra và cùng quỳ lay bên đường, sau đó cùng Mạnh đánh xe vào cổng. Những người khách đang đứng đợi thấy thế đều nghĩ là Mạnh rất thân với Trương liền tranh nhau biếu Mạnh của ngon vật lạ. Có được quà biếu, Mạnh biếu Trương một số. Trương nhận được trọng lễ rất vui, liền bổ nhiệm Mạnh giữ chức Thứ sử Lương Châu. Trong chuyện có hai nhân vật Mạnh Đào và Trương Nhượng, một là người xin chức, một là kẻ đương quyền. Nhân cách của cả hai đều rất ti tiện. Trương Nhượng thân phận hoạn quan, toan tính ăn hối lộ, tùy ý mua quan bán chức, tạo cơ hội cho Mạnh Đào lên hàng quan chức. Mạnh Đào tự biết trực tiếp kết giao với Trương rất khó, nên đã chọn con đường vòng; trước hết để mắt đến bọn gia nô, vì có được sự trọng vọng của chúng mới được chúng khách chăm trở nhìn theo; lại nhờ sự thi nhau nịnh bợ của chúng khách mới có được cái vốn lớn hơn trước Trương Nhượng. Cuối cùng được đến bù như ý nguyện. Quả là tiểu nhân khéo dụng tâm, vừa được của lại được quan, quyền mưu không phụ kẻ hữu tâm vậy.

2. MƯỜN NGƯỜI THỨ BA

Sức lực một người là nhỏ bé không đáng kể, song nếu khéo lợi dụng sức của người thứ 3 thì có thể thắng hết đối thủ này đến đối thủ khác, đạt mục đích này đến mục đích khác. Gọi là "Giả tá"

(mượn) với tư cách hạt nhân của quyền mưu là ở chỗ lợi dụng đầy đủ sức mạnh của người thứ 3. Trong tiếng Hán hiện đại có một số thành ngữ như: "mượn dao giết người" (ném đá giấu tay), "Cáo giả oai cọp", "mượn hoa dâng phật" (của người phúc ta), "mượn xác hoàn hồn" (mượn danh người khác để thể hiện mình), "Giả đạo phật Quắc" (mượn đường đánh nước Quắc) đều bao hàm lớp nghĩa này. Người thứ 3 có thể là người, cũng có thể là vật, là một hành động hoặc sự việc. Chủ thể quyền mưu muốn áp dụng phương thức "mượn" để đạt mục đích của mình, trước hết phải tìm người thứ 3 đứng ngoài 2 bên quyền mưu.

"Mượn dao giết người" là một trong "36 kế". Giải thích theo nghĩa của từ là nhờ bàn tay người khác giết kẻ thù của mình. Trên thực tế, sức lực mà người ta nhờ cậy có từ bao nhiêu nguồn: có thể là sức bạn bè, hoặc là sức của kẻ thù, có thể là sức của cá nhân hoặc là sức của tập thể. Trong từng môi trường quyền mưu khác nhau, chủ thể quyền mưu tùy tình huống cụ thể có thể linh hoạt vận dụng.

Thời Xuân Thu, Vệ Quốc công Châu Hưu thông đồng với Thạch Hậu giết Vệ Hoàn công khi ông này chuẩn bị đi hội triều với thiên tử nhà Chu rồi tự lập mình làm công. Thạch Hậu làm Thượng đại phu. Dân nước Vệ biết tin, tỏ ra bất phục. Thạch Hậu nghĩ cha mình là Thạch Tích, là thượng khanh thời tiên vương, vốn được dân trong nước tin phục, liền chuẩn bị lễ vật rất hậu để Châu Hưu mang đến biểu, mời Thạch Tích ra giúp triều chính. Thạch Tích cáo bệnh, kiên quyết không nhận. Thạch Hậu bèn đến hỏi ý kiến cha về sách lược trị quốc an bang. Thạch Tích thâm nghĩ: Châu Hưu giết vua tự lập chức, con mình thì giúp Trụ làm việc áo; nếu không trừ khử thì loạn thần tặc tử sẽ theo nhau gây tội ác. Thế là ông bày cho Thạch Hậu cách nhờ nước Trần nói với Chu thiên tử chính thức sắc phong là xong. Thạch Hậu nói với Châu Hưu, y vỗ tay khen hay. Sau đó

không lâu, cả hai mang theo lễ vật sang nước Trần. Thạch Tích và đại phu nước Trần là Tử Trâm vốn thân quen, nên đã viết một bức huyết thư nhờ Tử Trâm trình lên Trần Hoàn công. Trong thư nêu nhiều tội trạng của bọn loạn thần tặc tử đại nghịch, xin vua Trần giúp dân nước Vệ trừ khử bọn này. Vì vậy khi Chu Hưu và Thạch Hậu tới nước Trần đã bị Trần Hoàn công bắt giữ và ít lâu sau đã bị chém đầu tại đó. Thạch Tích cùng các quan đại phu nước Vệ lập vua mới, từ đó bảo đảm được an toàn cho nước Vệ.

Đây là chuyện về quyền mưu nhờ sức của bạn bè trừ giết phản nghịch. Khi Thạch Tích bày cách cho con đã bắt đầu đem một chiếc lưới mượn dao giết người. Vua tòi nước Trần chính là dây lưới. Châu Hưu và Thạch Hậu là những con chim sẻ nằm trong lưới. Cho dù là con sẻ tinh khôn nhất, một khi đã bay khỏi tổ mà rơi vào lưới giăng của người khác cũng đành chịu bắt và bị giết thịt. Huống hồ Châu Hưu, Thạch Hậu mới nghe lời người khác nói đã như nhặt được vàng, hành động không suy nghĩ thì quả là những con chim sẻ hung dữ, ngu xuẩn. Hành động giết con vì đại nghĩa tiết của Thạch Tích đã tấu lên một bài tráng ca kích động lòng người.

Thời Tam quốc, Gia Cát Lượng để củng cố chính quyền Thục Hán đã tự soái lĩnh ba quân xuống Nam Trung (nay là vùng nam Yêm Nam, Quý Châu và Xuyên), bình định bọn phản loạn Ung Khải và Chu Bao. Trong trận đánh đầu tiên với thủ lĩnh dân tộc Di ở Việt Tê là Cao Định đã bắt được nhiều tù binh. Trên cơ sở "công tâm vi thượng", Gia Cát Lượng có ý thả bọn tù binh về và bảo họ: "Chúng ta biết Cao Định là một vị trung nghĩa, bất quá bị Ung Khải mê hoặc, nên mới dấy binh chống lại triều đình. Nếu ông ta hối cải, chúng ta sẽ không bắt tội". Cao Định nghe nói lại, có ý hối cải, bèn mở tiệc chiêu đãi Ung Khải rồi giết đi, mang đầu lâu dâng Gia Cát Lượng. Gia Cát Lượng quyết tâm lập mưu lợi dụng Cao Định giết

chu Bao. Ông viết một bức thư giả mạo rồi nói với Cao Định: "Chu Bao có gửi tôi một bức thư nói Ung Khải và ông là bạn sòng chết có nhau, nhất định ông không giết Ung Khải, thủ cấp đó là giả. Nếu ông thực tâm qui phục nhà Hán, xin hãy mang đầu Chu Bao tới đây thì tôi mới tin". Cao Định đọc xong thư, đắn đo hồi lâu, tưởng là thật. Sau đó không lâu quả nhiên giết Chu Bao. Gia Cát Lượng đã lợi dụng sức của Cao Định như vậy, đã khử được hai tên phản loạn ở Nam Trung.

Đó là chuyện quyền mưu mượn dao của kẻ địch khử kinh địch. Gia Cát Lượng trước khi xuất chinh Nam Trung đã xác định phương châm chỉ đạo là "Công tâm sĩ thượng". Phương châm này quyết định chính quyền Thục Hán dùng binh dẹp loạn Nam Trung lấy việc yên lòng dân tộc thiểu số địa phương làm mục tiêu chính. Trong số các thủ lĩnh Nam Trung, có người các cát cứ trợ thù, có người lưỡng lự theo cả hai. Chính là căn cứ vào từng đặc điểm riêng của họ và mối quan hệ giữa họ với nhau. Gia Cát Lượng đã chọn người dễ dao động là người thứ ba, lấy Ung Khải, Chu Bao lập trường ngoan cố làm đối tượng công kích, đã thực hiện thành công quyền mưu mượn dao giết người. Việc đó đã tạo điều kiện cơ hội để cuối cùng dẹp yên phản loạn ở Nam Trung. Yên định dân tộc thiểu số ở Tây Nam.

Hơi khác nói phương thức mượn dao giết người, Giả Thụ Vu Nhân mượn tay người là nhờ người thứ 3 làm một việc gì đó để đạt tới mục đích của mình. "Mục đích" ở đây không nhất thiết là giết người, mà bao gồm cả sự mưu cầu giá trị về cá nhân, chính trị, xã hội và các mặt khác, chỉ là chủ thể quyền mưu trong quá trình hành động mưu cầu một giá trị nào đó, cần chọn được một người thứ 3 làm một việc nào đó. Việc làm của người thứ 3 là tự giác hay không

tự giác đều thể hiện dụng tâm của chủ thể quyền mưu, hỗ trợ chủ thể quyền mưu đạt tới mục đích.

Khi Hán Tuyên đế còn trị vì, Trương Thường là kinh triệu doãn, tổng quản sự vụ kinh thành Tràng An. Trên đường phố Tràng An kẻ cắp rất nhiều, chuyện trộm cướp thường xảy ra, những người buôn bán luôn phàn nàn, lo lắng. Trương Thường nhận chức xong, liền đi thăm hỏi người già trên phố và được biết mấy tên cầm đầu trộm cắp cửa nhà êm ấm, khi ra ngoài có người hầu đi theo, bà con khối phố đều coi như bậc đàn anh. Trương Thường bèn cho người gọi những tên đó tới. Sau khi nghiêm khắc quở trách, tạm hoãn truy cứu tội, chỉ yêu cầu họ ở lại phủ quan và lệnh cho bọn trộm cắp đến tự thú nhận tội. Những tên cầm đầu cho rằng chúng đang ở trong phủ quan mà bắt bọn trộm cắp đến tự thú sẽ làm chúng lo sợ, chỉ bằng cho họ làm việc ấy ngoài phủ quan. Trương Thường nghe có lý bèn cho bọn cầm đầu làm thuộc hạ rồi thả họ về. Những tên cầm đầu mở tiệc rượu tại nhà, khoản đãi những tên trộm cắp đến chúc mừng. Đợi khi chúng đã say mềm liền nhẹ nhàng đánh dấu vào áo mỗi đứa. Phủ quan phái quan tuần bố đến ngồi ở cửa ra vào phòng, thấy tên nào có dấu thì bắt. Chỉ trong một ngày bắt được mấy trăm tên trộm cắp. Trương Thường ra lệnh nghiêm trị tất cả bọn tội phạm, khiến trật tự trong kinh thành được cải thiện rõ rệt. Trương Thường quản lý phố xá Tràng An rất có nghệ. Tân quan mới đến nhậm chức vị tất đã tìm hiểu tình hình trật tự phố phường. Còn Trương Thường thì đi sâu xuống đường phố, thăm hỏi người già, nắm rõ tông tích những tên cầm đầu bọn trộm cắp. Đó là một bước quá trình quản lý. Căn cứ vào phẩm chất, thói quen và ảnh hưởng xã hội của chúng. Trương Thường dùng phương pháp lung lạc, phong chức để họ làm cho phủ quan, chuộc lại lỗi lầm xưa. Đây là bước thứ 2. Dựa vào sự phối hợp tích cực của bọn này phủ quan tổ chức

lực lượng nhanh chóng một mẻ bắt gọn mấy trăm tên trộm cắp và nghiêm trị. Đó là bước 3. Biện pháp 3 bước này liên kết chặt với nhau, bước nọ tiếp bước kia, tự nhiên thu được kết quả quản lý tốt.

Cuối thời Đông Hán, Tào Tháo tiến về Hoài Nam, đánh Viên Thuật. Viên Thuật cố thủ Thọ Xuân (nay là huyện Thọ tỉnh An Huy) không chịu khuất chiến, khiến 2 bên giằng co mấy tháng trời. Quân Tào xa hậu phương, vận chuyển khó khăn, lương thảo trong quân cũng đã sắp cạn. Để ổn định lòng quân, Tào Tháo đã không để lộ thực trạng cho cấp dưới biết, chỉ cho gọi viên quan phụ trách kho lương là Vương Hậu đến và ra lệnh cho y dùng dấu nhỏ phát lương để gỡ nguy cơ nước ngập đến chân. Nhưng chỉ được ít hôm, do khẩu phần lương không đủ nên quân lính bất bình trực tiếp ảnh hưởng đến sự ổn định lòng quân. Tào Tháo thấy vậy, lại gọi Vương Hậu tới và nói muốn mượn y một thứ để ổn định lòng quân. Vương Hậu vội hỏi thứ gì thì Tào Tháo nói là cái dấu của y. Nói xong, không đợi Vương Hậu nói lại, Tháo gọi thị vệ vào, chặt đầu Vương Hậu ra ngoài cho quân sĩ thấy, đồng thời thông cáo toàn tướng sĩ rằng "Vương Hậu cố ý bớt xén phần lương thực của binh sĩ, kiểm tra xác thực, nay đã bị xử trảm". Tướng sỹ như ì trong hũ nút, không rõ sự tình, đều cho Tháo là chính trực vô tư, thưởng phạt phân minh, mọi nỗi oán hận tiêu tan hết. Từ đó Tháo ổn định được lòng quân, tranh thủ thời gian, lương thảo chuyển đến rất nhiều. Cuối cùng đánh bại Viên Thuật.

Đây là một đoạn trong sách "Tam quốc diễn nghĩa". Nhiều người nói Tháo gian trá, xảo quyệt, đây cũng là một bệnh. Vương Hậu làm theo lệnh Tào Tháo mà mắc họa chém đầu, còn chịu tội danh "Cố ý bớt xén khẩu phần lương thực", thật oan uổng vô cùng. Tào Tháo vừa muốn chân tay giúp việc chỉ dùng lương thực để đảm bảo quân không thiếu lương, vừa muốn áp dụng biện pháp cần thiết

để làm dịu sự bất bình của quân sĩ vì bớt khẩu phần lương, nên không thể không tìm ra một người thứ 3 có thể lợi dụng được trong số nhân viên chủ quản lương thực. Thế là quan coi kho Vương Hậu đã trở thành hình nhân thế mạng, trở thành một vật hy sinh để Tháo dẹp sự phản nộ, oán trách của quân sĩ. Tào Tháo đã thông qua con đường gián tiếp để vừa củng cố duy trì việc phân phát khẩu phần lương, vừa để lại trong lòng quân sĩ hình ảnh đẹp về đức chính trực vô tư, thường phạt phân minh. Quả là nhất cử lưỡng tiện (một công đôi ba việc).

Kế thứ 24 trong "36 kế" là "Giả đạo phạt Quắc". Được giải thích là: "Lưỡng đại chi gian, địch hiệp dĩ tòng, ngã giả dĩ thế" nghĩa là: "Nước nhỏ ở giữa 2 nước lớn ta và địch, khi địch uy hiếp buộc phải khuất phục thì ta phải lập tức xuất quân cứu viện, nhân cơ hội khuyếch trương thế lực của mình". Đây rõ ràng là loại quyền mưu địch uy hiếp, ta chi viện. Khuyếch trương sự thâm nhập. Có điều là dựa vào những tài liệu lịch sử chúng tôi khảo sát một về "Giả đạo phạt Quắc" phát hiện sự giải thích (36 kế) và ý nghĩa gốc của loại quyền mưu này còn có sự chênh lệch không nhỏ. Xin tạm nêu ra đây một vài dẫn chứng:

Thời Xuân Thu, Ngư (nay là Bình Lục tỉnh Sơn tây) và Quắc (nay là huyện Thiểm tỉnh Hà Nam) là 2 nước láng giềng với nước Tấn, có quan hệ như môi với răng. Khi Tấn Hiến công còn trị vì, muốn thôn tính 2 nước nước nhỏ đã theo kế sách của đại phu Tuấn Túc, trước dùng ngựa quý, bảo ngọc mua Ngư công. Ngư công đồng ý cho quân Tấn mượn đường đánh Quắc và còn cử quân làm đội đi đầu quân Tấn. Không tốn phí bao nhiêu quân Tấn đã chiếm được Hạ Dương (nay là đông nam Bình Lục tỉnh Sơn Tây). Hai, ba năm sau Tấn Hiến công lại mượn đường nước Ngư chinh phạt Quắc. Quan đại phu nước Ngư là Tri Kỳ lấy đạo lý "dựa vào lưng nhau

môi hờ răng lạnh" khuyên Ngu công nên liên minh với Quắc cự Tấn, không nên làm cái việc cho mượn đường khờ dại nữa. Ngu công không nghe ra, một lần nữa đồng ý cho Tấn mượn đường. Lúc ấy Tri Ký đã tiên đoán: "Ngu và Quắc đều tận số, không đến cuối năm sẽ diệt vong", rồi mang theo gia quyến chạy ra nước ngoài. Quả nhiên ngay cuối năm đó, sau khi diệt xong Quắc, khái hoàn trở về, đóng tại nước Ngu. Thừa lúc Ngu không đề phòng, quân Tấn bất ngờ tập kích và dễ dàng diệt xong Ngu.

Đó là xuất xứ của thành ngữ "Giả đạo phật Quắc". Xem chi tiết "Tả truyện" Lỗ Hi năm thứ 2, ý chính là chỉ một quốc gia khi chinh phục một quốc gia khác, lấy lòng tin của một nước nhỏ nằm ở giữa hai bên, nhằm thừa kế đưa thế lực của mình thâm nhập vào, không chế đối phương, sau đó bất ngờ tập kích chỉ một trận thôn tính xong. Tấn Hiến công lấy cớ phật Quắc để mượn đường nước Ngu và cuối cùng thôn tính cả hai. Ngu công vì ham lợi mà bị lừa, phút chốc bị người ta tiêu diệt. Chủ khách thế của quyền mưu này là: một khôn một ngu, một sáng một tối, rất dễ thấy. Song về phần nước Ngu, chủ trương "dựa lưng vào nhau, môi hờ răng lạnh" của quan Tri Kỳ đã vạch trần ý đồ thật cái gọi là "Giả đạo phật Quắc" của Tấn đã trở thành tư tưởng quan trọng đối với hậu thế, đó là các nước nhỏ yếu liên hợp lại phòng chống nước lớn.

Thời sơ Hán, Tào Tham là tướng quốc nước Tề. Ông lễ người hiền tài, cúi mình trước kẻ sĩ, rất trọng Khoái Thông. Có người bảo Khoái: "Đất Tề có hai vị ẩn sĩ tên gọi Đông Quách, Lương Thạc Quân, trên thế gian không ai bì kịp, tiên sinh phò tá Tào tướng quốc, nhật của rơi, vạch cái sai, tiến cử hiền tài, tại sao ngài không tiến cử họ với tướng quốc?" Khoái Thông đáp: "Chính phải. Bên hàng xóm tôi có một người đàn bà, sống với mẹ Chu người đồng hương rất tốt. Gia đình chị ra một đêm nợ bị mất miếng thịt, bà mẹ

chồng cho chị ta là ăn cắp liền đuổi đi. Sáng hôm chị ta ra đi, qua nhà mẹ Chu và kể chuyện mình. Bà Chu bảo chị: "Con đi chậm thôi, mẹ sẽ gọi người nhà con đuổi theo gọi con về". Rồi bà lấy một túm giấy dày đến nhà chị ta xin lửa và nói bóng nói gió với bà mẹ chồng: "Con chó nhà tôi tôi qua tranh nhau miếng thịt với chó nhà bên bị nó cắn chết. Bà cho tôi tí lửa để về làm thịt". Bà mẹ chồng nghe xong vội gọi người nhà đi ngay tìm cô con dâu về. Rồi bà Chu kia không phải là thuyết khách, xin lửa không phải là duyên cớ đón cô con dâu về, mà chỉ là đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu vậy. Tôi sẽ đến tướng quốc xin lửa". Đến gặp Tào Tham, ông nói: "Trong số phụ nữ, có người chồng mới chết 3 hôm đã tái giá, có người âm thầm ở vậy thờ chồng, không ra khỏi cửa. Giả thiết tướng quốc kén vợ thì lấy người nào? Tào Tham đáp: "Lấy người ở nhà không ra khỏi cửa". Khoái Thông nói tiếp: "Việc tuyển quan chức cũng vậy. Đông Quách tiên sinh và Lương Thạch Quân đều là những người tuân tiết, ẩn sĩ và chưa bao giờ mưu cầu hoạn lộ một cách tí tiện. Xin tướng quốc cho người lấy lễ tiếp đãi họ". Tào Tham nghe xong liền cử người đến cầu 2 vị ấy và đãi họ như thượng khách.

Truyện trên thường được người đời gọi là "bó tay xin lửa". Người đàn bà kia có ăn cắp thịt hay không ta khỏi cần bàn, có điều là mẹ chồng nghi ngờ chị ta. Duy có việc làm lời nói của bà già nọ là phù hợp với đạo lý thực hành quyền mưu. Bà cầm túm giấy đi xin lửa, không chỉ giấu được ý định thật của mình trước người khác, mà còn rất tự nhiên tìm được cơ hội nói chuyện với người muốn nói. Thông qua một chuyện bình thường, bà đã khéo léo nhẹ nhàng báo cho đối phương một "tin sét đánh": Thịt bà bị mất bị mấy con chó tranh nhau ăn. Điều ấy tự nhiên nói lên rằng bà đuổi con dâu đi là rất oan. Nghe vậy, bà mẹ chồng kia liệu có thể không hối hận vì đã

hiếu làm người tốt sao? Liệu có thể không cho người đi tìm ngay con dâu về không? Khoái Thông dựa vào quyền mưu được phản ánh trong đời thường này liền tiến cử Đông Quách tiên sinh và Lương Thạch Quán. Tào Tham ở vào vị trí của bà mẹ chồng nọ quả nhiên chấp thuận lời tiến cử của Khoái Thông.

Trong bộ "Chiến quốc sách" có ghi chép 70 chuyện ngụ ngôn, trong đó không ít chuyện thuộc loại "Mượn". Dưới đây xin tạm dẫn một đoạn:

Sở Tuyên vương hỏi quần thần: "Trẫm nghe nói các nước ở phía bắc đều sợ Chiêu Hề Tuất (đại thần nước Sở), vậy có thật không?" Quần thần im lặng, chỉ có Giang Ất đứng lên đáp: "Hồ tìm các loại dã thú ăn thịt, tìm được một con cáo. Cáo nói: "Người không dám ăn thịt ta đâu! Thượng đế phái ta xuống làm thủ lĩnh của muôn loài. Nay nếu người không tin ta, người sẽ đi sau theo ta, xem có muông thú nào thấy ta mà không chạy trốn không? "Hồ thấy cáo nói có lí, bèn đi theo sau cáo. Quả nhiên, các loài thú trông thấy đều chạy trốn hết. Hồ không biết là chúng sợ mình, vẫn tưởng là sợ cáo. Nay đất nước của đại vương dọc ngang 5000 dặm, hàng trăm vạn quân loại một, giao quyền cho Chiêu Hề Tuất chỉ huy. Vì vậy các chư hầu phía bắc sợ Chiêu, kỳ thực là sợ binh hùng tướng mạnh của đại vương, cũng như muông thú sợ cọp vậy".

Mọi người đều biết, câu chuyện trên được gọi là "Cáo giả oai cọp". Hình ảnh bề ngoài và ý nghĩa bên trong toát ra qua câu chuyện nhìn qua là thấy ngay. Cáo và Chiêu Hề Tuất, bách thú và chư hầu phương bắc, cọp và binh hùng của đại vương, từng cặp đối xứng, khiến người ta ngầm hiểu được. Điều đó chứng tỏ tài nghệ đối đáp cao siêu của Giang Ất. Song điều làm ta chú ý hơn nữa là sự ứng biến của cáo. Con cáo xảo quyệt mượn oai cọp hù dọa các dã thú khác, sau đó lấy cái oai lừa được đó lừa lại cọp. Uy cọp mọi loài

thú đều khiếp sợ, nhưng đứng trước cáo gian ngoan lại trở thành người thứ 3 quyền mưu mà cáo sử dụng. Người ta thường nói "cáo mượn oai hùm" có lẽ cũng từ câu chuyện này.

Cuối thời Đông Hán gặp loạn Đổng Trác, Hán Hiến đế lưu lạc nay đây mai đó, bách quan văn võ triều đình không chỗ yên thân. Tào Tháo đang ở Diên Châu biết tin đó, muốn giả danh phò Cản vương để ức hiếp thiên tử. Quân tướng phần lớn đều cho rằng Sơn Đông chưa ổn định không nên tùy tiện xuất quân. Duy chỉ có Tuân Hoắc tâu: "Ngày xưa Tần Văn công thu nạp Tương công, sau thành nghiệp bá. Hán Cao tổ cử hành tang lễ cho Nghĩa đế, thiên hạ quy phục. Gần đây, Đổng Trác ức hiếp thiên tử, hoàng tộc lâm nạn. Tướng quân xuất binh, chỉ vì Sơn Đông còn chưa yên, nên không thể tới Quan Trung được. Nay thiên tử sẽ tới Đông Kinh (Lạc Dương), nghĩa sĩ nhớ nhà Hán, chúng dân nhớ chuyện xưa, nếu nắm được thời cơ, trên thờ đế vương, dưới theo ý dân đó là đại thuận; bên trong theo lễ công bằng, bên ngoài thu phục hào kiệt, đó là đại lược; trước hết duy trì nhân nghĩa, nơi nơi chiêu mộ anh hùng, đó là đại đức. Thiên hạ tuy có phản nghịch, có gì nguy hại? Nếu để mất thời cơ này, người khác giành trước thì sau này hối hận không kịp". Tào Tháo nghe xong, lập tức cất quân nghênh đón Hán Hiến đế tới Lạc Dương, không lâu sau lại đi về Hứa Đô (nay là Hứa Xương Hà Nam). Từ đó về sau, Tào Tháo một mình nắm quyền thao túng triều đình, bắt đầu phát lệnh cho chư hầu khắp nơi.

Cuối thời Đông Hán, trong phái quân phiệt ở khắp nơi, Tháo là người có viễn kiến chính trị hơn cả. Lần này cùng Tuân Hoắc quyết định nghênh đón Hán Hiến đế về cố đô, mở ra một phương thức mới: "Giữ thiên tử để khống chế chư hầu". Thiên tử nhà Hán đương thời, tuy không binh, không tốt, bị người khống chế, song

không mất tác dụng là ngọn cờ có sức hiệu triệu xã hội. Tào Tháo và Tuân Hoắc đều nhận thức được điều này.

Sự phân tích tình thế và từ đó nêu lên kiến nghị của Tuân Hoắc có thể nói là cương lĩnh thực tiễn chính trị thời kỳ đầu của Tào Tháo. Tào Tháo giành lại được lá cờ thiên tử nhà Hán, không những về chính trị có địa vị chính thống, mà còn được sự ủng hộ của các tầng lớp xã hội rộng rãi. Như vậy, trong quan hệ với các phái quân phiệt các địa phương, Tào Tháo chiếm thế có lợi. Không lạ gì trong "Long Trung đối" Gia Cát Lượng đã viết: "100 vạn binh, giữ thiên tử để không chế chư hầu", khuyên Lưu Bị tạm thời không tranh được thua với Tào Tháo.

Có khác với "Cáo giả oai cộ", "Mượn đề phát huy" là nhờ vào một đề mục nào đó viết để bày tỏ chủ trương chân chính của mình. Nói cách khác, là lấy một sự việc nào đó làm cái cớ rồi dùng hành động thiết thực để đạt đến mục đích dự định. Trong một môi trường quyền mưu nhất định, chủ thể quyền mưu vận dụng thủ đoạn mượn đề phát huy, trước hết cần chú ý là "đề" mượn phải có lợi cho hành động của mình, chí ít là không trở ngại tới hành động của mình. Chỉ có như vậy, chủ thể quyền mưu mới có thể phát huy đầy đủ tác dụng năng động chủ quan của cá nhân.

Thời kỳ sơ Hán, Lữ hậu chấp chính, những người họ Lữ nắm quyền. Chu Hi hầu Lưu Chương mới 20 tuổi, võ nghệ cao siêu và khoẻ, mỗi lần tôn thất mất địa vị thì tỏ ra bất bình. Một hôm, Lưu Chương vào cung hầu tiệc Lữ hậu. Lữ hậu giao cho Lưu ghi chép buổi tiệc (tử sử) và giám sát bàn tiệc. Lưu xin Lữ hậu cho phép dùng quân pháp để làm nhiệm vụ và được chuẩn tấu. Lúc đó đã ngà ngà say, Lưu múa hát dâng Lữ hậu, hát rằng: Cây cho sâu, trồng cho dày, mạ mọc phải thoảng xốp, cỏ dại khác giống phải dùng cuốc cuốc sạch đi". Nghe xong, Lữ hậu lặng lẽ không nói gì. Một

lúc sau, một người trong số người họ Lữ say rượu bỏ ra ngoài. Lưu Chương liền đuổi theo, rút kiếm chém, sau đó báo cáo Lữ hậu: "Có một người trốn tránh uống rượu đã bỏ chạy. Thần y theo quân pháp đã chém đầu hẳn rồi. Lữ hậu tuy hơi ngạc nhiên, nhưng đã cho phép áp dụng quân pháp, nên không thể trị tội Lưu được.

Trong bữa tiệc rượu buồn lắng này, Lưu đã 2 lần mượn đề phát huy: một khúc ca, một vụ giết người, đủ khiến những người họ Lữ không lạnh mà run. Bài ca dao cay ruộng bể ngoài là hát cho Lữ hậu nghe, nhưng thực tế là ám chỉ những người họ Lữ, ví họ như "cò đại khác giống". Vụ giết người này bề ngoài là chấp hành quân pháp trong bữa tiệc, kì thực là thể hiện sự bất mãn cực độ của Chương đối với những người họ Lữ, dẫn đến cố ý giết người. Việc làm này của Chương là hơi quá, song vì Lữ hậu đã cho quyền trước đó, nên những người họ Lữ đành chịu.

Tư Mã Tương Như và Trác Vương tôn yêu nhau, nên đã bỏ Lâm Cùng (nay là Cùng Lai Tứ Xuyên) trốn đi. Là một đại phú hào, Trác Vương tôn vô cùng tức giận, cho con gái mình ương bướng, nên không cho một chút của hồi môn nào. Hai vợ chồng Tương Như về Thành Đô, nhà bốn bức tường trống, không lấy gì để sống, lại phải trở về Lâm Cùng. Để làm xấu mặt Trác Vương tôn, Tương Như bán hết phương tiện đi lại, mở một quán rượu ở đầu phố, Văn Quân đứng bán, như cùng người làm thuê dọn dẹp, cố ý rửa chén bát ngay trước nhà cho mọi người để ý tới. Trác Vương tôn biết, cảm thấy mất mặt, lại sợ gặp bạn bè, nên không dám bước ra khỏi nhà một bước. Một số người trong họ, bậc bề trên khuyên Trác: "Nay ông chỉ có 1 trai 12 gái, cái thiếu không phải là tiền của; Văn Quân dù sao cũng là vợ Tương Như rồi tuy hẳn nhà nghèo khó, nhưng cũng là nhân tài đáng tin cậy, hà tất phải coi khinh người ta như thế". Trác Vương tôn nghe theo lời khuyên của mọi người, bắt

đắc dĩ chia cho Văn Quân hơn 100 kẻ hầu hạ, hàng 100 vạn lạng tiền và rất nhiều thứ lặt vặt khác.

Rất nhiều người biết chuyện về mối tình của Tương Như và Văn Quân, nhưng không ngờ tới họ làm chuyện như vậy để có được chia một phần tài sản của Trác Vương Tôn. Tương Như và Văn Quân trở về Lâm Cùng mở quán rượu, rõ ràng chỉ là bày tỏ tấm lòng thành thật của mình mà tạo ra "đề mục". Từ đó họ luôn làm cho Trác Vương Tôn khó chịu. Người có mặt, cây có vỏ, Trác là phú hào số 1, số 2 ở Lâm Cùng, sao có thể chịu nổi sự chê cười của người đời. Do đó không thể không thay đổi thái độ đối xử với vợ chồng Tương Như. Có được của cải Tương Như đóng quán rượu, đưa Văn Quân về Thành Đô, mua nhà, tậu ruộng, chẳng bao lâu sống một cuộc đời giàu có.

"Di hoa tiếp mộc" là một loại quyền mưu tương đối điển hình ngoài "36 kế". Ý là: lấy cành của cây có hoa ghép vào cây khác. Ý này thường dùng để so sánh với việc ngấm ngấm thay đổi người hoặc sự vật. Chủ thể quyền mưu dùng thủ đoạn này vừa phải tiến hành theo trình tự "Di", "Tiếp", vừa phải giữ kín để không lộ ý đồ thực của mình. Nếu không sẽ bị thất bại, chịu tai họa còn nặng hơn.

Khảo Liệt vương nước Sở không có con nối nghiệp, Tướng quốc Xuân Thân quân Hoàng Yết rất sốt ruột lo lắng. Lý Viên người nước Triệu muốn tiến em gái là Yên Yên cho Khảo Liệt vương, nhưng lại sợ không có con, đã tìm cách đưa vào dinh Hoàng Yết và dâng cho Hoàng Yết. Sau khi Yên Yên mang thai, theo lời dặn của người anh, Yên Yên đã tương kế nói với Hoàng Yết: "Sở vương rất kính trọng chàng thân hơn cả anh em ruột thịt, nên đã để chàng làm tướng quốc chúng ta 20 năm nay. Nay Sở vương không có người nối dõi, 100 năm sau tất sẽ truyền ngôi cho em trai. Lúc đó, vua mới ắt phải trọng dụng thân tín của mình, liệu chàng có còn

được yêu quý trong triều nữa không? Hơn nữa, chàng làm việc thời gian lâu như vậy tránh sao được có lúc thất lễ với anh em vua, một khi ngôi vua thay đổi, rất có thể mang hoạ chết người. Vậy thì bây giờ thiếp đã có thai và cũng chẳng ai biết, chàng hãy mang thiếp tiến vào cung. Sở vương chắc sẽ vui lòng và nhận làm thiếp. Sau này nhờ trời sinh con trai, tương lai người làm vua nước Sở cũng sẽ là con của chàng. Một là lấy được nước Sở, hai là mang hoạ vào thân, chàng thử xem cái nào tốt hơn?" Hoàng Yết vui vẻ theo kế. Về sau Yên Yên sinh con trai và được lập làm vương hậu. Sau khi Khảo Liệt vương qua đời, cậu con trai đó đã kế vị lên ngôi vua. Lý Viên sợ Hoàng Yết tiết lộ bí mật thuê kẻ giết người, thừa lúc lo tang lễ Khảo Liệt vương, giết Hoàng Yết và cả gia thất. Cuối cùng với tư cách quốc cữu, (cậu vua) Lý Viên thao túng triều chính nước Sở.

Trong câu chuyện quyền mưu này, màn diễn độc ác xấu xa của 2 anh em họ Lý chỉ vì hám quyền khiến lòng dạ đen tối, vô cùng nhục nhã. Còn Hoàng Yết trước đó được người đời xếp vào hàng 1 trong "bốn công tử thiên hạ" nay đầu óc u mê, vô đạo cũng chuốc lấy cái chết, thực cũng đáng tiếc thay. Điều đáng kinh ngạc hơn là cách vận dụng quyền mưu này không chỉ thấy một lần độc nhất. Thời Tần, Lã Bất Vi cho rằng "hàng hiếm có thể đấu cơ" đã cho ra đời Tần Thủy hoàng, đến nay vẫn là một ẩn số khó tìm; thời đầu nhà Thanh cũng có chuyện "Cáo dối thái tử" nên có Càn Long cũng còn là nghi án treo đó. Những câu chuyện như thế nghe rợn người. Song ai là người có thể bình luận được ba ý nghĩa đó.

3. UYÊN CHUYỂN KHUYÊN CAN

Từ cổ xưa các đế vương thường đa nghi, bạo ngược, buông thả; bấy tôi tài hoa xuất chúng thì sợ mình kém cỏi; bấy tôi đức cao được trọng vọng thì sợ âm mưu cướp ngôi; bấy tôi có binh mạnh thì

sợ cái cú phản loạn. Vì vậy đối với bấy tôi đều có theo dõi, thủ thách, nô dịch và đánh đập. Bấy tôi thấy đế vương có gì không hay hoặc lời nói hành động vô lý, không dám nói thẳng, ra sức khuyên can, mà chỉ dùng thủ đoạn uyển chuyển, nghĩa là đi đường vòng để diễn đạt lời mình muốn nói hoặc việc mình muốn làm, để đế vương phần nào tỉnh ngộ, tiến tới hồi cải và chuyển biến.

Thời Xuân Thu, Yến Anh là một lão thần phục vụ ba đời vua nước Tề: phò tá Linh, Trang và Cảnh công, có nhiều công lao trong giải quyết việc triều chính. Đối với thiếu sót hoặc hành vi sai trái của vua, Yến Anh đều tìm được thời cơ thích đáng, thủng thẳng, qua loa dôi lời không để lộ ý định khuyên can mà lại đạt được mục đích khuyên can.

Tề Cảnh công có chính sách tàn khốc, lạm dụng hình phạt, dẫn đến ngoài đường phố có bán đầy chân giả. Yến Anh thấy vậy rất băn khoăn lo lắng, định góp ý với vua. Đúng lúc Tề Cảnh công lo nhà ở của Yến Anh gần chợ ồn ào, có ý định dời chỗ ở cho Yến Anh. Yến Anh cảm tạ đáp: "Bấy tôi trước của quân vương đã ở đây, nay thần không đáng kể thừa sự nghiệp tổ tông, ở thế này cũng là quá rồi. Hơn nữa gần chợ mua bán thuận tiện, đâu dám phiền nhờ bà con xây nhà mới cho thần". Tề Cảnh công cười hỏi: "Ở gần chợ, khanh có nắm được vật giá hiện nay không?" Yến Anh đáp: "Ra vào thuận tiện thế này sao lại không biết!" Tề Cảnh công lại hỏi: "Cái gì đắt? Cái gì rẻ?" Yến Anh thoáng suy nghĩ rồi trả lời: "Chân giả đắt, giấy dếp rẻ". Tề Cảnh Công biết là nói mình lạm dụng hình phạt, làm cho phạm nhân tàn phế, nên đã lệnh giảm nhẹ hình phạt.

Yến Anh thật là người có tâm. Thông qua vài ba câu nói đã đề cập đến cả chỗ ở, thị trường, vật giá và hình phạt cùng một lúc. Tề Cảnh công tuy kính trọng Yến Anh, nhưng trong lúc vua đang quan tâm đến bản thân mà Yến Anh khuyên can ngay vua không nên lạm

dụng hình phạt, e rằng trong lòng hai vua tôi sẽ không thoải mái, không khéo có thể làm cho Tề Cảnh công nổi nóng, lòng tốt chẳng bỏ. Yến Anh đã không phạm tội "đốt": Trong khi vua tôi đối thoại, ông nói "Chân già đất, giày dép rề" là muốn ám chỉ dân chúng bị xử quá nặng, hiện tượng bị chặt chân quá nhiều, hành vi lạm dụng hình phạt cần bãi bỏ. Tề Cảnh công là ông vua có kế sách lẽ nào lại không hiểu được ẩn ý trong câu nói của Yến Anh?

Phạm khi trong lòng vua thanh thản, bây tôi khuyên can điều gì còn dễ. Khi vua tâm trí bất an mà khuyên can không phải dễ. Con người ta khi nóng giận, thường mất lý trí, tự ý làm, không nghe lời khuyên can của người khác, rất dễ hiểu lầm người khuyên can, thậm chí cái xảy nấy cái ung, chuyện nhỏ thành chuyện lớn. Tề Cảnh công mắc bệnh ghẻ lở, một năm trời chữa không khỏi, trong lòng rất bức dọc, liền triệu các cận thần tới và nói: "Vì mắc bệnh trầm đã cử 2 viên quan tới Sơn Xuyên tông miếu tế thần; đồ lễ mang đi còn nhiều hơn tiên quân, hàng năm tế lễ so với tiên quân, cũng nhiều hơn một lần. Nhưng bệnh không những không thuyên giảm, ngược lại còn nặng hơn. Trẫm định giết những viên quan ấy đi để trời vui và ban phúc. Các khanh thấy có được không?" Yến Anh nghe thấy thất kinh, lặng thinh không nói gì. Tề Cảnh công lại dục nói: Yến Anh đã có chuẩn bị, lên tiếng hỏi lại: "Bệ hạ thấy cúng tế có lợi gì không?" Tề Cảnh công gật đầu, nói có. Yến Anh nói tiếp: "Nếu cho là có lợi, thế thì chủ mắng sẽ có hại. Trước mắt, người trong nước trách oán bệ hạ, người nguyên rửa bệ hạ lên tới trời rất nhiều, mà chỉ có 2 người cúng lễ cho bệ hạ. Dù là người rất sành cúng lễ cũng không có cách nào thắng nổi số người nguyên rửa nhiều như vậy. Lại nữa, khi cúng mà nói thẳng nói thật là phải phỉ báng bệ hạ; nếu dấu diếm lỗi lầm là lừa dối trời. Nếu trời linh thiêng thì không thể lừa được. Nếu trời không có tri giác thì cúng lễ

cũng vô ích. Mong bệ hạ suy nghĩ cho kỹ". Tể Cảnh công nghe xong, bỗng tỉnh ngộ, thân chinh đội mũ lễ phục cho Yến Anh và giao chính sự nước Tề cho Yến Anh.

Những lời nói trên thật có sức mạnh. Yến Anh lấy việc Tể Cảnh công thừa nhận cúng lễ có lợi làm tiên đề, nêu ra quan điểm nguyên rửa là có hại một cách hết sức tự nhiên, so sánh giữa cúng lễ và nguyên rửa để nói rõ người phụ trách cúng lễ quá ít, lại không thể đem tình hình thực tế tâu trời, do đó có làm gì đi nữa cũng đều vô dụng. Nói vậy có ý là 2 viên quan nọ không có tội. Những lời nói trên, Yến Anh đã suy nghĩ kỹ. Mục tiêu là giải thích vấn đề cúng lễ nhưng phải nói nhiều về sự nguyên rửa để đối chiếu; muốn bào chữa cho 2 viên quan nọ lại phải nói tới số người nguyên rửa rất nhiều. Thực tế là trong thắng có công, trong công có thắng. Có lẽ chỉ có như vậy mới dễ dàng khiến Tể Cảnh công bỏ được lỗi nghĩ sai lầm của mình, tránh được một vụ thảm sát.

Có một người nước Tề do bất cẩn đã làm Tể Cảnh công nổi giận. Do nhất thời mất bình tĩnh Tể Cảnh công lệnh tả hữu trời người kia đưa đến trước điện, đánh 8 trượng cho hả giận.

Chúng thần không ai dám ra khuyên can, chỉ có Yến Anh bước ra, tay trái túm tóc phạm nhân, tay phải cầm dao. Ông một mặt mài dao làm ra vẻ giận dữ như muốn tự tay mình chém, một mặt như có điều suy nghĩ, ngửa mặt lên trời thở dài rồi nói với Tể Cảnh công: "Hình phạt này thánh vương cổ đại hình như cũng hay dùng, rốt cuộc được bắt đầu sử dụng từ triều đại nào?" Tể Cảnh Công nghe xong, hiểu ý, biết Yến Anh thấy mình nhất thời bức bối, không dám nói thắng mà dùng cách này để phúng dụ mình, liền huỷ bỏ lệnh đánh 8 trượng và tha người nọ.

Yến Anh cơ trí biết bao! Một câu hỏi đã kéo được Tề Cảnh công ra khỏi cơn giận dữ, cứu được tính mạng người nọ như cá đã nằm trên thớt. Trong khi đó chúng thần khiếp sợ trước sự giận dữ của Tề Cảnh công, muốn nói cũng không dám hé răng. Chỉ có Yến Anh dám xuất đầu lộ diện, khuyên can Tề Cảnh công, thể hiện sự dũng cảm mưu trí. Song mấu chốt sự việc Yến Anh khuyên được Tề Cảnh công huỷ bỏ lệnh là ở chỗ thuận với tình thần và tâm lý của Tề Cảnh công. Ông một mặt làm ra vẻ giận dữ, vẻ bề ngoài cũng giống Tề Cảnh công; mặt khác dựng lên lá cờ của thánh vương cổ đại, nói chuyện vốn không có thành "hình như cũng hay dùng". Khiến Tề Cảnh công rơi vào tình trạng có muốn làm thánh vương hay không. Tề Cảnh công không ra khỏi được vòng tròn ấy, đã muốn thể hiện sự anh minh như thánh trước mặt quần thần thì không thể không huỷ bỏ lệnh. Yến Anh không trực tiếp minh oan cho phạm nhân, mà hỏi nguồn gốc của hình phạt để gián tiếp bênh vực phạm nhân. Chiêu này xem ra cũng có hiệu quả. Về chuyện này có người bình luận nói: "Khuyên can của Yến Anh bóng gió nhiều mà nói thẳng ít, gần như ông tổ hoạt kê vậy".

Có lẽ sớm hơn trước Yến Anh một chút, ở nước Sở có một kép hát nổi tiếng tên gọi Ưu Mạnh, người cao 8 thước, nói hay làm giỏi. Anh ta bắt chước kỹ xảo diễn kịch, thường dùng lối phóng dụ khuyên can những người hay giận dữ, là một trong những nhà hoạt kê nổi tiếng nhất đương thời.

Sở Trang vương rất quý ngựa, đã từng may áo thêu hoa cho một con ngựa quý mặc, ở nhà trắng lẹ, nằm giường đệm, nuôi bằng mứt táo. Về sau con ngựa béo quá chết. Sở Trang vương lệnh quần thần tổ chức tang lễ cho ngựa, quan quách như quan đại phu. Các quan đại thần tả hữu khuyên ngăn Sở Trang vương không nghe, ra lệnh: "Ai còn dám khuyên can trăm sẽ chịu tội chết". Ưu Mạnh biết

chuyện liền vào cung, ngựa mặt lên trời khóc lớn. Sở Trang vương rất kinh ngạc bèn vội hỏi tại sao lại khóc. Ưu Mạnh nói: "Con ngựa này là vật yêu quý của đại vương, đường đường nước Sở việc gì mà chẳng làm được; đám ma ngựa mà chỉ dùng nghi lễ mai táng 1 đại phu thì quả là thấp quá, nhạt nhẽu quá mùa quá. Xin bệ hạ dùng nghi lễ quân vương vậy". Sở Trang vương hỏi: "Mai táng thế nào?" Ưu Mạnh đáp: "Dùng ngọc thạch đeo quan tài, gỗ tế tử làm quách, võ sĩ mặc giáp trụ đào mộ, mời quan khách nước Tề nước Triệu bồi tế, bậc khanh, khách Hàn, Ngụy đứng sau; sau đó theo như nghi lễ tế thái miếu, dùng trâu, dê, lợn làm tế phẩm, rồi lệnh vạn hộ trong nom nhà ngựa, để ngựa quanh năm được hưởng hương khói cúng lễ. Các chư hầu biết tin này họ sẽ hiểu đại vương coi thường người, coi trọng ngựa đến mức nào". Sở Trang vương nghe xong, thấy hơi hổ thẹn, nói: "Sai sót của trăm nghiêm trọng đến thế ư? Vậy làm thế nào?" Ưu Mạnh đáp: "Theo thần thì cứ theo cách làm đối với gia súc thông thường. Dùng bếp lửa thay quách, máng đồng làm quan tài, cho thêm giềng hoa mộc lan, thêm bát gạo, lửa thay quần áo, rồi táng vào bụng mọi người cho xong việc". Sở Trang vương liền gọi người mang ngựa giao cho nhà bếp. Thật là một chàng kép hát linh hoạt, mưu trí, đối đáp có kế sách, nói rõ trắng đen vượt cả quần thần trong điều kiện lệnh vua đã ban, không được phép thay đổi. Ưu Mạnh khuyên can qua 3 bước: trước hết, ngựa mặt lên trời khóc tại cung điện để thu hút sự chú ý của Sở Trang vương. Đây là bước tranh thủ cơ hội để khuyên can. Một kép hát muốn khuyên can vua mà không có hành động khác thường thì không ai để tới, Ưu Mạnh hiểu rất rõ điều này. Tiếp đó Mạnh trình bày rõ nguyên nhân khóc là dùng nghi lễ mai táng đại phu là quá thấp, chỉ bằng dùng nghi lễ táng vua để phát tang ngựa yêu. Đây thực chất là thủ đoạn tách nhập "Muốn thu hẹp phải bành trướng" "Muốn phá bỏ phải dựng lên". Vua Sở tuy yêu quý ngựa, nhưng dùng nghi lễ đối với vua để

chôn ngựa, xem ra là quá đáng. Nước lên thuyền lên, Ưu Mạnh đã đẩy mệnh lệnh chôn ngựa của vua vốn đã hoang đường lên mức hoang đường hơn, mà nghĩ lại Sở Trang vương cũng không tán thành. Sau khi vua đã nhận ra chỗ sai của mình, Ưu Mạnh tiến thêm bước nữa nêu rõ tại sao không thể dùng nghĩ lễ đối với đại phu để chôn ngựa: chư hầu qua việc làm coi trọng ngựa, coi thường người của vua tất sẽ chê cười. Phải thấy rằng, Sở Trang vương là người có hoài bão lớn, vẫn muốn làm bá Trung Nguyên sao chịu để các chư hầu chê cười. Vì vậy, qua lời khuyên can của Ưu Mạnh, Sở Trang vương chỉ còn cách thay đổi ý định cũ.

Dưới ngòi bút của sử gia, trong màn kịch hoạt kê của Ưu Mạnh, ngoài tích "Khóc ngựa" ra, còn có một tích khác cũng để lại nhiều dư vị. Màn kịch này ghi trong "Hoạt kê liệt truyện". Chúng tôi xin dẫn lại:

Tôn Thúc Ngao làm lệnh doãn nước Sở, đã phò tá Sở Trang vương giành được ngôi bá chủ, rất được triều đình kính trọng. Nhưng sau khi ông qua đời, người con là Tân An từ quan về quê làm ruộng sinh sống; đời sống thiếu thốn đến manh áo lành cũng không có. Ưu Mạnh biết tin, trong lòng rất không phục, liền học cách ăn mặc, ngôn ngữ, cử chỉ của Tôn Thúc Ngao lúc sống, tập đi tập lại. Đương nhiên ông đã đóng giả Tôn Thúc Ngao như thật. Một hôm, Sở Trang vương mở tiệc trong cung đình, đòi Ưu Mạnh vào giúp vui. Ưu Mạnh cười nói: "Hôm nay bầy tôi xin diễn 1 tiết mục mới hầu Đại vương". Nói xong, ông cho vai diễn đóng vai Sở Trang vương ra sân khấu. Diễn viên này làm vẻ tướng nhớ Tôn Thúc Ngao, cảm khái nói: "Tôn Thúc Ngao, khanh đến lúc nhắm mắt vẫn không quên đất nước, thật hiếm có, chỉ phải trăm không có phúc phận, để trời cướp mất khanh, đáng tiếc biết bao!" Sở Trang vương nghe không cầm nổi nước mắt. Lúc này Ưu Mạnh đóng giả Trương

Thúc Ngao bước ra. Sở Trang vương thoát nhìn đã lên ngay sân khấu không kể lễ nghi, túm, kéo Ưu Mạnh. Ưu Mạnh vội giải thích là mình đóng giả. Song Sở Trang vương vẫn nói: "Dù giả hay thật, trăm phong khanh làm đại phu". Ưu Mạnh từ chối và nói nếu làm thì làm quan ăn bổng (ý nói tham ô, hối lộ, Sở Trang vương rất ngạc nhiên hỏi: xem thế là thế nào. Lúc này Chu Mạnh mới cởi bỏ mũ mã, hát "Tham quan ô lại thật vinh hiển, con cháu không nghèo túng, lương không hết mỡ, thịt dân lành. Vì việc quên chuyện riêng là chết dờ. Chỉ cần nhìn lệnh doãn Tôn Thúc Ngao, khổ hạnh một đời, chết đi gia cảnh tiêu điều, con cháu khổ cực, không chỗ nương thân, không người nương tựa. Ta khuyên người không cần làm quan thanh liêm, hãy làm tham quan ô lại tốt hơn!" Sở Trang vương nghe xong, khổ tâm, liền sai Ưu Mạnh tìm Tôn An tới, theo di chúc của Trương Thúc Ngao, phân đất cho Tôn An.

Nói lên sự bất bình của người khác vốn là chuyện phiền phức, khó có kết quả. Nhắm vào vua nói lên sự bất bình của người khác lại càng khó có kết quả, thậm chí còn có nguy cơ mất đầu. Ưu Mạnh nói lên sự bất bình của Tôn An trước mặt vua, xem ra cũng mất nhiều tâm sức. Ông đã phải tập luyện hàng trăm lần, chuẩn bị một tiểu phẩm tuyệt mỹ với sự xuất hiện cả vua lẫn tôi trên sân khấu. Sau khi vai vua than vãn xong, Sở Trang vương đã bị vai diễn thu hút. Ưu Mạnh vừa ra sân khấu, do hoá trang và địa bộ giống Trương Thúc Ngao như thật, làm cho Sở Trang vương tưởng thật, nhất quyết đòi phong quan cho Ưu Mạnh, từ đó đẩy vở diễn tới cao trào. Ưu Mạnh không để mất thời cơ, mượn ý "Làm quan ăn bổng", một mạch kể chuyện Trương Thúc Ngao làm quan thanh liêm chỉ dẫn tới kết cục là con cháu nghèo túng không ai giúp đỡ, nêu lên hoàn cảnh bất hạnh hiện tại của Tôn An. Đến lúc này, ta thấy một người sáng suốt như Sở Trang vương, mắt thấy chuyện cũ diễn ra

trước mắt, rất khó tâm, sao có thể không tiếp thu những lời phúng dụ của Ưu Manh, quan tâm tới hậu duệ của Trương Thúc Ngao?

So sánh với phúng dụ khuyên can, tự mình cảnh giác sáng suốt giữ mình cũng không phải là việc dễ. Phàm những người chỉ biết làm quan, sao cho vinh quang phú quý uy phong mọi chốn, khi gặp ông quan to hơn thì cũng trở thành nô tài, vò tai cúi đầu mà thôi. Trên vũ đài chính trị truyền thống, các đế vương phong kiến là vị quan tối cao, thao túng quyền lực giết, hành tội, cướp đoạt của bầy tôi, "Vua lệnh bầy tôi chết, bầy tôi không thể không chết" cũng như "Cha bảo con chết, không dám không chết". tất cả đều trở thành quy phạm thép mọi người phải phải tuân thủ trong một thời kỳ dài. Từ cổ chí kim, rất nhiều bầy tôi khi còn sống được triều đình ưu ái, nhưng khi chết, không được một câu ca ngợi; nhiều khi sống được phong chức vượt 3 châu 4 bể công thành, khi chết không được 1 vốc đất; thậm chí nhiều người có công lập nghiệp đế, ngược lại, bị tai họa khôn lường. Lịch sử luôn lặp lại, để lại không ít tấm gương soi. "Bầu bạn với vua như bầu bạn với hổ". Về sau mỗi hành động, lời nói của bầy tôi đều phải thận trọng, cẩn thận nghiêm túc, "như đứng trước vực sâu, như đi trên băng mỏng". Trong những trường hợp đặc biệt, họ muốn được đế vương phong kiến thông cảm, tín nhiệm và trọng dụng, không thể không suy nghĩ, tìm cách nọ kiêu kia. Chính lúc này là lúc vận dụng quyền mưu, nhưng không nên quá lộ liễu, mà phải vòng vo, uyển chuyển mới có thể bày tỏ được ý định của mình.

Vương Chính nước Tần muốn thống nhất thiên hạ đã tập trung 60 vạn đại quân, giao cho đại tướng Vương Tiễn làm thống soái đi đánh Sở. Trước khi xuất quân, Vương Tiễn xin Doanh Chính thưởng cho mình điền trạch hào hạng gần Lạc Dương. Doanh Chính ưng thuận. Quân Tần vừa tới Hàm Cốc quan, Vương Tiễn lại cứ

người về xin Doanh Chính cấp vườn uyển. Bộ tướng Mông Vũ cho là quá đáng, khuyên Tiễn không nên. Vương Tiễn khế bảo Mông Vũ: "Đại vương ngang ngược mà đa nghi, nay giao cho ta thống soái 60 vạn quân Tần, trên thực tế là giao vận mệnh quốc gia cho ta. Sở dĩ ta xin nhiều điền trạch, vườn uyển, một là, thêm tài sản cho con cháu, hai là, giảm bớt sự nghi kỵ của đại vương đối với ta; nếu không e rằng rất nguy hiểm". Doanh Chính thấy Vương Tiễn xin nhiều điền trạch và vườn uyển, vui vẻ thoả mãn yêu cầu của Tiễn, và càng yên tâm hơn đối với Tiễn. Vương Tiễn xin ruộng để làm tiêu tan sự nghi ngờ, có thể ví thông tuệ như thần. Không chỉ có Vương Tiễn, trong giai đoạn lịch sử thời kỳ đầu nhà Hán, Tiêu Hà muốn được Lưu Bang hiểu và tín nhiệm, đã nhiều lần diễn lại vở Vương Tiễn. Cũng như Vương Tiễn, Tiêu Hà suy nghĩ rất nhiều thậm chí còn hơn thế.

Thời Sở Hán, Tiêu Hà được Lưu Bang giao trách nhiệm tổng quản mọi việc chính sự ở Quan Trung. Khi Lưu Bang và Hạng Vũ giằng co gay gắt tại Huỳnh Dương, Lưu Bang nhiều lần phái sứ giả đến uy lạo Tiêu Hà. Có người tên Bào Sinh nói với Tiêu Hà: "Hán vương ăn ở ngoài dã ngoại mà vẫn thường xuyên cử người về thăm hỏi ông là có ý hoài nghi ông đó. Chỉ bằng ông xem trong sổ bà con họ hàng có ai có thể đi trận được, đưa hết lên tiền phương chiến đấu. Như vậy, Hán vương sẽ càng tin ông hơn". Tiêu Hà nghe theo lời khuyên của Bào Sinh, đưa con cháu, anh em mình đi theo Lưu Bang chiến đấu. Từ đó Lưu Bang đã bỏ được mối nghi ngờ đối với Tiêu Hà. Trong câu chuyện này, Tiêu Hà và Bào Sinh đều là chủ thể quyền mưu, một người có kế sách, biết suy tính, một người sáng suốt nhận ra lí lẽ, xử thế có chủ kiến. Hai người hợp lại thành một đã lừa được Lưu Bang tức trí đa nghi.

Thời sơ Hán, Lưu Bang đang trên đường chinh phạt Trần Hi, nghe nói Hoài Dương hầu Hàn Tín mưu phản không thành, bị Tiêu Hà và Lữ hậu diệt, liền cử sứ giả về phong Tiêu Hà làm tướng quốc, quản 5000 hộ, đồng thời cử 1 viên đô uý chỉ huy 500 lính làm đội bảo vệ tướng quốc. Trần Bình nghe tin liền nói với Tiêu Hà: "Hoạ của ông là khỏi đầu từ đây. Hoàng đế chỉ huy quân ở ngoài, ăn ở ngoài trời, còn ông ở nhà giữ kinh thành, không biết mũi tên hòn đạn là gì, thế mà lại phong sắc cho ông, lại có cả đội bảo vệ. Đó là do chuyện Hàn Tín mưu phản không thành, làm . Tôi mong ông khước từ phong sắc, cố đem tài sản trong nhà ra quyên giúp binh sĩ. Làm như vậy hoàng thượng mới vui". Tiêu Hà nghe Trần Bình. Quả nhiên đổi lại được niềm vui của hoàng thượng.

Câu chuyện này và câu chuyện trước gần giống nhau, khác là ở đây Tiêu Hà ở vào hoàn cảnh bất lợi hơn: Lưu Bang trực tiếp cử người giám sát và bảo vệ thay cho việc theo dõi ngầm trước đó. Vai trò chủ thể quyền mưu đã thay đổi: Trần Bình thay Bào Sinh; thủ đoạn dôi phò Lưu bang của Tiêu Hà cũng khác: dốc hết hầu bao nguyện giúp quân sĩ, thay cho việc gửi anh em, con cháu đi chiến đấu. Dù có 3 điểm khác, song hành động, động cơ và kết quả của 2 phía quyền mưu gần như hoàn toàn giống nhau.

Lưu Bang sau khi bình định bọn phản loạn không lâu, lại đi tiêu phạt Kinh Bó. Trên đường tiến quân, Lưu nhiều lần cử sứ giả về Tràng An thăm hỏi Tiêu Hà đang làm gì. Tiêu Hà ở hậu phương phủ dụ dân chúng, tận lực dốc của cải chi viện quân đội như khi Lưu Bang đi tiêu trừ Trần Hi. Có vị thuyết khách thấy vậy, nói với Tiêu Hà: "Không lâu ngài sẽ bị giết cả họ. Ngài là tướng quốc, công lao hàng đầu, lẽ nào lại có thể bị gia hình nữa sao? Từ khi tiến vào Quan Trung, ngài đã chinh phục được lòng dân, nay vẫn tận tụy làm việc, không biết mệt, khiến dân chúng đều tin phục. Hoàng thượng đã nhiều lần dò hỏi hành động

của ngài, sợ uy tín ngài quá cao dân chúng Quan Trung cảm phục. Do đó, sao ngài không dùng phương pháp bắt dân bán giá rẻ, thu mua điền thổ để hủy hoại thanh danh mình? Làm như vậy hoàng thượng sẽ yên tâm". Tiêu Hà làm theo. Quả nhiên Lưu Bang hay tin, rất phấn khởi.

Lời nói của thuyết khách đã bộc lộ một mặt quan hệ vua tôi trong đời sống chính trị truyền thống; bày tỏ mà công tích quá cao, có khả năng bị tai họa thảm khốc. Tiêu Hà là người hết lòng vì dân, cẩn trọng, sau khi nghe thuyết khách nói, trong lòng lo sợ như lửa đốt, nên không thể không theo con đường tự làm hoen ố thanh danh để tự cứu, khiến tiếng thơm bao năm để lại trong lòng dân phút chốc tan biến. Xem ra, đây là thủ đoạn sáng suốt giữ mình, là bị kịch cá nhân khiến người đời phải suy nghĩ kỹ.

Trong hàng tể tướng trong lịch sử Trung Quốc, về mặt chính trị thì Tiêu Hà nổi trội hơn, biểu hiện xử lý trong quan hệ vua tôi cũng tương đối nổi. Vì vậy, chúng tôi không tránh được sự ngờ vực, khi dẫn ra ba mẫu chuyện phản ánh, cách xử lý vương mắc trong lòng trong quan hệ giữa Tiêu Hà với Lưu Bang. Từ đây có thể rút ra một điều chung là: bày tỏ tuy bị nghi kỵ cũng không thể trực tiếp thanh minh tại chỗ được, vì càng muốn thanh minh rõ, càng thanh minh không rành mạch. Cho nên bày tỏ thông minh chỉ còn cách vòng vo, dùng phương thức gián tiếp để bày tỏ lòng trung thực của mình trước vua. Điều đó chứng tỏ làm bày tỏ phải được vua thông cảm và tín nhiệm nên không trải qua khổ tâm tính toán thì khó mà đạt được, vì vậy chúng tôi nói: 1 bộ sử chính trị truyền thống Trung Quốc, nói ở khía cạnh chính, chỉ có thể coi là một bộ sử về quan hệ giữa đế vương khanh tướng các triều đại.

10

THUẬN VÀ NGHỊCH

Thuận tức là thích ứng, thuận theo; Nghịch là chống đối, phản lại, không theo. Hai mặt này cấu thành hiện tượng thống nhất đối lập, tương đối phổ biến trong mọi hoạt động con người, mọi nơi mọi lúc đều có. Vì vậy chúng tôi coi nó là một trong những phạm trù mâu thuẫn cơ bản nhất của quyền mưu.

Đại để cùng có ích thì thân, cùng tổn hại thì sợ nhát, cùng có lợi thì hoà hợp, cùng có hại thì gây gổ. Trong một môi trường quyền mưu nhất định, là chủ thể quyền mưu muốn xử lý tốt quan hệ thuận nghịch, phải tự giác nhận thức rõ điểm này, tiến tới hiểu rõ đặc điểm và xu hướng của khách thể quyền mưu. Đó là tiền đề vận dụng quyền mưu. Căn cứ đặc điểm và xu hướng khác nhau của khách thể quyền mưu, chủ thể quyền mưu dù áp dụng thủ đoạn thuận hay nghịch đều có thể đối xử tùy đối tượng và có mức độ. Hoặc quan hệ qua lại trên cơ sở đạo đức, hoặc học thuật, hoặc bề đẳng, hoặc tiền tài, hoặc sắc đẹp. Vì những điểm này, phù hợp với phẩm cách, tu dưỡng và ý muốn của khách thể quyền mưu, nên chủ thể quyền mưu dù làm một việc gì, bàn luận điều

gì có thể "muốn sơ thì sơ, muốn ở thì ở, muốn đi thì đi", đạt tới hiệu quả làm chơi ăn thật.

1. THUẬT PHÁT NGÔN CỦA QUỶ CỐC TỬ

Tương truyền Quỷ Cốc tử là ông tổ của Tung hoành gia. Sách "Quỷ Cốc tử" là trước tác kinh điển của Tung hoành gia. Cuốn sách chủ yếu thảo luận về những hoạt động du thuyết, hiến kế. Quỷ Cốc tử nhằm vào đặc điểm bản thân của hoạt động du thuyết, hiến kế và những vấn đề mà ông gặp, nêu ra và luận giải rõ ràng "Thuật lượng nghi phát ngôn".

"Nghi" là gì? Theo Quỷ Cốc Tử, đó là thời cơ và trường hợp có lợi cho mình nhờ "lượng quyền" và "suy tính". "Lượng quyền" tiến hành trên nhiều mặt: "tính toán to nhỏ, mưu cầu nhiều ít, cân nhắc của cái có hay không, bao nhiêu người, địa hình hiểm trở hay không, phân biệt sự thân sơ giữa vua tôi, xem hoạ phúc trời đất." Tóm lại, khảo sát khách thể quyền mưu nhất thiết phải tỉ mỉ, chu đáo. Còn "suy tính" là "khi người ta vui nhất phải đáp ứng mong muốn của họ ở mức cao nhất, người ta có mong muốn thì không thể giấu được tình cảm; khi người ta sợ hãi nhất: thì đáp ứng cao nhất cái xấu của họ, người có ý xấu thì không thể che giấu được tình cảm". Tình hình mỗi người đều thay đổi tùy theo tâm trạng. Do đó, chỉ khi nào tâm trạng người ta bộc lộ đầy đủ, chủ thể quyền mưu mới hiểu hết tính tình thực của họ.

Nội dung "Thuật lượng nghi phát ngôn" tương đối phong phú. "Ngụy Cốc Tử" có bàn nhiều về điểm này. Thí dụ nói: "Thuyết phục vua phải nói điều mới lạ, với bầy tôi phải nói tới tư lợi". Đó là vì nói điều mới lạ với vua có thể lập nên công trạng lớn; nói tới tư lợi với bầy tôi, có thể bảo toàn tính mạng. Lại như: "Chớ gán ép cho

người điều người ta không muốn, chớ dạy điều người ta không biết" vì 2 cách làm này trái với lẽ thường tình cảm của con người, nên khó đạt được mục đích dự định. Lại nữa, "Nói với bậc trí giả, dùng lời lẽ uyên bác; nói với bậc uyên bác, dùng biện luận; nói với nhà biện luận, dùng những điều cốt lõi; nói với kẻ quyền thế, dùng thế; nói với kẻ giàu sang dùng sự cao thượng; nói với người nghèo, dùng lợi; nói với kẻ hèn, dùng khiêm nhường; nói với người dững cảm, dùng can đảm; nói với người có chí tiến thủ, dùng sự sắc bén". Hầu như đã khái quát hết những yếu lĩnh tiến hành hoạt động du thuyết, khuyên ngăn.

Quan niệm truyền thống cho rằng "Trong chiến tranh trước phạt mưu, thứ đến phạt giao". Thực ra, "phạt giao" cũng là "phạt mưu". Trong chiến tranh thông qua "phạt giao" làm tan rã phân hóa đồng minh quân sự của kẻ thù, làm sao xử lý tốt quan hệ thuận và nghịch, mới có thể thành công mỹ mãn.

Thời Xuân Thu, 2 nước Tấn và và Tấn liên kết đánh nước Trịnh, tiến gần chân thành, nước Trịnh rất nguy ngập. Trịnh Văn công bèn cử Chúc Chi Vũ đi thuyết phục Tấn lui quân. Chúc lợi dụng đêm tối tạt xuống tường thành, chạy đến trước trại quân Tấn, khóc rống lên, Tấn Mục công vội cho người bắt giữ lại. Chúc Chi Vũ vào trại quân, thôi khóc, trình trọng bẩm Tấn Mục công: "Lão thân khóc Trịnh cũng là khóc Tấn, bởi lẽ, nước Trịnh bị diệt vong là khó tránh, không có điều gì đáng tiếc, mà là tiếc cho nước Tấn!" Vua Tấn có phần không hiểu. Chúc nói tiếp: "Tấn Trịnh 2 nước xa nhau hàng nghìn dặm, ở giữa có nhà Chu và nước Tấn, nay bệ hạ và Tấn quốc hợp binh định diệt Trịnh, xin hỏi quý quốc được lợi gì? Có thể nhảy qua nhà Chu và Tấn quốc để chiếm lấy 1 tấc đất của Trịnh chăng? Hơn nữa, 2 nước Tấn Tấn sức lực tương đương, nay nếu Tấn chiếm được phần đất nào của Trịnh thì sức mạnh sẽ vượt

Tần. Nước Tần xưa nay nói không thể tin được, đã mở đất về phía đông để diệt Trịnh thì cũng có thể mở đất về phía tây để đánh Tần. Bệ hạ không thấy kinh nghiệm lịch sử Giã đạo phật Quốc đó sao? Tần mục công nghe xong, bưng tỉnh, liền liên kết ngay với Trịnh, cử 3 tướng sang giúp Trịnh giữ thành, rồi lặng lẽ rút quân về nước. Quân tướng tần thấy vậy, tự thấy một tay vỗ khó kêu, đành bãi bỏ bao vây Trịnh, rút quân về nước.

Chúc Chi Vũ khóc lui được quân Tần, khéo nắm bắt mâu thuẫn cơ bản về lợi ích giữa hai nước Tấn Tần, bắt đầu từ sự quan tâm tiền đồ nước Tần, thừa thế dễ dàng kéo đồng minh của Tấn về phía nước mình. Trong tình hình ấy mà, chúc Chi Vũ lại cầu xin quân Tần thì chỉ chứng tỏ sự hèn yếu của Trịnh, không chịu nổi một đòn; nếu trách mắng gay gắt quân Tần sẽ làm cho đối phương nổi giận, khiến họ càng ra sức đánh Trịnh. Xem ra, cách ứng xử của Chúc vẫn là lối thoát duy nhất có thể áp dụng. Đứng về quyền mưu học mà xét, Chúc Chi Vũ không khóc thì Tần Mục công sẽ không đến; không có sự phân tích của Chúc thì Tần Mục công sẽ không thay đổi ý định, rút quân về nước. Ở đây Chúc Chi Vũ đã hoàn toàn kết hợp phương thức truyền đạt và nội dung truyền đạt của quyền mưu làm một, lời nói, cử chỉ đều không để lộ dấu tích thực hiện quyền mưu, có thể nói kín như bưng vậy.

Thời Chiến quốc, các đại phu nước Tấn xảy ra tranh chấp. Trí Bá bức 2 nhà Hàn Ngụy đánh Triệu. Triệu Tương Tử giữ Tấn Dương (nay là nam Thái Nguyên tỉnh Sơn Tây) chống lại 3 nhà Trí, Hàn, Ngụy đã hơn 1 năm. Trí Bá dẫn nước làm ngập thành, uy hiếp tới tính mạng họ Triệu. Trong hoàn cảnh nguy cấp, Triệu Tương tử, sau khi phân tích kỹ, cử Trương Mạnh Đàm nửa đêm ra khỏi thành, đến thăm trại Hàn và Ngụy. Trương gặp Hàn Khanh Tử trước, trình bày rõ lợi hại nói: "Trí Bá bức các vị đánh Triệu, ý đồ rất thâm độc,

một khi hạ xong thành Tấn Dương, sớm muộn sẽ chuyển sang đánh các người. Đó là cách bẻ từng chiếc. Nay các ngài và Triệu tàn sát lẫn nhau, mỗi hờ rãng lạnh, cuối cùng rồi các ngài cũng chẳng may mắn gì. Vì vậy chỉ bằng các ngài liên minh với Triệu, thừa lúc Trí Bá không đề phòng, ta phá đê cho nước chảy ngược vào trại quân họ, rồi thúc quân đánh vào ắt đại phá họ Trí. Sau đó 3 nhà chúng ta cùng phân chia đất của họ, há chẳng phải thượng sách sao? Hàn Khang Tử ngầm nghĩ cho là phải và chấp thuận. Tiếp đó cũng lý do ấy Trương đến thuyết phục Ngụy Hoàn tử. Cuối cùng đê bị phá nước tràn ngập đại doanh họ Trí. Triệu cùng 2 nhà Hàn và Ngụy tiêu diệt Trí Bá, chia nhau đất đai, từ đó hình thành cục diện "3 nhà chia đất Tấn".

Trong chuyện này, cũng như Chúc Chi Vũ, Trương Mạnh Đàm cũng nắm vững lợi ích chung của 3 nhà Triệu, Hàn, Ngụy và sự xung đột mâu thuẫn giữa họ với họ Trí để thuyết phục Hàn Khang Tử và Ngụy Hoàn tử. Hàn, Ngụy và Triệu đã là quan hệ "như môi với răng" thì 2 nhà Hàn, Ngụy có lý do gì mà theo Trí Bá tiến đánh Tấn Dương. Đã rõ ý đồ của Trí Bá là muốn thôn tính dần 3 nhà Triệu, Hàn, Ngụy thì Hàn, Ngụy phải đứng về phía họ Triệu để tiêu diệt kẻ thù chung. Giữa Hàn Khang Tử và Ngụy Hoàn Tử với Trí Bá vốn đã có rạn nứt, lại bị Trí Bá bức đánh Triệu, nay nghe Trương Mạnh Đàm nói, liền liên kết với Triệu Trương Tử, đó là lẽ đương nhiên.

Thời Xuân Thu, Yến Anh là nhà ngoại giao xuất sắc, từng sang thăm nước Sở. Trong thời gian ở Sở, đứng trước những trường hợp gay cấn do vua tôi nước Sở cố ý bày đặt ra, Yến Anh vẫn ung dung tự tại, đẩy những vấn đề có tính chất hoang đường do đối phương nêu ra lên tới mức cực hoang đường, rồi cuối cùng lại quay về bàn nói chuyện đạo lý, khiến vua tôi nước Sở lần nào cũng tự

chước lấy phiền muộn, không thể không thay đổi bộ mặt khác, bày tỏ sự kính trọng đối với Yến Anh. Dưới đây xin nêu một chuyện:

Thời Tề Cảnh công, Yến Anh đi sứ sang nước Sở. Vua tôi nước Sở cố ý muốn làm nhục Yến Anh để tỏ rõ oai phong của mình. Họ biết Yến Anh người thấp bé, nên đã khoét một lỗ không cao bên cửa thành rồi gọi Yến Anh chui vào. Lúc này Yến Anh nói với tên lính gác giọng nghiêm nghị: "Đây là hang chó, không phải cổng thành. Nếu là ta đến nước chó thì chui qua hang; nhưng ta đến một nước của con người thì phải vào qua cổng thành. Ta đợi ở đây, phiền các người hãy đi hỏi cho rõ ràng xem rốt cuộc nước Sở là nước gì?" Có một viên quan giữ cổng thành tâu lên vua Sở những điều Yến Anh nói, Sở Linh vương đành hạ lệnh mở to cổng thành rước Yến Anh vào. Những viên đại thần trước đó muốn làm nhục Yến Anh, thì giờ đây cũng không dám có cử chỉ gì thất lễ.

Lời nói của Yến Anh đã khéo léo phản kích nước Sở, chui qua hang chó có nghĩa là vào nước chó; đi qua cổng thành nghĩa là vào nước của con người; Yến Anh ta là người, không phải là chó, nên đi qua cổng thành, không thể chui qua hang chó. Người Sở các người nếu là nước của con người, không phải nước chó thì chỉ có thể mở cổng thành, chứ không thể đào hang chó. Sở Linh vương không có gì có thể phản bác được Yến Anh, đành phải cho mở cổng thành, đón Yến Anh vào.

Trong khi 2 bên đang hội đàm, Sở Linh vương thấy Yến Anh tướng mạo xấu xí, đùa nói: "Đường đường nước Tề lẽ nào không có người sao?" Yến Anh nghe xong, Yến Anh giọng nghiêm nghị đáp: "Chỉ một thành Lâm Tri đã chật ních người, nếu mọi người cùng thở một hơi là có thể tạo thành một đám mây; lau vắt mồ hôi có thể thành một trận mưa; người đi đường nối nhau đi, chỉ cần dừng chân là người sau đã dẫm lên gót người trước. Sao đại vương lại nói nước

Tê không có người?" Vua Sở hỏi lại: "Thế tại sao lại cử khanh đến đây? "Yến Anh nghe vừa tức vừa buồn cười, nói: "Nước Tê chúng tôi có lệ là mỗi lần cử sứ giả, người tài năng đi thượng quốc, bắt tài đi hạ quốc, người cao to đến nước lớn, nhỏ bé đến nước nhỏ. Yến Anh tôi thực bắt tài, người lại thấp bé, nên được cử đến nước Sở vậy". Sở vương tự cảm thấy thất lễ, lại không ứng đối nổi, đành nhận là nói đùa vui, và dùng hậu lễ đối xử với Yến Anh.

Trong lần gặp và trò chuyện này, Sở Linh vương chỉ có một ý muốn, mà Yến Anh lại có tới 2 đoạn trả lời. Đoạn trước ứng với câu hỏi, dựa vào thực tế phản bác, đi đến câu trả lời phủ định; đoạn sau nối tiếp câu hỏi, tương kế giải thích một cách hài hước. So sánh 2 lần, lần sau hiển nhiên mang đậm sắc thái quyền mưu hơn. Theo cách nói của Yến Anh, Sở Linh vương giấu ta thấp lùn, tướng mạo xấu xí, chẳng khác nói nước Sở các người là "hạ quốc" "tiểu quốc" sao? Tự nhiên Sở Linh vương không muốn chấp nhận sự suy luận lô gích như vậy, nên đành lấy cớ là đùa vui cho qua chuyện.

Sau đó, Sở Linh vương và Yến Anh đang đứng nhìn trời trước tiền đình, có mấy tên võ sĩ trối 1 tên tù đi qua trước mặt 2 người. Vua Sở làm như không biết chuyện gì, hỏi: "Tên tù này phạm tội gì, người ở đâu?". Bọn võ sĩ thưa rằng đó là đạo tặc nước Tê". Vua Sở liếc nhìn Yến Anh, lạnh lùng nói: "Sao người nước Tê lại tội tệ như vậy? Hay ăn cắp là tính bẩm sinh?" Yến Anh biết vua Sở không thiện chí, suy nghĩ một thoáng rồi đáp: "Quýt mật Giang Nam vừa to vừa ngọt, nhưng nếu chuyển sang trồng ở Hoài Bắc sẽ biến thành quýt vừa bé vừa chua, đó hoàn toàn do nguyên nhân thổ thổ khác nhau. Cùng lí lẽ ấy, người nước Tê ở quê hương mình thì làm ăn lương thiện, khi sang đất Sở thì giở quẻ, ăn cắp lung tung, thần nghĩ có lẽ là do nguyên nhân nhập gia tùy tục đó vậy". Sở Linh vương lại

không đối đáp được, song thấy Yến Anh, thật thà thiện chí, không thể khinh nhờn, nên đành cười xuề xoa cho qua.

Trong đoạn đối đáp trên, Yến Anh không tranh luận với vua Sở người tù kia có phải người nước Tề hay không và phạm tội gì. Bởi lẽ tranh luận như thế chẳng khác gì khiêng đòn đâm ma, mà khiêng đòn đâm ma là biểu hiện thiếu năng lực tranh luận. Dưới tiền đề không phủ nhận phạm nhân kia người nước Tề, mắc tội ăn cắp, Yến Anh bắt đầu đối đáp với vua Sở. Trước hết, ông nêu lên sự hiểu biết thông thường về trồng trọt mà người đi đường cũng biết, khiến đối phương không thể hoài nghi; sau đó so sánh người nước Tề với quýt mật, lấy sự khác nhau về thủy thổ và phong tục để chứng minh bản chất người nước Tề là cần cù, chỉ vì nhập gia phải tùy tục, mới biến thành đạo tặc trên đất Sở. Sự đối đáp hùng biện như vậy, đối phương rất khó hoàn toàn phủ định được.

Đời Tần có người tên Ưu, mất họ, cao không quá 3 thước, rất hay pha trò cười, nhưng rất hợp đạo lí. Chúng tôi xin trích trong "Sử ký" 2 chuyện phúng dụ của Ưu được Quý Cốc tử gọi là "Thuật phát ngôn".

Thời Tần Thủy Hoàng trị vì, ông muốn mở rộng thêm vườn uyển cho hoàng gia đông tới Hàm Cốc Phong, tây tới Trần Thương (nay là Bảo Kê tỉnh Thiểm Tây). Nghe tin, Ưu đến gặp Doanh Chính, nói: "Tuyệt quá! mở rộng vườn uyển rồi nuôi thêm được cầm thú. Giả thử có đạo tặc từ phía đông đánh tới thì chỉ cần bảo bọn hươu nai mang sừng ra húc là đủ". Doanh Chính nghe xong liền bỏ ngay ý định trên.

Đời thứ 2, Hồ Hợi kế vị, lại định quét sơn thành Hàm Dương. Ưu biết tin, lại đến nói với Hồ Hợi: "Làm như vậy tốt vô cùng! Dù chúa thượng không nói, thần cũng sẽ xin làm. Tuy rằng quét sơn

thành rất tốt kém, làm cho muôn dân sầu muộn, nhưng lại là việc làm cực tốt. Trường thành trơn bóng, đao tặc có đến cũng không leo lên được. Trước mắt muốn sơn, gom mua sơn chẳng khó khăn gì, nhưng làm mái che tường thành thế nào đây?" Hồ Hợi nghe xong, không nhin được cười, từ bỏ ý định sơn thành.

Như chúng tôi đã nói ở phần mở đầu, ngôn ngữ hài hước có 2 đặc điểm lớn: một là hàm xúc, hai là khoa trương. Ưu không trực tiếp khuyên can mà làm ra vẻ thuận để phản lại, có thể coi là hàm xúc, cho hươu nai giết giặc và sơn thành cho bọn đao đặc không leo lên được, đó đều là khoa trương. Một người như Ưu mà dám phúng dụ hoàng thượng như vậy, có thể nói là tương đối đáng mặt. Giả thử Ưu khẳng khái nói thẳng không nên làm thế này mà phải làm thế kia, thử nghĩ Doanh Chính ngạo mạn và Hồ Hợi bạo ngược sao chịu nổi cảnh hoa chân múa tay của Ưu, tất sẽ cảm thấy bị mất uy phong và tôn nghiêm, có thể ghép Ưu vào tội chết, ai biết được.

Cuối đời Tần thiên hạ đại loạn, Vũ Thần Võ trung lực lượng đứng lên, sắp tiến đánh Phạm Dương (nay là phía nam Định Hưng tỉnh Hà Bắc). Khoái Thông người Phạm Dương đến gặp huyện lệnh, trước tiên nói một từ "Điều" sau nói từ "Hạ" khiến huyện lệnh Phạm Dương không hiểu gì cả, đành phải hỏi rõ đầu đuôi ra sao. Khoái Thông nói: "Tôi trộm nghe nói ông sắp chết nên tôi đến điều; sau ông nghe tôi, sẽ có thể sống, nên tôi đến chúc hạ". Huyện lệnh vẫn không sao hiểu nổi, bèn hỏi sao lại đến điều. Khoái giải thích: "Pháp luật nhà Tần hà khắc, ông đã làm huyện lệnh Phạm Dương đã hơn 10 năm, giết hại bố, chia lìa con cái thiên hạ, chặt chân, cách chức, nhiều không sao đếm được. Dân chúng không ai oán giận chỉ vì sợ pháp luật, nên chưa dám mũi dao vào bụng ông và diệt cả gia đình ông mà thôi. Nay thiên hạ đại loạn, pháp luật nhà Tần không còn hiệu lực, ông lấy gì tự bảo vệ? Một khi Vũ Thần

tiến đánh, dân chúng sẽ nhân cơ hội nổi dậy báo thù, sẽ giết chết ông. Chẳng lẽ không điều ông sao? May mắn có tôi đến hiến kế: Trước khi bọn chúng đến, hãy cử tôi đi du thuyết, có thể giúp ông chuyển hoạn thành phúc, hà chẳng đáng chúc hạ sao!". Huyện lệnh nghe xong thấy có lí, bèn cử Khoái đến gặp Vũ Thần. Vũ Thần thể theo đề nghị của Khoái, Phong hầu cho huyện lệnh, đồng thời tặng xe sang ngựa quý cho sang đất Triệu. Quan lại đất Triệu nghe tin đã a dua theo, chưa đầy tháng trời, Vũ Thần đã chiếm được hơn 30 thành.

Khoái nói với huyện lệnh một từ "Điều", một từ "Hạ", bắt đầu là "Điều", kết thúc là "Hạ", lúc nâng lúc hạ thật đặc sắc. Giả thử không nói điều sẽ không làm cho huyện lệnh chú ý, hoặc không nói hạ sẽ không làm cho huyện lệnh nghĩ tới việc chuyển cơ may về sau. Huyện lệnh nghe nói mình đang đứng trước hiểm hoạ máu chảy, đầu rơi, không thể không khiếp sợ. Đó là ý Khoái Thông đến điều. Huyện lệnh thuận theo thời thế, dâng thành quy phục Vũ Thần. Lại được phong hầu. Đó là lí do Khoái Thông chúc hạ. Kết hợp 2 dạng điều và hạ làm một, Khoái đã dắt mũi huyện lệnh, theo sự biến đổi về tâm lí của đối phương, thoát chuyển theo chủ trương của mình, giải quyết xong xuôi chuyện Phạm Dương.

Trong lịch sử Trung Quốc những người nói hay làm giỏi thật nhiều! Chúng tôi thấy không cần thiết liệt kê hết những lời nói và hành động của họ, mà chỉ nêu vài ba chuyện để chứng minh không phải đợi sau khi có "Thuật lượng nghi phát ngôn" của Quỷ Cốc Tử, mà Yến Anh, Chúc Chi Vũ và Trương Mạnh Đàm đều sinh trước Quỷ Cốc Tử cũng đã nắm vững bí quyết lượng nghi phát ngôn. Còn trong hoạt động du thuyết và hiến kế đã xử lí tốt quan hệ giữa thuận và nghịch, hiểu rõ cái lợi to lớn của "Thuật trọng nghi phát ngôn".

Phần này sẽ lại bàn riêng. Ai chẳng biết từ lí luận tới thực tiễn vẫn còn khoảng cách không nhỏ.

2. THUẬN Ư? NGHỊCH Ư?

Đại hà cuộn cuộn, trường giang nổi sóng, chuyện thế gian cũng như sóng nước vậy. Mỗi người từ khi chào đời tới nay, từng gặp bao điều nan giải, biết bao điều phiền muộn. Thuận ư? Nghịch ư? Xem ra không có 1 đáp án cố định. Chẳng thấy có những người nắm được thời thế, đánh địch như thế chẻ tre; có kẻ tranh nhau từ con sên cái kiến, ngồi chờ được cá; có kẻ tương kế tựu kế, dùng mách khoé đối trá; có kẻ đâm đuối vào điều mê thích, biến thù thành bạn, có kẻ giỏi xoay sở, từ hoạ sang phúc. Tất cả những kẻ đó tuy chẳng có quy luật gì đáng nói, nhưng cũng vẫn cần có cách giải thích cụ thể.

Trong sách "Trang Tử" có một chuyện có thể đem lại nhiều gợi ý. Xin dẫn chứng:

Bào Đình là người mổ trâu cho Ngụy Huệ vương. Khi đưa dao thường phát ra tiếng kêu gọn soèn soẹt, nghe như tiếng nhạc. Ngụy Huệ vương rất ngạc nhiên, hỏi Bào Đình làm sao có được kỹ thuật cao siêu như vậy. Bào Đình buông dao, đáp: "Điều thần ưa thích là đạo lý cao sâu, vượt ra ngoài phạm vi kỹ thuật. Thời kỳ đầu mổ trâu, tôi trông thấy cả con trâu hoàn chỉnh, 3 năm sau chưa từng thấy con trâu đầy đủ, như ngày nay chỉ dùng tinh thần tiếp xúc với trâu. Không cần dùng mắt nhìn. Dựa vào kết cấu tự nhiên của thân thể trâu, lách dao vào qua những kẽ hở lớn. Tiếp đó lách dao theo khe hở giữa các khớp xương, chưa bao giờ chạm phải gân mạch, hướng hồ một cục xương to như thế! Người đầu bếp giỏi một năm thay dao một lần vì họ dùng dao cắt thịt! Người đầu bếp bình

thường một tháng đổi dao một lần, vì họ dùng dao chặt xương. Con dao này của thần dùng đã 19 năm, mổ có tới mấy nghìn trâu mà dao vẫn rất sắc. Giữa các khớp xương đều có kẽ hở, còn lưỡi dao nhẹ không. Vì vậy, đã 19 năm mà lưỡi dao vẫn sắc như vừa mài xong." Ngụy Huệ vương nghe xong, khen không ngớt lời.

Câu chuyện này thường có tên gọi "Bào Đình giải ngư". Trang tử lấy chuyện Bào Đình giải ngư làm ví dụ, gồm 2 lớp nghĩa: một là "Y hô thiên lí", "Nhân kì cố nhiên", tức thuận theo quy luật tự nhiên của sự vật, không bị gò bó bởi điều kiện bên ngoài; 2 là: "dĩ vô hậu nhập hữu gian", "du nhân hữu dư" tức tránh phải trái, mâu thuẫn và xung đột, lợi dụng kẽ hở của sự vật để giải quyết vấn đề. Tuy Trang tử ở đây nói về đạo dưỡng sinh, nhưng người đời sau lí giải chuyện này ngoài lĩnh vực dưỡng sinh, coi là phương pháp chung nhận thức và giải quyết vấn đề, cũng tức là nói nhận thức và giải quyết vấn đề phải nắm điểm mâu chốt của sự vật, nắm mặt chủ yếu của mâu thuẫn. Nắm mặt chủ yếu của mâu thuẫn sẽ có thể giải quyết vấn đề 1 cách nhanh gọn, mĩ mãn.

Thời Chiến quốc, Ngụy Văn hầu cử Tây Môn Báo làm huyện lệnh huyện Nghiệp (nay là Lâm Chương tỉnh Hà Bắc). Sau khi nhận chức, Tây Môn Báo triệu tập các vị trưởng lão được trọng vọng ở địa phương để tìm hiểu nỗi khổ nhất của dân. Các trưởng lão đều nói khổ nhất là chuyện hà bá lấy vợ, làm cho dân cùng khổ hết chỗ nói. Tây Môn Báo hỏi nguyên nhân, họ đáp: "Quan giáo hoá ở huyện và các quan nhỏ địa phương mỗi năm thu của dân hàng trăm vạn tiền của, rút ra 2,3 phần dùng vào việc gọi là lấy vợ cho hà bá, còn lại bọn ông đồng bà cốt, giả thần giả thánh bỏ túi cả. Bọn này chọn một cô gái đẹp, nói là làm vợ hà bá. Người con gái đó phải tắm rửa, thay quần áo, trai giới ngồi hơn 10 ngày. Sau đó, cô gái được đặt lên một chiếc giường mới, thả trôi sông và chỉ mấy cây số

là chết đuối. Những nhà có con gái sợ phải cúng hà bá, đều bỏ đi nơi khác. Vì vậy, số đình trong huyện ít dần, đời sống ngày một cực khổ". Nghe xong, Tây Môn Báo nói với các trưởng lão: "Khi nào lấy vợ cho hà bá, mong các vị đều đến, tôi cũng đến đưa cô dâu." Hôm hà bá lấy vợ, Tây Môn Báo đến bên sông, các quan nhỏ địa phương, các trưởng lão đều có mặt, cộng thêm người xem có tới 2, 3 nghìn người. Tên thầy mò cả đem theo mấy tên dân em đứng canh Tây Môn Báo. Tây Môn Báo muốn xem cô dâu, mấy bà đồng cốt dắt cô dâu ra. Sau khi suy nghĩ kỹ, Tây Môn Báo quay lại nói với mọi người: "Cô dâu này không đẹp lắm, xin thầy mo cả nói giúp với hà bá sẽ tìm cô gái đẹp hơn, hai ngày nữa sẽ đưa xuống". Nói xong liền sai tùy tùng vớt thầy mo cả xuống sông. Một lúc sau, ông giả dạng sốt ruột nói: Sao đến bây giờ mà thầy mo cả chưa về? Cho đàn em xuống giục đi!". Nói rồi sai tùy tùng vớt thêm một bà cốt xuống sông. Sau khi vớt 3 vị xuống sông, Tây Môn Báo quay về phía mọi người nói: "Có lẽ mấy người nói không rõ ràng, nay xin mời các tam lão đi một chuyến xem sao". Tùy tùng lại vớt một vị tam lão xuống sông tiếp. Tây Môn Báo cài bút lên mũ, đứng khom người đợi trên bờ. Bọn quan nhỏ địa phương, các trưởng lão đứng bên đều sợ hết vía. Tây Môn Báo quay lại như muốn cử thêm người nữa xuống. Cả bọn sợ quá vội quỳ dập đầu xuống đất liền hồi, thậm chí vỡ cả trán. Tây Môn Báo thấy vậy, một lát sau lại nói: "Thôi, các người đứng lên đi! Xem ra hà bá giữ các vị đó ở lại chơi rồi, ta về thôi!". Từ đó, quan chức, dân trong huyện đều khiếp sợ, không dám nhắc tới chuyện lấy vợ cho hà bá nữa. Đây là trường hợp Tây Môn Báo cai trị huyện Nghiệp. Ông qua điều tra thực tế, biết rõ sự câu kết giữa hào lý, quan chức huyện và bọn tam lão với thầy mo, lợi dụng hủ tục "Hà bá lấy vợ", công nhiên sát hại dân lành, vợ vét của cải. Ông quyết tâm xóa bỏ hủ tục, cứu dân. Bước một giả dạng đồng tình nói ý kiến bọn tam lão và thầy mo, cùng dự hội "Hà bá

lấy vợ" để họ lộ hết bộ mặt độc ác của họ. Đây là cách làm muốn bắt nhưng cố ý thả của Tây Môn Báo. Bước hai, trong hội "Hà bá lấy vợ" ông mượn cơ chọn vợ cho hà bá không đẹp, để rồi lần lượt ném tên thầy mo cả, ba tên thầy mo và một vị tam lão xuống sông, vừa trừng trị kẻ gây tội ác, vừa để mọi người tận mắt thấy, nhận rõ chuyện "hà bá lấy vợ" là lừa bịp. Phương pháp "gây ông đập lưng ông", trừng trị bọn ác, giáo dục người bị hại, quả là một công đôi ba việc. Bước ba, sau khi đã trừng trị bọn ác, Tây Môn Báo làm ra vẻ nóng lòng chờ tin hà bá của những tên đã bị ném xuống, thực tế là làm cho bọn quan nhỏ địa phương hào lí và trưởng lão về mặt tâm lí càng bị chấn động, khiến chúng không dám tiếp tục tác yêu tái quái. Thấy cảnh bọn quan nhỏ, hào lí, trưởng lão sợ bị vất xuống sông mất cát không còn hột máu khâu đầu như bồ cùi, thật không nhìn được cười. Toàn bộ quá trình diễn biến của câu chuyện không chỉ uyển chuyển nhiều về, mà còn có phần không ngờ tới. Tây Môn Báo lợi dụng trò "hà bá lấy vợ" trong chốc lát đã xóa bỏ một hủ tục lâu đời. Bí quyết thành công này đương nhiên cần phải phân tích nhiều mặt, song coi là hạt nhân quyền mưu mà xét, giả dạng thuận theo để rồi lấy "gây ông đập lưng ông", trừ bọn ác, kêu gọi tâm linh người sống, đó là điều chúng ta phải nhận thức trước tiên. Không lạ gì khi có người bình luận: "Lấy vợ để tránh chết đuối, đề mục nghe rất lớn, ngu dân tin vào điều mê hoặc đã lâu, nếu bài xích thẳng ngay, dân sẽ không tin, chỉ có tự mình tới nơi, ngôn ngữ khúc triết, khiến dân không tin chuyện bịa đặt, sợ chết, có bắt đi cũng không dám làm, từ đó bỏ được trò lừa bịp.

Theo quan điểm của chúng tôi thì những lời bình luận trên một phát trúng đích, rất có lí.

Trong khi nhận thức và xử lí vấn đề, nắm được máu chốt của sự vật và mặt chủ yếu của mâu thuẫn là hết sức quan trọng. Song,

trong nhiều trường hợp chủ thể quyền mưu đứng trước vấn đề không đơn thuần, tương đối tĩnh tại, mà là sự xung đột mâu thuẫn bên trong khách thể quyền mưu, phức tạp và đang biến động. Như vậy là chủ thể quyền mưu không cần áp dụng hành động gấp cũng có thể thấy được cảnh cả hai đều tổn thương, sau đó trên đà ấy tích cực can thiệp vào sẽ có thể đạt được mục đích mà lúc thường khó đạt.

Thời Chiến quốc, Hàn, Ngụy, hai nước đánh nhau mấy năm liền không dứt. Tần Huệ Văn vương muốn xuất binh giúp Hàn, bèn hỏi ý kiến tả hữu có người nói nên giúp, người lại nói không nên. Tần Huệ Văn vương do dự chưa quyết. Đúng lúc đó Trần Chấn ở nước ngoài về, Huệ Văn vương liền hỏi kế. Trần Chấn nói: "Bệ hạ đã nghe chuyện Biện Trang Tử đâm hổ chưa? Biện Trang Tử thấy 2 con hổ đang ăn một con trâu, định xông vào giết chúng. Một thanh niên ngăn lại nói: "Hai con hổ mới bắt đầu ăn đều đang sướng, một lúc nữa chúng ắt tranh mỗi, cắn xé nhau. Kết quả con to sẽ bị thương, con nhỏ sẽ bị cắn chết. Lúc đó ông vào đâm hổ mới là nhất cử lưỡng tiện". Biện Trang tử nghe có lí, đứng ngoài đợi. Một lúc sau 2 con hổ cắn nhau dữ dội. Kết quả một bị thương, một bị chết. Biện Trang tử xông tới đâm chết con bị thương, quả là nhất cử lưỡng tiện. Nay Hàn và Ngụy giao tranh đã lâu năm. Kết quả tất nhiên nước mạnh cũng sẽ tổn thương, nước yếu sẽ bị diệt vong. Lúc đó, bệ hạ xuất quân đánh, tổn ít sức mà lợi lớn. Cũng như chuyện, Huệ Văn vương nhận thấy ý kiến phân tích rất hay, bèn không động binh. Về sau, do chiến tranh liên miên, cả hai nước Hàn và Ngụy đều bị tổn thất nặng nề. Nước Tần không gặp trở ngại gì lớn, thôn tính cả 2.

Chuyện kể của Trần Chấn, trong thành ngữ tiếng Hán hiện đại gọi là "Toạ sơn quan hổ đấu". Đúng về quyền mưu học mà nói, ta

có thể dùng để ví với chủ thể quyền mưu trong khi nội bộ khách thể quyền mưu có xung đột mâu thuẫn, dùng thái độ thờ ơ bàng quan; đôi khi cả hai đều tổn thương, mới tích cực hành động, giành thắng lợi như chuyện trai cò đánh nhau, ngư ông được lợi, cùng có một hạt nhân quyền mưu, tức chủ thể quyền mưu lợi dụng sự xung đột mâu thuẫn của khách thể quyền mưu và kết cục của nó.

Huệ Văn vương nước Triệu khi đang trị vì, đang muốn cất quân đánh Yên, Tô Đại can nói: "Thần ở nước Yên về lần này qua sông Dịch Thủy, thấy một con trai đang ngoi lên bờ phơi nắng; 1 con cò bay đến mổ thịt trai, trai vội khép vỏ lại và cặp chặt lấy mỏ cò. Cò bảo trai: "Hôm nay không mua, mai cũng không mua sẽ có trai chết." Trai nói: "Hôm nay không tha anh mai cũng không tha sẽ có cò chết". Hai con không ai chịu ai. Một ngư ông đi qua bắt được cả 2 mang đi. Nay Triệu sắp cất quân đánh Yên mà Yên Triệu bao đời hòa hiếu, nhân dân sẽ khổ cực vô vãn. Thần thực đáng lo nước Tần hùng mạnh sẽ như ngư ông nọ vậy. Mong đại vương suy tính kĩ cho." Huệ Văn vương nghe thấy phải, nên không đánh Yên nữa.

Chuyện cò, trai đánh nhau, ngư ông được lợi được ví với quan hệ giữa 3 nước Triệu, Yên và Tần. Yên Triệu đánh nhau giống như cò và trai đánh nhau sẽ tạo cơ hội tốt cho Tần. Nước Tần là chủ thể quyền mưu. Trong lúc Triệu Yên chưa phân thắng bại, có thể thôn tính cả 2 như ngư ông vậy. Xuất phát từ lợi ích quốc gia, nếu xuất hiện trường hợp này đối với nước Triệu là có hại vô cùng. Vì vậy Huệ Văn vương đã nghe lời khuyên của Tô Đại, bỏ ý định đánh Yên.

Dù là tọa sơn quan hổ đấu hay cò trai đánh nhau, ngư ông được lợi, chủ thể quyền mưu đều đứng trước sự xung đột mâu thuẫn đang diễn ra bên trong khách thể quyền mưu. Khác với truyện trên, trong truyện tương kế tựu kế và đối trá gặp đối trá, chủ thể quyền

mưu gặp phải là quyền mưu do khách thể quyền mưu truyền tới. Nói một cách khác, tương kế tựu kế, đối trá gặp đối trá là phản ứng có hiệu quả đối với quyền mưu do khách thể quyền mưu truyền tới. Ở đây quan hệ chủ khách thể quyền mưu ban đầu đã đảo chiều ngược: chủ thể chuyển thành khách thể, khách thể chuyển thành chủ thể, cũng như trong phiên tòa nguyên cáo thành bị cáo và ngược lại.

Thời sơ Hán, sau khi Hàn Tín đã chiếm Tề, liền cử người về tâu Lưu Bang: Dân đất Tề xảo trá, luôn biến đổi, lúc hàng lúc phản, cộng thêm phía nam giáp Sở, nếu không tạm dựng vua giả để trấn áp, tình hình ở đây sẽ không ổn định. Vì vậy, kính mong đại vương cho thân tạm thay cương vị Tề vương. "Lúc này Lưu Bang đang bị Hạng Vũ vây khốn ở Quynh Dương, nên xem thư Tín, nổi giận dùng dằng, quát: "Ta đang bị khốn ở đây, mong người đem quân về giải vây từng ngày, người lại muốn tự lên ngôi vua sao!" Trương Lương, Trần Bình đứng lên, khẽ đạp lên chân Lưu Bang ra hiệu, rồi ghé tai Lưu Bang nói nhỏ: "Chúng ta đang lâm vào tình thế bất lợi, lẽ nào lại cấm Hàn Tín xưng vua? Chi bằng thừa cơ cứ phong hân làm vua nước Tề để hân tìm cách giữ đất ấy. Nếu không, e rằng sẽ xảy ra biến cố." Lưu Bang vốn nhạy bén, nhận ra ngay liền mừng sứ giả của Hàn Tín: "Đại trượng phu bình định được chư hầu, muốn làm vua thì làm hân vua thật mới đúng, sao lại nói làm vua giả?". Tiếp đó cử Trương Lương mang ấn triện sang Tề, lập Hàn Tín làm Tề vương, đồng thời truyền đạt ý kiến hội công Hạng Vũ. Hàn Tín được phong vương trong lòng rất mừng, vui vẻ chấp nhận yêu cầu của Lưu Bang, không lâu sau, thống lĩnh bộ tướng hội chiến Cai Hạ.

Lưu Bang vốn là người lão luyện trong lĩnh vực quyền mưu, song xử lý việc Hàn Tín xin phong vương chút nữa phạm phải sai

lâm nguy hiểm. May có Trương Lương, Trần Bình ở bên kịp thời uốn lại mới che đậy được sai lầm vốn vừa mới lộ. Thử nghĩ, Hàn Tín liền tiếp đánh chiếm Ngụy, Triệu, Yên, Tề, đất rộng bao la, chiếm địa vị quan trọng giữa 2 tập đoàn Lưu Bang và Hạng Vũ. Hàn Tín xin Lưu Bang cho tam thay cương vị Tề vương nói khéo là để ổn định tình hình nhưng thực tế là tư tưởng công thần, hy vọng xưng bá mà thôi. Lưu Bang chính vì nhận ra tâm địa thực của Hàn Tín nên mới nổi giận, hầu như quyết đoán mất lí trí. Trương Lương và Trần Bình hiểu rõ, nếu không cho Hàn Tín xưng vương sẽ xảy ra biến cố nên đã gạt chân nói thầm khuyên Lưu Bang tương kế tựu kế. Lưu Bang vốn sắc sảo thông minh nghe hiểu ngay, lập tức từ giận dữ sang mắng, lấy mắng để che sự giận dữ, đồng ý phong Hàn Tín làm vua thực, đồng thời kèm thêm ý kiến hội công Hạng Vũ. Quá trình chuyển biến tâm lí từ giận dữ sang mắng và cái ý mắng chứng tỏ Lưu Bang có khả năng và kỹ xảo tuý cơ ứng biến cao siêu.

Cuối thời Đông Hán, Tào Tháo sau khi chiếm được Kinh Châu, lại dùng Thái Mạo, Trương Doãn là hàng tướng, tích cực thao luyện thủy quân, chuẩn bị tiến đánh Đông Ngô. Thái Mạo và Trương Doãn thông thạo thủy chiến, thực sự là mối hoạ lớn đau lòng của Đông Ngô. Đại đô đốc Đông Ngô là Chu Du vô cùng lo lắng về việc này. Đúng lúc ấy Tào Tháo phái Trương Cán sang Đông Ngô, lợi dụng quan hệ bạn học cùng trường với Chu Du để thuyết hàng, vừa thám thính tình hình thực hư của đại doanh Đông Ngô. Chu Du tiếp Trương Cán, biết rõ ý định của Cán, liền quyết kế lợi dụng dịp này li gián Tào Tháo để giết Mạo và Doãn, dùng bàn tay của Tào Tháo để giết Mạo và Doãn. Sau bữa tiệc tối, Chu Du vờ say rượu, ngủ cùng giường với Trương Cán. Vì không thuyết phục được Chu Du hàng, Trương Cán nằm trằn trọc không sao ngủ được, liền ngồi dậy, qua ánh đèn Cán thấy trên án thư có 1 phong thư liền lấy

xem: đó là thư hẹn hàng của Thái Mao và Trương Doãn viết cho Chu Du. Lợi dụng lúc Chu Du đang ngủ say, lấy phong thư lên ra ngoài, mang phong thư về trình Tào Tháo xem. Tào Tháo nổi giận ra lệnh chém đầu Thái Mao và Trương Doãn. Như vậy là Chu Du đã tạo ra bức thư giả, mượn tay Tướng Cấn và Tào Tháo trừ cho Đông Ngô một họa lớn đau lòng.

Đây là hoạt động li gián lấy lừa dối trị lừa dối. Người xưa nói: "Quỹ cao 1 xích, đạo cao 1 trượng" Tướng Cấn đến Đông Ngô 1 mặt thuyết hàng, mặt khác là thám thính tình hình. Ý đồ ấy làm sao thoát được con mắt nhạy bén hơn người của Chu Du. Xuất phát từ lợi ích của Đông Ngô, thuận nước đẩy thuyền, Chu Du đã lợi dụng lại bàn tay Tướng Cấn chuyển bức thư giả về cho Tào Tháo, dẫn đến việc Tào Tháo giết nhầm Thái Mao và Trương Doãn. Thật là chuyện dựa vào tình bề bạn để làm gián điệp mà không thành, lại bị thiên hạ lợi dụng.

"Mỹ nhân kế" là kế thứ 31 trong "36 kế". "Bình cương giả, công kì tướng; tướng trí giả, phạt kỳ tình; tướng nhược binh đồn, kì thế tự uỷ. Lợi dụng ngự quan, thuận tương bảo dã". Có nghĩa là đối với kẻ địch binh hùng mạnh, phải khống chế tướng soái; đối với tướng soái tức trí đa mưu, phải làm cho ý chí xói mòn. Ý chí tướng sa sút, tinh thần quân sĩ sút kém sẽ mất sức chiến đấu. Lợi dụng nhược điểm của kẻ thù để phân hoá, làm tan rã chúng sẽ có thể bảo toàn được mình. Người ta thường nói: "Anh hùng khó vượt mĩ nhân quan". Chủ thể quyền mưu vận dụng nữ nhân kế, không phải là trực tiếp áp dụng thủ đoạn chinh phục, mà là "nuôi dưỡng loạn thân để mê hoặc, tiến cử người đẹp làm mê muội". Những kẻ quyết sách mà ý chí bạc nhược, tuy mang trọng trách, song vẫn còn có tham vọng thoả mãn mong muốn riêng tư đã tạo cho người đời cơ hội sử dụng "Đạn bọc đường". Chủ thể quyền mưu thông minh đứng trước đối

thủ như vậy thường tìm cách lấy lòng họ, mua chuộc, biếu xén, khiến họ lơ là cảnh giác, hoặc phục vụ mình.

Đồng Trác sau khi cướp ngôi, trong triều bất hoà với Đinh Nguyên, nhưng thấy Lã Bố là con nuôi của Đinh Nguyên dũng mãnh khác thường, không thể xem thường liền tìm cách lung lạc để khử Đinh Nguyên. Lý Túc biết Lã Bố là người thế nào, nên nói với Đồng Trác: "Lã Bố hữu dũng vô mưu, thấy lợi quên nghĩa, thần xin đi dụ hàng". Đồng Trác rất mừng, liền sai Lý Túc mang theo vàng bạc, châu báu cùng ngựa xích thố đến dụ Bố. Bố mở rượu khoản đãi Lý Túc. Khi rượu đã ngà ngà say, Lý Túc cố ý kích Lã Bố: "Ta và hiền đệ thỉnh thoảng mới gặp nhau chẳng hay lệnh tôn đại nhân có hay đến không?" Lã Bố đáp: "Phụ thân tôi qua đời bao năm rồi, làm sao còn gặp được huynh nữa!" Lý Túc tiếp: "Ta muốn nói Đinh Nguyên. "Lã Bố không giấu oán hận nói: "Tôi làm bộ hạ của Đinh Nguyên thật chịu không nổi, làm sao so sánh với phụ thân tôi được?". Lý Túc cả cười nói: "Hiền đệ tài và trời lập biển sao phải cam chịu khuất phục như vậy?" Lã Bố đáp: "Chỉ hận chưa tìm được minh chủ". Lý Túc thấy Lã Bố đã bị kích, liền hiển lễ vật và trình bày chuyện về theo Đồng Trác. Lã Bố vốn thích ngựa xích thố, lại tham của, nên nghe theo sự sắp xếp của Lý Túc, giết Đinh Nguyên, mang thủ cấp Đinh về theo Đồng Trác.

Dưới ngòi bút La Quán Trung, Lã Bố vừa là vị anh hùng thiện chiến, vừa là tên tham lợi vong nghĩa. Thâm mưu độc kế của Lý Túc một mặt dùng châu báu, ngựa quý mua chuộc, mặt khác dùng lời nói khôn khéo lung lạc, 2 mặt giáp công, đã nhanh chóng làm tan rã ý chí Lã Bố, khiến Bố thay đổi sự lựa chọn chính trị của mình. Về sau, do sự khiêu khích li gián của quan tư đồ Vương Doãn, Lã Bố lại 1 lần nữa thay đổi sự lựa chọn chính trị của mình. Lần này Lã Bố không qua được sự quyến rũ của người đẹp, tranh

giành Diêu Thuyền với Đổng Trác, cuối cùng không kìm nổi máu ghen, đã giết chết Đổng Trác, cuối cùng không kìm nổi máu ghen, đã giết chết Đổng Trác, theo Vương Doãn. Vương Doãn cũng giống Lý Túc, đều lợi dụng chỗ khiếm khuyết của Lã Bố làm điểm đột phá rồi lung lạc, trói buộc, đùa giỡn và sử dụng cái vốn có ở đối phương.

Thời Đường Cao tông trị vì, người Đột Quyết làm phản, chống lại triều đình. Bùi Hành Kiệm dẫn quân tiêu phạt. Ông biết, người tiền nhiệm Túc Tự Nghiệp đã chinh phạt Đột Quyết, nhiều lần thu trận đều do đoàn xe vận tải bị người Đột Quyết cướp hết, khiến quân thiếu lương ăn. Lần này Bùi Hành Kiệm giả làm 300 xe chở lương, trên xe là những tráng sĩ đã qua tuyển chọn mang theo dao, cung, kéo đẩy xe là binh lính già yếu; xa xa sau đoàn xe là quân sĩ tinh nhuệ. Bọn Đột Quyết phát hiện đoàn xe chở lương, quả nhiên đến cướp. Lính kéo đẩy xe mỗi người chạy một ngã. Chúng không đuổi người, chỉ kéo xe lương ra bãi cỏ, tháo yên thả ngựa. Khi chúng chuẩn bị dỡ lương thực thì các tráng sĩ trên xe bỗng vùng lên, tinh binh phía sau vượt lên, trong nháy mắt giết gần hết bọn Đột Quyết. Từ đó, bọn địch không dám tùy tiện cướp đoạt xe lương của triều đình.

Đây thực sự là trận vây diệt tuyệt vời có chuẩn bị trước. Bùi Hành Kiệm dùng binh tác chiến giống như 2 trò chơi, lợi dụng thói quen của Đột Quyết, nắm vững mâu chốt vấn đề. Đột Quyết là dân tộc du mục, sinh sống bằng chăn nuôi, tư liệu sinh hoạt thiếu thốn, thường dùng cách cướp đoạt chiến đấu lưu động nên quân nhà Đường không thể tập trung tiêu diệt. Bùi Hành Kiệm nắm vững đặc điểm đó, đánh lừa rồi dùng 2 mặt giáp công, quân Đột Quyết hoàn toàn không có chuẩn bị, chạy đâu cho thoát.

Hãy trở lại vấn đề xử lí thuận và nghịch, thường thường năng về mặt thuận. Nguyên nhân ở chỗ đẩy thuyền xuôi dòng thường dễ hơn đẩy thuyền ngược dòng. Có điều trong vận dụng thực tế thuận và nghịch cũng không tuyệt đối. Là chủ thể quyền mưu, có thể dùng thủ đoạn thuận để đạt tới mục đích ngược lại, cũng có thể dùng thủ đoạn nghịch đạt tới mục đích thuận. Thuận và nghịch có liên quan với nhau thâm nhập vào nhau và tương phản nhau. Do đó chúng ta phải có thái độ biện chứng nhìn vấn đề này.

3. TRUNG TÂM CÂU TRUYỆN LÂU ĐỜI: DÙNG GIÁN ĐIỆP

Thời đại truyền thống, dù trong lĩnh vực chính trị, ngoại giao hay quân sự sử dụng gián điệp đều là hoạt động rất có giá trị. Hoạt động này có liên quan với vấn đề sáng và tối, thật và giả, cũng có thể nhất trí với quan hệ mạnh và yếu, hư và thực, cũng có thể liên quan tới thủ đoạn thẳng và cong, cương và nhu. Chúng tôi chỉ dựa vào đặc điểm coi trọng dùng gián điệp hơn dùng "nòng cốt" để tập trung nói ở đây.

"Bình pháp Tôn Tử" nói: "Dùng gián điệp có 5 loại: nhân gián, nội gián, phản gián, tử gián, sinh gián. Ngũ gián đều nổi, không rõ đường hướng, cho là phép tắc của thần, phép bảo của vua vậy". Dùng gián điệp để trinh sát, lôi kéo và lật đổ thường thường là con đường có hiệu quả nhất. Vì vậy, trong lịch sử Trung Quốc trường hợp sử dụng gián điệp nhiều vô kể, thành công có, thất bại có, khó mà thống kê hết được.

Nhân gián là lợi dụng quan hệ đồng hương hoạt động gián điệp. Tất nhiên, ngoài quan hệ đồng hương, các quan hệ khác như họ hàng, bè bạn, bạn học, đồng nghiệp và các quan hệ xã hội khác cũng đều có thể lợi dụng.

Cuối đời Nguyên. Trần Hữu Lượng mời Trương Sĩ Thành cùng chuẩn bị hợp đồng tiến công Chu Nguyên Chương. Chu Nguyên Chương để tránh lâm vào tình trạng phải đối phó cả 2 mặt, quyết định dụ Trần Hữu Lượng đến đánh trước rồi mai phục tiêu diệt. Chu đã dùng bạn cũ của Lượng là Khang Mậu Tài viết thư trá hàng, sẽ làm nội ứng, đồng thời hẹn gặp nhau tại Giang Đông kiều (nay là cửa đông Nam Kinh), ám hiệu là "Lão Khang". Trần Hữu Lượng nhận được thư Khang Mậu Tài, không đợi hồi âm của Trương Sĩ Thành vội vã xuất quân. Sau khi tới Giang Đông kiều, không thấy ám hiệu, biết là bị lừa vội phái 1 vạn quân lên bờ dựng lán. Chu Nguyên Chương thấy Lượng đã lọt vào vòng phục kích, thừa lúc quân Lượng lên bờ dựng lán chưa xong, phát lệnh công kích. Quân tướng của Lượng bị 2 mũi thủy lục giáp công, lập tức rối loạn, bị chết, bị thương, bị bắt hơn 2 vạn, Lượng nhảy lên thuyền con chạy thoát.

Trận này Chu Nguyên Chương đánh thắng là do biết lợi dụng tâm lý kiêu ngạo khinh địch, nóng nảy của Trần Hữu Lượng, lừa địch dẫn sâu vào rồi tập trung binh lực mai phục tiêu diệt. Đặc biệt là lợi dụng quan hệ bạn bè, dặt mồi, khiến Lượng vội dẫn xác tới. Đó là 1 chiêu vô cùng cao siêu. Ngược lại, Lượng thất bại là do khinh địch, nhẹ dạ, nhận được thư trá hàng của bạn đã tưởng bắt được vàng, không đợi hành động hiệp đồng của Thành, đã mạo hiểm dẫn thân vào nơi hiểm hòng ăn may. Đó thực là 1 hành động lỗ măng, trái với phép dùng binh.

Nội gián là dùng người phía bên địch hoạt động gián điệp. Thế gian có nhiều loại người: có người một bước lên mây, có người công danh không thành; có người liêm khiết vô tư, có người vô tình riêng thiên tư; có người thành thật, chân chất, lại có người gian trá xảo quyệt; có người lòng dạ thư thái, lại có người tức bực đầy

bụng... Ngay cả trong một con người cũng vẫn có mâu thuẫn này, mâu thuẫn khác. Vì vậy chúng ta nói người là mối tổng hoà của những ưu điểm và nhược điểm, sở trường và sở đoản. Chính vì lợi dụng nhược điểm và sở đoản của con người mà chủ thể quyền mưu có thể thông qua mọi con đường gồm làm tan rã về chính trị, dụ dỗ về quyền lực, mua chuộc bằng tiền tài v.v... khiến người phục vụ mình.

Thời sơ Hán, Lưu Bang dẫn quân đánh rợ Hung Nô, bị Mạo Đồn Đôn Vu vây khốn ở Bạch Đăng Sơn (nay là đông Đại Đồng tỉnh Sơn Tây), quân sĩ đói rét, tổn thất nặng nề, tình thế vô cùng nguy cấp. Lúc đó Trần Bình dâng kế, dùng hậu lễ mang biểu chính thất của Hung Nô, lợi dụng ảnh hưởng của thị đế giải vây, Lưu Bang chấp thuận. Khi người của Lưu Bang mang vàng bạc châu báu tới, vợ Hung Nô đã mê lòng. Tiếp đó, sứ giả lại đưa ra 2 bức tranh mỹ nhân và nói: "Hoàng đế Trung Nguyên c đại vương không chịu lui binh nên đã chuẩn bị sẵn 1 nữ nhân đẹp nhất bản xứ dâng đại vương. Đây là ảnh mỹ nhân ấy xin dâng đại vương xem trước". Thị nghe xong bỗng con ghen nổi lên, liền vội nói: "Không cần, ta sẽ khuyên đại vương lui quân là xong". "Không bao lâu, Mạo nghe lời khuyên của vợ, hạ lệnh rút quân. Lưu Bang rút tàn quân về.

Chuyện này không thấy ghi chép trong chính sử, song lưu truyền rất rộng rãi. Trần Bình dùng kế không những phát huy được hiệu quả mua được bằng tiền bạc, mà còn lợi dụng tâm lý đố kỵ cố hữu của đàn bà, nên đã biến vợ Hung Nô thành nội gián của quân Hán. Tương tự, Việt vương Câu Tiễn vì mục đích phục quốc diệt Ngô nên đã mua chuộc Bá Hi được Ngô vương sủng ái; Nước Tấn trong trận chiến với Sở đã lôi kéo Cẩn Thuợng, Trịnh Tụ cận thần của Sở vương, đều là những dẫn chứng thông qua nội gián thúc đẩy sự nghiệp sớm thành công.

Tử gián là cố ý phao tin thất thiệt, để bọn có tư tưởng làm phản trong nước biết để rồi báo cho địch: sau khi địch bị lừa và thất bại, thường đem chúng giết đi, gọi là tử gián. Chủ thể quyền mưu vận dụng tử gián, mấu chốt là giả mượn lời nói và hành động của bọn phản loạn trong nước khiến địch quyết sách sai lầm, bị tổn thất rồi giết bọn phản loạn trong nước của ta. Phương thức này có ý nghĩa mượn dao giết người hay ném đá giấu tay vậy. Thời Tam quốc, tướng giữ thành Tây Lăng nước Ngô là Bộ Xiển dâng thành hàng Tấn. Lục Kháng được tin báo, lập tức dẫn quân đi dẹp loạn. Đến Tây Lăng, Lục Kháng dừng lại ngoài thành xây đắp công sự, không đánh thành ngay. Không lâu sau, nước Tấn phái Dương Triệu đem quân đến tiếp cứu Tây Lăng. Đô đốc quân Ngô là Du Tán đột nhiên ra hàng. Lục Kháng phân tích: Du Tán là tướng lão luyện của quân Ngô, hiểu rõ hư thực quân Ngô. Trong quân Ngô lính dân tộc Dị huấn luyện ít, sức chiến đấu kém. Qua Du Tán, Dương Triệu sẽ nắm được tình hình này, ắt sẽ tấn công vào trận địa binh lính Dị trước. Lục Kháng đã điều quân già dặn kinh nghiệm chiến đấu đến thay thế quân lính Dị.

Quả nhiên ngày hôm sau, Dương Triệu tiến công trận địa binh lính Dị, vấp phải sự chống trả mãnh liệt của quân thiện chiến, cự không nổi, suốt đêm ấy bỏ chạy. Lục Kháng không truy kích, chỉ chiêuing chống âm ỹ giả dạng đuổi theo. Vì vậy Dương Triệu nghi ngờ quân Ngô đã bố trí sẵn sàng vậy rồi cho Du Tán dụ hãn vào bẫy, nên đã giết Du Tán. Ngay tiếp đó, Lục Kháng phát lệnh đánh thành, và giành lại Tây Lăng. Dương Triệu nổi giận giết luôn cả Bộ Xiển.

♣ Đây là một màn tử gián chiến ngoan mục! Lục Kháng mưu trí nhằm vào tin tức tình báo mà bọn phản nghịch có thể cung cấp cho quân Tấn và hành động mà kẻ địch có thể áp dụng để điều chỉnh lại

sự bố trí, khiến ngay trận đầu quân Tấn đã bị dồn đau. Dương Triệu do thất trận nên sinh nghi, lại vì mối nghi ngờ không được giải quyết dẫn đến giết Du Tấn, Bộ Xiển, thay quân Ngô giết 2 tên phản nghịch đáng nguyên rủa.

Sinh gián là phái người sang trinh sát phía địch rồi trở về báo cáo kết quả. Có thể là cử người tài trí du thuyết, hoặc sống lẫn trong tập đoàn thống trị của địch; có thể với 1 nghề nghiệp nào đó luồn sâu mai phục trong lòng địch hoặc trinh sát tình hình rồi rút nhanh. Tất cả đều khiến sinh gián càng có sắc thái thần bí.

Sau khi Vũ Linh vương nước Triệu thoái vị để khảo sát hình thế núi non nước Tấn và đặc điểm con người vua Tấn, ông đã sắm vai một sứ giả tự xưng là Triệu Chiêu, dẫn theo mấy người tùy tùng đến thẳng Hàm Dương, gặp Chiêu Nhượng vương nước Tấn, bàn chuyện biến động cục diện chính trị nước Triệu. Chiêu Nhượng vương thấy vị sứ giả này ngôn ngữ, cử chỉ nho nhã, lại cứng rắn rất giống một nhân vật kiệt xuất, bèn cử người mời Triệu Chiêu đến hội đàm. Tùy tùng của Triệu nói: "Sứ thần chúng tôi đột nhiên phát bệnh, xin để mấy ngày nữa sẽ vào triều yết kiến đại vương". Mấy ngày sau, Chiêu Nhượng vương lại cho người tới nhà khách mời thì không thấy Triệu Chiêu đâu nữa. Trong nhà khách còn lại 1 người xưng là sứ giả nước Triệu và được mời tới gặp Chiêu Nhượng vương. Chiêu Nhượng vương hỏi chuyện mới biết mình mắc lừa, lừa giận đùng đùng, liền phái binh đuổi theo. Khi đuổi tới Hàm Cốc quan, quan giữ ải nói: "Sứ giả nước Triệu qua đây đã ba ngày rồi."

Vũ Linh vương nước Triệu thật dững cảm mưu trí! Là một người chủ chốt của một quốc gia, đóng vai sứ giả đi khảo sát hình thế trong nước của cường quốc Tấn. Trong màn sinh gián này, Vũ Linh vương đã mạo danh Triệu Chiêu để hành động được tự do hơn, rồi giả bệnh để đảng hoàng trở về. Ông khảo sát nước Tấn là muốn

một phen sống mái với Tần; tìm hiểu vua Tần là muốn cùng Tần vương tranh cao thấp. Đáng tiếc vị vua có hoài bão lớn này chưa kịp thi thố tài năng đã bị đứa con thêm khát quyền lực bức tử trong cung.

Phản gián là mua chuộc hoặc lợi dụng gián điệp của địch phái đến để làm việc cho ta. Chủ thể quyền mưu vận dụng kế phản gián dù là mua chuộc "gián điệp kép" hoặc một chiều cũng đều là bố trí bẫy lừa địch.

Khi làm Tổng quản an úy đô hộ Đông Kinh Hồ, Nhạc Phi đã từng dẫn quân đến Lĩnh Biểu Quảng Tây chinh phạt Tào Thành. Trên đường hành quân, quân sĩ bắt được một tên gián điệp, trói mang về dưới trướng khi Nhạc Phi đang nghị sự, có người đến hỏi trong quân hết lương, giải quyết ra sao. Nhạc Phi cố ý nói: "Tam rút về Trà Lãng, đợi bổ sung". Nói xong, giả vờ vô tình nhìn thấy tên gián điệp, làm ra vẻ để lộ bí mật nên bực mình lui vào. Tiếp đó lệnh bộ hạ vờ vô ý để tên gián điệp trốn thoát. Nhạc Phi dự đoán Tào Thành được tên gián điệp báo cáo nhất định sẽ cử binh truy kích, liền bí mật vòng qua núi, lợi dụng đêm tối vu hồi về phía sau trại địch, lệnh cho binh sĩ bất ngờ hét to: "Quân Nhạc Phi đến rồi", rồi thừa thế đánh mạnh vào trại địch. Quân Tào hoảng hốt, liên tục mất nhiều vị trí hiểm yếu, khốn quân đành phải chấp nhận chiêu hàng.

Câu chuyện trên chủ yếu gồm ba tình tiết: Một là, Nhạc Phi biết rõ ý định của tên gián điệp nên tiết lộ một cách tự nhiên tin tức giả; hai là cố ý để sơ hở cho tên gián điệp trốn thoát, mang tình báo giả về cho đối phương; ba là, nhằm vào hành động mà địch có thể áp dụng, lợi dụng sơ hở, đánh đòn mãnh liệt. Khẩu nọ nói khẩu kia thật sinh động chẳng e trách thiên hạ thường nói kế phản gián là kế sinh động nhất, sôi nổi nhất trong hoạt động gián điệp.

Ngoài ngũ gián nêu trong "Bình pháp Tôn Tử", còn cần nêu thêm phân ly gián. "Trái xem cách dùng gián điệp từ xưa tới nay, mặt kì diệu không chỉ có một: có cách li gián vua, li gián người thân, li gián người hiền tài, li gián người giúp việc, người thân cận, tay chân, ly gián của bọn Tung hoành." Nghĩa là nói hoạt động li gián có quy mô tương đối rộng. Còn phương thức truyền đạt của hoạt động này cũng rất đa dạng. "Hoặc dùng văn tự, phao tin, lời nói hoặc sự việc. Lợi dụng kẻ hở của kẻ thù một cách khôn khéo".

Thời kỳ Sở Hán, Trần Bình phò tá Lưu Bang, để li gián mối quan hệ giữa Hạng Vũ với mưu thần Phạm Tăng và đại tướng Chung Li Muội, trước hết dùng tiền mua chuộc gián điệp, phao tin trong trại quân Sở rằng Phạm Tăng và Chung Muội không hài lòng với Hạng Vũ, có ý định về theo Hán vương. Hạng Vũ nghe tin quả nhiên đem lòng nghi ngờ, liền cử sứ giả sang doanh trại Hán thăm dò. Lưu Bang sắp sẵn một bàn tiệc rượu thịnh soạn, khi nhìn thấy sứ giả Sở bước vào, làm ra vẻ ngạc nhiên nói: "Ta tưởng sứ giả của á phụ (chỉ Phạm Tăng), hóa là sứ giả của Hạng vương!". Nói đoạn, ra lệnh hầu cận thu dọn hết, thay bằng bữa cơm canh đạm bạc để đãi sứ Sở. Sứ thần về báo lại Hạng Vũ, Hạng Vũ càng không tin nhiệm Phạm Tăng. Lúc đó Phạm Tăng đề nghị tiến công gấp Lưu Bang, Hạng Vũ để ngoài tai. Phạm Tăng giận, từ chức về quê, nhưng vì vết thương tái phát, không may chết trên đường đi.

Đó là dẫn chứng dùng việc làm để li gián.

Thời Chiến quốc, nhà Chu vương phân đôi. Tây Chu Xương Tha phản vương thất chạy sang Đông Chu, tiết lộ hết bí mật vương thất Tây Chu. Vua Đông Chu rất mừng, vua Tây Chu rất hận. Phùng Thả nói với Tây Chu vương là có cách khử Xương Tha, liền phái người mang vàng bạc và phong thư sang Đông Chu, cố ý để phía Đông Chu bắt được. Vua Đông Chu nhận được thư, mới thấy mấy

dòng đầu viết: "Xương Tha cần biết: Nếu công việc có hy vọng thành công xin hãy gắng sức hoàn thành; nếu khó thành xin hãy mau tìm cách trở về, sợ để lâu công việc dễ bại lộ, e tính mạng khó yên". Đọc xong, Đông Chu vương liền giết ngay Xương Tha.

Thời Tam quốc, nước Ngụy giao Lục Thức kiêm chức lãnh binh mã, là mối họa lớn đối với biên giới Đông Ngô. Lục Tốn nghe nói Lục Thức và tướng Ngụy là Văn Tu vốn bất hòa, không thể đồng tâm hiệp sức, liền viết 1 bức thư giả cho Lục Thức, trong đó viết: "Đã nhận và đọc thư ngài ngôn từ khẩn thiết, biết ngài và Tu oán giận nhau đã lâu, không thể cùng tồn tại, nên cố ý quy phục tề quốc, vô cùng sung sướng. Mong ngài giữ kín, gấp rút hành động. Mong thư ngài cho hay ngày giờ đón tiếp". Bức thư được vớt giữa biên giới hai nước. Lính nước Ngụy nhặt được thư, nộp Lục Thức. Lục Thức cá kinh, đành phải đưa vợ con về Lạc Dương. Do đó, sử sĩ Giang Hạ không tin phục Lục Thức, cuối cùng Lục Thức bị triều đình cách chức.

Trên đây là hai thí dụ li gián bằng thư.

Ngụy Minh đế Tào Hạc cử Tư Mã Ý ra trấn Kinh Châu, rèn luyện binh mã, chuẩn bị tấn công Thục Hán. Gia Cát Lượng được tin cả kinh, liền cùng tham mưu Mã Tắc bàn đối sách. Mã Tắc phân tích nói: "Tư Mã Ý tuy là lão tướng của Tào Ngụy, song không được Tào Hạc thân tín. Nay ta cho người tới Lạc Dương phao tin rằng Tư Mã Ý ngầm ngầm mưu phản, ngoài ra viết một số bản cáo thị dán khắp nơi. Tào Hạc biết nhất định càng nghi ngờ Tư Mã Ý, có xử tội chết hay không, khó mà biết được". Gia Cát Lượng cho là được, bèn cử người thực hiện. Không lâu, Tào Hạc nghe tin đồn lại được xem cáo thị càng nghi Tư Mã Ý, cuối cùng truất chức, cho về quê.

Đại tướng Bắc Tống Tào Vi đóng đồn trấn giữ Vị Châu. Có người báo có một tên lính chạy sang Tây Hạ. Lúc ấy Tào Vi đang chơi cờ với khách, thoáng suy nghĩ rồi nói: "Đó là người ta phái đi." Không lâu sau, lời nói ấy truyền tới Tây Hạ. Tướng Tây Hạ nghe xong, quả nhiên giết tên phản bội kia.

Đó là 2 thí dụ li gián bằng lời.

Đại tướng Bắc Chu Vi Hiếu Khoan giỏi dùng gián điệp. Để diệt kiêu tướng Bắc Tề là Học Luật Quang, ông cho tham mưu soạn một bài ca dao: "Bách thăng phi thượng thiên, minh nguyệt chiếu Trường An; "Cao sơn bất thối tự hồi, học thụ bất phù tự thụ". "Bách thăng" bằng một học; "Minh nguyệt" là biệt hiệu của Học Luật Quang; "Học thụ" ám chỉ Học Luật Quang; "Cao sơn" ám chỉ triều đình Bắc Tề. Vi Hiếu Khoan cho viết lên tờ truyền đơn bài ca dao này rồi phát tán ở kinh thành Bắc Tề. Tề tướng Bắc Tề khi đó là Tổ Hiếu vốn có tư oán với Học, thấy truyền đơn, liền thêm bớt rồi cho bọn trẻ đem ra hát ở ngoài nhà trong ngõ, xôn xao toàn thành; sau đó tâu lên hậu chủ Bắc Tề là Cao Vĩ. Cao Vĩ chẳng kể thật giả, nghi Học làm phản, lập tức hạ lệnh đem Học ra xử trảm.

Đây là thí dụ dùng phao tin thất thiệt để li gián.

Từ xưa tới nay, dùng phao tin, thư hoặc một hành vi nào khác để giết người có rất nhiều. Trần Bình li gián Phạm Tăng khiến Hạng Vũ mất đi một người túc trí đa mưu; Lục Tốn li gián Lục Thúc giảm được một đối thủ đáng gờm; Tào Vi chỉ một câu nói khiến kẻ phản nghịch mất mạng; Vi Hiếu Khoan lưu truyền ca dao khiến người khác chết oan. Không nói không rằng, chỉ cần một chiêu li gián bằng thiên sạ binh!

Trong các loại quyền uy, sử dụng thành công gián điệp có lẽ là điều tinh tế và tuyệt vời nhất về phía chủ thể quyền mưu vừa phải

thông thạo tình huống, vừa phải giữ kín bí mật: vừa phải mạnh dạn tỉ mỉ, vừa phải có trí linh hoạt. Vì vậy, bàn về sử dụng gián điệp Tôn tử cho rằng "Việc trong ba quân không có gì gắn gũi bằng dùng gián, thường không có gì hậu bằng thưởng gián, phụng sự cũng không có gì mật thiết bằng gián. Không phải bậc thánh trí thì không thể dùng được gián, không phải bậc nhân nghĩa cũng không dùng được gián, không phải bậc cao siêu cũng không thể dùng gián có kết quả. Giỏi thay! Giỏi thay! Đâu đâu cũng có thể dùng gián được. "Lẽ nào trên đời này còn có việc gì cao siêu và thần bí hơn sử dụng gián điệp chăng?

LỜI CUỐI SÁCH

Chúng tôi đã trình bày xong quyền mưu học truyền thống. Độc giả có tâm huyết có thể nêu vấn đề lẽ nào chỉ dùng một số phạm trù mâu thuẫn to và nhỏ, xa và gần, sáng và tối, thật và giả, mạnh và yếu, hư và thực, tiến và lùi, cương và nhu, thẳng và cong, thuận và nghịch là có thể khái quát 1 cách toàn diện mọi thứ quyền mưu sao? Chúng tôi không có ý định trả lời một cách khẳng định; bởi lẽ ngoài những phạm trù mâu thuẫn kể trên, quả thực còn có không ít phép tắc thống nhất đối lập, có thể dùng để giải thích quyền mưu truyền thống. Ví dụ, "Kì chính" là một mệnh đề triết học nghĩa tương đối rộng, đứng về quan hệ chính trị và quân sự mà xét, có quan điểm "Đĩ chính trị quốc dĩ kì dụng binh"; xét về chiến lược chính trị, có "Tiên chính nhi hậu kì, tiên nhân nghĩa nhi hậu quyền quyết"; xét về chiến lược quân sự có quan điểm "Chiến thế bất quá kì chính, kì chính tri biến, bất khả thắng cùng"; xét về chiến thuật nói chung có quan điểm "Chính binh đương địch, xuất kì chế thắng", nói ra còn rất phức tạp. Tuy vậy, thực ra cũng khó nắm vững. Vì vậy, qua nhiều lần chắt lọc kĩ, chúng tôi đã chọn ra một số phạm trù mâu thuẫn trên để phân tích và thuyết minh quyền mưu truyền thống, chỉ ít cũng không xa lạ với cách suy nghĩ bình thường trong nghiên cứu quyền mưu, hoàn toàn có khả năng giúp mọi người trên cơ sở nhận thức này nghiên cứu sâu thêm quyền mưu truyền thống.

Thứ nữa, cũng có thể có người nêu vấn đề: Các ông nhận thức hiện tượng "Quyền mưu nóng" đang tồn tại trong xã hội hiện nay ra sao? Về điểm này trước hết xin độc giả hãy xem qua tình hình xuất

bản và tiêu thụ sách báo được phản ánh gần đây. Khi những trước tác học thuật được nhiều người cho là "Mũi nhọn" còn đang bị ứ đọng tại các nhà xuất bản lớn thì nhiều người biên tập lại tập trung tâm trí vào sự lựa chọn chung: Sách ăn khách; khi những tác phẩm suốt đời tâm huyết của các chuyên gia học giả chưa được giải quyết thì những sách báo phổ thông về trí tuệ lại là hàng hoá tranh cướp trên thị trường sách. Chỉ nói riêng những sách viết về quyền mưu đã được in, mặc dầu trong đó có không ít những lời lẽ sai trái về dùng quyền mưu truyền thống để chỉ đạo quản lý kinh doanh hiện đại, vẫn có quyền giao bán câu khách, hòng kiếm lợi, khiến mọi người cười mũi coi khinh. Tuy nhiên, chớ hoài nghi tất cả, vẫn có hàng trăm loại, hàng trăm vạn ấn phẩm chứng tỏ người Trung Quốc ngày nay rất quan tâm đến quyền mưu truyền thống. Cái gọi là "Quyền mưu nóng" là một hiện tượng văn hoá biểu hiện sự thích thú cực độ của các giai tầng xã hội đối với quyền mưu truyền thống dựa trên chủ đề nhân sinh về sinh tồn và phát triển trong thời kỳ lịch sử mới. Chúng tôi cho rằng quyền mưu là một phương thức cơ bản về sinh tồn và phát triển của người Trung Quốc truyền thống, không biết độc giả có đồng ý không?

Lại nữa, cũng có thể còn vấn đề là: Các ngài coi việc nghiên cứu quyền mưu truyền thống có hướng phát triển gì không? Thành thật mà nói, chúng tôi chưa hài lòng trước tình hình nghiên cứu quyền mưu hiện nay. Những thành tựu nghiên cứu cho tới hôm nay phần lớn mới dừng ở sự chú thích bình luận diễn tích quyền mưu truyền thống hoặc phân loại câu chuyện quyền mưu, rất ít người nghiên cứu thảo luận về mặt lý luận của quyền mưu ở dạng chỉnh thể, cũng không tránh khỏi đặc điểm mang tính thương thức. Một thiếu sót lớn ở đây là: chưa kết hợp việc nghiên cứu quyền mưu với nghiên cứu xã hội truyền thống, văn hoá truyền thống Trung Quốc và người Trung Quốc truyền thống. Trên thực tế, nếu chỉ đơn thuần dựa vào sự nghiên cứu văn hoá nho

gia, sự bài xích hoặc bổ xung cho nhau của nho đạo hoặc sự cùng một dòng của 3 đạo để nhận thức và lý giải xã hội truyền thống, văn hóa truyền thống Trung Quốc và người Trung Quốc truyền thống một cách toàn diện thì rất không đầy đủ. Quyền mưu truyền thống là hình thái văn hoá bí hiểm, phi chính thống, là bộ phận hợp thành quan trọng của xã hội truyền thống, văn hoá truyền thống Trung Quốc và người Trung Quốc truyền thống. Vì vậy, coi quyền mưu truyền thống như một môn học vấn, tiến hành khai thác nhiều tầng lớp và chỉnh thể rất có thể giải quyết được khuynh hướng phiến diện tồn tại lâu đời trong quá trình nghiên cứu lịch sử văn hóa, giúp mọi người nhận thức và lý giải sâu thêm xã hội truyền thống văn hóa truyền thống Trung Quốc và người Trung Quốc truyền thống.

Đó là viễn cảnh nghiên cứu quyền mưu mà chúng tôi hy vọng nhìn thấy.

Cuối cùng, trong quá trình tuyển chọn và xuất bản cuốn sách này, chúng tôi đã nhận được sự quan tâm và ủng hộ nhiệt tình của giáo sư Hùng Thiết Cơ trường đại học sư phạm Hoa Trung, tiên sinh Hách Quốc Kiệt nhà xuất bản Nhân dân Hồ Bắc, nữ sĩ Âu Vĩ Vĩ nhà xuất bản Nhân dân Quảng Tây, cùng nhiều bè bạn xa gần. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn.

Tác giả 3/6/1992

MỤC LỤC

	Trang
LỜI NHÀ XUẤT BẢN	5
LỜI TỰA BỘ SÁCH	
ĐẠI ĐIỂN TÍCH VĂN HÓA THẦN BÍ TRUNG HOA	7
LỜI NÓI ĐẦU (CUỐN QUYỀN MƯU THẦN BÍ)	13
Quyền mưu là gì?	14
Vấn đề quyền mưu với con người	16
Cấu tạo của quyền mưu	19
Phương thức truyền đạt của quyền mưu	22
Đặc trưng cơ bản của quyền mưu	25
Thời đại truyền thông Trung Quốc. Ba phái quyền mưu lớn	30
Tam thập lục kế, bách chiến kỳ lược và trí năng	37
Quyền mưu học cấu trúc thế nào?	42
Chương I: ĐẠI VÀ TIỂU	45
1. Vi vu trần trung kiến đại thiên	46
2. Bỏ tiểu cầu đại, vứt tốt giữ xe	62
Chương II: VIỄN VÀ CẬN	75
1. Chiêu nghĩa hoài viễn	76

2. Viên giao, cân công	90
3. Độn thế và nhập sĩ	102
Chương III: MINH VÀ ÁM	121
1. Thuật quân thần của Hàn Phi Tử	122
2. Minh thương và ám tiễn	138
3. Thao quang dưỡng hối, danh trợ thực thủ	148
Chương IV: THẬT VÀ GIẢ	161
1. Mượn cái giả làm cái thật	162
2. Cái thật mạo làm cái giả	179
3. Lấy cái giả làm rối loạn cái giả	187
4. Lấy cái thật làm rối loạn cái thật	195
Chương V: MẠNH VÀ YẾU	201
1. Nói thì có ngắn, có dài	202
Lời thì có khôn có dại	
2. "Khi": Cốt lõi của việc tự tăng cường sức mạnh cho chính mình	213
3. Phương thức trị lực	225
Chương VI: HƯ VÀ THỰC	241
1. Hư mà thực, thực mà hư	242
2. Nhưng tìm ra tổ kiến thì lại làm đề vỡ	255
3. Ví dụ về sự chuyển đổi giữa hư và thực	267
Chương VII: TIẾN VÀ LUI	279
1. Thấy được thì tiến, biết khó thì lui	280
2. Xương sống của thuật nghi binh	291
3. Lui để mà tiến, chuyển thế thủ thành thế công	301

Chương VIII: CƯƠNG VÀ NHU	315
1. Học thuyết cương nhu của Hoàng Thạch Công	316
2. Nhưng họ 3 thước đất phẳng có hại gì	330
3. Phá cương làm nhu, chịu nhục không thẹn	339
4. Phần nô của thiên tử và phần nô người áo vải	347
Chương IX: THẮNG VÀ CONG	359
1. Nối liền tâm linh: Cầu	360
2. Mượn người thứ ba	339
3. Uyển chuyển khuyên can	383
Chương X: THUẬN VÀ NGHỊCH	395
1. Thuật phát ngôn của Quỷ Cốc tử	396
2. Thuận ư? Nghịch ư?	405
3. Trung tâm câu chuyện lâu đời: Dừng gián điệp	416
LỜI CUỐI SÁCH	427

ĐẠI DIỄN TÍCH VĂN HÓA TRUNG HOA

TRIỆU QUỐC HOA

LƯU KIẾN QUỐC

QUYỀN MƯU THẦN BÍ

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN

Chịu trách nhiệm xuất bản:

VŨ AN CHƯƠNG

Chịu trách nhiệm xuất bản:

PHẠM NGỌC LUẬT

Biên tập : NGUYỄN THẾ VINH

Biên tập tái bản : NGUYỄN VĂN TOẠI

Trình bày bìa : KIEN THUC DESIGN

Sửa bản in : THU TRANG

In 1000 cuốn khổ 14,5 x 20,5cm tại Xưởng in NXBNN

Số đăng ký KHXB: 152-XB-QLXB/01- VHTT do Cục Xuất bản ký ngày 18/02/2004.

Giấy trích ngang KHXB do NXB Văn hóa Thông tin ký ngày 18/8/2004.

In xong và nộp lưu chiểu quý IV/2004.

Văn hóa Trung Hoa không chỉ nổi tiếng vì lâu đời, phong phú, mà còn được người Trung Quốc và nước ngoài ngưỡng mộ vì tính chất thần bí sâu đậm của nó. Nói thần bí, có nghĩa là thần kỳ và bí ẩn. Tất cả những nền văn hóa mang màu sắc thần bí, đều có thể gọi là **Văn hóa thần bí**.

Trong lâu đài văn hóa, không có một nền văn hóa nào khiến người ta say mê, đớp lấy hồn vía, lôi kéo người ta đi sâu tìm hiểu, khiến người ta ngạc nhiên thán phục như **Văn hóa thần bí**.

Văn hóa thần bí là một kho biển ảo thần kỳ, người theo nghiệp học nhìn thấy ở đây ánh hào quang của trí tuệ; người cầm quyền qua đây mà tổng kết những quyền mưu gìn giữ chính quyền; người kinh doanh lấy từ đây vô vàn của cải; kẻ mộng muội thì xin ở đây sợi dây để tự trói mình ...

VƯƠNG NGỌC ĐỨC

Trích lời tựa Tổng tập **ĐẠI ĐIỂN TÍCH VĂN HÓA TRUNG HOA**

ĐẠI ĐIỂN TÍCH VĂN HÓA TRUNG HOA



Cover design: Nghiêm Hoang Anh

Tìm đọc Tổng tập **ĐẠI ĐIỂN TÍCH VĂN HÓA TRUNG HOA**

TRẠCH CÁT
hần bí

Bí ẩn của **Chiêm mộng & Vu thuật**

Bí ẩn của **TƯỚNG THUẬT**

Bí ẩn của **BÁT QUÁI**

Bí ẩn của **Phong thủy**

QUYÊN MƯU
thần bí

0702 753

QUYÊN MƯU
thần bí



Giá: 65.000 đ